TÂM AN CHỨNG KHOÁN · TAMANCHUNGKHOAN.VN

Đọc báo cáo tài chính chuẩn CFA — Phần 2 · 50 bài (bài 1–50)

Phần 2 của loạt kiến thức đọc báo cáo tài chính nâng cao: dòng tiền, nợ và thanh khoản; lãi đến từ đâu, thuế và hợp nhất; phải thu, tồn kho và doanh thu nhận trước; thuyết minh, so sánh và mô hình sàng lọc. Không gắn mã cổ phiếu cụ thể.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải khuyến nghị hay tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình trong bài chỉ để sàng lọc, không phải kết luận về một doanh nghiệp. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành. Bản tổng hợp tạo ngày 27/10/2026.

Phần 1 (50 bài đầu) có tại tamanchungkhoan.vn/bctc

Mục lục

W6 · Mở rộng: thanh khoản, dòng tiền, biên lợi nhuận và đọc số

Bài 1. Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 có luôn là xấu? Vốn lưu động âm ở bán lẻ, điện nước, giáo dục

Bài 2. Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán?

Bài 3. Lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn? Cách tách hai hiệu ứng

Bài 4. Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài có luôn là tốt?

Bài 5. Biên lợi nhuận thay đổi bất thường: cách đọc biên gộp, biên hoạt động và biên ròng cùng nhau

Bài 6. Piotroski F-Score gồm 9 tiêu chí nào? Điểm cao nghĩa là gì và dùng đúng mục đích ra sao?

Bài 7. Khoản phải thu không đến từ bán hàng (phải thu khác, trả trước người bán, cho vay, bên liên quan) nói lên điều gì?

Bài 8. Thu nhập khác và chi phí khác là gì, và vì sao nhà đầu tư luôn đọc thuyết minh của khoản này khi lãi tăng vọt?

Bài 9. Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không? Cách ước tính tiền thu từ báo cáo

Bài 10. Tiền và tương đương tiền trên báo cáo có phải tiền dùng được không?

W7 · Mở rộng Phần 2: dòng tiền, nợ, thanh khoản

Bài 11. Vốn lưu động là gì? Phân biệt vốn lưu động ròng và nhu cầu vốn lưu động hoạt động

Bài 12. Bảng đáo hạn nợ vay trong thuyết minh: cách đọc bức tường nợ đến hạn

Bài 13. Doanh nghiệp tài trợ hoạt động và mở rộng bằng nguồn nào: dòng tiền kinh doanh, vay hay phát hành cổ phiếu?

Bài 14. Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh: vì sao dòng tiền kinh doanh thấp hơn lãi có thể là chuyện lành mạnh?

Bài 15. Khi nào dòng tiền kinh doanh (CFO) cũng có thể bị "làm đẹp", dù được coi là "khó sửa"?

Bài 16. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp trực tiếp và gián tiếp khác nhau thế nào, và vì sao nhà đầu tư nên đọc phần gián tiếp?

Bài 17. Vì sao báo cáo lưu chuyển tiền tệ bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế, và lãi vay cùng thuế nằm ở dòng nào?

Bài 18. Vay để trả cổ tức: điều kiện theo Luật Doanh nghiệp và cách nhận biết qua dòng tiền

Bài 19. Mất khả năng thanh toán theo luật là gì và khác gì thanh khoản yếu, nợ quá hạn, vi phạm cam kết vay

Bài 20. Đọc trái phiếu doanh nghiệp trong báo cáo tài chính: đáo hạn, lãi suất, bảo đảm và mục đích sử dụng vốn

W8 · Mở rộng Phần 2: lãi đến từ đâu, thuế, hợp nhất

Bài 21. Doanh thu hoạt động tài chính gồm những gì, và khi nào là lãi thật?

Bài 22. Lãi từ thanh lý tài sản và thoái vốn: vì sao là lãi một lần và cách kiểm tra đã thu tiền chưa

Bài 23. Biên gộp tăng cùng lúc hàng tồn kho tăng: chi phí có bị 'cất' vào tồn kho không?

Bài 24. Thuế TNDN đã nộp (trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ) và chi phí thuế (trên báo cáo kết quả kinh doanh) vì sao lệch nhau?

Bài 25. Thuế hoãn lại và tài sản thuế hoãn lại: có phải là 'lãi ghi trước' không?

Bài 26. Thuế suất hiệu dụng (ETR) là gì, và vì sao có thể khác 20% mà không có gì bất thường?

Bài 27. Lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ khác nhau thế nào, và vì sao cổ đông nên nhìn con số nào?

Bài 28. Báo cáo tài chính hợp nhất khác báo cáo riêng của công ty mẹ ở đâu? Nên đọc báo cáo nào?

Bài 29. Lãi từ công ty liên kết, liên doanh: ghi vào lãi ngay nhưng tiền chỉ về khi được chia cổ tức

Bài 30. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và lãi đánh giá lại: vì sao là lãi trên giấy?

W9 · Mở rộng Phần 2: phải thu, tồn kho, doanh thu nhận trước, tài sản đặc thù

Bài 31. Bảng tuổi nợ phải thu trong thuyết minh: cách đọc và tính mức dự phòng tham chiếu từng bước

Bài 32. Cách đọc dự phòng phải thu khó đòi và khoản hoàn nhập trên báo cáo tài chính

Bài 33. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: khi nào phải lập và cách tính?

Bài 34. Phương pháp tính giá xuất kho (bình quân, nhập trước xuất trước, đích danh) ảnh hưởng giá vốn và lợi nhuận thế nào?

Bài 35. Doanh thu chưa thực hiện (doanh thu chờ phân bổ) khác gì người mua trả tiền trước?

Bài 36. Người mua trả tiền trước tăng hay giảm cho biết điều gì? Các ngành bán trước, ghi nhận sau

Bài 37. Xây dựng cơ bản dở dang là gì? Vì sao dự án nằm 'dở dang' nhiều năm cần được đọc kỹ?

Bài 38. Lợi thế thương mại là gì? Vì sao nó xuất hiện khi mua công ty và có thể 'bốc hơi' thế nào?

Bài 39. Công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác: khác nhau thế nào và ghi sổ ra sao?

Bài 40. Nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục là gì? Dấu hiệu nào trên báo cáo tài chính và kiểm toán viên báo cáo ra sao?

W10 · Mở rộng Phần 2: thuyết minh, so sánh, mô hình sàng lọc

Bài 41. Cho vay, bảo lãnh và tài sản thế chấp trong thuyết minh: khác nhau thế nào và tìm ở đâu?

Bài 42. Nợ tiềm tàng khác dự phòng phải trả thế nào? Vì sao có khoản đáng ngại mà không thấy trên bảng cân đối?

Bài 43. Kiện tụng và truy thu thuế trong thuyết minh: đọc thế nào để không hiểu sai?

Bài 44. Thay đổi chính sách kế toán khác thay đổi ước tính kế toán thế nào? Trường hợp nào phải làm lại số liệu cũ?

Bài 45. Số liệu kỳ trước bị trình bày lại nghĩa là gì? Vì sao doanh nghiệp phải sửa số cũ và đọc dấu hiệu này thế nào?

Bài 46. Mùa vụ làm méo so sánh báo cáo tài chính thế nào? Nên so quý với quý liền trước hay với cùng kỳ năm trước?

Bài 47. So sánh báo cáo tài chính giữa công ty khác ngành: vì sao biên lợi nhuận, đòn bẩy và vòng quay không so được?

Bài 48. Hai công ty dùng chính sách kế toán khác nhau thì so lợi nhuận có còn đúng không?

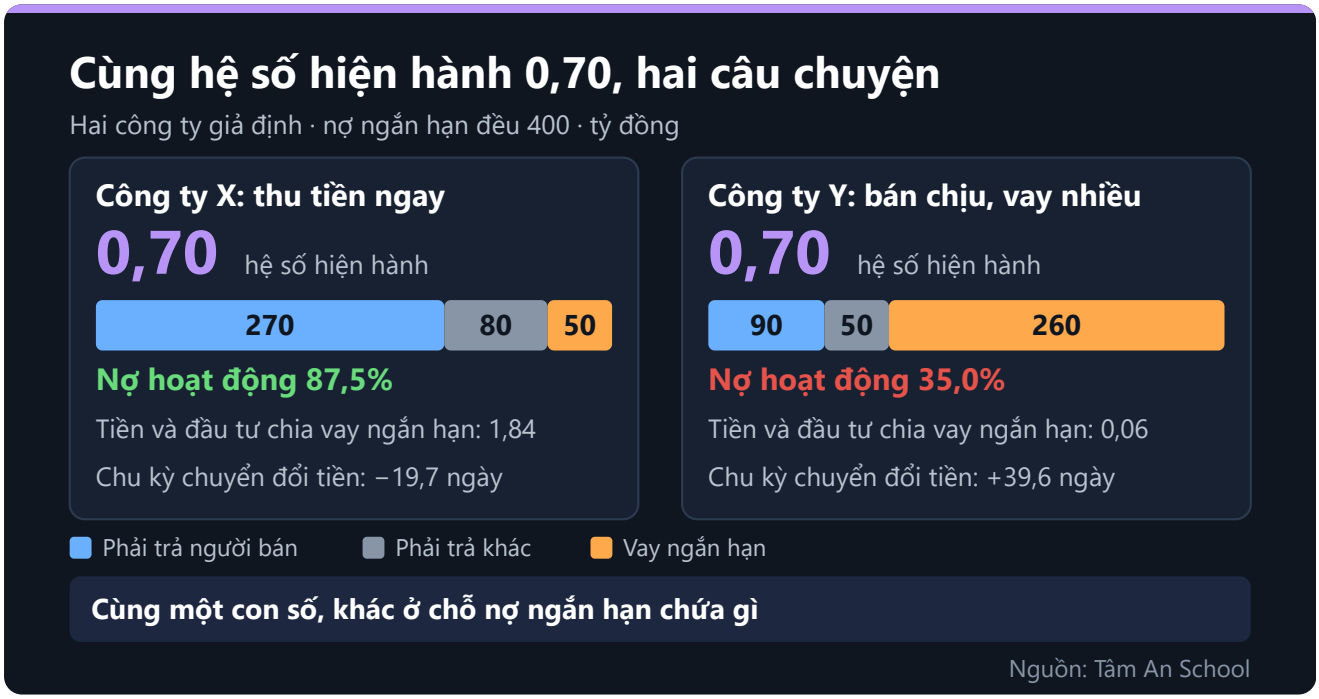
Bài 49. Dechow F-Score khác Beneish M-Score và Piotroski F-Score thế nào? Cách đọc điểm F của Dechow

Bài 50. Đọc một nghiên cứu về dự báo “gian lận” báo cáo tài chính: bảy câu hỏi cần đặt ra

Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 có luôn là xấu? Vốn lưu động âm ở bán lẻ, điện nước, giáo dục

Câu trả lời ngắn

Không. Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 chỉ cho biết tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn, tức vốn lưu động âm; nó chưa cho biết nợ ngắn hạn là loại nợ nào. Với mô hình thu tiền ngay hoặc thu tiền trước rồi trả nhà cung cấp sau, thường được nhắc ở bán lẻ, điện nước, giáo dục, đó là cách vận hành bình thường. Nhưng "dưới 1" cũng không có nghĩa là ổn: hai công ty giả định dưới đây cùng hệ số 0,70 mà cấu trúc nợ, chu kỳ tiền và hướng đi ba năm khác hẳn nhau. Mốc 1 là quy ước của giáo trình, không phải quy định. Cần xem thay cho con số tổng: nợ ngắn hạn chứa gì, tiền dùng được so với vay ngắn hạn, chu kỳ chuyển đổi tiền, dòng tiền kinh doanh nhiều kỳ và hướng đi của chính hệ số.



Hai công ty giả định cùng hệ số hiện hành 0,70: nợ ngắn hạn 400 của X chủ yếu là nợ hoạt động, của Y chủ yếu là vay ngắn hạn

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Vì sao tài sản ngắn hạn có thể nhỏ hơn nợ ngắn hạn mà vẫn bình thường

Hệ số hiện hành là tài sản ngắn hạn chia nợ ngắn hạn (định nghĩa của danh mục công thức chương trình CFA, đã trình bày ở bài hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt). Dưới 1 nghĩa là vốn lưu động, tức tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn, mang dấu âm. Câu hỏi đúng là nợ ngắn hạn ấy do đâu mà có.

Nợ ngắn hạn gồm hai loại tính chất khác nhau. **Nợ hoạt động** (phải trả người bán, tiền người mua trả trước, phải trả người lao động, thuế) sinh ra từ chính việc kinh doanh và thường tự quay vòng khi bán hàng đều. **Nợ chịu lãi** (vay ngắn hạn, phần vay dài hạn đến hạn) có ngày đáo hạn và phải được trả hoặc được tái cấp. Cùng một con số 400 ở mẫu số có thể là hai tình huống rất khác.

Ở mức khái niệm, ba mô hình thường gặp vốn lưu động âm. Đây là mô tả cách vận hành, bài không có thống kê ngành:

Mô hình	Tài sản ngắn hạn nhỏ vì	Nợ ngắn hạn lớn vì
Bán lẻ	Khách trả ngay, hàng quay nhanh	Nhà cung cấp cho trả chậm
Điện, nước	Thu tiền theo kỳ đều; đầu tư nằm ở tài sản dài hạn	Phải trả nhà cung cấp, người lao động, thuế
Giáo dục	Phải thu nhỏ vì thu học phí trước	Học phí đã thu cho kỳ chưa dạy

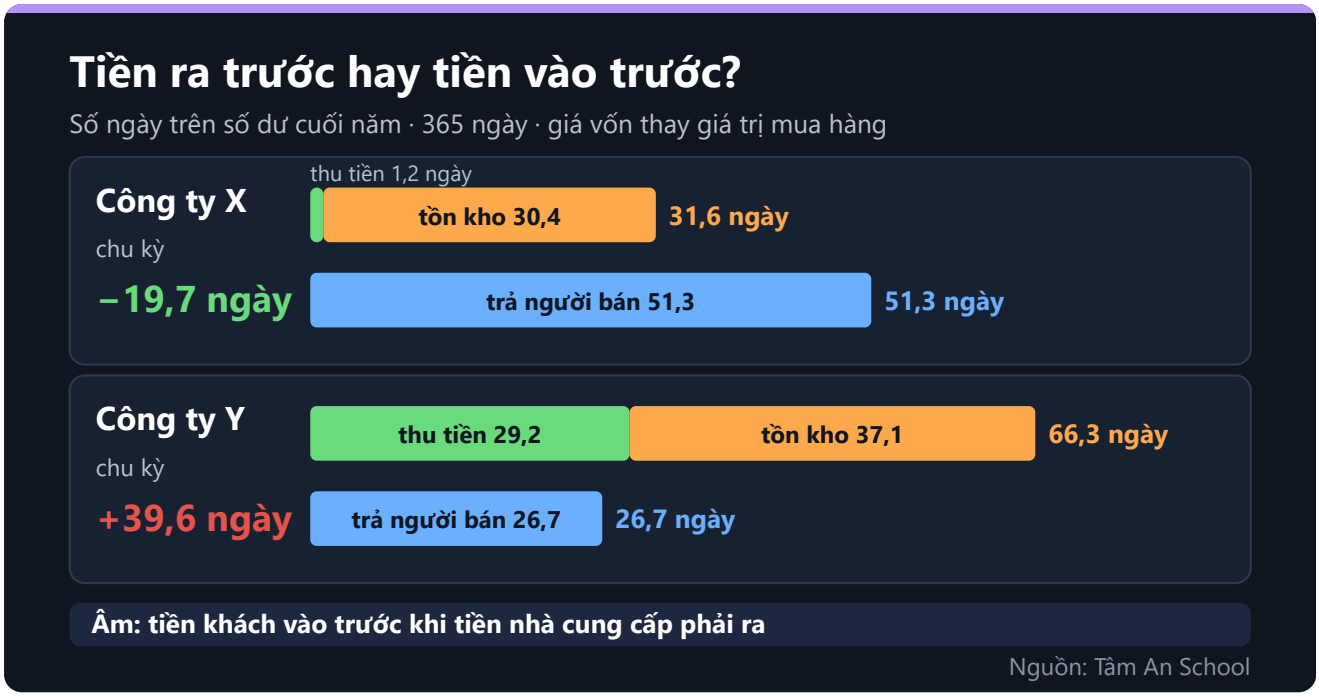
Theo hướng dẫn của Thông tư 99, khoản đã thu tiền mà cuối kỳ chưa giao hàng hay dịch vụ thì chưa ghi nhận doanh thu và nằm ở phía nợ phải trả, mục người mua trả tiền trước. Nghĩa vụ ấy thường được thanh toán bằng cách giao hàng hay dạy học chứ không phải bằng tiền; đó là diễn giải của Tâm An. Bất động sản và xây dựng cũng có nợ ngắn hạn chủ yếu là tiền khách trả trước, nhưng tồn kho dự án ở tử số có thể chậm thanh khoản, nên cần đọc cùng tiến độ giao sản phẩm.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng hệ số 0,70

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng, không phải số liệu thật. Công ty X là mô hình thu tiền ngay; công ty Y bán chịu cho khách và vay ngắn hạn nhiều. Cả hai có tổng tài sản 1.000.

Khoản mục, cuối năm N	Công ty X	Công ty Y
Tiền và đầu tư ngắn hạn	82 + 10	15 + 0
Phải thu	8	120
Hàng tồn kho	160	125
Tài sản ngắn hạn khác	20	20
Tài sản ngắn hạn	**280**	**280**
Phải trả người bán	270	90
Phải trả khác (lương, thuế, chi phí trích trước)	80	50
Vay ngắn hạn	50	260
Nợ ngắn hạn	**400**	**400**
Doanh thu thuần; giá vốn	2.400; 1.920	1.500; 1.230

Cả hai: hệ số hiện hành 280 / 400 = **0,70**, vốn lưu động âm 120. Thành phần X1 của mô hình Altman Z'' (vốn lưu động chia tổng tài sản, xem bài Altman Z-score gốc, Z' và Z'') của cả hai đều là âm 0,12; riêng thành phần đó không phân biệt được X với Y, và cả hai đều có thể bị kéo điểm xuống mà chưa nói gì về rủi ro. Sự khác biệt nằm ở các dòng khác:

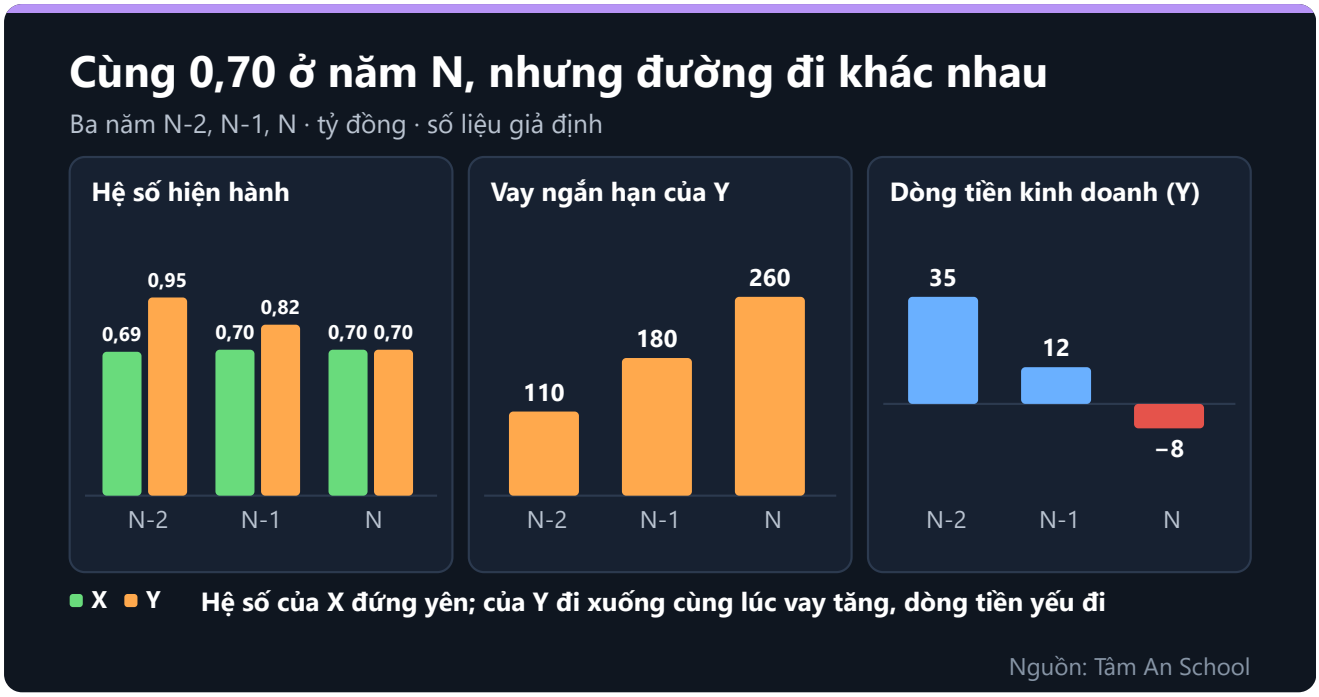


Công ty X và Y giả định: số ngày thu tiền, tồn kho, trả người bán và chu kỳ chuyển đổi tiền âm 19,7 ngày so với dương 39,6 ngày

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

1. **Nợ ngắn hạn chứa gì.** Nợ hoạt động của X là 350 (87,5% nợ ngắn hạn), vay ngắn hạn 50 (12,5%). Của Y ngược lại: vay ngắn hạn 260 (65,0%), nợ hoạt động 140 (35,0%).
2. **Tiền dùng được so với vay ngắn hạn.** X có 92 tiền và đầu tư ngắn hạn trên 50 vay, tỷ lệ 1,84. Y có 15 trên 260, tỷ lệ 0,06. Hệ số tiền (tiền và đầu tư ngắn hạn chia nợ ngắn hạn) lần lượt là 0,23 và 0,04. Hệ số nhanh của Y (0,34) lại cao hơn của X (0,25), vì phải thu 120 của Y nằm trong tử số dù tiền chưa về.
3. **Số ngày và chu kỳ chuyển đổi tiền** (công thức ở bài chu kỳ chuyển đổi tiền, tính trên số dư cuối năm, 365 ngày, giá vốn thay cho giá trị mua hàng). X: thu tiền 1,2 ngày, tồn kho 30,4 ngày, trả người bán 51,3 ngày, chu kỳ âm **19,7 ngày**: tiền khách vào trước khi tiền nhà cung cấp phải ra. Y: 29,2 + 37,1 − 26,7 = **39,6 ngày** dương, tức tiền bị giam trong phải thu và tồn kho lâu hơn thời gian được chậm trả.

Phần quyết định còn lại là hướng đi theo thời gian.



Công ty X và Y giả định qua ba năm: hệ số hiện hành của Y giảm từ 0,95 xuống 0,70, vay ngắn hạn tăng từ 110 lên 260, dòng tiền kinh doanh từ 35 xuống âm 8

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Ba năm (N-2, N-1, N)	Công ty X	Công ty Y
Hệ số hiện hành	0,69; 0,70; 0,70	0,95; 0,82; 0,70
Vay ngắn hạn	55; 52; 50	110; 180; 260
Lãi sau thuế	96; 104; 112	40; 42; 38
Dòng tiền kinh doanh	150; 158; 171	35; 12; −8

Hệ số của X gần như đứng yên, dòng tiền kinh doanh dương và lớn hơn lãi sau thuế cả ba năm (tổng 479 so với 312, chủ yếu do khấu hao trong giả định). Hệ số của Y đã đi từ 0,95 xuống 0,70: vay ngắn hạn tăng từ 40,1% lên 65,0% nợ ngắn hạn, tiền và đầu tư ngắn hạn giảm từ 40 xuống 15, phải thu tăng 71,4% (70 lên 120) trong khi doanh thu tăng 7,1% (1.400 lên 1.500), dòng tiền kinh doanh từ 35 xuống âm 8 dù lãi sau thuế vẫn quanh 40. Mô hình F-Score của Piotroski cũng nhìn thay đổi của hệ số hiện hành hơn là mức tuyệt đối; giả định đó và giới hạn của nó đã nằm ở bài về hệ số thanh toán.

Đây vẫn không phải kết luận về Y. Vay ngắn hạn có thể là hạn mức xoay vòng được tái cấp thường xuyên; phải thu lớn có thể do bán chịu có kế hoạch. Kết quả đúng là danh sách việc cần mở thuyết minh: lịch đáo hạn vay, tuổi nợ phải thu, tiền bị hạn chế sử dụng.

Bốn thứ cần xem thay cho con số tổng

1. **Nợ ngắn hạn chứa gì:** tách nợ hoạt động khỏi nợ chịu lãi, theo bài nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào.
2. **Tiền dùng được so với vay ngắn hạn và phần đến hạn:** mở thuyết minh để biết tiền có bị hạn chế không và khoản vay đáo hạn ra sao; xem thêm bài kỳ hạn nợ vay.

3. **Chu kỳ chuyển đổi tiền và ba số ngày thành phần**, so cùng doanh nghiệp qua nhiều kỳ.
4. **Dòng tiền kinh doanh nhiều kỳ và hướng đi của chính hệ số hiện hành**, ghi cùng quý các năm để tránh nhiễu mùa vụ.

Chiều ngược lại cũng đúng: hệ số trên 1 chưa chắc ổn nếu tử số phần lớn là phải thu và tồn kho tồn đọng thay vì tiền, như bài về hệ số thanh toán đã trình bày. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, vốn lưu động, thanh khoản và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Khi mô hình đổi nghĩa con số

- **Khách trả trước ở bất động sản, xây dựng, giáo dục.** Một cách nhìn thử là loại khoản người mua trả tiền trước và doanh thu chưa thực hiện khỏi nợ khi tính; đó là cách của Tâm An, chưa kiểm định, không phải công thức chuẩn. Tiến độ giao sản phẩm vẫn là rủi ro: tiền đã thu mà giao chậm vẫn là nghĩa vụ.
- **So sánh cùng ngành, cùng mô hình.** So một nhà máy với một chuỗi cửa hàng bằng cùng một con số là so khác loại.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Lấy số từ bảng cân đối kế toán** (từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính): tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, rồi tách từng khoản trong hai nhóm đó.
3. **Mở thuyết minh** về vay (lịch đáo hạn, phần đến hạn), tiền (phần bị hạn chế), phải thu (tuổi nợ), và nợ nhà cung cấp.
4. **Lập cột năm nay và các năm trước** cho hệ số, tỷ trọng vay trong nợ ngắn hạn, chu kỳ chuyển đổi tiền và dòng tiền kinh doanh; viết cạnh mỗi dòng một nguyên nhân hợp lý khác.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn thành từng phần qua các kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và Y, số liệu và ba năm đều là giả định đã đơn giản hoá: không xét tiền hạn chế, mùa vụ; số ngày tính trên số dư cuối năm và giá vốn, không phải số bình quân và giá trị mua hàng.
- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo và cách đo thanh khoản riêng.
- Mốc 1 và mọi cách phân loại mô hình trong bài là quy ước tham khảo để đọc, không phải chuẩn pháp lý và không có thống kê ngành đi kèm.
- Chu kỳ âm của X dựa vào điều khoản của nhà cung cấp; điều khoản đổi thì con số đổi.

Đừng nói quá

- Không viết "hệ số dưới 1 là bình thường ở mọi doanh nghiệp bán lẻ, điện nước, giáo dục": bài chỉ mô tả cách vận hành, không có thống kê.
- Không viết "dưới 1 là nguy hiểm" hay "trên 1 là an toàn": mức và hướng thay đổi chỉ có nghĩa khi đặt cạnh thành phần nợ, dòng tiền và kỳ hạn.
- Không dùng ví dụ X và Y để suy ra một doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Hệ số hiện hành giảm nhiều kỳ liền cùng lúc vay ngắn hạn tăng, tiền giảm và dòng tiền kinh doanh yếu đi là tín hiệu để mở thuyết minh về vay, tiền và phải thu, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Hệ số thấp nhưng ổn định, nợ chủ yếu là nợ hoạt động, chu kỳ tiền âm chỉ là một đặc điểm vận hành, chưa phải điểm cộng hay điểm trừ. Mùa vụ, kế hoạch đầu tư, hạn mức vay chưa rút và đổi mô hình kinh doanh đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai): hệ số hiện hành, nhanh, tiền; số ngày thu tiền, tồn kho, trả người bán và chu kỳ chuyển đổi tiền.
- CFA Institute, "Financial Analysis Techniques" (CFA Program Level I, trang công khai): nhóm chỉ số hoạt động và thanh khoản.
- Altman, E. I. (2000), mô hình Z'' (bản sao NYU Stern): X1 là vốn lưu động chia tổng tài sản; Piotroski, J. D. (2000), Journal of Accounting Research 38 (Supplement): biến thay đổi hệ số hiện hành.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo (mức A): tên báo cáo tình hình tài chính, hướng dẫn tiền thu trước chưa giao hàng; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt và tự tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)
- Nợ vay và nợ phải trả
- Kỳ hạn nợ vay
- Altman Z-score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 chỉ cho biết tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn, tức vốn lưu động âm, chưa cho biết nợ ngắn hạn là loại nào; mô hình thu tiền ngay hoặc thu trước rồi trả nhà cung cấp sau, thường được nhắc ở bán lẻ, điện nước, giáo dục, có thể vận hành bình thường như vậy, còn mốc 1 chỉ là quy ước của giáo trình. Hai công ty giả định (tỷ đồng) cùng hệ số 0,70, vốn lưu động âm 120: công ty X có nợ hoạt động 350 trên nợ ngắn hạn 400 (87,5%), vay ngắn hạn 50, tiền và đầu tư 92, chu kỳ chuyển đổi tiền âm 19,7 ngày, hệ số ba năm 0,69; 0,70; 0,70, dòng tiền kinh doanh dương; công ty Y có vay ngắn hạn 260 (65,0%), tiền và đầu tư 15, chu kỳ dương 39,6 ngày, hệ số đi từ 0,95 xuống 0,82 rồi 0,70, vay ngắn hạn từ 110 lên 260, dòng tiền kinh doanh từ 35 xuống âm 8. Thay cho con số tổng, hãy xem nợ ngắn hạn chứa gì, tiền dùng được so với vay ngắn hạn, chu kỳ chuyển đổi tiền, dòng tiền kinh doanh nhiều kỳ và hướng đi của hệ số. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh về vay, tiền và phải thu, không phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/he-so-thanh-toan-hien-hanh-duoi-1-co-luon-la-xau

Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán?

Câu trả lời ngắn

Phải trả người bán tăng chưa cho biết đó là nguồn vốn thuận lợi hay áp lực thanh toán, vì cùng một số dư có thể đến từ ba nguyên nhân: doanh nghiệp mua nhiều hơn, nhà cung cấp cho thời hạn dài hơn, hoặc doanh nghiệp trả chậm hơn thời hạn đã thoả thuận. Việc đầu tiên là tách phần tăng do khối lượng mua và phần tăng do số ngày trả tiền. Chữ "miễn phí" chỉ đúng theo nghĩa báo cáo không ghi lãi vay cho khoản này; chi phí có thể nằm trong giá mua hoặc trong chiết khấu thanh toán sớm đã bỏ lỡ. Kéo dài số ngày trả làm dòng tiền kinh doanh cao lên một lần và có thể đảo chiều khi thời hạn trở về mức cũ. Mọi dấu hiệu chỉ là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận.



Ba nguyên nhân khiến phải trả người bán tăng: mua nhiều hơn, thời hạn dài hơn, trả trễ hơn

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Khoản này nằm ở đâu và làm việc gì

Phải trả người bán là nghĩa vụ trả tiền cho hàng hoá, dịch vụ đã nhận mà chưa thanh toán. Nó nằm ở phía nợ phải trả của bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025 gọi là báo cáo tình hình tài chính). Khác với nợ vay, báo cáo kết quả kinh doanh không có dòng chi phí lãi riêng cho khoản này, nên người ta hay gọi nó là "vốn miễn phí", một cách nói gọn nhưng dễ gây hiểu lầm.

Về dòng tiền, quy tắc dấu đã có ở bài phải thu, tồn kho, phải trả và dòng tiền kinh doanh: phải trả người bán tăng thì dòng điều chỉnh mang dấu cộng. Về vòng quay vốn, nó là thành phần thứ ba của chu kỳ chuyển đổi tiền. Bài này đi vào một câu hỏi: khi số dư tăng, nó tăng vì cái gì.

Số ngày trả tiền người bán bằng phải trả người bán bình quân chia giá trị tuyệt đối của giá vốn, nhân 365. Danh mục công thức của chương trình CFA (Financial Ratio List) dùng số dư bình quân và giá trị mua hàng; người đọc thường chỉ có giá vốn nên dùng giá vốn thay thế. Trong bài, để gọn, số ngày tính trên số dư cuối kỳ; mỗi lựa chọn cho một kết quả khác, nên cần ghi rõ công thức.

Ba nguyên nhân khiến số dư tăng

Số dư bằng số ngày trả nhân với giá vốn mỗi ngày, nên nó tăng khi một trong hai thừa số tăng. Số ngày còn chia được hai: thời hạn nhà cung cấp chấp thuận, và phần doanh nghiệp tự trả trễ hơn thời hạn ấy.

Nguyên nhân	Dấu hiệu trên báo cáo	Hợp lý khác
Mua nhiều hơn	Số dư tăng cùng nhịp giá vốn, số ngày không đổi	Doanh thu tăng, mở rộng sản xuất
Thời hạn dài hơn do nhà cung cấp chấp thuận	Số ngày dài ra, giá vốn không đổi	Hợp đồng dài hạn, vị thế mua lớn hơn
Trả trễ hơn thời hạn	Số ngày dài ra, tiền giảm, vay ngắn hạn tăng	Chênh lệch thời điểm cuối kỳ, tranh chấp hoá đơn

Báo cáo chỉ cho thấy tổng của ba nguyên nhân. Hai dòng sau thường chỉ phân biệt được bằng thuyết minh hoặc thông tin công bố; nếu không có, nên ghi "chưa phân biệt được" thay vì đoán.

"Miễn phí" nghĩa là gì

Trên sổ, khoản này không có lãi. Nhưng nhà cung cấp cũng bỏ vốn khi cho trả chậm, và theo cách hiểu chung họ thường phản ánh điều đó vào đơn giá hoặc vào chiết khấu cho người trả sớm. Đây là khái niệm chung, không phải quy định; điều khoản thật nằm ở hợp đồng.

Ví dụ hợp đồng giả định: hoá đơn 1.000 triệu đồng, giảm 1% nếu trả trong 10 ngày, hạn 40 ngày. Trả sớm thì trả 990; đợi đến ngày 40 thì trả 1.000. Người mua giữ 990 thêm 30 ngày và trả thêm 10, tức 1,0101% trong 30 ngày, quy ra tính đơn khoảng 12,3% một năm (10 chia 990, nhân 365, chia 30). Đây chỉ là phép số học trên điều khoản giả định: nhiều hợp đồng không có chiết khấu, và nếu so với lãi vay còn phải tính đến quan hệ với nhà cung cấp và mức giá. Điều cần giữ lại: "không có lãi trên sổ" không đồng nghĩa với "không có chi phí".

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

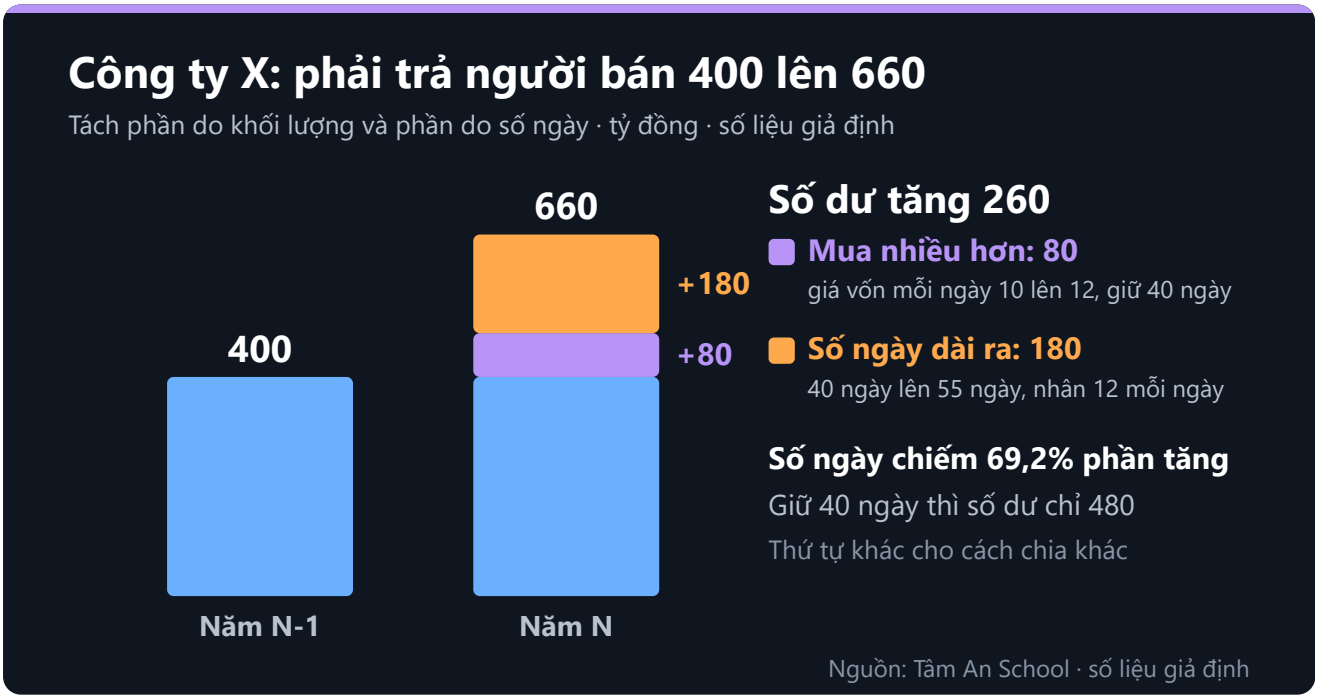
Giả sử công ty X, tỷ đồng, năm 365 ngày, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Để gọn, X chỉ có tài sản ngắn hạn là tiền, phải thu, tồn kho và nợ ngắn hạn là vay ngắn hạn, phải trả người bán.

Khoản	N-1	N
Doanh thu thuần	4.745	5.694
Giá vốn	3.650	4.380
Phải thu	390	468
Hàng tồn kho	500	600
Phải trả người bán	400	660
Tiền	300	150
Vay ngắn hạn	100	250

Năm N, lãi sau thuế là 210 và khấu hao là 60.

Bước 1: số ngày. Số ngày thu tiền 30,0 và số ngày tồn kho 50,0 ở cả hai năm; số ngày trả tiền người bán từ 40,0 lên 55,0. Chu kỳ chuyển đổi tiền ngắn đi từ 40 xuống 25 ngày, đúng bằng 15 ngày trả dài thêm. Phải trả người bán tăng 65,0% trong khi giá vốn tăng 20,0%, gấp 3,25 lần tốc độ; phải thu và tồn kho cùng tăng 20,0%, đi theo quy mô.

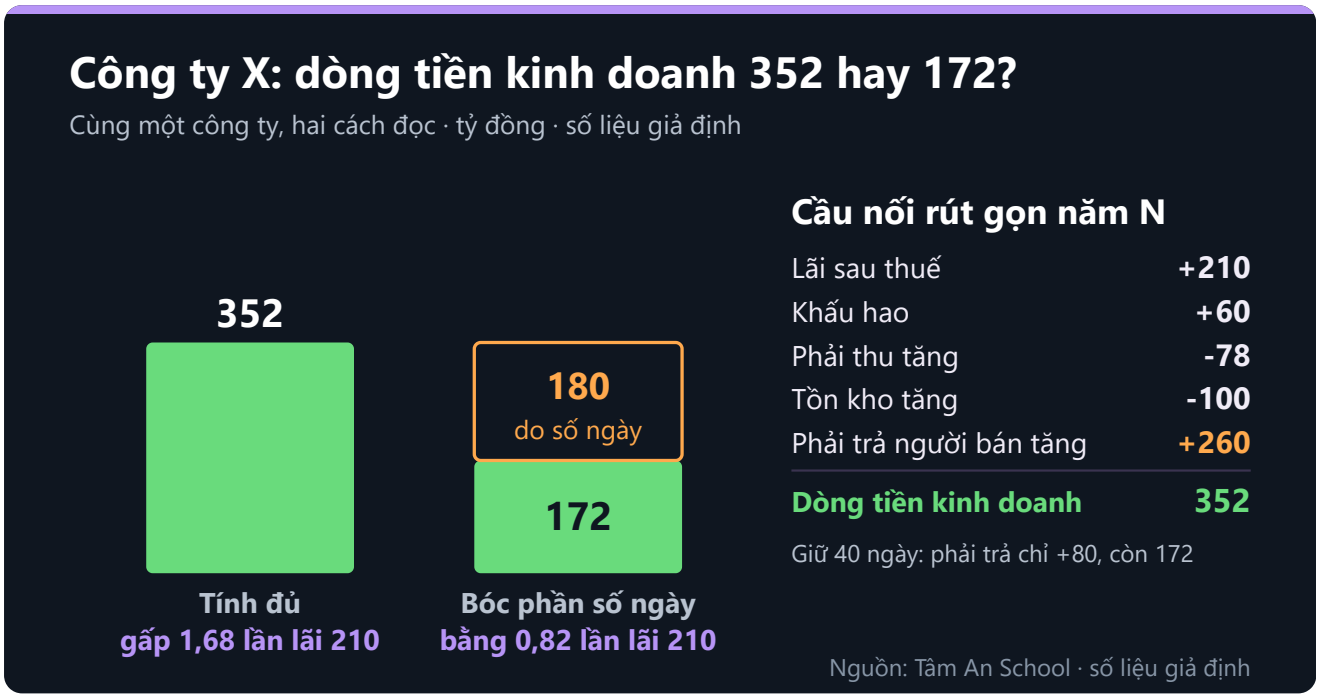
Bước 2: tách khối lượng và số ngày. Giá vốn mỗi ngày từ 10 lên 12; số dư tăng 260. Phần do mua nhiều hơn, giữ số ngày cũ 40, là (12 trừ 10) nhân 40, bằng 80. Phần do số ngày dài ra là (55 trừ 40) nhân 12, bằng 180. Theo cách chia này số ngày chiếm 69,2% phần tăng; nếu giữ 40 ngày, số dư chỉ là 480 thay vì 660. Thứ tự tính khác cho cách chia khác (110 và 150, tổng vẫn 260), nên đây chỉ là minh hoạ, không phải chuẩn.



Công ty X giả định: phải trả người bán tăng 260, gồm 80 do mua nhiều hơn và 180 do số ngày dài ra

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bước 3: dòng tiền. Cầu nối rút gọn, bỏ lãi vay đã trả, thuế đã nộp và các khoản khác: 210 + 60 − 78 − 100 + 260 = 352, bằng 1,68 lần lãi sau thuế (cách đọc tỷ lệ này ở bài tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế). Nếu số ngày giữ 40, phần cộng từ phải trả chỉ là 80 và dòng tiền là 210 + 60 − 78 − 100 + 80 = 172, bằng 0,82 lần lãi. Cùng một công ty cho hai cách đọc, 1,68 hay 0,82; chênh lệch 180 là phần do kéo dài số ngày. Điều cần biết là 180 ấy đến từ đâu và có lặp lại không.



Công ty X giả định: dòng tiền kinh doanh 352, gấp 1,68 lần lãi, hoặc 172 nếu bóc phần 180 do kéo dài số ngày

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bước 4: kỳ sau. Giả sử năm N+1 giá vốn giữ 4.380; phải thu, tồn kho, lãi sau thuế và khấu hao như năm N, để chỉ còn số ngày thay đổi. Giữ 55 ngày thì phần cộng từ phải trả bằng 0 và dòng tiền là 270. Về 40 ngày thì số dư còn 480, phần từ phải trả là trừ 180 và dòng tiền chỉ 90. Khoản nhờ kéo dài số ngày không tự lặp lại: muốn có lần nữa, phải kéo dài thêm.

Bước 5: dấu hiệu đi kèm. Tiền giảm từ 300 xuống 150; vay ngắn hạn tăng từ 100 lên 250. Nợ ngắn hạn từ 500 lên 910, trong khi tài sản ngắn hạn chỉ từ 1.190 lên 1.218. Theo bài hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt, hệ số hiện hành từ 2,38 xuống 1,34; hệ số nhanh từ 1,38 xuống 0,68; hệ số tiền từ 0,60 xuống 0,16. Tiền bằng 75,0% số dư phải trả người bán năm N-1 và 22,7% năm N, một cách so của Tâm An, không có ngưỡng.

Nguyên nhân hợp lý khác có ở mọi dòng: quy mô tăng 20% có thể cho X vị thế mua lớn hơn; tiền giảm có thể vì X xây nhà máy; vay ngắn hạn có thể là kế hoạch tài trợ từ trước. Kết quả đúng của ví dụ là danh sách câu hỏi: 180 do điều khoản mới hay trả trễ, tiền đã đi đâu, vay ngắn hạn để làm gì.

Khi nào bình thường, khi nào nên xem thêm

Thường gặp và bình thường: số dư tăng cùng nhịp giá vốn khi số ngày không đổi; vị thế mua lớn hoặc hợp đồng dài hạn; mô hình thu tiền ngay hoặc thu trước, như bán lẻ, nơi phải trả người bán lớn là đặc điểm của vòng quay. Nên xem thêm, mỗi dấu hiệu vẫn có nguyên nhân hợp lý khác: số ngày dài ra nhiều

kỳ liền; tiền giảm và vay ngắn hạn tăng cùng lúc; chu kỳ chuyển đổi tiền ngắn lại chỉ nhờ phải trả; có thông tin công bố về chậm thanh toán, cần đối chiếu thuyết minh. Các dấu hiệu này không cộng thành điểm số.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý (số quý dùng số ngày của quý, giữ nhất quán).
2. **Lấy số:** phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán, giá vốn trên báo cáo kết quả kinh doanh; tính số ngày và ghi lại công thức.
3. **Tách khối lượng và số ngày** như bước 2, rồi đặt cạnh số ngày thu tiền và số ngày tồn kho.
4. **Nhìn báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** dòng điều chỉnh các khoản phải trả thường gộp nhiều loại, không riêng người bán, nên lấy phần của người bán từ bảng cân đối. Ba dòng tiền cần đọc cùng nhau, xem bài ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính.
5. **Mở thuyết minh:** chi tiết phải trả người bán (bên liên quan, nhà thầu xây dựng, kỳ hạn; có mẫu còn nêu khoản quá hạn, tuỳ mẫu biểu và cần đối chiếu) và vay ngắn hạn; nhìn nhiều kỳ, so cùng ngành.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt số ngày trả tiền người bán, tiền và vay ngắn hạn cạnh nhau qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài không so mã số giữa hai kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và hợp đồng chiết khấu là giả định; ví dụ bỏ lãi vay đã trả, thuế, phải trả khác và phải trả nhà thầu.
- Số ngày dựa trên giá vốn là gần đúng: có khoản mua không đi qua giá vốn, và phải trả người bán có thể lẫn khoản trả nhà thầu xây dựng, vốn thuộc luồng tiền đầu tư (xem bài chu kỳ chuyển đổi tiền).
- Khác ngành, khác mùa vụ thì số ngày khác nhau; bài không nêu mức thông thường của ngành nào vì chưa có dữ liệu phân ngành chi tiết. Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính.

Đừng nói quá

- Không viết "phải trả người bán tăng là tốt" hay "là xấu": số dư một mình chưa nói được gì.
- Không viết "kéo dài thời hạn trả là kỹ năng" hay "là dấu hiệu khó khăn" khi mới có con số; không viết "vốn miễn phí" khi chưa biết điều khoản.
- Không suy ra doanh nghiệp chậm trả hay thiếu tiền chỉ từ con số; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Số ngày trả tiền người bán dài ra, kèm tiền giảm và vay ngắn hạn tăng, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mua nhiều hơn, điều khoản mới, mùa vụ, đầu tư lớn hay kế hoạch tài trợ đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và

người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, vốn lưu động và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", giáo trình 2026: chỉ trang công khai; dùng ở mức khái niệm về việc kéo dài khoản phải trả có thể tác động đến dòng tiền kinh doanh.
- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai): công thức các số ngày và chu kỳ chuyển đổi tiền.
- CFA Institute Enterprising Investor, "A Look at the Cash Conversion Cycle" (21/05/2013): chỉ đọc tóm tắt tìm kiếm, dùng để minh hoạ chu kỳ âm ở mô hình thu tiền ngay.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo (mức A): chỉ dùng cho tên báo cáo tình hình tài chính và lưu ý chuyển kỳ; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Số liệu ví dụ, điều khoản chiết khấu và cách chia khối lượng, số ngày: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền là gì
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Phải thu, tồn kho, phải trả và dòng tiền kinh doanh
- Tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Phải trả người bán tăng chưa cho biết đó là nguồn vốn thuận lợi hay áp lực thanh toán, vì cùng một số dư có thể đến từ mua nhiều hơn, thời hạn nhà cung cấp chấp thuận dài hơn, hoặc trả trễ hơn thời hạn. Với công ty X giả định (tỷ đồng), phải trả người bán tăng từ 400 lên 660, tức 65,0% trong khi giá vốn tăng 20,0%; phần tăng 260 gồm 80 do khối lượng mua và 180 do số ngày trả dài ra từ 40 lên 55. Dòng tiền kinh doanh là 352, gấp 1,68 lần lãi sau thuế 210, nhưng nếu giữ 40 ngày thì chỉ 172, bằng 0,82 lần; chu kỳ chuyển đổi tiền ngắn đi từ 40 xuống 25 ngày, đúng bằng 15 ngày phải trả dài thêm. Năm sau, nếu giữ 55 ngày thì phần cộng từ phải trả bằng 0, còn nếu về 40 ngày thì trừ 180. Khi tiền giảm từ 300 xuống 150 và vay ngắn hạn tăng từ 100 lên 250, hệ số hiện hành từ 2,38 xuống 1,34, nhưng mỗi dấu hiệu đều có nguyên nhân hợp lý khác. Chữ miễn phí chỉ đúng theo nghĩa không có lãi trên sổ: ví dụ chiết khấu 1% cho người trả trong 10 ngày, hạn 40 ngày, cho thấy giữ thêm 30 ngày tốn khoảng 12,3% một năm tính đơn. Cần nhớ ba điều: tách khối lượng và số ngày, không có lãi trên sổ chưa phải không có chi phí, và dòng tiền nhờ kéo dài số ngày chỉ là một lần. Tất cả là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, càng không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/phai-tra-nguoi-ban-tang-nguon-von-mien-phi-hay-ap-luc-thanh-toan

Lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn? Cách tách hai hiệu ứng

Câu trả lời ngắn

Lãi gộp bằng doanh thu thuần nhân với biên lãi gộp, nên mức tăng của lãi gộp luôn tách được thành hai phần bằng một phép đại số đơn giản: phần do doanh thu đổi (tính theo biên kỳ trước) và phần do biên đổi (tính trên doanh thu kỳ này). Với công ty X giả định, doanh thu từ 1.000 lên 1.100 và biên từ 20,0% lên 22,0%, lãi gộp tăng 42, gồm 20 từ hiệu ứng doanh thu và 22 từ hiệu ứng biên. Nhưng "hiệu ứng doanh thu" chưa chắc là "bán thêm hàng", và hiệu ứng biên không cho biết vì sao biên đổi: báo cáo chỉ có doanh thu, giá vốn, lãi gộp, không có số lượng, giá bán hay cơ cấu. Phép tách chỉ cho biết nên hỏi gì tiếp, chưa phải kết luận về chất lượng lợi nhuận.



Lãi gộp bằng doanh thu nhân biên: hai hiệu ứng doanh thu và biên

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Lãi gộp là tích của hai thứ

Trên báo cáo kết quả kinh doanh theo mẫu của Thông tư 99/2025, ba dòng nằm liền nhau là doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, rồi lợi nhuận gộp, tức doanh thu thuần trừ giá vốn. Chia lãi gộp cho doanh thu thuần ta được biên gộp. Viết ngược lại: lãi gộp bằng doanh thu thuần nhân biên gộp.

Khi cả hai thừa số cùng đổi, mức thay đổi của tích chia được làm hai. Lấy lãi gộp kỳ này (doanh thu kỳ này nhân biên kỳ này) trừ lãi gộp kỳ trước, rồi cộng và trừ thêm cùng một lượng "doanh thu kỳ này nhân biên kỳ trước", ta có:

Chênh lệch lãi gộp = (doanh thu kỳ này − doanh thu kỳ trước) × biên kỳ trước + doanh thu kỳ này × (biên kỳ này − biên kỳ trước)

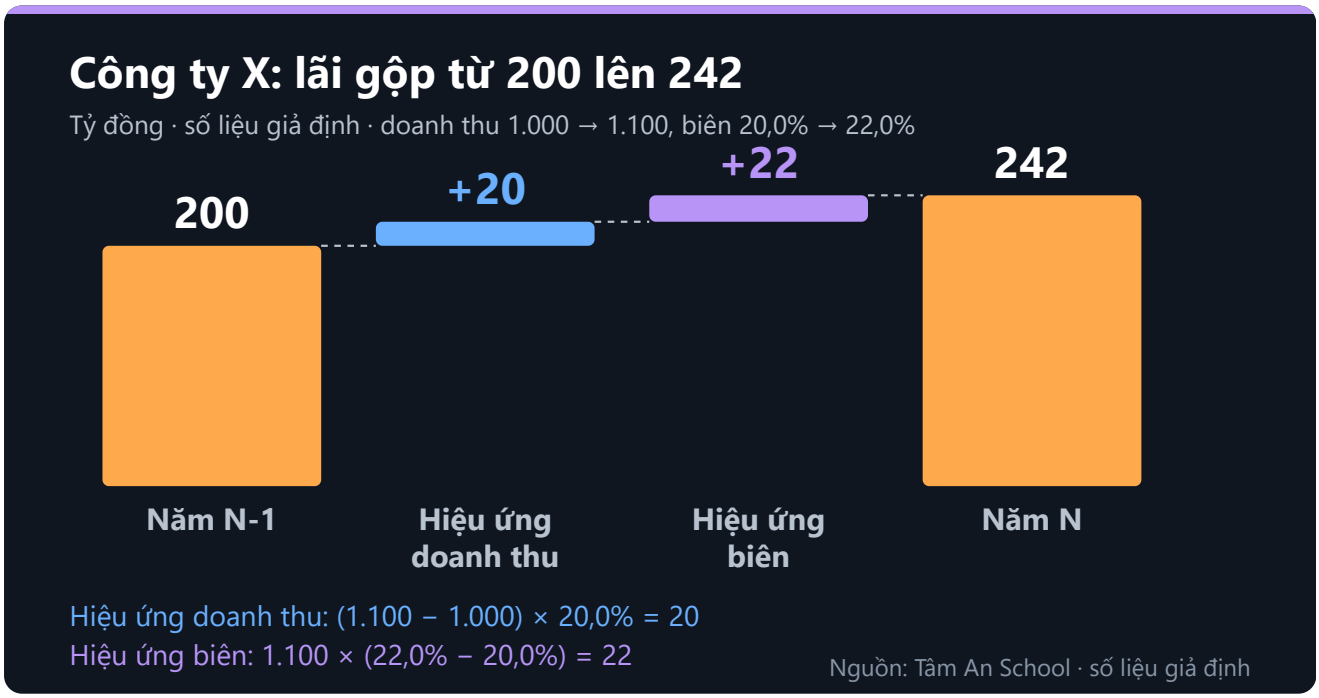
Số hạng đầu là **hiệu ứng doanh thu**: lãi gộp đổi bao nhiêu nếu chỉ doanh thu đổi, biên giữ như cũ. Số hạng sau là **hiệu ứng biên**: lãi gộp đổi bao nhiêu vì biên đổi, tính trên quy mô doanh thu mới. Khai triển vế phải thì hai số hạng "doanh thu kỳ này nhân biên kỳ trước" triệt tiêu, còn lại đúng chênh lệch lãi gộp. Đây là phép đại số, không phải mô hình hay quy định. Chênh lệch của biên tính bằng điểm phần trăm: từ 20,0% lên 22,0% là tăng 2,0 điểm phần trăm.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Giả sử công ty X, tỷ đồng, số liệu **giả định** do Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng, không phải số liệu thật. Năm N so với năm N-1:

Khoản	N-1	N
Doanh thu thuần	1.000	1.100
Giá vốn hàng bán	800	858
Lãi gộp	200	242
Biên gộp	20,0%	22,0%

Lãi gộp tăng 42, tức 21,0%, trong khi doanh thu chỉ tăng 10,0%. Hiệu ứng doanh thu là (1.100 − 1.000) × 20,0% = 20; hiệu ứng biên là 1.100 × (22,0% − 20,0%) = 22; cộng lại 42, khớp. Nếu biên đứng yên ở 20,0% thì lãi gộp năm N chỉ là 220.



Công ty X giả định: lãi gộp từ 200 lên 242, gồm 20 hiệu ứng doanh thu và 22 hiệu ứng biên

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cùng phép tách cho ba kết quả rất khác nhau về dấu. Cả ba kịch bản xuất phát từ doanh thu 1.000, biên 20,0%, lãi gộp 200:

Kịch bản	Doanh thu	Biên	Lãi gộp	Hiệu ứng doanh thu	Hiệu ứng biên	Tổng
1. Biên cải thiện	1.100	22,0 %	242	+20	+22	+42
2. Doanh thu tăng mạnh, biên giảm	1.300	17,0 %	221	+60	−39	+21
3. Doanh thu giảm, biên cao	900	24,0 %	216	−20	+36	+16

Kiểm cộng: kịch bản 2 có 300 × 20,0% = 60 và 1.300 × (−3,0%) = −39; kịch bản 3 có (−100) × 20,0% = −20 và 900 × 4,0% = 36. Ở kịch bản 2, doanh thu tăng 30,0% mà lãi gộp chỉ tăng 10,5%; ở kịch bản 3, doanh thu giảm 10,0% nhưng lãi gộp vẫn tăng 8,0%. Chỉ nhìn "lãi gộp tăng" thì không phân biệt được ba trường hợp; nhìn hai hiệu ứng thì thấy ngay.

Thứ tự khai triển cũng là một lựa chọn

Phép tách trên đặt phần giao của hai thay đổi (chênh lệch doanh thu nhân chênh lệch biên, với công ty X là 100 × 2,0% = 2) vào hiệu ứng biên. Có thể khai triển theo thứ tự khác: hiệu ứng biên tính trên doanh thu kỳ trước (1.000 × 2,0% = 20) và hiệu ứng doanh thu tính theo biên kỳ này (100 × 22,0% = 22). Tổng vẫn 42 nhưng hai phần đổi chỗ. Ở kịch bản 2, cách thứ hai cho hiệu ứng doanh thu 51 và hiệu ứng biên −30 thay vì 60 và −39. Vì vậy hãy đọc dấu và cỡ của hai phần, ghi rõ đã dùng cách nào, và đừng coi từng con số là phép đo chính xác.

"Hiệu ứng doanh thu" không đồng nghĩa với "bán thêm hàng"

Doanh thu bằng số lượng nhân giá bán, nên doanh thu tăng có thể do bán nhiều hơn, giá cao hơn, hoặc cả hai; ba dòng doanh thu, giá vốn, lãi gộp không đủ để biết. Giữ nguyên kết quả kịch bản 1 (doanh thu 1.100, giá vốn 858, lãi gộp 242), ta dựng các câu chuyện khác nhau đứng sau. Kỳ trước: 10.000 sản phẩm, giá bán 100 triệu đồng, giá vốn 80 triệu đồng mỗi sản phẩm.

Câu chuyện	Số lượng (sản phẩm)	Giá bán (triệu đồng)	Giá vốn mỗi sản phẩm (triệu đồng)	Hiệu ứng lượng (tỷ đồng)	Hiệu ứng giá bán (tỷ đồng)	Hiệu ứng giá vốn đơn vị (tỷ đồng)
A. Bán nhiều, giá vốn đơn vị giảm	11.000	100	78	+20	0	+22
B. Giá bán tăng, giá vốn đơn vị cũng tăng	10.000	110	85,8	0	+100	−58

Kiểm cộng: ở A, 1.000 sản phẩm thêm nhân 20 triệu đồng lãi gộp mỗi sản phẩm được 20 tỷ đồng, và 11.000 sản phẩm nhân mức giảm giá vốn 2 triệu đồng được 22 tỷ đồng. Ở B không bán thêm sản phẩm nào, nhưng 10.000 sản phẩm nhân giá bán tăng 10 triệu đồng được 100 tỷ đồng, trừ 10.000 sản phẩm

nhân giá vốn tăng 5,8 triệu đồng là 58 tỷ đồng, còn 42. Cả hai đều cho doanh thu 1.100, giá vốn 858, lãi gộp 242, tức "20 và 22" của phép tách hai hiệu ứng, nhưng ở B hiệu ứng doanh thu 20 hoàn toàn không phải bán thêm hàng.

Câu chuyện C là cơ cấu. Giả sử công ty X có hai nhóm sản phẩm, biên từng nhóm không đổi: nhóm một 30,0%, nhóm hai 10,0%. Năm N-1: nhóm một doanh thu 500 (lãi gộp 150), nhóm hai 500 (lãi gộp 50). Năm N: nhóm một 660 (lãi gộp 198), nhóm hai 440 (lãi gộp 44). Tổng doanh thu 1.100, lãi gộp 242, biên 22,0%, dù không sản phẩm nào đổi biên; biên chung lên vì nhóm biên cao chiếm 60,0% doanh thu thay cho 50,0%. Cộng theo nhóm: +48 và −6, được 42.



Cùng lãi gộp 242: ba câu chuyện khác nhau đứng sau hai hiệu ứng 20 và 22

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Hiệu ứng biên có thể đến từ đâu

1. **Giá bán đổi:** tăng giá, giảm giá, khuyến mại. Mẫu báo cáo có riêng dòng các khoản giảm trừ doanh thu, nên doanh thu thuần đã trừ phần này.
2. **Giá vốn đơn vị đổi:** giá nguyên liệu hay hàng mua, hiệu suất và quy mô sản xuất.
3. **Cơ cấu đổi:** tỷ trọng giữa các sản phẩm, khách hàng, thị trường có biên khác nhau, như câu chuyện C.
4. **Cách ghi giá vốn đổi:** theo hướng dẫn tài khoản giá vốn hàng bán của Thông tư 99, giá vốn còn gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho lập thêm, hao hụt mất mát (sau trừ bồi thường) và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ; hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thì ghi giảm giá vốn, nên biên có thể nhích lên chỉ vì hoàn nhập (xem bài về hoàn nhập dự phòng). Phương pháp tính giá xuất kho cũng làm cùng lượng hàng cho giá vốn khác nhau (xem bài về hàng tồn kho).

Ba nhóm đầu là diễn biến kinh doanh, nhóm thứ tư là cách ghi. Từ ba dòng số liệu không biết nhóm nào đứng sau.

Giới nghiên cứu nhìn biên gộp thế nào

Piotroski (2000) có một trong chín tiêu chí là thay đổi biên lợi nhuận gộp; Beneish (1999), theo mô tả cấu trúc ở các nguồn thứ cấp, có một chỉ số lấy biên gộp kỳ trước chia biên gộp kỳ này. Cả hai dùng biên như tín hiệu để xếp thứ tự báo cáo nên đọc kỹ trước, hệ số lấy từ mẫu doanh nghiệp Mỹ; bài này không dùng ngưỡng hay điểm số nào. Mô hình thấy biên đổi nhưng không thấy lý do. Chi tiết xem bài về M-Score.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý (số quý là số đơn lẻ, nên so cùng quý năm trước).
2. **Lấy ba dòng** doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp của hai kỳ trên báo cáo kết quả kinh doanh, tính biên mỗi kỳ, rồi tách hai hiệu ứng và ghi cách khai triển đã dùng.
3. **Mở thuyết minh và báo cáo thường niên** tìm điều giải thích: doanh thu và giá vốn theo nhóm sản phẩm hay khu vực, sản lượng và giá bán, biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thay đổi chính sách kế toán. Mức chi tiết tuỳ từng doanh nghiệp công bố.
4. **Đặt cạnh hàng tồn kho, phải thu và dòng tiền** cùng kỳ: biên tăng nhưng tồn kho phình ra, hay doanh thu tăng nhanh hơn tiền thu về, là chỗ cần hỏi thêm.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính hai hiệu ứng qua nhiều kỳ và đặt cạnh tốc độ tăng tồn kho, phải thu, giúp người đọc biết nên mở thuyết minh nào trước; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, mã số chỉ tiêu đã đánh lại; hãy ghép dòng theo tên, không theo mã số.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và mọi con số trong ví dụ là giả định; các tỷ lệ chỉ để so với nhau, không có ngưỡng nào là "tốt" hay "xấu".
- Phép tách đúng về đại số nhưng không đo nguyên nhân: nó mô tả lại ba dòng số liệu; lượng, giá và cơ cấu phải lấy từ nguồn khác.
- Biên chung là trung bình của nhiều biên; cùng một biên chung có thể ứng với nhiều cơ cấu.
- Biên so giữa các kỳ của cùng doanh nghiệp đáng tin hơn so giữa các doanh nghiệp, vì mỗi nơi phân loại chi phí vào giá vốn một khác. Bài không nêu mức biên "bình thường" của ngành nào.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính có dòng lãi gộp; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có mẫu báo cáo riêng, không áp dụng thẳng.

Đừng nói quá

- Không viết "hiệu ứng doanh thu là phần bán thêm hàng": đó có thể là giá bán tăng.
- Không viết "biên tăng là quản lý tốt hơn" hay "biên giảm là có vấn đề" khi chưa đọc thuyết minh.
- Không viết "lãi tăng nhờ doanh thu là bền, nhờ biên là nhất thời" (hay ngược lại): mỗi phần đều có thể bền hoặc không.

- Không dùng ví dụ để suy ra điều gì về một doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi hiệu ứng biên chiếm phần lớn mức tăng lãi gộp, hoặc biên đổi mạnh giữa các kỳ, đó là tín hiệu để mở thuyết minh và báo cáo thường niên, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: giá bán tăng theo thị trường, giá nguyên liệu giảm, quy mô lớn hơn, chuyển sang sản phẩm biên cao, đổi cách tính giá xuất kho, hoàn nhập dự phòng vì hàng đã bán được. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Công thức phân tách: phép khai triển đại số Tâm An tự kiểm; ví dụ công ty X Tâm An tự đặt và tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): tên các dòng của mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và hướng dẫn tài khoản giá vốn hàng bán; báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Piotroski, J. D. (2000), Journal of Accounting Research 38 (Supplement): 1-41: chín tiêu chí, trong đó có thay đổi biên lợi nhuận gộp (đã đọc bản gốc).
- Beneish, M. D. (1999), Financial Analysts Journal 55(5): 24-36: chỉ dùng cấu trúc chỉ số biên gộp theo nguồn thứ cấp, không dùng hệ số hay ngưỡng.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào
- Doanh thu được ghi nhận khi nào
- Hàng tồn kho gồm những gì và ghi theo giá nào
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng thế nào
- Beneish M-Score: tám chỉ số

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Lãi gộp bằng doanh thu thuần nhân biên gộp, nên chênh lệch lãi gộp bằng chênh lệch doanh thu nhân biên kỳ trước (hiệu ứng doanh thu) cộng doanh thu kỳ này nhân chênh lệch biên (hiệu ứng biên). Với công ty X giả định (tỷ đồng): doanh thu 1.000 lên 1.100, biên 20,0% lên 22,0%, lãi gộp 200 lên 242; hiệu ứng doanh thu 20, hiệu ứng biên 22, cộng 42, trong khi doanh thu chỉ tăng 10,0% còn lãi gộp tăng 21,0%. Ba kịch bản cùng xuất phát từ 1.000 và 20,0% cho kết quả khác dấu: +20 và +22, +60 và -39, -20 và +36. Đổi thứ tự khai triển thì hai phần đổi chỗ (22 và 20; kịch bản hai thành 51 và -30). Cùng kết quả 242 có thể đến từ bán nhiều hơn với giá vốn đơn vị giảm (+20 lượng, +22 giá vốn đơn vị), từ giá bán tăng nhanh hơn giá vốn đơn vị (+100 và -58, không bán thêm sản phẩm nào), hoặc từ cơ cấu nghiêng về nhóm biên cao

(+48 và -6, biên từng nhóm không đổi). Vì báo cáo chỉ có doanh thu, giá vốn và lãi gộp, hiệu ứng doanh thu chưa chắc là bán thêm hàng và hiệu ứng biên chưa nói được vì sao biên đổi; cần mở thuyết minh và báo cáo thường niên để xem sản lượng, giá bán, cơ cấu và dự phòng. Đây là tín hiệu để đặt câu hỏi, chưa phải kết luận về chất lượng lợi nhuận hay về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-gop-tang-la-nho-ban-nhieu-hon-hay-nho-bien-cao-hon

Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài có luôn là tốt?

Câu trả lời ngắn

Không có câu trả lời "luôn tốt" hay "luôn xấu". Dòng tiền kinh doanh (CFO) cao hơn lợi nhuận sau thuế (LNST) nhiều năm liền là tín hiệu để hỏi: phần chênh đến từ đâu, và nguồn đó có lặp lại được không? Một năm chênh thường chỉ là chuyện thời điểm; nhiều năm liền thì lệch thời điểm đã bù trừ bớt. Có ba nhóm nguồn: cấu trúc (như khấu hao, lặp lại đều nhưng tiền đã chi trước ở dòng đầu tư); theo quy mô (như khách ứng trước, khoản phải trả tăng cùng giá vốn, bền chừng nào doanh nghiệp còn lớn lên); một lần hoặc có trần (như kéo dài số ngày trả nhà cung cấp, không thể lặp mãi). Bài chỉ bổ sung câu hỏi "kéo dài", không giải lại các nguyên nhân đã có ở bài tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế và bài năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền.



Ba nhóm nguồn chênh giữa CFO và lợi nhuận: cấu trúc, theo quy mô, một lần hoặc có trần

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Vì sao "kéo dài" là câu hỏi khác với "một năm"

Khi chênh kéo dài, "lệch thời điểm" không còn là lời giải thích đủ, vì lệch thời điểm rồi sẽ đảo chiều khi cộng nhiều năm. Phần chênh còn lại phải dựa vào một chỗ bền, hoặc vào một dòng ngày càng phình.

Theo cầu nối ở bài cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh, chênh CFO trừ LNST bằng khấu hao, trừ phải thu và tồn kho tăng thêm, cộng nợ hoạt động tăng thêm (bỏ qua lãi lỗ ngoài hoạt động chính). Sloan (1996) dựng khái niệm dồn tích từ chính phép trừ này: thay đổi tài sản ngắn hạn phi

tiền, trừ thay đổi nợ ngắn hạn phi vay, trừ khấu hao; CFO cao hơn lãi tương ứng dồn tích âm. Trên mẫu doanh nghiệp niêm yết ở Mỹ, phần lãi từ dồn tích kém bền hơn phần từ tiền. Bài không mượn kết luận đó cho Việt Nam, cũng không đọc ngược thành "chênh dương thì luôn bền": đó là trung bình trên mẫu lớn.

Hệ quả thực dụng: sau khi trừ khấu hao, phần chênh bền chỉ có thể đến từ vốn lưu động ròng (phải thu cộng tồn kho trừ nợ hoạt động) liên tục giảm hoặc liên tục âm thêm. Nếu đang dương, nó chỉ nhả tiền đến khi về 0. Nếu đã âm, nó chỉ âm thêm khi giá vốn lớn lên hoặc khi điều khoản thanh toán đổi, mà đổi điều khoản thì mỗi lần chỉ được một nấc.

Ba nhóm nguồn và câu hỏi "lặp lại được không"

Nhóm	Ví dụ	Lặp lại thế nào	Nơi kiểm
Cấu trúc	Khấu hao lớn, chi phí không bằng tiền	Đều, theo tài sản đã có; tiền đã chi từ trước	Chi mua sắm tài sản cố định (dòng đầu tư)
Theo quy mô	Khách ứng trước, phải trả tăng cùng giá vốn	Bền chừng nào quy mô còn tăng; chững thì đảo chiều	Số dư phải trả, người mua trả tiền trước so với giá vốn
Một lần hoặc có trần	Kéo dài số ngày trả, ngừng mua hàng, bán khoản phải thu, đổi cách xếp dòng chi	Mỗi lần một nấc; lặp mãi đòi con số phình mãi	Thuyết minh phải trả, phải thu, chính sách kế toán

Ba nhóm là cách sắp xếp của Tâm An để đặt câu hỏi, không phải phân loại của chuẩn mực.

- **Cấu trúc.** Khấu hao không phải tiền vào; nó hoàn lại phần chi phí đã trừ khỏi lãi, còn tiền mua tài sản đã đi ra từ trước. Vì thế "CFO cao hơn lãi" chưa cho biết còn bao nhiêu tiền sau đầu tư. Cách xem nhanh là CFO trừ chi mua sắm tài sản cố định (cách tính đơn giản của bài, xem thêm bài dòng tiền tự do và các cách tính).
- **Theo quy mô.** Khách ứng trước, số giả định: số dư 100 lên 130 thì thêm 30; dừng ở 130 thì thêm 0; giảm còn 110 thì âm 20. Phải trả: nếu số ngày trả không đổi, số dư lớn lên cùng giá vốn; giá vốn tăng 10% thì số dư 80 lên 88. Chiều ngược lại cũng đúng: doanh nghiệp từng thu hẹp có thể thấy phải thu, tồn kho nhả tiền nhiều năm khiến CFO cao hơn lãi; khi tăng trưởng quay lại, vốn lưu động phình ra và CFO có thể thấp hơn lãi. Đó là pha của chu kỳ.
- **Kéo dài số ngày trả nhà cung cấp.** Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), CFO có thể bị tác động bởi việc kéo dài khoản phải trả. Mỗi lần nới điều khoản chỉ được một nấc; muốn lặp nhiều năm, số ngày phải tăng mãi. Nguyên nhân hợp lý khác: quy mô mua lớn hơn nên đàm phán được điều khoản tốt hơn.
- **Ngừng mua hàng, bán khoản phải thu.** Tồn kho giảm nhờ ngừng nhập thì kỳ sau phải nhập bù. Chuyển nhượng khoản phải thu cho tiền một lần; cách trình bày tuỳ điều khoản nên cần đọc thuyết minh. Nguyên nhân hợp lý khác: xử lý hàng chậm luân chuyển, chuyển nhượng theo kế hoạch.
- **Cách xếp dòng chi tiền.** Khoản chi vừa phục vụ hoạt động hàng ngày vừa tạo tài sản, nếu ghi tăng tài sản và xếp ở dòng đầu tư, không làm giảm CFO; về sau được phân bổ vào chi phí rồi cộng lại, nên CFO cao hơn lãi trong khi tiền chi nằm chỗ khác. CFA Institute nhắc cách phân loại có thể tác động đến dòng tiền; không phải cách xếp nào cũng sai.

Piotroski (2000) có tiêu chí ACCRUAL, cho điểm khi CFO lớn hơn ROA (cả hai chia tổng tài sản đầu năm), trên mẫu doanh nghiệp Mỹ nhóm tỷ lệ giá trị sổ sách trên giá thị trường cao, 1976 đến 1996. Đó là mô hình sàng lọc: trả lời "có lớn hơn không" trong một kỳ, chưa trả lời "vì đâu, kéo dài được không".

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, tách phần chênh thành bốn phần

Công ty X, tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Doanh thu năm 0 là 1.000, tăng thêm 100 mỗi năm; giá vốn bằng 70% doanh thu; lãi sau thuế bằng 9% doanh thu. Phải thu bằng 15% doanh thu, tồn kho bằng một phần bảy giá vốn. Khấu hao 40 ở năm 1, tăng 2 mỗi năm; chi mua sắm tài sản cố định 60 mỗi năm. Thứ duy nhất đổi là số ngày trả nhà cung cấp: số dư phải trả cuối năm 0 là 80, tức 42 ngày giá vốn.

Năm	Lãi sau thuế	Khấu hao	Phải thu, tồn kho tăng thêm	Phải trả: quy mô	Phải trả: kéo dài	CFO	CFO/LNST	Ngày trả cuối năm
1	99	+40	-25	+8	+11	133	1,34	47
2	108	+42	-25	+9	+12	146	1,35	52
3	117	+44	-25	+10	+13	159	1,36	57
4	126	+46	-25	+11	+14	172	1,37	63
5	135	+48	-25	+12	+15	185	1,37	68
Cộng	585	+220	-125	+50	+65	795	1,36	

Kiểm cộng: 99 + 40 - 25 + 8 + 11 = 133; năm năm 585 + 220 - 125 + 50 + 65 = 795. Phần "quy mô" là số dư đầu năm nhân tốc độ tăng của giá vốn (năm 1: 80 nhân 10% bằng 8); phần "kéo dài" là phần còn lại (99 - 88 = 11).

Nhìn từng năm thì đẹp: CFO gấp 1,34 đến 1,37 lần lãi, đều như đồng hồ. Nhưng chênh năm năm là 210, bằng 220 từ khấu hao, trừ 125 vì phải thu và tồn kho lớn lên, cộng 50 từ phải trả theo quy mô, cộng 65 từ kéo dài. Phần kéo dài chiếm 31,0% của 210. Số ngày trả đi từ 42 lên 68, khoảng 5 ngày mỗi năm; thêm năm năm nữa sẽ khoảng 94, hơn gấp đôi mức ban đầu, và không dòng nào như vậy tăng mãi được. Sau đầu tư, CFO 795 trừ 5 lần 60 còn 495, bằng 0,85 lãi 585.



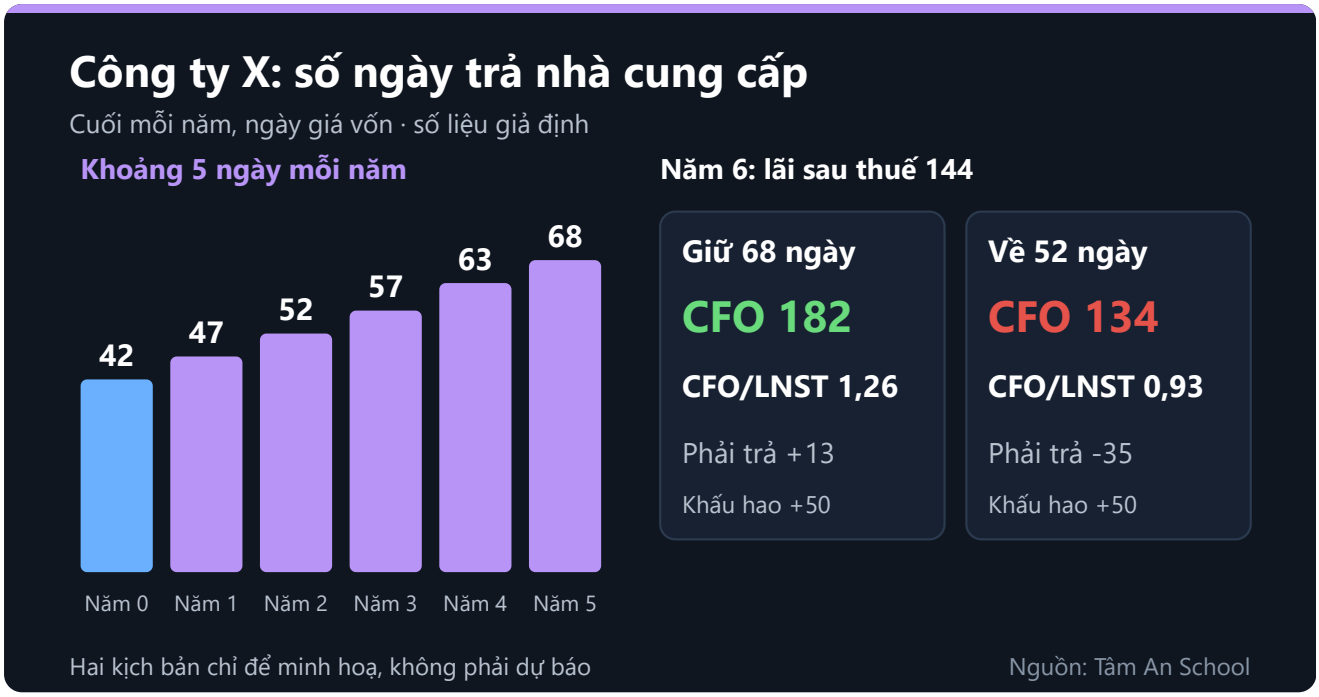
Công ty X giả định: chênh năm năm 210 gồm 220, -125, 50 và 65

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Giờ xét năm 6, lãi sau thuế 144, khấu hao 50. Hai kịch bản giả định, không phải dự báo:

Năm 6	Giữ 68 ngày	Về 52 ngày
Lãi sau thuế	144	144
Khấu hao	+50	+50
Phải thu, tồn kho tăng thêm	-25	-25
Phải trả tăng (giảm)	+13	-35
CFO	182	134
CFO/LNST	1,26	0,93

Giữ 68 ngày, CFO vẫn cao hơn lãi (1,26) nhờ khấu hao. Nếu một số nhà cung cấp đưa điều khoản về 52 ngày, số dư phải trả từ 195 về 160, giảm 35: lãi tăng từ 135 lên 144, còn CFO giảm từ 185 xuống 134. Phần chênh dựa vào ngày trả đảo chiều trong một năm, phần cấu trúc vẫn ở lại. Số ngày trả đi lên đều là chỗ để hỏi tiếp, chưa phải để kết luận.



Công ty X giả định: ngày trả từ 42 lên 68; năm 6 CFO 182 hoặc 134

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay bốn quý gần nhất (số quý là số đơn lẻ).
2. **Lập dãy ba đến năm năm** cho lãi sau thuế, CFO, khấu hao, chi mua sắm tài sản cố định.
3. **Ở phần điều chỉnh vốn lưu động của báo cáo lưu chuyển tiền tệ,** ghi từng dòng phải thu, tồn kho, phải trả, người mua trả tiền trước; dòng nào cùng dấu nhiều năm là nguồn cần hỏi. Xem thêm bài CFO gồm và không gồm những gì.
4. **Tính số ngày phải trả:** số dư phải trả người bán chia giá vốn nhân 365 (bảng cân đối kế toán, từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính). Ghi rõ dùng số dư cuối kỳ hay bình quân.
5. **Đọc thuyết minh:** phải trả người bán theo kỳ hạn, phải thu có chuyển nhượng hay không, chi phí trả trước dài hạn, thay đổi chính sách kế toán.
6. **Viết cạnh mỗi nguồn một câu:** lặp lại được không, đảo chiều khi nào, nguyên nhân hợp lý khác là gì.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cạnh nhau lãi, CFO, chi đầu tư và các dòng vốn lưu động qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai kỳ, hãy ghép theo tên dòng.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, năm 6 và mọi con số là giả định; "5 ngày mỗi năm" và "về 52 ngày" chỉ để minh hoạ, không có ngưỡng nào.

- Ví dụ bỏ qua lãi vay, thuế hoãn lại và điều chỉnh khác để gọn. Cách tách "quy mô" và "kéo dài" phụ thuộc quy ước: giữ số ngày ở 42 từ đầu cho phần quy mô 40 và kéo dài 75 (tổng vẫn 115, từ 80 lên 195).
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có mẫu riêng; xây dựng và bất động sản có nhịp tiền ứng trước khác.

Đừng nói quá

- Không viết "CFO cao hơn lãi nhiều năm là tốt", cũng không viết "là dấu hiệu xấu".
- Không viết "trả chậm nhà cung cấp là có vấn đề": đó có thể là kết quả đàm phán hợp lý.
- Không suy ra ý định của doanh nghiệp từ một chuỗi số. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Phần chênh kéo dài giữa CFO và lãi, hay số ngày trả tăng đều, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác có ở cả ba nhóm: ngành vốn đầu tư nặng, tăng trưởng quy mô, khách ứng trước theo hợp đồng, đàm phán điều khoản tốt hơn. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality" và "Analyzing Statements of Cash Flows I", "II", giáo trình 2026: chỉ trang công khai, truy cập 12/10/2026.
- Sloan, R. G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315 (mẫu Mỹ): khái niệm dồn tích.
- Piotroski, J. (2000), Journal of Accounting Research 38 (Supplement): chín tiêu chí, trong đó ACCRUAL.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): chỉ cho tên báo cáo và lưu ý chuyển kỳ; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Ba nhóm nguồn chênh: Tâm An tổng hợp; số liệu ví dụ Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- CFO gồm và không gồm những gì
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền
- Dòng tiền tự do và các cách tính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận sau thuế nhiều năm liền không luôn tốt và không luôn xấu; câu hỏi là phần chênh đến từ đâu và có lặp lại được không. Có ba nhóm nguồn: cấu trúc như khấu hao, lặp lại đều nhưng tiền đã chi trước ở dòng đầu tư; theo quy mô như khách ứng trước và phải trả tăng cùng giá vốn, bền chừng nào còn lớn lên; một lần hoặc có trần như kéo dài số ngày trả nhà cung cấp, ngừng mua hàng, bán khoản phải thu, đổi cách xếp dòng chi tiền. Với công ty X giả định (tỷ đồng): lãi sau thuế năm năm 585, dòng tiền kinh doanh 795, tỷ lệ 1,36, đều 1,34 đến 1,37 mỗi năm; chênh 210 gồm khấu hao 220, phải thu và tồn kho trừ 125, phải trả theo quy mô 50, phải trả kéo dài 65 (31,0%); số ngày trả từ 42 lên 68; sau chi mua sắm 300 còn 495, bằng 0,85 lãi. Năm 6, giữ 68 ngày thì dòng tiền 182, tỷ lệ 1,26; nếu về 52 ngày thì dòng tiền 134, tỷ lệ 0,93. Mỗi nhóm có nguyên nhân hợp lý khác, ba nhóm là cách sắp xếp của Tâm An, và kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, không phải kết luận về doanh nghiệp hay khuyến nghị đầu tư.

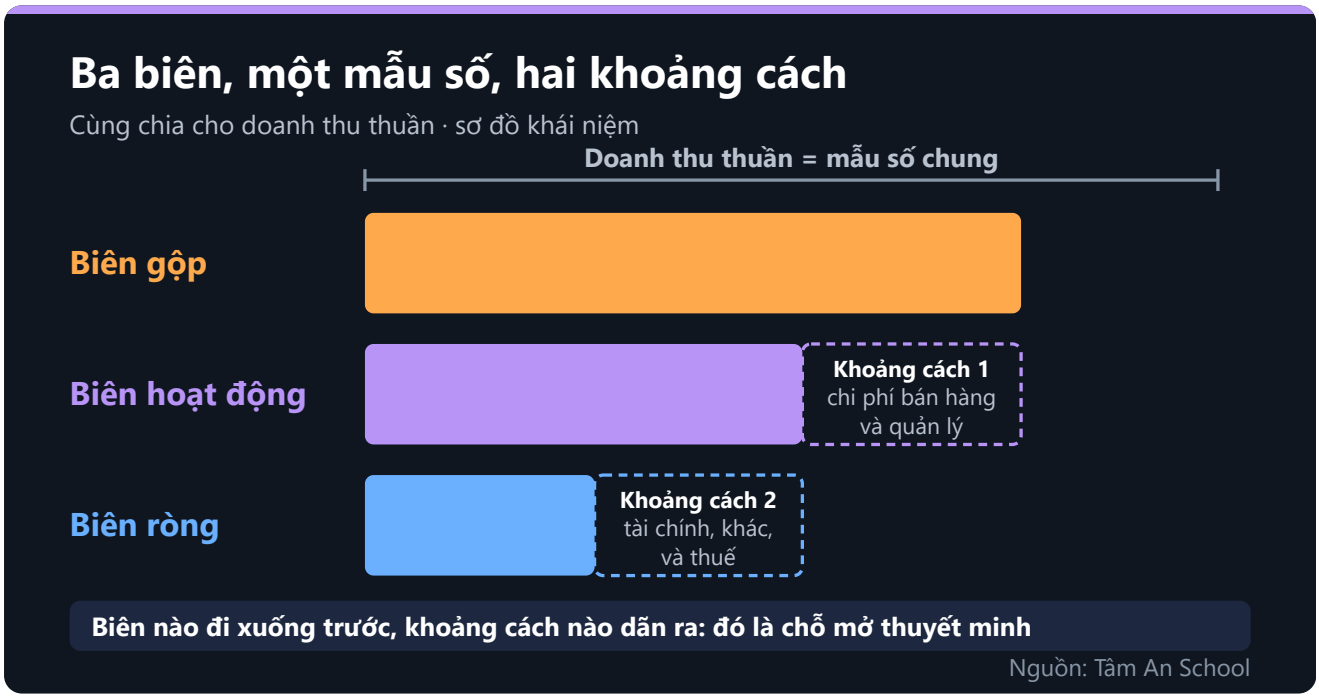
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/dong-tien-kinh-doanh-cao-hon-loi-nhuan-keo-dai-co-luon-la-tot

Biên lợi nhuận thay đổi bất thường: cách đọc biên gộp, biên hoạt động và biên ròng cùng nhau

Câu trả lời ngắn

Một biên lợi nhuận đổi chưa cho biết vì sao đổi; ba biên đọc cùng nhau thì chỉ ra tầng nào của báo cáo kết quả kinh doanh đã dịch chuyển. Cả ba cùng chia cho doanh thu thuần: biên gộp, biên hoạt động (lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý, cách tách của bài) và biên ròng (lợi nhuận sau thuế). Biên gộp đổi thì nhìn giá bán, giá đầu vào, cơ cấu sản phẩm; biên gộp đứng yên mà biên hoạt động đổi thì nhìn chi phí vận hành, kể cả dự phòng; hai biên đầu đứng yên mà biên ròng đổi thì nhìn tài chính, khoản khác, thuế. "Bất thường" là đổi so với chính doanh nghiệp qua nhiều kỳ và, nói chung, so với nhóm doanh nghiệp cùng mô hình; bài không đưa ngưỡng nào. Biên đổi chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Ba biên cùng chia cho doanh thu thuần và hai khoảng cách giữa chúng

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Ba biên, một mẫu số, hai khoảng cách

Định nghĩa từng biên là kiến thức nền; bài này chỉ đọc ba biên cạnh nhau.

Biên	Công thức	Cho biết
Biên gộp	Lợi nhuận gộp chia doanh thu thuần	Còn lại bao nhiêu sau giá vốn
Biên hoạt động	(Lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng trừ chi phí quản lý) chia doanh thu thuần	Còn lại bao nhiêu sau chi phí vận hành
Biên ròng	Lợi nhuận sau thuế chia doanh thu thuần	Còn lại bao nhiêu sau mọi khoản

Về tên gọi: "biên hoạt động" ở đây trùng "cách 1" ở bài lợi nhuận hoạt động chính; mẫu báo cáo không có dòng này. Nó cũng không phải dòng "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh", vì theo mẫu B02-DN của Thông tư 99 dòng đó đã gồm doanh thu và chi phí tài chính. Công thức các biên có thể khác giữa các nguồn, nên hãy ghi rõ công thức và mẫu số đã dùng.

Vì cả ba biên cùng mẫu số, hiệu của hai biên đọc được bằng điểm phần trăm của doanh thu:

- **Khoảng cách thứ nhất** (biên gộp trừ biên hoạt động) bằng chi phí bán hàng cộng chi phí quản lý, chia doanh thu thuần.
- **Khoảng cách thứ hai** (biên hoạt động trừ biên ròng) gồm chi phí tài chính trừ doanh thu tài chính, chi phí khác trừ thu nhập khác, và thuế, tất cả chia doanh thu thuần.

Câu "vì sao biên ròng giảm" thành: biên nào đi xuống đầu tiên, và khoảng cách nào dãn ra.

Biên nào đổi thì nhìn ở đâu

Quan sát	Nhìn trước tiên	Nguyên nhân hợp lý khác
Biên gộp đổi (kéo theo hai biên sau)	Giá bán, giá đầu vào, cơ cấu sản phẩm	Chu kỳ giá hàng hoá, đổi cơ cấu hàng, khuyến mại có kế hoạch
Biên gộp giữ, biên hoạt động đổi	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý, trích hoặc hoàn nhập dự phòng	Mở rộng mạng lưới, ra mắt sản phẩm, đã thu được nợ cũ
Hai biên đầu giữ, biên ròng đổi	Chi phí tài chính, thu nhập và chi phí khác, thuế, lãi hoặc lỗ bán bất động sản đầu tư, phần của cổ đông không kiểm soát	Vay thêm để đầu tư, tỷ giá đảo chiều, ưu đãi thuế hết hạn
Ba biên giữ hoặc đẹp lên	Phải thu và tồn kho so với doanh thu và giá vốn	Mở bán chịu, tích trữ chủ động

Bảng không cứng. Nhiều tầng có thể đổi cùng lúc và bù trừ nhau. Dự phòng cũng nằm lẫn trong các dòng: theo hướng dẫn tài khoản của Thông tư 99, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ghi giảm giá vốn, còn hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; nên một biên có thể đổi chỉ vì dự phòng mà không vì kinh doanh. Muốn biết biên gộp đổi vì bán nhiều hơn hay vì giá, xem bài lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn; bài này dừng ở việc chỉ ra tầng nào đổi.



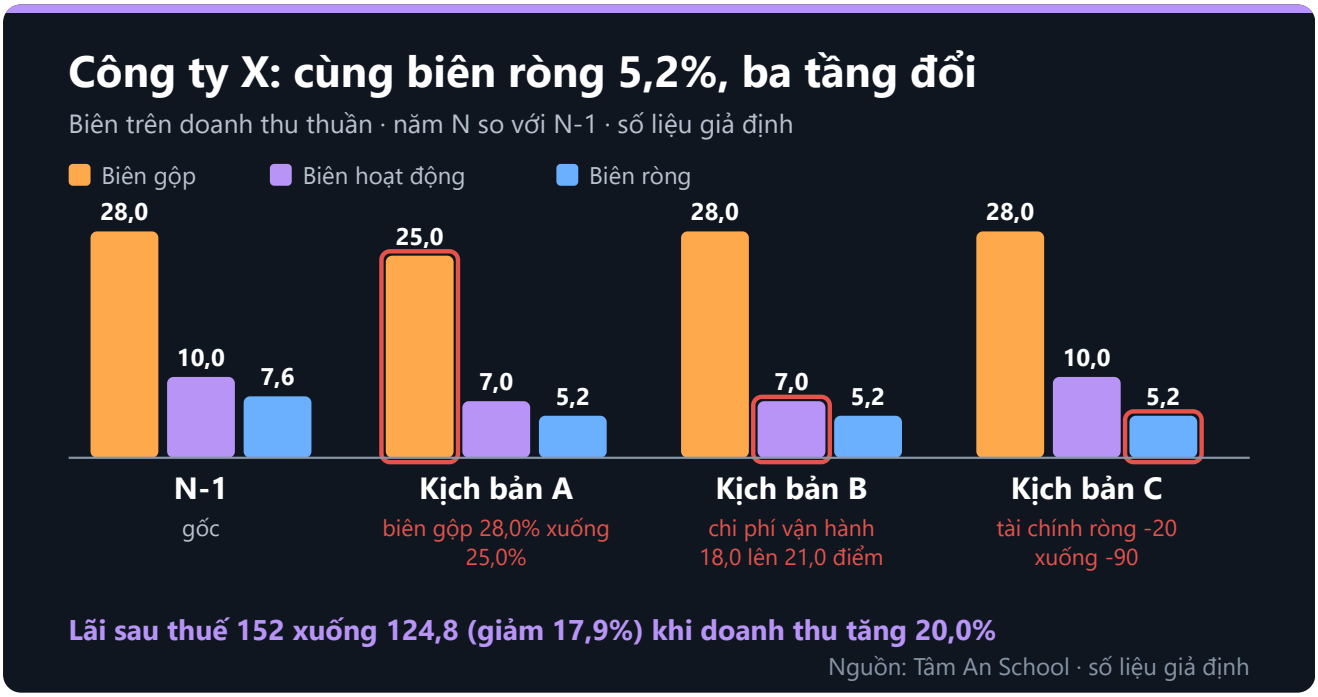
Biên nào đổi thì nhìn ở đâu: biên gộp, chi phí vận hành, tài chính và thuế

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Thuế giả định bằng 20,0% lợi nhuận trước thuế ở mọi cột. Năm N-1 là gốc. Năm N doanh thu tăng 20,0% ở cả ba kịch bản A, B, C, và mỗi kịch bản chỉ dịch một tầng.

Khoản	N-1	A	B	C
Doanh thu thuần	2.000	2.400	2.400	2.400
Giá vốn	1.440	1.800	1.728	1.728
Lợi nhuận gộp	560	600	672	672
Chi phí bán hàng	160	192	216	192
Chi phí quản lý	200	240	288	240
Lợi nhuận hoạt động	200	168	168	240
Tài chính ròng	-20	-24	-24	-90
Khoản khác ròng	10	12	12	6
Lợi nhuận trước thuế	190	156	156	156
Thuế	38	31,2	31,2	31,2
Lợi nhuận sau thuế	152	124,8	124,8	124,8
Biên gộp	28,0%	25,0%	28,0%	28,0%
Biên hoạt động	10,0%	7,0%	7,0%	10,0%
Biên ròng	7,6%	5,2%	5,2%	5,2%



Công ty X giả định: ba kịch bản cùng biên ròng 5,2%, mỗi kịch bản đổi một tầng khác nhau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Tài chính ròng là doanh thu tài chính trừ chi phí tài chính; khoản khác ròng là thu nhập khác trừ chi phí khác.

Cả ba kịch bản cùng kết quả cuối: doanh thu tăng 20,0% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 17,9% (152 xuống 124,8), biên ròng giảm 2,4 điểm (7,6% xuống 5,2%). Trước thuế mỗi kịch bản mất 3,0 điểm (9,5% xuống 6,5%), sau thuế còn 2,4 điểm vì thuế 20,0%. Chỉ nhìn biên ròng thì ba kịch bản giống hệt nhau; nhìn ba biên thì khác hẳn.

- **A, tầng thứ nhất.** Biên gộp giảm 3,0 điểm (28,0% xuống 25,0%), khoảng cách thứ nhất giữ 18,0 điểm nên biên hoạt động giảm đúng 3,0 điểm. Lợi nhuận gộp chỉ tăng 7,1% so với doanh thu 20,0%. Giả sử ba năm trước biên gộp là 27,6%, 28,4%, 28,0%: năm N thấp hơn mức thấp nhất đã thấy 2,6 điểm. Nhìn tiếp giá bán, giá đầu vào, cơ cấu. Hợp lý khác: giá nguyên liệu theo chu kỳ.
- **B, tầng thứ hai.** Biên gộp giữ 28,0%, nhưng khoảng cách thứ nhất dãn từ 18,0 lên 21,0 điểm: chi phí bán hàng từ 8,0% lên 9,0% doanh thu, chi phí quản lý từ 10,0% lên 12,0%. Giả sử trong chi phí quản lý 288 có trích lập dự phòng nợ phải thu 40; bỏ khoản này thì chi phí quản lý còn 248 (10,3%) và biên hoạt động là 8,7%. Nhìn tiếp chi phí theo yếu tố và biến động dự phòng. Hợp lý khác: mở rộng mạng lưới.
- **C, tầng thứ ba.** Biên gộp 28,0% và biên hoạt động 10,0% giữ nguyên, lợi nhuận hoạt động còn tăng 20,0%; chỉ khoảng cách thứ hai dãn từ 2,4 lên 4,8 điểm. Tài chính ròng từ -20 xuống -90: chi phí tài chính 120 gồm lãi vay 105 và lỗ tỷ giá 15, trong khi N-1 lãi vay là 45. Chỉ theo dõi biên gộp hay biên hoạt động thì C trông như chưa có gì xảy ra. Hợp lý khác: vay thêm để đầu tư, lỗ tỷ giá có thể đảo chiều.

Biên đẹp vẫn cần nhìn thêm. Kịch bản D giữ nguyên cả ba biên (28,0%; 10,0%; 7,6%) và lợi nhuận sau thuế 182,4 tăng đúng 20,0% theo doanh thu. Nhưng phải thu giả định từ 300 lên 435 (tăng 45,0%) so với doanh thu 20,0%; số ngày thu tiền, tính trên số dư cuối năm, từ 54,8 lên 66,2. Biên không cho biết tiền đã về hay chưa. Hợp lý khác: bán chịu cho khách lớn. Xem các bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu và tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế.

Thế nào mới gọi là "bất thường"

Ba cách so, và bài không đưa ngưỡng nào:

- **So với chính doanh nghiệp, nhiều kỳ.** Một kỳ lệch thường là nhiễu; điều đáng hỏi là biên rơi ra ngoài khoảng dao động doanh nghiệp từng có, như biên gộp 25,0% ở kịch bản A. Với số quý, so cùng quý năm trước để bớt mùa vụ.
- **So với nhóm doanh nghiệp cùng mô hình.** Mô hình khác nhau cho mức biên khác nhau, nên so khác mô hình dễ sai. Bài không nêu mức biên của ngành nào vì dữ liệu phân ngành chi tiết chưa đủ để khẳng định mức nào là bình thường.
- **So với chu kỳ giá.** Doanh nghiệp bán hàng hoá có giá lên xuống theo chu kỳ thì biên gộp lên xuống theo là bình thường. Câu hỏi là biên có đổi cùng chiều với giá đầu ra và giá đầu vào không.

Biên cũng có thể đổi vì cách tính: đổi chính sách kế toán hoặc ước tính (thời gian khấu hao, tỷ lệ dự phòng) làm đổi chi phí mà hoạt động không đổi. Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), ước tính là chỗ dễ bị dùng quá tay.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ; số quý là số đơn lẻ hay luỹ kế. Nếu dùng lợi nhuận sau thuế hợp nhất, ghi rõ có gồm phần của cổ đông không kiểm soát hay không.
2. **Lập bảng ba biên và hai khoảng cách** qua vài kỳ cùng loại; tìm biên nào lệch trước, khoảng cách nào dãn hay hẹp.
3. **Mở thuyết minh đúng tầng:** giá vốn và hàng tồn kho; chi phí theo yếu tố và dự phòng; chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí thuế.
4. **Đối chiếu với bảng cân đối kế toán** (từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính): phải thu và tồn kho so với doanh thu và giá vốn, rồi đến dòng tiền.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt ba biên và hai khoảng cách cạnh nhau qua nhiều kỳ, giúp người đọc biết nên mở thuyết minh ở tầng nào; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không nêu mã số, hãy ghép hai kỳ theo tên dòng.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, bốn kịch bản và lịch sử biên gộp ba năm đều là giả định; các tỷ lệ chỉ để so với nhau, không có ngưỡng nào.
- Mỗi kịch bản chỉ dịch một tầng cho dễ đọc; thực tế nhiều tầng đổi cùng lúc. Thuế 20,0% đặt đều, bỏ qua thuế hoãn lại.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng nên ba biên theo công thức này không áp dụng nguyên vẹn; bất động sản và xây dựng có nhịp ghi nhận doanh thu khác.

Đừng nói quá

- Không viết "biên giảm là xấu" hay "biên tăng là tốt": cần biết tầng nào đổi và vì sao.
- Không đồng nhất biên hoạt động ở đây với dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên mẫu.
- Không dùng một mức biên hay một mức thay đổi làm ngưỡng chung cho mọi ngành.
- Không suy ra động cơ của doanh nghiệp từ một biên đổi, và bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Biên đổi bất thường, hay một khoảng cách dãn ra, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: chu kỳ giá hàng hoá, đổi cơ cấu sản phẩm, mở rộng mạng lưới, vay để đầu tư, tỷ giá đảo chiều, đổi chính sách kế toán hay ước tính. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai, truy cập 12/10/2026.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): mẫu B02-DN và hướng dẫn lập (Phụ lục IV), hướng dẫn tài khoản (Phụ lục II), Điều 17, 18, 31; Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A). Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025: mẫu B02-DN chưa mở từ văn bản gốc.
- Cách xếp ba biên, hai khoảng cách và bảng "biên nào đổi thì nhìn ở đâu" là cách trình bày của Tâm An dựa trên các bài nền của chuỗi, không phải chuẩn trong sách hay quy định.
- Số liệu ví dụ Tâm An tự đặt và tự tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Một biên lợi nhuận đổi chưa cho biết vì sao đổi; đọc biên gộp, biên hoạt động và biên ròng cùng nhau, cùng chia cho doanh thu thuần, thì thấy tầng nào đã dịch chuyển: biên gộp đổi thì nhìn giá bán, giá đầu vào, cơ cấu; biên gộp giữ mà biên hoạt động đổi thì nhìn chi phí vận hành và dự phòng; hai biên đầu giữ mà biên ròng đổi thì nhìn tài chính, khoản khác, thuế. Với công ty X giả định (tỷ đồng), doanh thu tăng 20,0% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 17,9% (152 xuống 124,8) và biên ròng từ 7,6% còn 5,2% ở cả ba kịch bản: kịch bản A do biên gộp từ 28,0% xuống 25,0%, kịch bản B do chi phí vận hành từ 18,0 lên 21,0 điểm, kịch bản C do tài chính ròng từ -20 xuống -90. Kịch bản D giữ nguyên ba biên nhưng phải thu tăng 45,0% so với doanh thu 20,0%. Bất thường là đổi so với chính doanh nghiệp qua nhiều kỳ và, nói chung, so với nhóm cùng mô hình; bài không đưa ngưỡng nào. Biên đổi chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bien-loi-nhuan-thay-doi-bat-thuong

Piotroski F-Score gồm 9 tiêu chí nào? Điểm cao nghĩa là gì và dùng đúng mục đích ra sao?

Câu trả lời ngắn

Piotroski F-Score là điểm từ 0 đến 9: chín câu hỏi có hoặc không về một doanh nghiệp, mỗi câu "có" (tín hiệu tốt) được một điểm. Bốn câu về sinh lời (ROA, tức lãi chia tổng tài sản, dương; dòng tiền kinh doanh dương; ROA tăng; dòng tiền lớn hơn ROA), ba câu về nợ dài hạn, thanh khoản và phát hành cổ phiếu, hai câu về hiệu quả hoạt động (biên lợi nhuận gộp và vòng quay tài sản). Trong bài gốc, 8 đến 9 điểm là cao, 0 đến 1 là thấp. Điểm cao nghĩa là nhiều tín hiệu cùng chiều tốt trong chín phép thử, không hơn. Mô hình sinh ra để phân biệt doanh nghiệp mạnh với yếu trong một nhóm cổ phiếu giá trị ở Mỹ, không phải để phát hiện gian lận và không phải tín hiệu mua bán. Ví dụ giả định dưới đây có hai công ty cùng 7 điểm, một công ty có dòng tiền kinh doanh âm. Mọi dấu hiệu chỉ là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận.



Piotroski F-Score: chín tiêu chí chia thành ba nhóm 4, 3 và 2 điểm

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Chín tiêu chí, ba nhóm

Piotroski (2000) chọn chín tín hiệu đo ba mặt: sinh lời, đòn bẩy cùng thanh khoản, hiệu quả hoạt động. Mỗi tín hiệu là nhị phân: tốt thì một điểm, không thì không điểm.

Nhóm	Tiêu chí	Được một điểm khi
Sinh lời (4)	ROA	Lãi chia tổng tài sản đầu năm lớn hơn 0
	Dòng tiền kinh doanh	Dòng tiền kinh doanh chia tổng tài sản đầu năm lớn hơn 0
	Thay đổi ROA	ROA năm nay lớn hơn năm trước
	Dồn tích	Dòng tiền kinh doanh lớn hơn ROA (cùng mẫu số)
Nợ, thanh khoản, vốn (3)	Thay đổi đòn bẩy	Nợ dài hạn chia tổng tài sản bình quân giảm
	Thay đổi thanh khoản	Hệ số hiện hành cuối năm tăng
	Không phát hành cổ phiếu	Không phát hành cổ phiếu phổ thông trong năm
Hiệu quả hoạt động (2)	Thay đổi biên gộp	Lợi nhuận gộp chia doanh thu tăng
	Thay đổi vòng quay tài sản	Doanh thu chia tổng tài sản đầu năm tăng

Nhóm sinh lời. Bài gốc lấy lợi nhuận trước các khoản bất thường làm tử số của ROA, và chia cả ROA lẫn dòng tiền cho tổng tài sản đầu năm. Mốc 0 được chọn vì dễ áp dụng, không cần so với ngành, và vì nhiều doanh nghiệp trong mẫu đang lỗ: 41,6% có lỗ trong hai năm tài chính trước đó, nên lãi dương là sự kiện đáng ghi nhận. Tiêu chí dồn tích dựa trên Sloan (1996): lãi lớn hơn dòng tiền là tín hiệu xấu hơn về lợi nhuận kỳ sau. Vì hai vế cùng mẫu số, về đại số tiêu chí này hỏi dòng tiền kinh doanh có lớn hơn lợi nhuận không.

Nhóm nợ, thanh khoản, vốn. Bài gốc coi nợ dài hạn tăng, thanh khoản xấu đi hay huy động vốn bên ngoài là tín hiệu xấu, vì nhóm mẫu thường bị hạn chế tài chính. Nợ đo bằng nợ dài hạn chia tổng tài sản bình quân; thanh khoản bằng hệ số hiện hành; phát hành cổ phiếu phổ thông được coi là dấu hiệu chưa tự tạo đủ nguồn lực nội bộ. Hai tiêu chí đầu nhìn thay đổi, không đặt ngưỡng cho mức tuyệt đối.

Nhóm hiệu quả hoạt động. Biên gộp và vòng quay tài sản là hai thành phần của ROA. Vòng quay tăng có thể do dùng tài sản hiệu quả hơn hoặc chỉ do doanh thu tăng.

Phân bố điểm. Trong mẫu 14.043 quan sát năm-doanh nghiệp của bài gốc, phần lớn nằm quanh 3 đến 7; 1.448 quan sát (10,3%) đạt 8 hoặc 9 và 396 quan sát (2,8%) đạt 0 hoặc 1 (Tâm An tính lại).

Mục đích gốc: phân biệt mạnh và yếu trong nhóm cổ phiếu giá trị

Mẫu gốc là nhóm cổ phiếu có tỷ lệ giá trị sổ sách trên giá thị trường cao, giai đoạn 1976 đến 1996. Tác giả mô tả doanh nghiệp trung bình trong nhóm này thường gặp khó khăn tài chính; câu hỏi của bài là doanh nghiệp nào trong nhóm đang cải thiện nền tảng. Bài gốc cũng nói ý nghĩa mỗi tín hiệu có thể mơ hồ. Bài gốc đo điểm bằng lợi suất cổ phiếu; bài này không xét kết quả đó.

Hệ quả: điểm không đo gian lận, không dự báo phá sản, và chưa được kiểm định cho Việt Nam. Cách dùng hợp lý là xem nó như chín câu hỏi cần mở báo cáo ra trả lời, như bài về mô hình sàng lọc báo cáo tài chính đã nói.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng 7 điểm

Công ty X và Y là giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Lãi dùng lợi nhuận sau thuế cho gọn.

Khoản	X năm N-1	X năm N	Y năm N-1	Y năm N
Tổng tài sản cuối năm (cuối năm N-2: X 1.000, Y 800)	1.100	1.200	900	1.100
Doanh thu	1.210	1.375	900	1.260
Lợi nhuận gộp	242	270	180	265
Lợi nhuận sau thuế	60	77	40	63
Dòng tiền kinh doanh	-	99	-	-45
Nợ dài hạn cuối năm	220	200	200	180
Tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn	440 / 330	480 / 340	360 / 300	600 / 450

Bước 1: chấm X. ROA từ 6,0% (60 chia 1.000) lên 7,0% (77 chia 1.100): đạt hai tiêu chí. Dòng tiền 99 chia 1.100 bằng 9,0%, dương và lớn hơn ROA: đạt hai tiêu chí. Đòn bẩy từ 20,95% (220 chia 1.050) xuống 17,39% (200 chia 1.150), hệ số hiện hành từ 1,333 lên 1,412, vòng quay tài sản từ 1,210 lên 1,250: đạt ba tiêu chí. Biên gộp từ 20,00% xuống 19,64%, giảm 0,36 điểm phần trăm: không đạt. Nếu X không phát hành cổ phiếu, tổng là 8 điểm.

Bước 2: một dòng thuyết minh đổi điểm. Giả sử thuyết minh cho thấy X phát hành cổ phiếu thưởng trị giá 50 từ lợi nhuận giữ lại, không thu tiền. Cách đọc A chỉ tính phát hành để huy động vốn nên X vẫn 8 điểm; cách đọc B tính mọi lần tăng vốn cổ phần nên X còn 7. Ở Việt Nam cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu hay chương trình cho nhân viên mua cổ phiếu làm vốn tăng mà không qua dòng tiền, nên người tự chấm phải chọn một cách và ghi lại.

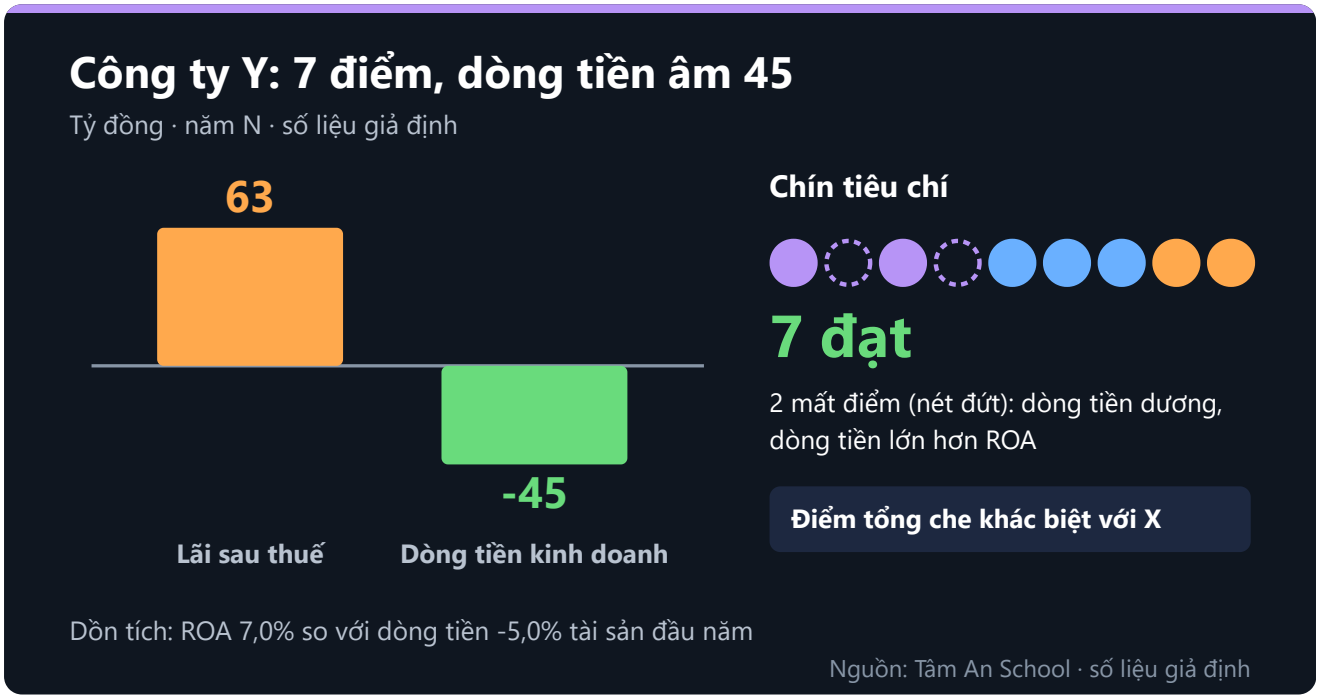


Công ty X giả định: chín tiêu chí, 8 điểm hoặc 7 điểm tuỳ cách đọc tiêu chí phát hành cổ phiếu

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bước 3: chấm Y. ROA từ 5,0% lên 7,0%: đạt hai tiêu chí. Đòn bẩy từ 23,53% xuống 18,00%: đạt. Hệ số hiện hành từ 1,200 lên 1,333: đạt. Biên gộp từ 20,00% lên 21,03%: đạt. Vòng quay từ 1,125 lên 1,400: đạt. Không phát hành cổ phiếu: đạt. Nhưng dòng tiền kinh doanh âm 45 (âm 5,0% tổng tài sản đầu năm) nên hai tiêu chí dòng tiền cùng mất điểm; chênh lệch dồn tích dương 12,0 điểm phần trăm. Tổng là 7 điểm.

Bước 4: cùng 7 điểm, hai bức tranh. Theo cách đọc B, X cũng 7 điểm. X có dòng tiền dương và lớn hơn lãi, mất điểm ở biên gộp (và có thể ở phát hành cổ phiếu). Y đạt nhiều tiêu chí về lợi nhuận và hiệu quả, nhưng lãi sau thuế 63 đi cùng dòng tiền âm 45, chênh 108. Tài sản ngắn hạn của Y tăng từ 360 lên 600 (66,7%), nhanh hơn doanh thu 40,0%, nên một cách đọc là vốn đang nằm trong phải thu hay tồn kho; đây chỉ là gợi ý để mở thuyết minh. Tiêu chí đòn bẩy chỉ nhìn nợ dài hạn nên không thấy nợ ngắn hạn tăng từ 300 lên 450. Điểm tổng che mất khác biệt này.



Công ty Y giả định: 7 điểm nhưng dòng tiền kinh doanh âm 45, hai tiêu chí dòng tiền mất điểm

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bước 5: nhị phân làm mất độ lớn. ROA của X tăng 1,0 điểm phần trăm, của Y tăng 2,0, mỗi công ty một điểm; tăng từ 6,00% lên 6,01% cũng một điểm, còn biên gộp giảm 0,36 điểm phần trăm là mất điểm.

Nguyên nhân hợp lý khác có ở mọi dòng: Y có thể đang tăng trưởng nhanh; X có thể giảm giá bán có chủ đích. Kết quả đúng của ví dụ là danh sách câu hỏi, không phải xếp hạng X hơn Y.

Điểm cao nghĩa là gì, và dùng đúng mục đích ra sao

Điểm 8 đến 9: hầu hết chín phép thử cho kết quả tốt. Điểm 0 đến 1: ngược lại. Điểm 3 đến 7 là vùng đông nhất và lẫn lộn, như hai công ty trên. Cách dùng đúng mục đích:

1. **Tách điểm thành chín dòng** và hỏi về mỗi dòng không đạt, như ở Y.
2. **Nhìn nhiều năm**: một năm có thể lệch do mùa vụ, hợp nhất công ty con hay đổi chính sách kế toán.

3. **So trong nhóm tương đồng**: bài gốc dựng cho nhóm cổ phiếu giá trị; sang nhóm khác, ý nghĩa mỗi tín hiệu có thể đã khác.
4. **Ghi lại định nghĩa** (dòng lợi nhuận nào, nợ dài hạn gồm gì, phát hành cổ phiếu tính thế nào), vì mỗi lựa chọn có thể đổi một điểm.
5. **Dùng đúng câu hỏi**: M-Score nói về khả năng lợi nhuận bị tô điểm, Z-Score về nguy cơ khó khăn tài chính; điểm các mô hình không cộng được với nhau.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ; cần ba mốc tổng tài sản (cuối N-2, N-1, N).
2. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** doanh thu thuần, lợi nhuận gộp, lợi nhuận sau thuế.
3. **Bảng cân đối kế toán:** tổng tài sản, tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, nợ dài hạn (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025 gọi là báo cáo tình hình tài chính).
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và dòng thu từ phát hành cổ phiếu.
5. **Thuyết minh:** vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu), vay dài hạn và phần đến hạn trả, khoản bất thường nếu có.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để liệt kê từng tiêu chí đạt hoặc không, kèm định nghĩa đã dùng; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài không so mã số giữa hai kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, Y và mọi số liệu là giả định; ví dụ lấy lợi nhuận sau thuế thay lợi nhuận trước khoản bất thường của bài gốc, và chưa đối chiếu mẫu biểu Việt Nam xem dòng nào tương ứng.
- Mẫu gốc là doanh nghiệp Mỹ nhóm giá trị, chưa kiểm định cho Việt Nam.
- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; với ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán nhiều tiêu chí vô nghĩa, xem bài về sàng lọc theo ngành.
- Doanh thu ghi nhận theo bàn giao hay tiến độ làm biên gộp, vòng quay méo hơn ở bất động sản, xây dựng; khoản dài hạn đến hạn trả đổi nhóm có thể đổi điểm.

Đừng nói quá

- Không viết "điểm cao là nên mua, điểm thấp là nên bán": bài này không phải khuyến nghị đầu tư.
- Không viết "điểm thấp nghĩa là gian lận": mô hình không được thiết kế để phát hiện gian lận.
- Không viết "9 điểm là doanh nghiệp tốt nhất", và không lẫn với F-score của Dechow cùng cộng sự (2011), một mô hình khác.

Tín hiệu không phải kết luận

F-Score cao hay thấp là tín hiệu để mở đúng dòng trong báo cáo và đọc kỹ hơn, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mất điểm có thể do tăng trưởng nhanh, mua bán sáp nhập, mùa vụ hay đổi cách phân loại; được điểm cũng không bảo đảm gì về kỳ sau. Chỉ kiểm toán độc lập và cơ quan quản lý mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, dòng tiền và nợ cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Piotroski, J. D. (2000), "Value Investing: The Use of Historical Financial Statement Information to Separate Winners from Losers", Journal of Accounting Research 38 (Supplement): 1-41: đã đọc toàn văn PDF; định nghĩa chín tiêu chí, mục đích, mẫu và phân bố điểm lấy từ bài gốc.
- Sloan, R. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315: chỉ diễn giải như bài gốc Piotroski dẫn.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo (mức A): chỉ dùng cho tên báo cáo tình hình tài chính và lưu ý chuyển kỳ; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Số liệu ví dụ, cách chấm cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 10,3% và 2,8%: Tâm An tự đặt hoặc tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Beneish M-Score: tám chỉ số
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z''
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Piotroski F-Score là điểm từ 0 đến 9, mỗi tiêu chí đạt được một điểm: bốn tiêu chí sinh lời (ROA dương, dòng tiền kinh doanh dương, ROA tăng, dòng tiền lớn hơn ROA), ba tiêu chí nợ dài hạn, thanh khoản và phát hành cổ phiếu (nợ dài hạn chia tổng tài sản bình quân giảm, hệ số hiện hành tăng, không phát hành cổ phiếu phổ thông), hai tiêu chí hiệu quả hoạt động (biên lợi nhuận gộp và vòng quay tài sản tăng). Trong bài gốc 8 đến 9 điểm là cao, 0 đến 1 là thấp, và mẫu gốc là nhóm cổ phiếu giá trị của Mỹ giai đoạn 1976 đến 1996, với mục đích phân biệt mạnh và yếu trong nhóm đó, không phải phát hiện gian lận hay tín hiệu mua bán. Hai công ty giả định (tỷ đồng) cùng 7 điểm: công ty X có ROA từ 6,0% lên 7,0%, dòng tiền kinh doanh 99 lớn hơn lãi 77, biên gộp giảm từ 20,00% xuống 19,64% nên mất một điểm, và là 8 hay 7 điểm tuỳ có tính cổ phiếu thưởng trị giá 50 hay không; công ty Y đạt các tiêu chí lợi nhuận và hiệu quả nhưng dòng tiền kinh doanh âm 45 trong khi lãi sau thuế 63, nên mất hai điểm dòng tiền. Điểm là nhị phân nên ROA tăng 0,01 điểm phần trăm cũng một điểm, và tiêu chí đòn bẩy chỉ nhìn nợ dài hạn nên

không thấy nợ ngắn hạn tăng từ 300 lên 450. Cần nhớ ba điều: tách điểm thành chín dòng, cùng điểm có thể khác hẳn bức tranh, và điểm không phải tín hiệu mua bán hay kết luận gian lận. Tất cả là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

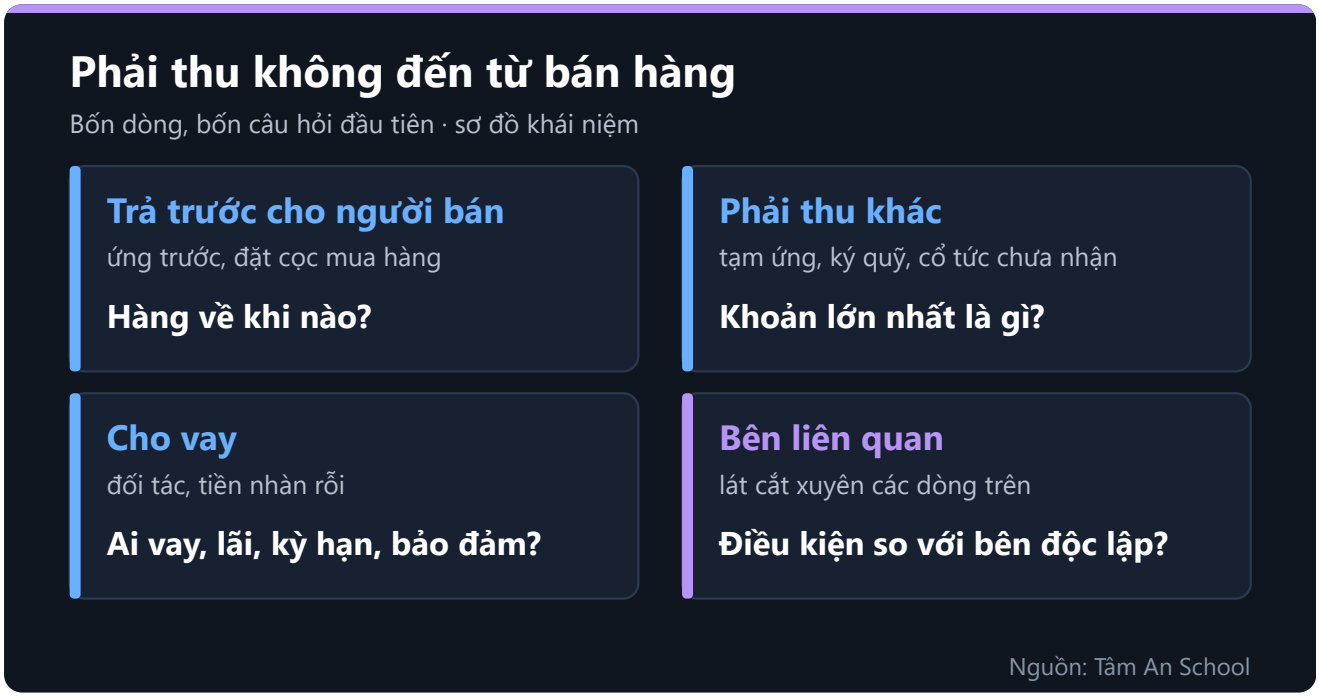
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/piotroski-f-score-gom-9-tieu-chi-nao

Khoản phải thu không đến từ bán hàng (phải thu khác, trả trước người bán, cho vay, bên liên quan) nói lên điều gì?

Câu trả lời ngắn

Khoản phải thu không đến từ bán hàng cho biết doanh nghiệp đã đưa tiền hoặc tài sản ra ngoài mà không nhận lại doanh thu: ứng trước mua hàng, đặt cọc, tạm ứng, cho vay, hoặc bán khoản đầu tư chưa thu tiền. Riêng con số chưa cho biết đó là chi phí kinh doanh hợp lý hay tiền nằm ở nơi khác. Nhóm này đáng tách riêng vì không đi theo doanh thu: gộp chung với phải thu khách hàng thì số ngày thu tiền bị đẩy lên dù khách vẫn trả đúng nhịp. Việc đầu tiên là tách nhóm, tính tỷ trọng trên tổng tài sản và tốc độ tăng so với doanh thu; việc thứ hai là mở thuyết minh xem ai nhận, bao lâu, có bảo đảm và lãi không. Mọi dấu hiệu chỉ là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận.



Bốn dòng phải thu không đến từ bán hàng, mỗi dòng một câu hỏi đầu tiên

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Nhóm này gồm những dòng nào, và vì sao tách riêng

Bài khoản phải thu gồm những gì đã vẽ bản đồ mọi dòng phải thu. Bài này chỉ lấy các dòng không sinh ra từ bán chịu, gọi chung là "phải thu không đến từ bán hàng" (cách gom của Tâm An, không phải tên dòng trong thông tư). Nguyên nhân hợp lý dưới đây do Tâm An tổng hợp.

- **Trả trước cho người bán** (ngắn và dài hạn): ứng trước giữ nguồn cung, thực hiện dự án, đặt cọc mua tài sản. Thứ sắp về là hàng hoặc dịch vụ.

- **Phải thu khác** (ngắn và dài hạn): tạm ứng, ký cược, ký quỹ, cổ tức chưa nhận, chi hộ, bán khoản đầu tư chưa thu tiền.
- **Cho vay**: hỗ trợ đối tác chuỗi cung ứng, dùng tiền nhàn rỗi. Mẫu báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 có dòng riêng trong nhóm phải thu; thuyết minh theo Thông tư 99 đặt cho vay ở mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- **Bên liên quan** không phải dòng riêng mà là lát cắt xuyên qua các dòng trên: người nhận có phải bên liên quan không. Xem bài giao dịch với bên liên quan.

Có ba lý do để tách. Phải thu khách hàng sinh ra khi bán chịu nên đi theo doanh thu, còn các dòng trên sinh ra từ quyết định chi tiền. Chúng được thanh toán bằng hàng, chứng từ, hoàn ký quỹ hay tiền của bên vay. Và tiền ra đi nằm ở chỗ khác nhau trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ: theo mẫu Thông tư 99, giải ngân cho vay có dòng "tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác" ở hoạt động đầu tư, còn ứng trước mua hàng thường đi qua hoạt động kinh doanh (cách hiểu của Tâm An, cần đối chiếu từng doanh nghiệp). Dòng tiền kinh doanh đứng một mình có thể không thấy hết tiền ra đi.

Công thức tham khảo: (phải thu khác + trả trước cho người bán + cho vay + phải thu dài hạn khác) chia tổng tài sản. Hai thước đo: tỷ trọng đó và tốc độ tăng của nhóm so với doanh thu. Tâm An không nêu ngưỡng nào để gọi là cao hay nhanh: phải tự định nghĩa theo ngành, so qua nhiều kỳ.

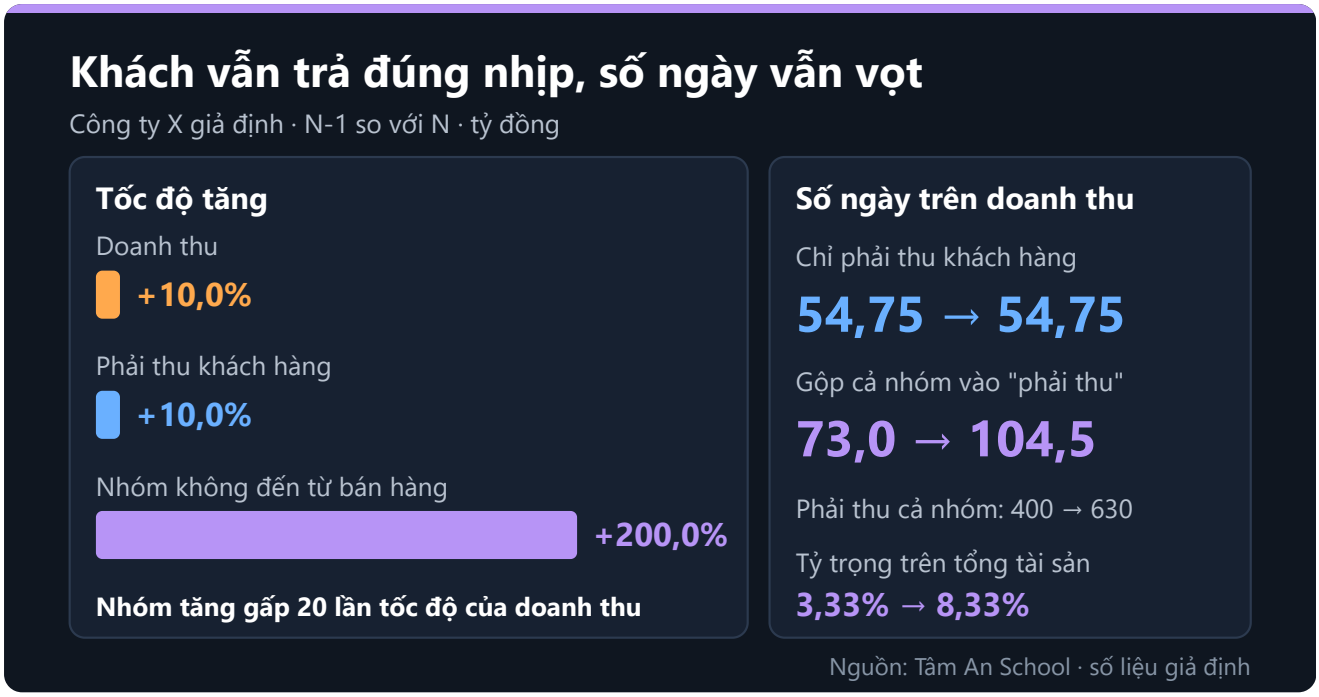
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X, tỷ đồng, số liệu giả định tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Doanh thu thuần 2.000 năm N-1 và 2.200 năm N (tăng 10,0%); tổng tài sản 3.000 và 3.600; lãi sau thuế 160 và 176.

Dòng	N-1	N	Tăng
Phải thu khách hàng	300	330	+30
Trả trước cho người bán	40	110	+70
Phải thu khác ngắn hạn	30	50	+20
Cho vay	20	100	+80
Phải thu dài hạn khác	10	40	+30
Nhóm không đến từ bán hàng	**100**	**300**	**+200**

Bước 1: tách để thấy số ngày thu tiền. Phải thu khách hàng tăng 10,0%, đúng bằng doanh thu; số ngày thu tiền là 54,75 ở cả hai năm. Gộp cả nhóm kia vào "phải thu", tổng từ 400 lên 630 (tăng 57,5%) và số ngày trên doanh thu từ 73,0 lên 104,5. Khách hàng của X không trả chậm hơn; con số xấu đi hoàn toàn do nhóm không đến từ bán hàng. Bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu bàn riêng phần phải thu khách hàng.

Bước 2: tỷ trọng, tốc độ, nguồn gốc mức tăng. Nhóm tăng từ 100 lên 300, tức 200,0% khi doanh thu tăng 10,0%, gấp 20 lần; tỷ trọng trên tổng tài sản từ 3,33% lên 8,33%. Trong mức tăng 200: cho vay +80 (40,0%), trả trước +70 (35,0%), phải thu dài hạn khác +30, phải thu khác ngắn hạn +20. Phần cho vay, nếu đã giải ngân, nằm ở dòng đầu tư; 120 còn lại tuỳ bản chất từng khoản. Các con số này để đặt câu hỏi, không phải ngưỡng.



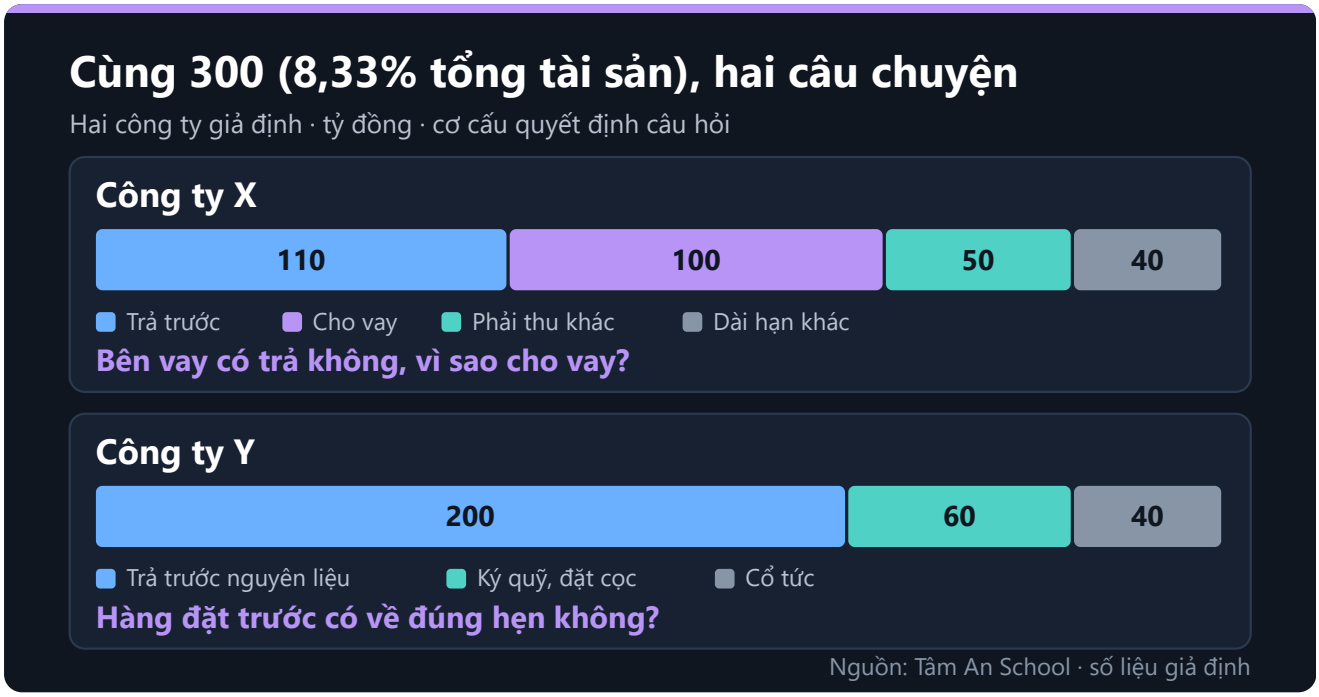
Công ty X giả định: nhóm không đến từ bán hàng tăng từ 100 lên 300 khi doanh thu tăng 10%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bước 3: mở thuyết minh (giả định). Trả trước 110: nhà cung cấp A 50, B 30, các nhà cung cấp khác 30. Cho vay 100: công ty C 70, bên liên quan, lãi 6,0% một năm, kỳ hạn 12 tháng, không bảo đảm; công ty D 30, không phải bên liên quan, lãi 9,0%, có bảo đảm. Phải thu khác ngắn hạn 50: tạm ứng 20, ký quỹ 15, cổ tức 10, khác 5. Phải thu dài hạn khác 40: đặt cọc dự án kỳ hạn 24 tháng.

Vài thước đo của Tâm An, không có ngưỡng: ba đối tượng lớn nhất (C 70, A 50, B 30) cộng 150, bằng 50,0% nhóm; khoản của bên liên quan C bằng 23,3% nhóm và 1,94% tổng tài sản. Nếu khoản 70 được tài trợ bằng vay lãi 8,0%, X thu 4,2 mà trả 5,6, chênh 1,4, nhỏ so với lãi sau thuế 176: điều đáng hỏi là mục đích, kỳ hạn và khả năng thu hồi. Về vốn vay đứng sau, xem bài tách nợ vay khỏi nợ phải trả.

Bước 4: cùng con số, hai câu chuyện. Công ty Y giả định cũng có nhóm này bằng 300 trên tổng tài sản 3.600, tức 8,33%. Nhưng ở Y, 200 là tiền ứng trước mua nguyên liệu theo hợp đồng giao trong quý sau, rải trên nhiều nhà cung cấp; 60 là ký quỹ, đặt cọc; 40 là cổ tức phải thu; không có bên liên quan. Ở X, cho vay chiếm 33,3% nhóm. Câu hỏi với Y là hàng có về đúng hẹn không; với X là bên vay có trả không và vì sao cho vay. Cả hai chưa phải kết luận.



Cùng 300 trên tổng tài sản 3.600, hai công ty giả định có cơ cấu và câu hỏi khác nhau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Các quan điểm khác nhau

Bài không chọn bên. Mỗi gạch đầu dòng là một cách nhìn, kèm nhóm nguồn.

- **Cách nhìn vận hành (tổng hợp của Tâm An, kèm hướng dẫn Thông tư 99).** Phần lớn các khoản này là hệ quả bình thường của kinh doanh; mẫu thuyết minh phải thu khác của Thông tư 99 dặn căn cứ vào bản chất thay vì tên gọi giao dịch. Nhóm tăng là câu hỏi về hợp đồng và thời hạn, chưa phải dấu hiệu rủi ro.
- **Khung sàng lọc kế toán (Dechow, Ge, Larson và Sloan 2011; Bùi Phương Chi và cộng sự 2021).** Mô hình F-score có biến tài sản mềm: tổng tài sản trừ tài sản cố định ròng và tiền, chia tổng tài sản; hệ số dương ở mô hình thứ nhất. Trên 3.684 báo cáo năm của 307 công ty niêm yết 2007 đến 2018, VNU 2021 thấy biến này cùng chiều, ý nghĩa mức 1% ở cả tám cột, nhưng sức giải thích thấp (pseudo R bình phương 0,023 đến 0,069). Trung bình nó là 63,1% tổng tài sản vì gồm cả phải thu khách hàng và hàng tồn kho: rộng hơn nhóm của bài.
- **Nghiên cứu quản trị công ty (Jiang, Lee và Yue 2010; Peng, Wei và Yang 2011).** Nhóm đầu ghi nhận, ở công ty niêm yết Trung Quốc 1996 đến 2006, trường hợp cổ đông kiểm soát dùng cho vay giữa các công ty để rút hàng tỷ nhân dân tệ. Nhóm sau đặt cạnh khả năng ngược lại: bên kiểm soát có thể hỗ trợ vốn, tuỳ tình trạng tài chính; theo tóm tắt, cùng loại giao dịch có thể phục vụ cả hai mục đích. Bối cảnh Trung Quốc, không suy ra cho Việt Nam.
- **Cách phân loại giữa hai mẫu thông tư.** Có người xếp cho vay vào hoạt động tài chính và tách khỏi phải thu, như thuyết minh của Thông tư 99; có người gộp để theo dõi mọi khoản tiền nằm ngoài vòng quay bán hàng, như dòng riêng của mẫu 2025. Đây là cách diễn giải của Tâm An; quan trọng là nhất quán qua các kỳ.

- **Giới hạn của bằng chứng.** Biến phụ thuộc của VNU 2021 dựa trên chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, không phải sai phạm đã chứng minh; hệ số Dechow lấy từ mẫu Mỹ 1982 đến 2005. Kho tài liệu của Tâm An chưa có nghiên cứu Việt Nam xét riêng phải thu khác hay trả trước cho người bán.

Các cách nhìn trả lời những câu hỏi khác nhau và không loại trừ nhau; bài không rút ra kết luận chung.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ; báo cáo năm 2025 (Thông tư 200) hay từ năm tài chính 2026 (Thông tư 99). Gom dòng theo tên, không theo mã số; từ năm 2026 bảng cân đối kế toán gọi là báo cáo tình hình tài chính.
2. **Thuyết minh phải thu khác:** mẫu Thông tư 99 chia theo cổ tức, phải thu của người lao động, ký cược ký quỹ, cho mượn tài sản, chi hộ. Với tạm ứng, đặt cọc, ký quỹ chiếm từ 10% trở lên tổng phải thu khác, mẫu yêu cầu nêu bản chất, giá trị, thời gian tạm ứng và hoàn ứng, quá hạn nếu có; có thoả thuận trả lãi thì nêu lãi suất.
3. **Cho vay và nợ xấu:** mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có dòng cho vay; mục nợ xấu nêu phải thu, cho vay quá hạn hoặc khó thu hồi. Dự phòng xem bài dự phòng nợ phải thu khó đòi.
4. **Năm câu hỏi cho mỗi khoản lớn:** đối tượng và có phải bên liên quan không; thời hạn; bảo đảm; lãi suất; tập trung vào bao nhiêu đối tượng. Đối chiếu báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách nhóm, tính tỷ trọng và tốc độ tăng qua nhiều kỳ rồi gợi ý khoản nên mở thuyết minh trước; chỉ là sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài không so mã số giữa hai thời kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, Y và mọi số trong ví dụ là giả định, đã đơn giản hoá (bỏ qua dự phòng, thuế, tỷ giá). Cách gom bốn dòng và các tỷ lệ 50,0%, 23,3% là thước đo minh hoạ của Tâm An, không phải chỉ tiêu chuẩn.
- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính, và không nêu mức thông thường theo ngành vì chưa có dữ liệu phân ngành chi tiết.

Đừng nói quá

- Không viết "phải thu không đến từ bán hàng tăng là xấu" hay "là bình thường": con số một mình chưa nói được gì.
- Không viết "cho vay bên liên quan là rút vốn": giao dịch với bên liên quan không tự nó là dấu hiệu sai.
- Không dùng điểm tài sản mềm để chấm một công ty. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Nhóm tăng nhanh hơn doanh thu, tỷ trọng trên tổng tài sản tăng, tập trung vào ít đối tượng hay có khoản của bên liên quan là cớ để mở thuyết minh và đọc nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: ứng trước giữ nguồn cung, đặt cọc dự án dài, hỗ trợ đối tác, tăng trưởng nhanh. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một khoản cụ thể. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, tài sản và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; mẫu biểu Thông tư 99 đọc lại nguyên văn ngày 25/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục IV, Công báo số 1577 + 1578 ngày 16/11/2025 (mức A): bảng cân đối (trang 33, 34), đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (trang 58), phải thu khác (trang 60, 61), nợ xấu (trang 62, 63), dòng tiền chi cho vay; Điều 17 và 31. Thông tư 200/2014/TT-BTC: theo bài về khoản phải thu.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49; Dechow, Ge, Larson và Sloan (2011), Contemporary Accounting Research 28(1) (đã đọc).
- Jiang, Lee và Yue (2010), Journal of Financial Economics 98(1); Peng, Wei và Yang (2011), Journal of Corporate Finance 17(2): chỉ đọc phần tóm tắt.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Khoản phải thu gồm những gì
- Giao dịch với bên liên quan
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Nợ vay và nợ phải trả

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Khoản phải thu không đến từ bán hàng gồm trả trước cho người bán, phải thu khác, cho vay và phải thu dài hạn khác; bên liên quan là lát cắt xuyên qua các dòng đó. Nhóm này đáng tách riêng vì không đi theo doanh thu và được thanh toán bằng thứ khác tiền của khách. Với công ty X giả định (tỷ đồng), doanh thu và phải thu khách hàng cùng tăng 10,0%, số ngày thu tiền giữ 54,75; nhưng gộp cả nhóm vào phải thu thì tổng từ 400 lên 630 và số ngày từ 73,0 lên 104,5. Riêng nhóm tăng từ 100 lên 300, tức 200,0%, gấp 20 lần tốc độ của doanh thu; tỷ trọng trên tổng tài sản từ 3,33% lên 8,33%; mức tăng 200 gồm cho vay 80, trả trước 70, phải thu dài hạn khác 30, phải thu khác ngắn hạn 20. Mở thuyết minh giả định thấy ba đối tượng lớn nhất chiếm 50,0% nhóm và khoản của bên liên quan chiếm 23,3%; công ty Y giả định cùng 300 và 8,33% nhưng chủ yếu là tiền ứng trước mua nguyên liệu, nên câu hỏi khác. Các quan điểm không thống nhất: cách nhìn vận hành coi đây là chi phí bình thường của kinh doanh; khung sàng lọc kế toán có biến

tài sản mềm, cùng chiều nhưng sức giải thích thấp; nghiên cứu quản trị công ty ghi nhận cả khả năng rút vốn lẫn hỗ trợ vốn; cách phân loại cho vay khác nhau giữa hai mẫu thông tư. Cần nhớ ba điều: tách nhóm khỏi phải thu khách hàng, đo tỷ trọng và tốc độ nhưng không đặt ngưỡng, rồi mở thuyết minh với năm câu hỏi. Tất cả là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, càng không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/khoan-phai-thu-khong-den-tu-ban-hang-noi-len-dieu-gi

Thu nhập khác và chi phí khác là gì, và vì sao nhà đầu tư luôn đọc thuyết minh của khoản này khi lãi tăng vọt?

Câu trả lời ngắn

Thu nhập khác là khoản thu phát sinh ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp; chi phí khác là khoản chi phát sinh từ những sự kiện riêng biệt với hoạt động thông thường. Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo mẫu của Thông tư 99/2025, hai khoản này nằm ở các dòng riêng (thu nhập khác, chi phí khác, lợi nhuận khác), đặt sau dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh rồi cộng vào lợi nhuận trước thuế. Nhà đầu tư mở thuyết minh vì báo cáo chỉ cho số ròng, còn câu hỏi quan trọng là số đó gồm khoản nào, đã thu tiền chưa và có lặp lại được không. Ở công ty X giả định, lãi sau thuế tăng 41,5% nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ tăng 5,0%; phần còn lại đến từ lợi nhuận khác. Đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Thu nhập khác, chi phí khác nằm ở đâu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Sơ đồ minh hoạ khái niệm theo mẫu báo cáo năm của Thông tư 99/2025.

Chuẩn mực định nghĩa thế nào, báo cáo trình bày ở đâu

Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC) định nghĩa thu nhập khác là khoản thu làm tăng vốn chủ sở hữu, phát sinh từ hoạt động nằm ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Đoạn 30 mô tả đó là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên. "Không thường xuyên" là mô tả, không phải ngưỡng đo được. Tình trạng hiệu lực hiện hành của văn bản này chưa xác minh (xem mục Căn cứ), nên bài chỉ dùng nó như cách mô tả khái niệm.

Về chi phí, hướng dẫn tài khoản 811 của Thông tư 99/2025 mô tả chi phí khác là khoản chi phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường.

Trên mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm của Thông tư 99/2025, ba dòng là thu nhập khác (mã số 31), chi phí khác (mã số 32) và lợi nhuận khác (mã số 40, bằng mã 31 trừ mã 32). Chúng đứng sau dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 30), và lợi nhuận kế toán trước thuế (mã số 50) bằng mã 30 cộng mã 40. Dòng mã 30 không phải "lợi nhuận hoạt động chính" do người phân tích tự tách; phần đó đã có ở bài lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào.

Chi tiết dễ bỏ sót: với thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99/2025 nói số ghi vào thu nhập khác là phần khoản thu vượt giá trị còn lại cộng chi phí thanh lý; nếu thấp hơn, phần chênh ghi vào chi phí khác. Số trên báo cáo là lãi hoặc lỗ của việc thanh lý, không phải tổng tiền bán.

Thu nhập khác thường gồm những gì

Danh sách tổng hợp từ hướng dẫn tài khoản 711 của Thông tư 99/2025 và đoạn 30 của chuẩn mực số 14. Cột cuối là cách sắp xếp của Tâm An để đặt câu hỏi, không phải phân loại của chuẩn mực.

Khoản	Ghi nhận thế nào (theo hướng dẫn đã đọc)	Nhóm theo độ lặp lại
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Báo cáo ghi phần chênh lệch; tiền thu ở dòng đầu tư	Sự kiện đơn lẻ
Tiền bảo hiểm, bồi thường của bên thứ ba	Có tiền vào	Sự kiện đơn lẻ
Thu hồi nợ phải thu đã xử lý xoá sổ	Có tiền vào khi thu được	Sự kiện đơn lẻ
Nợ phải trả không xác định được chủ nợ, hoặc xác định là không phải trả	Ghi giảm nợ, không có tiền vào	Sự kiện đơn lẻ
Thuế được giảm, được hoàn	Ghi khi có quyết định; tiền về khi được hoàn	Sự kiện đơn lẻ
Tiền phạt thu từ đối tác vi phạm hợp đồng	Nếu nằm ngoài giá trị hợp đồng	Tuỳ hợp đồng
Quà biếu, tài trợ, hỗ trợ	Tiền hoặc tài sản; có điều kiện kèm theo thì hạch toán khác	Sự kiện đơn lẻ
Lãi đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	Không có tiền vào	Sự kiện đơn lẻ
Các khoản khác (có doanh nghiệp xếp cả bán phế liệu)	Tuỳ chính sách	Có thể lặp lại đều

Chi phí khác theo hướng dẫn tài khoản 811 gồm chi phí và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, tháo dỡ, di dời; lỗ đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn; tiền phạt vi phạm hợp đồng hay phạt hành chính; và các khoản khác.

Hai điều cần biết:

- **Hoàn nhập dự phòng thường không nằm ở đây.** Theo hướng dẫn tài khoản dự phòng của Thông tư 99/2025, hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi ghi giảm chi phí quản lý, hoàn nhập dự phòng hàng

tồn kho ghi giảm giá vốn, hoàn nhập dự phòng đầu tư ghi giảm chi phí tài chính. Muốn thấy lãi tăng nhờ hoàn nhập, hãy nhìn các dòng đó; bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào giải riêng.

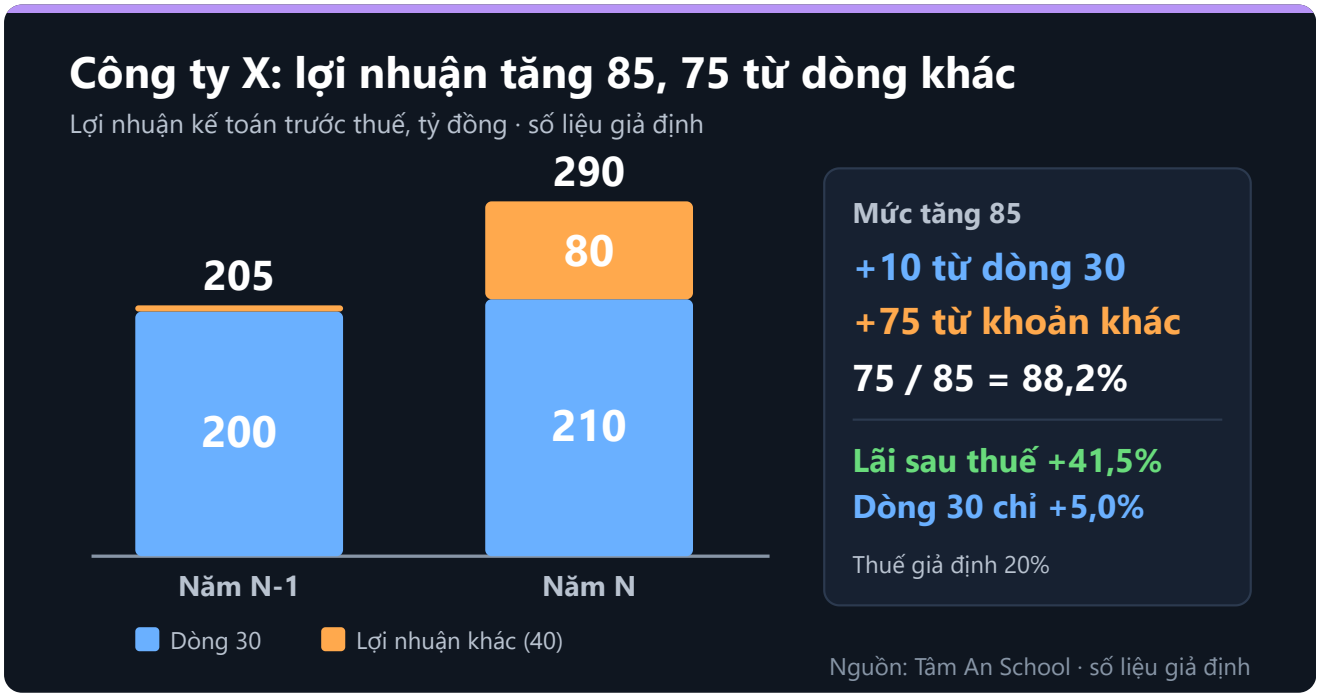
- **Thu nhập khác không đồng nghĩa với tiền vào.** Xoá nợ phải trả làm lãi tăng nhưng không đưa tiền về. Ngược lại, tiền bồi thường hay thu hồi nợ đã xoá sổ là tiền thật nhưng thường chỉ xảy ra một lần.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X, tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Để gọn, thuế giả định 20% lợi nhuận trước thuế, bỏ qua mọi điều chỉnh khác.

Chỉ tiêu (tên và mã theo mẫu năm Thông tư 99/2025)	Năm N-1	Năm N
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30)	200	210
Thu nhập khác (31)	9	88
Chi phí khác (32)	4	8
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5	80
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	205	290
Lợi nhuận sau thuế (thuế giả định 20%)	164	232
Lợi nhuận khác chia lợi nhuận trước thuế	2,4%	27,6%

Lãi sau thuế tăng từ 164 lên 232, tức 41,5%. Nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ tăng từ 200 lên 210, tức 5,0%. Trong mức tăng 85 của lợi nhuận trước thuế (205 lên 290), phần của dòng lợi nhuận khác là 75, bằng 88,2%. Nếu lợi nhuận khác giữ mức năm trước là 5, lợi nhuận trước thuế năm N là 215, tăng 4,9% thay vì 41,5%.



Công ty X giả định: lợi nhuận trước thuế tăng 85, trong đó 75 từ lợi nhuận khác

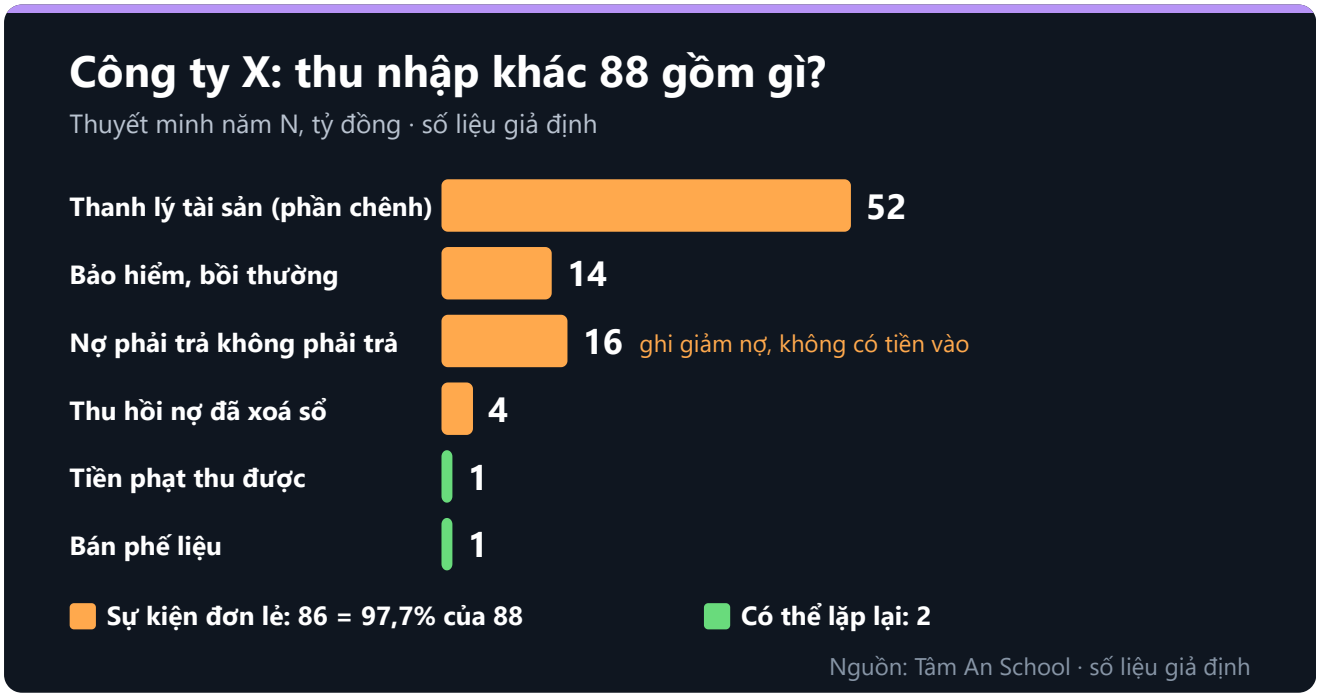
Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Giờ mở thuyết minh (giả định có bảng chia theo khoản mục):

Khoản mục	Năm N-1	Năm N
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (phần chênh lệch)	4	52
Tiền bảo hiểm, bồi thường	0	14
Nợ phải trả không phải trả nữa	0	16
Thu hồi nợ phải thu đã xoá sổ	0	4
Tiền phạt thu được	2	1
Khác (bán phế liệu)	3	1
Cộng thu nhập khác	**9**	**88**
Tiền phạt phải trả và khoản nhỏ khác	4	5
Giá trị còn lại tài sản tháo dỡ	0	3
Cộng chi phí khác	**4**	**8**

Kiểm cộng: 4 + 2 + 3 = 9 và 52 + 14 + 16 + 4 + 1 + 1 = 88; 4 + 0 = 4 và 5 + 3 = 8.

Bốn khoản gắn với sự kiện đơn lẻ (thanh lý 52, bồi thường 14, nợ phải trả 16, thu hồi nợ 4) cộng lại 86, bằng 97,7% của 88; hai khoản có thể lặp lại (tiền phạt 1, phế liệu 1) chỉ có 2. Khoản 16 là xoá nợ phải trả: sổ ghi giảm nợ chứ không có tiền vào, chiếm 18,2% của 88. Khoản thanh lý 52 là phần lãi trên báo cáo; số tiền bán thực thu nằm ở dòng đầu tư của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và chỉ tính phần đã thu. Chưa thể nói tốt hay xấu: thanh lý theo kế hoạch tái cơ cấu hoàn toàn có thể hợp lý. Điều đọc được: phần tăng năm N khó lặp lại nếu năm sau không có sự kiện tương tự.



Công ty X giả định: thu nhập khác 88 gồm 86 sự kiện đơn lẻ, 2 có thể lặp lại

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý.
2. **Tính tỷ trọng lợi nhuận khác** trong lợi nhuận trước thuế qua ba đến năm kỳ, và tách mức tăng thành phần từ dòng 30 và phần từ lợi nhuận khác. Bài không đặt ngưỡng.
3. **Mở thuyết minh** phần thu nhập khác và chi phí khác. Mẫu thuyết minh năm của Thông tư 99/2025 có bảng riêng cho hai khoản này, kể cả dòng "các khoản khác"; dòng đó lớn là chỗ cần đọc tiếp.
4. **Phân loại từng khoản** bằng hai câu: có tiền vào không, lặp lại được không, kèm một nguyên nhân hợp lý khác.
5. **Đối chiếu báo cáo lưu chuyển tiền tệ.** Theo hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99/2025, tiền thu từ thanh lý tài sản thuộc luồng đầu tư và chỉ tính phần đã thu; tiền bồi thường, tiền phạt thu được thuộc khoản "tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh" (phương pháp trực tiếp). Khi lập gián tiếp, lãi thanh lý được trừ khỏi lợi nhuận trước thuế vì dòng tiền của nó ở luồng đầu tư.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cạnh nhau lợi nhuận thuần và lợi nhuận khác qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Mã số trong bài chỉ lấy từ mẫu Thông tư 99/2025 đã đọc; bài chưa mở Thông tư 200 nên không so mã số hay tên dòng giữa hai kỳ. Khi đọc báo cáo kỳ cũ, hãy mở mẫu biểu của chính kỳ đó.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, hai năm N-1, N và mọi con số là giả định; thuế 20% chỉ để gọn, tỷ trọng 2,4% và 27,6% chỉ để minh hoạ, không có ngưỡng nào.
- Cách chia "sự kiện đơn lẻ" và "có thể lặp lại" là sắp xếp của Tâm An. Tiền phạt hay bán phế liệu có thể lặp đều ở doanh nghiệp này, đơn lẻ ở doanh nghiệp khác; có doanh nghiệp ghi bán phế liệu vào doanh thu. Phải đọc thuyết minh.
- Doanh nghiệp bán phế liệu hay dịch vụ phụ đều đặn có thể có thu nhập khác lặp lại hợp lý. Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính, theo mẫu năm đáp ứng giả định hoạt động liên tục; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có mẫu riêng, bài chưa đọc.

Đừng nói quá

- Không viết "thu nhập khác tăng là lãi không thật": khoản đó có thể hợp lệ và được thuyết minh đầy đủ.
- Không viết "thu nhập khác luôn là một lần": độ lặp lại phải xem từng khoản.
- Không suy ra ý định của doanh nghiệp từ một chuỗi số; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Lợi nhuận khác chiếm tỷ trọng tăng vọt, hay dòng "các khoản khác" lớn, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý khác có thể là thanh lý theo kế hoạch tái cơ cấu, được bồi thường sau tổn thất, hay xử lý công nợ cũ đúng thủ tục. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026 cho các văn bản chung; phần thu nhập khác, chi phí khác của Thông tư 99/2025 và đoạn 03, 30 đến 34 của chuẩn mực số 14 đọc nguyên văn ngày 25/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): tài khoản 711, 811 và dự phòng; mẫu và hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mã 30, 31, 32, 40, 50); thuyết minh mẫu năm; hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC), đoạn 03, 30 đến 34, đọc từ bản đăng lại (mức A*); trang đăng lại ghi quyết định là "hết hiệu lực", hiệu lực hiện hành chưa xác minh.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chưa mở văn bản gốc, chỉ nhắc để báo chuyển kỳ.
- Số liệu ví dụ Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền không
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Thu nhập khác là khoản thu phát sinh ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu; chi phí khác là khoản chi phát sinh từ những sự kiện riêng biệt với hoạt động thông thường. Trên mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm của Thông tư 99/2025, chúng là các dòng 31, 32 và 40 (lợi nhuận khác bằng 31 trừ 32), đứng sau dòng 30 và cộng vào dòng 50; riêng thanh lý tài sản cố định chỉ ghi phần chênh lệch. Danh mục thường gồm thanh lý, bồi thường, thu hồi nợ đã xoá sổ, nợ phải trả không phải trả, thuế được giảm hoặc hoàn, tiền phạt; hoàn nhập dự phòng thường nằm ở chi phí quản lý, giá vốn hoặc chi phí tài chính chứ không ở dòng 31. Với công ty X giả định (tỷ đồng): lãi sau thuế từ 164 lên 232 (tăng 41,5%) nhưng dòng 30 từ 200 lên 210 (tăng 5,0%); lợi nhuận trước thuế tăng 85, trong đó 75 (88,2%) từ lợi nhuận khác, tỷ trọng từ 2,4% lên 27,6%; thu nhập khác 88 gồm 86 sự kiện đơn lẻ (97,7%) và 2 có thể lặp lại, trong đó 16 là xoá nợ phải trả không có tiền vào. Nhóm đơn lẻ và có thể lặp lại là cách sắp xếp của Tâm An, kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, không phải kết luận về doanh nghiệp hay khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thu-nhap-khac-va-chi-phi-khac-la-gi-va-vi-sao-nha-dau

Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không? Cách ước tính tiền thu từ báo cáo

Câu trả lời ngắn

Không nhất thiết. Doanh thu là số đã ghi nhận theo điều kiện chuyển giao; tiền thu là số khách thật sự đã trả trong kỳ. Từ báo cáo có thể ước tính: tiền thu ước tính bằng doanh thu thuần, trừ phần tăng phải thu khách hàng, cộng phần tăng người mua trả tiền trước, cộng phần tăng doanh thu chờ phân bổ nếu có. Với công ty X giả định, doanh thu 1.000, phải thu tăng 100, trả trước giảm 20 cho tiền thu ước tính 880. Đó chỉ là ước lượng, vì bỏ qua thuế giá trị gia tăng, tỷ giá, phạm vi hợp nhất, xoá sổ nợ và bù trừ công nợ. Hãy so tỷ lệ này qua nhiều kỳ bằng cùng một cách tính, như tín hiệu để mở thuyết minh. Nếu dòng tiền trình bày trực tiếp, đọc thẳng dòng tiền thu bán hàng.



Công thức tiền thu ước tính từ doanh thu và ba khoản thay đổi

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Công thức đi ngược từ báo cáo

Bài doanh thu được ghi nhận khi nào đi từ hợp đồng đến báo cáo; bài này đi ngược lại, vì người đọc thường chỉ có báo cáo. Nguyên lý: phải thu tăng nghĩa là có doanh thu đã ghi mà tiền chưa vào; người mua trả tiền trước tăng nghĩa là có tiền vào mà doanh thu chưa ghi. Do đó:

Tiền thu ước tính = doanh thu thuần, trừ phần tăng phải thu khách hàng, cộng phần tăng người mua trả tiền trước, cộng phần tăng doanh thu chờ phân bổ (nếu có). "Tăng" là số cuối kỳ trừ số đầu kỳ; số giảm thì dấu đảo lại. Tên dòng theo mẫu báo cáo tình hình tài chính của Thông tư 99, mỗi dòng có phần ngắn hạn và dài hạn nếu có.

Hướng dẫn mẫu này (Công báo, đã đọc nguyên văn) cho hai chi tiết đáng nhớ. Thứ nhất, "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" lấy từ tổng số dư Nợ chi tiết của tài khoản 131 mở theo từng khách, còn "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" lấy từ số dư Có chi tiết cũng của tài khoản 131, không gồm các khoản doanh thu nhận trước. Cùng một tài khoản, hai chiều số dư, hai dòng: khách này nằm ở dòng phải thu, khách kia ở dòng trả trước. Hãy lấy đủ cả hai dòng, đừng bù trừ trước.

Thứ hai, "Doanh thu chờ phân bổ" theo hướng dẫn tài khoản 3387 là tiền khách trả trước nhiều kỳ về cho thuê tài sản và một số khoản như chương trình khách hàng truyền thống, không dùng cho tiền nhận trước của người mua chưa giao hàng. Tên cũ "doanh thu chưa thực hiện" chỉ theo nguồn thứ cấp; báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, cần đối chiếu tên và phạm vi dòng thật.

Vì sao phải ước tính: hai cách trình bày dòng tiền

Theo hướng dẫn mẫu lưu chuyển tiền tệ của Thông tư 99, dòng tiền kinh doanh lập theo một trong hai phương pháp.

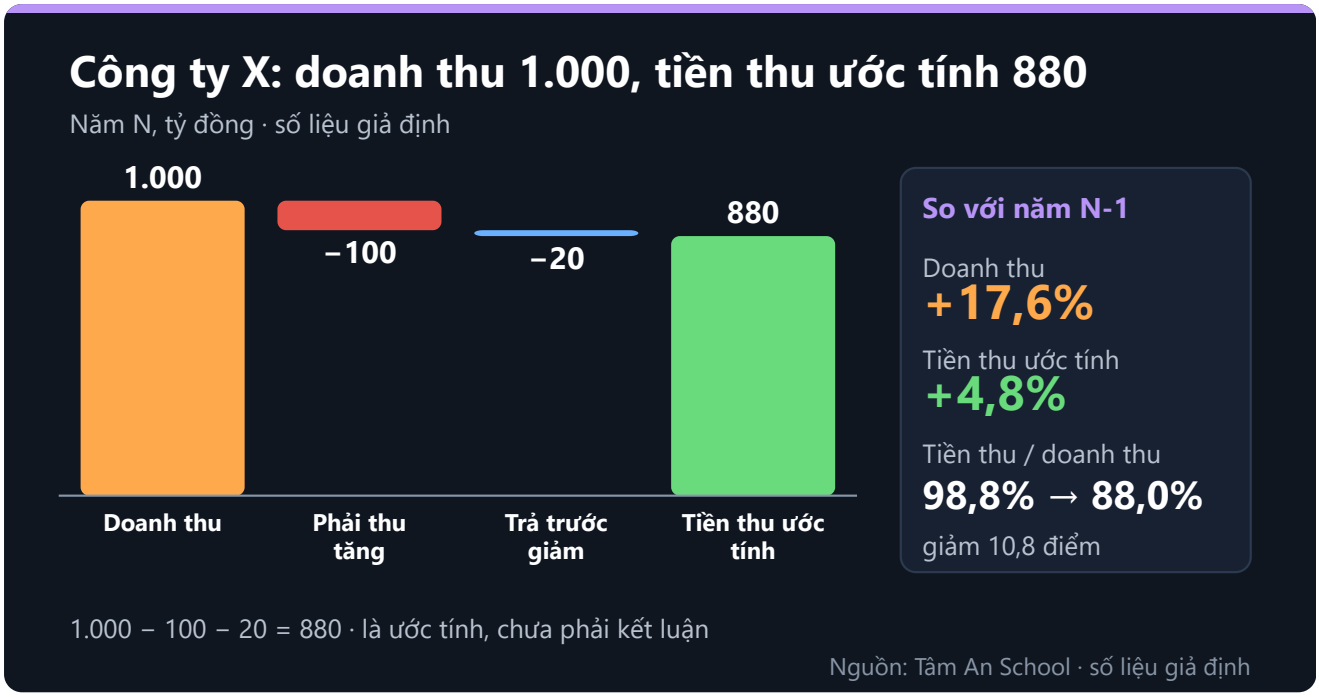
Trực tiếp. Dòng đầu là tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác, lập theo tổng số tiền đã thu, văn bản ghi rõ là tổng giá thanh toán, kể cả tiền thu từ nợ phải thu kỳ trước và số tiền ứng trước của người mua. Phạm vi rộng hơn doanh thu bán hàng: văn bản liệt kê cả bản quyền, phí, hoa hồng, cho thuê bất động sản đầu tư và tài sản cố định, bán chứng khoán kinh doanh.

Gián tiếp. Báo cáo đi từ lợi nhuận trước thuế và không hiện dòng tiền thu. Dòng "tăng, giảm các khoản phải thu" là tổng chênh lệch của nhiều tài khoản: phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, tạm ứng, ký quỹ, ký cược, và cả số đã trả trước cho người bán. Dòng "tăng, giảm các khoản phải trả" gồm người mua trả tiền trước cùng thuế, lương, chi phí phải trả. Vì vậy không lấy dòng phải thu ở đó làm "phải thu khách hàng"; hãy lấy số dư từ báo cáo tình hình tài chính. Khung ba hoạt động có ở bài ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính; cầu nối gián tiếp ở tập 7.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Giả sử không có doanh thu chờ phân bổ, và bước đầu bỏ qua thuế giá trị gia tăng.

Khoản	Năm N-1	Năm N
Doanh thu thuần	850	1.000
Phải thu khách hàng, đầu rồi cuối kỳ	180 rồi 200 (+20)	200 rồi 300 (+100)
Người mua trả tiền trước, đầu rồi cuối kỳ	60 rồi 70 (+10)	70 rồi 50 (-20)
Tiền thu ước tính	850 - 20 + 10 = **840**	1.000 - 100 - 20 = **880**
Tiền thu ước tính trên doanh thu	98,8%	88,0%



Công ty X giả định: tiền thu ước tính 880 từ doanh thu 1.000

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Doanh thu tăng 17,6% (850 lên 1.000), tiền thu ước tính chỉ tăng 4,8% (840 lên 880). Phải thu khách hàng tăng 50,0%, gần gấp ba tốc độ của doanh thu. Trong 1.000 doanh thu năm N, 120 chưa thành tiền trong năm: 100 ở phải thu tăng, và 20 là doanh thu khách đã ứng từ năm trước. Tỷ lệ tiền thu trên doanh thu giảm 10,8 điểm. Hiện tượng phải thu chạy trước doanh thu được bàn ở bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu; số ngày thu tiền ở tập 13. Một tỷ lệ giảm chưa cho biết vì sao giảm.

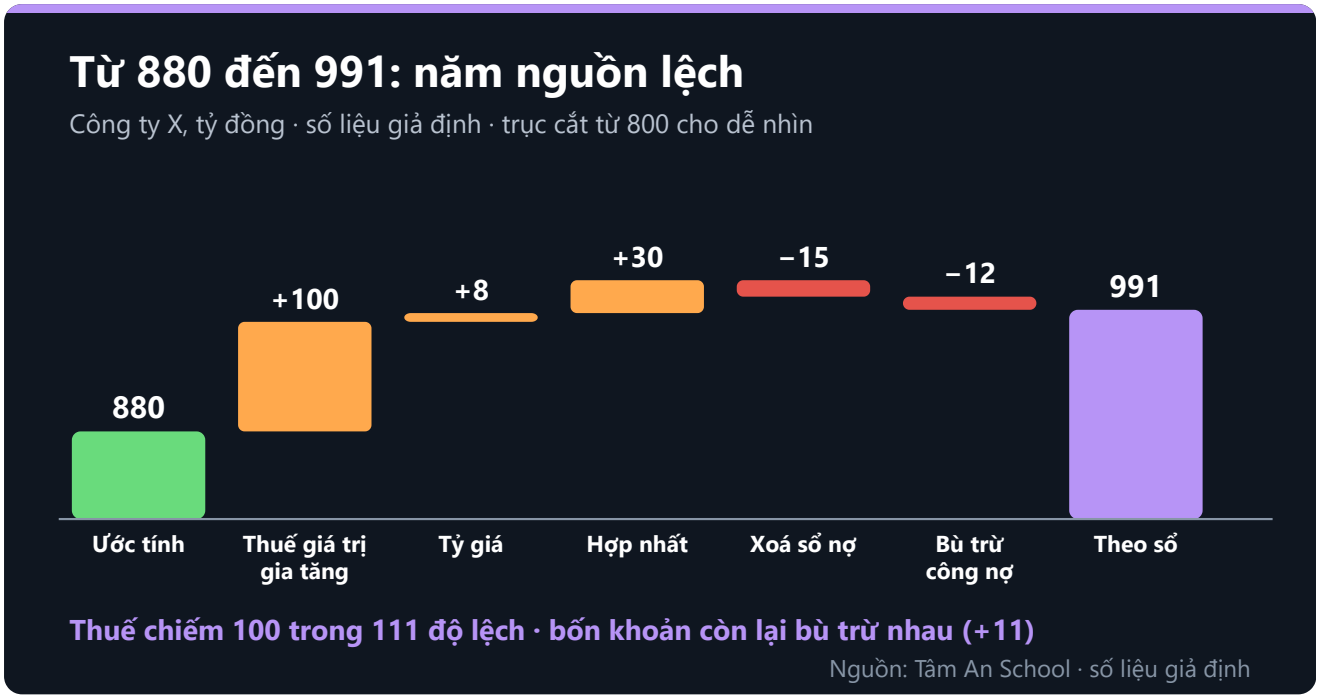
Từ 880 đến số trên báo cáo trực tiếp: năm nguồn lệch

Giả sử ta biết "số đúng" của dòng trực tiếp (người đọc báo cáo thật không có) để thấy chiều lệch.

Nguồn lệch	Vì sao	Ước tính	Công ty X (đúng trừ ước tính)
Thuế giá trị gia tăng	Dòng trực tiếp là tổng giá thanh toán, doanh thu thuần không gồm thuế	Thấp hơn	+100
Tỷ giá	Phải thu ngoại tệ đánh giá lại, số dư đổi mà không bán hàng	Thấp hơn nếu phải thu tăng vì tỷ giá	+8
Phạm vi hợp nhất	Mua công ty con mang theo phải thu	Thấp hơn	+30
Xoá sổ nợ	Phải thu giảm vì xoá nợ đã trích dự phòng	Cao hơn	-15
Bù trừ công nợ	Khách cũng là nhà cung cấp, hai bên trừ nhau	Cao hơn	-12

Về thuế: doanh thu thuần không gồm thuế gián thu (hướng dẫn lập báo cáo kết quả kinh doanh của Thông tư 99, như bài tập 13 đã nêu), còn số dư phải thu thường ghi theo số khách phải trả. Giả sử toàn bộ doanh thu chịu thuế suất đều 10% (số giả định, không phải khẳng định thuế suất hiện hành): khách phải

trả 1.100, tiền thu có thuế là 1.100 - 100 - 20 = 980. Cộng bốn khoản còn lại: 980 + 8 + 30 - 15 - 12 = 991, "tiền thu theo sổ" giả định. Lệch giữa 880 và 991 là 111, bằng 12,6% của ước tính. Dòng trực tiếp thật còn gồm doanh thu khác ngoài bán hàng; ví dụ không đặt số cho nguồn này.



Công ty X giả định: từ 880 đến 991 qua năm nguồn lệch

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Ba nhận xét. Một, thuế chiếm gần hết độ lệch (100 trong 111). Hai, bốn khoản còn lại ngược chiều và bù trừ (+11), nên ước tính tình cờ khớp không chứng minh từng thành phần đúng. Ba, xu hướng bền hơn mức tuyệt đối: nếu năm N-1 cũng chịu thuế 10%, tỷ lệ tiền thu trên giá thanh toán là 925/935 = 98,9% rồi 980/1.100 = 89,1%, giảm 9,8 điểm, cùng hướng với 10,8 điểm khi bỏ thuế. Đó là cách hiểu của Tâm An, chỉ đúng khi cơ cấu thuế hai kỳ ổn định; xuất khẩu hay nhiều thuế suất làm hệ số chung không còn đúng. Vì vậy: chọn một cách tính, giữ nguyên qua các kỳ, ghi rõ.

Tiền thu chậm hơn doanh thu: lời giải thích hợp lý

Ước tính chỉ cho thấy khoảng cách, không nói nguyên nhân. Cùng kết quả 880 có thể có nhiều lời giải thích hợp lý:

- **Mùa vụ hoặc hợp đồng chốt cuối kỳ:** doanh thu dồn cuối kỳ, tiền về kỳ sau; so cùng quý năm trước.
- **Kéo dài kỳ hạn thanh toán:** bán chịu nhiều hơn để mở thị trường; xem chính sách bán hàng trong thuyết minh.
- **Đổi cơ cấu khách hàng:** khách tổ chức hoặc nước ngoài thường trả chậm hơn khách lẻ.
- **Ít tiền ứng trước hơn:** như phần trả trước giảm 20 ở ví dụ, tiền đã vào từ năm trước.

Cũng cần hỏi: phần phải thu tăng đã quá hạn chưa, dự phòng có theo kịp không, khoản có tập trung vào ít khách hay bên liên quan không; xem thuyết minh về khoản phải thu gồm những gì. Vì sao nên theo dõi? Nghiên cứu của Sloan (1996) cho thấy phần lợi nhuận đến từ dồn tích, trong đó có thay đổi phải thu,

kém bền hơn phần đến từ dòng tiền; bài chỉ dùng để giải thích vì sao người ta đọc tiền thu cạnh doanh thu. Lãi và tiền khác nhau ở những chỗ nào có ở bài lãi trên báo cáo có phải là tiền không.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; năm, quý đơn lẻ hay luỹ kế.
2. **Doanh thu thuần** trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
3. **Số dư hai kỳ** trên báo cáo tình hình tài chính (trước 2026 gọi là bảng cân đối kế toán): phải thu của khách hàng, người mua trả tiền trước, doanh thu chờ phân bổ; tính phần tăng rồi áp công thức.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** nếu trực tiếp, so dòng tiền thu bán hàng với ước tính và đi qua năm nguồn lệch; nếu gián tiếp, ước tính là cách duy nhất.
5. **Lập tỷ lệ** tiền thu ước tính chia doanh thu thuần qua nhiều kỳ, cùng cách tính, rồi đọc kèm dòng tiền kinh doanh (tập 8).

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt doanh thu cạnh phải thu, người mua trả tiền trước và dòng tiền qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài không nêu mã số; hãy ghép hai kỳ theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, thuế 10% đều và năm khoản lệch đều là giả định, chỉ để minh hoạ chiều lệch; không có ngưỡng nào.
- Công thức coi mọi thay đổi phải thu và trả trước là do bán hàng; thực tế còn hàng trả lại, chiết khấu, bán công ty con.
- Số dư phải thu gộp hay ròng sau dự phòng cho kết quả khác: trích dự phòng làm số ròng giảm mà không có tiền vào. Bài dùng số gộp.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng, xây dựng và bất động sản có nhịp ghi doanh thu khác.

Đừng nói quá

- Không viết "tiền thu tăng chậm hơn doanh thu là xấu": cần biết lý do và xem kỳ sau.
- Không coi ước tính là số kế toán, hay thay cho dòng trực tiếp khi có sẵn.
- Không dùng một tỷ lệ làm ngưỡng chung; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Tiền thu ước tính tăng chậm hơn doanh thu, hay tỷ lệ tiền thu trên doanh thu giảm qua các kỳ, là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: mùa vụ, hợp đồng lớn chốt cuối kỳ, kỳ hạn thanh toán dài hơn, đổi cơ cấu khách, ít tiền ứng

trước. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026. Hướng dẫn mẫu B01-DN và B03-DN của Thông tư 99 được đọc lại nguyên văn từ PDF Công báo ngày 25/10/2026 (mức A).

- Thông tư 99/2025/TT-BTC, Phụ lục IV, mục D (mẫu B03-DN): dòng tiền thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp (trang 11 đến 12, Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025), các dòng thay đổi phải thu, phải trả theo phương pháp gián tiếp (trang 19 đến 22).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC, hướng dẫn mẫu B01-DN (Công báo số 1579 + 1580): phải thu của khách hàng, người mua trả tiền trước, doanh thu chờ phân bổ; hướng dẫn tài khoản 3387 như đã trích ở bài tập 11.
- CFA Institute, bài đọc về phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ (2026), trang công khai; Sloan, R. G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315: cả hai ở mức khái niệm.
- Bảng năm nguồn lệch và tỷ lệ tiền thu trên doanh thu là cách trình bày của Tâm An, không phải chuẩn. Số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chưa mở từ văn bản gốc, nên bài không khẳng định tên dòng của kỳ đó.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi trên báo cáo có phải là tiền không
- Doanh thu được ghi nhận khi nào
- Khoản phải thu gồm những gì
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Doanh thu là số đã ghi nhận, tiền thu là số khách đã trả; từ báo cáo có thể ước tính tiền thu bằng doanh thu thuần, trừ phần tăng phải thu khách hàng, cộng phần tăng người mua trả tiền trước, cộng phần tăng doanh thu chờ phân bổ nếu có. Với công ty X giả định (tỷ đồng): năm N-1 doanh thu 850, phải thu tăng 20, trả trước tăng 10, tiền thu ước tính 840 (98,8% doanh thu); năm N doanh thu 1.000, phải thu tăng 100, trả trước giảm 20, tiền thu ước tính 880 (88,0%). Doanh thu tăng 17,6% nhưng tiền thu ước tính chỉ tăng 4,8%. Ước tính lệch so với số đúng giả định 991 là 111: thuế giá trị gia tăng +100 (giả sử 10% đều), tỷ giá +8, phạm vi hợp nhất +30, xoá sổ nợ -15, bù trừ công nợ -12; thuế chiếm gần hết, bốn khoản còn lại bù trừ nhau (+11). Dòng trực tiếp của mẫu lưu chuyển tiền tệ là tổng giá thanh toán và gồm cả doanh thu khác; dòng phải thu của phương pháp gián tiếp gộp nhiều tài khoản nên không lấy làm phải thu khách hàng. Nên so tỷ lệ tiền thu trên doanh thu qua nhiều kỳ, cùng cách tính; xu hướng bền hơn con số tuyệt đối. Đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

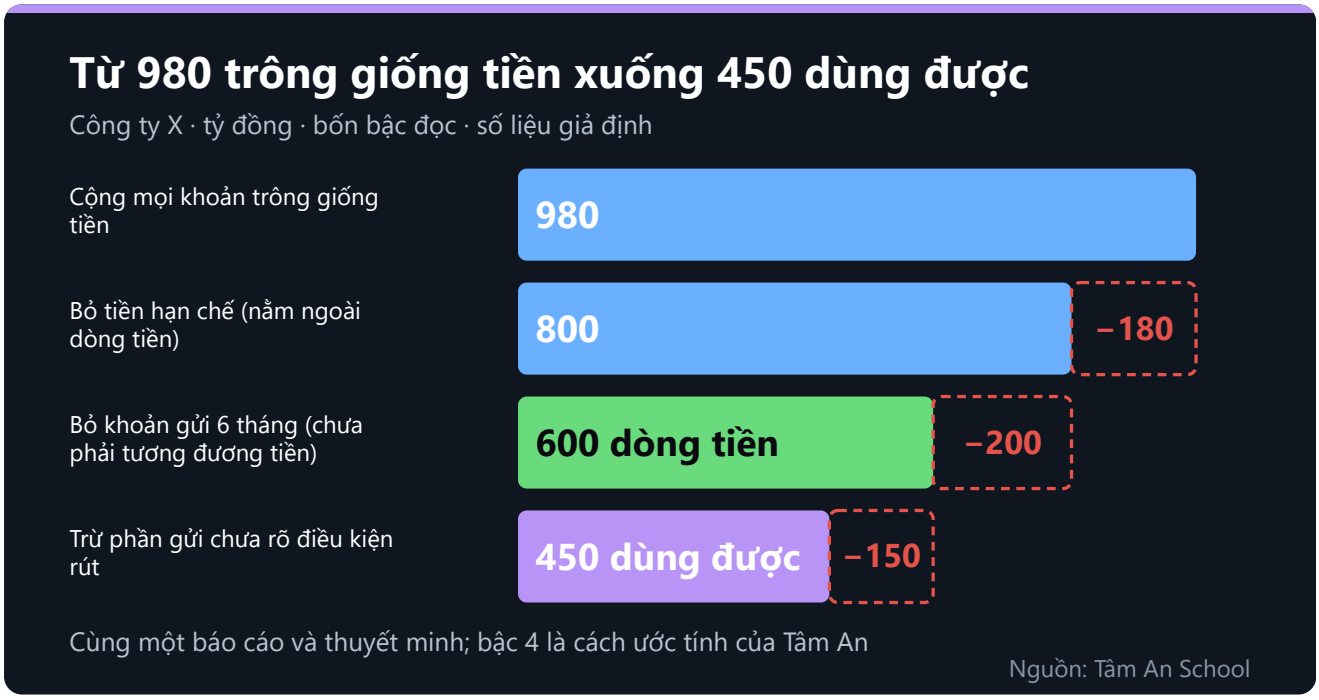
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-thu-tang-nhung-tien-thu-tu-khach-hang-co-tang-theo-khong

Tiền và tương đương tiền trên báo cáo có phải tiền dùng được không?

Câu trả lời ngắn

Chưa chắc. "Tiền và các khoản tương đương tiền" là một dòng kế toán có định nghĩa riêng, không phải số tiền doanh nghiệp rút ra chi ngay hôm nay. Theo hướng dẫn lập báo cáo tình hình tài chính của Thông tư 99, dòng này gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và khoản đầu tư ngắn hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư; tiền bị hạn chế sử dụng nằm ở dòng tài sản khác. Vì vậy có khoản trông như tiền nhưng nằm ngoài dòng, và có khoản nằm trong dòng nhưng chưa chắc rút được ngay. Bài đi từ số trên báo cáo đến "tiền dùng được" ước tính qua bốn bậc, phân biệt quy định với cách ước tính của Tâm An. Kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty X giả định: từ 980 tỷ trông giống tiền xuống 450 tỷ tiền dùng được ước tính

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Dòng "tiền và các khoản tương đương tiền" gồm gì

Theo Thông tư 99 (Phụ lục IV, hướng dẫn lập báo cáo tình hình tài chính và báo cáo lưu chuyển tiền tệ), dòng này có hai phần:

Phần	Gồm	Điều kiện then chốt
Tiền	Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển	Chỉ khoản không bị hạn chế sử dụng
Tương đương tiền	Kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc, tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng,...	Thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ chuyển thành lượng tiền xác định, không có rủi ro khi chuyển đổi

Ba điểm hay bị bỏ qua:

- **Hai chiếc đồng hồ.** Tương đương tiền đo bằng kỳ hạn **gốc** (không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư). Còn đầu tư ngắn hạn hay dài hạn đo bằng kỳ hạn **còn lại** so với ngày lập báo cáo (từ 12 tháng trở xuống là ngắn hạn). Khoản gửi gốc 6 tháng, dù chỉ còn một tháng, vẫn là đầu tư tài chính ngắn hạn chứ không phải tương đương tiền.
- **Quá hạn thì rời khỏi dòng.** Khoản trước đây là tương đương tiền nhưng quá hạn chưa thu hồi được phải chuyển sang chỉ tiêu khác.
- **Thấu chi không làm tiền âm.** Theo hướng dẫn tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, thấu chi được phản ánh như khoản vay, không ghi âm vào tiền gửi.

Hệ quả ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ: hướng dẫn xếp các khoản đầu tư không phải tương đương tiền vào luồng tiền đầu tư. Doanh nghiệp chuyển tiền từ khoản gửi 3 tháng sang khoản gửi 6 tháng làm "tiền" trên báo cáo giảm dù chưa tiêu đồng nào; xem bài ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính.



Hai chiếc đồng hồ: kỳ hạn gốc không quá 3 tháng quyết định tương đương tiền, kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng quyết định ngắn hạn

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Từ số trên báo cáo đến tiền dùng được: bốn bậc

Công thức của Tâm An (không phải chỉ tiêu trên mẫu): **tiền dùng được ước tính = tiền và tương đương tiền trừ phần gửi ở bên liên quan hoặc đã cam kết mà thuyết minh không cho biết điều kiện rút.**

Bậc	Câu hỏi	Tìm ở đâu	Tính chất
1	Dòng tiền gồm những gì?	Thuyết minh tiền và tương đương tiền	Quy định
2	Có khoản trông như tiền nằm ngoài dòng?	Thuyết minh đầu tư tài chính	Quy định
3	Tiền hạn chế nằm ở đâu, bao nhiêu?	Tài sản khác; thuyết minh tiền không được sử dụng	Quy định
4	Trong dòng tiền, phần nào gửi ở bên liên quan hoặc đã cam kết?	Thuyết minh bên liên quan, vay, cam kết	Ước tính của Tâm An

Bậc 1. Mẫu thuyết minh tách tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và tương đương tiền; yêu cầu chi tiết từng ngân hàng chiếm từ 10% tổng số dư tiền gửi không kỳ hạn, và nội dung, kỳ hạn, số dư từng loại tương đương tiền chiếm từ 10% nhóm này.

Bậc 2. Tiền gửi có kỳ hạn gốc dài hơn 3 tháng thuộc nhóm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, trình bày ở đầu tư tài chính ngắn hạn nếu còn không quá 12 tháng. Khả năng rút trước hạn tuỳ hợp đồng, nên bài chỉ ghi thành một mốc riêng.

Bậc 3. Hướng dẫn nêu tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không trình bày ở dòng tiền mà ở tài sản ngắn hạn khác hoặc tài sản dài hạn khác. Hướng dẫn báo cáo lưu chuyển tiền tệ và mẫu thuyết minh còn yêu cầu nêu giá trị và lý do của khoản tiền có số dư cuối kỳ lớn mà doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do hạn chế của pháp luật hoặc ràng buộc khác; mẫu không nêu mức nào là "lớn". Ví dụ theo ghi chú của Tâm An (mẫu không liệt kê): ký quỹ bảo đảm khoản vay, ký quỹ bảo lãnh.

Bậc 4. Không quy định nào bắt trừ tiền gửi ở bên liên quan, và tiền gửi tại một ngân hàng là bên liên quan có thể rút bình thường. Nhưng nếu thuyết minh không nói điều kiện rút thì người đọc chưa biết. Bậc này chỉ là kịch bản thận trọng, không phải nhận định về bên nào.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Báo cáo cuối năm N lập theo Thông tư 99.

Khoản	Trình bày ở	Giá trị
Tiền mặt	Tiền	5
Tiền gửi không kỳ hạn	Tiền	295
Tiền gửi kỳ hạn gốc 3 tháng	Tương đương tiền	300
Tiền và các khoản tương đương tiền	Dòng tiền	**600**
Tiền gửi kỳ hạn gốc 6 tháng, còn lại 1 tháng	Đầu tư tài chính ngắn hạn	200
Ký quỹ bảo đảm khoản vay 100, ký quỹ bảo lãnh 50	Tài sản ngắn hạn khác	150
Ký quỹ dài hạn	Tài sản dài hạn khác	30

Thuyết minh cho biết thêm: trong 600 của dòng tiền có 150 gửi tại một tổ chức là bên liên quan (50 không kỳ hạn, 100 tương đương tiền) mà không nêu điều kiện rút.

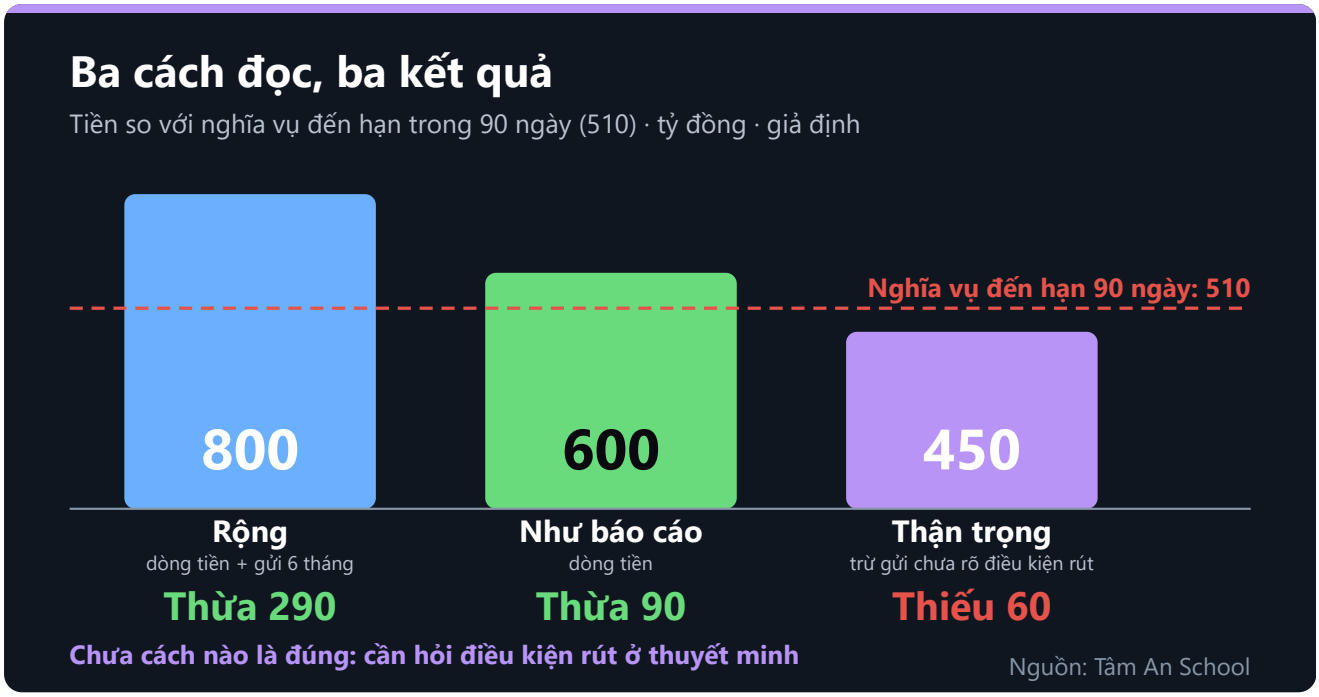
Người cộng mọi khoản trông giống tiền được 600 + 200 + 150 + 30 = **980**. Đi qua các bậc:

- Bỏ tiền hạn chế 150 + 30 = 180, còn **800**.
- Bỏ khoản gửi 6 tháng 200, còn **600**, đúng số trên dòng tiền.
- Trừ phần gửi chưa rõ điều kiện rút 150, còn **450**.

Từ 980 xuống 450 chỉ bằng một báo cáo và thuyết minh của nó: 450 bằng 45,9% số đầu và 75,0% số trên dòng tiền.

Giả sử trong 90 ngày tới công ty X có nghĩa vụ đến hạn 510: vay 300 và phải trả người bán 210 (số giả định, không phải chỉ tiêu trên mẫu). Ba cách đọc cho ba kết quả:

Cách đọc	Tiền	So với nghĩa vụ 510
Rộng: dòng tiền cộng gửi 6 tháng	800	Thừa 290
Như báo cáo: dòng tiền	600	Thừa 90
Thận trọng: trừ phần chưa rõ điều kiện rút	450	Thiếu 60



Công ty X giả định: ba cách đọc tiền (800, 600, 450) so với nghĩa vụ đến hạn 510 cho ba kết quả khác nhau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bài không chọn cách đọc nào là đúng. Ba kết quả chỉ ra câu cần hỏi tiếp: điều kiện rút khoản gửi ở bên liên quan, khả năng rút trước hạn khoản gửi 6 tháng, ngày đến hạn của 510 nghĩa vụ. Con số 980 là cách đọc dễ sai nhất: coi cả ký quỹ và khoản gửi 6 tháng như tiền thì công ty X trông thừa 470 so với 510, trong khi 180 bị hạn chế sử dụng. Hệ số tiền mặt xem bài hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt; cách trừ tiền khi tính nợ ròng xem bài nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh.

Tiền lớn cạnh vay lớn có bất thường không

Giả sử công ty X còn vay 1.200 (ngắn hạn 500, dài hạn 700) cạnh 600 tiền và tương đương tiền. Dễ hỏi "sao không dùng tiền trả nợ". Câu hỏi hợp lý để mở thuyết minh, nhưng cấu trúc này có nguyên nhân hợp lý khác:

- Dự phòng thanh khoản cho vay đáo hạn rải rác.
- Vay dài hạn đã giải ngân trước cho dự án chưa chi hết.
- Điều kiện tín dụng yêu cầu duy trì số dư (ví dụ chung, tuỳ hợp đồng).

Nên hỏi: tiền nằm ở bên nào, phần nào bị hạn chế, kỳ hạn các khoản vay. Lãi tiền gửi nằm ở dòng nào xem bài lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận; tách nợ chịu lãi xem bài nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo tình hình tài chính** (từ năm tài chính 2026; trước đó là bảng cân đối kế toán): dòng tiền và tương đương tiền, rồi đầu tư tài chính ngắn hạn, rồi tài sản ngắn hạn khác và dài hạn khác.

2. **Thuyết minh tiền và tương đương tiền:** tách từng loại, ngân hàng từ 10% số dư, kỳ hạn gốc từng loại tương đương tiền.
3. **Thuyết minh tiền không được sử dụng:** giá trị và lý do.
4. **Thuyết minh vay, bên liên quan, cam kết:** tài sản bảo đảm, ký quỹ, số dư gửi ở bên liên quan.
5. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** tiền cuối kỳ phải khớp dòng tiền trên báo cáo tình hình tài chính.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cạnh nhau tiền trên dòng, tiền hạn chế, khoản gửi kỳ hạn dài và nghĩa vụ đến hạn; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài chỉ đọc nguyên văn Thông tư 99, nên với báo cáo theo Thông tư 200 đừng mặc định tiền hạn chế đã nằm ngoài dòng tiền; ghép hai kỳ theo tên dòng và mở thuyết minh.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, mọi con số, nghĩa vụ 90 ngày và khoản gửi ở bên liên quan đều là giả định.
- Số dư tiền là ảnh chụp một ngày cuối kỳ, không cho biết tiền vào ra những tuần sau.
- Mức "lớn" cần thuyết minh do doanh nghiệp xác định theo hướng dẫn; hai doanh nghiệp có thể xếp khác nhau, nên đọc thuyết minh thay vì chỉ so con số.
- Sổ tiết kiệm đem cầm cố: hướng dẫn tài khoản nói không ghi giảm tài sản mà thuyết minh, còn hướng dẫn lập báo cáo nói tiền hạn chế không nằm ở dòng tiền. Bài chưa đối chiếu hai hướng dẫn gặp nhau thế nào, nên chỉ chắc một điều: phải đọc thuyết minh.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng, không áp dụng nguyên vẹn.

Đừng nói quá

- Không viết "tiền trên báo cáo là tiền dùng được" hay "không đáng tin"; cả hai bỏ qua thuyết minh.
- Không coi khoản gửi ở bên liên quan là hạn chế: chưa có điều kiện rút thì chỉ nên nói chưa biết.
- Không dùng 450 hay 980 làm ngưỡng; chúng là số giả định để minh hoạ quy trình đọc. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Tiền trên dòng chênh nhiều so với tiền dùng được ước tính, hay tiền lớn cạnh vay lớn, đều là tín hiệu để mở thuyết minh và hỏi tiếp, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: ký quỹ theo hợp đồng, tiền dự án có mục đích riêng, dự phòng thanh khoản. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): Phụ lục IV mục B (tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác, tài sản dài hạn khác), mục D (điểm 1.2, 1.3, 1.9), mẫu thuyết minh, Phụ lục II (tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, ký quỹ ký cược, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn). Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025: chưa mở từ văn bản gốc.
- CFA Institute, "Financial Analysis Techniques", giáo trình Level I 2026: chỉ trang công khai, nêu tên các chỉ số thanh khoản; bài không dùng công thức nào từ nguồn này.
- Công thức tiền dùng được và bốn bậc là cách trình bày của Tâm An, không phải chuẩn trong sách hay quy định.
- Số liệu ví dụ Tâm An tự đặt và tự tính lại bằng Python ngày 25/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận
- Nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Dòng tiền và các khoản tương đương tiền là một định nghĩa kế toán, chưa phải số tiền rút ra chi ngay: theo Thông tư 99 nó gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và khoản đầu tư ngắn hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (kỳ hạn gốc); tiền hạn chế sử dụng nằm ở tài sản khác; khoản gửi gốc dài hơn 3 tháng là đầu tư tài chính. Đọc qua bốn bậc: dòng tiền gồm gì, khoản trông như tiền nằm ngoài dòng, tiền hạn chế ở đâu, và phần gửi ở bên liên quan hoặc đã cam kết (bậc 4 là ước tính của Tâm An). Công ty X giả định (tỷ đồng): cộng mọi khoản trông giống tiền được 980, trừ tiền hạn chế 180 còn 800, trừ khoản gửi 6 tháng 200 còn 600 (đúng dòng tiền), trừ phần gửi chưa rõ điều kiện rút 150 còn 450; so với nghĩa vụ 90 ngày giả định 510, ba cách đọc cho thừa 290, thừa 90 và thiếu 60. Bài không chọn cách đọc nào là đúng; đó là danh sách câu cần hỏi trong thuyết minh. Tiền lớn cạnh vay lớn còn có nguyên nhân hợp lý khác. Chênh lệch giữa tiền trên dòng và tiền dùng được chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/tien-va-tuong-duong-tien-tren-bao-cao-co-phai-tien-dung-duoc-khong

Vốn lưu động là gì? Phân biệt vốn lưu động ròng và nhu cầu vốn lưu động hoạt động

Câu trả lời ngắn

"Vốn lưu động" là cụm có hai nghĩa thường gặp, cho hai con số khác nhau. **Vốn lưu động ròng** là tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn: nó trả lời câu hỏi tài sản ngắn hạn có phủ được nợ ngắn hạn không. **Nhu cầu vốn lưu động hoạt động** là phải thu khách hàng cộng hàng tồn kho (cộng trả trước cho người bán) trừ phải trả người bán (trừ tiền người mua trả trước): nó trả lời câu hỏi vòng quay mua, bán, thu tiền đang giữ bao nhiêu vốn. Hai số nối nhau bằng một đẳng thức: vốn lưu động ròng bằng nhu cầu hoạt động cộng tiền trừ vay ngắn hạn. Vì thế vốn lưu động ròng có thể dương trong khi nhu cầu hoạt động lớn hơn nhiều và đang nhờ vay ngắn hạn: công ty X giả định dưới đây có 100 và 350. Cả hai chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty X giả định: vốn lưu động ròng 100 nhưng nhu cầu vốn lưu động hoạt động 350, cầu nối là tiền 80 và vay ngắn hạn 330

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Hai nghĩa của "vốn lưu động"

	Vốn lưu động ròng	Nhu cầu vốn lưu động hoạt động
Công thức	Tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn	Phải thu khách hàng + trả trước người bán + hàng tồn kho − phải trả người bán − người mua trả tiền trước
Trả lời	Tài sản ngắn hạn có phủ nợ ngắn hạn không	Vòng quay bán hàng đang giữ bao nhiêu vốn
Tiền và vay ngắn hạn	Nằm trong phép tính	Bị loại ra
Đổi kỳ hạn vay	Đổi	Không đổi

Trong mô hình Z của Altman (bản công bố năm 2000), biến X1 là vốn lưu động chia tổng tài sản và vốn lưu động được định nghĩa là chênh lệch giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn, tức nghĩa thứ nhất. Chuẩn mực kế toán số 21 (VAS 21) cũng dùng cụm "vốn lưu động" nhưng không đưa công thức: đoạn 46 nói phải trả thương mại, phải trả người lao động và chi phí phải trả là những yếu tố cấu thành nguồn vốn lưu động dùng trong chu kỳ hoạt động bình thường, còn đoạn 47 xếp nợ chịu lãi ngắn hạn, thấu chi và thuế phải nộp vào nhóm nợ ngắn hạn khác. Công thức thứ hai trong bảng là cách trình bày trong phân tích và của Tâm An, không phải chỉ tiêu bắt buộc trên mẫu báo cáo. Khi đọc một con số "vốn lưu động", hãy hỏi công thức của người viết.

Ranh giới "ngắn hạn" theo hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99 là kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Hai con số nằm ở đâu trên báo cáo

Theo tên chỉ tiêu trong mẫu báo cáo tình hình tài chính của Thông tư 99 (bài không nêu mã số):

- **Vào nhu cầu hoạt động:** phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, hàng tồn kho (sau dự phòng); trừ phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn. Theo hướng dẫn, khoản người mua trả trước không gồm doanh thu nhận trước, vốn ở dòng "doanh thu chờ phân bổ" riêng.
- **Chỉ có trong vốn lưu động ròng:** tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- **Nhóm khác, tuỳ cách phân loại:** phải trả người lao động, thuế phải nộp, chi phí phải trả, doanh thu chờ phân bổ, tài sản ngắn hạn khác. Phải thu ngắn hạn khác (cho vay, ký quỹ, tạm ứng) không đến từ bán hàng; xem bài khoản phải thu không đến từ bán hàng.

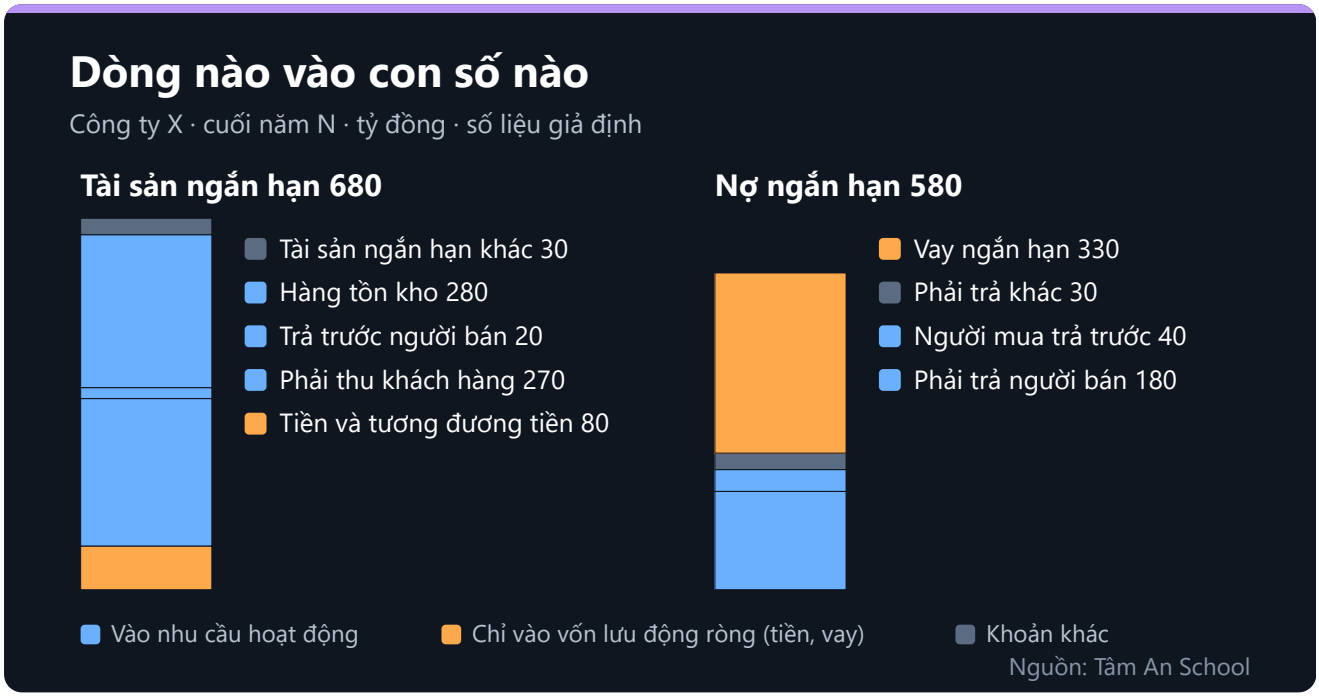
Bài gọi nhóm cuối là "khoản hoạt động khác ròng" (tài sản ngắn hạn khác trừ phải trả khác). Mỗi người xếp một kiểu, nên hai người có thể ra hai con số nhu cầu hoạt động khác nhau.

Cầu nối giữa hai con số

Viết lại vốn lưu động ròng theo từng nhóm:

Vốn lưu động ròng = nhu cầu hoạt động + khoản hoạt động khác ròng + tiền và đầu tư ngắn hạn − vay ngắn hạn

Đây là phép cộng trừ các dòng của cùng một bảng. Hệ quả: khi khoản hoạt động khác ròng bằng 0, nhu cầu hoạt động trừ vốn lưu động ròng bằng vay ngắn hạn trừ tiền, tức phần vòng quay đang nhờ vay ngắn hạn ròng. Đây là cách đọc của Tâm An, không phải chỉ tiêu trong sách hay quy định.



Hai nghĩa của vốn lưu động trên báo cáo: dòng nào vào nhu cầu hoạt động, dòng nào chỉ vào vốn lưu động ròng, công ty X giả định

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Doanh thu thuần 1.825, giá vốn 1.460 (80,0% doanh thu), năm 365 ngày; số dư cuối năm N.

Tài sản	Giá trị	Nợ ngắn hạn	Giá trị
Tiền và tương đương tiền	80	Phải trả người bán	180
Phải thu khách hàng	270	Người mua trả tiền trước	40
Trả trước cho người bán	20	Phải trả khác (lương, thuế, chi phí)	30
Hàng tồn kho	280	Vay ngắn hạn	330
Tài sản ngắn hạn khác	30		
Tài sản ngắn hạn	**680**	**Nợ ngắn hạn**	**580**

- **Vốn lưu động ròng** = 680 − 580 = **100**; hệ số hiện hành 680 / 580 = 1,17. Bề ngoài ổn.

- **Nhu cầu hoạt động** = 270 + 20 + 280 − 180 − 40 = **350**, tức 19,2% doanh thu. Hai khoản hoạt động khác (30 tài sản, 30 phải trả) triệt tiêu nhau trong ví dụ này.
- **Cầu nối:** 350 + 80 tiền − 330 vay ngắn hạn = 100. Phần 250 (vay ngắn hạn trừ tiền) bằng 71,4% nhu cầu hoạt động: phần lớn vòng quay đang nhờ vay ngắn hạn.
- **Số ngày** (cuối năm, phải thu theo doanh thu, còn lại theo giá vốn): thu tiền 54, tồn kho 70, trả người bán 45; chu kỳ chuyển đổi tiền 54 + 70 − 45 = 79 ngày. Xem bài chu kỳ chuyển đổi tiền.

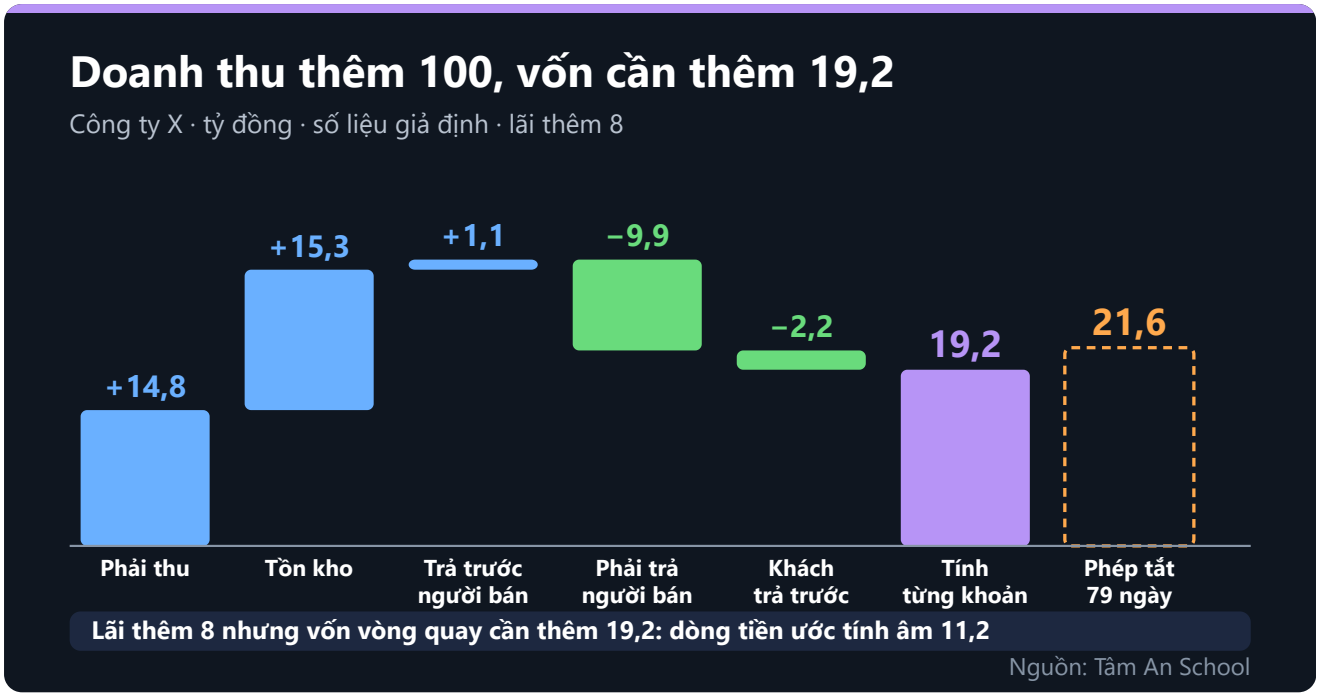
Đổi kỳ hạn vay, hoạt động không đổi. Giả sử công ty X chuyển 250 trong 330 vay ngắn hạn thành vay dài hạn (các số khác giữ nguyên). Nợ ngắn hạn còn 330, vốn lưu động ròng nhảy từ 100 lên **350**, hệ số hiện hành từ 1,17 lên 2,06. Nhu cầu hoạt động vẫn 350. Vòng quay bán hàng không đổi gì; chỉ cách tài trợ đổi. Theo VAS 21 đoạn 47, nợ chịu lãi tạo nguồn vốn lưu động trên cơ sở dài hạn và không phải trả trong 12 tháng tới là nợ dài hạn. Vốn lưu động ròng phản ánh cả quyết định tài trợ, còn nhu cầu hoạt động thì không.

Tăng trưởng "ngốn" vốn lưu động

Giả sử năm sau doanh thu tăng thêm 100 (tăng 5,5%), giá vốn vẫn 80% doanh thu, mọi số ngày giữ nguyên, lãi sau thuế tăng thêm 8 (giả định).

Khoản	Tăng thêm
Phải thu khách hàng (54 ngày doanh thu)	+14,8
Hàng tồn kho (70 ngày giá vốn)	+15,3
Trả trước cho người bán	+1,1
Phải trả người bán (45 ngày giá vốn)	−9,9
Người mua trả tiền trước	−2,2
Nhu cầu hoạt động tăng thêm	**+19,2**

Lãi tăng thêm 8 nhưng vốn bị chôn vào vòng quay tăng thêm 19,2, nên dòng tiền kinh doanh ước tính còn âm 11,2 (8 − 19,2), chưa tính khấu hao, đầu tư tài sản cố định hay cổ tức. Tiền giảm từ 80 xuống 68,8 dù lãi dương. Trong khi đó vốn lưu động ròng chỉ tăng đúng bằng lãi giữ lại, từ 100 lên 108, và nhìn vẫn "khoẻ hơn". Lãi mà vẫn thiếu tiền nằm ở nhu cầu hoạt động, không hiện ở vốn lưu động ròng. Tiền thu từ khách hàng xem bài doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không; tách lãi gộp tăng ở bài lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn.



Công ty X giả định: doanh thu thêm 100 làm nhu cầu vốn lưu động hoạt động tăng 19,2, phép tắt chu kỳ chuyển đổi tiền cho 21,6

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Phép tắt và giới hạn của nó. Một cách ước tắt là lấy chu kỳ chuyển đổi tiền nhân doanh thu thêm rồi chia 365. Với chu kỳ 79 ngày, kết quả là 79 × 100 / 365 = 21,6, cao hơn 19,2 khoảng 2,5. Ba lý do: tồn kho và phải trả tính theo giá vốn chứ không theo doanh thu (lệch 1,4); chu kỳ bỏ qua tiền người mua trả trước (lệch 2,2); chu kỳ bỏ qua trả trước cho người bán (lệch ngược 1,1). Phép tắt chỉ chính xác khi cả ba số ngày cùng tính trên doanh thu, như chu kỳ 64 ngày cho 64 × 100 / 365 = 17,5; coi nó là bậc độ lớn. Chắc hơn là nhân tỷ lệ nhu cầu hoạt động trên doanh thu (350 / 1.825 = 19,2%) với doanh thu thêm, nếu mọi khoản tăng cùng tỷ lệ.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ.** Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Lấy số từ báo cáo tình hình tài chính** (trước đó là bảng cân đối kế toán) và tính hai con số cùng cầu nối, ghi công thức cạnh mỗi con số.
3. **Nhìn tỷ lệ nhu cầu hoạt động trên doanh thu qua nhiều kỳ**, cùng quý các năm để tránh nhiễu mùa vụ, rồi xem phần chênh với vốn lưu động ròng là vay ngắn hạn hay tiền.
4. **Mở thuyết minh** về vay (kỳ hạn, phần đến hạn), phải thu, tồn kho, phải trả người bán; xem bài phải trả người bán tăng cho phía nguồn vốn từ nhà cung cấp.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cạnh nhau vốn lưu động ròng, nhu cầu hoạt động, tiền và vay ngắn hạn qua các kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, mọi con số, mức lãi thêm 8 và các số ngày đều là giả định, đã đơn giản hoá: số dư cuối năm, mọi khoản tăng đúng tỷ lệ, bỏ qua mùa vụ, khấu hao và đầu tư.
- Cách xếp "khoản hoạt động khác" (trả trước người bán, thuế, chi phí phải trả) là lựa chọn của người tính.
- Tiền trong ví dụ coi là dùng được; tiền hạn chế sử dụng nằm ngoài dòng tiền theo hướng dẫn của Thông tư 99, nên đọc thêm phần tiền hạn chế ở bài về tiền và tương đương tiền trong chuỗi khi có tiền lớn.
- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "vốn lưu động ròng dương là an toàn" hay "âm là nguy hiểm": mô hình thu tiền trước có thể âm một cách bình thường.
- Không viết "nhu cầu vốn lưu động tăng là xấu": tăng trưởng thường cần thêm vốn; điều đáng hỏi là nguồn tài trợ.
- Không dùng 100, 350 hay 19,2% làm ngưỡng; chúng là số giả định để minh hoạ cách đọc. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Vốn lưu động ròng và nhu cầu hoạt động chênh nhau nhiều, phần chênh lại là vay ngắn hạn, hay nhu cầu hoạt động tăng nhanh hơn doanh thu nhiều kỳ liền, đều là tín hiệu để mở thuyết minh về vay, phải thu và tồn kho, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý khác: hạn mức vay xoay vòng được tái cấp thường xuyên, tích hàng trước mùa, bán chịu có kế hoạch. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Altman, E. I. (2000), "Predicting Financial Distress of Companies: Revisiting the Z-Score and ZETA Models" (bản sao NYU Stern): X1 là vốn lưu động chia tổng tài sản; vốn lưu động là chênh lệch giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn.
- CFA Institute, "Financial Ratio List" (tệp công khai): công thức ba số ngày và chu kỳ chuyển đổi tiền.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21, đoạn 39, 46, 47 (theo bản sao văn bản chuẩn mực, mức B); Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục IV mục B, đọc từ Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): tên chỉ tiêu và ranh giới ngắn hạn.
- Công thức nhu cầu hoạt động, cầu nối và cách đọc "vay ngắn hạn ròng" là của Tâm An. Số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải đầy đủ file PDF của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Vốn lưu động có hai nghĩa thường gặp. Vốn lưu động ròng là tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn (nghĩa dùng ở biến X1 của mô hình Z của Altman); nhu cầu vốn lưu động hoạt động là phải thu khách hàng, trả trước người bán và hàng tồn kho trừ phải trả người bán và tiền người mua trả trước, tức vốn bị giữ trong vòng quay (công thức phân tích của Tâm An, không phải chỉ tiêu bắt buộc trên mẫu báo cáo). Hai số nối nhau bằng cầu nối: vốn lưu động ròng bằng nhu cầu hoạt động cộng khoản hoạt động khác ròng cộng tiền trừ vay ngắn hạn. Công ty X giả định (tỷ đồng): vốn lưu động ròng 100, hệ số hiện hành 1,17, nhưng nhu cầu hoạt động 350, trong đó 250 (vay ngắn hạn 330 trừ tiền 80) nhờ vay ngắn hạn ròng; chuyển 250 vay ngắn sang dài làm vốn lưu động ròng nhảy lên 350 mà nhu cầu hoạt động vẫn 350. Doanh thu thêm 100 và lãi thêm 8 đòi nhu cầu hoạt động tăng 19,2, nên dòng tiền ước tính âm 11,2, trong khi phép tắt chu kỳ chuyển đổi tiền cho 21,6. Các chênh lệch này chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

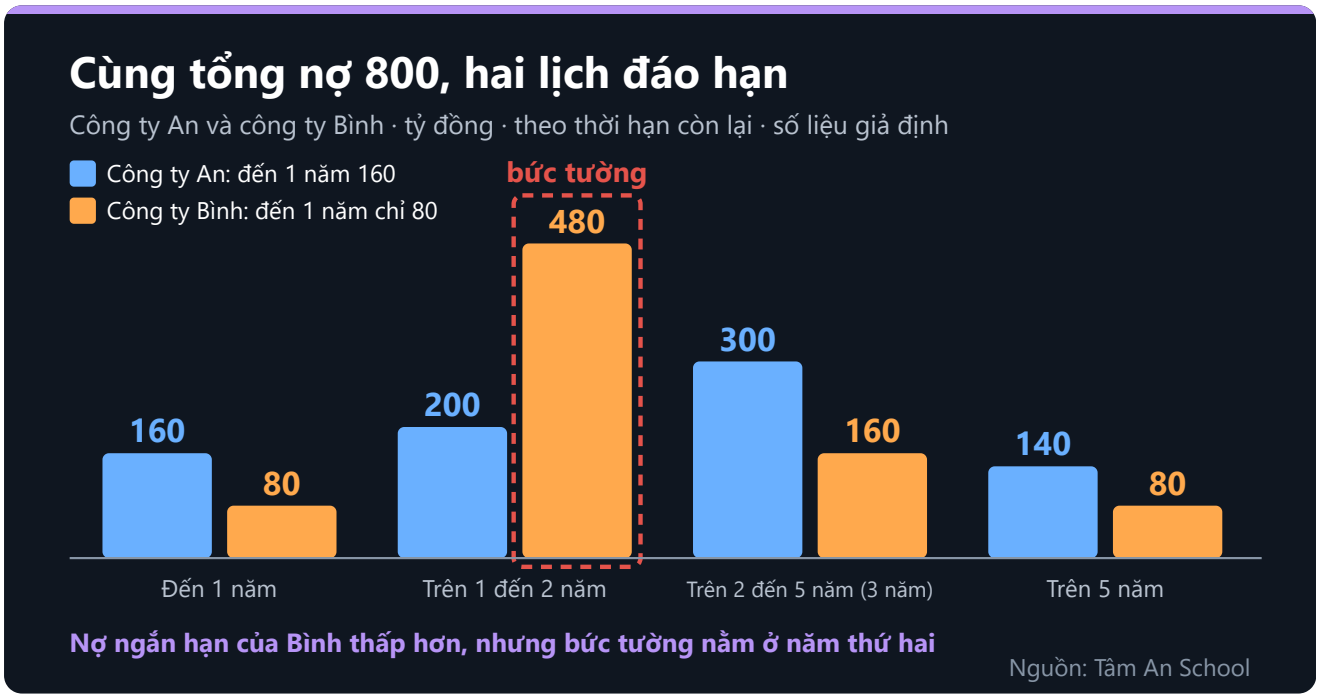
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/von-luu-dong-la-gi

Bảng đáo hạn nợ vay trong thuyết minh: cách đọc bức tường nợ đến hạn

Câu trả lời ngắn

Bảng đáo hạn nợ vay cho biết nợ phải trả vào lúc nào: trong 12 tháng tới, năm kế tiếp, hay xa hơn. "Bức tường" là mốc có phần nợ đến hạn dồn lại lớn nhất trong những năm gần. Đọc bảng gồm bốn việc: xem bảng đo gốc hay cả lãi, so tỷ trọng từng cột có tính bề rộng của cột, đặt từng mốc cạnh nguồn để trả, rồi hỏi khoảng trống còn lại sẽ lấp bằng gì. Điều dễ bất ngờ: cùng một tổng nợ có thể có hai lịch rất khác nhau, và công ty có nợ ngắn hạn thấp hơn lại có thể gặp bức tường lớn hơn ở năm thứ hai. Về quy định: mẫu thuyết minh của Thông tư 99 có bảng theo thời hạn cho nợ thuê tài chính, còn khoản vay chỉ có số dư; bài không khẳng định có quy định bắt mọi doanh nghiệp công bố bảng kỳ hạn cho toàn bộ nợ vay. Kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty An và công ty Bình giả định: cùng tổng nợ vay 800 tỷ nhưng lịch đáo hạn khác nhau, công ty Bình dồn 480 tỷ vào năm thứ hai

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Bảng đáo hạn nợ vay nằm ở đâu

Báo cáo tình hình tài chính (tên mới của bảng cân đối kế toán từ năm tài chính 2026) chỉ chia nợ vay làm đôi. Theo hướng dẫn lập của Thông tư 99, dòng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phản ánh khoản có kỳ hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng (hoặc một chu kỳ kinh doanh thông thường), gồm cả trái phiếu phát hành; dòng dài hạn là khoản còn lại trên 12 tháng. Hai dòng chỉ cho biết 12 tháng đầu, không phải năm thứ hai hay thứ năm.

Phần chia nhỏ hơn nằm ở thuyết minh. Với mẫu thuyết minh báo cáo đầy đủ của Thông tư 99:

- **Vay và nợ thuê tài chính:** số cuối năm, tăng, giảm, đầu năm của vay ngắn hạn, vay dài hạn, vay từ bên liên quan. Chỉ chia ngắn và dài, chưa có lịch.
- **Nợ thuê tài chính:** có bảng theo thời hạn (từ 1 năm trở xuống, trên 1 đến 5 năm, trên 5 năm), mỗi dòng gồm tổng khoản thanh toán, tiền lãi và nợ gốc. Đây là lịch theo thời hạn duy nhất của mẫu cho nợ vay, và chỉ cho nợ thuê tài chính.
- **Vay quá hạn chưa thanh toán:** gốc, lãi và lý do; chỉ phần đã quá hạn.
- **Trái phiếu phát hành:** thời điểm phát hành, số lượng, lãi suất, kỳ hạn gốc theo từng nhóm. Cộng thời điểm phát hành với kỳ hạn gốc cho ra mốc đáo hạn.
- **Thuê hoạt động không huỷ ngang:** tiền thuê tối thiểu trong tương lai cũng chia ba mốc, nhưng ở mục ngoài báo cáo tình hình tài chính, là nghĩa vụ ngoài bảng vay.

Hệ quả: với khoản vay thông thường, mẫu không có cột kỳ hạn. Bảng đáo hạn đầy đủ, nếu có, do doanh nghiệp tự trình bày thêm (Thông tư 99 cho phép bổ sung chỉ tiêu ngoài mẫu, kèm thuyết minh) hoặc nằm trong thuyết minh về rủi ro thanh khoản. Có báo cáo có, có báo cáo không; bài chưa xác minh quy định bắt buộc. Khi không có, người đọc tự dựng bảng thô từ hai dòng ngắn, dài hạn và mốc đáo hạn trái phiếu.

Bảng đo gốc hay đo cả lãi

Hai bảng cùng tên có thể đo hai thứ khác nhau; hãy đọc chú thích. Một cách xếp **số dư gốc theo thời hạn còn lại**; cách kia xếp **dòng tiền hợp đồng chưa chiết khấu**, gồm cả lãi sẽ trả. Mẫu nợ thuê tài chính của Thông tư 99 tách riêng lãi và gốc.

Ví dụ giả định: khoản vay 200, còn 3 năm, lãi 9% mỗi năm trả cuối năm, gốc trả một lần cuối kỳ. Xếp vào ba mốc của mẫu:

Cách đo	Đến 1 năm	Trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số dư gốc theo thời hạn còn lại	0	200	0	200
Dòng tiền hợp đồng chưa chiết khấu	18	236	0	254

Kiểm cộng: lãi 200 × 9% = 18 mỗi năm; năm thứ ba trả 18 + 200 = 218; mốc trên 1 đến 5 năm là 18 + 218 = 236; tổng 254 = gốc 200 + lãi 54. Cùng một khoản vay, tổng có thể là 200 hoặc 254. So cột đầu của bảng có lãi với dòng vay ngắn hạn trên báo cáo tình hình tài chính thì hai số không khớp, dù không bên nào sai.



Cùng một khoản vay 200 giả định: theo số dư gốc cột đầu bằng 0, theo dòng tiền hợp đồng chưa chiết khấu cột đầu là 18 và tổng là 254

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Bốn bước đọc bảng đáo hạn

Công thức của Tâm An, không phải chỉ tiêu trên mẫu: **khoảng trống đến cuối năm t = nợ đáo hạn tích luỹ đến hết năm t trừ (tiền dùng được đầu kỳ cộng dòng tiền kinh doanh sau chi đầu tư duy trì, ước tính tích luỹ đến hết năm t).** Hạn mức chưa rút tách riêng vì có thể kèm điều kiện.

1. **Bảng đo gì?** Gốc hay cả lãi, ngày cuối của mỗi cột; tìm ở chú thích và thuyết minh vay.
2. **Cột nào dồn nhiều nhất, tính trên mỗi năm?** Cột "trên 2 đến 5 năm" trải ra ba năm, nên số lớn chưa chắc là mỗi năm lớn: hãy chia số cột cho số năm của cột.
3. **Nguồn trả là gì?** Tiền dùng được, dòng tiền, hạn mức chưa rút. Về tiền, xem bài tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được không; về sức trả nợ, bài nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh. Dòng tiền một năm có thể cao nhờ thu trước hoặc giãn phải trả, nên cần xem nó có bền không (dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài).
4. **Khoảng trống lấp bằng gì?** Gia hạn, vay mới, bán tài sản hay huy động vốn: đây là câu hỏi để hỏi tiếp, không phải kết luận.

Ví dụ minh hoạ: cùng tổng nợ 800, hai lịch đáo hạn

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Công ty An và công ty Bình đều có tổng nợ vay 800 nhưng lịch khác nhau:

Mốc thời hạn còn lại	Công ty An	Công ty Bình
Đến 1 năm	160 (20,0%)	80 (10,0%)
Trên 1 đến 2 năm	200 (25,0%)	480 (60,0%)
Trên 2 đến 5 năm	300 (37,5%)	160 (20,0%)
Trên 5 năm	140 (17,5%)	80 (10,0%)
Cộng	**800**	**800**

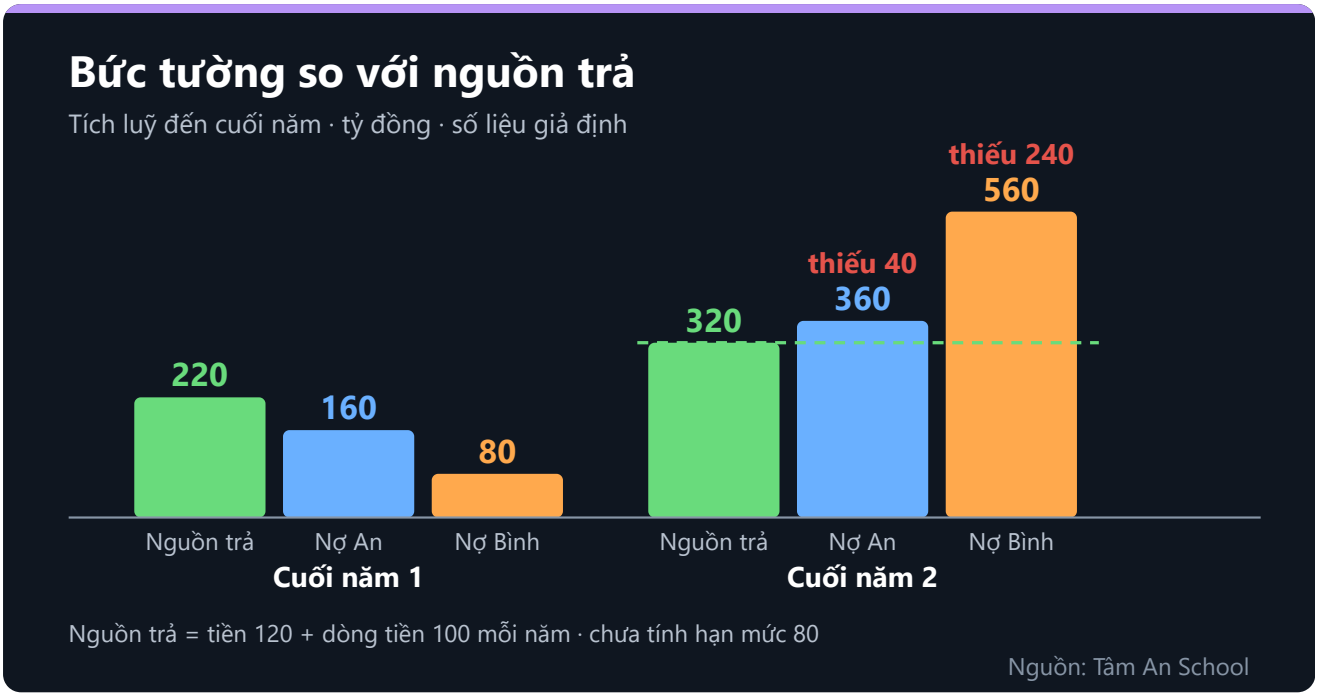
Hai công ty có chung nguồn trả: tiền dùng được 120, dòng tiền kinh doanh sau chi đầu tư duy trì ước tính 100 mỗi năm, hạn mức chưa rút 80.

Hai cách nhìn nhanh cho kết luận ngược nhau. **Nhìn dòng nợ ngắn hạn**, công ty Bình chỉ 80 (10,0%), công ty An 160 (20,0%): Bình trông thoải mái hơn. **Nhìn cột lớn nhất**, của An là mốc trên 2 đến 5 năm với 300, nhưng trải ba năm thì bình quân 100 mỗi năm, thấp hơn hai năm đầu; của Bình là mốc trên 1 đến 2 năm với 480, nằm gọn trong một năm. Bức tường của Bình ở năm thứ hai, nơi dòng nợ ngắn hạn chưa nhìn tới.

Đặt cạnh nguồn trả, tích luỹ (nguồn trả tích luỹ là tiền 120 cộng 100 mỗi năm, nên 220 rồi 320):

Chỉ tiêu	Cuối năm 1	Cuối năm 2
Nợ đáo hạn tích luỹ, An	160	360
Nợ đáo hạn tích luỹ, Bình	80	560
Nguồn trả trừ nợ, An	+60	−40
Nguồn trả trừ nợ, Bình	+140	−240

Đến cuối năm 2, công ty An thiếu 40 (11,1% nợ đáo hạn tích luỹ), công ty Bình thiếu 240 (42,9%). Cộng hạn mức 80, công ty An còn dư 40, công ty Bình vẫn thiếu 160.



Công ty An và công ty Bình giả định: nợ đáo hạn tích luỹ so với nguồn trả tích luỹ; cuối năm 2 công ty An thiếu 40 và công ty Bình thiếu 240

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bài không nói công ty Bình rủi ro hơn công ty An. Khoảng thiếu của Bình có thể được lấp bằng gia hạn, vay mới, bán tài sản hoặc tiền thu từ dự án đã bán trước; nguồn trả của An cũng có thể mỏng. Khoản vay mới thay khoản cũ xem bài tái cấp vốn là gì; câu hỏi vay ngắn hạn đang nuôi việc gì xem bài kỳ hạn nợ vay.

Đáo hạn dồn có luôn là rủi ro không

Không. Một số lý do hợp lý khiến bức tường vẫn lành (ví dụ chung của Tâm An, tuỳ hợp đồng): có nguồn thu rõ đúng lúc như bàn giao dự án đã bán; hạn mức quay vòng được gia hạn đều đặn; khoản vay nuôi vốn lưu động trả rồi vay lại. Ngược lại, lịch rải đều chưa chắc an toàn nếu nguồn trả mỏng. Ngày đáo hạn không phải ngày mất khả năng trả nợ: đó là ngày cần có nguồn tiền hoặc một thoả thuận mới.

Bảng thường không gồm hết nghĩa vụ cùng kỳ: lãi nếu bảng chỉ đo gốc, tiền thuê hoạt động, phải trả người bán, cam kết đầu tư. Theo bản sao văn bản chuẩn mực kế toán số 21 mà Tâm An đã đối chiếu, có hợp đồng cho phép bên cho vay đòi trả ngay nếu bên vay không giữ được một số điều kiện tài chính, khi đó mốc đáo hạn có thể sớm hơn lịch hợp đồng. Bài chưa kiểm hiệu lực hiện hành của chuẩn mực này; đây chỉ là câu hỏi để đọc thuyết minh.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Báo cáo tình hình tài chính và thuyết minh vay:** hai dòng ngắn, dài hạn đối chiếu với tổng số dư; tăng, giảm trong năm, vay quá hạn; mô tả từng khoản (kỳ hạn, lãi suất, tài sản bảo đảm) nếu có.

3. **Thuyết minh trái phiếu và thuê hoạt động:** mốc đáo hạn trái phiếu; tiền thuê tối thiểu theo ba mốc.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thông tin bổ sung:** số tiền đi vay thực thu và số tiền trả gốc vay trong kỳ, chia theo loại (khế ước thông thường, trái phiếu, hình thức khác); cho biết năm vừa qua trả nợ bằng tiền hay bằng vay mới.
5. **Thuyết minh tiền:** tiền dùng được so với mốc gần nhất.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để dựng bảng đáo hạn thô từ thuyết minh vay và trái phiếu, rồi đặt cạnh tiền và dòng tiền; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty An và công ty Bình, mọi số liệu, nguồn trả và hạn mức đều là giả định; dòng tiền 100 mỗi năm chỉ là giữ phẳng, không phải dự báo.
- Bài chỉ đọc nguyên văn mẫu của Thông tư 99; báo cáo cũ hơn theo Thông tư 200.
- Hạn mức chưa rút có thể kèm điều kiện; nó không phải tiền.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "đáo hạn dồn là xấu" hay "nợ rải đều là an toàn"; cả hai bỏ qua nguồn trả và khả năng tái cấp vốn.
- Không coi tỷ trọng một cột hay con số 42,9% làm ngưỡng: mọi tỷ lệ là quy ước minh hoạ, không phải chuẩn pháp lý.
- Không suy từ ví dụ ra doanh nghiệp thật. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một mốc đáo hạn dồn lớn so với tiền và dòng tiền, hay bảng chỉ có hai dòng ngắn và dài mà thiếu lịch chi tiết, đều là tín hiệu để mở thuyết minh và hỏi tiếp, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): hướng dẫn lập dòng vay ngắn hạn, dài hạn; mẫu thuyết minh vay, trái phiếu, thuê hoạt động, thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ; quyền bổ sung chỉ tiêu. Thông tư 200/2014/TT-BTC: chưa mở lại.
- Chuẩn mực kế toán số 21 qua bản sao văn bản (mức B, chưa đối chiếu bản Công báo gốc): chỉ dùng cho câu hỏi về điều kiện tài chính trong hợp đồng vay.

- CFA Institute, "Credit Analysis for Corporate Issuers", giáo trình 2026: chỉ trang công khai, nêu thanh khoản là một thước đo định lượng; trang không nói về kỳ hạn nợ, bài không dùng công thức nào từ nguồn này.
- Cách dựng bảng và công thức khoảng trống là của Tâm An, không phải chuẩn hay quy định; số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không
- Tái cấp vốn là gì
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được không
- Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Bảng đáo hạn nợ vay cho biết nợ phải trả vào lúc nào; bức tường là mốc dồn nhiều nhất trong những năm gần. Báo cáo tình hình tài chính chỉ chia nợ vay ngắn và dài hạn (kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng hay hơn); mẫu thuyết minh Thông tư 99 có bảng theo thời hạn chỉ cho nợ thuê tài chính, khoản vay chỉ có số dư, nên bảng đáo hạn đầy đủ nhiều khi do doanh nghiệp tự trình bày hoặc phải tự ghép; bài không khẳng định có quy định bắt buộc công bố. Bốn việc đọc: bảng đo gốc hay cả lãi (cùng khoản vay giả định 200, còn 3 năm, lãi 9%, cột đầu có thể là 0 hoặc 18, tổng 200 hoặc 254), cột nào dồn nhiều nhất tính trên mỗi năm, nguồn trả (tiền dùng được, dòng tiền, hạn mức chưa rút), khoảng trống lấp bằng gì. Công ty An và công ty Bình giả định cùng nợ 800: nợ ngắn hạn của công ty Bình chỉ 80 so với 160 của công ty An, nhưng công ty Bình dồn 480 vào năm thứ hai; với nguồn trả tích luỹ 320, cuối năm 2 công ty An thiếu 40 còn công ty Bình thiếu 240 (160 sau khi dùng hạn mức 80). Bài không nói bên nào rủi ro hơn; đáo hạn dồn chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

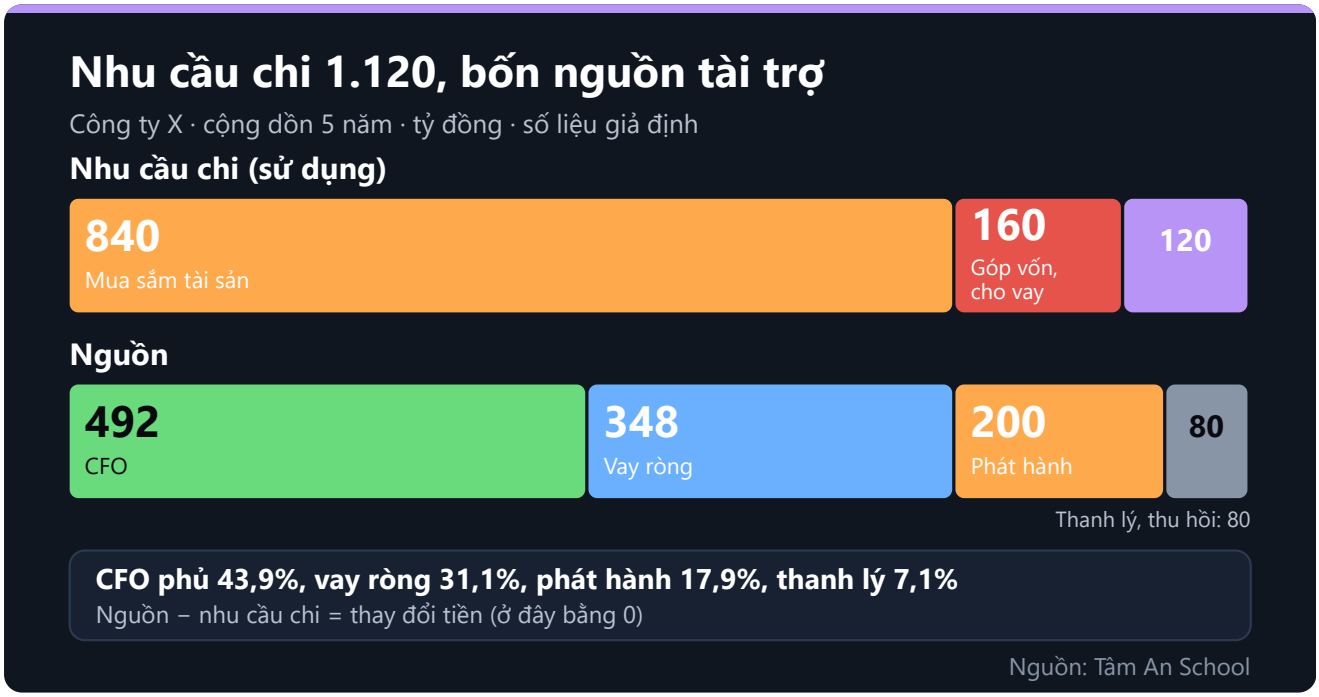
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bang-dao-han-no-vay-trong-thuyet-minh

Doanh nghiệp tài trợ hoạt động và mở rộng bằng nguồn nào: dòng tiền kinh doanh, vay hay phát hành cổ phiếu?

Câu trả lời ngắn

Doanh nghiệp tài trợ hoạt động và mở rộng bằng bốn nguồn tiền: tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO), tiền vay, tiền phát hành cổ phiếu, và tiền thu về từ thanh lý tài sản hoặc thu hồi đầu tư. Tiền đi ra ở bốn chỗ: mua sắm tài sản cố định, góp vốn và cho vay ra ngoài, trả nợ gốc, trả cổ tức. Cách đọc của Tâm An: lập bảng "nguồn và sử dụng" cộng dồn ba đến năm năm từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, rồi hỏi mỗi nguồn gánh bao nhiêu phần nhu cầu chi. Một năm lẻ dễ gây hiểu nhầm: công ty X giả định ở năm cuối có CFO phủ 106,3% nhu cầu chi, nhưng cộng năm năm chỉ phủ 43,9%. Tỷ trọng chỉ là tín hiệu để hỏi tiếp, chưa phải kết luận; giao dịch không bằng tiền không hiện trong bảng, phải đọc ở thuyết minh.



Công ty X giả định: nhu cầu chi 1.120 và bốn nguồn

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Tiền vào từ đâu, tiền ra đâu

Theo chuẩn mực kế toán số 24 (VAS 24, đoạn 08, 10, 11) và mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Thông tư 99, doanh nghiệp phi tài chính có các luồng điển hình sau. Kinh doanh: thu bán hàng, dịch vụ; chi nhà cung cấp, người lao động, thuế, chi phí đi vay. Đầu tư: thu thanh lý tài sản, thu hồi cho vay và vốn góp; chi mua sắm tài sản cố định, cho vay, góp vốn. Tài chính: thu từ đi vay, phát hành cổ phiếu; chi trả nợ gốc, cổ tức, mua lại cổ phiếu.

Ba điều dễ nhầm:

- **CFO là nguồn duy nhất tự sinh.** VAS 24 (đoạn 08) coi dòng tiền kinh doanh là thông tin để đánh giá khả năng trang trải nợ, duy trì hoạt động, trả cổ tức và đầu tư mới mà chưa cần nguồn bên ngoài.
- **Lãi vay đã trả thường đã nằm trong CFO.** Mẫu của Thông tư 99 xếp "chi phí đi vay đã trả" ở phần kinh doanh; phần lãi vốn hoá có thể ở đầu tư. Đừng trừ lãi vay lần hai.
- **Vay mới và trả gốc cùng nằm ở dòng tài chính**, nên bảng dùng vay ròng (vay nhận được trừ trả nợ gốc).

Quy ước của Tâm An, không phải công thức của chuẩn mực:

- **Nhu cầu chi** = chi mua sắm tài sản cố định + chi góp vốn và cho vay + cổ tức đã trả.
- **Nguồn** = CFO + vay ròng + tiền phát hành cổ phiếu + tiền thanh lý, thu hồi.
- Ba hoạt động cộng lại bằng thay đổi tiền, nên **nguồn − nhu cầu chi = thay đổi tiền**. Phần không nguồn nào gánh là tiền có sẵn đầu kỳ.

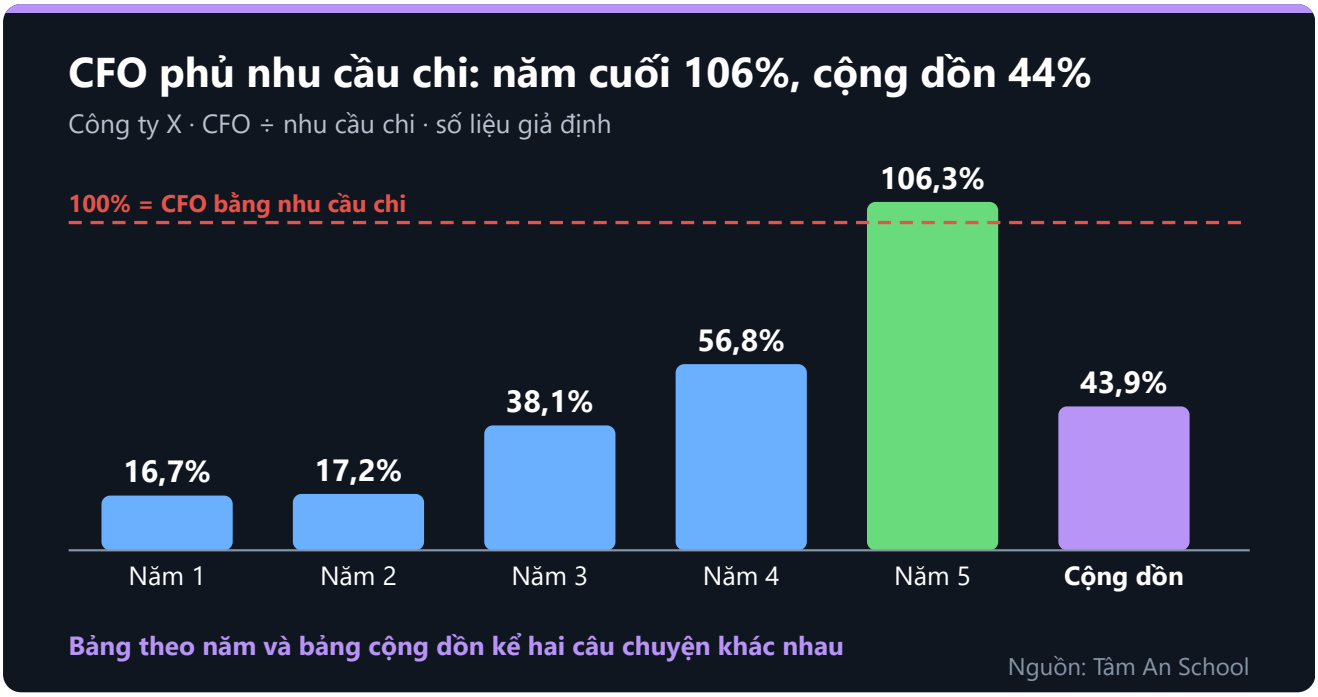
Vì sao cộng dồn nhiều năm

Mua sắm tài sản theo đợt, CFO có mùa vụ, khoản vay có năm đảo nợ, nên một năm lẻ có thể lệch xa mức thường. Cộng dồn làm dịu nhiễu đó nhưng che mất thứ tự thời gian, nên hãy đọc cả bảng theo năm lẫn bảng cộng dồn. Nếu CFO nhiều năm liền cao hơn hẳn lãi, xem bài dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài trước khi tin vào CFO.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định qua năm năm

Công ty X giả định, tỷ đồng, số liệu tự đặt, kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Tiền đầu năm 1 là 100; không ngoại tệ; không có lãi và cổ tức nhận.

Khoản (tỷ đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Cộng
CFO	30	55	80	125	202	**492**
Mua sắm tài sản cố định	−180	−260	−190	−110	−100	−840
Góp vốn, cho vay ngoài	0	−60	0	−70	−30	−160
Cổ tức đã trả	0	0	−20	−40	−60	−120
Nhu cầu chi	**180**	**320**	**210**	**220**	**190**	**1.120**
CFO phủ nhu cầu chi	16,7%	17,2%	38,1%	56,8%	106,3%	**43,9%**
Thanh lý, thu hồi	0	10	0	40	30	80
Vay nhận được	200	300	190	110	90	890
Trả nợ gốc	−30	−60	−110	−150	−192	−542
Vay ròng	170	240	80	−40	−102	**348**
Phát hành cổ phiếu	0	200	0	0	0	200
Thay đổi tiền	+20	+185	−50	−95	−60	0



Công ty X giả định: CFO phủ nhu cầu chi theo năm và cộng dồn

Số liệu giả định. Tiền cuối năm: 120, 305, 255, 160, 100.

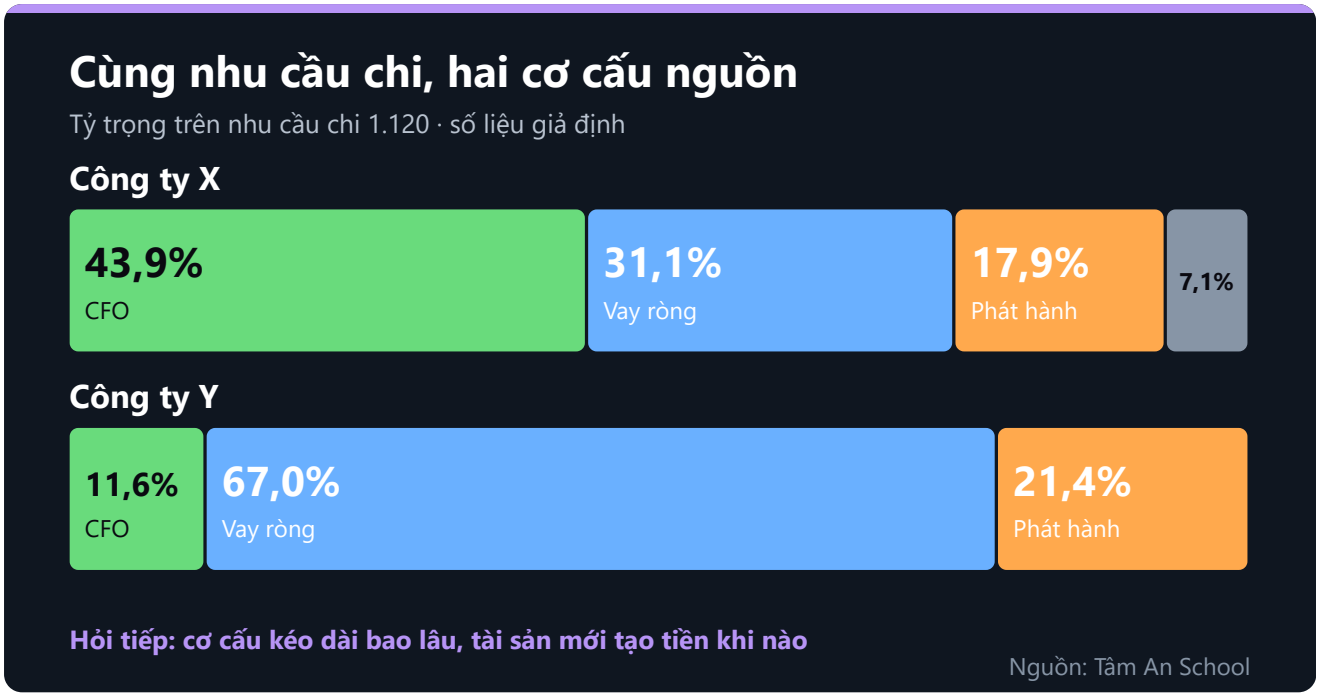
Theo năm. Hai năm đầu CFO chỉ phủ 17,0% nhu cầu chi (85 trên 500), nguồn đến từ vay ròng 410 và phát hành 200. Ba năm sau CFO phủ 65,6% (407 trên 620), và từ năm 4 vay ròng âm: công ty trả nợ nhiều hơn vay. Năm 5 trông "tự lo được" với 106,3% là kết quả của bốn năm trước.

Cộng dồn. Nhu cầu chi 1.120 được gánh bởi CFO 492 (43,9%), vay ròng 348 (31,1%), phát hành cổ phiếu 200 (17,9%) và thanh lý, thu hồi 80 (7,1%); cộng đúng 100,0% vì tiền cuối kỳ bằng đầu kỳ.

Cùng một báo cáo, hai cách nói về vay. Tính theo tổng tiền vào 1.662, vay nhận được 890 chiếm 53,5% và CFO chỉ 29,6%: công ty trông "sống bằng vay". Tính theo nhu cầu chi, vay ròng chỉ gánh 31,1%. Cách đầu hỏi tiền mới vào từ đâu, cách sau hỏi nhu cầu chi được ai trả sau khi hoàn nợ cũ. Vì sao vay mới lớn có thể chỉ là đảo nợ: xem bài tái cấp vốn.

Cùng nhu cầu chi, hai cơ cấu nguồn

Công ty Y giả định cũng có nhu cầu chi 1.120, nhưng CFO chỉ 130 (11,6%), vay ròng 750 (67,0%), phát hành 240 (21,4%).



Công ty X và Y giả định: cùng nhu cầu chi, hai cơ cấu nguồn

Số liệu giả định.

Mỗi nguồn có giá riêng; tiền thanh lý, thu hồi thì thường chỉ đến một lần:

- **CFO** bị giới hạn bởi quy mô kinh doanh hiện tại; CFO thấp khi mở rộng có thể vẫn lành mạnh.
- **Vay** có lãi và kỳ hạn trả gốc; câu hỏi là kỳ hạn có khớp vòng đời tài sản được tài trợ không, xem bài về kỳ hạn nợ vay.
- **Phát hành cổ phiếu** không có lịch trả gốc, nhưng chia lại phần sở hữu. Minh hoạ: 100 triệu cổ phiếu, phát hành thêm 20 triệu với giá 10.000 đồng được 200 tỷ đồng; số cổ phiếu tăng 20,0%, cổ đông giữ 10% còn 8,33%. Giá phát hành và mục đích dùng vốn mới nói được phần còn lại.

Y có thể đang ở giai đoạn đầu một dự án lớn như X ở năm 1 và 2; cần hỏi cơ cấu đó kéo dài bao lâu.

Mở rộng thật hay góp vốn ra ngoài

Trong nhu cầu chi 1.120 của X, mua sắm tài sản cố định là 840 (75,0%), góp vốn và cho vay 160 (14,3%), cổ tức 120 (10,7%). Hai nhóm đầu tạo tiền về theo cách khác nhau:

- Khấu hao cộng dồn của X là 300 (giả định). Mua sắm 840 gấp 2,8 lần khấu hao; phần vượt ước tính 540 gần với mở rộng, phần còn lại gần với duy trì. Đây là xấp xỉ quy ước của Tâm An, vì chi duy trì thực tế khó thấy trên báo cáo.
- Trong 160 góp vốn và cho vay, X thu hồi được 50. Chưa thu hồi chưa hẳn xấu vì góp vốn chiến lược cần nhiều năm, nhưng chi ra ngoài lớn mà tiền về nhỏ là chỗ cần mở thuyết minh về bên nhận.

Phần nằm ngoài bảng tiền: giao dịch không bằng tiền

Có tài trợ không đi qua tiền nên không hiện trong bảng. VAS 24 (đoạn 29, 30) và hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99 (mục D, điểm 1.7) nói giao dịch đầu tư và tài chính không trực tiếp dùng tiền hoặc tương đương tiền không được trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ví dụ trong văn bản: mua tài sản bằng cách nhận nợ hoặc thuê tài chính, mua doanh nghiệp bằng phát hành cổ phiếu, chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu. Mẫu thuyết minh của Thông tư 99 có mục riêng cho các giao dịch này.

Giả sử X năm 4 mua dây chuyền 90 theo hợp đồng thuê tài chính, không chi tiền; bảng trên không thấy 90 này. Nhu cầu tài trợ thực là 1.210; nợ (vay ròng 348 cộng thuê tài chính 90) gánh 36,2% thay vì 31,1%, còn CFO phủ 40,7% thay vì 43,9%. Số 90 chỉ lộ ra ở thuyết minh; tiền trả nợ thuê tài chính ở các năm sau mới hiện trong dòng tài chính.

Khác với trường hợp trên: nếu tiền vay chuyển thẳng từ bên cho vay sang nhà thầu mà không qua tài khoản doanh nghiệp, hướng dẫn của Thông tư 99 (điểm 1.10) vẫn yêu cầu trình bày tiền vay là luồng vào tài chính, tiền trả nhà thầu là luồng ra kinh doanh hoặc đầu tư.

Mẫu thuyết minh còn chia tiền vay thực thu theo **hình thức**: khế ước thông thường, trái phiếu thường, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả, REPO.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chọn phạm vi và số năm:** hợp nhất hay riêng lẻ, ba đến năm năm. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99: ghép kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Ghi nguồn và sử dụng**, tính vay ròng, nhu cầu chi, tỷ trọng theo năm và cộng dồn; kiểm tra tổng bằng thay đổi tiền. Cách đọc dấu từng năm đã có ở bài ba dòng tiền.
3. **Hỏi tiếp:** nguồn chủ yếu là CFO, vay hay vốn góp; xu hướng qua các năm; nhu cầu chi tạo tài sản có doanh thu hay đi ra ngoài.
4. **Mở thuyết minh:** khoản vay, phát hành cổ phiếu, giao dịch không bằng tiền, bên liên quan.
5. **Đối chiếu số dư tiền** ở bài tiền và tương đương tiền.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có mở thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, Y và mọi con số, kể cả khấu hao và giá phát hành, đều là giả định đã đơn giản hoá; báo cáo thật còn có lãi, cổ tức nhận, tỷ giá, hợp nhất.
- Cách chia nhu cầu chi và nguồn, tỷ trọng, phần vượt khấu hao là quy ước của Tâm An, không phải công thức của chuẩn mực hay sách.
- Doanh nghiệp được trình bày luồng tiền theo cách phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh (VAS 24, đoạn 06), nên hai công ty chưa chắc xếp cùng một khoản vào cùng dòng.
- Bài chỉ cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.
- Chưa đối chiếu cổ tức bằng cổ phiếu và giao dịch phi tiền tệ ngoài các ví dụ trong văn bản.

Đừng nói quá

- Không viết "phụ thuộc vay là xấu" hay "tự tài trợ 100% là tốt": cả hai bỏ qua giai đoạn và thuyết minh.
- Không viết "phát hành cổ phiếu là xấu": pha loãng là phép tính, còn giá và mục đích sử dụng vốn mới nói có đáng không.
- Không dùng 43,9% hay 31,1% làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

CFO phủ rất ít nhu cầu chi nhiều năm, vay ròng lớn kéo dài, phát hành cổ phiếu lặp lại, chi ra ngoài lớn mà tiền về nhỏ, hay giao dịch không bằng tiền lớn đều là tín hiệu để mở thuyết minh và hỏi tiếp, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân hợp lý: xây nhà máy, mùa vụ, dự án sinh tiền sau vài năm, tái cấu trúc nợ. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; văn bản chuẩn mực đối chiếu lại với bản sao trong gói nguồn ngày 26/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 06, 08, 10, 11, 29, 30: bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức, đối chiếu nhiều nguồn khớp nhau (mức B). Bài dẫn "theo văn bản chuẩn mực", không khẳng định hiệu lực tuyệt đối.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): mẫu B03; Phụ lục IV mục D điểm 1.1, 1.7, 1.10; mẫu thuyết minh B09 mục VIII. Thông tư 200/2014/TT-BTC dùng cho báo cáo năm 2025; bài không so mã số giữa hai thông tư.
- CFA Institute, "Analyzing Statements of Cash Flows I và II" (2026): chỉ đọc trang công khai; không dùng làm căn cứ khẳng định.
- Số liệu ví dụ Tâm An tự đặt và tự tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Kỳ hạn nợ vay
- Tái cấp vốn là gì?
- Tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại tamanchungkhoan.vn/bctc.

Tâm An đọc cách doanh nghiệp tài trợ hoạt động và mở rộng bằng bảng nguồn và sử dụng cộng dồn ba đến năm năm từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhu cầu chi gồm chi mua sắm tài sản cố định, góp vốn và cho vay ra ngoài, cổ tức; nguồn gồm dòng tiền kinh doanh (đã sau lãi vay và thuế), vay ròng, tiền phát hành cổ phiếu, tiền thanh lý và thu hồi; nguồn trừ nhu cầu chi bằng thay đổi tiền. Công ty X giả định (tỷ đồng, năm năm): nhu cầu chi 1.120 được gánh bởi CFO 492 (43,9%), vay ròng 348 (31,1%), phát hành 200 (17,9%), thanh lý 80 (7,1%); năm cuối CFO phủ 106,3% nhưng cộng dồn chỉ 43,9%; tính theo tổng tiền vào thì vay chiếm 53,5%, tính theo nhu cầu chi thì vay ròng chỉ 31,1%. Công ty Y giả định cùng nhu cầu chi nhưng CFO chỉ 11,6% và vay ròng 67,0%. Giao dịch đầu tư và tài chính không bằng tiền không hiện trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ mà ở thuyết minh (VAS 24 đoạn 29, 30; Thông tư 99 điểm 1.7, mẫu thuyết minh mục VIII); thuê tài chính 90 giả định đổi tỷ trọng nợ từ 31,1% sang 36,2%. Khung nhu cầu chi, vay ròng và tỷ trọng là quy ước của Tâm An, không phải công thức của chuẩn mực. Tỷ trọng chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

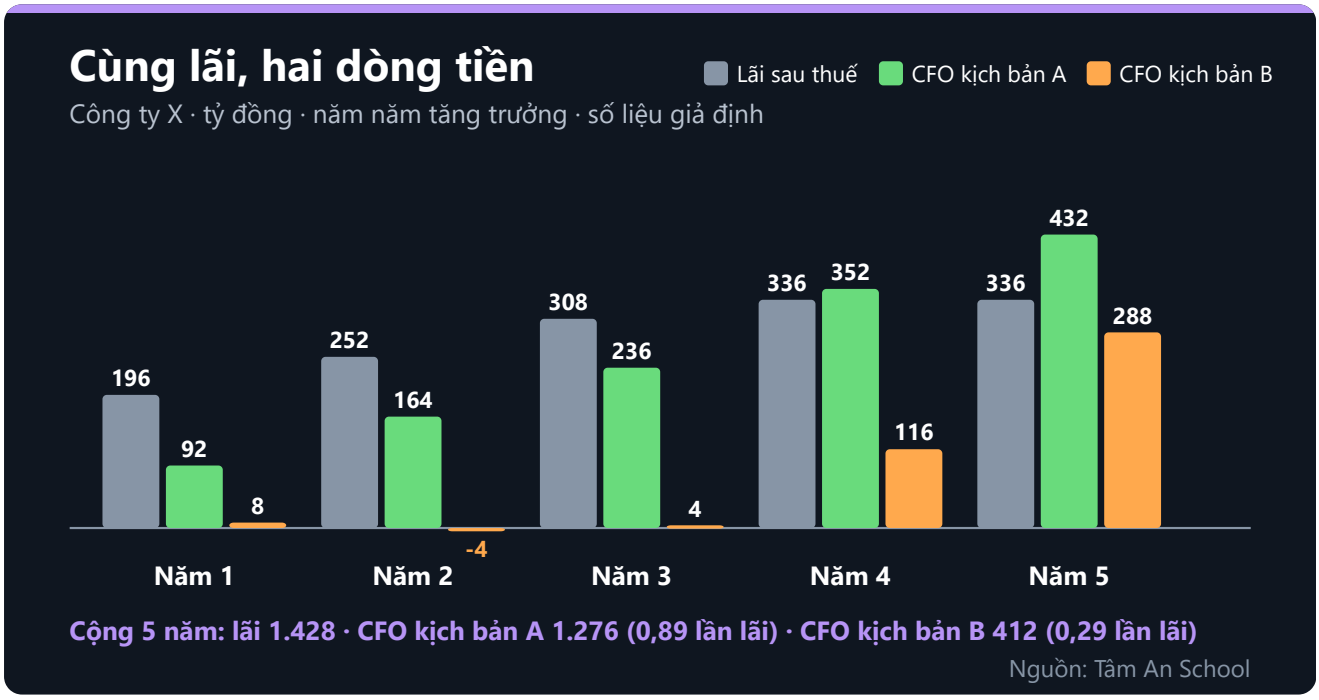
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-nghiep-tai-tro-hoat-dong-va-mo-rong-bang-nguon-nao

Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh: vì sao dòng tiền kinh doanh thấp hơn lãi có thể là chuyện lành mạnh?

Câu trả lời ngắn

Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh thường có dòng tiền kinh doanh (CFO) thấp hơn lãi sau thuế vì một lý do cơ học: bán nhiều hơn thì phải thu và hàng tồn kho phình ra trước khi tiền về, trong khi lãi đã ghi ngay khi giao hàng. Phần tiền bị giữ lại là cái giá của tăng trưởng, nên trong giai đoạn tăng tốc, CFO thấp hơn lãi có thể là chuyện bình thường, thậm chí lành mạnh. Nhưng "có thể" không phải "luôn luôn". Bài đề xuất bốn câu hỏi để phân biệt; ranh giới giữa "lành" và "cần hỏi thêm" là khuyến nghị của người soạn bài, chưa được kiểm định tại Việt Nam, và bài không đưa ngưỡng nào. Kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty X giả định: cùng doanh thu và cùng lãi sau thuế, năm năm dòng tiền kinh doanh 1.276 ở kịch bản A và 412 ở kịch bản B

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Vì sao tăng trưởng làm tiền đi sau lãi

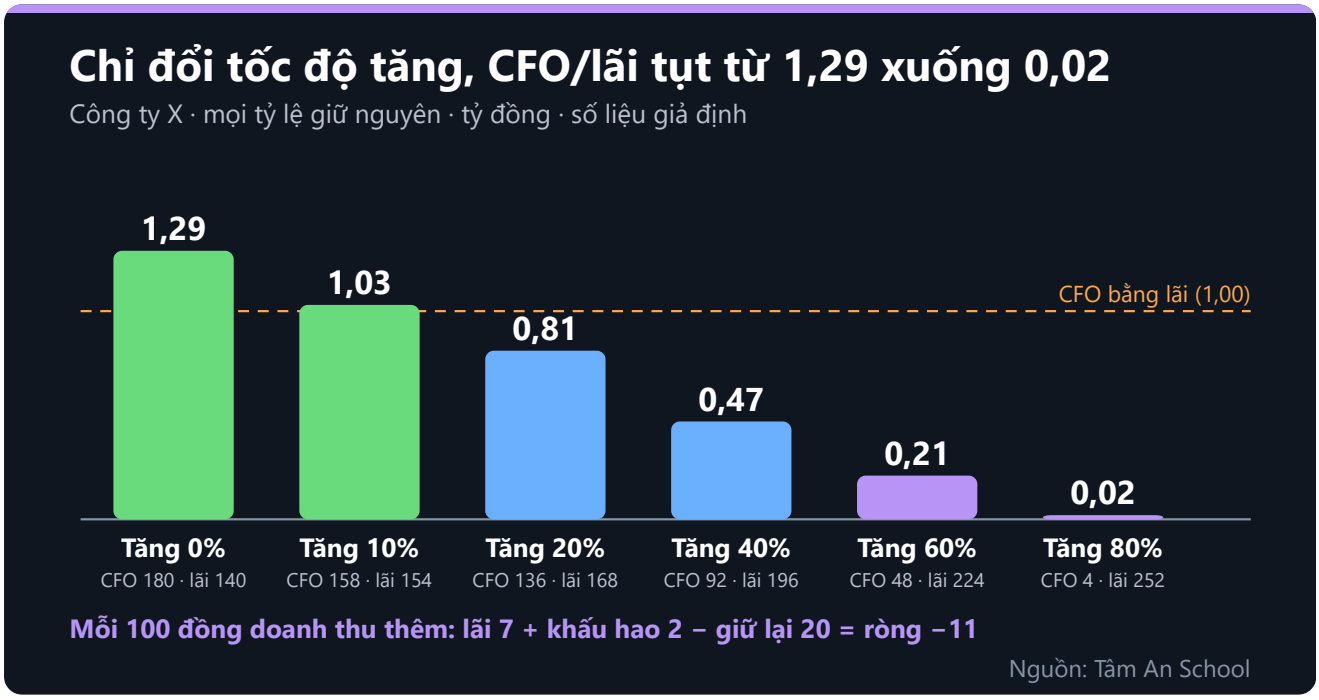
Lãi ghi khi hàng đã giao; tiền đi theo nhịp riêng: công ty mua nguyên liệu, trả lương trước, khách trả sau. Quy mô đứng yên thì số dư phải thu, tồn kho, phải trả gần như không đổi và lãi xấp xỉ tiền. Quy mô lớn lên thì cả ba số dư lớn theo, phần chênh ròng giữ lại tiền. Ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, mẫu B03-DN của Thông tư 99 đặt ba dòng "tăng, giảm các khoản phải thu", "tăng, giảm hàng tồn kho", "tăng, giảm các khoản phải trả" ngay dưới dòng lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động.

Sloan (1996) gọi phần chênh giữa lãi và tiền là dồn tích. Doanh nghiệp tăng nhanh có dồn tích dương gần như theo cấu trúc; ghi chú nội bộ của Tâm An xếp tăng trưởng doanh thu nhanh là nguồn dương tính giả đầu tiên của các mô hình sàng lọc.

Để thấy tính cơ học, giữ nguyên mọi thứ và chỉ đổi tốc độ tăng. Công ty X giả định (tỷ đồng) có doanh thu năm trước 2.000; lãi sau thuế bằng 7% doanh thu, khấu hao 2% (không bằng tiền), và phải thu cộng tồn kho trừ phải trả người bán giữ ở 20% doanh thu. Mỗi 100 đồng doanh thu thêm đem lại 7 lãi, 2 khấu hao, nhưng giữ lại 20: ròng âm 11.

Doanh thu tăng	Doanh thu	Lãi sau thuế	Khấu hao	Tiền giữ thêm	CFO	CFO/lãi
0%	2.000	140	+40	0	180	1,29
20%	2.400	168	+48	-80	136	0,81
40%	2.800	196	+56	-160	92	0,47
80%	3.600	252	+72	-320	4	0,02

Với đúng các tỷ lệ giả định này, CFO về 0 khi doanh thu tăng khoảng 81,8%: phép tính từ giả định, không phải ngưỡng của doanh nghiệp thật. Bảng chưa tính chi mua sắm tài sản cố định.



Công ty X giả định: giữ nguyên các tỷ lệ, chỉ đổi tốc độ tăng doanh thu từ 0% đến 80%, CFO/lãi giảm từ 1,29 xuống 0,02

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Hai phần của tiền bị giữ: theo quy mô và vượt quy mô

Gọi r là phải thu cộng tồn kho trừ phải trả, chia doanh thu. Tiền giữ thêm trong năm bằng thay đổi của r nhân doanh thu, tách được thành hai phần cộng lại đúng bằng tổng:

- **Theo quy mô:** r năm trước nhân doanh thu tăng thêm; xảy ra dù số ngày thu tiền, giữ hàng không đổi.

- **Vượt quy mô:** thay đổi của r nhân doanh thu năm nay; chỉ xuất hiện khi số ngày dài ra hoặc cơ cấu khách hàng, hàng hoá đổi.

Cách tách là của Tâm An để đặt câu hỏi, không phải chỉ tiêu của chuẩn mực; chia theo thứ tự khác cho hai phần khác dù tổng không đổi. Phần theo quy mô là giá của tăng trưởng, biến mất khi doanh thu đi ngang. Phần vượt quy mô là phần phải giải thích: đại lý mới được điều khoản dài hơn, trữ hàng trước mùa, hay phải thu chậm thu hồi; xem thêm bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, hai kịch bản

Số liệu **giả định**, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng, tỷ đồng. Để gọn: bỏ qua lãi vay, thuế hoãn lại, dự phòng, chi đầu tư. Doanh thu đi từ 2.000 lên 2.800, 3.600, 4.400, 4.800 rồi đi ngang ở 4.800; lãi sau thuế 7%, khấu hao 2% doanh thu. Hai kịch bản chỉ khác ở số dư vốn lưu động:

- **Kịch bản A:** phải thu 14% doanh thu (khoảng 51 ngày), tồn kho 12%, phải trả 6%, y nguyên cả năm năm.
- **Kịch bản B:** phải thu tăng dần 16%, 19%, 22%, 25%, 28% (khoảng 102 ngày ở năm 5); tồn kho từ 12% lên 16%; phải trả vẫn 6%.

Năm	Doanh thu (tăng)	Lãi sau thuế	Khấu hao	A: giữ thêm	A: CFO (CFO/lãi)	B: giữ thêm	B: CFO (CFO/lãi)
1	2.800 (+40,0%)	196	+56	-160	92 (0,47)	-244	8 (0,04)
2	3.600 (+28,6%)	252	+72	-160	164 (0,65)	-328	-4 (-0,02)
3	4.400 (+22,2%)	308	+88	-160	236 (0,77)	-392	4 (0,01)
4	4.800 (+9,1%)	336	+96	-80	352 (1,05)	-316	116 (0,35)
5	4.800 (0,0%)	336	+96	0	432 (1,29)	-144	288 (0,86)
Cộng		**1.428**	**+408**	**-560**	**1.276 (0,89)**	**-1.424**	**412 (0,29)**

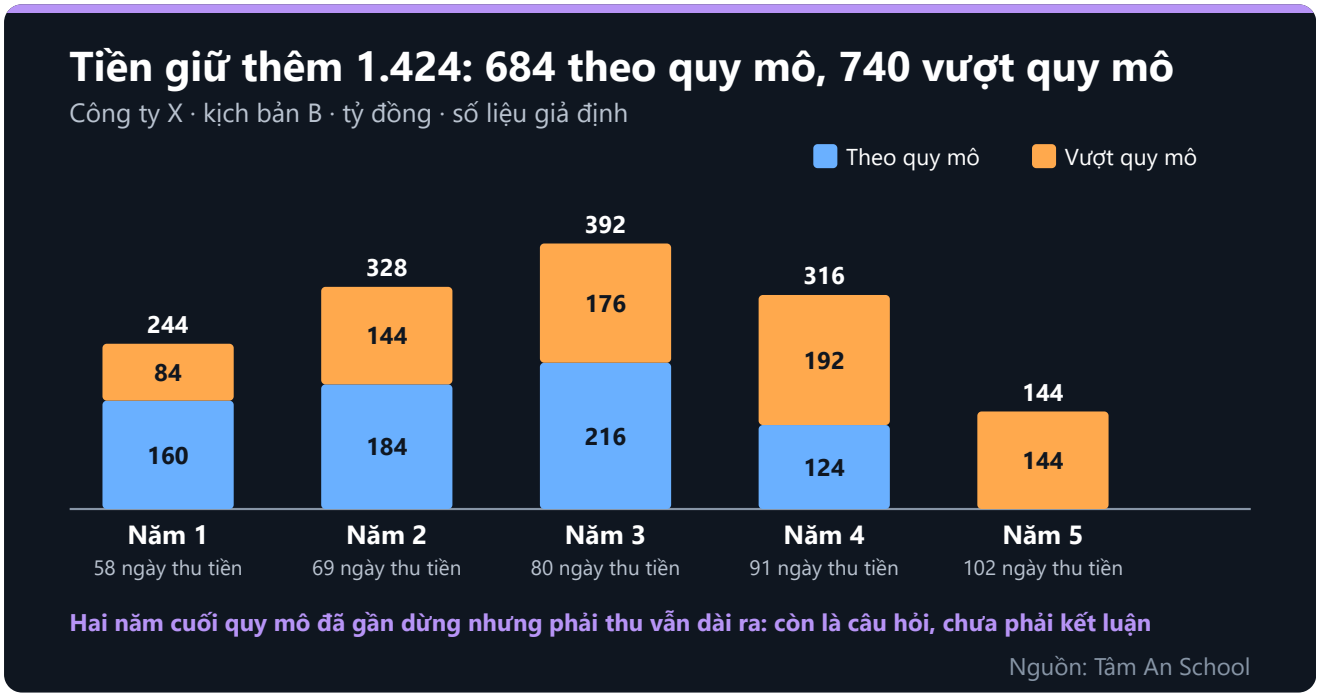
Kiểm cộng: A 1.428 + 408 - 560 = 1.276; B 1.428 + 408 - 1.424 = 412. Năm 1, cùng doanh thu 2.800 và cùng lãi 196, dòng tiền là 92 ở A và 8 ở B.

Kịch bản A nằm gọn trong khung "tăng trưởng đòi tiền": ba năm tăng tốc lãi 756, CFO 492 (0,65), cả 480 tiền giữ thêm là phần theo quy mô. Khi doanh thu chững, hai năm cuối CFO 784 trên lãi 672 (1,17), nhờ khấu hao và không còn khoản nào hút tiền.

Kịch bản B cùng lãi nhưng ba năm đầu CFO chỉ 8 trên lãi 756: gần hết lãi và khấu hao nằm lại trong phải thu và tồn kho, riêng năm 2 CFO âm 4 dù lãi 252. Tách phần giữ thêm:

Năm	Tiền giữ thêm	Theo quy mô	Vượt quy mô	Ngày thu tiền cuối năm (ước)
1	244	160	84	58
2	328	184	144	69
3	392	216	176	80
4	316	124	192	91
5	144	0	144	102
Cộng	**1.424**	**684**	**740**	

Phần vượt quy mô chiếm 740 trên 1.424, tức 52,0%. Điểm đáng chú ý là hai năm cuối: quy mô gần như dừng (+9,1% rồi 0,0%) nhưng vẫn bị giữ thêm 316 và 144 vì phải thu tiếp tục dài ra. Hai năm đó CFO 404 trên lãi 672 (0,60), chưa bắt kịp như A.



Công ty X giả định, kịch bản B: tiền giữ thêm 1.424 gồm 684 theo quy mô và 740 vượt quy mô, số ngày thu tiền từ 51 lên 102

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bài không nói B là xấu: công ty X có thể đang chuyển sang kênh đại lý điều khoản 90 đến 100 ngày, hoặc trữ hàng cho mùa cao điểm. B chỉ cho thấy cùng tăng trưởng, cùng lãi có thể ứng với hai câu chuyện tiền khác nhau.

Bốn câu hỏi để phân biệt (khuyến nghị của người soạn)

Bốn câu rút từ logic cầu nối ở các bài trước. Chưa có nghiên cứu nào kiểm định chúng trên doanh nghiệp Việt Nam, và bài không đưa ngưỡng; bao nhiêu kỳ là "nhiều kỳ" do người đọc tự đặt.

1. **Tiền giữ thêm có đi theo quy mô không?** Thiên về lành khi số ngày thu tiền, giữ hàng đi ngang và phần theo quy mô là phần lớn. Hỏi thêm khi số ngày dài ra liên tục, phần vượt quy mô lớn dần (như

B).

2. **Khoản giữ thêm có sạch không?** Thiên về lành khi phải thu phần lớn còn trong hạn, dự phòng đi cùng nhịp, tiền thu sau ngày chốt sổ khớp, tồn kho dồn ở nhóm hàng đang bán. Hỏi thêm khi quá hạn tăng nhanh, dồn vào ít khách hoặc bên liên quan, dự phòng đứng yên, tồn kho dồn ở nhóm bán chậm. Tìm ở thuyết minh.
3. **Ai trả tiền cho tăng trưởng?** Thiên về lành khi nguồn là lãi giữ lại, vốn góp, hoặc vay có kỳ hạn hợp vòng quay vốn. Hỏi thêm khi vay ngắn hạn tăng đều để bù và phải đảo nợ liên tục. Tìm ở dòng tài chính.
4. **Sau tăng tốc có bắt kịp không?** Thiên về lành khi tốc độ chậm lại thì tiền giữ thêm thu hẹp và CFO cộng dồn tiến gần lãi. Hỏi thêm khi quy mô đã dừng mà vẫn bị giữ thêm lớn (năm 4 và 5 của B).

Theo người soạn, câu 4 nặng ký nhất: một năm CFO thấp hơn lãi giữa lúc tăng tốc thường chưa nói gì; vài kỳ liền sau khi tốc độ đã chậm lại mà vẫn không bắt kịp mới là lúc câu hỏi chuyển từ "giá của tăng trưởng" sang "tiền có về không". Xem thêm tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế, nơi tăng trưởng đã được nêu là một nguyên nhân hợp lý khiến tỷ lệ dưới 1.

Chiều ngược lại cũng tồn tại: tăng nhanh mà CFO vẫn cao hơn lãi nhờ khách ứng trước hoặc phải trả người bán tăng; nguồn đó có đảo chiều không là câu hỏi ở bài dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài. Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), CFO có thể bị tác động bởi lựa chọn như kéo dài khoản phải trả.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi** (hợp nhất hay riêng lẻ) và **lập chuỗi ba đến năm kỳ** cho doanh thu, lãi sau thuế, CFO, khấu hao và ba dòng thay đổi phải thu, tồn kho, phải trả.
2. **Chia số dư cho doanh thu hoặc giá vốn từng kỳ:** đi ngang hay tăng dần?
3. **Đọc thuyết minh:** tuổi nợ, dự phòng, khách lớn, tồn kho theo nhóm, các khoản vay.
4. **Cạnh mỗi nhận xét nháp, viết một nguyên nhân hợp lý khác.** Kỳ có mua công ty con thì số dư tăng vì hợp nhất chứ không qua dòng tiền, nên chênh lệch hai bảng cân đối lệch khỏi dòng điều chỉnh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An đặt cạnh nhau tốc độ tăng doanh thu, các dòng vốn lưu động và CFO qua nhiều kỳ ở trục phân tích theo mã; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài chỉ đối chiếu tên dòng của Thông tư 99, nên hãy ghép hai kỳ theo tên dòng.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và mọi con số là giả định. Mô hình rút gọn, mọi tỷ lệ tính trên doanh thu; doanh nghiệp thật có giá vốn, thuế, lãi vay và chi đầu tư làm số khác đi.
- Cách tách hai phần phụ thuộc quy ước và thứ tự tính; 81,8% và 52,0% chỉ đúng với giả định của bài.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "CFO thấp hơn lãi là bình thường" mà bỏ điều kiện, cũng không viết "là lãi giả" hay "tăng nhanh nên khỏi cần hỏi".
- Không dùng 0,47, 81,8%, 52,0% hay số kỳ nào làm ngưỡng. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

CFO thấp hơn lãi giữa lúc tăng nhanh, hay phần tiền giữ thêm vượt quy mô, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp đều có nguyên nhân hợp lý khác: kênh phân phối mới, trữ hàng trước mùa, hợp đồng thu tiền theo tiến độ. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục IV, mẫu B03-DN (phương pháp gián tiếp): Công báo ngày 16/11/2025, đọc nguyên văn (mức A), chỉ dùng cho tên ba dòng thay đổi vốn lưu động. Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025: chưa đối chiếu tên dòng.
- Sloan, R. G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315 (mẫu Mỹ): khái niệm dồn tích; bài không mượn kết luận dự báo cho Việt Nam.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", giáo trình Level I 2026: chỉ trang công khai, truy cập 12/10/2026.
- Tâm An School: ghi chú nội bộ về dương tính giả (12/10/2026); cách tách hai phần, bốn câu hỏi và ranh giới lành/cần hỏi thêm là khuyến nghị của người soạn, chưa kiểm định; số liệu ví dụ tự tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bản PDF đầy đủ của series, miễn phí, tải tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh thường có dòng tiền kinh doanh (CFO) thấp hơn lãi vì bán nhiều hơn thì phải thu và hàng tồn kho phình ra trước khi tiền về; phần tiền bị giữ là giá của tăng trưởng. Công ty X giả định (tỷ đồng): giữ nguyên các tỷ lệ, tăng 0% thì CFO bằng 1,29 lần lãi, tăng 40% còn 0,47, tăng 80% còn 0,02; mỗi 100 đồng doanh thu thêm đem lại 7 lãi, 2 khấu hao nhưng giữ lại 20. Hai kịch bản cùng

doanh thu và lãi (năm năm lãi 1.428): kịch bản A giữ nguyên tỷ lệ cho CFO 1.276; kịch bản B có phải thu kéo từ khoảng 51 lên 102 ngày cho CFO 412, trong đó tiền giữ thêm 1.424 gồm 684 theo quy mô và 740 vượt quy mô; hai năm cuối khi quy mô dừng, A có CFO 1,17 lần lãi còn B 0,60. Bốn câu hỏi để phân biệt: có đi theo quy mô không, khoản giữ thêm có sạch không, ai trả tiền cho tăng trưởng, sau tăng tốc có bắt kịp không; đây là khuyến nghị của người soạn, chưa kiểm định tại Việt Nam và không có ngưỡng. CFO thấp hơn lãi giữa lúc tăng nhanh chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-nghiep-tang-truong-nhanh-vi-sao-dong-tien-kinh-doanh-thap-hon-lai

Khi nào dòng tiền kinh doanh (CFO) cũng có thể bị "làm đẹp", dù được coi là "khó sửa"?

Câu trả lời ngắn

Có thể, nhưng nên nói đúng mức: dòng tiền kinh doanh (CFO) khó điều chỉnh hơn lãi, chứ chưa phải bất khả xâm phạm. Lãi chịu nhiều ước tính kế toán; CFO không chịu các ước tính ấy, nhưng chịu ba nhóm tác động khác. Thứ nhất là thời điểm: tiền vào sớm hơn hoặc tiền ra muộn hơn quanh ngày chốt kỳ. Thứ hai là phân loại: cùng một khoản chi nằm ở dòng kinh doanh hay dòng đầu tư. Thứ ba là bản chất khoản tiền: tiền vào dòng kinh doanh nhưng mang tính nghĩa vụ hoặc gần với đi vay. Mỗi nhóm đều có cách dùng bình thường, hợp lý. Bài không quy kết ai và không nêu cách làm; bài chỉ nêu dấu hiệu để biết khi nào nên mở thuyết minh. Kết quả chỉ là tín hiệu, chưa phải kết luận.



Ba cửa tác động tới dòng tiền kinh doanh: thời điểm, phân loại, bản chất khoản tiền

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Vì sao CFO được coi là "khó sửa", và "khó" khác "không thể"

Lãi sau thuế dựa trên cơ sở dồn tích, trong đó nhiều khoản là ước tính. Hoàn nhập dự phòng làm lãi tăng mà không có đồng nào vào két, như bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào đã nói; xem thêm bài thu nhập khác và chi phí khác và bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường. Vì vậy người đọc hay nghĩ "lãi có thể sửa, tiền thì không". Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 24 (VAS 24, đoạn 03), báo cáo lưu chuyển tiền tệ dễ so sánh vì loại được ảnh hưởng của các phương pháp kế toán khác nhau cho cùng giao dịch.

Nhưng CFO chỉ miễn nhiễm với ước tính kế toán, chưa miễn nhiễm với quyết định điều hành và cách xếp dòng. Trang công khai "Financial Reporting Quality" của CFA Institute (đọc lại 26/10/2026) nêu rằng CFO có thể tăng nhờ quyết định điều hành như trì hoãn thanh toán nhà cung cấp, và lựa chọn phân loại cũng tác động. VAS 24 (đoạn 06) và Thông tư 99 (mục D, điểm 1.4) cho doanh nghiệp trình bày luồng tiền theo cách phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh; điểm 1.1 dặn căn cứ bản chất giao dịch khi chưa có hướng dẫn cụ thể.

Ba cửa tác động tới CFO

Cửa	Là gì	Dấu hiệu	Nguyên nhân hợp lý khác
Thời điểm	Tiền vào sớm, tiền ra muộn quanh ngày chốt kỳ	CFO dồn quý cuối, tụt quý sau	Mùa vụ, hợp đồng chốt cuối quý
Phân loại	Khoản chi ở kinh doanh hay ở đầu tư	CFO tăng cùng chi tài sản dài hạn	Vốn hoá đúng chuẩn mực, dự án dài hạn thật
Bản chất	Tiền vào kinh doanh nhưng gần nghĩa vụ hoặc đi vay	Khách trả trước, chuyển nhượng phải thu	Bán trước theo hợp đồng, bao thanh toán theo kế hoạch

Cửa thời điểm

Thường là chuyện bình thường như mùa vụ, hợp đồng chốt cuối quý, lịch trả cố định. Dấu hiệu đáng đọc kỹ là mẫu hình lặp lại: CFO dồn vào quý cuối, quý đầu năm sau tụt hoặc âm, phải trả cuối kỳ cao rồi thu hẹp ngay đầu kỳ sau. Kéo dài số ngày trả nhiều kỳ đã bàn ở bài dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài và tập 52; ở đây chỉ thêm cách kiểm bằng báo cáo quý. Báo cáo giữa niên độ dạng đầy đủ của Thông tư 99 (Điều 17 khoản 3, mẫu B03a) có cột luỹ kế từ đầu năm, nên CFO một quý đơn lẻ bằng luỹ kế quý này trừ luỹ kế quý trước. Đặt quý cuối năm cạnh quý đầu năm sau và cùng quý năm trước để loại mùa vụ.

Cửa phân loại

Thông tư 99 (mục D, điểm 3) yêu cầu sổ chi tiết theo dõi từng giao dịch để chia luồng tiền theo ba hoạt động; ví dụ trả nợ nhà thầu xây dựng cơ bản là luồng đầu tư, trả nhà cung cấp cho sản xuất kinh doanh là luồng kinh doanh. VAS 24 (đoạn 10) cũng xếp chi phí triển khai đã vốn hoá thành tài sản cố định vô hình vào đầu tư. Hệ quả: khoản chi ghi thành tài sản dài hạn nằm ở dòng đầu tư, không giảm CFO và chưa trừ vào lãi; ghi thành chi phí thì giảm cả hai. Hai doanh nghiệp chi tiền như nhau nhưng chính sách vốn hoá khác nhau sẽ có CFO khác nhau, thường hợp lý vì dự án dài hạn có thật. Lãi vay vốn hoá cùng bản chất, xem tập 22 và tập 27.

Phép kiểm bất biến: nếu khoản chi chỉ đổi dòng giữa kinh doanh và đầu tư thì CFO cộng dòng tiền đầu tư không đổi. Vì vậy hãy đọc CFO cùng dòng đầu tư (tập 23 về dòng tiền tự do). Mẫu báo cáo còn có hai dòng "tiền thu khác" và "tiền chi khác" của hoạt động kinh doanh; dòng nào phình to mà thuyết minh không giải thích thì đáng hỏi.

Cửa bản chất

Ba nhóm tiền nằm hợp lệ trong CFO nhưng khác tiền "bán xong là hết":

- **Tiền khách trả trước.** Theo VAS 24 (tập 4 đã giải), đây là tiền thu của hoạt động kinh doanh: CFO cao ngay, doanh thu chưa ghi, còn nghĩa vụ giao hàng.
- **Chuyển nhượng hoặc chiết khấu khoản phải thu.** Tiền về sớm hơn hạn khách trả. Nếu bên bán vẫn gánh rủi ro không thu được (chuyển nhượng có truy đòi), thực chất gần với vay có bảo đảm bằng phải thu. Cách ghi nhận tuỳ điều khoản nên phải đọc thuyết minh; bài chưa đối chiếu chuẩn mực cho trường hợp này.
- **Tiền với bên liên quan.** Dòng "thu khác", "chi khác" có thể chứa giao dịch với bên liên quan; thuyết minh bên liên quan (tập 33) cho biết số dư và nội dung.

Quy định đã chặn hai kiểu trình bày. Một là vay trả thẳng: khi tiền vay đi thẳng từ bên cho vay sang nhà thầu hoặc nhà cung cấp, Thông tư 99 (điểm 1.10) vẫn bắt trình bày tiền vay là luồng vào tài chính, tiền trả là luồng ra kinh doanh hoặc đầu tư. Hai là bù trừ khác luồng: bù trừ giữa các luồng khác nhau không được trình bày thuần mà phải trình bày riêng từng giao dịch (điểm 1.11). Cả hai thuộc Thông tư 99 (báo cáo từ năm tài chính 2026); bài chưa mở Thông tư 200 nên không nói báo cáo năm 2025 có cùng hướng dẫn.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

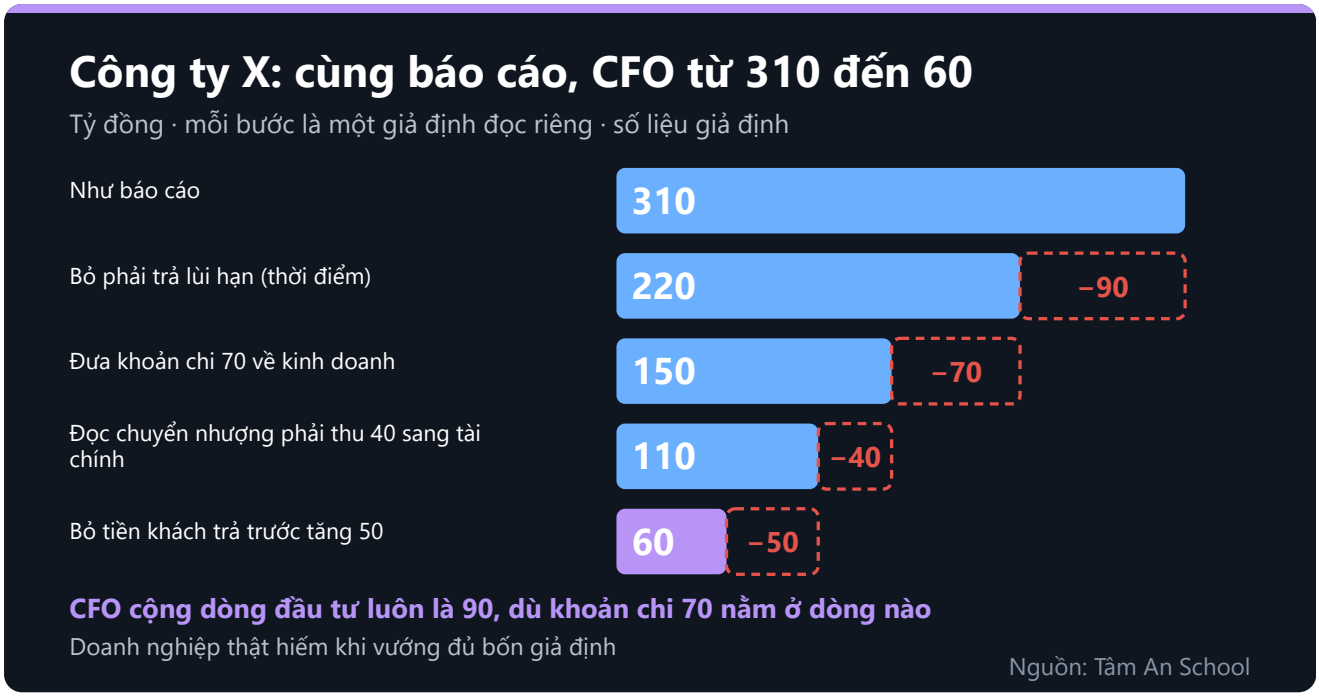
Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Năm N, lãi sau thuế 200; CFO theo báo cáo 310, gấp 1,55 lần lãi. Dòng tiền đầu tư âm 220, gồm mua sắm tài sản cố định 150 và một khoản chi 70 ghi tăng tài sản dài hạn. Thuyết minh cho biết phải thu khách hàng giảm 100, trong đó 40 là chuyển nhượng có truy đòi cho một tổ chức tài chính, và tiền khách trả trước tăng 50, giao hàng vào quý sau. Báo cáo quý (luỹ kế) cho CFO đơn lẻ như sau:

Kỳ	Quý 1 N	Quý 2 N	Quý 3 N	Quý 4 N	Quý 1 N+1
CFO luỹ kế	25	70	120	310	-35
CFO quý đơn lẻ	25	45	50	190	-35

Quý 4 chiếm 61,3% CFO cả năm và gấp 4,75 lần mức trung bình ba quý đầu (40). Sang quý 1 năm N+1, CFO âm 35, thấp hơn quý 1 năm N đúng 60. Riêng mẫu hình này chưa nói điều gì, vì mùa vụ có thể giải thích tất cả. Giả sử thêm: trong 120 phải trả người bán tăng trong năm, 90 đã đến hạn nhưng lùi sang quý sau, trả trong ba tuần đầu năm N+1.

Đọc lại qua từng cửa; mỗi bước là một giả định riêng, tách được:

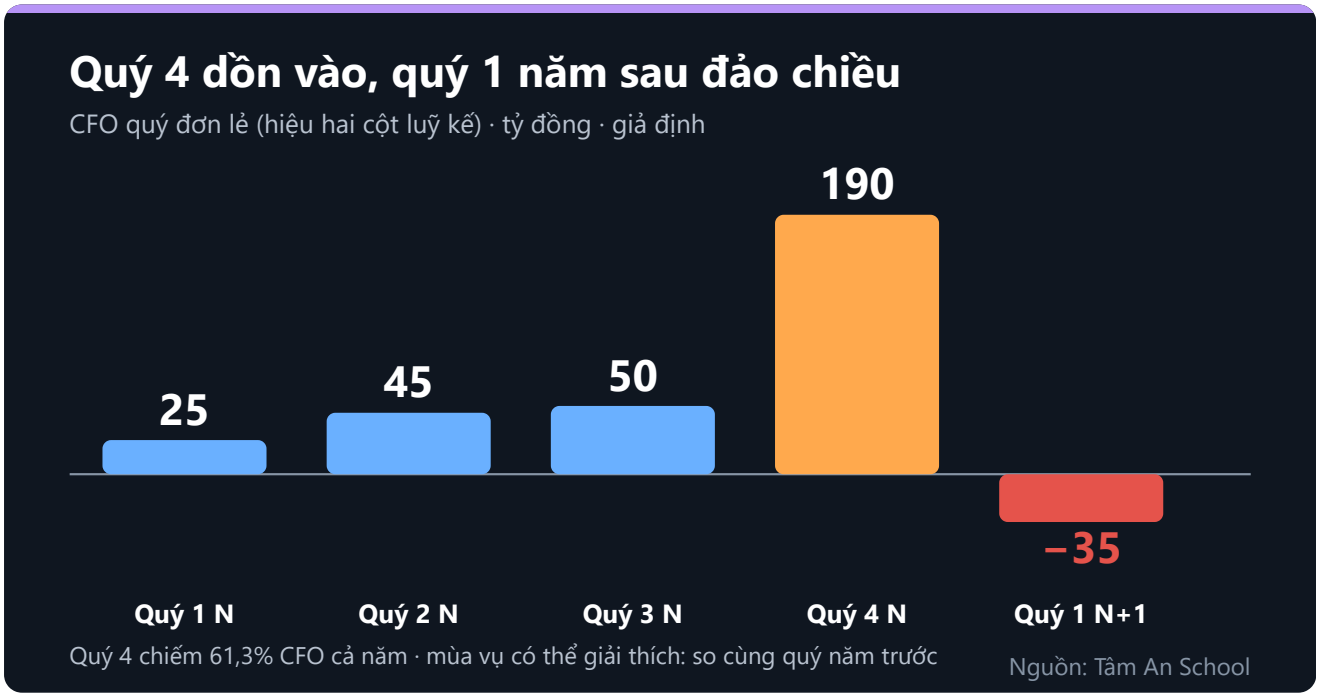
Cách đọc	CFO	Lãi tham chiếu	CFO/lãi
Như báo cáo	310	200	1,55
Bỏ phần phải trả lùi hạn (cửa thời điểm) 90	220	200	1,10
Thêm: xếp khoản chi 70 về kinh doanh (cửa phân loại)	150	130	1,15
Thêm: đọc phần chuyển nhượng có truy đòi 40 sang tài chính	110	130	0,85
Thêm: bỏ tiền khách trả trước tăng 50	60	130	0,46



Công ty X giả định: CFO 310 theo báo cáo, 220, 150, 110 và 60 khi đọc lại qua từng cửa

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Ba nhận xét. Một, từ 310 đến 60 là bốn khoản trừ (90, 70, 40, 50) tổng 250, chỉ đúng khi cả bốn giả định cùng xảy ra; doanh nghiệp thật hiếm khi vướng đủ bốn. Hai, khoản chi 70 đổi cả lãi lẫn CFO (bỏ qua thuế cho gọn), nên CFO trên lãi tăng từ 1,10 lên 1,15 dù CFO giảm: tỷ lệ này không phản ứng giống nhau với từng cửa. Ba, phép kiểm bất biến chạy đúng: CFO cộng dòng đầu tư là 310 - 220 = 90, và 240 - 150 = 90 nếu khoản 70 nằm ở kinh doanh. Con số 90 không phụ thuộc cách xếp dòng đó.



Công ty X giả định: CFO quý đơn lẻ 25, 45, 50, 190, rồi âm 35 ở quý 1 năm sau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bài không chọn cách đọc nào là đúng. Mỗi dòng là một câu hỏi: 90 phải trả lùi hạn có thật là chuyện thời điểm không, điều khoản chuyển nhượng 40 có truy đòi không, 50 tiền trả trước có hợp đồng mới thay thế không. Việc đọc 40 sang tài chính là cách đọc thận trọng của Tâm An để so sánh, không phải cách ghi của doanh nghiệp hay chuẩn mực.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; quý đơn lẻ bằng hiệu hai luỹ kế.
2. **Lập dãy CFO quý đơn lẻ** bốn quý gần nhất và cùng quý năm trước.
3. **Đọc CFO cùng dòng đầu tư:** tổng hai dòng có đứng yên khi CFO đổi không.
4. **Mở thuyết minh phải thu, phải trả:** chuyển nhượng khoản phải thu, khách trả trước; xem thêm bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy.
5. **Mở thuyết minh bên liên quan** và dòng "thu khác", "chi khác" nếu lớn; cạnh mỗi dấu hiệu viết nguyên nhân hợp lý khác.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt CFO quý đơn lẻ, dòng đầu tư và thuyết minh cạnh nhau; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, mã số chỉ tiêu đánh lại. Bài không nêu mã số; với báo cáo theo Thông tư 200 hãy ghép theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và mọi con số, mọi giả định về lùi hạn, chuyển nhượng, trả trước chỉ để minh hoạ cách đọc.
- Báo cáo quý dạng tóm lược có thể trình bày khác; quý đơn lẻ nhạy với mùa vụ, một năm chưa đủ thấy mẫu hình lặp lại.
- Ba cửa là cách sắp xếp của Tâm An, không phải phân loại của chuẩn mực; chưa có nghiên cứu trong nước về mức phổ biến của từng cửa.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán xếp luồng tiền riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "dòng tiền cũng bị làm giả" hay "CFO không đáng tin": đây là bài về cách đọc, không phải kết luận về hành vi.
- Không coi một quý đảo chiều là bằng chứng; cần so cùng quý năm trước và đọc thuyết minh.
- Không dùng 310, 60 hay 61,3% làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

CFO dồn vào quý cuối, tụt ở quý sau, tăng cùng lúc chi tài sản dài hạn, hay có khoản chuyển nhượng phải thu lớn, đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: mùa vụ, vốn hoá đúng chuẩn mực, bao thanh toán theo kế

hoạch, hợp đồng bán trước. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): Phụ lục IV mục D điểm 1.1, 1.4, 1.10, 1.11 và điểm 3; mẫu B03-DN; Điều 17 khoản 3 và mẫu B03a-DN. Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025: chưa mở từ văn bản gốc.
- Chuẩn mực kế toán số 24 (đoạn 03, 06, 10) và số 27 (đoạn 16): bản sao nguyên văn trong gói nguồn (mức B), theo văn bản chuẩn mực, chưa đối chiếu bản gốc chính thức.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", Level I 2026: chỉ trang công khai, mở lại 26/10/2026. Schilit, Perler và Engelhart (2018), "Financial Shenanigans": chỉ xác nhận thư mục, không trích số trang.
- Khung ba cửa là cách trình bày của Tâm An; số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài

Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Dòng tiền kinh doanh khó điều chỉnh hơn lãi, nhưng chưa bất khả xâm phạm: nó không chịu các ước tính kế toán, song chịu ba nhóm tác động là thời điểm (tiền vào sớm, tiền ra muộn quanh ngày chốt kỳ), phân loại (khoản chi nằm ở kinh doanh hay đầu tư) và bản chất khoản tiền (khách trả trước, chuyển nhượng khoản phải thu, giao dịch với bên liên quan). Mỗi nhóm đều có cách dùng bình thường, và Thông tư 99 đã chặn hai kiểu trình bày là vay trả thẳng cho nhà cung cấp và bù trừ giữa các luồng khác nhau. Công ty X giả định (tỷ đồng): CFO theo báo cáo 310, gấp 1,55 lần lãi 200; đọc lại qua từng cửa còn 220, 150, 110 rồi 60; CFO cộng dòng đầu tư luôn là 90 dù khoản chi 70 nằm ở dòng nào. Quý cuối chiếm 61,3% CFO cả năm rồi quý đầu năm sau âm 35 là mẫu hình để kiểm, chưa đủ để kết luận vì mùa vụ có thể giải thích tất cả. Cách kiểm: CFO quý đơn lẻ từ cột luỹ kế, CFO cạnh dòng đầu tư, thuyết minh phải thu, khách trả trước, bên liên quan. Những dấu hiệu này chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/khi-nao-dong-tien-kinh-doanh-cung-co-the-bi-lam-dep-du-dong

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp trực tiếp và gián tiếp khác nhau thế nào, và vì sao nhà đầu tư nên đọc phần gián tiếp?

Câu trả lời ngắn

Hai phương pháp cho cùng một con số: lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO); chúng chỉ khác nhau ở cách đi tới con số đó. Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 24 (VAS 24, đoạn 16), doanh nghiệp báo cáo luồng tiền kinh doanh theo một trong hai cách. Phương pháp trực tiếp liệt kê tiền thu, tiền chi theo nội dung. Phương pháp gián tiếp lấy lợi nhuận trước thuế làm điểm xuất phát rồi điều chỉnh. Phần đầu tư và tài chính giống nhau ở cả hai mẫu. Vì sao nên đọc phần gián tiếp? Vì đó là nơi lãi và tiền nằm cạnh nhau: mỗi dòng điều chỉnh là một câu hỏi dẫn tới thuyết minh. Nhưng không cách nào đúng hơn, vì phần trực tiếp trả lời những câu mà phần gián tiếp không trả lời. Vì sao cách gián tiếp bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế là chuyện của tập kế tiếp. Kết quả chỉ là tín hiệu, chưa phải kết luận.



Hai cách lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cùng một dòng tiền kinh doanh

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Hai cách lập khác nhau ở đâu

	Trực tiếp	Gián tiếp
Điểm xuất phát	Tiền thu, tiền chi	Lợi nhuận trước thuế
Phần kinh doanh (mẫu Thông tư 99)	Bảy dòng, rồi dòng tổng	Mười bảy dòng, rồi dòng tổng
Trả lời tốt	Thu của khách, chi cho nhà cung cấp và người lao động bao nhiêu	Vì sao lãi và tiền lệch nhau, lệch ở khoản nào
Khó trả lời	Lãi và tiền lệch nhau ở đâu	Tiền thu, tiền chi gộp bao nhiêu

Mẫu B03-DN của Thông tư 99 (hiệu lực 01/01/2026) có sẵn cả hai khối, tiêu đề ghi rõ phương pháp. Phần kinh doanh trực tiếp gồm bảy dòng mã 01 đến 07, phần gián tiếp gồm mười bảy dòng mã 01 đến 17; cả hai kết thúc ở dòng tổng mã 20. Hoạt động đầu tư (mã 21 đến 27) và hoạt động tài chính (mã 31 đến 36) có cùng các dòng ở cả hai khối; đoạn 16 của VAS 24 cũng chỉ bàn về luồng tiền kinh doanh.

Đoạn 16(a) còn nói cách trực tiếp xác định theo một trong hai cách: tổng hợp thẳng tiền thu, tiền chi từ ghi chép kế toán, hoặc lấy doanh thu, giá vốn rồi điều chỉnh cho thay đổi hàng tồn kho, phải thu, phải trả và các khoản không bằng tiền. Cách thứ hai cho thấy hai phương pháp là hai góc nhìn của cùng một bộ số.

Ghép đôi từng dòng

Mẫu trực tiếp (mã)	Nằm ở đâu trong mẫu gián tiếp
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (01)	Không có dòng riêng: đã gói trong lợi nhuận trước thuế và các dòng điều chỉnh
Tiền chi trả cho người cung cấp (02) và cho người lao động (03)	Không có dòng riêng: cũng đã gói như trên
Chi phí đi vay đã trả (04)	Cùng tên ở mã 14, kèm dòng cộng lại chi phí đi vay (06)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (05)	Cùng tên ở mã 15
Tiền thu khác (06), tiền chi khác (07)	Cùng tên ở mã 16 và 17
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20)	Cùng dòng tổng mã 20

Một nhầm lẫn nhỏ: "tiền thu khác" và "tiền chi khác" là dòng tiền; chúng không phải "thu nhập khác" và "chi phí khác" của báo cáo kết quả kinh doanh, vốn là chuyện của bài thu nhập khác và chi phí khác.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Năm N, doanh thu thuần 1.500; giá vốn 1.050 (gồm khấu hao 60); chi phí bán hàng và quản lý 240 (gồm khấu hao 20, lương 120, chi phí khác bằng tiền 100); chi phí đi vay 40, trả đủ trong năm. Lợi nhuận trước thuế 170, thuế 34 nộp đủ,

lãi sau thuế 136. Trên bảng cân đối: phải thu khách hàng tăng 150, hàng tồn kho tăng 60, phải trả người bán tăng 50. Bỏ qua thuế giá trị gia tăng, khách trả trước và ngoại tệ cho gọn. Dòng không có số được lược bỏ, như mẫu cho phép.

Mẫu trực tiếp:

Chỉ tiêu	Mã	Số
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.350
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.100)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(120)
Chi phí đi vay đã trả	04	(40)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(34)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56

Mẫu gián tiếp:

Chỉ tiêu	Mã	Số
Lợi nhuận trước thuế	01	170
Khấu hao	02	80
Chi phí đi vay	06	40
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	290
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(150)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(60)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	50
Chi phí đi vay đã trả	14	(40)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56

Công ty X: hai mẫu, cùng một số 56

Tỷ đồng · số liệu giả định · tính lại bằng Python

Trực tiếp

Tiền thu từ khách hàng	**1.350**
Chi nhà cung cấp	**(1.100)**
Chi người lao động	**(120)**
Chi phí đi vay đã trả	**(40)**
Thuế thu nhập đã nộp	**(34)**
Dòng tiền kinh doanh	**56**

Thu / doanh thu = 1.350 / 1.500 = 90%

Chỉ bảng này cho biết thu, chi gộp

Gián tiếp

Lợi nhuận trước thuế	**170**
Khấu hao	**80**
Chi phí đi vay	**40**
Trước thay đổi vốn lưu động	**290**
Tăng, giảm phải thu	**(150)**
Tăng, giảm hàng tồn kho	**(60)**
Tăng, giảm phải trả	**50**
Chi phí đi vay đã trả	**(40)**
Thuế thu nhập đã nộp	**(34)**
Dòng tiền kinh doanh	**56**

Chỉ bảng này chỉ ra khoảng cách 114

Nguồn: Tâm An School

Công ty X giả định: hai mẫu báo cáo cùng cho dòng tiền kinh doanh 56

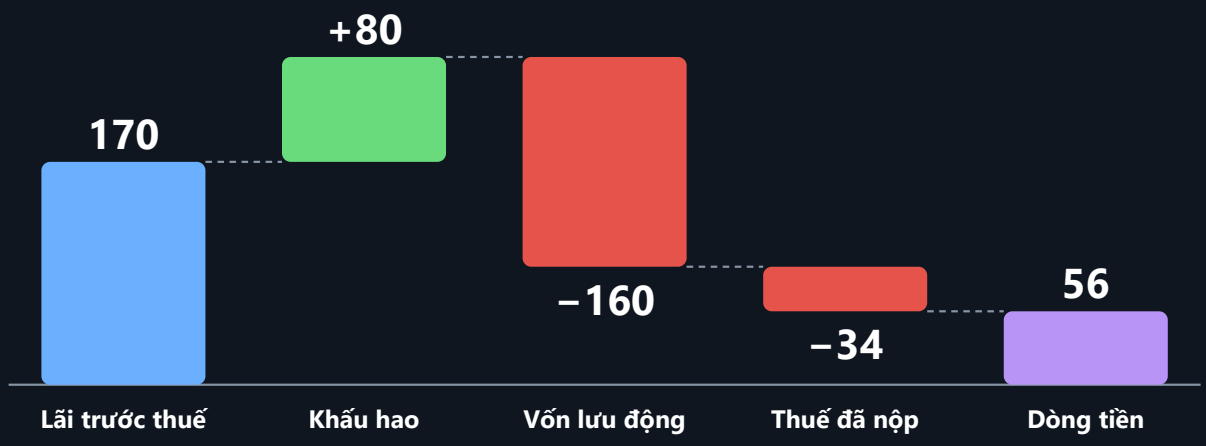
Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cùng một công ty, cùng 56, nhưng mỗi bảng trả lời một câu khác:

- **Thu của khách bằng bao nhiêu phần doanh thu?** Bảng trực tiếp: 1.350 trên doanh thu 1.500, tức 90%.
- **Lãi trước thuế 170 mà tiền chỉ 56, khoảng cách 114 đi đâu?** Bảng gián tiếp: cộng khấu hao 80 vì không phải tiền; trừ 160 vốn lưu động (phải thu 150, tồn kho 60, trừ đi phải trả 50); trừ thuế 34. Chi phí đi vay cộng 40 rồi trừ 40 nên triệt tiêu. Kiểm: 170 + 80 - 160 - 34 = 56.
- **Chi bao nhiêu cho nhà cung cấp và người lao động?** Chỉ bảng trực tiếp có: 1.100 và 120.

Khoảng cách 114 giữa lãi và tiền

Phần điều chỉnh của mẫu gián tiếp · tỷ đồng · giả định



Chi phí đi vay: cộng 40 rồi trừ 40 nên triệt tiêu · 170 + 80 − 160 − 34 = 56

Nguồn: Tâm An School

Công ty X giả định: lợi nhuận trước thuế 170 đến dòng tiền kinh doanh 56 qua khấu hao, vốn lưu động và thuế

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Khoảng cách 114 chưa nói điều gì về công ty: phải thu tăng 150 có thể là bán chịu theo kế hoạch hoặc hợp đồng chốt cuối năm; hãy mở thuyết minh phải thu (tập 14) rồi mới hỏi tiếp.

Khi chỉ có một bảng: tự dựng cầu nối

Nếu công ty chỉ công bố bảng trực tiếp, bạn vẫn dựng được cầu nối: lấy lợi nhuận trước thuế, khấu hao, chi phí đi vay từ báo cáo kết quả kinh doanh, rồi thay đổi phải thu, tồn kho, phải trả từ hai bảng cân đối. Kết quả chỉ là xấp xỉ. Giả sử thêm: trong năm công ty mua một tài sản và còn nợ nhà thầu 20, nên phải trả trên bảng cân đối tăng 70 thay vì 50. Dựng thô, bạn được vốn lưu động -150 - 60 + 70 = -140 và CFO bằng 290 - 140 - 40 - 34 = 76, cao hơn báo cáo 56 đúng 20.

Khoản 20 ấy không thuộc luồng kinh doanh: theo VAS 24 (đoạn 30), mua tài sản bằng cách nhận nợ không trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và theo Thông tư 99 (mục D, điểm 3), trả nợ nhà thầu xây dựng cơ bản là luồng đầu tư. Tương tự, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đoạn 21) hay mua, thanh lý công ty con (đoạn 26, 27) cũng làm số bảng cân đối lệch số báo cáo. Cầu nối tự dựng chỉ giúp tìm hướng hỏi, không thay số công ty công bố.

Vì sao nên đọc phần gián tiếp, và khi nào phần trực tiếp hơn

- **Lãi nằm cạnh tiền.** Phần gián tiếp xuất phát từ lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả kinh doanh nên nối thẳng ba báo cáo với nhau (tập 3). Từng dòng điều chỉnh dẫn tới một khoản mục để hỏi: phải thu, tồn kho, phải trả, khấu hao, dự phòng.
- **Dự phòng hiện ra rõ.** Hoàn nhập dự phòng làm lãi tăng mà không có tiền, như bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào đã nói. Theo hướng dẫn của Thông tư 99, khi số dư dự phòng cuối kỳ nhỏ hơn đầu kỳ, dòng "các khoản dự phòng" mang dấu trừ, nên phần lãi không có tiền ấy hiện ra.
- **Phần trực tiếp đo quy mô tiền.** Tiền thu, tiền chi nằm sẵn trên báo cáo, không cần dựng; tỷ lệ tiền thu trên doanh thu đọc được ngay (tập 59 bàn cách ước tính khi chỉ có bảng gián tiếp).
- **Cả hai cần dòng đầu tư và thuyết minh** đi kèm (tập 21).

Tóm lại: câu hỏi "vì sao lãi và tiền lệch" thì ưu tiên phần gián tiếp hoặc tự dựng nó; câu hỏi "thu chi bằng tiền bao nhiêu" thì ưu tiên phần trực tiếp. Khoảng cách lãi và tiền nên đặt cạnh biên lợi nhuận (bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường); từng dòng điều chỉnh của cách gián tiếp đã ghép đầy đủ ở bài cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xem tiêu đề:** ghi "theo phương pháp trực tiếp" hay "gián tiếp"; báo cáo quý dạng đầy đủ cũng có hai khối.
2. **Nếu gián tiếp:** đọc từ dòng lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động xuống, ghi dấu từng dòng điều chỉnh.
3. **Nếu trực tiếp:** tính tiền thu trên doanh thu và tiền chi trên giá vốn cộng chi phí.
4. **Tính khoảng cách** lợi nhuận trước thuế trừ CFO, rồi tách theo từng dòng.

5. **Chỉ có một bảng:** dựng bảng kia, ghi lại phần chênh để hỏi, cạnh dòng đầu tư và thuyết minh; xem thêm mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt khoảng cách giữa lợi nhuận trước thuế và dòng tiền kinh doanh cạnh các dòng điều chỉnh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99. Hai mẫu B03-DN cùng có hai khối nhưng khác tên một số dòng, ví dụ "chi phí lãi vay" ở mẫu cũ và "chi phí đi vay" ở mẫu mới. Mã số trong bài nêu theo mẫu Thông tư 99; với báo cáo theo Thông tư 200 hãy ghép theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và mọi con số (1.500; 170; 56; 114; 76) chỉ để minh hoạ; ví dụ bỏ qua thuế giá trị gia tăng, khách trả trước, ngoại tệ và dự phòng.
- Bài chưa nêu cách nào phổ biến hơn trong nước, và chưa kiểm xem doanh nghiệp lập cách trực tiếp có phải công bố thêm bảng đối chiếu với lợi nhuận hay không.
- Cầu nối tự dựng chỉ là xấp xỉ; tỷ giá, mua bán công ty con và phân loại giữa các hoạt động đều làm số lệch.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán xếp luồng tiền riêng (VAS 24, đoạn 12 đến 15).

Đừng nói quá

- Không viết "gián tiếp tốt hơn" hay "trực tiếp minh bạch hơn": cùng một CFO, bài chỉ nêu câu hỏi nào dễ trả lời hơn với cách nào.
- Không dùng 56, 114 hay 90% làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.
- Không coi khoản điều chỉnh lớn là dấu hiệu bất thường: phải thu hay tồn kho tăng có thể do mùa vụ, hợp đồng hoặc tăng trưởng.

Tín hiệu không phải kết luận

Một khoảng cách lớn giữa lợi nhuận trước thuế và CFO, một dòng điều chỉnh phình to hay một dòng "thu khác", "chi khác" lớn đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: bán chịu có kế hoạch, tồn kho đón mùa, nợ nhà thầu chưa đến hạn. Xem thêm bài trụ cột chất lượng lợi nhuận là gì.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): Phụ lục IV mẫu B03-DN phương pháp trực tiếp và gián tiếp; hướng dẫn mục D điểm 3 và hướng dẫn lập các chỉ tiêu mã 01 đến 05 của phương pháp gián tiếp.

- Thông tư 200/2014/TT-BTC: chỉ đối chiếu mẫu B03-DN (Công báo, mức A) để so tên dòng; không so hướng dẫn lập.
- Chuẩn mực kế toán số 24 (đoạn 12 đến 16, 21, 26, 27, 30): bản sao nguyên văn trong gói nguồn (mức B), theo văn bản chuẩn mực, chưa đối chiếu bản gốc chính thức.
- Số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh

Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Phương pháp trực tiếp và gián tiếp cho cùng một dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh; chỉ khác điểm xuất phát. Trực tiếp liệt kê tiền thu, tiền chi theo nội dung, gián tiếp đi từ lợi nhuận trước thuế rồi điều chỉnh, còn phần đầu tư và tài chính giống nhau ở cả hai mẫu của Thông tư 99. Công ty X giả định (tỷ đồng): lãi trước thuế 170, dòng tiền kinh doanh 56. Bảng trực tiếp cho biết thu 1.350 (90% doanh thu), chi nhà cung cấp 1.100, chi người lao động 120. Bảng gián tiếp chỉ ra khoảng cách 114: cộng khấu hao 80, trừ vốn lưu động 160, trừ thuế 34, còn chi phí đi vay triệt tiêu. Nên đọc phần gián tiếp khi hỏi vì sao lãi và tiền lệch, đọc phần trực tiếp khi hỏi thu chi bằng tiền bao nhiêu; nếu chỉ có một bảng thì tự dựng bảng kia, nhưng chỉ xấp xỉ: ở ví dụ, nợ nhà thầu 20 khiến bản dựng thô ra 76 thay vì 56. Mọi khoảng cách hay dòng điều chỉnh lớn chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bao-cao-luu-chuyen-tien-te-lap-theo-phuong-phap-truc-tiep-va-gian

Vì sao báo cáo lưu chuyển tiền tệ bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế, và lãi vay cùng thuế nằm ở dòng nào?

Câu trả lời ngắn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp gián tiếp bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế vì hai lẽ. Một, chuẩn mực kế toán số 24 (VAS 24, đoạn 16) viết đúng như vậy. Hai, lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được trả bằng tiền và hiện ở hai dòng riêng: "chi phí đi vay đã trả" và "thuế TNDN đã nộp". Hệ quả: dòng tiền kinh doanh (CFO) nằm SAU lãi vay và thuế thực trả, không phải trước. Hai nhầm lẫn đi theo đó: tính thuế hai lần khi xuất phát từ lợi nhuận sau thuế, và đọc CFO như con số "trước lãi vay và thuế". Công ty X giả định cho cùng một báo cáo bốn con số CFO (113, 87, 77, 143) chỉ vì đặt lãi vay và thuế sai chỗ. Kết quả chỉ là tín hiệu để đọc kỹ từng dòng, chưa phải kết luận.



Lãi vay và thuế TNDN trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp: điểm xuất phát, dòng cộng lại và hai dòng tiền thực trả

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Điểm xuất phát nằm ở đâu, và "trước thuế" không có nghĩa là "trước lãi vay"

Theo văn bản chuẩn mực VAS 24 (đoạn 16, mục b), phương pháp gián tiếp lấy tổng lợi nhuận trước thuế rồi điều chỉnh cho các khoản, trong đó có khoản không bằng tiền như khấu hao, dự phòng và tiền đã nộp thuế TNDN. Mẫu B03-DN của Thông tư 99/2025/TT-BTC làm đúng như vậy: dòng đầu, mã 01, lấy từ "tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (mã 50) của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trên mẫu kết quả kinh doanh của Thông tư 99, chi phí đi vay thuộc chi phí tài chính (mã 23, dòng "trong đó: chi phí đi vay" mã 24), nằm phía trên lợi nhuận trước thuế. Thuế TNDN hiện hành (mã 51) và hoãn lại (mã 52) nằm phía dưới, rồi mới tới lợi nhuận sau thuế (mã 60). Nói gọn: lợi nhuận trước thuế đã là số SAU

khi trừ lãi vay, và chưa trừ thuế.

Vì sao không xuất phát từ lợi nhuận sau thuế? Văn bản chuẩn mực không nêu lý do, nên đây là cách hiểu của Tâm An. Chi phí thuế gồm cả thuế hiện hành lẫn thuế hoãn lại, mà thuế hoãn lại không phải tiền ra; trong khi VAS 24 (đoạn 25) yêu cầu luồng tiền về thuế TNDN trình bày thành chỉ tiêu riêng. Xuất phát từ lợi nhuận trước thuế thì thuế chỉ hiện một lần, đúng số tiền thực nộp. Cả chặng cầu nối đã có ở tập 7 (cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh); bài này chỉ bàn lãi vay và thuế.

Hai dòng riêng: chi phí đi vay đã trả và thuế TNDN đã nộp

Các dòng liên quan trong mẫu gián tiếp của Thông tư 99:

Dòng trên mẫu	Mã
Lợi nhuận trước thuế (điểm xuất phát)	01
Chi phí đi vay, trong phần điều chỉnh (cộng lại khoản đã trừ khi tính lãi)	06
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11
Chi phí đi vay đã trả (tiền thực trả)	14
Thuế TNDN đã nộp (tiền thực nộp)	15
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20

Ba điều nên đọc từ bảng. Một, dòng 11 ghi rõ "không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp": biến động hai khoản này được thay bằng số tiền thực trả ở dòng 14 và 15. Hai, cặp 06 và 14 là "vào rồi ra": mã 06 cộng lại chi phí đã bị trừ khi tính lợi nhuận, mã 14 trừ số tiền thực trả, phần còn lại là chênh lệch giữa chi phí và tiền trả. Ba, thuế không có dòng cộng lại vì điểm xuất phát đã là số trước thuế.

Về chỗ xếp: với doanh nghiệp không phải ngân hàng hay tổ chức tài chính, VAS 24 (đoạn 22) xếp tiền lãi vay đã trả vào hoạt động kinh doanh, đoạn 25 xếp luồng tiền thuế TNDN vào hoạt động kinh doanh (trừ trường hợp xác định là đầu tư), cả hai ở chỉ tiêu riêng; đoạn 24 yêu cầu trình bày tổng lãi vay đã trả dù đã ghi chi phí hay vốn hoá. Hướng dẫn mục D của Thông tư 99 nói tiền trả lãi vay là luồng tiền từ hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư, nên lãi vay vốn hoá có thể nằm ở dòng đầu tư; các tập 22 và 27 đã bàn kỹ.

Về tên và mã: mẫu B03-DN nguyên bản của Thông tư 200/2014/TT-BTC gọi các dòng này là "Tiền lãi vay đã trả" và "Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp"; Thông tư 99 đổi chữ thành "Chi phí đi vay đã trả". Đặt hai mẫu cạnh nhau trong gói nguồn, hai dòng gián tiếp đều mang mã 14 và 15 (cách trực tiếp là 04 và 05). Bài chỉ đối chiếu hai dòng này; các mã khác, nhất là quanh mã 06, Thông tư 99 có đổi tên và đánh lại, đừng suy ra. Bài hai phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tập 66) nói riêng về điểm này.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

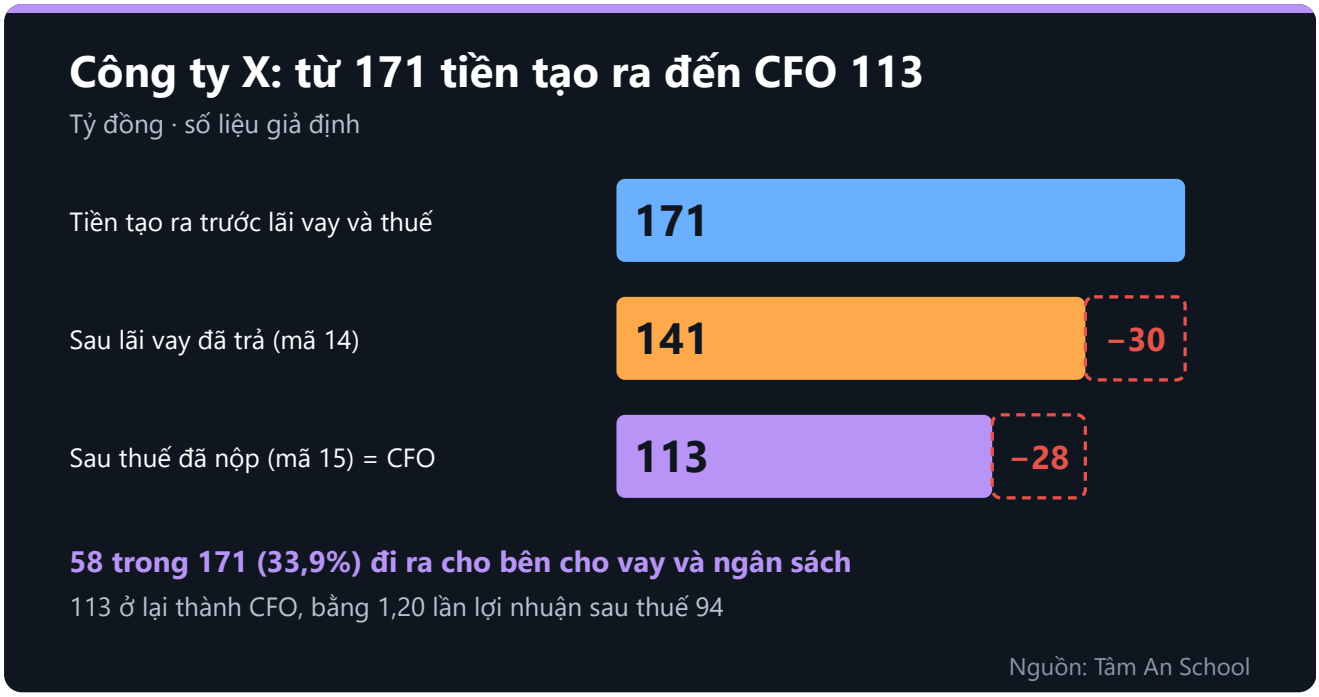
Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Công ty X có lợi nhuận trước thuế 120. Chi phí đi vay ghi vào chi phí tài chính 36. Thuế TNDN hiện hành 24 và hoãn lại 2, nên lợi nhuận sau thuế 94. Lãi vay phải trả đầu kỳ 8, cuối kỳ 14. Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ 10, cuối kỳ 6. Cầu nối theo thứ tự các dòng của mẫu:

Dòng (theo tên mẫu)	Mã	Số
Lợi nhuận trước thuế	01	120
Khấu hao	02	+40
Các khoản dự phòng	03	+5
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	−4
Chi phí đi vay (cộng lại)	06	+36
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	197
Phải thu tăng	09	−30
Hàng tồn kho tăng	10	−18
Phải trả tăng (không kể lãi vay, thuế)	11	+22
Tiền tạo ra trước lãi vay và thuế		**171**
Chi phí đi vay đã trả	14	−30
Thuế TNDN đã nộp	15	−28
CFO	20	**113**

Lãi vay đã trả 30, không phải 36: chi phí 36, cộng lãi vay phải trả đầu kỳ 8, trừ cuối kỳ 14. Thuế đã nộp 28, không phải 26: thuế hiện hành 24, cộng phải nộp đầu kỳ 10, trừ cuối kỳ 6; còn 2 thuế hoãn lại không phải tiền ra. Hai phép đối chiếu này là cách kiểm số của Tâm An. Từ 171 tiền tạo ra, 58 (33,9%) đi ra cho bên cho vay và ngân sách, 113 ở lại thành CFO, bằng 1,20 lần lợi nhuận sau thuế 94.

Cùng một khoản, ba con số:

Khoản	Chi phí ghi nhận	Dòng cộng lại	Tiền thực trả	Vì sao chênh
Lãi vay	36	36 (mã 06)	30 (mã 14)	Lãi vay phải trả tăng 6 (8 lên 14)
Thuế TNDN	26 (24 hiện hành, 2 hoãn lại)	không có	28 (mã 15)	Hoãn lại 2 không bằng tiền; phải nộp giảm 4 (10 xuống 6)



Công ty X giả định: 171 tiền tạo ra, trừ 30 lãi vay đã trả và 28 thuế đã nộp, còn CFO 113

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Bốn cách đặt lãi vay và thuế, bốn con số CFO

Cùng số liệu của công ty X, thử bốn cách tính:

Cách tính	CFO	Sai ở đâu
Theo mẫu: xuất phát từ lợi nhuận trước thuế 120	113	Đúng cầu nối giả định
Xuất phát từ lợi nhuận sau thuế 94, không cộng lại chi phí thuế 26, vẫn trừ thuế đã nộp 28	87	Thuế qua hai lần, thấp hơn 26
Xuất phát từ lợi nhuận trước thuế, quên cộng lại chi phí đi vay 36, vẫn trừ lãi vay đã trả 30	77	Lãi vay qua hai lần, thấp hơn 36
Cộng lại chi phí đi vay 36 rồi quên dòng lãi vay đã trả 30	143	"Trước lãi vay đã trả", cao hơn 30

Cách cuối cho con số trông đẹp hơn nhưng không phải CFO, vì CFO theo mẫu đã trừ lãi vay thực trả. Bốn con số là bốn cách đọc cùng một báo cáo; thứ duy nhất đổi là vị trí của lãi vay và thuế.

Thêm một thử nghiệm: chỉ có số tổng hợp, ước tính nhanh bằng cách coi lãi vay đã trả bằng chi phí đi vay (36) và thuế đã nộp bằng chi phí thuế (26). Kết quả 171 trừ 36 trừ 26 là 109, lệch 4 so với 113. Phần dư 4 chính là 6 (lãi vay phải trả tăng) trừ 2 (thuế đã nộp nhiều hơn chi phí). Cách làm đúng là ghi 4 vào dòng "khác, chưa giải thích" rồi tìm nguyên nhân ở hai khoản phải trả, không nhét vào dòng phải thu hay hàng tồn kho cho khớp.



Công ty X giả định: bốn cách đặt lãi vay và thuế cho bốn con số CFO là 113, 87, 77 và 143

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đối chiếu dòng đầu**: lợi nhuận trước thuế của báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải khớp "tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" của báo cáo kết quả kinh doanh.
2. **Tìm cặp chi phí đi vay**: dòng cộng lại ở phần điều chỉnh và dòng "đã trả" ở cuối phần kinh doanh. Đối chiếu chênh lệch với thay đổi lãi vay phải trả và lãi vay vốn hoá trong thuyết minh.
3. **Đặt thuế đã nộp cạnh chi phí thuế** (hiện hành cộng hoãn lại). Chênh lệch thường đến từ thuế hoãn lại, tạm nộp, quyết toán; lệch lớn thì mở thuyết minh thuế.
4. **Tự dựng lại cầu nối** khi cần, nhưng chừa một dòng "khác" cho phần dư.
5. **Đọc CFO là số đã sau lãi vay và thuế.** Xem thêm bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng và bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường nếu lợi nhuận trước thuế biến động mạnh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt chi phí đi vay, lãi vay đã trả, chi phí thuế và thuế đã nộp cạnh nhau; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, tên và mã nhiều chỉ tiêu đổi. Với báo cáo theo Thông tư 200, hãy ghép theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X và mọi con số, mọi giả định về lãi vay phải trả, thuế phải nộp chỉ để minh hoạ cách đọc, không phải chỉ tiêu hay ngưỡng.

- Hướng dẫn chi tiết cách lập dòng 06, 14, 15 của Thông tư 99 chưa đọc trong bài; việc coi mã 06 bằng chi phí đi vay ghi vào chi phí tài chính là giả định của Tâm An.
- Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách xếp luồng tiền riêng; bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính.

Đừng nói quá

- Không viết "CFO là dòng tiền trước lãi vay và thuế": theo mẫu, CFO đã sau lãi vay thực trả và thuế thực nộp (phần lãi vay vốn hoá có thể ở dòng đầu tư).
- Không viết "chi phí đi vay bằng lãi vay đã trả" hay "thuế đã nộp bằng chi phí thuế": hai số thường lệch vì khoản phải trả, thuế hoãn lại, tạm nộp.
- Không dùng 113, 87, 77 hay 143 làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Chi phí đi vay và lãi vay đã trả lệch nhau, thuế đã nộp khác xa chi phí thuế, hay phần dư "khác" khi tự dựng cầu nối đều là tín hiệu để mở thuyết minh về vay, thuế và khoản phải trả, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: trả lãi theo kỳ hạn, thuế tạm nộp, thuế hoãn lại, lãi vay vốn hoá. Chỉ kiểm toán độc lập và cơ quan quản lý mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): mẫu B03-DN gián tiếp và trực tiếp, mẫu B02-DN, hướng dẫn mã 01 và mã 24, Phụ lục IV mục D điểm 3.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC: mẫu B03-DN nguyên bản (Công báo 2015) trong gói nguồn (mức A); chỉ đối chiếu hai dòng lãi vay đã trả và thuế đã nộp.
- Chuẩn mực kế toán số 24 (đoạn 16, 22, 24, 25): bản sao nguyên văn trong gói nguồn (mức B), theo văn bản chuẩn mực, chưa đối chiếu bản gốc chính thức.
- Lý giải vì sao xuất phát từ lợi nhuận trước thuế là cách hiểu của Tâm An; số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập theo phương pháp trực tiếp và gián tiếp

Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế theo VAS 24 đoạn 16, và lợi nhuận trước thuế đã là số sau khi trừ lãi vay, chưa trừ thuế. Lãi vay đi qua hai dòng: mã 06 cộng lại chi phí đã trừ, mã 14 trừ số tiền thực trả; thuế TNDN chỉ hiện một lần, ở mã 15 theo số thực nộp. Vì vậy dòng tiền kinh doanh đã nằm sau lãi vay và thuế thực trả. Công ty X giả định (tỷ đồng): lợi nhuận trước thuế 120, tiền tạo ra trước lãi vay và thuế 171, trừ lãi vay đã trả 30 và thuế đã nộp 28 còn CFO 113, bằng 1,20 lần lãi sau thuế 94. Cùng báo cáo ấy, xuất phát từ lãi sau thuế mà vẫn trừ thuế đã nộp cho 87, quên cộng lại chi phí đi vay cho 77, quên dòng lãi vay đã trả cho 143. Lãi vay đã trả 30 khác chi phí 36 vì lãi vay phải trả tăng 6; thuế đã nộp 28 khác chi phí thuế 26 vì thuế hoãn lại 2 không bằng tiền và phải nộp giảm 4. Cách kiểm: đối chiếu dòng đầu với báo cáo kết quả, tìm cặp 06 và 14, đặt thuế đã nộp cạnh chi phí thuế, chừa dòng khác cho phần dư. Chênh lệch chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

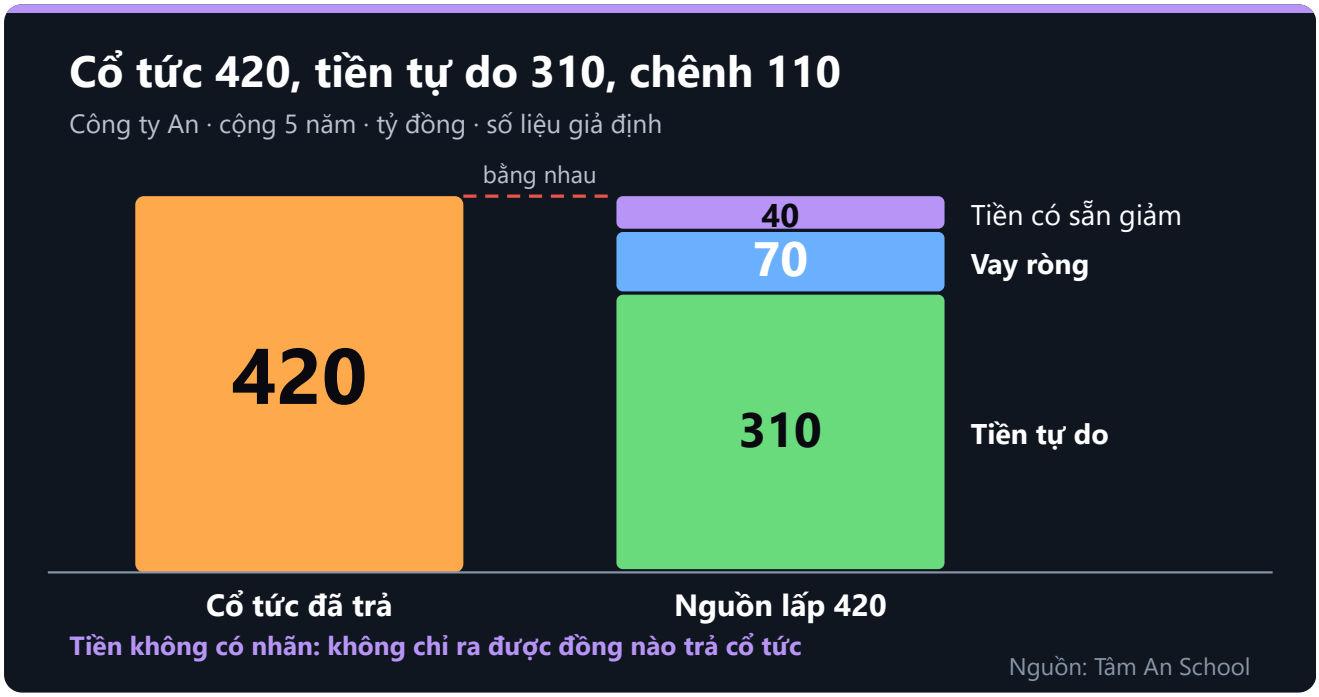
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vi-sao-bao-cao-luu-chuyen-tien-te-bat-dau-tu-loi-nhuan-truoc

Vay để trả cổ tức: điều kiện theo Luật Doanh nghiệp và cách nhận biết qua dòng tiền

Câu trả lời ngắn

Theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 135 khoản 2, công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ ba điều kiện: đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó; và ngay sau khi trả hết cổ tức, vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Đoạn luật không nói tiền cổ tức lấy từ nguồn nào và không cấm vay; điều kiện thứ ba nhìn vào tình trạng sau khi trả. Vì vậy "trả cổ tức bằng tiền vay" không tự động là vi phạm. Trên báo cáo, Tâm An nhận biết bằng mẫu hình nhiều năm: cổ tức đã trả lớn hơn tiền tự do (CFO trừ chi mua sắm) trong khi vay ròng dương. Công ty An giả định trả cổ tức 420 trong năm năm, tiền tự do chỉ 310; phần chênh 110 được lấp bằng vay ròng 70 và tiền có sẵn giảm 40. Đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận. Bài chỉ nói về công ty cổ phần và cổ tức bằng tiền, không phải tư vấn pháp lý.



Công ty An giả định: cổ tức 420, tiền tự do 310, phần chênh 110

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Luật nói gì, và không nói gì

Khoản 2 áp dụng cho cổ phần phổ thông; cổ tức cổ phần ưu đãi theo điều kiện riêng (khoản 1). Công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp nhà nước có quy định khác, bài không bàn.

- **Cổ tức đến từ lợi nhuận, không đến từ tiền.** Khoản 2 nói cổ tức căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và chi từ nguồn lợi nhuận giữ lại. Đó là số kế toán; công ty có thể giữ lại nhiều lợi nhuận mà tiền mặt mỏng.

- **Điều kiện thứ ba hỏi "ngay sau khi trả".** Công ty trả bằng tiền kinh doanh và công ty trả bằng tiền vay dài hạn gặp cùng một câu hỏi: sau khi trả, nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn còn thanh toán đủ không.
- **Thời hạn và hình thức.** Khoản 4: thanh toán đầy đủ trong 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khoản 3: trả bằng tiền, cổ phần hoặc tài sản khác; bài chỉ bàn cổ tức bằng tiền.
- **Hậu quả.** Điều 136: trả trái Điều 135 thì cổ đông phải hoàn trả; không hoàn trả được thì thành viên Hội đồng quản trị liên đới chịu trách nhiệm trong phạm vi số đã trả chưa hoàn lại.

Về hiệu lực: theo văn bản hợp nhất 67/VBHN-VPQH ngày 15/08/2025, Điều 135 và 136 không bị Luật 03/2022/QH15 và Luật 76/2025/QH15 sửa; giống bản gốc 2020 từng chữ.

Báo cáo cho thấy gì, không cho thấy gì

Theo mẫu của Thông tư 99, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có dòng "Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu" ở phần tài chính; bảng cân đối có "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối". Đối chiếu ba điều kiện:

Điều kiện (khoản 2)	Báo cáo cho thấy	Báo cáo không cho thấy
Thuế, nghĩa vụ tài chính khác	Thuế phải nộp, thuyết minh thuế	Đã nộp đủ, đúng hạn chưa
Quỹ và bù lỗ	Lợi nhuận chưa phân phối, các quỹ	Trích lập có đúng điều lệ không
Sau cổ tức vẫn trả được nợ đến hạn	Tiền, nợ vay theo kỳ hạn, dòng tiền	Tái cấp vốn, hạn mức chưa rút, dòng tiền năm sau

Báo cáo không đủ để kết luận điều kiện nào, chỉ đủ để đặt câu hỏi. Phần dưới tập trung vào điều kiện thứ ba và dòng tiền, nơi báo cáo cho nhiều dữ kiện nhất.



Ba điều kiện của Điều 135 khoản 2 và phần báo cáo nhìn thấy

Sơ đồ khái niệm.

Tiền không có nhãn: vì sao chỉ nhận biết bằng mẫu hình

Bỏ qua thanh lý, góp vốn và phát hành cổ phiếu, thay đổi tiền = tiền tự do − cổ tức đã trả + vay ròng. Cổ tức vượt tiền tự do thì phần vượt được lấp bằng vay ròng hoặc tiền có sẵn. Nhưng tiền vay và tiền kinh doanh vào cùng một tài khoản, báo cáo không đánh dấu đồng nào trả cổ tức. "Trả cổ tức bằng tiền vay" chỉ là cách nói gọn của một mẫu hình, không phải sự việc truy vết được.

Quy ước tham khảo của Tâm An, chưa kiểm định: **cờ năm** bật khi cổ tức đã trả lớn hơn tiền tự do và vay ròng dương; **cờ nhiều năm** bật khi cờ năm xảy ra ít nhất 2 trong 3 năm gần nhất. Tiền tự do là cách tính giản lược ở bài dòng tiền tự do; lãi vay đã trả thường nằm sẵn trong CFO, đừng trừ lần hai.

Ví dụ minh hoạ: công ty An giả định qua năm năm

Công ty An giả định là công ty cổ phần, tỷ đồng, số liệu tự đặt, kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Tiền đầu năm 1 là 100; bỏ qua thanh lý, góp vốn, phát hành cổ phiếu.

Khoản (tỷ đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Cộng
CFO	140	160	210	100	190	800
Chi mua sắm tài sản cố định	−90	−120	−70	−130	−80	−490
Tiền tự do	50	40	140	−30	110	**310**
Cổ tức đã trả	80	80	80	90	90	**420**
Vay ròng (vay nhận được trừ trả nợ gốc)	30	60	−70	120	−70	**70**
Cờ năm	Có	Có	Không	Có	Không	3/5
Tiền cuối năm	100	120	110	110	60	



Công ty An và Bình giả định: cờ năm và cờ ba năm

Số liệu giả định.

Theo năm. Cờ năm bật ở năm 1, 2, 4. Xét ba năm gần nhất: năm 1 đến 3 có 2 trên 3, năm 2 đến 4 có 2 trên 3, nên cờ nhiều năm bật; năm 3 đến 5 chỉ 1 trên 3, nên tắt. Hai năm cuối An vay ròng âm: trả gốc nhiều hơn vay.

Cộng dồn. Cổ tức 420 bằng 135,5% tiền tự do 310. Chênh 110 gồm vay ròng 70 và tiền có sẵn giảm 40 (từ 100 còn 60). Cửa sổ ba năm nói mẫu hình gần đây đã dịu; cộng dồn nói cả giai đoạn cổ tức vượt tiền tự do. Hãy đọc cả hai.

Lợi nhuận và tiền là hai thứ. Giả sử cuối năm 4, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của An trước khi chia là 480, gấp 5,3 lần cổ tức năm đó (90). Nhưng tiền cuối năm 4 là 110, chỉ hơn cổ tức 20. Có lợi nhuận để chia chưa có nghĩa là có tiền để chia.

Một năm đơn lẻ cho dương tính giả: công ty Bình

Công ty Bình giả định trả cổ tức đều 90 mỗi năm; năm 4 xây nhà máy, chi mua sắm 330 (các năm khác 60).

Khoản (tỷ đồng)	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Cộng
Tiền tự do	130	140	150	−110	170	**480**
Cổ tức đã trả	90	90	90	90	90	**450**
Vay ròng	−30	−40	−50	200	−90	−10
Cờ năm	Không	Không	Không	Có	Không	1/5

Chỉ nhìn năm 4, Bình trông như trả cổ tức bằng tiền vay: cổ tức 90 trên tiền tự do âm 110, vay ròng 200. Nhìn chuỗi thì cổ tức đều, tiền tự do dư ở bốn năm, cộng năm năm vượt cổ tức 30, và cờ nhiều năm không bật ở cửa sổ nào. Ghi chú nội bộ của Tâm An (dữ liệu năm 2024, 878 mã có trả cổ tức, phép đo thô) thấy cờ một năm bật ở 213 mã, khoảng 24%: quá nhiễu để dùng riêng một năm.

Sau cổ tức còn lại gì: điều kiện thứ ba nhìn từ báo cáo

Cờ không thay cho điều kiện thứ ba. Công ty Cúc giả định, năm 5, tiền tự do 200, cổ tức 90, vay ròng −20: cờ tắt. Đặt cạnh An:

Cuối năm 5 (tỷ đồng)	Công ty An	Công ty Cúc
Cờ ba năm gần nhất	Tắt (1/3)	Tắt
Tiền sau khi trả cổ tức	60	80
Nợ vay đến hạn trong 12 tháng tới (thuyết minh)	180	400
Tiền chia nợ vay đến hạn	0,33	0,20

Cúc không vay thêm để trả cổ tức mà tiền sau cổ tức còn mỏng hơn so với nợ đến hạn. Ngược lại, tỷ lệ thấp chưa nói công ty không trả được: CFO năm tới, hạn mức chưa rút và tái cấp vốn đều nằm ngoài tỷ lệ; xem bài kỳ hạn nợ vay và tái cấp vốn. Luật chỉ viết "đến hạn"; cửa sổ 12 tháng và tỷ lệ là cách đọc của Tâm An, không phải quy định, và bài không nêu mức nào là đủ.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chọn phạm vi và số năm:** riêng lẻ hay hợp nhất, ba đến năm năm. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99: ghép kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Tính cờ:** lấy CFO, chi mua sắm, cổ tức đã trả, tiền vay nhận được, trả nợ gốc từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ; tính tiền tự do, vay ròng, cờ từng năm, cờ ba năm.
3. **Loại trừ nguyên nhân hợp lý trước:** chính sách cổ tức ổn định, đầu tư lớn một lần như Bình, vay thay vì bán tài sản, chờ thu tiền dự án, cổ tức công ty con chuyển lên công ty mẹ. Cổ tức được trả trong 06 tháng sau họp cổ đông nên có thể thuộc lợi nhuận năm trước. Nếu CFO nhiều năm cao hơn hẳn lãi, xem bài CFO cao hơn lợi nhuận kéo dài trước.

4. **Mở thuyết minh:** kỳ hạn các khoản vay, khoản phải trả cổ tức, cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ (theo văn bản chuẩn mực, trình bày ở thuyết minh, không ghi thành nợ).
5. **Đặt tiền sau cổ tức cạnh nợ vay đến hạn**, nhớ tiền trên báo cáo chưa chắc là tiền dùng được: xem bài tiền và tương đương tiền.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có mở thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty An, Bình, Cúc và mọi con số, kể cả lợi nhuận chưa phân phối và nợ đến hạn, đều là giả định đã đơn giản hoá; báo cáo thật phức tạp hơn.
- Cờ năm, cửa sổ 2 trên 3 và tỷ lệ tiền trên nợ đến hạn là quy ước tham khảo của Tâm An, chưa kiểm định, không phải chuẩn pháp lý.
- Bài chỉ nói công ty cổ phần và cổ tức bằng tiền. Cổ tức bằng cổ phần, cổ tức trong tập đoàn ở báo cáo hợp nhất, và văn bản hướng dẫn công ty đại chúng chưa được đối chiếu.
- Bài không phải tư vấn pháp lý; kết luận về việc trả cổ tức có đúng Điều 135 hay không thuộc về người có đủ hồ sơ và thẩm quyền.

Đừng nói quá

- Không viết "trả cổ tức bằng tiền vay là vi phạm luật": Điều 135 khoản 2 không có câu nào như vậy.
- Không viết "cờ bật nghĩa là công ty trả cổ tức sai luật" hay "cờ tắt nghĩa là an toàn".
- Không dùng 135,5%, 2 trên 3 hay 0,33 làm ngưỡng; đó là số giả định hoặc quy ước. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Cổ tức vượt tiền tự do nhiều năm cùng vay ròng dương, hay tiền sau cổ tức mỏng so với nợ đến hạn, đều là tín hiệu để mở thuyết minh và hỏi tiếp, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ người có đủ hồ sơ, kiểm toán độc lập và cơ quan có thẩm quyền mới đủ căn cứ kết luận. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; văn bản đối chiếu lại với gói nguồn ngày 26/10/2026.

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Điều 135 và 136 (Công báo 24/07/2020, mức A); văn bản hợp nhất 67/VBHN-VPQH ngày 15/08/2025 (Công báo 31/08/2025, mức A): hai điều giống bản gốc.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026, mức A): tên dòng trong mẫu bảng cân đối và lưu chuyển tiền tệ; bài không nêu mã số.
- Chuẩn mực kế toán số 24 (đoạn 11, 22), số 23 (đoạn 10, 11), số 21 (đoạn 61): bản sao nguyên văn, mức B, bài nói "theo văn bản chuẩn mực".

- Ghi chú nội bộ của Tâm An (công thức cờ, phép đo năm 2024) và số liệu ví dụ Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Dòng tiền tự do và các cách tính
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Kỳ hạn nợ vay
- Tái cấp vốn là gì?
- Tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại tamanchungkhoan.vn/bctc.

Tâm An đọc việc vay để trả cổ tức theo hai lớp: lớp luật và lớp dòng tiền. Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 135 khoản 2 (công ty cổ phần, cổ phần phổ thông, Công báo mức A; không bị Luật 03/2022 hay 76/2025 sửa theo văn bản hợp nhất 67/VBHN-VPQH) chỉ cho trả cổ tức khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và tài chính khác, đã trích quỹ và bù lỗ, và ngay sau khi trả vẫn thanh toán đủ nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn; đoạn luật không nói nguồn tiền và không cấm vay, nên cổ tức trả bằng tiền vay không tự động là vi phạm; khoản 4 cho 06 tháng sau họp cổ đông thường niên; Điều 136 nêu hậu quả khi trả trái quy định. Lớp dòng tiền: cờ năm khi cổ tức đã trả lớn hơn tiền tự do (CFO trừ chi mua sắm) và vay ròng dương, cờ nhiều năm khi xảy ra từ 2 trong 3 năm gần nhất (quy ước tham khảo của Tâm An, chưa kiểm định). Công ty An giả định (tỷ đồng, năm năm): cổ tức 420, tiền tự do 310, chênh 110 gồm vay ròng 70 và tiền giảm 40; cờ năm 3/5, cờ ba năm bật rồi tắt; cuối năm 4 lợi nhuận chưa phân phối 480 nhưng tiền 110. Công ty Bình giả định: một năm xây nhà máy bật cờ (1/5) nhưng cộng năm năm tiền tự do 480 vượt cổ tức 450; ghi chú nội bộ cho thấy cờ một năm bật ở khoảng 24% mã. Công ty Cúc: cờ tắt nhưng tiền 80 trên nợ đến hạn 400. Tiền không có nhãn nên chỉ nhận biết được bằng mẫu hình nhiều năm; mở thuyết minh về kỳ hạn vay và cổ tức công bố. Tín hiệu để hỏi tiếp, chưa phải kết luận về việc trả cổ tức có đúng luật hay không, không phải tư vấn pháp lý và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vay-de-tra-co-tuc-dieu-kien-theo-luat-doanh-nghiep

Mất khả năng thanh toán theo luật là gì và khác gì thanh khoản yếu, nợ quá hạn, vi phạm cam kết vay

Câu trả lời ngắn

Mất khả năng thanh toán theo luật là khái niệm pháp lý gắn với từng khoản nợ và số tháng kể từ ngày đến hạn, không phải một con số trên báo cáo tài chính. Luật Phá sản 2014 coi doanh nghiệp là mất khả năng thanh toán khi không trả khoản nợ trong 03 tháng kể từ ngày đến hạn; luật này đã hết hiệu lực từ 01/03/2026. Luật Phục hồi, phá sản (số 142/2025/QH15) thay thế đã đổi mốc thành 06 tháng và thêm bậc "nguy cơ mất khả năng thanh toán". Thanh khoản yếu và âm vốn chủ sở hữu là chỉ báo kế toán; nợ quá hạn và vi phạm cam kết vay là sự kiện theo hợp đồng, thường lộ ra ở thuyết minh. Bốn thứ này không tự suy ra nhau. Điều dễ bất ngờ: khoản nợ giả định quá hạn 5 tháng theo mốc cũ đã là mất khả năng thanh toán, theo luật mới thì chưa. Bài chỉ giải thích khái niệm, không tư vấn pháp lý, không đánh giá doanh nghiệp nào. Kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Khoản nợ giả định quá hạn 5 tháng: mốc 03 tháng của luật cũ đã qua, mốc 06 tháng của luật mới chưa tới

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Hai luật, hai mốc: 03 tháng và 06 tháng

Luật Phá sản số 51/2014/QH13, Điều 4 khoản 1, định nghĩa mất khả năng thanh toán là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn. Theo Điều 87 khoản 2 của Luật 142/2025/QH15, luật này (kể cả phần Luật 85/2025/QH15 đã sửa) hết hiệu lực khi luật mới có hiệu lực, trừ các trường hợp chuyển tiếp ở Điều 88. Nhiều tài liệu cũ vẫn ghi mốc 03 tháng.

Luật mới thông qua 11/12/2025, hiệu lực từ 01/03/2026. Điều 5 giải thích:

- **Khoản 1, nguy cơ mất khả năng thanh toán:** không thanh toán được khoản nợ sẽ đến hạn trong 06 tháng, hoặc khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa quá 06 tháng.
- **Khoản 2, mất khả năng thanh toán:** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày đến hạn.
- **Khoản 4, phá sản:** mất khả năng thanh toán và đã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Ba điều rút ra từ câu chữ đã đọc, không phải diễn giải pháp lý:

1. **Mốc tính theo từng khoản nợ.** Hai định nghĩa chỉ nói về khoản nợ và thời gian từ ngày đến hạn.
2. **Có hai bậc.** "Nguy cơ" đến 06 tháng, "mất khả năng" sau 06 tháng. Điều 24 cho người đại diện theo pháp luật, hội đồng quản trị và một số chủ thể khác quyền nộp đơn yêu cầu thủ tục phục hồi cả khi doanh nghiệp có nguy cơ mất hoặc đã mất khả năng thanh toán.
3. **Mất khả năng thanh toán chưa là phá sản.** Phá sản cần thêm quyết định của Tòa án.

Điều 38 liệt kê người có quyền và người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Thủ tục và nghị định hướng dẫn bài chưa đọc, nên chỉ giải thích khái niệm.

Sáu khái niệm hay bị gộp làm một

Khái niệm	Loại	Nằm ở đâu	Cần có gì
Thanh khoản yếu	Chỉ báo kế toán	Tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, tiền	Chỉ cần số liệu
Âm vốn chủ sở hữu	Chỉ báo kế toán	Nợ phải trả lớn hơn tài sản	Số liệu cuối kỳ
Nợ quá hạn	Sự kiện hợp đồng	Thuyết minh: nợ quá hạn chưa thanh toán (gốc, lãi, lý do)	Khoản nợ đã qua ngày đến hạn
Vi phạm cam kết vay	Sự kiện hợp đồng	Thuyết minh phân loại nợ, sự kiện sau kỳ	Điều khoản bị vi phạm
Nguy cơ hoặc mất khả năng thanh toán	Khái niệm pháp lý	Không có dòng riêng	Khoản nợ cụ thể, số tháng
Phá sản	Tình trạng pháp lý	Quyết định của Tòa án	Mất khả năng cộng quyết định

Một công ty có thể ở nhiều ô cùng lúc, hoặc chỉ một ô. Thanh khoản yếu không đủ để suy ra nợ quá hạn.



Sáu khái niệm: hai chỉ báo kế toán, hai sự kiện theo hợp đồng, hai tình trạng pháp lý

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ví dụ minh hoạ: bốn công ty giả định, cùng ngày 31/12

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Bốn công ty cùng kết thúc kỳ ngày 31/12:

Công ty	Dữ kiện giả định	Điều số liệu nói	Đối chiếu Điều 5
An	Tài sản ngắn hạn 300, nợ ngắn hạn 500; mọi nợ trả đúng hạn	Hệ số hiện hành 0,60: thanh khoản yếu	Không nợ quá hạn; hệ số không nói nợ nào đến hạn lúc nào
Bình	Vay 40 (20,0% tổng vay 200) đến hạn 31/07, chưa trả	Quá hạn 5 tháng (153 ngày)	Chưa quá 06 tháng: nếu không trả được thì thuộc định nghĩa "nguy cơ"
Cúc	Vay 480, vốn chủ 200; cam kết vay không quá 2,0 lần vốn chủ; trả đúng hạn	Vi phạm cam kết: 2,4 lần, vượt trần 400 là 80	Không nợ quá hạn; bước tiếp theo tuỳ hợp đồng
Dũng	Tài sản 480, nợ phải trả 520; trả đúng hạn	Vốn chủ −40 (nợ 108,3% tài sản)	Định nghĩa không nhắc so tài sản với nợ

Riêng công ty Bình, hai luật cho hai kết quả với cùng một khoản nợ. Từ ngày đến hạn 31/07, mốc 03 tháng của luật cũ rơi vào cuối tháng 10 và đã qua 61 ngày; mốc 06 tháng của luật mới rơi vào cuối tháng 01 năm sau, còn cách 31 ngày. Cách đếm tròn tháng chỉ là quy ước minh hoạ; cách tính thời hạn theo quy định chung bài chưa đối chiếu.

Bài không nói công ty nào "xấu". Công ty An có thể thu tiền trước. Công ty Dũng có thể âm vốn do lỗ luỹ kế hay mua lại cổ phiếu. Công ty Bình có thể chưa trả vì tranh chấp hoặc chủ nợ đã đồng ý lùi hạn, khi đó cách xếp có thể khác; bài chưa đọc phần này. Công ty Cúc có thể đã xin miễn trừ. Chuẩn mực kiểm toán

số 570 (VSA 570) xếp nợ phải trả lớn hơn tài sản, không thanh toán được nợ khi đến hạn và không tuân thủ điều khoản hợp đồng tín dụng vào ví dụ sự kiện có thể gây nghi ngờ về hoạt động liên tục, kèm lưu ý danh sách không đầy đủ.



Bốn công ty giả định cùng ngày 31/12: thanh khoản yếu, nợ quá hạn 5 tháng, vi phạm cam kết 2,4 lần, vốn chủ âm 40

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Vi phạm cam kết vay đi vào báo cáo thế nào

Theo Thông tư 99 (hiệu lực 01/01/2026):

- **Phân loại nợ (Điều 20 khoản 4 điểm b):** nợ là ngắn hạn khi đến hạn trong 12 tháng trở xuống kể từ ngày cuối kỳ, hoặc khi doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ thanh toán khoản vay tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn đó. Cách đọc của Tâm An, chưa đối chiếu hướng dẫn khác: nếu hợp đồng cho bên cho vay quyền đòi trả ngay khi cam kết bị vi phạm, câu hỏi cần mở thuyết minh là ngày cuối kỳ doanh nghiệp còn quyền từ chối hay không.
- **Sự kiện sau ngày cuối kỳ:** với nợ đã xếp ngắn hạn, nếu trước ngày phát hành báo cáo có thỏa thuận gia hạn thành dài hạn, khắc phục vi phạm đối với nợ dài hạn, hoặc chủ nợ cho ân hạn ít nhất 12 tháng để khắc phục vi phạm, thì đó là sự kiện sau không cần điều chỉnh, nhưng phải thuyết minh.
- **Hoạt động liên tục (Điều 24 khoản 1):** bị coi là không hoạt động liên tục nếu dự kiến giải thể, phá sản, ngừng kinh doanh hoặc thu hẹp đáng kể quy mô trong 12 tháng kể từ cuối kỳ; phải thuyết minh khi có yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Đây là đánh giá cho 12 tháng tới, khác thước đo số tháng kể từ ngày đến hạn của luật phá sản.

Mẫu thuyết minh Thông tư 99 không có dòng tên "vi phạm cam kết vay". Chỗ liên quan: vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán, phải trả người bán và phải trả khác quá hạn, nợ tiềm tàng và khoản cam kết, sự kiện sau ngày cuối kỳ, thông tin về hoạt động liên tục. Theo bản sao văn bản chuẩn mực kế

toán số 21 (đoạn 50), khoản vay có điều khoản phải trả ngay khi điều kiện tài chính không thoả mãn chỉ xếp dài hạn khi bên cho vay đã cam kết không đòi trước khi báo cáo được phép phát hành và khả năng vi phạm trong 12 tháng tới rất thấp; bài chưa kiểm hiệu lực hiện hành nên chỉ coi là câu hỏi để đọc.

Về kiểm toán, theo VSA 570: thuyết minh đầy đủ yếu tố không chắc chắn trọng yếu thì ý kiến chấp nhận toàn phần kèm đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh"; thuyết minh không đầy đủ thì ý kiến ngoại trừ hoặc trái ngược. Báo cáo kiểm toán không nhắc vấn đề này cũng không có nghĩa khả năng hoạt động liên tục đã được bảo đảm. Xem bài bốn loại ý kiến kiểm toán.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Thuyết minh vay:** số vay quá hạn chưa thanh toán (gốc, lãi, lý do); thêm phải trả người bán và phải trả khác quá hạn. Ghi "không có" cũng là thông tin.
2. **Phân loại nợ:** so với kỳ trước, vay dài hạn có chuyển sang ngắn hạn không; đọc phần giải trình.
3. **Sự kiện sau kỳ:** gia hạn, ân hạn, khắc phục vi phạm sau ngày cuối kỳ.
4. **Hoạt động liên tục:** có mục thuyết minh không, nêu sự kiện và kế hoạch nào. Thông tư 99 có bộ mẫu riêng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định này (Điều 24 khoản 3); gặp tiêu đề mẫu đó nên đọc kỹ thuyết minh.
5. **Báo cáo kiểm toán:** đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh", ý kiến ngoại trừ hoặc trái ngược nhắc hoạt động liên tục.

Rồi đặt cạnh tiền và lịch trả nợ: tiền và tương đương tiền, kỳ hạn nợ vay, tái cấp vốn, dòng tiền kinh doanh. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom các tín hiệu nợ quá hạn, vi phạm cam kết và đoạn nhấn mạnh về hoạt động liên tục vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc, không xác định tình trạng pháp lý.

Điểm cần cẩn trọng

- Bốn công ty, số liệu, hợp đồng và mốc ngày đều là giả định.
- Bài chỉ đọc nguyên văn Điều 5, 24, 38, 87, 88 của Luật Phục hồi, phá sản; chưa đọc phần thủ tục, nghị định hướng dẫn hay hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.
- Bài chưa xét nợ đang tranh chấp, đã lùi hạn, hay sự việc xảy ra trước 01/03/2026. Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "có nợ quá hạn nên đã mất khả năng thanh toán": phải biết khoản nào, đến hạn ngày nào, quá bao nhiêu tháng, và còn điều bài chưa đọc.
- Không viết thanh khoản yếu hay âm vốn chủ là "sắp phá sản"; chúng chưa phải khái niệm pháp lý.
- Không viết "vi phạm cam kết là bị đòi nợ ngay": hệ quả tuỳ hợp đồng, Thông tư 99 còn nêu tình huống ân hạn.

- Không dùng mốc 03 tháng cũ cho tình huống từ 01/03/2026. Bài không phải tư vấn pháp lý hay khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Nợ quá hạn, vi phạm cam kết hay đoạn nhấn mạnh về hoạt động liên tục là tín hiệu để mở thuyết minh và hỏi tiếp, chưa phải bằng chứng về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: tranh chấp, thủ tục thanh toán, miễn trừ của bên cho vay, hỗ trợ của cổ đông lớn.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các điều luật và Thông tư 99 dưới đây đã đọc lại nguyên văn từ Công báo ngày 26/10/2026.

- Luật Phá sản 51/2014/QH13, Điều 4 khoản 1 (Công báo 683+684, mức A).
- Luật Phục hồi, phá sản 142/2025/QH15 (Công báo số 44 ngày 22/01/2026, mức A): Điều 5, 24, 38, 87, 88. Luật 85/2025/QH15 và Nghị định 64/2026/NĐ-CP chưa đọc.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): Điều 20 khoản 4 điểm b, Điều 24, mẫu thuyết minh.
- VSA 570 qua Thông tư 214/2012/TT-BTC (mức A): đoạn 07, 19, 20, A2. Chuẩn mực kế toán số 21 qua bản sao văn bản (mức B).
- Cách xếp sáu khái niệm và cách đọc phân loại nợ là của Tâm An; số liệu ví dụ tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không
- Tái cấp vốn là gì
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được không
- Bốn loại ý kiến kiểm toán khác nhau thế nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Mất khả năng thanh toán theo luật là khái niệm pháp lý gắn với từng khoản nợ và số tháng kể từ ngày đến hạn, chưa phải một con số trên báo cáo tài chính. Luật Phá sản 2014 (mốc 03 tháng, Điều 4 khoản 1) đã hết hiệu lực từ 01/03/2026; Luật Phục hồi, phá sản 142/2025/QH15 đặt mốc 06 tháng (Điều 5 khoản 2), thêm bậc nguy cơ mất khả năng thanh toán (khoản 1), và coi phá sản là mất khả năng thanh toán cộng quyết định tuyên bố của Tòa án (khoản 4). Thanh khoản yếu và âm vốn chủ sở hữu là chỉ báo kế toán; nợ quá hạn và vi phạm cam kết vay là sự kiện theo hợp đồng, thường nằm ở thuyết minh (vay quá hạn gồm gốc, lãi, lý do; phân loại nợ; sự kiện sau ngày cuối kỳ; hoạt động liên tục; đoạn nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán). Bốn công ty giả định cùng ngày 31/12: công ty An hệ số hiện hành 0,60, công ty Bình khoản

vay 40 quá hạn 5 tháng (đã qua mốc 03 tháng cũ 61 ngày, còn 31 ngày tới mốc 06 tháng mới), công ty Cúc vay trên vốn chủ 2,4 lần so với cam kết 2,0 lần, công ty Dũng vốn chủ âm 40. Mỗi con số là một tín hiệu khác nhau, chưa phải kết luận về tình trạng pháp lý; bài chỉ đọc một số điều của luật mới, không tư vấn pháp lý, không đánh giá doanh nghiệp nào và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/mat-kha-nang-thanh-toan-theo-luat-la-gi

Đọc trái phiếu doanh nghiệp trong báo cáo tài chính: đáo hạn, lãi suất, bảo đảm và mục đích sử dụng vốn

Câu trả lời ngắn

Trái phiếu doanh nghiệp là nợ chịu lãi. Khi gặp nó trong báo cáo, bốn thứ cần tìm là đáo hạn, lãi suất, bảo đảm và mục đích sử dụng vốn. Theo mẫu thuyết minh của Thông tư 99, báo cáo trả lời trực tiếp hai thứ đầu (thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc, lãi suất, cách phân bổ chiết khấu và chi phí phát hành). Hai thứ sau không có dòng riêng trong phần mẫu về trái phiếu: bảo đảm phải ghép từ các thuyết minh tài sản thế chấp, mục đích vốn nằm ở tài liệu công bố thông tin theo Nghị định 200/2026/NĐ-CP và chỉ để dấu vết ở dòng tiền. Điều dễ bất ngờ: lãi suất ghi trên trái phiếu chưa phải chi phí huy động. Trong ví dụ giả định, trái phiếu lãi 8% có chi phí thực quy đổi 10,2%, cao hơn trái phiếu lãi 9% (9,6%). Đây là cách đọc, không đánh giá doanh nghiệp nào; kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty Hạnh và công ty Dũng giả định: lãi suất ghi 9% và 8%, nhưng lãi suất thực quy đổi 9,6% và 10,2%

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Trái phiếu nằm ở đâu trong báo cáo

Báo cáo tình hình tài chính (tên mới của bảng cân đối kế toán từ năm tài chính 2026) không có dòng riêng cho trái phiếu thường. Theo hướng dẫn lập của Thông tư 99, trái phiếu phát hành nằm trong dòng vay và nợ thuê tài chính: ngắn hạn nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng, dài hạn nếu còn lại trên 12 tháng; chỉ phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi có dòng riêng. Theo nguyên tắc kế toán trái phiếu phát hành của Thông tư 99, số trên báo cáo là số thuần: mệnh giá, trừ chiết khấu và chi phí phát hành chưa phân bổ, cộng phụ trội chưa phân bổ. Vì vậy số trên bảng chưa phải số phải trả khi đáo hạn.

Chi tiết nằm ở hai chỗ:

- **Thuyết minh trái phiếu phát hành:** thời điểm phát hành, số lượng từng loại, lãi suất, kỳ hạn gốc theo từng nhóm (theo mệnh giá, có chiết khấu, có phụ trội), phương pháp phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội, chi phí phát hành. Trái phiếu chuyển đổi: bài không bàn.
- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** tiền thu từ phát hành trái phiếu thường và tiền trả nợ gốc trái phiếu thường là hai dòng riêng ở phần thông tin bổ sung, tách khỏi vay theo khế ước thông thường.

Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên bài không so mã số giữa hai kỳ.



Bốn thứ cần tìm ở trái phiếu: đáo hạn, lãi suất, bảo đảm, mục đích sử dụng vốn và chỗ tìm trong báo cáo

Sơ đồ khái niệm theo mẫu thuyết minh Thông tư 99 và Nghị định 200/2026.

Bốn thứ cần tìm

1. Đáo hạn. Mốc đáo hạn của một đợt là ngày phát hành cộng kỳ hạn gốc (Tâm An suy ra; mẫu chỉ có kỳ hạn gốc). Hai điểm riêng: số phải trả là mệnh giá, không phải số thuần; và ngày đáo hạn có thể bị kéo sớm, vì Nghị định 200/2026 có trường hợp bắt buộc mua lại theo yêu cầu nhà đầu tư khi doanh nghiệp thực hiện sai phương án đã công bố mà không khắc phục được. Bức tường nợ xem bài bảng đáo hạn nợ vay; khi có đợt đến hạn, xem bài tái cấp vốn.

2. Lãi suất. Mẫu có lãi suất của từng nhóm, nhưng đó là lãi suất ghi. Theo nguyên tắc kế toán của Thông tư 99, lãi suất thực là lãi suất làm giá trị hiện tại của dòng tiền phải trả bằng giá phát hành trừ chi phí giao dịch; khi có chiết khấu và chi phí phát hành, lãi suất thực cao hơn lãi suất ghi. Bài không khẳng định trái phiếu đắt hơn vay ngân hàng: chênh lệch chỉ biết khi đặt lãi suất thực cạnh lãi vay của cùng doanh nghiệp.

3. Bảo đảm. Mẫu về trái phiếu không có cột tài sản bảo đảm. Hãy tìm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, cùng mục ngoài báo cáo tình hình tài chính về tài sản cầm cố, thế chấp. Các số này gộp cả vay và trái phiếu, nên phải cộng toàn bộ nợ chịu lãi trước khi so. Nghị định 200/2026 còn ghi: với nhóm trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và tài sản bảo đảm mà cá nhân chuyên nghiệp được mua, tài sản đó không gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp trả lãi, gốc.

4. Mục đích sử dụng vốn. Nghị định 200/2026 cho phép mục đích là dự án đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích khác theo luật chuyên ngành; phải nêu cụ thể trong phương án phát hành, theo dõi vốn riêng và dùng đúng mục đích. Dấu vết gián tiếp là tiền thu từ trái phiếu đặt cạnh chi mua sắm, xây dựng tài sản và tiền trả nợ gốc vay cùng kỳ, nhưng tiền không có nhãn: dòng tiền chỉ gợi ý, không chứng minh. Nguồn chính xác hơn là báo cáo sử dụng vốn định kỳ theo nghị định.

Khung quy định hiện hành

Quy định thay đổi nhanh (2022, 2023, 2025, 2026), nên ghi rõ phạm vi.

- **Trái phiếu riêng lẻ:** Nghị định 200/2026/NĐ-CP, ban hành và có hiệu lực từ 05/06/2026, thay các Nghị định 153/2020, 65/2022 và 08/2023 (trừ một số khoản chuyển tiếp). Không dùng Nghị định 153/2020 như quy định hiện hành.
- **Trái phiếu ra công chúng:** thuộc Luật Chứng khoán và Nghị định 155/2020. Theo bản sao văn bản, Nghị định 245/2025/NĐ-CP (11/09/2025) sửa Nghị định 155/2020 và không áp dụng cho trái phiếu riêng lẻ thông thường.
- **Ai được mua:** trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền chỉ bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- **Điều kiện với công ty không phải công ty đại chúng:** nợ phải trả, gồm cả trái phiếu dự kiến phát hành, không vượt 5 lần vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm kiểm toán; có ngoại lệ.
- **Công bố thông tin:** trước đợt chào bán; định kỳ 6 tháng và hằng năm, gồm tình hình trả lãi gốc và báo cáo sử dụng vốn có kiểm toán; bất thường trong 24 giờ, gồm chậm trả lãi, gốc và thay đổi mục đích phát hành.

Nội dung chi tiết các bản công bố do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định; bài chưa đọc văn bản hướng dẫn đó, và không phải tư vấn pháp lý.

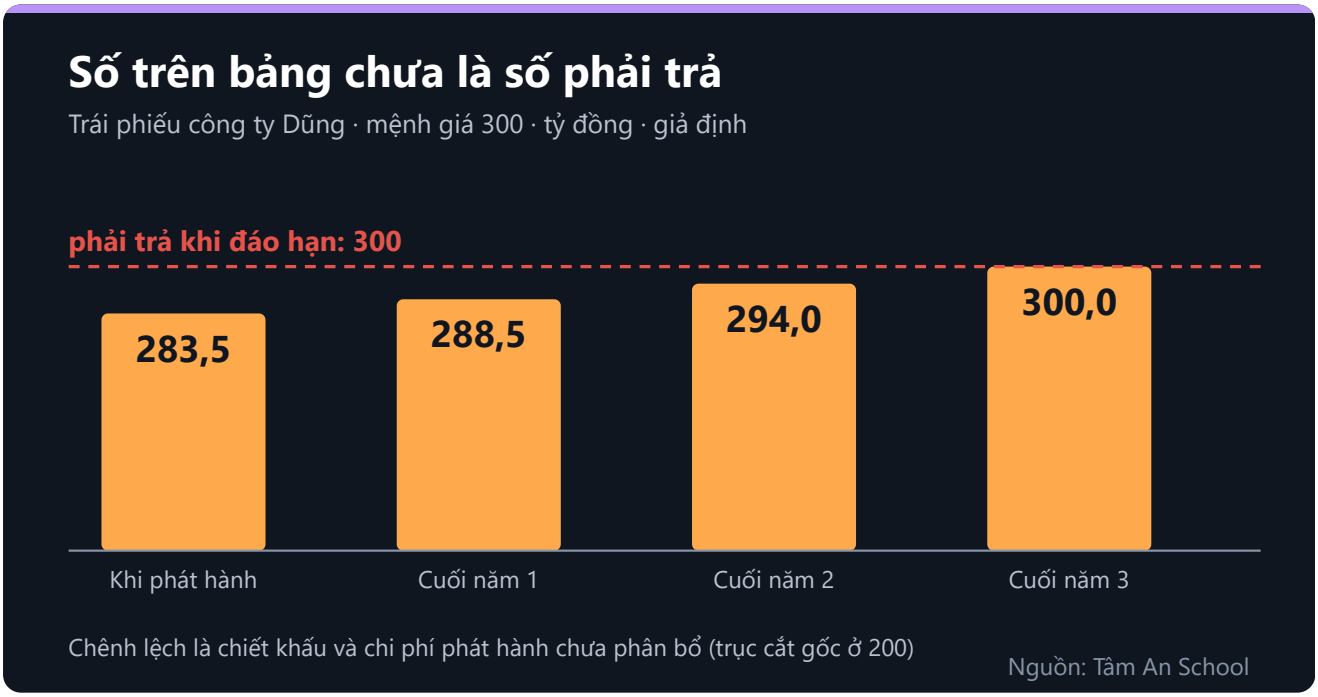
Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định, cùng 300 tỷ trái phiếu

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Công ty Hạnh và công ty Dũng cùng phát hành trái phiếu thường mệnh giá 300, kỳ hạn 3 năm, trả lãi cuối mỗi năm, gốc trả một lần cuối kỳ.

Chỉ tiêu	Công ty Hạnh	Công ty Dũng
Lãi suất ghi	9%	8%
Giá phát hành	300 (theo mệnh giá)	288 (96% mệnh giá, chiết khấu 12)
Chi phí phát hành	4,5	4,5
Tiền thu ròng	295,5	283,5
Lãi trả mỗi năm	27	24
Tổng chi phí 3 năm	85,5	88,5
Lãi suất thực (quy đổi)	9,6%	10,2%

Kiểm cộng: tổng chi phí của công ty Hạnh là lãi 81 cộng chi phí phát hành 4,5; của công ty Dũng là lãi 72 cộng chiết khấu 12 cộng chi phí 4,5. Lãi suất thực là lãi suất làm tiền thu ròng bằng giá trị hiện tại của các khoản trả. Công ty Dũng ghi lãi thấp hơn 1 điểm phần trăm nhưng chi phí thực cao hơn khoảng 0,6 điểm: phải đọc cả giá phát hành, chiết khấu và chi phí phát hành, không chỉ cột lãi suất.

Số trên báo cáo của công ty Dũng, nếu phân bổ theo lãi suất thực: 283,5 khi phát hành, khoảng 288,5 cuối năm 1, khoảng 294,0 cuối năm 2 và 300,0 cuối năm 3, trong khi số phải trả luôn là 300 (theo phương pháp đường thẳng: 289,0, 294,5, 300,0). Đừng so hai công ty khi chưa biết họ phân bổ theo phương pháp nào.



Công ty Dũng giả định: giá trị trái phiếu trên báo cáo tăng dần từ 283,5 lên 300, số phải trả luôn là 300

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Về mục đích, giả sử trong năm phát hành công ty Hạnh thu ròng 295,5, chi mua sắm, xây dựng tài sản 280, trả nợ gốc vay 15; công ty Dũng thu ròng 283,5, chi tài sản 25, trả nợ gốc vay 255. Dòng tiền gợi ý công ty Hạnh dùng vốn cho đầu tư, công ty Dũng cho đảo nợ, nhưng chỉ là dấu vết: tiền hoán đổi được, và đúng phương án hay không chỉ báo cáo sử dụng vốn trả lời.

Về bảo đảm, giả sử công ty Hạnh có vay 600 và trái phiếu 300, tổng nợ chịu lãi 900; thuyết minh tài sản thế chấp cho nhà xưởng 360 và máy móc 180, giá trị còn lại 540. Tỷ lệ 540 trên 900 là 60% theo giá trị sổ sách, chưa cho biết khoản nào được bảo đảm bằng gì và không nói đủ hay thiếu.

Về đáo hạn, giả sử công ty Hạnh có ba đợt mệnh giá 200, 300 và 150 (tổng 650), còn 3 tháng, 2 năm và 4 năm. Chỉ đợt 200 nằm ở dòng ngắn hạn, tức 30,8% tổng mệnh giá; đợt 300 chiếm 46,2% và đến hạn sau hai năm nữa.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; Thông tư 200 hay 99; ghép theo tên dòng.
2. **Thuyết minh trái phiếu phát hành:** từng nhóm, thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc, lãi suất, chiết khấu hay phụ trội, chi phí phát hành.
3. **Mệnh giá và số thuần:** đặt số trên bảng cạnh mệnh giá phải trả.
4. **Lãi suất thực:** tự tính, đặt cạnh lãi vay của cùng doanh nghiệp; lãi có thể được vốn hoá thay vì ghi vào chi phí.
5. **Bảo đảm:** cộng tài sản thế chấp ở các thuyết minh, so với tổng vay và trái phiếu.
6. **Dòng tiền:** thu từ phát hành trái phiếu, trả nợ gốc, chi đầu tư. Nguồn trả xem bài tiền và tương đương tiền và bài dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận.
7. **Ngoài báo cáo:** công bố thông tin trái phiếu, báo cáo sử dụng vốn.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để lập sổ đợt trái phiếu, tính mốc đáo hạn và gợi ý mở thuyết minh trái phiếu, tài sản thế chấp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Hạnh, công ty Dũng, mọi số liệu, lãi suất, chiết khấu và dòng tiền đều là giả định; lãi giả sử trả cuối mỗi năm.
- Lãi suất thực ở đây là cách quy đổi của Tâm An, khớp định nghĩa của Thông tư 99 nhưng chưa phải con số doanh nghiệp công bố.
- Bài chỉ đọc nguyên văn một số điều của Nghị định 200/2026; các điều khác bài chưa đọc nên không mô tả.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo và luật chuyên ngành riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi suất cao là xấu" hay "có tài sản bảo đảm là an toàn": cả hai bỏ qua nguồn trả và giá trị thực của tài sản.
- Không coi 60% hay 10,2% làm ngưỡng: mọi tỷ lệ trong bài là số minh hoạ, không phải chuẩn pháp lý.
- Không suy từ dấu vết dòng tiền ra việc doanh nghiệp dùng sai vốn.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Chênh lệch lớn giữa lãi suất ghi và lãi suất thực, nhiều đợt đáo hạn gần nhau, tài sản thế chấp khó đối chiếu hay dòng tiền không khớp mục đích đã nêu đều là tín hiệu để mở thuyết minh và tài liệu công bố, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Nghị định 200/2026 và các mẫu thuyết minh của Thông tư 99 được đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập ngày 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): hướng dẫn lập dòng vay; nguyên tắc kế toán trái phiếu phát hành; mẫu thuyết minh trái phiếu, tài sản thế chấp, thông tin bổ sung cho lưu chuyển tiền tệ.
- Nghị định 200/2026/NĐ-CP (05/06/2026), Công báo số 342 (mức A): các điều đã nêu; thông tư hướng dẫn công bố thông tin chưa đọc.
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP: chỉ bản sao văn bản (mức B); bài chỉ dùng phạm vi áp dụng.
- CFA Institute, "Credit Analysis for Corporate Issuers" (2026): chỉ trang công khai, không dùng công thức.
- Cách đọc, lãi suất thực quy đổi và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Bảng đáo hạn nợ vay trong thuyết minh
- Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không
- Tái cấp vốn là gì
- Dòng tiền kinh doanh cao hơn lợi nhuận kéo dài
- Tiền và tương đương tiền có phải tiền dùng được không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Bốn thứ cần tìm ở trái phiếu trong báo cáo: đáo hạn, lãi suất, bảo đảm và mục đích sử dụng vốn. Theo mẫu thuyết minh Thông tư 99, báo cáo có thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc, lãi suất, phương pháp phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội và chi phí phát hành; tài sản bảo đảm phải ghép từ các thuyết minh tài sản thế chấp; mục đích vốn nằm ở công bố thông tin theo Nghị định 200/2026 và chỉ để dấu vết ở dòng tiền. Số trên báo cáo là số thuần, còn số phải trả là mệnh giá. Ví dụ giả định: trái phiếu 300 của công ty Hạnh lãi 9% có lãi suất thực quy đổi 9,6%, của công ty Dũng lãi 8% nhưng chiết khấu 4% và chi phí phát hành làm lãi suất thực lên 10,2%. Dòng tiền gợi ý công ty Hạnh dùng vốn cho đầu tư, công ty Dũng cho đảo nợ, nhưng tiền không có nhãn. Quy định thay đổi nhanh; bài chưa đọc mọi điều của nghị định. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

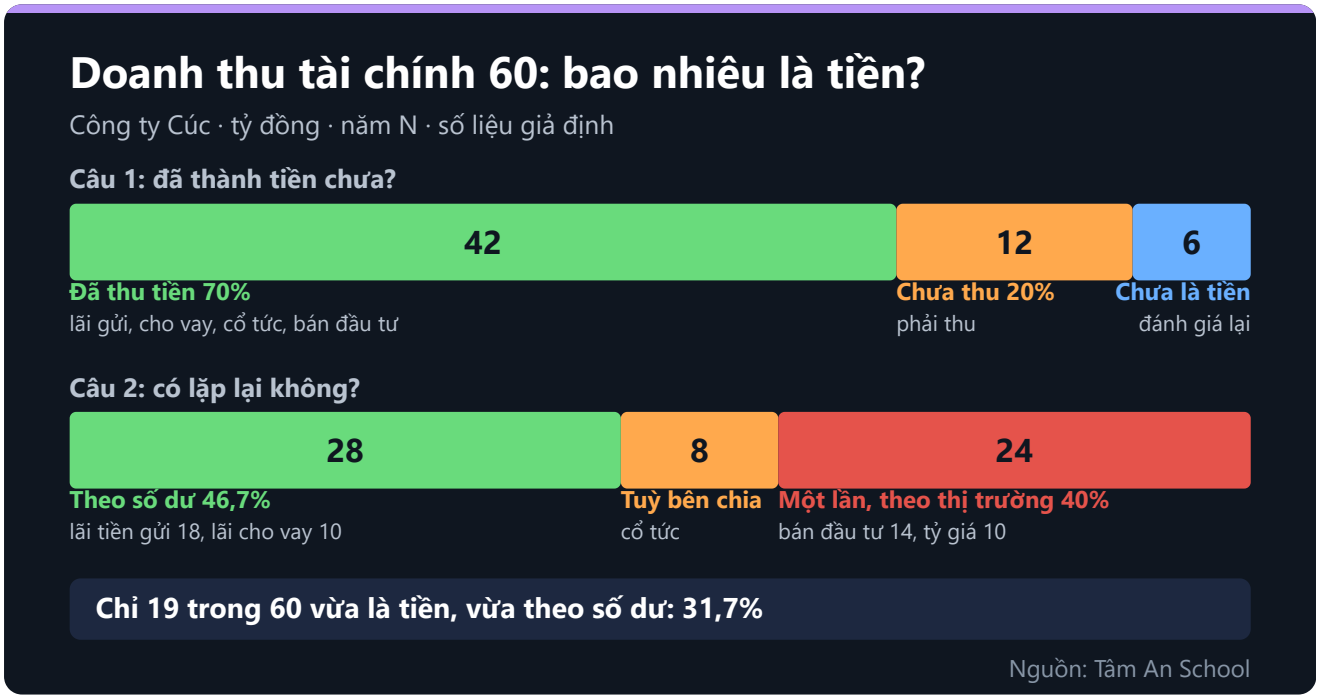
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doc-trai-phieu-doanh-nghiep-trong-bao-cao-tai-chinh

Doanh thu hoạt động tài chính gồm những gì, và khi nào là lãi thật?

Câu trả lời ngắn

Doanh thu hoạt động tài chính là dòng gom mọi khoản thu từ việc dùng tiền và đầu tư: lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi bán khoản đầu tư, lãi tỷ giá. Bản chất mỗi khoản khác hẳn nhau: có khoản đều đặn theo số dư, có khoản chỉ một lần, có khoản mới ghi sổ mà tiền chưa về. Muốn biết lãi tài chính "thật" đến đâu, hãy hỏi ba câu cho từng nguồn: đã thành tiền chưa, có lặp lại không, có hợp lý so với số dư không. Trong ví dụ giả định, công ty Cúc ghi 60 tỷ đồng doanh thu tài chính, nhưng chỉ 42 tỷ đã thành tiền, và chỉ 19 tỷ vừa là tiền vừa lặp lại theo số dư. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty Cúc giả định: doanh thu hoạt động tài chính 60 tỷ gồm 42 đã thu tiền, 12 chưa thu, 6 chưa phải tiền

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Dòng này nằm ở đâu và gồm những gì

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo mẫu Thông tư 99, dòng "Doanh thu hoạt động tài chính" (mã 22) nằm sau lợi nhuận gộp, trước "Chi phí tài chính" (mã 23). Theo công thức của mẫu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bằng lợi nhuận gộp, cộng lãi, lỗ bán bất động sản đầu tư, cộng doanh thu tài chính, trừ chi phí tài chính, bán hàng và quản lý: doanh thu tài chính được cộng thẳng vào lợi nhuận thuần dù không đến từ bán hàng. Mã số là của mẫu Thông tư 99; báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 có mã khác, nên ghép hai kỳ theo tên dòng.

Theo nguyên tắc kế toán tài khoản 515 của Thông tư 99, dòng này gồm tiền lãi (cho vay, tiền gửi, bán hàng trả chậm, trả góp, trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng); cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; lãi mua, bán chứng khoán và chuyển nhượng vốn (giá bán trừ giá trị ghi sổ); lãi tỷ giá, kể cả đánh giá lại cuối kỳ. Lãi, lỗ đánh giá lại trình bày theo số thuần: lãi thuần vào doanh thu tài chính, lỗ thuần vào chi phí tài chính.

Vài khoản bị loại ra: lãi tiền gửi từ vốn vay riêng cho xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang giảm trừ vào chi phí đi vay vốn hoá; lãi dồn tích trước ngày mua khoản đầu tư ghi giảm giá gốc; cổ tức bằng cổ phiếu không ghi doanh thu; hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh ghi giảm chi phí tài chính (cách đọc hoàn nhập xem bài hoàn nhập dự phòng).



Năm nguồn của doanh thu hoạt động tài chính và cách đọc: tiền đã về chưa, có lặp lại không

Sơ đồ khái niệm theo nguyên tắc kế toán tài khoản 515 của Thông tư 99.

Ghi lãi trước, tiền sau

Chuẩn mực số 14 (đoạn 24 đến 27, theo bản sao văn bản chuẩn mực) đặt hai điều kiện: có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi ghi theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; cổ tức và lợi nhuận được chia ghi khi cổ đông được quyền nhận, không đợi tiền về. Thông tư 99 thêm điều kiện cho lãi phải thu: chỉ ghi khi chắc chắn thu được và khoản gốc không thuộc trường hợp cần lập dự phòng. Vì vậy lãi gửi, lãi cho vay thường có phần dồn tích chưa nhận, cổ tức đã công bố chưa chắc đã về, lãi tỷ giá đánh giá lại chưa là tiền.

Lãi này đi đâu trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Với doanh nghiệp không phải ngân hàng, tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận thu được thuộc luồng đầu tư (Chuẩn mực số 24, đoạn 22, theo bản sao); mẫu Thông tư 99 có dòng "Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" (mã 27) ở phần đầu tư. Khi lập gián tiếp, hướng dẫn của Thông tư 99 trừ khỏi lợi nhuận

trước thuế lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi bán, thu hồi khoản đầu tư tài chính (không gồm mua bán chứng khoán kinh doanh); lãi tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ bị trừ ở dòng riêng (mã 04). Hệ quả: khi doanh thu tài chính phình ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh không "ăn" phần lãi đó. Chỗ xếp từng khoản: bài lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào.

Ba câu hỏi để biết lãi tài chính thật đến đâu

1. Đã thành tiền chưa? Đặt doanh thu tài chính cạnh dòng tiền thu lãi, cổ tức và phần phải thu khác về lãi, cổ tức. Lãi dồn tích chưa nhận là bình thường; cần hỏi khoản phải thu đó có đủ chắc chắn không.

2. Có lặp lại không? Tách theo nguồn trong thuyết minh. Lãi tiền gửi và lãi cho vay lặp lại nếu số dư và lãi suất giữ nguyên; cổ tức tuỳ bên chia; lãi bán đầu tư và lãi tỷ giá phụ thuộc thị trường nên khó coi là mức nền.

3. Có hợp lý so với số dư tạo ra nó không? Lấy lãi tiền gửi cộng lãi cho vay, chia cho số dư bình quân (đầu kỳ cộng cuối kỳ rồi chia hai) của tiền gửi có kỳ hạn và khoản cho vay. Tử số chỉ gồm phần lãi, không đưa cổ tức, lãi bán đầu tư hay lãi tỷ giá vào. Đặt kết quả cạnh chính doanh nghiệp ở các kỳ trước và lãi suất ghi trong thuyết minh. Bài không đưa lãi suất tham chiếu hay ngưỡng nào vì chưa có nguồn đối chiếu; công ty giữ nhiều tiền nhàn rỗi có thể hưởng lãi suất cao một cách hợp lý.

Ví dụ minh hoạ: công ty Cúc giả định

Công ty Cúc, tỷ đồng, năm N, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Báo cáo ghi doanh thu hoạt động tài chính 60; thuyết minh giả định cho thấy:

Nguồn	Ghi nhận	Đã thu	Chưa thu	Chưa là tiền
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	18	15	3	0
Lãi cho vay một đối tác	10	4	6	0
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8	5	3	0
Lãi bán một khoản đầu tư	14	14	0	0
Lãi tỷ giá (thuần)	10	4	0	6
Cộng	**60**	**42**	**12**	**6**

Kiểm cộng: 18 + 10 + 8 + 14 + 10 = 60; 15 + 4 + 5 + 14 + 4 = 42; 3 + 6 + 3 = 12; lãi tỷ giá có 6 chưa phải tiền. Vậy 70,0% đã thành tiền, 20,0% còn là phải thu, 10,0% là chênh lệch đánh giá lại. Lãi cho vay phải thu 6 lớn hơn phần đã thu 4: ở đó, "có chắc chắn thu được không" là câu hỏi chính.

Về lặp lại, chia theo cách của Tâm An: theo số dư (lãi tiền gửi 18, lãi cho vay 10) tổng 28, tức 46,7%; cổ tức 8, tức 13,3%; một lần hoặc theo thị trường (lãi bán đầu tư 14, lãi tỷ giá 10) tổng 24, tức 40,0%. Phần vừa theo số dư vừa đã thu tiền là 15 + 4 = 19, tức 31,7% của 60: phần "đều đặn và có tiền", ít hơn nhiều so với 60 trên báo cáo.

Giờ đặt dòng này vào kết quả kinh doanh (bỏ qua lãi, lỗ bán bất động sản đầu tư và lợi nhuận khác, giả định bằng 0):

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Thay đổi
Lợi nhuận gộp	280	300	+20
Chi phí bán hàng và quản lý	124	130	+6
Doanh thu hoạt động tài chính	32	60	+28
Chi phí tài chính	38	40	+2
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	150	190	+40

Kiểm cộng: 280 - 124 + 32 - 38 = 150 và 300 - 130 + 60 - 40 = 190. Lợi nhuận thuần tăng 40, tức 26,7%, trong đó doanh thu tài chính chiếm 28, bằng 70,0% mức tăng. Năm N-1 không có lãi bán đầu tư và lãi tỷ giá, năm N có 14 và 10: tổng 24, bằng 85,7% mức tăng của dòng, còn ba nguồn nền chỉ tăng 4. Nếu hai nguồn này giữ mức 0, lợi nhuận thuần năm N là 166, tăng 10,7% thay vì 26,7%. Chưa thể nói tốt hay xấu: bán đầu tư theo kế hoạch tái cơ cấu có thể hợp lý. Điều đọc được là phần tăng khó lặp lại nếu năm sau không có sự kiện tương tự; biên lợi nhuận nhảy vì dòng này thì đọc cùng bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường.



Công ty Cúc giả định: lợi nhuận thuần tăng 40, trong đó doanh thu tài chính tăng 28, và 24 trong 28 đến từ lãi bán đầu tư và lãi tỷ giá

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Về câu hỏi số 3: công ty Cúc có lãi tiền gửi 18 trên số dư bình quân 300, lãi suất ngầm 6,0%, và lãi cho vay 10 trên số dư bình quân 100, tức 10,0%. Công ty Lan giả định có số dư tiền gửi bình quân 200 ở cả hai năm, lãi tiền gửi 12 rồi 30: lãi suất ngầm 6,0% rồi 15,0%. Số dư không đổi mà lãi tăng 18 là lý do mở thuyết minh: dòng có gồm lãi cho vay hay lãi trái phiếu không, lãi suất có đổi không, có lãi phải thu dồn tích không, hay số dư bình quân tính chưa đúng. 15% không phải ngưỡng, 6% cũng không phải mức chuẩn.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý; ghép Thông tư 200 với Thông tư 99 theo tên dòng.
2. **Tách doanh thu tài chính theo nguồn** trong thuyết minh; thuyết minh thật có thể chi tiết hơn hoặc sơ sài hơn mẫu.
3. **Hỏi ba câu** cho từng nguồn: đã thành tiền chưa, lặp lại không, hợp lý với số dư không.
4. **Đối chiếu dòng tiền:** dòng thu lãi, cổ tức, phần phải thu khác; với lãi tỷ giá, xem dòng điều chỉnh đánh giá lại ở phương pháp gián tiếp.
5. **Tách mức tăng** của lợi nhuận thành phần từ lợi nhuận gộp, chi phí vận hành và dòng tài chính qua ba đến năm kỳ. Dòng thu nhập khác và chi phí khác cũng đứng ngoài bán hàng; mười câu tổng quát xem bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách doanh thu tài chính theo nguồn, tính lãi suất ngầm qua nhiều kỳ và đánh dấu kỳ có mức tăng đến từ khoản một lần; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Cúc, công ty Lan, hai năm N-1, N và mọi con số là giả định; cách chia "theo số dư", "tuỳ bên chia", "một lần" là sắp xếp của Tâm An, chỉ để tham khảo.
- Hướng dẫn riêng của dòng tiền thu lãi (mã 27) bài chưa đọc; chuẩn mực số 14 và số 24 dẫn theo bản sao văn bản, không khẳng định hiệu lực tuyệt đối của quyết định ban hành.
- Bài nói doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "doanh thu tài chính lớn là xấu" hay "lãi tiền gửi cao là đáng ngờ": công ty giữ nhiều tiền nhàn rỗi hưởng lãi suất cao một cách hợp lý.
- Không coi 6%, 15%, 70% hay 85,7% là ngưỡng: mọi tỷ lệ trong bài là số minh hoạ.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Doanh thu tài chính tăng nhanh hơn lợi nhuận gộp, mức tăng chủ yếu từ lãi bán đầu tư hoặc lãi tỷ giá, lãi phải thu lớn hơn lãi đã thu, hay lãi suất ngầm nhảy mà số dư không đổi đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 dưới đây đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): tài khoản 515 (Công báo số 1573 + 1574, tr. 30-34), 413, 229, 131; mẫu B02-DN, B03-DN và hướng dẫn lập doanh thu, chi phí tài chính, mã 04, 05 (Công báo số 1577 + 1578 đến 1581 + 1582).
- Chuẩn mực kế toán số 14 (đoạn 02, 24 đến 27, 29) và số 24 (đoạn 09, 10, 22): theo bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức (mức B), chưa đối chiếu bản Công báo gốc.
- Ba câu hỏi, các nhóm, lãi suất ngầm và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác là gì
- Lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Doanh thu hoạt động tài chính gom lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi bán khoản đầu tư và lãi tỷ giá. Mỗi nguồn khác nhau ở ba điểm: đã thành tiền chưa, có lặp lại không, có hợp lý so với số dư không. Theo hướng dẫn của Thông tư 99, lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức được xếp vào luồng tiền đầu tư; lãi tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ chưa phải tiền. Ví dụ giả định: công ty Cúc ghi 60 tỷ doanh thu tài chính nhưng chỉ 42 tỷ đã thu, 12 tỷ còn là phải thu, 6 tỷ là chênh lệch đánh giá lại; chỉ 19 tỷ vừa là tiền vừa theo số dư. Lợi nhuận thuần tăng 40 tỷ, trong đó 28 tỷ đến từ dòng tài chính và 24 tỷ trong 28 tỷ đó là lãi bán đầu tư và lãi tỷ giá. Công ty Lan giả định có lãi suất ngầm nhảy từ 6% lên 15% trên cùng số dư: lý do để mở thuyết minh. Bài không có ngưỡng hay lãi suất tham chiếu, chưa đọc hướng dẫn riêng của dòng tiền thu lãi. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

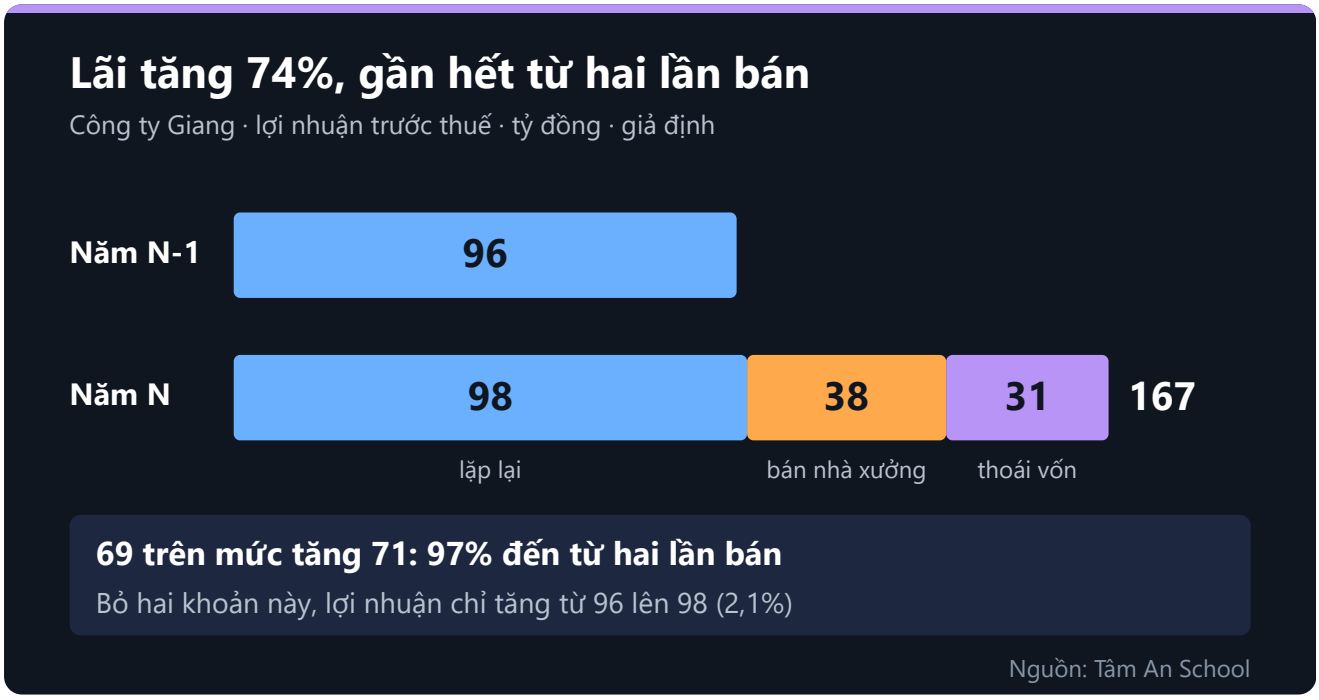
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-thu-hoat-dong-tai-chinh-gom-nhung-gi-va-khi-nao-la-lai

Lãi từ thanh lý tài sản và thoái vốn: vì sao là lãi một lần và cách kiểm tra đã thu tiền chưa

Câu trả lời ngắn

Lãi thanh lý tài sản hoặc thoái vốn là chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ, sau chi phí bán. Nó vào lợi nhuận ngay khi bán, kể cả khi người mua chưa trả đủ tiền, và là lãi một lần: tài sản đã bán thì năm sau không còn để bán nữa. Muốn biết đã thu tiền chưa, hãy nhìn ba chỗ: tiền thu ở hoạt động đầu tư, khoản phải thu từ thanh lý trong thuyết minh, và dòng trừ lãi đầu tư ở phần điều chỉnh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Trong ví dụ giả định bên dưới, lợi nhuận trước thuế tăng 74%, 97% mức tăng đến từ hai giao dịch bán, và mới khoảng 17% lãi của hai giao dịch đó có tiền về. Đây là cách đọc, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Công ty Giang giả định: lợi nhuận trước thuế tăng từ 96 lên 167, trong đó 69 là lãi thanh lý nhà xưởng và thoái vốn

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Lãi này nằm ở dòng nào

Theo hướng dẫn lập báo cáo kết quả kinh doanh của Thông tư 99, vị trí phụ thuộc loại tài sản bán.

- **Tài sản cố định (nhà xưởng, máy móc):** dòng ghi là phần chênh lệch, không phải tổng tiền bán. Thu cao hơn giá trị còn lại cộng chi phí thanh lý thì phần chênh vào thu nhập khác (mã 31); thấp hơn thì vào chi phí khác (mã 32).
- **Bất động sản đầu tư:** mẫu có dòng riêng "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" (mã 21), nằm trong công thức lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã 30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)). Vì vậy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa chắc là phần lặp lại.

- **Khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đầu tư khác:** theo nguyên tắc tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp là doanh thu hoạt động tài chính (mã 22), bằng giá bán trừ giá trị ghi sổ. Lỗ thì vào chi phí tài chính (mã 23).

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại; bài dùng tên và mã theo mẫu năm Thông tư 99, không so mã giữa hai kỳ. Báo cáo hợp nhất có cách tính riêng khi thanh lý công ty con, bài không bàn. Giao dịch cụ thể ở dòng nào, mở thuyết minh.

Vì sao là lãi một lần

Theo văn bản chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác (VAS 14), khoản thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc thu nhập khác, mô tả là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Lôgic thì đơn giản: nhà xưởng cũ đã bán thì năm sau không còn để bán. Muốn có lãi tương tự, phải còn tài sản hoặc khoản đầu tư khác để bán.

"Một lần" là cách đọc, không phải điều khoản: với doanh nghiệp mua bán bất động sản hay danh mục là việc thường xuyên, các khoản này có thể xuất hiện đều, khi đó hãy xem nhiều năm. Còn khi lợi nhuận nhảy lên đúng năm có giao dịch bán, hãy tách phần đó ra trước khi nói về xu hướng. Biên lợi nhuận tăng vọt vì cùng lý do xem bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường.

Ghi nhận lúc bán, tiền có thể về sau

Theo văn bản chuẩn mực, khoản thu về thanh lý tài sản cố định là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua, nên lãi được ghi cả phần người mua chưa trả. Phần chưa trả nằm ở khoản phải thu: theo nguyên tắc nợ phải thu của Thông tư 99, phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản (tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính) thuộc nhóm phải thu của khách hàng, nên muốn thấy phải mở thuyết minh phải thu. Loại phải thu này xem thêm bài phải thu không đến từ bán hàng. Nếu người mua trả bằng tài sản thay vì tiền, lãi vẫn có mà tiền thì không: hướng dẫn của Thông tư 99 loại phần thu bằng tài sản phi tiền tệ khỏi hai dòng tiền thu.

Ba chỗ kiểm tra đã thu tiền chưa

1. Tiền thu ở hoạt động đầu tư. Tiền bán tài sản không nằm trong dòng tiền kinh doanh. Theo hướng dẫn của Thông tư 99, dòng "Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (mã 22) là số thuần, tiền thu trừ tiền chi cho thanh lý; không gồm số phải thu chưa thu được trong kỳ, nhưng gồm tiền thu hồi các khoản phải thu liên quan trực tiếp tới thanh lý. Dòng "Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã 26) là tiền thu hồi do bán lại hoặc thanh lý, kể cả tiền thu nợ bán công cụ vốn từ kỳ trước. Với thanh lý công ty con, VAS 24 xếp luồng tiền vào hoạt động đầu tư, theo số thuần.

2. Phải thu và thuyết minh. Tìm giá bán, người mua, lịch thanh toán và số còn phải thu. Người mua là bên liên quan chỉ là lý do đọc kỹ hơn, chưa phải để kết luận.

3. Cầu nối từ lãi sang dòng tiền kinh doanh. Ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, dòng "Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính" (mã 05) gồm lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư; lãi, lỗ bán hoặc thu hồi các khoản đầu tư tài chính (không gồm mua bán chứng khoán kinh doanh) như công ty con,

liên doanh, liên kết; cùng lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức. Số này được trừ khỏi lợi nhuận trước thuế nếu là lãi. Hệ quả: tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận thấp đi dù tiền kinh doanh không yếu. Dòng này gộp nhiều loại nên cần thuyết minh để tách phần thanh lý và thoái vốn.

Hãy so tiền thu với **giá bán**, đừng so với lãi: tiền thu gồm cả phần hoàn lại giá trị ghi sổ. Chênh lệch giữa hai số là phải thu hoặc thu bằng tài sản.



Lãi thanh lý và thoái vốn: nằm ở thu nhập khác, doanh thu tài chính hay dòng bất động sản đầu tư, và tiền thu nằm ở hoạt động đầu tư

Sơ đồ khái niệm theo hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99.

Ví dụ minh hoạ: công ty Giang giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python, bỏ qua thuế. Công ty Giang (sản xuất) năm N có hai giao dịch: bán nhà xưởng cũ giá 82, giá trị còn lại 41, chi phí thanh lý 3 trả bằng tiền, lãi 38; và bán hết phần vốn tại một công ty liên kết giả định giá 100, ghi sổ 69, lãi 31.

Chỉ tiêu (tên và mã theo mẫu năm Thông tư 99)	Năm N-1	Năm N
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30)	92	128
Trong đó lãi thoái vốn (ghi ở doanh thu tài chính)	0	31
Lợi nhuận khác (40)	4	39
Trong đó lãi thanh lý nhà xưởng	0	38
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	96	167
Phần lặp lại (50 trừ hai lãi một lần)	96	98

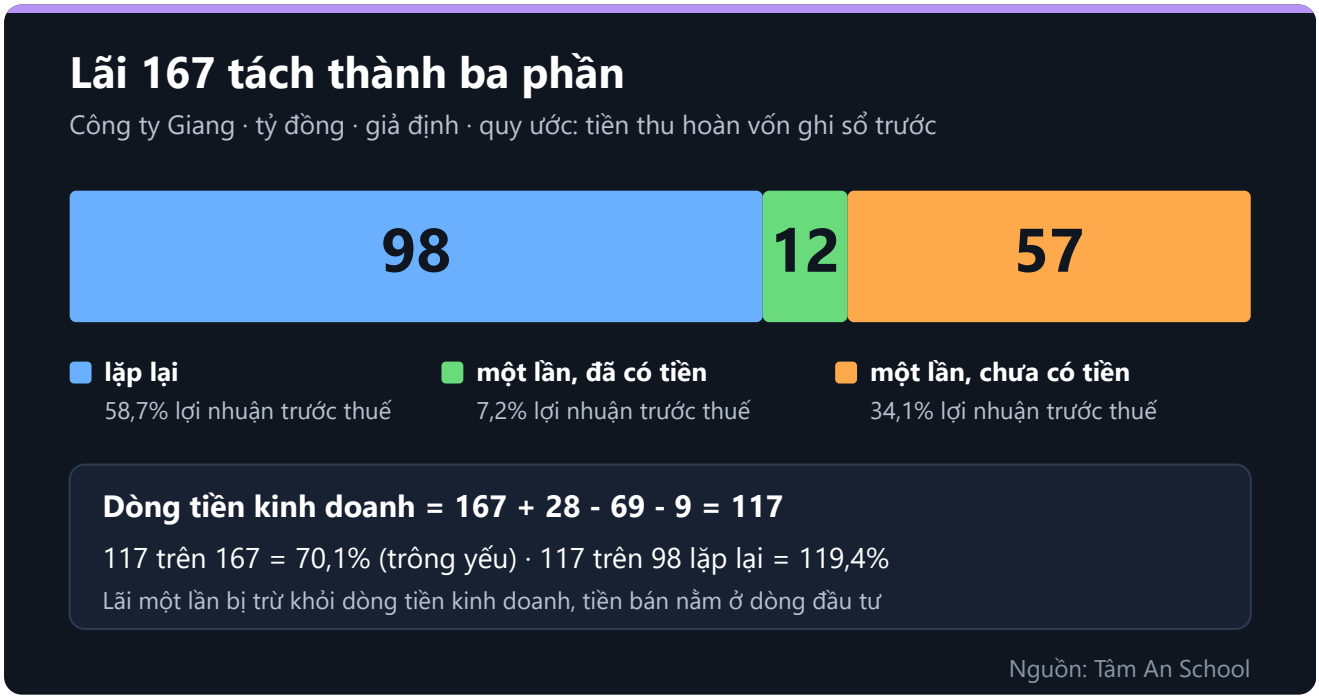
Lợi nhuận trước thuế tăng 71, tức 74,0%. Hai lãi một lần cộng 69, bằng 97,2% mức tăng và 41,3% lợi nhuận năm N. Bỏ chúng, phần lặp lại chỉ tăng từ 96 lên 98, tức 2,1%. Riêng dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 39,1% (92 lên 128), trong đó lãi thoái vốn chiếm 24,2% của 128: đọc riêng dòng này dễ tưởng kinh doanh tốt lên nhiều.

Nhìn sang tiền:

	Thanh lý nhà xưởng	Thoái vốn	Cộng
Giá bán	82	100	182
Tiền đã thu trong năm	56	60	116
Còn phải thu	26	40	66
Lãi ghi nhận	38	31	69
Dòng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đầu tư)	mã 22: 53	mã 26: 60	113

Kiểm cộng: 82 + 100 = 182; 56 + 60 = 116; 26 + 40 = 66; mã 22 là 56 trừ chi phí thanh lý 3 bằng 53. Đã thu 116 trên giá bán 182 là 63,7%.

Giả sử tiền thu trước hết hoàn lại giá trị ghi sổ và chi phí, phần còn lại mới là lãi có tiền (quy ước minh hoạ của Tâm An, không phải quy định). Nhà xưởng: ghi sổ cộng chi phí là 44, thu 56, nên 12 lãi có tiền, 26 chưa. Thoái vốn: ghi sổ 69, thu mới 60, nên chưa đồng lãi nào có tiền. Lợi nhuận 167 tách thành ba phần: 98 lặp lại (58,7%), 12 một lần đã có tiền (7,2%) và 57 một lần chưa có tiền (34,1%). Nếu 66 phải thu không thu được, tiền thu 116 chỉ hơn ghi sổ cộng chi phí 113 đúng 3: lãi thực còn 3 trên 69.



Công ty Giang giả định: lợi nhuận trước thuế 167 gồm 98 lặp lại, 12 một lần đã có tiền, 57 một lần chưa có tiền

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cầu nối sang dòng tiền kinh doanh (gián tiếp, bỏ qua thuế): lợi nhuận trước thuế 167, cộng khấu hao 28, trừ lãi thanh lý và thoái vốn 69, trừ thay đổi vốn lưu động 9 (giả định chỉ gồm hoạt động kinh doanh), bằng 117. So với lợi nhuận trước thuế là 70,1%, trông yếu; so với lãi lặp lại 98 là 119,4%, chênh chủ yếu nhờ khấu hao. Hai số 53 và 60 (cộng 113) nằm ở hoạt động đầu tư, ngoài 117.

Chưa thể nói tốt hay xấu: bán nhà xưởng để tái cơ cấu hay thoái vốn để trả nợ là quyết định hợp lý. Điều đọc được chỉ là lãi năm N chưa phải mức bình thường.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tách khoản một lần:** trong thuyết minh thu nhập khác và doanh thu hoạt động tài chính, tìm khoản thanh lý, nhượng bán, chuyển nhượng vốn; hỏi lợi nhuận tăng bao nhiêu nếu bỏ khoản này.
2. **Dòng tiền đầu tư:** xem mã 22, mã 26 và so tiền thu với giá bán nêu trong thuyết minh.
3. **Phải thu:** tìm phải thu thanh lý, kỳ hạn thanh toán và người mua.
4. **Cầu nối:** đọc dòng điều chỉnh lãi, lỗ hoạt động đầu tư; so dòng tiền kinh doanh với lợi nhuận đã trừ khoản một lần. Bộ câu hỏi soát lãi xem bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy.
5. **Năm sau:** phải thu được thu thì tiền đầu tư tăng mà không có lãi mới; không thu được thì xem dự phòng.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách khoản thanh lý, thoái vốn khỏi lợi nhuận và gợi ý mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Giang, mọi số liệu và thứ tự thu tiền đều là giả định; quy ước tiền thu hoàn vốn trước là cách đọc của Tâm An, hợp đồng có thể quy định khác.
- Bài bỏ qua thuế và chưa đọc mẫu báo cáo hợp nhất nên không bàn lãi, lỗ khi thanh lý công ty con trên báo cáo hợp nhất.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cách trình bày riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi thanh lý là lãi xấu": thanh lý theo kế hoạch tái cơ cấu hay trả nợ bằng tiền thoái vốn là quyết định hợp lý; vấn đề chỉ là coi lãi một lần như lợi nhuận bình thường.
- Không coi 97%, 41% hay 34% làm ngưỡng: đó là phép chia minh hoạ.
- Không suy từ phải thu chưa thu ra người mua không trả được: trả chậm thường là điều khoản thoả thuận.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Lãi một lần chiếm phần lớn mức tăng, phải thu thanh lý lớn so với lãi, hay người mua là bên liên quan đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các mẫu và hướng dẫn của Thông tư 99 được đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập ngày 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mã 21, 22, 23, 30, 31, 32) và lưu chuyển tiền tệ (mã 05, 22, 26); nguyên tắc tài khoản 515, 635, 711, 811; nguyên tắc nợ phải thu.
- VAS 14 và VAS 24: bản sao nguyên văn (mức B), chỉ dùng đoạn đã nêu.
- Cách đọc, quy ước hoàn vốn trước và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Phải thu không đến từ bán hàng

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Lãi thanh lý tài sản và thoái vốn là chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ, ghi vào lợi nhuận ngay lúc bán dù tiền chưa về, nên là lãi một lần. Theo Thông tư 99, lãi thanh lý tài sản cố định nằm ở thu nhập khác, lãi chuyển nhượng vốn ở doanh thu hoạt động tài chính, lãi bán bất động sản đầu tư ở dòng riêng; tiền thu nằm ở hoạt động đầu tư và lãi bị trừ khỏi dòng tiền kinh doanh. Ba chỗ kiểm tra đã thu tiền chưa: tiền thu ở dòng đầu tư, phải thu thanh lý trong thuyết minh, và cầu nối từ lãi sang dòng tiền. Ví dụ giả định: công ty Giang có lợi nhuận trước thuế tăng từ 96 lên 167; hai giao dịch bán đóng góp 69, trong đó mới 12 có tiền về. Bỏ khoản một lần, lãi chỉ tăng 2,1%. Bán tài sản để tái cơ cấu có thể hoàn toàn hợp lý. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

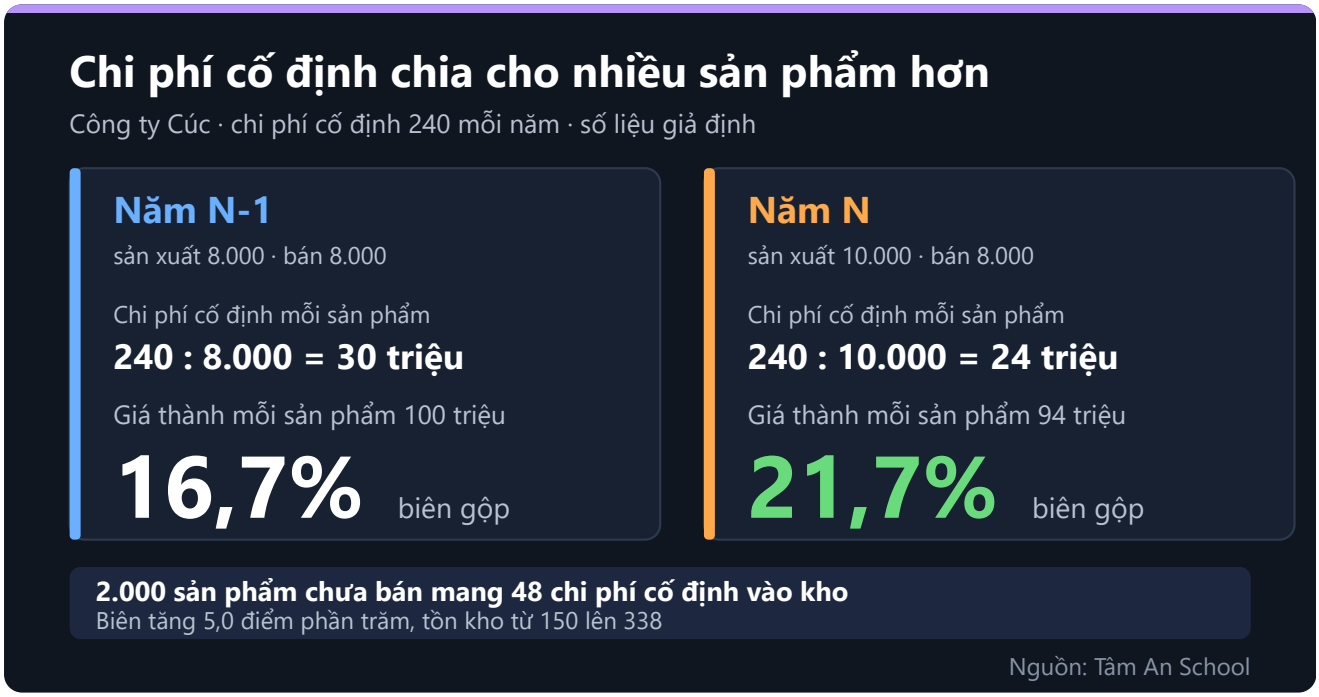
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-tu-thanh-ly-tai-san-va-thoai-von

Biên gộp tăng cùng lúc hàng tồn kho tăng: chi phí có bị 'cất' vào tồn kho không?

Câu trả lời ngắn

Có, theo đúng quy tắc kế toán, chi phí sản xuất của hàng chưa bán nằm trong giá trị hàng tồn kho chứ chưa vào giá vốn kỳ này. Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 02, giá gốc hàng tồn kho gồm cả chi phí sản xuất chung cố định như khấu hao và bảo dưỡng máy, nhà xưởng. Khi sản lượng vượt công suất bình thường, khoản cố định chia cho nhiều sản phẩm hơn, giá thành mỗi sản phẩm giảm, phần thuộc về hàng chưa bán đi vào kho. Vì vậy biên gộp có thể tăng đúng lúc tồn kho tăng. Trong ví dụ giả định, doanh thu đứng yên ở 960 tỷ đồng, biên gộp tăng từ 16,7% lên 21,7%, tồn kho tăng từ 150 lên 338, và 48 tỷ chi phí cố định nằm trong 2.000 sản phẩm chưa bán. Đó là cách ghi bình thường, không phải thủ thuật; câu hỏi quan trọng là hàng trong kho có bán được không. Kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Công ty Cúc giả định: chi phí cố định 240 chia cho 8.000 sản phẩm là 30 triệu, chia cho 10.000 sản phẩm là 24 triệu, biên gộp tăng từ 16,7% lên 21,7%

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

"Cất vào tồn kho" thực ra là quy tắc gì

"Cất chi phí vào tồn kho" là lối nói thông thường. Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 02 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC), có bốn ý cần nhớ:

- **Giá gốc gồm chi phí chế biến.** Đoạn 05 và 07: giá gốc gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác. Chi phí chế biến có nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và

biến đổi. Loại cố định là chi phí gián tiếp thường không đổi theo sản lượng, như khấu hao và bảo dưỡng máy móc, nhà xưởng.

- **Vào giá vốn khi bán.** Đoạn 24: khi bán, giá gốc hàng đã bán mới ghi nhận là chi phí kỳ; hàng chưa bán vẫn là tài sản. Thông tư 99/2025/TT-BTC yêu cầu xác định giá gốc và ghi nhận chi phí hàng tồn kho theo chuẩn mực này.
- **Phân bổ theo công suất bình thường.** Đoạn 08: sản lượng thực tế cao hơn công suất bình thường thì chi phí cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh, tức giá thành đơn vị giảm; thấp hơn thì chỉ phân bổ theo mức công suất bình thường, phần không phân bổ được ghi vào chi phí kỳ.
- **Có chi phí không cất được.** Đoạn 11: chi phí phát sinh trên mức bình thường, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không tính vào giá gốc.

Khoản chi phí	Vào giá gốc hàng tồn kho?	Đoạn
Nguyên liệu, nhân công trực tiếp, sản xuất chung biến đổi	Có	07
Sản xuất chung cố định, phần được phân bổ	Có	07, 08
Sản xuất chung cố định không phân bổ được	Không, ghi vào chi phí kỳ	08, 24, 29
Chi phí vượt mức bình thường; bán hàng; quản lý doanh nghiệp	Không	11

Ví dụ minh hoạ: công ty Cúc giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Công ty Cúc có nhà máy với chi phí sản xuất chung cố định 240 mỗi năm; chi phí biến đổi 70 triệu đồng mỗi sản phẩm; giá bán 120 triệu đồng; công suất bình thường 8.000 sản phẩm mỗi năm. Năm N-1 sản xuất bằng bán, 8.000 sản phẩm. Năm N công ty sản xuất 10.000 sản phẩm nhưng chỉ bán 8.000. Để dễ so, đầu năm N chưa có thành phẩm tồn; nguyên liệu và dở dang giữ nguyên 150 ở cả hai năm.

Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N
Sản xuất / bán (sản phẩm)	8.000 / 8.000	10.000 / 8.000
Chi phí cố định mỗi sản phẩm (triệu đồng)	30	24
Giá thành mỗi sản phẩm (triệu đồng)	100	94
Doanh thu thuần	960	960
Giá vốn hàng bán	800	752
Lãi gộp	160	208
Biên gộp	16,7%	21,7%
Thành phẩm tồn cuối năm	0	188 (2.000 sản phẩm)
Tổng hàng tồn kho	150	338

Kiểm cộng: chi phí sản xuất năm N là 10.000 nhân 70 triệu đồng cộng 240, bằng 940, và 940 bằng giá vốn 752 cộng thành phẩm tồn 188. Chi phí cố định 240 bằng 192 trong giá vốn (8.000 nhân 24 triệu đồng) cộng 48 trong kho (2.000 nhân 24 triệu đồng). Nếu giá vốn năm N vẫn gánh đủ 240 như năm trước thì giá

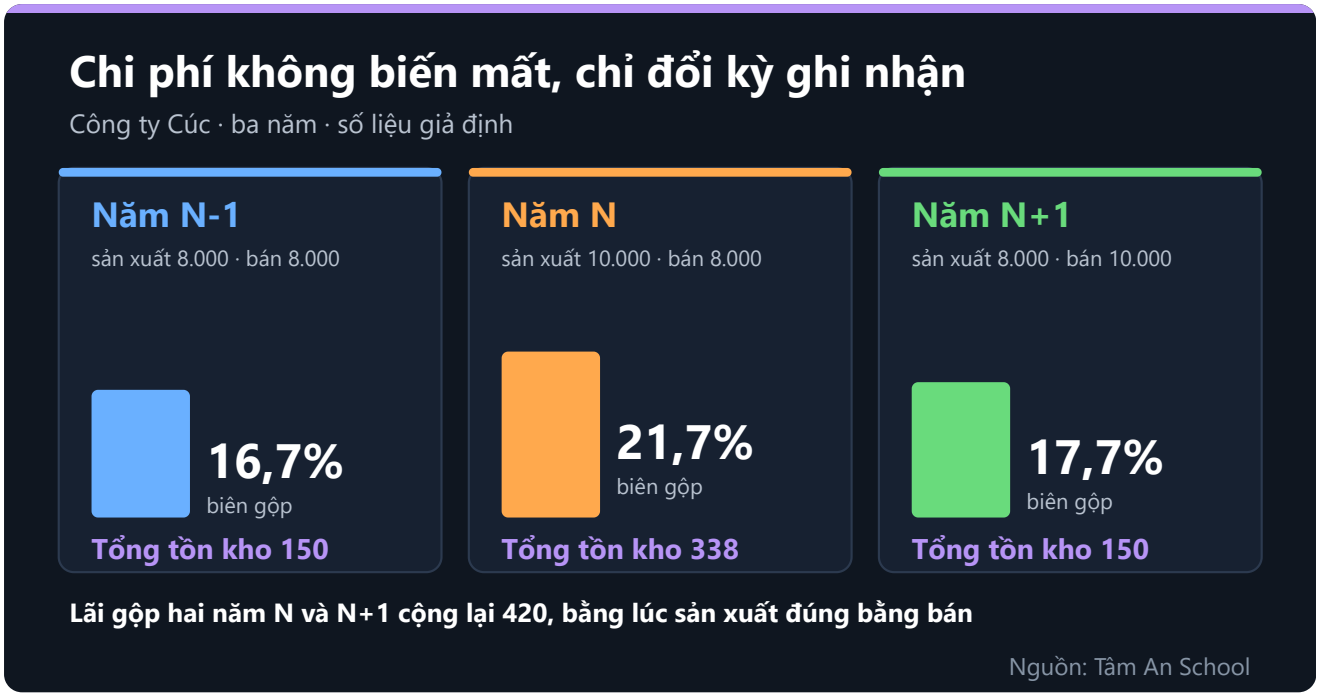
vốn là 800 và biên vẫn 16,7%; chênh lệch 48 chính là 5,0 điểm phần trăm biên tăng thêm. Doanh thu không đổi, giá vốn giảm 6,0%, tồn kho tăng 125,3%; tính tồn kho cuối năm chia giá vốn nhân 365, số ngày tồn kho từ 68,4 lên 164,1.



Công ty Cúc giả định năm N: chi phí sản xuất 940 chia thành giá vốn 752 và thành phẩm tồn kho 188, trong đó 48 là chi phí cố định nằm trong kho

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Năm N+1: kho bán hết. Giả sử công ty Cúc sản xuất lại 8.000 sản phẩm và bán 10.000. Giá vốn là 188 của 2.000 sản phẩm tồn cộng 800 của 8.000 sản phẩm mới, bằng 988. Doanh thu 1.200, lãi gộp 212, biên gộp 17,7%, giảm 4,0 điểm phần trăm so với năm N; tồn kho về 150. Lãi gộp hai năm là 208 cộng 212 bằng 420, đúng bằng 160 cộng 260 nếu mỗi năm sản xuất đúng bằng bán. Chi phí không biến mất, chỉ chuyển kỳ ghi nhận.



Công ty Cúc giả định qua ba năm: biên gộp 16,7%, 21,7%, 17,7% và tổng hàng tồn kho 150, 338, 150

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Mặt trái: dưới công suất bình thường. Công ty Bình giả định có cùng nhà máy, sản xuất và bán 6.000 sản phẩm. Theo đoạn 08, chi phí cố định chỉ phân bổ 30 triệu đồng mỗi sản phẩm, tức 180; 60 còn lại không phân bổ được, ghi vào chi phí kỳ. Giá vốn là 6.000 nhân 70 triệu đồng cộng 180 cộng 60, bằng 660; doanh thu 720; lãi gộp 60; biên gộp 8,3%.

Công suất bình thường là một ước tính. Giữ nguyên công ty Cúc năm N, nếu công suất bình thường được ước tính 12.000 sản phẩm thay vì 8.000, mỗi sản phẩm nhận 20 triệu đồng chi phí cố định, 40 không phân bổ được và vào giá vốn ngay, biên gộp là 20,8% thay vì 21,7%. Đoạn 27 của chuẩn mực không liệt kê công suất bình thường trong danh mục phải trình bày; nếu có, con số nằm ở báo cáo thường niên hoặc tài liệu khác, tuỳ doanh nghiệp.

Khi nào bình thường, khi nào cần soi kỹ

Cùng bộ số của công ty Cúc có nhiều câu chuyện đứng sau:

- **Bình thường:** tăng công suất để đón đơn hàng đã ký, dự trữ thành phẩm trước mùa cao điểm, nhà máy mới chạy ổn định. Khoản cố định chảy vào giá vốn khi hàng bán.
- **Cần soi kỹ:** sản xuất vượt cầu, hoặc hàng khó bán mà vẫn dồn kho. Đoạn 18 và 19: giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ khi hàng hư hỏng, lỗi thời, giá bán giảm; lúc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc phải lập dự phòng. Theo hướng dẫn tài khoản dự phòng tổn thất tài sản của Thông tư 99, trích lập ghi vào giá vốn hàng bán, hoàn nhập ghi giảm giá vốn. Dự phòng làm biên gộp quay đầu.

Hai câu chuyện cho cùng ba dòng số năm N. Tâm An dùng ba điều kiện đi cùng nhau làm gợi ý mở thuyết minh (quy ước tham khảo, không phải chuẩn): biên gộp tăng so với cùng kỳ năm trước; tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn; dòng điều chỉnh hàng tồn kho trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ âm đáng kể. Bài không

đặt ngưỡng số: ngưỡng trong tài liệu nội bộ mới là giả thuyết khởi điểm, chưa kiểm chứng. Mô hình Beneish đo biên gộp kỳ trước chia biên kỳ này; nó thấy biên đổi nhưng không thấy lý do, và bài không dùng điểm số của nó. Cách tách bán nhiều hay biên cao xem bài lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn; tích trữ hay bán chậm xem bài hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; năm hay quý (số quý là số đơn lẻ, so cùng quý năm trước).
2. **Đặt biên gộp cạnh tồn kho:** biên tăng, giá vốn tăng chậm hơn tồn kho là tổ hợp nên hỏi thêm.
3. **Mở thuyết minh hàng tồn kho:** nhóm nào tăng. Chỉ thành phẩm và sản phẩm dở dang mang chi phí chế biến; nguyên liệu tăng thì không giải thích được biên gộp tăng theo cơ chế này.
4. **Tìm sản lượng sản xuất và sản lượng bán**, công suất thiết kế, mức sử dụng trong báo cáo thường niên hoặc tài liệu công bố, tuỳ doanh nghiệp. Sản xuất vượt bán là điều kiện cần của cơ chế này.
5. **Xem dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** số dư có tăng cùng nhóm đang phình không.
6. **Đối chiếu báo cáo lưu chuyển tiền tệ.** Theo hướng dẫn lập của Thông tư 99, nếu bóc tách được, dòng hàng tồn kho không gồm khấu hao nằm trong kho cuối kỳ; nếu không bóc tách được, dòng khấu hao gồm cả khấu hao của hàng chưa tiêu thụ và dòng hàng tồn kho gồm phần đó. Vì vậy dòng này có thể không khớp chênh lệch trên bảng cân đối; đọc chú thích trước khi kết luận.
7. **Xem tiền thu và nguồn tài trợ cho kho:** tiền thu từ khách hàng, phải trả người bán, khoản trả trước cho người bán.
8. **Theo dõi các kỳ sau:** tồn kho giảm, biên quay về mức cũ là kịch bản bình thường; kho vẫn phình, dự phòng tăng, biên gục là điều cần hỏi.
9. **Ghép dòng theo tên, không theo mã số:** báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99, mã số chỉ tiêu đã đánh lại.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đánh dấu tổ hợp ba điều kiện và gợi ý mở thuyết minh hàng tồn kho; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Cúc, công ty Bình và mọi số liệu là giả định, đã đơn giản hoá: một sản phẩm, không có thành phẩm tồn đầu năm N, giá bán và chi phí biến đổi không đổi, công suất bình thường biết trước.
- Bài chỉ nói về doanh nghiệp sản xuất phi tài chính. Xây dựng và bất động sản có tồn kho chủ yếu là chi phí dự án dở dang; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.
- Biên gộp còn đổi vì giá bán, giá nguyên liệu, cơ cấu sản phẩm và phương pháp tính giá xuất kho; cơ chế trong bài chỉ là một lý do.

Đừng nói quá

- Không viết "tồn kho tăng cùng biên tăng là dấu hiệu sai phạm": đó là cách ghi theo chuẩn mực và có nguyên nhân kinh doanh hợp lý.
- Không coi 5,0 điểm, 125,3% hay 164 ngày là ngưỡng: mọi con số là số minh hoạ.

- Không nói "chi phí biến mất": chi phí chỉ đổi kỳ ghi nhận, và có thể thành dự phòng nếu hàng không bán được.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Biên gộp tăng cùng tồn kho tăng, sản xuất vượt bán, dòng điều chỉnh hàng tồn kho âm lớn là tín hiệu để mở thuyết minh hàng tồn kho, sản lượng và dự phòng, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mùa vụ, đơn hàng đã ký, nhà máy mới và đổi chính sách bán hàng đều có thể cho cùng bức tranh.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99/2025/TT-BTC được đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập ngày 26/10/2026; chuẩn mực số 02 đọc qua bản sao nguyên văn.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 Hàng tồn kho (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC): đoạn 05, 07, 08, 11, 18, 19, 24, 27, 29 (mức B, bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu bản Công báo gốc).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): nguyên tắc kế toán hàng tồn kho; dự phòng tổn thất tài sản; hướng dẫn lập giá vốn hàng bán; hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ về khấu hao và hàng tồn kho.
- Beneish (1999), Financial Analysts Journal 55(5): cấu trúc chỉ số biên gộp theo nguồn thứ cấp; CFA Institute, Financial Reporting Quality (2026): chỉ khung khái niệm.
- Cách đọc, chuỗi điều kiện và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn: tích trữ hay bán chậm
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 02, giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí sản xuất chung cố định, phân bổ theo công suất bình thường; chi phí của hàng chưa bán nằm trong kho và chỉ vào giá vốn khi bán. Khi sản lượng vượt công suất bình thường, giá thành mỗi sản phẩm giảm nên biên gộp có thể tăng cùng lúc tồn kho tăng. Ví dụ giả định: công ty Cúc cố định 240, sản xuất 10.000 và bán 8.000 sản phẩm, doanh thu đứng yên 960, biên gộp từ 16,7% lên 21,7%, tồn kho từ 150 lên 338, và 48 chi phí cố định nằm trong kho; năm sau bán hết kho, biên về 17,7%. Công ty Bình sản xuất dưới công suất có 60 không phân bổ được,

biên chỉ 8,3%. Công suất bình thường là ước tính của doanh nghiệp. Hãy xem thành phẩm và dở dang, sản lượng, dự phòng và dòng tiền. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bien-gop-tang-cung-luc-hang-ton-kho-tang

Thuế TNDN đã nộp (trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ) và chi phí thuế (trên báo cáo kết quả kinh doanh) vì sao lệch nhau?

Câu trả lời ngắn

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã nộp trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ và chi phí thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh là hai con số đo hai việc khác nhau. Chi phí thuế là thuế của năm báo cáo, gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại (VAS 17, đoạn 03). Thuế đã nộp là tiền thực ra khỏi tài khoản trong năm, gồm cả khoản còn nợ từ năm trước và trừ khoản để sang năm sau. Vì vậy hai số lệch nhau ở ít nhất ba chỗ: thuế hoãn lại không có dòng tiền cùng kỳ, thời điểm tạm nộp và quyết toán, và điều chỉnh của năm trước. Công ty Cúc giả định có chi phí thuế 50 nhưng nộp 58; cộng ba năm, chi phí 120 và tiền nộp 112. Một năm lệch là chuyện thường. Lệch một chiều nhiều năm mới là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.



Chi phí thuế và thuế TNDN đã nộp: hai số nằm ở hai báo cáo, nối với nhau qua khoản thuế phải nộp và thuế hoãn lại

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Hai con số ở hai báo cáo, nối bằng một khoản phải nộp

Theo mẫu của Thông tư 99/2025/TT-BTC, chi phí thuế nằm ở báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: mã 51 là chi phí thuế TNDN hiện hành, mã 52 là chi phí thuế TNDN hoãn lại, cả hai trừ vào lợi nhuận trước thuế (mã 50) để ra lợi nhuận sau thuế (mã 60). Thuế đã nộp nằm ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ, dòng

"Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp": mã 15 ở phương pháp gián tiếp, mã 05 ở phương pháp trực tiếp. Hai dòng nằm trong cầu nối của bài vì sao báo cáo lưu chuyển tiền tệ bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế (tập 67); bài này bàn riêng chỗ hai số lệch nhau.

Chỗ nối là tài khoản thuế TNDN phải nộp (tài khoản 3334 trong hệ thống tài khoản của Thông tư 99). Theo hướng dẫn tài khoản 821 của thông tư này, hàng quý doanh nghiệp căn cứ tờ khai để ghi số thuế tạm phải nộp vào chi phí thuế hiện hành; khi nộp tiền thì giảm khoản phải nộp; cuối năm, căn cứ tờ khai quyết toán, phần chênh giữa số phải nộp của năm và số đã tạm nộp được ghi tăng hoặc ghi giảm chi phí thuế hiện hành. Từ đó có phép kiểm số, là cách đọc của Tâm An, không phải dòng trên mẫu:

Thuế đã nộp = thuế phải nộp đầu năm + chi phí thuế hiện hành − thuế phải nộp cuối năm.

Thuế hoãn lại không đi qua phép tính này vì không làm tăng khoản phải nộp cho cơ quan thuế trong năm. Dòng "thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" trên bảng cân đối gộp nhiều loại thuế, nên số dư riêng của thuế TNDN thường phải tìm ở thuyết minh.

Năm lý do thuế đã nộp khác chi phí thuế

Năm lý do, xếp từ phổ biến đến ít gặp, theo văn bản chuẩn mực VAS 17 và hướng dẫn tài khoản của Thông tư 99.

Một, thuế hoãn lại. Chi phí thuế gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại (đoạn 03). Thuế hoãn lại sinh từ chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế; phần ghi trong năm chưa phải tiền ra. Nó làm hai số lệch mà không ai nộp trễ hay nộp sớm.

Hai và ba, thời điểm. Thuế hiện hành chưa nộp phải ghi là nợ phải trả (đoạn 08). Khoản quyết toán của năm trước thường nộp sang năm sau, nên tiền nộp năm nay gồm cả "nợ cũ"; thuế quý cuối năm này có thể chưa nộp tới ngày khoá sổ. Hạn tạm nộp và quyết toán thuộc pháp luật quản lý thuế, bài không bàn.

Bốn, điều chỉnh năm trước. Theo hướng dẫn tài khoản 821, sai sót không trọng yếu về thuế của năm trước được ghi tăng hoặc giảm chi phí thuế hiện hành của năm phát hiện; sai sót trọng yếu thì điều chỉnh hồi tố theo VAS 29. Chi phí thuế năm nay có thể chứa một khoản một lần thuộc năm trước.

Năm, nộp thừa và vốn chủ sở hữu. Phần đã nộp vượt số phải nộp được ghi là tài sản (đoạn 08). Thuế liên quan khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu (đoạn 43) không nằm trong chi phí thuế của báo cáo kết quả, dù tiền vẫn ra. Cách xếp tiền hoàn thuế trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bài chưa đọc nguyên văn, nên không khẳng định.

Ví dụ minh hoạ: công ty Cúc giả định, chi phí thuế 50 nhưng nộp 58

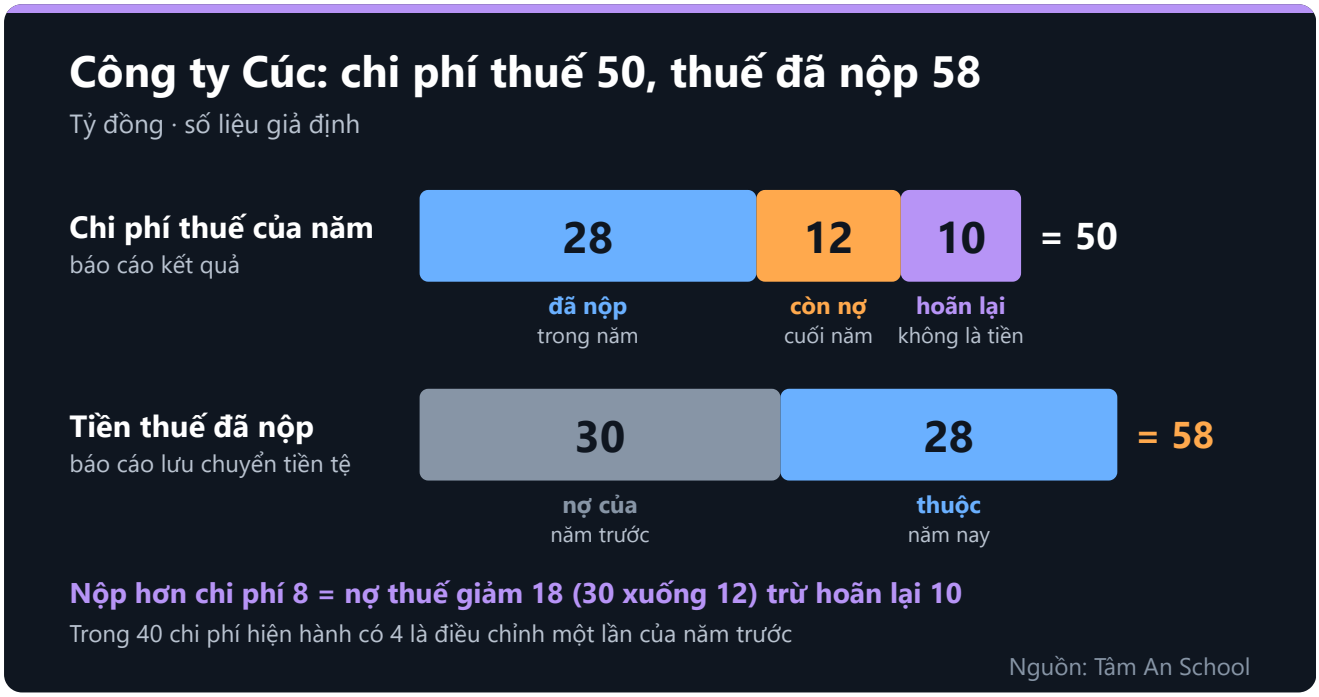
Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Công ty Cúc năm N có lợi nhuận trước thuế 250. Chi phí thuế hiện hành gồm 36 của chính năm N và 4 điều chỉnh sai sót không trọng yếu của năm trước, tổng 40. Chi phí thuế hoãn lại 10. Chi phí thuế 50, lợi nhuận sau thuế 200. Thuế TNDN phải nộp đầu năm 30 (quyết toán năm trước chưa nộp), cuối năm 12.

Thuế đã nộp là 30 cộng 40 trừ 12, bằng 58. Hai số cạnh nhau: chi phí 50, tiền 58, tiền nộp bằng 116% chi phí. Chênh 8 giải thích được hoàn toàn: nợ thuế giảm từ 30 xuống 12 làm tiền nộp cao hơn chi phí hiện hành 18, trừ thuế hoãn lại 10 không bằng tiền.

Cùng một khoản thuế, hai cách nhìn:

Nhìn theo	Con số	Tách ra
Chi phí thuế của năm	50	28 đã nộp trong năm, 12 còn nợ cuối năm, 10 hoãn lại
Tiền thuế ra khỏi tài khoản	58	30 trả nợ của năm trước, 28 thuộc năm nay

Tách theo "có tiền, chưa có tiền, một lần": trong 50 chi phí thuế, 28 đã thành tiền ngay trong năm, 22 chưa thành tiền (12 sẽ nộp sau, 10 hoãn lại); trong 40 chi phí hiện hành có 4 là khoản một lần của năm trước. Phép tách 28 và 12 giả định trả nợ cũ trước; báo cáo không cho biết thứ tự thật.



Công ty Cúc giả định: chi phí thuế 50 gồm 28 đã nộp, 12 còn nợ và 10 hoãn lại; tiền nộp 58 gồm 30 nợ năm trước và 28 của năm nay

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

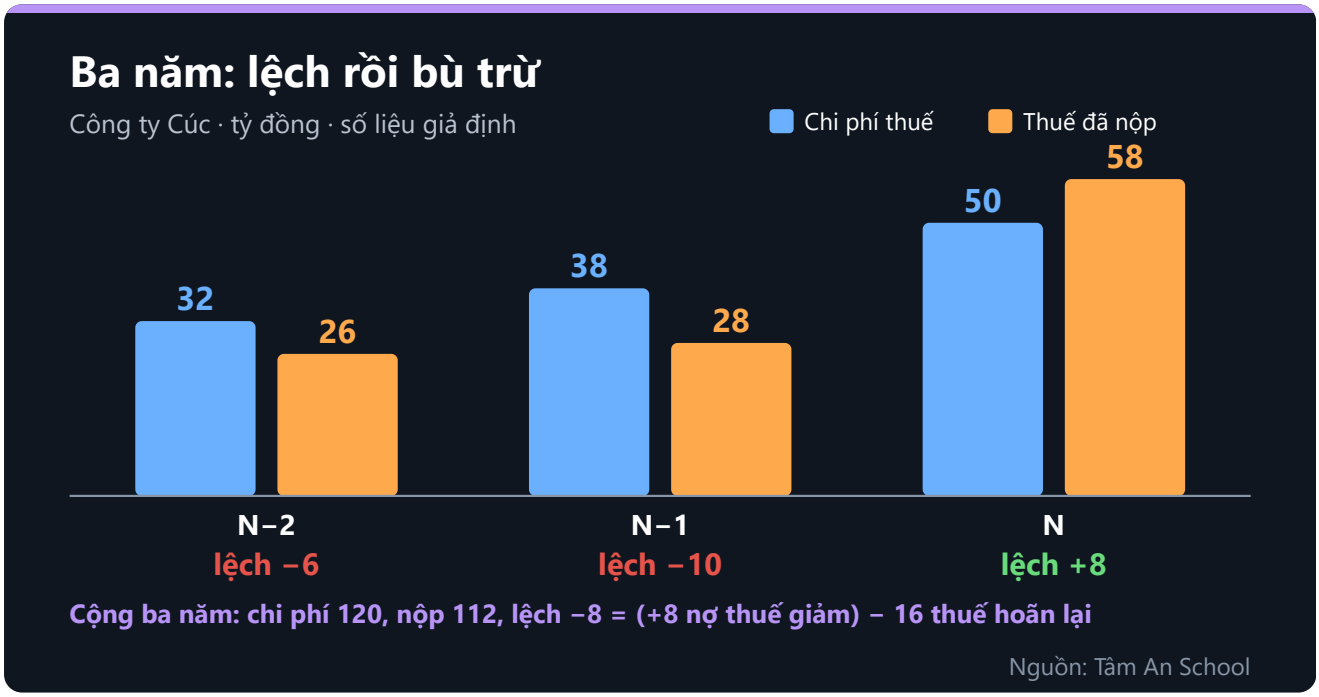
Thêm một phép so: coi thuế nộp bằng chi phí thuế thì tiền còn lại sau thuế là 250 trừ 50, bằng 200, đúng bằng lợi nhuận sau thuế. Theo tiền thực, là 250 trừ 58, bằng 192, thấp hơn lãi 8; phần 8 này sang năm sau có thể đảo chiều vì còn 12 thuế phải nộp.

Ba năm cộng lại: lệch từng năm, nhưng bù trừ nhau

Một năm lệch gần như luôn xảy ra, nên cần nhìn nhiều năm. Công ty Cúc ba năm liền, thuế phải nộp cuối năm N−3 là 20:

Năm	Chi phí hiện hành	Hoãn lại	Chi phí thuế	Phải nộp cuối năm	Thuế đã nộp	Nộp so với chi phí
N−2	30	2	32	24	26	81%
N−1	34	4	38	30	28	74%
N	40	10	50	12	58	116%
Cộng ba năm	104	16	120		112	93%

Từng năm, tiền nộp lệch −6, −10 rồi +8 so với chi phí; cộng lại chỉ −8 và tỷ lệ gần 93%. Gói trong một phép tính: nợ thuế giảm từ 20 xuống 12 làm tiền nộp cao hơn chi phí hiện hành 8, trừ 16 thuế hoãn lại tích luỹ chưa thành tiền. Yếu tố thời điểm tự bù theo thời gian; thuế hoãn lại chỉ bù khi chênh lệch tạm thời hoàn nhập.



Công ty Cúc giả định: tiền nộp lệch so với chi phí thuế lần lượt trừ 6, trừ 10, cộng 8, ba năm cộng lại trừ 8

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Khi nào lệch mới đáng mở thuyết minh: công ty Khôi giả định

Công ty Khôi, cũng giả định, không có thuế hoãn lại để cho gọn. Thuế phải nộp đầu kỳ 10:

Năm	Chi phí thuế	Thuế đã nộp	Phải nộp cuối năm	Nộp so với chi phí
1	40	22	28	55%
2	44	18	54	41%
3	48	16	86	33%

Ba năm, chi phí 132 mà tiền nộp 56 (42%); khoản thuế phải nộp phình từ 10 lên 86. Khác công ty Cúc, lệch ở đây đi một chiều và không tự bù. Đó là loại tín hiệu nên mở thuyết minh để hỏi: khoản thuế phải nộp còn lại đến hạn khi nào, đã quá hạn chưa, có phần đang chờ quyết toán không. Mỗi câu hỏi có thể có đáp án hợp lý; bài không đặt ngưỡng tỷ lệ nào và không suy ra điều gì về công ty Khôi từ ba con số.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đặt hai số cạnh nhau**: chi phí thuế (hiện hành cộng hoãn lại) và thuế đã nộp. Tính tỷ lệ nộp so với chi phí, nhưng coi nó là câu hỏi, không là điểm số.
2. **Tìm thuế TNDN phải nộp đầu và cuối năm** trong thuyết minh, dựng phép kiểm đầu năm cộng chi phí hiện hành trừ cuối năm. Phần lệch còn lại ghi vào dòng "chưa giải thích", không nhét vào khoản khác cho khớp.
3. **Đọc thuyết minh thuế.** Theo VAS 17 (đoạn 56 đến 58), thuyết minh trình bày riêng các thành phần của chi phí thuế, gồm điều chỉnh thuế hiện hành của năm trước, và có bảng đối chiếu chi phí thuế với lợi nhuận kế toán: nơi doanh nghiệp tự giải thích chênh lệch.
4. **Nhìn ba năm, không nhìn một năm.** Lệch rồi bù là bình thường; lệch một chiều kéo dài mới cần hỏi thêm. Nếu lợi nhuận trước thuế biến động mạnh, xem thêm bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường và bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt chi phí thuế, thuế đã nộp và thuế phải nộp cạnh nhau qua nhiều năm; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, tên và mã nhiều chỉ tiêu đổi. Các mã trong bài là mã mẫu Thông tư 99; với báo cáo theo Thông tư 200, hãy ghép theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Cúc, công ty Khôi và mọi con số chỉ để minh hoạ cách đọc, không phải chỉ tiêu hay ngưỡng. Phép kiểm "đầu năm cộng chi phí hiện hành trừ cuối năm" là cách kiểm số của Tâm An; nó bỏ qua tiền hoàn thuế, thuế nộp thay, tỷ giá và thuế ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Bài không bàn hạn tạm nộp, hạn quyết toán, tiền chậm nộp, mức thuế suất hay thuế tối thiểu toàn cầu; người đọc cần đối chiếu văn bản hiện hành.
- Hướng dẫn chi tiết cách lập mã 15 của Thông tư 99 bài chưa đọc; "tiền thực nộp" dựa trên tên dòng và hướng dẫn tài khoản 821.
- Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách xếp luồng tiền thuế riêng; bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính.

Đừng nói quá

- Không viết "thuế nộp khác chi phí thuế nghĩa là có vấn đề": thuế hoãn lại, thời điểm nộp và điều chỉnh năm trước đều làm hai số lệch một cách hợp lý.

- Không viết "thuế đã nộp luôn bằng chi phí thuế hiện hành": hai số chỉ bằng nhau khi khoản phải nộp đầu và cuối năm bằng nhau.
- Không dùng 116%, 93% hay 42% làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Tiền thuế nộp thấp hơn chi phí thuế nhiều năm liền, khoản thuế phải nộp ngày càng lớn, hay phần chênh không giải thích được khi dựng phép kiểm đều là tín hiệu để mở thuyết minh về thuế, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: thuế hoãn lại, khoản quyết toán dồn vào cuối năm, điều chỉnh của năm trước, hay thuế chưa đến hạn nộp. Chỉ kiểm toán độc lập và cơ quan quản lý mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo đã đọc từ bản PDF (mức A): hướng dẫn tài khoản 821, mục 1.b và mục 3.1 (ghi tạm nộp hàng quý, nộp thuế, điều chỉnh theo quyết toán, sai sót năm trước); mẫu B02-DN (mã 50, 51, 52, 60); mẫu B03-DN (mã 15 gián tiếp, mã 05 trực tiếp).
- Chuẩn mực kế toán số 17 (đoạn 03, 08, 43, 57, 58): bản sao nguyên văn trong gói nguồn (mức B), theo văn bản chuẩn mực, nói theo bản sao đánh số; chưa đối chiếu bản gốc chính thức.
- Phép kiểm số, các nhóm "chưa thành tiền" và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Vì sao báo cáo lưu chuyển tiền tệ bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế

Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Thuế TNDN đã nộp và chi phí thuế đo hai việc khác nhau: chi phí thuế (mã 51 cộng mã 52 theo mẫu Thông tư 99) là thuế của năm, gồm hiện hành và hoãn lại; thuế đã nộp (mã 15) là tiền thực ra khỏi tài khoản trong năm. Chỗ nối là khoản thuế TNDN phải nộp: thuế đã nộp bằng phải nộp đầu năm cộng chi phí hiện hành trừ phải nộp cuối năm, còn thuế hoãn lại không đi qua phép tính. Công ty Cúc giả định (tỷ đồng): chi phí thuế 50 nhưng nộp 58, vì nợ thuế giảm từ 30 xuống 12 làm tiền nộp cao hơn 18 và 10 thuế hoãn lại không bằng tiền. Chi phí thuế 50 gồm 28 đã nộp trong năm, 12 còn nợ, 10 hoãn lại; tiền 58 gồm 30 nợ năm trước và 28 của năm nay. Ba năm lệch lần lượt trừ 6, trừ 10, cộng 8, cộng lại chi phí 120 và nộp

112. Công ty Khôi giả định nộp 55%, 41%, 33% chi phí trong ba năm và thuế phải nộp phình từ 10 lên 86: lệch một chiều, không tự bù, đáng mở thuyết minh. Cách kiểm: đặt hai số cạnh nhau, dựng phép kiểm bằng thuế phải nộp đầu và cuối năm, đọc thuyết minh thuế, nhìn ba năm. Chênh lệch chỉ là tín hiệu, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thue-tndn-da-nop-va-chi-phi-thue-vi-sao-lech-nhau

Thuế hoãn lại và tài sản thuế hoãn lại: có phải là 'lãi ghi trước' không?

Câu trả lời ngắn

Không hẳn. Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 17 (VAS 17), tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai: phần thuế đã tính sớm hơn thời điểm khoản chi phí được trừ thuế, gần với "thuế nộp trước, trừ sau" hơn là "lãi ghi trước". Ở trường hợp thông thường, ghi nhận nó chỉ giữ cho chi phí thuế khớp với lợi nhuận kế toán. Nhưng nó vẫn là một ước tính: chuẩn mực chỉ cho ghi nhận khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để dùng. Khi doanh nghiệp ghi nhận lần đầu, hoặc ghi nhận bổ sung, tài sản thuế hoãn lại cho các khoản lỗ cũ, chi phí thuế có thể âm: lãi sau thuế cao hơn lãi trước thuế mà không có đồng tiền nào vào. Trong ví dụ giả định dưới đây, lãi trước thuế 200 nhưng lãi sau thuế 310: tín hiệu để mở thuyết minh thuế, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Công ty Phúc giả định: lãi trước thuế 200, thuế hiện hành 0, thu nhập thuế hoãn lại 110, lãi sau thuế 310

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Chi phí thuế gồm hai phần

Theo VAS 17 (đoạn 03), chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế hiện hành, là thuế phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế của năm, và thuế hoãn lại. Thuế hoãn lại phát sinh vì lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế không trùng nhau về thời điểm: có khoản vào lợi nhuận kế toán kỳ này nhưng chỉ vào thu nhập chịu thuế ở kỳ khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả gọi là chênh lệch tạm thời.

Trên mẫu báo cáo của Thông tư 99, hai phần nằm ở hai dòng của báo cáo kết quả kinh doanh: chi phí thuế hiện hành (mã 51) và chi phí thuế hoãn lại (mã 52); lợi nhuận sau thuế (mã 60) bằng mã 50 trừ mã 51 trừ mã 52. Hướng dẫn lập mã 52 nói chỉ tiêu này có thể là thu nhập thuế hoãn lại, khi đó ghi âm trong ngoặc đơn. Trên báo cáo tình hình tài chính (tên mới của bảng cân đối kế toán), tài sản thuế thu nhập hoãn lại là mã 272, lấy từ số dư Nợ tài khoản 243; thuế hoãn lại phải trả là mã 342, lấy từ số dư Có tài khoản 347; cùng đối tượng nộp thuế và cùng cơ quan thuế thì được bù trừ. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 dùng mã khác (262 và 341), nên đừng ghép hai kỳ theo mã.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp của Thông tư 99 xuất phát từ lợi nhuận trước thuế (mã 01), nên thuế hoãn lại, vốn không phải tiền, không đi vào cầu nối; vì sao tiền thuế đã nộp lệch chi phí thuế, xem bài thuế đã nộp và chi phí thuế.

Tài sản thuế hoãn lại hình thành thế nào

Theo nguyên tắc kế toán tài khoản 243 của Thông tư 99, tài sản thuế thu nhập hoãn lại bằng chênh lệch tạm thời được khấu trừ, cộng lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng được chuyển sang năm sau, nhân thuế suất hiện hành. Có hai nguồn chính.

- **Chênh lệch tạm thời được khấu trừ.** Ví dụ của chính chuẩn mực: trích trước chi phí bảo hành vào lợi nhuận kế toán, nhưng chỉ được trừ thuế khi thực sự thanh toán nghĩa vụ bảo hành. Khoản phải trả lớn hơn cơ sở tính thuế, nên phát sinh tài sản thuế hoãn lại, với điều kiện chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế (VAS 17, đoạn 14).
- **Lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.** VAS 17 (đoạn 21) cho ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để dùng. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (Điều 16, khoản 1) cho chuyển lỗ liên tục không quá 05 năm, nên phần lỗ hết hạn không còn là chỗ dựa.

Khi ghi nhận hoặc ghi tăng, kế toán ghi Nợ tài khoản 243, Có tài khoản 8212: chi phí thuế hoãn lại giảm hoặc thành thu nhập. Tài sản chưa ghi nhận từ các năm trước được ghi nhận bổ sung theo cùng cách khi dự tính chắc chắn có lợi nhuận tính thuế. Giá trị không được chiết khấu (đoạn 36): 110 thu hồi dần nhiều năm vẫn ghi đủ 110.

Chữ "chắc chắn" nằm ở đâu

Đây là chỗ biến một khoản kế toán thành ước tính. VAS 17 (đoạn 13, 16) chỉ cho ghi nhận khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng (bằng chứng ở đoạn 17, 18). Với doanh nghiệp lỗ liên tiếp, đoạn 22 nói lỗ tính thuế chưa dùng là bằng chứng rõ ràng rằng doanh nghiệp có thể không có lợi nhuận tính thuế sau này, nên chỉ ghi nhận khi có đủ chênh lệch tạm thời chịu thuế hoặc bằng chứng thuyết phục khác; đoạn 23 nêu cả việc nguyên nhân gây lỗ có tiếp tục hay không.

Chuẩn mực buộc xem lại theo thời gian: cuối niên độ ghi nhận thêm khi điều kiện cải thiện (đoạn 24), giảm giá trị ghi sổ khi không còn chắc chắn (đoạn 38). Trang công khai của CFA Institute về chất lượng báo cáo cũng xếp "khả năng thu hồi ước tính của tài sản thuế hoãn lại" vào nhóm lựa chọn kế toán ảnh hưởng đến lợi nhuận, như dự phòng phải thu hay thời gian khấu hao. Điều đó không có nghĩa doanh nghiệp nào làm sai: doanh nghiệp phục hồi có đủ căn cứ ghi nhận là bình thường.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python, thuế suất giả định 20% cho cả hai công ty.

Công ty Hòa: trường hợp thông thường. Lợi nhuận trước thuế 500 đã trừ chi phí bảo hành trích trước 150, khoản chỉ được trừ thuế khi thực chi (giả định theo ví dụ của chuẩn mực). Thu nhập chịu thuế là 650, thuế hiện hành 130. Chênh lệch tạm thời 150 tạo tài sản thuế hoãn lại 30, ghi thành thu nhập thuế hoãn lại 30. Chi phí thuế là 130 trừ 30, bằng 100, đúng 20% của 500; lợi nhuận sau thuế 400. Nếu không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, chi phí thuế là 130, tức 26% lợi nhuận trước thuế, và lợi nhuận sau thuế chỉ 370. Chiều ngược lại với nhận thức "lãi ghi trước": tiền thuế phải nộp năm đó là 130, cao hơn chi phí thuế 30; phần 30 là thuế nộp trước, được trừ khi khoản bảo hành thực chi.

Công ty Phúc: ghi nhận lần đầu cho lỗ cũ. Công ty Phúc có lỗ tính thuế chưa sử dụng 750 (giả định còn trong thời hạn chuyển lỗ), trước đây chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại vì chưa đủ chắc chắn. Năm nay lợi nhuận trước thuế 200, dùng 200 lỗ cũ nên thuế hiện hành bằng 0; còn 550 lỗ chưa dùng. Ban lãnh đạo đánh giá đã đủ căn cứ, nên ghi nhận tài sản thuế hoãn lại 110 (550 nhân 20%).

Chỉ tiêu	Đã ghi nhận từ trước	Ghi nhận lần đầu năm nay (công ty Phúc)
Lợi nhuận trước thuế	200	200
Thuế hiện hành	0	0
Thuế hoãn lại (mã 52)	chi phí 40	thu nhập 110, ghi (110)
Chi phí thuế	40	(110)
Lợi nhuận sau thuế	160	310
Tiền thuế nộp trong năm	0	0

Kiểm cộng: 200 trừ (110) là 310; 200 trừ 40 là 160. Cột trái là cùng công ty nếu đã ghi nhận đủ 150 (750 nhân 20%) từ các năm trước: năm nay dùng 200 lỗ nên hoàn nhập 40. Hai cột cùng lợi nhuận trước thuế, cùng tiền thuế nộp, nhưng chênh nhau 150 lợi nhuận sau thuế: phần ghi nhận bổ sung một lần cho lỗ cũ, chưa có đồng tiền nào, chiếm khoảng 48,4% của 310.



Công ty Phúc giả định: lãi sau thuế 310 gồm 160 mức thông thường và 150 ghi nhận bổ sung một lần, tiền thuế nộp bằng 0

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Năm sau, nếu lợi nhuận trước thuế vẫn 200 và dùng thêm 200 lỗ: giữ dự báo thì tài sản thuế hoãn lại giảm từ 110 xuống 70, chi phí thuế hoãn lại 40, lợi nhuận sau thuế 160. Nếu không còn chắc chắn và ghi giảm toàn bộ, tài sản về 0, chi phí thuế hoãn lại 110, lợi nhuận sau thuế chỉ 90, thấp hơn 70, trong khi tiền thuế nộp vẫn bằng 0 ở cả hai.



Hai trường hợp giả định: công ty Hòa chi phí thuế 100 bằng 20% lãi trước thuế; công ty Phúc chi phí thuế âm 110

Số liệu giả định: cùng khung thuế hoãn lại, hai cách đọc khác nhau.

Chiều ngược lại. Khấu hao tính thuế 160 nhanh hơn khấu hao kế toán 100 tạo chênh lệch tạm thời chịu thuế 60, tức thuế hoãn lại phải trả 12: chi phí thuế ghi trước, hoàn nhập khi khấu hao kế toán đuổi kịp.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Hai phần của chi phí thuế.** Đọc riêng thuế hiện hành và thuế hoãn lại; mã 52 trong ngoặc đơn là thu nhập thuế hoãn lại.
2. **Lãi sau thuế so với lãi trước thuế.** Chi phí thuế âm hoặc thấp bất thường là câu hỏi cần mở thuyết minh, chưa phải lỗi.
3. **Số dư mã 272 và 342.** Đặt tài sản thuế hoãn lại cạnh lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu; số có thể đã bù trừ, nên xem từng loại ở thuyết minh (đoạn 58, điểm f).
4. **Thuyết minh thuế.** Đoạn 58 yêu cầu giải trình quan hệ giữa chi phí thuế và lợi nhuận kế toán, lỗ tính thuế chưa sử dụng kể cả phần chưa ghi nhận tài sản (điểm d), và số thuế hoãn lại trong kỳ (điểm g).
5. **Bằng chứng.** Đoạn 59: nếu việc dùng tài sản phụ thuộc lợi nhuận tính thuế vượt phần hoàn nhập chênh lệch chịu thuế và doanh nghiệp từng lỗ, phải trình bày giá trị và bằng chứng ghi nhận.
6. **Thay đổi giữa hai kỳ.** Tài sản thuế hoãn lại tăng hay giảm mạnh, nhất là khi vừa chuyển từ lỗ sang lãi.
7. **Dòng tiền.** Phần thu nhập thuế hoãn lại không có tiền; xem bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy. Khoản tương tự là hoàn nhập dự phòng; khoản một lần khác là thu nhập khác và chi phí khác.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách thuế hiện hành khỏi thuế hoãn lại, đánh dấu kỳ lợi nhuận sau thuế vượt lợi nhuận trước thuế và gợi ý mở thuyết minh thuế; chỉ là công cụ sàng lọc. Khi so biên lợi nhuận qua các kỳ, đọc kèm biên lợi nhuận thay đổi bất thường.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Hòa, công ty Phúc, mọi số liệu, thuế suất 20% và thời hạn lỗ đều là giả định, không phải số thật.
- Ví dụ lược nhiều chi tiết: không có thuế tối thiểu toàn cầu, ưu đãi thuế, thuế ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu hay hết hạn chuyển lỗ từng năm.
- Thuế suất tính tài sản thuế hoãn lại là thuế suất dự tính áp dụng khi thu hồi (đoạn 33), nên đổi thuế suất cũng đổi giá trị ghi sổ (đoạn 42); bài không bàn thuế suất cụ thể và không phải tư vấn thuế.

Đừng nói quá

- Không viết "tài sản thuế hoãn lại là lãi ảo": ở trường hợp thông thường nó khớp chi phí thuế với lợi nhuận kế toán.
- Không viết "chi phí thuế âm là bất thường": doanh nghiệp phục hồi có đủ căn cứ ghi nhận cho lỗ cũ là chuyện bình thường.
- Không suy từ một kỳ ra ý đồ của doanh nghiệp.
- Không dùng 48,4% hay 26% làm ngưỡng; đó chỉ là kết quả của số giả định.

Tín hiệu không phải kết luận

Lợi nhuận sau thuế cao hơn lợi nhuận trước thuế, tài sản thuế hoãn lại tăng vọt khi doanh nghiệp vừa hết lỗ, hoặc tài sản thuế hoãn lại lớn so với vốn chủ sở hữu là tín hiệu để mở thuyết minh thuế và phần bằng chứng, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác, như kinh doanh phục hồi hoặc chênh lệch tạm thời thuần tuý về thời điểm.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các văn bản được đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- VAS 17 (Quyết định 12/2005/QĐ-BTC), các đoạn 03, 13, 14, 16 đến 18, 21 đến 24, 33, 36, 38, 42, 57 đến 59: mức B (bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức, nhiều nguồn khớp nhau); bài nói "theo văn bản chuẩn mực", không khẳng định hiệu lực tuyệt đối.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): tài khoản 243, 347, 821; báo cáo kết quả kinh doanh mã 51, 52, 60; mã 272, 342.
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 67/2025/QH15, Điều 16 khoản 1 (mức A); CFA Institute, "Financial Reporting Quality" (2026): chỉ trang công khai.
- Cách đọc và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Thuế TNDN đã nộp và chi phí thuế vì sao lệch nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Tài sản thuế hoãn lại không hẳn là lãi ghi trước: theo văn bản chuẩn mực VAS 17, đó là thuế sẽ được hoàn lại trong tương lai, gần với thuế nộp trước, trừ sau. Ở trường hợp thông thường, như công ty Hòa giả định trích trước bảo hành 150, tài sản thuế hoãn lại 30 giữ chi phí thuế đúng 20% lợi nhuận trước thuế. Nhưng nó là ước tính, chỉ ghi nhận khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế sau này. Công ty Phúc giả định ghi nhận lần đầu tài sản thuế hoãn lại 110 cho lỗ cũ: lợi nhuận trước thuế 200, tiền thuế nộp bằng 0, nhưng lợi nhuận sau thuế 310; so với 160 nếu đã ghi nhận từ trước, chênh 150 là phần một lần chưa có tiền. Đọc chi phí thuế hoãn lại ở mã 52, tài sản ở mã 272 theo Thông tư 99, rồi mở thuyết minh thuế và phần bằng chứng. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, không phải tư vấn thuế và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thue-hoan-lai-va-tai-san-thue-hoan-lai

Thuế suất hiệu dụng (ETR) là gì, và vì sao có thể khác 20% mà không có gì bất thường?

Câu trả lời ngắn

Thuế suất hiệu dụng (ETR) là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của năm chia cho lợi nhuận kế toán trước thuế; chi phí thuế gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại (VAS 17, đoạn 03). Mốc để so là thuế suất phổ thông 20% của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 (Điều 10). ETR lệch khỏi 20% là chuyện bình thường, vì có nhiều lực kéo: mức thuế riêng theo doanh thu hoặc ưu đãi, dùng lỗ chuyển từ năm trước, thu nhập được miễn thuế, chi phí không được trừ khi tính thuế, và lỗ chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại. Công ty Thảo giả định có ETR 15,0% năm nay, rồi 19,5% năm sau: lợi nhuận trước thuế tăng 5,0% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 0,6%, và không có gì bất thường. ETR chỉ thành câu hỏi khi người đọc không tìm được nguyên nhân trong thuyết minh. Tín hiệu để mở thuyết minh thuế, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.



Thuế suất hiệu dụng bằng chi phí thuế chia lợi nhuận trước thuế, so với mốc 20% và các lực kéo ETR xuống hoặc lên

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

ETR tính từ đâu trên báo cáo

Theo mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Thông tư 99/2025/TT-BTC: tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là mã 50, chi phí thuế TNDN hiện hành là mã 51, chi phí thuế TNDN hoãn lại là mã 52, lợi nhuận sau thuế là mã 60. Công thức, theo cách tính thông thường của Tâm An:

ETR = (mã 51 + mã 52) / mã 50.

Nếu mã 52 là thu nhập thuế hoãn lại (ghi âm) thì nó trừ bớt khỏi tử số. Chuẩn mực kế toán số 17 (VAS 17) gọi tỷ lệ này là "thuế suất hiệu quả bình quân" (đoạn 58, điểm b), yêu cầu doanh nghiệp giải thích quan hệ giữa chi phí thuế và lợi nhuận kế toán. Đoạn 60 nói giải trình này giúp người đọc hiểu mối quan hệ ấy bình thường hay bất thường, và nêu các yếu tố ảnh hưởng: thu nhập được miễn thuế, chi phí không được khấu trừ, lỗ tính thuế và thuế suất ngoài nước.

ETR nằm hoàn toàn ở báo cáo kết quả, khác với thuế đã nộp trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ; vì sao tiền nộp lệch chi phí thuế đã có bài riêng ở tập 74.

Mốc 20% đến từ đâu

Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025 (Điều 19 khoản 1). Điều 10 quy định:

- Thuế suất 20% là mức chung, trừ khoản 2, 3, 4 và đối tượng được ưu đãi về thuế suất theo Điều 13 của Luật.
- 15% cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 3 tỷ đồng; 17% cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trên 3 tỷ đến không quá 50 tỷ đồng.
- Doanh thu để xét hai mức này là của kỳ tính thuế liền kề trước đó. Nghị định 320/2025/NĐ-CP (Điều 11) cho biết tổng doanh thu gồm bán hàng và cung cấp dịch vụ (chưa trừ các khoản giảm trừ), doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, và loại trừ một số công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết khỏi mức 15% và 17% theo điều kiện nêu trong điều đó.

Vì vậy 20% chỉ là mốc phổ thông, không phải mức áp cho mọi doanh nghiệp; chi tiết ưu đãi ở Điều 13 bài không bàn.

Các lực kéo ETR lệch khỏi 20%

Kéo xuống dưới 20%.

1. *Mức thuế riêng.* Doanh nghiệp thuộc khoản 2, 3 Điều 10 hoặc đối tượng ưu đãi chịu mức thấp hơn.
2. *Dùng lỗ chuyển.* Điều 16 khoản 1 cho chuyển lỗ sang năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế, liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ; Nghị định 320 (Điều 7) nói quá 05 năm mà chưa hết thì không được chuyển tiếp. Đây là lực kéo có hạn: hết lỗ, ETR quay về.
3. *Thu nhập được miễn thuế.* Nằm trong lợi nhuận kế toán nhưng không vào thu nhập chịu thuế.

Kéo lên trên 20%.

4. *Chi phí không được trừ.* Khoản ghi là chi phí kế toán nhưng pháp luật thuế không cho trừ khi tính thu nhập chịu thuế.
5. *Lỗ chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại.* Một đơn vị lỗ mà chưa chắc chắn dùng được thì không ghi tài sản thuế hoãn lại (đoạn 13, 16), nên lợi nhuận trước thuế giảm mà thuế không giảm theo. Tập 75 nói riêng về thuế hoãn lại và tài sản thuế hoãn lại.
6. *Thuế bổ sung theo thuế tối thiểu toàn cầu.* Hướng dẫn tài khoản 821 của Thông tư 99 tách chi phí thuế hiện hành theo Luật Thuế TNDN và chi phí thuế bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Kéo cả hai chiều. Công ty con nước ngoài chịu thuế suất khác Việt Nam (đoạn 60 nêu "thuế suất ngoài nước"), và điều chỉnh thuế năm trước được ghi vào chi phí thuế năm phát hiện.

Không kéo ETR: chênh lệch tạm thời đã ghi thuế hoãn lại. Giả sử chi phí trích trước 20 chưa được trừ khi tính thuế. Thuế hiện hành tăng 4 (20% của 20), nhưng tài sản thuế hoãn lại 4 làm chi phí thuế hoãn lại giảm 4. Thuế chỉ chuyển giữa hai dòng; ETR không đổi.

Ví dụ minh hoạ: công ty Thảo giả định, ETR 15%

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Công ty Thảo năm N có lợi nhuận trước thuế 400; thuế theo mức 20% sẽ là 80. Thu nhập chịu thuế: 400, cộng 50 chi phí không được trừ, cộng 20 chi phí trích trước chưa được trừ, trừ 60 thu nhập miễn thuế, trừ 90 lỗ năm trước chuyển vào, bằng 320. Thuế hiện hành 64; thu nhập thuế hoãn lại 4; chi phí thuế 60; lợi nhuận sau thuế 340. ETR bằng 60 chia 400, tức 15,0%.

Cầu nối từ 80 xuống 60:

Bước	Thuế
Thuế theo mức 20% trên 400	80
Thu nhập miễn thuế 60	−12
Chi phí không được trừ 50	+10
Dùng lỗ chuyển 90	−18
Chênh lệch tạm thời 20 (hiện hành +4, hoãn lại −4)	0
Chi phí thuế thực tế	60

Kiểm cộng: 80 trừ 12, cộng 10, trừ 18, bằng 60. Chỉ đọc ETR 15,0% thì dễ tưởng công ty được ưu đãi; cầu nối mới cho thấy lực nào đang làm việc.



Công ty Thảo giả định: thuế theo mức 20% là 80, trừ 12 miễn thuế, cộng 10 chi phí không được trừ, trừ 18 dùng lỗ, còn 60 tức ETR 15%

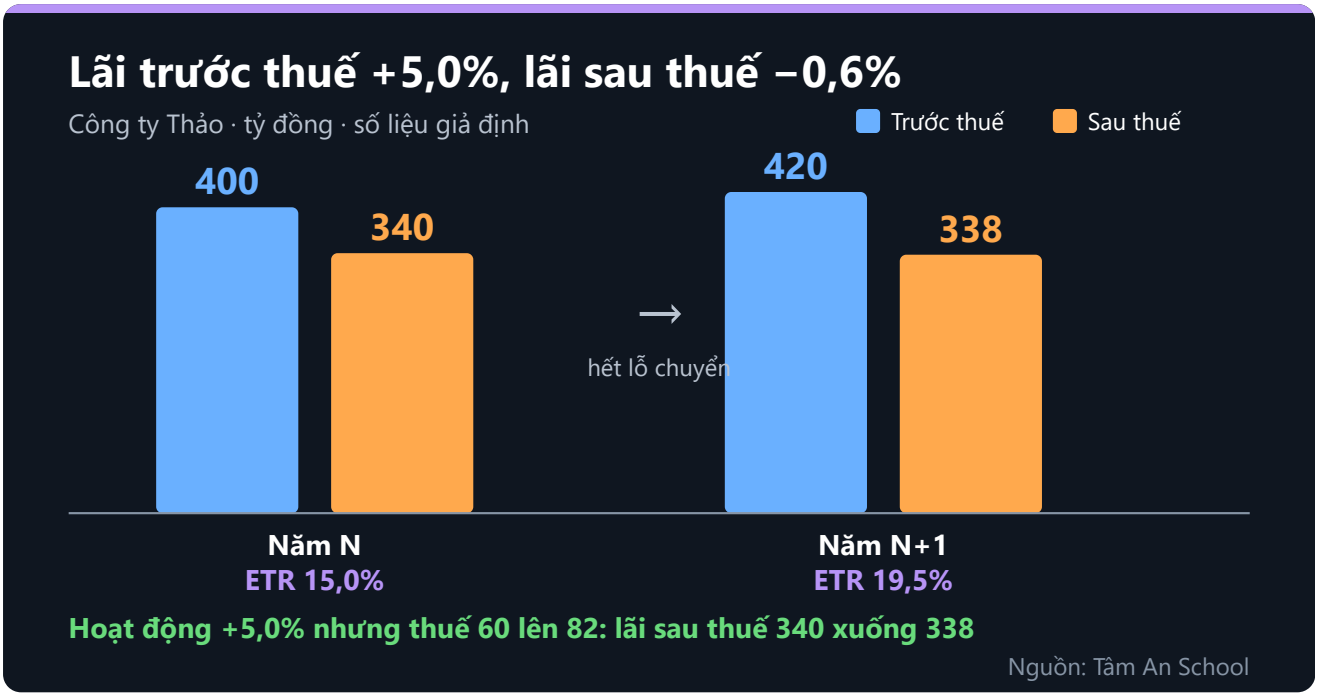
Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Lãi sau thuế 340 gồm phần bền và phần dùng lỗ

Tách theo "có tiền, chưa có tiền, một lần". Trong chi phí thuế 60, thuế hiện hành 64 là số phải nộp; thu nhập thuế hoãn lại 4 chưa phải tiền. Trong 64 ấy, dùng lỗ cũ đã tiết kiệm 18: có tiền, nhưng chỉ một lần và bị giới hạn 05 năm theo Điều 16 khoản 1.

Bỏ riêng phần dùng lỗ: thuế "chuẩn hoá" là 60 cộng 18, bằng 78; ETR chuẩn hoá 19,5%; lợi nhuận sau thuế chuẩn hoá 322. Lợi nhuận sau thuế 340 gồm 322 và 18 nhờ dùng lỗ cũ, phần sau chiếm khoảng 5,3%. Đó là phép tách của Tâm An, không phải dòng trên mẫu báo cáo.

Năm sau, giả sử lợi nhuận trước thuế 420, hết lỗ chuyển, vẫn 50 chi phí không được trừ và 60 thu nhập miễn thuế. Thu nhập chịu thuế 410, thuế 82, ETR 19,5%, lợi nhuận sau thuế 338. Lợi nhuận trước thuế tăng 5,0% (400 lên 420) nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 0,6% (340 xuống 338). Chỉ nhìn lãi sau thuế thì tưởng hoạt động đi ngang; thực ra hoạt động tăng 5,0% và một lực kéo thuế vừa hết.



Công ty Thảo giả định: lợi nhuận trước thuế tăng 5,0% từ 400 lên 420, ETR từ 15,0% lên 19,5%, lợi nhuận sau thuế giảm 0,6% từ 340 xuống 338

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Công ty Vinh giả định: ETR 26%, cũng bình thường

Chiều ngược lại. Công ty Vinh hợp nhất có lợi nhuận trước thuế 300, gồm 350 lãi của các đơn vị còn lại và 50 lỗ của một công ty con; giả định lỗ này không bù được vào thu nhập chịu thuế của đơn vị khác và chưa ghi tài sản thuế hoãn lại. Chi phí không được trừ 40. Thuế theo mức 20% trên 300 là 60; chi phí không được trừ cộng 8; lỗ không được ghi thuế cộng 10. Chi phí thuế 78, ETR 26,0%, lợi nhuận sau thuế 222. Nếu năm sau doanh nghiệp đủ căn cứ ghi tài sản thuế hoãn lại 10 cho khoản lỗ ấy, chi phí thuế còn 68, ETR 22,7%.

Một cạm bẫy: khi lợi nhuận trước thuế rất nhỏ thì ETR méo. Công ty giả định có lợi nhuận trước thuế 10 và chi phí không được trừ 40 chịu thuế 10, ETR 100%: chỉ là mẫu số quá nhỏ. Lợi nhuận trước thuế gần 0 hoặc âm thì ETR không đáng để so.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tính ETR nhiều năm**: chi phí thuế (mã 51 cộng mã 52) chia lợi nhuận trước thuế (mã 50), ít nhất ba năm. Một năm lệch là thường; ETR trôi dần hay nhảy bậc mới đáng mở thuyết minh.
2. **Mở thuyết minh thuế.** Theo VAS 17 đoạn 58, doanh nghiệp giải thích quan hệ giữa chi phí thuế và lợi nhuận kế toán, giải thích thay đổi mức thuế suất so với niên độ trước (điểm c), và trình bày giá trị, ngày đáo hạn nếu có, của lỗ tính thuế chưa sử dụng mà chưa ghi tài sản thuế hoãn lại (điểm d). Đây là nơi tìm cầu nối như bảng của công ty Thảo.
3. **Hỏi ETR năm sau về đâu** nếu bỏ lực kéo có hạn như dùng lỗ chuyển hay ưu đãi hết hạn.
4. **Đặt cạnh lợi nhuận trước thuế.** Khi lợi nhuận sau thuế đi ngược lợi nhuận trước thuế, hãy tách phần do thuế khỏi phần do hoạt động; xem thêm biên lợi nhuận thay đổi bất thường và thu nhập khác và

chi phí khác.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính ETR nhiều kỳ, đánh dấu kỳ ETR lệch xa mốc phổ thông và gợi ý mở thuyết minh thuế; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025, tên và mã nhiều chỉ tiêu đổi. Các mã trong bài là mã mẫu Thông tư 99; với báo cáo theo Thông tư 200, hãy ghép theo tên dòng thực tế.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Thảo, công ty Vinh và mọi con số chỉ để minh hoạ cách đọc, không phải chỉ tiêu hay ngưỡng; mức 20% trong ví dụ lấy cho đơn giản. Phép "chuẩn hoá bỏ phần dùng lỗ" là cách tách của Tâm An.
- Bài không phải tư vấn thuế và không bàn cách tính thu nhập chịu thuế, danh mục chi phí được trừ, ưu đãi theo đối tượng, thuế suất ngoài nước hay thuế tối thiểu toàn cầu. Quy định thuế có thể đổi; hãy đối chiếu văn bản hiện hành.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "ETR thấp hơn 20% nghĩa là trốn thuế" hay "ETR cao hơn 20% nghĩa là kế toán sai": mỗi chiều có nguyên nhân hợp lý.
- Không dùng 15,0%, 19,5% hay 26,0% làm ngưỡng; đó là số giả định. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

ETR thấp rất lâu so với mốc phổ thông, ETR nhảy bậc giữa hai năm, hay lợi nhuận sau thuế đi ngược lợi nhuận trước thuế đều là tín hiệu để mở thuyết minh thuế và tìm cầu nối, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác, như dùng lỗ chuyển, thu nhập miễn thuế hay chi phí không được trừ. Chỉ cơ quan thuế và kiểm toán độc lập mới đủ căn cứ kết luận.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; luật và nghị định được đối chiếu nguyên văn ngày 26/10/2026.

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Điều 10, Điều 16 khoản 1, Điều 19 khoản 1 (Công báo 965 + 966, mức A); Điều 10 và Điều 16 trong văn bản hợp nhất 113/VBHN-VPQH giống bản gốc. Nghị định 320/2025/NĐ-CP, Điều 7 và Điều 11 (Công báo, mức A).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (mức A): báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mã 50, 51, 52, 60; hướng dẫn tài khoản 821.
- Chuẩn mực kế toán số 17 (đoạn 03, 13, 16, 58, 60): bản sao nguyên văn trong gói nguồn (mức B), nói theo văn bản chuẩn mực. Bản sao đoạn 62 viết tỷ lệ theo chiều ngược (lợi nhuận kế toán chia cho chi phí thuế), nên bài không lấy đoạn 62 làm công thức.

- Công thức ETR, cầu nối, phép chuẩn hoá và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Thuế hoãn lại và tài sản thuế hoãn lại

Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Thuế suất hiệu dụng (ETR) bằng chi phí thuế (mã 51 cộng mã 52 theo mẫu Thông tư 99) chia lợi nhuận trước thuế (mã 50); VAS 17 gọi là thuế suất hiệu quả bình quân. Mốc để so là 20% của Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 (Điều 10), nhưng có mức 15% và 17% theo doanh thu năm trước liền kề, mức ưu đãi và mức riêng. ETR lệch 20% do dùng lỗ chuyển (Điều 16 khoản 1, tối đa 05 năm liên tục), thu nhập miễn thuế, chi phí không được trừ, lỗ chưa ghi tài sản thuế hoãn lại; chênh lệch tạm thời đã ghi thuế hoãn lại chỉ chuyển thuế giữa hai dòng. Công ty Thảo giả định (tỷ đồng): lãi trước thuế 400, thuế theo mức 20% là 80, trừ 12 miễn thuế, cộng 10 chi phí không được trừ, trừ 18 dùng lỗ, còn 60: ETR 15,0%, lãi sau thuế 340 gồm 322 và 18 nhờ dùng lỗ cũ. Năm sau hết lỗ: lãi trước thuế 420 (+5,0%), ETR 19,5%, lãi sau thuế 338 (−0,6%). Công ty Vinh giả định có ETR 26,0% vì chi phí không được trừ và lỗ công ty con chưa ghi thuế hoãn lại. Cách đọc: tính ETR nhiều năm, mở thuyết minh thuế, hỏi ETR về đâu khi lực kéo có hạn hết. ETR lệch chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp; không phải tư vấn thuế hay khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thue-suat-hieu-dung-la-gi-va-vi-sao-co-the-khac-20-ma

Lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ khác nhau thế nào, và vì sao cổ đông nên nhìn con số nào?

Câu trả lời ngắn

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là lãi của cả tập đoàn, tính như một doanh nghiệp độc lập: báo cáo cộng đủ kết quả của các công ty con, kể cả khi công ty mẹ chỉ nắm một phần vốn. Phần thuộc cổ đông công ty mẹ là phần còn lại sau khi tách riêng phần của cổ đông không kiểm soát, tức các cổ đông khác của công ty con. Người giữ cổ phiếu công ty mẹ nên đọc dòng thứ hai trước, vì theo văn bản chuẩn mực kế toán số 30 (VAS 30), lãi cơ bản trên cổ phiếu tính từ lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của công ty mẹ; con số hợp nhất vẫn cần để hiểu cả tập đoàn. Trong ví dụ giả định dưới đây, tập đoàn Nghĩa có lợi nhuận sau thuế hợp nhất 700 nhưng chỉ 530 thuộc cổ đông công ty mẹ: chia nhầm 700 cho số cổ phiếu ra 7.000 đồng một cổ phiếu thay vì 5.300 đồng. Đó là tín hiệu để mở báo cáo, chưa phải kết luận.



Tập đoàn Nghĩa giả định: lợi nhuận sau thuế hợp nhất 700 gồm 530 thuộc cổ đông công ty mẹ và 170 thuộc cổ đông không kiểm soát

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Hợp nhất cộng đủ 100%, rồi mới tách

Theo VAS 25 (đoạn 12), khi hợp nhất, báo cáo của công ty mẹ và các công ty con được cộng theo từng khoản mục: tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí. Sau đó loại trừ khoản đầu tư của mẹ vào con, số dư và giao dịch nội bộ, kể cả cổ tức nội bộ (đoạn 14, 15), để trình bày tập đoàn như một doanh nghiệp độc lập (đoạn 06). Vì vậy công ty con mà mẹ chỉ sở hữu 60% vẫn được cộng 100% doanh thu và chi phí.

Bước tiếp theo là tách. Đoạn 12(b) viết rằng lợi ích của cổ đông thiểu số trong thu nhập thuần của công ty con bị hợp nhất được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn, để tính lãi hoặc lỗ thuần xác định cho những đối tượng sở hữu công ty mẹ. Đoạn 23 yêu cầu phần của họ trong thu nhập trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Về tên gọi: VAS 25 dùng "cổ đông thiểu số", còn Thông tư 202/2014/TT-BTC ghi "cổ đông không kiểm soát (trước đây gọi là cổ đông thiểu số)" (Điều 2, khoản 10). Thông tư 202/2014 đã được Thông tư 43/2026/TT-BTC sửa đổi (áp dụng từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026). Theo Điều 13 mới, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất có thêm hai dòng "Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ" (mã 61) và "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát" (mã 62); báo cáo tình hình tài chính hợp nhất có dòng "Lợi ích cổ đông không kiểm soát" (mã 429), thuộc phần vốn chủ sở hữu. Mã này chỉ cho kỳ từ năm tài chính 2026; báo cáo năm 2025 theo mã Thông tư 200, bài không nêu. VAS 25 không có đúng cụm "lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ" (đoạn 12(b) viết "đối tượng sở hữu công ty mẹ"; VAS 30 viết "phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ"), nên bài gọi theo tên dòng báo cáo; tên dòng thật có thể hơi khác, hãy đối chiếu báo cáo.

Ví dụ minh hoạ: tập đoàn Nghĩa giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Ví dụ bỏ qua giao dịch nội bộ, lợi thế thương mại và cổ phiếu ưu đãi; tập đoàn có 100 triệu cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân. Công ty mẹ Nghĩa có lãi sau thuế riêng 300 (chưa tính cổ tức nhận từ công ty con). Công ty con Hiếu, mẹ sở hữu 60%, lãi 500. Công ty con Tuệ, mẹ sở hữu 70%, lỗ 100.

Đơn vị	Lãi (lỗ) sau thuế	Mẹ sở hữu	Phần công ty mẹ	Phần không kiểm soát
Công ty mẹ Nghĩa (riêng)	300		300	0
Công ty con Hiếu	500	60%	300	200
Công ty con Tuệ	(100)	70%	(70)	(30)
Hợp nhất	700		530	170

Kiểm cộng: 300 cộng 500 trừ 100 là 700; 300 cộng 300 trừ 70 là 530; 200 trừ 30 là 170. Hiếu đóng góp 500 vào lãi hợp nhất, nhưng 40% của nó, tức 200, thuộc cổ đông khác của Hiếu. Tuệ lỗ 100: mẹ gánh 70, cổ đông không kiểm soát gánh 30, nên phần không kiểm soát giảm từ 200 xuống 170. Phần thuộc cổ đông công ty mẹ là 530, bằng 75,7% lợi nhuận hợp nhất.

Lãi trên cổ phiếu. Theo VAS 30 (đoạn 07, 08), lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, chia cho số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ; đoạn 10 nói số này còn điều chỉnh cho cổ tức cổ phiếu ưu đãi (ví dụ không có). Doanh nghiệp lập cả báo cáo riêng và hợp nhất thì chỉ trình bày lãi trên cổ phiếu ở báo cáo hợp nhất (đoạn 03). Ở tập đoàn Nghĩa: 530 tỷ đồng chia 100 triệu cổ phiếu là 5.300 đồng. Lấy nhầm 700 thì ra 7.000 đồng, cao hơn 32,1%; phần chênh đến từ 170 thuộc người khác.

Qua hai năm. Giả sử năm sau lãi của Hiếu tăng từ 500 lên 700, còn công ty mẹ và Tuệ giữ nguyên.

Chỉ tiêu	Năm đầu	Năm sau	Thay đổi
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	700	900	+28,6%
Phần công ty mẹ	530	650	+22,6%
Phần không kiểm soát	170	250	+47,1%
Phần công ty mẹ / hợp nhất	75,7%	72,2%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	5.300	6.500	+22,6%

Lãi hợp nhất tăng 28,6% nhưng lãi phần mẹ chỉ tăng 22,6%: mỗi 200 tăng thêm của Hiếu, mẹ hưởng 120 và cổ đông không kiểm soát hưởng 80. Lãi trên cổ phiếu tăng đúng 22,6%, theo phần mẹ chứ không theo con số hợp nhất.



Tập đoàn Nghĩa giả định: lãi hợp nhất tăng 28,6% nhưng phần công ty mẹ chỉ tăng 22,6%, tỷ trọng phần mẹ giảm từ 75,7% xuống 72,2%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Phần của cổ đông mẹ đã có tiền chưa? Tách 530 của năm đầu theo tiền. Phần của mẹ trong lãi hai công ty con là 300 trừ 70, bằng 230. Giả sử Hiếu chia cổ tức tiền mặt 250: mẹ nhận 150, cổ đông không kiểm soát nhận 100. Trong 530 có 150 đã về công ty mẹ bằng tiền cổ tức và 80 còn nằm lại ở các công ty con (150 chưa chia của Hiếu trừ 70 lỗ của Tuệ); 300 còn lại là lãi hoạt động riêng của mẹ, giả định coi như đã thu tiền. Ở báo cáo hợp nhất, cổ tức nội bộ 150 bị loại trừ (VAS 25, đoạn 15) nên không bị đếm hai lần. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chỉ phản ánh luồng tiền giữa tập đoàn và bên ngoài, không phản ánh luồng tiền nội bộ giữa mẹ và con (Thông tư 202, Điều 69, khoản 1); theo cách đọc của Tâm An, 100 cổ tức trả cổ đông không kiểm soát là tiền ra ngoài tập đoàn.



Tập đoàn Nghĩa giả định: 530 thuộc cổ đông công ty mẹ gồm 300 lãi riêng của mẹ, 150 cổ tức đã về mẹ và 80 còn nằm ở các công ty con

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Thêm một lớp nữa: nếu trong 500 của Hiếu có 100 là hoàn nhập dự phòng một lần (sau thuế, giả định), mẹ chỉ hưởng 60 trong đó; lãi phần mẹ từ phần còn lại là 470 thay vì 530, tức 4.700 đồng một cổ phiếu. Khoản một lần ở công ty con cũng chia theo tỷ lệ sở hữu.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Hai dòng tách.** Tìm lợi nhuận sau thuế hợp nhất, rồi dòng phần công ty mẹ và dòng phần cổ đông không kiểm soát; kiểm cộng hai phần ra tổng.
2. **Tỷ trọng phần mẹ.** Chia lợi nhuận phần mẹ cho lợi nhuận hợp nhất qua nhiều kỳ; thay đổi mạnh là câu hỏi, chưa phải lỗi.
3. **Tỷ lệ sở hữu.** Thuyết minh nêu danh sách công ty con quan trọng và tỷ lệ lợi ích của mẹ (VAS 25, đoạn 28, điểm a); xem công ty con nào lãi lớn mà mẹ sở hữu thấp.
4. **Dấu của phần không kiểm soát.** Công ty con lỗ làm phần không kiểm soát giảm; nếu tổng phần này âm, phần công ty mẹ lớn hơn lợi nhuận hợp nhất.
5. **Lãi trên cổ phiếu.** Báo cáo kết quả kinh doanh kết thúc bằng lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (chỉ công ty cổ phần). Thuyết minh có bản đối chiếu lợi nhuận phân bổ cho công ty mẹ và số cổ phiếu bình quân gia quyền (VAS 30, đoạn 67).
6. **Cùng phạm vi.** Vốn chủ sở hữu hợp nhất đã gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát, nên khi tính tỷ suất, tử số và mẫu số nên cùng phạm vi (cách đọc của Tâm An, không phải quy định).
7. **Tiền và khoản một lần.** Phần mẹ chưa có nghĩa là đã thu tiền, xem mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy. Khoản một lần ở công ty con chia theo tỷ lệ sở hữu: xem hoàn nhập dự phòng và thu nhập khác và chi phí khác. Xem thêm lợi nhuận từ hoạt động chính.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính tỷ lệ lợi nhuận phần công ty mẹ trên lợi nhuận hợp nhất theo từng kỳ, đặt cạnh tỷ lệ sở hữu các công ty con trong thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc. Khi so biên lợi nhuận qua các kỳ, ghi rõ dùng lãi hợp nhất hay phần mẹ, kèm bài biên lợi nhuận thay đổi bất thường.

Điểm cần cẩn trọng

- Tập đoàn Nghĩa, công ty Hiếu, công ty Tuệ, mọi số liệu, tỷ lệ sở hữu, số cổ phiếu và cổ tức đều là giả định, không phải số thật.
- Ví dụ lược nhiều chi tiết: không giao dịch nội bộ, lợi thế thương mại, mua bán công ty con, công ty liên kết.
- Khi công ty con lỗ lớn hơn vốn của cổ đông không kiểm soát, VAS 25 (đoạn 24) và Thông tư 202 (Điều 21, khoản 2, không bị Thông tư 43/2026 sửa) nêu cách xử lý khác nhau; bài chỉ lấy ví dụ lỗ nhỏ chia theo tỷ lệ.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ phiếu ưu đãi có thể làm số tính lãi trên cổ phiếu khác lợi nhuận phần mẹ. Thông tư 43/2026 (Điều 25, khoản 2) nêu cách điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát khi công ty con đã trích quỹ; bài chưa đối chiếu việc trừ quỹ trong lãi trên cổ phiếu, hãy đọc thuyết minh thay vì tự tính lại.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính, không áp dụng cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.

Đừng nói quá

- Không viết "lợi nhuận hợp nhất là con số ảo": nó đúng quy tắc hợp nhất và cần cho việc hiểu cả tập đoàn.
- Không viết "chỉ phần công ty mẹ mới đáng xem": tiền, nợ và tài sản của công ty con vẫn thuộc tập đoàn.
- Không suy từ một kỳ tỷ trọng phần mẹ giảm ra ý đồ hay chất lượng của doanh nghiệp.
- Không dùng 75,7%, 72,2% hay 32,1% làm ngưỡng; đó chỉ là kết quả của số giả định.

Tín hiệu không phải kết luận

Tỷ trọng phần công ty mẹ giảm liên tục, hay lãi trên cổ phiếu tăng chậm hơn lãi hợp nhất, là tín hiệu để mở thuyết minh về các công ty con quan trọng, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác, như đối tác chiến lược nắm phần thiểu số của công ty con hoạt động tốt, hoặc công ty con lỗ làm phần không kiểm soát giảm.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các văn bản được đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- VAS 25 (Quyết định 234/2003/QĐ-BTC), các đoạn 03, 06, 12, 14, 15, 23, 24, 28; VAS 30 (Quyết định 100/2005/QĐ-BTC), các đoạn 03, 07, 08, 10, 67: mức B (bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức); bài nói "theo văn bản chuẩn mực", không khẳng định hiệu lực tuyệt đối.

- Thông tư 202/2014/TT-BTC (Công báo số 271+272, 273+274, phần thân, mức A): Điều 2 khoản 10, Điều 3, 11, 21, 69. Thông tư 43/2026/TT-BTC (20/04/2026, hiệu lực từ ngày ký) sửa Điều 13, khoản 2 Điều 25 và thay mẫu hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026: mức A- (bản scan có chữ ký số, chưa thấy trên Công báo). Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo, mức A): Điều 16 khoản 3.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality" (2026): chỉ trang công khai, dùng làm khung chung.
- Cách đọc và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ khác nhau ở phần cổ đông không kiểm soát: báo cáo hợp nhất cộng đủ kết quả công ty con, rồi tách riêng phần của các cổ đông khác của công ty con. Trong ví dụ giả định, tập đoàn Nghĩa có lợi nhuận sau thuế hợp nhất 700, gồm 530 thuộc cổ đông công ty mẹ và 170 thuộc cổ đông không kiểm soát. Theo văn bản chuẩn mực VAS 30, lãi cơ bản trên cổ phiếu tính trên phần phân bổ cho cổ đông phổ thông của công ty mẹ: 5.300 đồng, không phải 7.000 đồng nếu chia nhầm con số hợp nhất. Năm sau lãi hợp nhất tăng 28,6% nhưng phần công ty mẹ chỉ tăng 22,6%, vì lãi dồn vào công ty con mà mẹ sở hữu 60%. Trong 530 có 150 đã về mẹ bằng cổ tức và 80 còn nằm ở các công ty con. Đọc hai dòng tách trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, tỷ trọng phần mẹ qua các kỳ và danh sách công ty con trong thuyết minh. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/loi-nhuan-hop-nhat-va-loi-nhuan-thuoc-co-dong-cong-ty-me-khac

Báo cáo tài chính hợp nhất khác báo cáo riêng của công ty mẹ ở đâu? Nên đọc báo cáo nào?

Câu trả lời ngắn

Hai báo cáo nói về hai đối tượng khác nhau. Báo cáo tài chính riêng chỉ nói về pháp nhân công ty mẹ: khoản đầu tư vào công ty con nằm trên đó theo giá gốc, và lãi của công ty con chỉ vào lãi của mẹ khi được chia cổ tức. Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày cả tập đoàn như một doanh nghiệp độc lập: cộng số liệu của mẹ và các công ty con, rồi loại trừ khoản đầu tư và giao dịch nội bộ. Công ty mẹ đại chúng phải công bố cả hai. Muốn biết quy mô, lãi và nợ của tập đoàn, đọc hợp nhất; muốn biết pháp nhân mẹ lấy tiền từ đâu để trả nợ và chia cổ tức, đọc báo cáo riêng; thường cần cả hai. Trong ví dụ giả định dưới đây, lãi riêng của mẹ tăng 50% còn lãi hợp nhất chỉ tăng 9%: hai bộ số đo hai thứ khác nhau. Đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Hai bộ báo cáo, hai câu hỏi: báo cáo riêng của công ty mẹ nói về pháp nhân mẹ, báo cáo hợp nhất nói về cả tập đoàn

Sơ đồ khái niệm.

Hai báo cáo, hai đối tượng

Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 25 (VAS 25, đoạn 03), báo cáo hợp nhất là báo cáo của tập đoàn, gồm công ty mẹ và các công ty con, được trình bày như báo cáo của một doanh nghiệp. Thông tư 202/2014/TT-BTC (Điều 3) viết thêm: không tính đến ranh giới pháp lý của từng pháp nhân.

Câu hỏi	Báo cáo riêng của mẹ	Báo cáo hợp nhất
Nói về ai	Pháp nhân mẹ	Cả tập đoàn
Đầu tư vào công ty con	Giữ trên báo cáo, theo giá gốc (VAS 25, đoạn 26)	Loại trừ, thay bằng tài sản và nợ của công ty con (đoạn 12)
Lãi của công ty con	Chỉ vào lãi của mẹ khi chia cổ tức	Đưa vào từ ngày mua đến ngày thanh lý (đoạn 20)
Giao dịch mẹ với con	Còn nguyên	Loại trừ toàn bộ, kể cả lãi nội bộ chưa thực hiện (đoạn 14, 15)
Dòng tiền	Gồm cả dòng tiền với công ty con	Chỉ dòng tiền với bên ngoài tập đoàn (Thông tư 202, Điều 69)

Theo Thông tư 202 (Điều 11), hợp nhất là hợp cộng chỉ tiêu của mẹ và các công ty con, loại trừ khoản đầu tư của mẹ, phân bổ lợi thế thương mại, tách lợi ích của cổ đông không kiểm soát và loại trừ giao dịch nội bộ. Lãi chưa thực hiện là lãi đã ghi khi một đơn vị bán cho đơn vị khác trong tập đoàn, trong lúc hàng vẫn còn nằm trong tập đoàn.

Thông tư 202/2014/TT-BTC đã được Thông tư 43/2026/TT-BTC sửa đổi, áp dụng cho báo cáo hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026; báo cáo năm 2025 vẫn theo Thông tư 202 gốc. Theo Điều 13 sau sửa đổi, báo cáo hợp nhất dùng mẫu của doanh nghiệp độc lập và bổ sung các chỉ tiêu: lợi thế thương mại (mã 279) và lợi ích cổ đông không kiểm soát (mã 429) ở báo cáo tình hình tài chính; phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết (27), lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (61) và của cổ đông không kiểm soát (62) ở báo cáo kết quả kinh doanh. Các mã này chỉ dùng cho kỳ từ năm tài chính 2026; kỳ 2025 theo bảng mã Thông tư 200, nên ghép hai kỳ theo tên dòng. Thông tư 99/2025/TT-BTC không có mẫu hợp nhất (Điều 16, khoản 3); Thông tư 43 bổ sung mẫu theo mã Thông tư 99. Việc chia lãi hợp nhất cho hai nhóm cổ đông nằm ở bài lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ.

Công ty mẹ phải công bố cả hai bộ

Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1 điểm a: công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác phải công bố hai báo cáo, báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất. Mức đảm bảo từng loại báo cáo: bài báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào.

Ba trường hợp dễ nhầm: - **Công ty không có công ty con** chỉ có một bộ báo cáo. - **Báo cáo tổng hợp khác hợp nhất.** Doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc phải tổng hợp số liệu của trụ sở chính và các đơn vị đó (Thông tư 99, Điều 16, khoản 2): đó là gộp các bộ phận của một pháp nhân, chưa phải hợp nhất các pháp nhân. - **Gọi đúng tên bản đang đọc.** Thông tư 99 (Phụ lục IV, mục 2.A) yêu cầu phần thông tin chung nêu rõ đây là báo cáo riêng, tổng hợp hay hợp nhất.

Hợp nhất làm gì với con số

Theo VAS 25 (đoạn 14, 15), số dư và giao dịch nội bộ, gồm doanh thu, chi phí và cổ tức, phải loại trừ toàn bộ; lãi chưa thực hiện nằm trong hàng tồn kho hay tài sản cố định cũng vậy. Ở báo cáo riêng, tiền thu cổ tức từ công ty con là tiền thật, nhưng với doanh nghiệp không phải ngân hàng, nó được xếp vào luồng

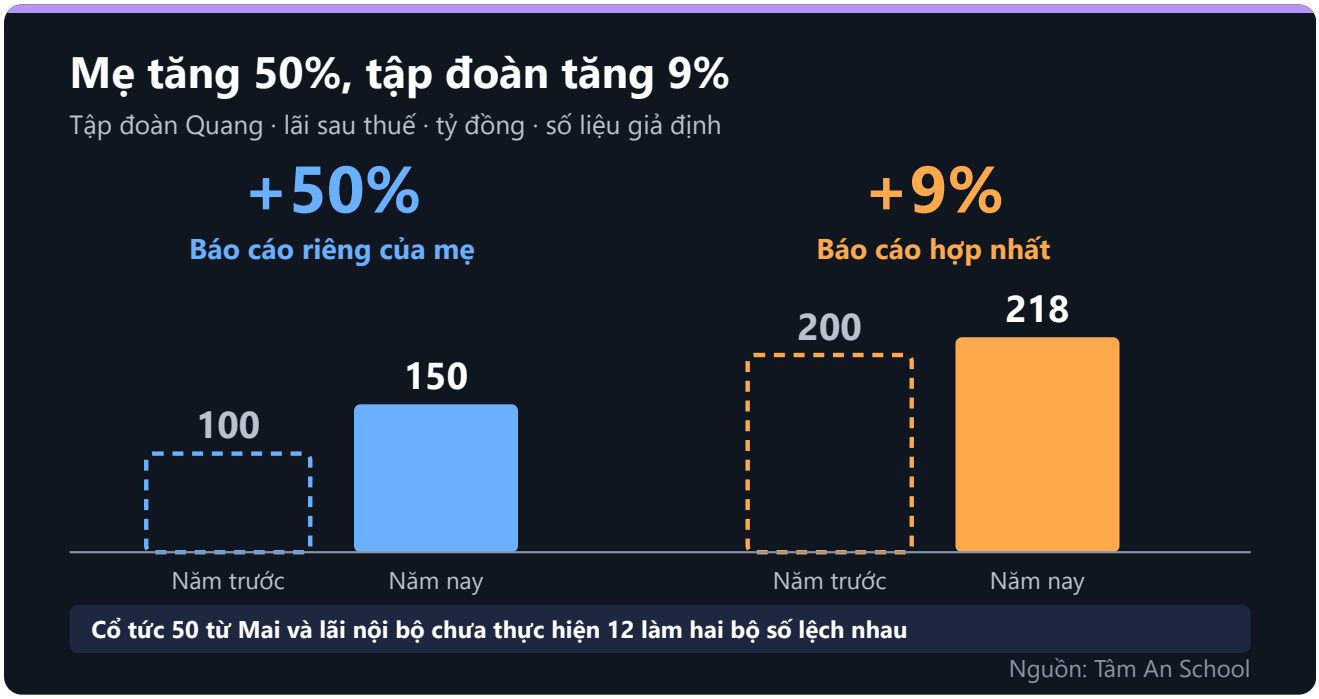
đầu tư (VAS 24, đoạn 22, theo bản sao văn bản chuẩn mực), không phải luồng kinh doanh; cổ tức đã công bố chưa nhận nằm ở phải thu khác (Thông tư 99). Chất lượng lãi nói chung: bài trụ cột chất lượng lợi nhuận là gì.

Ví dụ minh hoạ: tập đoàn Quang giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Mẹ Quang sở hữu 100% hai công ty con Mai và Tùng (không có cổ đông không kiểm soát), không lợi thế thương mại, bỏ qua thuế trên bút toán loại trừ. Năm nay mẹ bán cho Tùng một lô hàng giá 100, giá vốn 70, lãi 30; cuối năm Tùng bán ra ngoài 60%, còn 40% tồn kho. Mai chia cổ tức 50 cho mẹ: đã nhận tiền 30, còn phải thu 20; năm trước không chia.

Lãi sau thuế	Mẹ (riêng)	Mai	Tùng	Cộng	Loại trừ	Hợp nhất
Năm trước	100	80	20	200	0	200
Năm nay	150	90	40	280	(62)	218
Thay đổi	+50,0%					+9,0%

Phần loại trừ 62 gồm cổ tức nội bộ 50, vì lãi 90 của Mai đã được tính một lần, và lãi nội bộ chưa thực hiện 12, tức 40% của 30, còn nằm trong tồn kho của Tùng. Kiểm từ dưới lên: 70 cộng 18 cộng 90 cộng 40 bằng 218.



Tập đoàn Quang giả định: lãi riêng của mẹ tăng 50% từ 100 lên 150, lãi hợp nhất chỉ tăng 9% từ 200 lên 218

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Tách lãi riêng 150 của mẹ:

Nguồn	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Trạng thái
Bán ngoài (70) và phần đã thực hiện của lô bán cho Tùng (18)	88	58,7%	Đã ra ngoài tập đoàn
Lãi lô bán cho Tùng còn trong tồn kho	12	8,0%	Nội bộ, chưa thực hiện
Cổ tức nhận từ Mai	50	33,3%	Lãi của con đi lên mẹ: tiền 30, phải thu 20

Kiểm cộng: 88 cộng 12 cộng 50 bằng 150. Chỉ 88 là lãi đã đến tay bên ngoài tập đoàn; 50 là lãi đã tính ở Mai, nay đi lên mẹ. Vì thế lãi riêng của mẹ nhảy 50% còn lãi cả tập đoàn chỉ tăng 9%.



Tập đoàn Quang giả định: lãi riêng của mẹ 150 gồm 88 đã ra ngoài tập đoàn, 12 nội bộ chưa thực hiện và 50 cổ tức từ công ty con

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Doanh thu, vay và tiền. Doanh thu riêng của mẹ 500 (400 bán ngoài, 100 bán cho Tùng); ba đơn vị cộng lại 1.340; loại trừ 100 bán nội bộ, doanh thu hợp nhất 1.240. Giả định thêm: tiền của mẹ, Mai, Tùng là 60, 90, 50 (hợp nhất 200); vay là 300, 120, 60 (hợp nhất 480). Báo cáo hợp nhất cho thấy tập đoàn vay 480, không phải 300. Báo cáo riêng cho thấy khoản vay 300 đứng tên mẹ cùng nguồn trả của chính mẹ: 60 tiền hiện có, 30 tiền cổ tức đã nhận và dòng tiền riêng. Số tiền 140 ở Mai và Tùng thuộc tập đoàn nhưng chưa nằm trong tay pháp nhân mẹ (cách đọc của Tâm An).

Khi nào đọc bản nào

- **Sức khoẻ, quy mô, biên lợi nhuận của tập đoàn:** báo cáo hợp nhất, vì đã loại phần nội bộ.
- **Pháp nhân mẹ trả nợ và chia cổ tức:** báo cáo riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng (cách đọc của Tâm An).

- **Giá trị khoản đầu tư vào công ty con:** ở báo cáo riêng ghi theo giá gốc, không cho biết công ty con làm ăn ra sao.
- **Nợ phân bổ giữa mẹ và con, hoặc lãi riêng nhảy mạnh:** đọc cả hai bản cạnh nhau. Thông tư 96 (Điều 14, khoản 5) cho công ty mẹ giải trình biến động lợi nhuận trên cơ sở báo cáo của mẹ hoặc báo cáo tổng hợp và hợp nhất; bài này không bàn điều kiện kích hoạt ngưỡng.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Gọi đúng tên bản đang đọc**, và xem báo cáo kiểm toán đi kèm nói về bộ số nào; về đoạn nhấn mạnh xem bài đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào.
2. **Không trộn hai bản khi so kỳ:** lãi riêng kỳ này đừng so với lãi hợp nhất kỳ trước.
3. **Trên báo cáo riêng:** tìm dòng đầu tư vào công ty con, doanh thu hoạt động tài chính (nơi thường chứa cổ tức) và phải thu khác về cổ tức.
4. **Trên báo cáo hợp nhất:** xem danh sách công ty con và thuyết minh mua, thanh lý công ty con; phạm vi đổi thì hai kỳ không so trực tiếp được.
5. **Tách cổ tức khỏi lãi riêng của mẹ**, như phép tách 88, 12 và 50, rồi đặt vay và tiền hai bản cạnh nhau.

Áp dụng cho từng mã. Khi có cả báo cáo riêng và hợp nhất của một doanh nghiệp, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt hai bộ số cạnh nhau, tách cổ tức khỏi lãi riêng của mẹ và đánh dấu kỳ lãi riêng lệch xa lãi hợp nhất; chỉ là công cụ sàng lọc. Lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau vì sao, xem bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Quang, Mai, Tùng và mọi số liệu đều là giả định, không phải số thật.
- Ví dụ lược: sở hữu 100%, không lợi thế thương mại, không thuế trên bút toán loại trừ, không công ty liên kết.
- Cổ tức của giai đoạn trước ngày đầu tư ghi giảm giá gốc khoản đầu tư, không ghi vào doanh thu; ví dụ chỉ nói giai đoạn sau.
- Mã hợp nhất nêu trên chỉ cho kỳ từ năm tài chính 2026; năm 2025 theo mã Thông tư 200.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; VAS 24, VAS 25 trích theo bản sao văn bản chuẩn mực (mức B).

Đừng nói quá

- Không viết "báo cáo riêng không quan trọng": nó trả lời câu hỏi về pháp nhân mẹ mà bản hợp nhất không trả lời.
- Không viết "lãi riêng tăng mạnh hơn lãi hợp nhất là có vấn đề": lịch chia cổ tức có thể là lý do.
- Không dùng 50%, 9% hay 58,7% làm ngưỡng; đó chỉ là kết quả của số giả định.
- Kiểm toán không phải bảo đảm tuyệt đối: xem bài kiểm toán có đảm bảo không có sai sót không.

Tín hiệu không phải kết luận

Lãi riêng của mẹ tăng giảm mạnh trong khi lãi hợp nhất gần như đứng yên, hay vay hợp nhất lớn hơn nhiều vay riêng, là tín hiệu để đặt hai bộ báo cáo cạnh nhau và mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác, như lịch chia cổ tức hay phạm vi hợp nhất đổi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các văn bản được đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC (Công báo, mức A): Điều 10, 14. Các thông tư sửa đổi không sửa các điều này: mức B, theo các văn bản đã đối chiếu.
- Thông tư 202/2014/TT-BTC (Công báo, mức A, thân thông tư): Điều 3, 5, 11, 69 (không bị sửa nội dung). Thông tư 43/2026/TT-BTC (bản scan có chữ ký số, mức A-): Điều 13 và mẫu hợp nhất mới; chưa đọc kỹ Điều 73 đến 75, mẫu B03, B09 hợp nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo 16/11/2025, mức A): Điều 16; Phụ lục IV mục 2.A.
- Chuẩn mực kế toán số 25 và số 24, theo bản sao văn bản: mức B.
- Cách đọc và số liệu ví dụ là của Tâm An, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ khác nhau thế nào
- Báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không có sai sót không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Báo cáo riêng nói về pháp nhân công ty mẹ, báo cáo hợp nhất nói về cả tập đoàn; công ty mẹ đại chúng phải công bố cả hai theo Thông tư 96, Điều 10. Khoản đầu tư vào công ty con ở báo cáo riêng ghi theo giá gốc, còn báo cáo hợp nhất loại trừ khoản đó và các giao dịch nội bộ. Ví dụ giả định tập đoàn Quang: lãi sau thuế riêng của mẹ tăng từ 100 lên 150, tức 50%, nhưng lãi hợp nhất chỉ tăng từ 200 lên 218, tức 9%. Trong 150 lãi riêng, 88 đã ra ngoài tập đoàn, 12 là lãi nội bộ chưa thực hiện và 50 là cổ tức từ công ty con. Vay hợp nhất là 480 trong khi vay riêng của mẹ là 300. Muốn biết sức khoẻ cả tập đoàn thì đọc hợp nhất; muốn biết pháp nhân mẹ trả nợ và chia cổ tức bằng nguồn nào thì đọc báo cáo riêng; thường cần cả hai. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-khac-bao-cao-rieng-cua-cong-ty-me

Lãi từ công ty liên kết, liên doanh: ghi vào lãi ngay nhưng tiền chỉ về khi được chia cổ tức

Câu trả lời ngắn

Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 7 (VAS 07), khi lập báo cáo hợp nhất, nhà đầu tư ghi khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu: giá trị khoản đầu tư tăng theo phần lãi nhà đầu tư được hưởng, và phần lãi ấy vào báo cáo kết quả kinh doanh ngay năm có lãi, dù công ty liên kết chưa chia đồng nào. Tiền chỉ về khi công ty liên kết chia cổ tức, và lúc đó cổ tức không phải thu nhập thêm: nó được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Vì vậy lãi liên kết lớn hơn cổ tức nhận được là khoảng cách có lý do, không tự nó là điều bất thường. Trong ví dụ giả định dưới đây, công ty Lộc ghi phần lãi liên kết 84 tỷ đồng nhưng chỉ nhận 21 tỷ đồng tiền. Liên doanh được xử lý tương tự theo chuẩn mực số 8.



Công ty Lộc giả định: phần lãi từ công ty liên kết 84, cổ tức nhận 21, khoản đầu tư tăng từ 420 lên 483

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Liên kết, liên doanh và con số 20%

Theo VAS 07 (đoạn 03), công ty liên kết là công ty mà nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải công ty con hay công ty liên doanh; ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động mà không kiểm soát. Đoạn 04 đặt mốc: nắm giữ trực tiếp, hoặc gián tiếp qua công ty con, ít nhất 20% quyền biểu quyết thì được gọi là có ảnh hưởng đáng kể, "trừ khi có quy định hoặc thoả thuận khác"; dưới 20% thì không, cũng trừ khi có quy định hoặc thoả thuận khác. Vậy 20% là mốc tham chiếu, không phải ranh giới tự động.

Liên doanh nằm ở chuẩn mực số 8 (VAS 08): thoả thuận bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế mà các bên đồng kiểm soát (đoạn 03). Với hình thức thành lập cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, cách ghi giống công ty liên kết: giá gốc trên báo cáo riêng (đoạn 25), vốn chủ sở hữu trên báo cáo hợp nhất (đoạn 26). Hai hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh còn lại thì mỗi bên ghi phần tài sản, chi phí, doanh thu được chia vào báo cáo của mình (đoạn 11, 16).

Phương pháp vốn chủ sở hữu: lãi vào trước, tiền vào sau

VAS 07 (đoạn 06) mô tả ba bước. Khoản đầu tư ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó giá trị ghi sổ tăng hoặc giảm tương ứng phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đoạn 22 yêu cầu phần sở hữu lãi hoặc lỗ là một khoản mục riêng trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; Thông tư 202/2014 (Điều 13, sửa bởi Thông tư 43/2026) gọi chỉ tiêu này là "Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết"; riêng cho báo cáo hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026, mẫu B02-DN/HN đặt dòng này ở mã 27 (khác mã 27 của B03, là dòng thu cổ tức). Báo cáo năm 2025 theo mã Thông tư 200 dùng mã khác, đừng ghép hai kỳ. Điều 66 (điểm h, bổ sung) hướng dẫn riêng cổ tức nhận từ công ty liên doanh, liên kết: Nợ doanh thu hoạt động tài chính, Có phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết.

Vì sao chọn cách này? Đoạn 10 giải thích: ghi thu nhập theo lợi nhuận được chia có thể không phản ánh đầy đủ thu nhập nhà đầu tư được hưởng, vì số được chia có thể không đúng với thực tế hoạt động của công ty liên kết. Hệ quả là lãi và tiền tách nhau.

Trên báo cáo riêng thì khác. Đoạn 08 nói khoản đầu tư được kế toán theo giá gốc; đoạn 07 nói nhà đầu tư chỉ hạch toán vào thu nhập khoản được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế phát sinh sau ngày đầu tư. Theo mẫu Thông tư 99, khoản đầu tư nằm ở dòng "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" (mã 262, hợp nhất cũng mã 262 theo Thông tư 43).

Tiền đi đâu: cổ tức nằm ở hoạt động đầu tư

Phần lãi theo vốn chủ sở hữu không phải tiền. Theo VAS 24 (đoạn 16, điểm b), báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp xuất phát từ lợi nhuận trước thuế và điều chỉnh cho các khoản doanh thu, chi phí không phải bằng tiền cùng lãi lỗ từ hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận thu được của doanh nghiệp thông thường là luồng tiền từ hoạt động đầu tư (đoạn 22); mẫu B03 của Thông tư 99 có dòng "Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" (mã 27) ở phần đầu tư. Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Thông tư 202/2014 (Điều 69) viết rằng báo cáo chỉ phản ánh dòng tiền giữa tập đoàn và bên ngoài, trong đó có công ty liên doanh, liên kết; Điều 74 khoản 7 (sửa bởi Thông tư 43) hướng dẫn dòng thu cổ tức, lợi nhuận được chia, kèm ví dụ khớp cách ghi ở trên.

Hệ quả: dòng tiền kinh doanh của nhà đầu tư không chứa lãi của công ty liên kết; tiền duy nhất từ đó là cổ tức nhận. Dòng cụ thể dùng để loại phần lãi chưa thành tiền trên báo cáo hợp nhất, bài không khẳng định vì chưa đọc mẫu B03 hợp nhất.

Ví dụ minh hoạ: công ty Lộc và công ty Nhi

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Công ty Lộc là công ty mẹ lập báo cáo hợp nhất. Đầu năm N, Lộc mua 35% công ty Nhi với giá 420, đủ để có ảnh hưởng đáng kể (giả định không có chênh lệch với giá trị hợp lý của tài sản thuần). Năm N, Nhi lãi sau thuế 240, trong đó 80 là lãi một lần từ bán một khu đất; Nhi chia cổ tức tiền mặt tổng cộng 60.

Khoản mục	Cách tính	Tỷ đồng
Phần lãi Lộc được hưởng	35% nhân 240	84
Cổ tức Lộc nhận bằng tiền	35% nhân 60	21
Khoản đầu tư đầu năm	giá gốc	420
Khoản đầu tư cuối năm (hợp nhất)	420 cộng 84 trừ 21	483

Báo cáo hợp nhất của Lộc có thêm 84 lãi, khoản đầu tư tăng từ 420 lên 483, tức tăng 63, còn tiền thực nhận chỉ 21. Cổ tức 21 ghi giảm khoản đầu tư chứ không ghi thêm thu nhập, vì phần lãi đã được ghi rồi. Trên báo cáo riêng của Lộc, cùng sự kiện hiện ra rất khác:

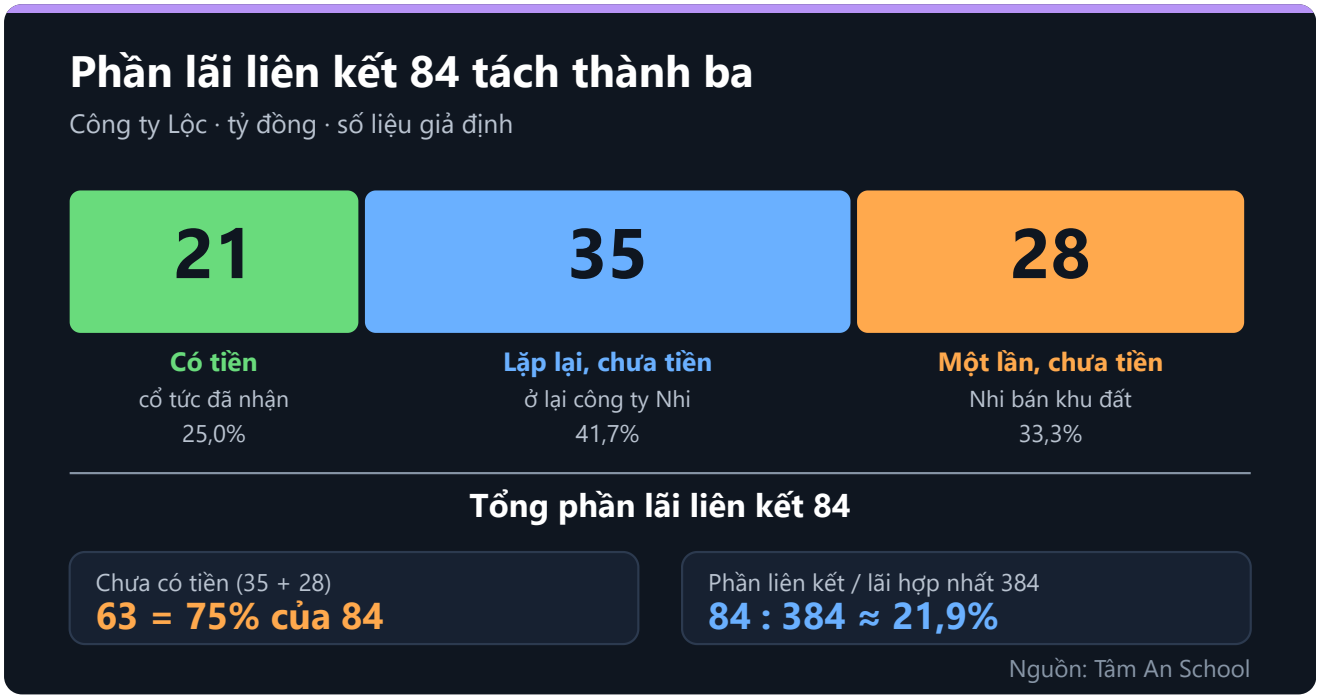
	Báo cáo riêng của Lộc (giá gốc)	Báo cáo hợp nhất (vốn chủ sở hữu)
Thu nhập từ công ty Nhi	21 (cổ tức)	84 (phần lãi được hưởng)
Khoản đầu tư cuối năm	420	483
Tiền nhận trong năm	21	21



Công ty Lộc giả định: báo cáo riêng ghi thu nhập 21 và khoản đầu tư 420; báo cáo hợp nhất ghi 84 và 483; tiền nhận đều là 21

Số liệu giả định: cùng một sự kiện, hai cách ghi, cùng số tiền.

Phép tách: lãi trên báo cáo, phần có tiền, phần chưa có tiền, phần một lần. Lãi hợp nhất năm N của Lộc là 300 từ phần còn lại cộng 84 từ Nhi, bằng 384. Trong 84 đó: 21 là cổ tức đã thành tiền, chiếm 25,0%. Lãi lặp lại của Nhi là 240 trừ 80, bằng 160, phần Lộc là 56; giả định cổ tức lấy từ phần lặp lại, thì 56 trừ 21 còn 35 là lãi lặp lại chưa có tiền, chiếm khoảng 41,7%. Cuối cùng 28, bằng 35% của 80, là lãi một lần từ bán khu đất của Nhi, chưa có tiền, chiếm khoảng 33,3%; 21 cộng 35 cộng 28 bằng 84. Phần lãi liên kết chiếm khoảng 21,9% lợi nhuận hợp nhất 384; phần chưa có tiền, 63, bằng khoảng 16,4% của 384.



Công ty Lộc giả định: phần lãi liên kết 84 gồm 21 cổ tức bằng tiền, 35 lãi lặp lại chưa có tiền và 28 lãi một lần chưa có tiền

Số liệu giả định, tính lại bằng Python; tỷ lệ chỉ là kết quả của số giả định.

Chiều ngược lại. Năm N+1, giả sử Nhi lỗ 40 và không chia cổ tức. Lộc ghi phần lỗ 14 (35% nhân 40) vào báo cáo hợp nhất, khoản đầu tư giảm từ 483 xuống 469, trong khi Lộc không chi thêm đồng nào. Nếu phần còn lại của tập đoàn vẫn lãi 300 thì lãi hợp nhất chỉ còn 286.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Dòng phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết** trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất: so với lợi nhuận hợp nhất (ví dụ 21,9%).
2. **Cổ tức nhận trong năm** ở phần hoạt động đầu tư của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Dòng "lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" gộp nhiều khoản, nên cần thuyết minh để tách cổ tức. So với phần lãi liên kết (ví dụ 25,0%).
3. **Số dư khoản đầu tư và biến động.** Trong ví dụ, khoản đầu tư tăng đúng bằng phần lãi trừ cổ tức, 63. Thuyết minh phải có danh sách công ty liên kết, phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (đoạn 21).
4. **Lãi một lần ở công ty liên kết** đi vào dòng phần lãi liên kết, không nhất thiết hiện ở dòng thu nhập khác của nhà đầu tư; khoản một lần ở cấp nhà đầu tư xem bài thu nhập khác và chi phí khác.
5. **Nhiều kỳ liền.** Lãi liên kết đều mà cổ tức nhận luôn nhỏ nghĩa là tiền ở lại công ty liên kết và khoản đầu tư phình dần; đó là chính sách chia cổ tức của bên được đầu tư.

6. **Biên ròng.** Phần lãi liên kết nằm trong lợi nhuận nhưng không kèm doanh thu của công ty liên kết; khi tỷ trọng đổi, biên ròng có thể đổi mà biên gộp không đổi (xem biên lợi nhuận thay đổi bất thường).
7. **Cùng họ.** Hoàn nhập dự phòng cũng làm lãi tăng mà không có tiền vào; khuôn câu hỏi chung ở mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy. Cách chọn giữa báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng xem bài báo cáo hợp nhất khác báo cáo riêng ở đâu.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An đặt chỉ tiêu phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết cạnh cổ tức nhận trong kỳ và gợi ý mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Lộc, công ty Nhi, mọi số liệu, tỷ lệ 35% và khoản bán đất đều là giả định, không phải số thật.
- Ví dụ lược nhiều chi tiết: không có chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý tài sản thuần (đoạn 12), thuế từ khoản đầu tư (đoạn 19), giao dịch nội bộ, chính sách kế toán khác nhau (đoạn 15), cổ phiếu ưu đãi cổ tức (đoạn 16) hay ngày lập báo cáo khác nhau (đoạn 13, 14).
- Bài viết cho doanh nghiệp thông thường, không bàn ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, và giả định nhà đầu tư là công ty mẹ lập báo cáo hợp nhất. Hai chuẩn mực trích theo bản sao văn bản, nên bài chỉ nói theo văn bản chuẩn mực.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi công ty liên kết là lãi ảo": đó là phần lợi ích chuẩn mực yêu cầu trình bày, chỉ chưa thành tiền.
- Không viết "công ty liên kết không chia cổ tức là xấu": giữ tiền để đầu tư là lựa chọn thường gặp.
- Không dùng 20%, 25% hay 21,9% làm ngưỡng; đó là mốc của chuẩn mực hoặc kết quả của số giả định.

Tín hiệu không phải kết luận

Phần lãi từ công ty liên kết chiếm tỷ trọng lớn trong lợi nhuận hợp nhất, cổ tức nhận nhỏ nhiều năm liền, hoặc khoản đầu tư phình ra là tín hiệu để mở thuyết minh và báo cáo của công ty liên kết, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các văn bản được đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- VAS 07 (Quyết định 234/2003/QĐ-BTC), đoạn 03 đến 22; VAS 08, đoạn 03, 11, 16, 25, 26; VAS 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 16 và 22: mức B (bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức, nhiều nguồn khớp nhau).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), mẫu B01 mã 262 và B03 mã 27: mức A; Thông tư 202/2014/TT-BTC (Điều 13, 66, 69, 74) và Thông tư 43/2026/TT-BTC (sửa Thông tư 202, hiệu lực từ năm tài chính 2026): mức A- (bản scan có chữ ký số) cho phần đã đối chiếu, còn lại mức B.

- Cách đọc, phép tách và số liệu ví dụ là của Tâm An, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác
- Báo cáo hợp nhất khác báo cáo riêng ở đâu

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Lãi từ công ty liên kết ghi vào lãi ngay nhưng tiền chỉ về khi được chia cổ tức. Theo văn bản chuẩn mực VAS 07, báo cáo hợp nhất dùng phương pháp vốn chủ sở hữu: khoản đầu tư tăng theo phần lãi được hưởng, cổ tức nhận được ghi giảm khoản đầu tư; báo cáo riêng dùng giá gốc, chỉ ghi cổ tức được chia. Công ty Lộc giả định sở hữu 35% công ty Nhi lãi 240: ghi 84 vào lãi, nhận 21 tiền, khoản đầu tư tăng từ 420 lên 483. Trong 84 đó, 21 có tiền, 35 là lãi lặp lại chưa có tiền và 28 là lãi một lần chưa có tiền. Khi đọc, đặt phần lãi liên kết cạnh cổ tức nhận ở hoạt động đầu tư và số dư khoản đầu tư, rồi mở thuyết minh. Khoảng cách lãi và tiền ở đây là hệ quả của cách ghi, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào, không phải khuyến nghị đầu tư.

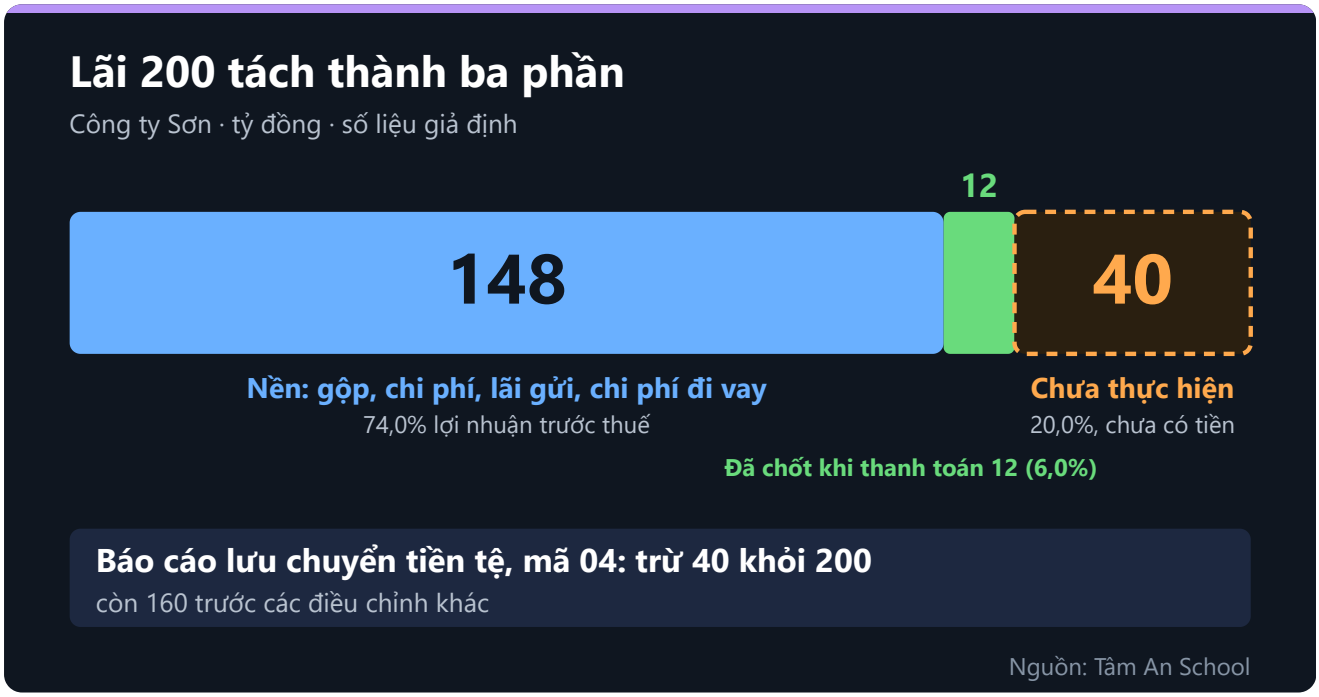
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-tu-cong-ty-lien-ket-lien-doanh

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và lãi đánh giá lại: vì sao là lãi trên giấy?

Câu trả lời ngắn

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là khoản lãi sinh ra khi doanh nghiệp quy đổi lại, theo tỷ giá cuối kỳ, số tiền, khoản phải thu và khoản nợ còn tính bằng ngoại tệ. Số ngoại tệ vẫn y nguyên; chỉ cách quy ra đồng đổi. Khoản lãi nằm trong lợi nhuận, nhưng không phải tiền mới về và có thể đảo chiều, nên báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp trừ nó ra ở một dòng riêng. Trong ví dụ giả định, công ty Sơn báo lợi nhuận trước thuế 200 tỷ đồng, trong đó 40 tỷ là lãi đánh giá lại, bằng 20,0% và chưa có tiền kèm theo. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty Sơn giả định: lợi nhuận trước thuế 200 tỷ gồm 148 phần nền, 12 tỷ giá đã chốt bằng tiền và 40 tỷ giá chưa thực hiện

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Chữ "chưa thực hiện" nghĩa là gì

Chữ này có hai cách dùng. Chuẩn mực số 24 (đoạn 21, theo bản sao văn bản chuẩn mực) gọi là chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phần phát sinh do đổi tỷ giá quy đổi và không phải luồng tiền. Còn Thông tư 99, ở nguyên tắc kế toán doanh thu (khoản 3), viết rằng thực hiện hay chưa không phụ thuộc đã có dòng tiền hay chưa, và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ đều được coi là đã thực hiện, tức đã ghi vào lãi, lỗ. Hai điều không mâu thuẫn: một bên hỏi "đã ghi vào lợi nhuận chưa", bên kia hỏi "đã có tiền chưa". Bài dùng nghĩa thứ hai và gọi là "lãi trên giấy", cách nói của Tâm An.

Tỷ giá chạm vào báo cáo ở ba chỗ

Chỗ	Chuyện xảy ra	Nằm ở đâu	Tiền
Ngày giao dịch	Doanh thu, chi phí, tài sản quy đổi theo tỷ giá ngày đó	Doanh thu, giá vốn, chi phí	Giao dịch thật
Ngày thanh toán	Thu hoặc trả ngoại tệ ở tỷ giá khác tỷ giá đã ghi sổ	Doanh thu tài chính (lãi) hoặc chi phí tài chính (lỗ)	Có, đã đổi tay
Cuối kỳ báo cáo	Quy đổi lại số dư ngoại tệ còn lại theo tỷ giá cuối kỳ	Cũng doanh thu hoặc chi phí tài chính, theo số thuần	Chưa

Theo Thông tư 99 (tài khoản 413, mục 1.4.2 và 1.4.4), doanh thu ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế ngày phát sinh, còn chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ ghi ngay vào doanh thu tài chính nếu lãi, chi phí tài chính nếu lỗ. Mục 1.5.2 đưa chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ vào cùng hai dòng ấy, trình bày theo số thuần giữa tổng lãi và tổng lỗ. Doanh nghiệp xuất khẩu bán ở tỷ giá cao hơn đã có phần đó trong doanh thu và biên gộp; lãi đánh giá lại là chuyện khác, đo số dư còn chờ thu hoặc trả.



Ba chỗ tỷ giá chạm vào báo cáo: ngày giao dịch, ngày thanh toán, cuối kỳ đánh giá lại

Sơ đồ khái niệm theo Thông tư 99, tài khoản 413.

Khoản mục nào được đánh giá lại

Thông tư 99 (mục 1.3) gọi là "khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ": tiền, phải thu, phải trả, cho vay, đi vay, đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ. Mỗi khoản quy đổi lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại tại thời điểm kết thúc kỳ.

Không đánh giá lại khoản trả trước cho người bán, chi phí chờ phân bổ, người mua trả tiền trước và doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, trừ khi có bằng chứng chắc chắn sẽ phải nhận lại hoặc trả lại tiền; cũng không đánh giá lại phần phải thu đã trích lập dự phòng (mục 1.5.1). Hàng tồn kho và tài sản cố định

mua bằng ngoại tệ là khoản mục phi tiền tệ, nên theo Chuẩn mực số 10 (đoạn 10(b)) giữ tỷ giá ngày giao dịch.

Cách tính: số dư ngoại tệ nhân chênh lệch giữa tỷ giá cuối kỳ và tỷ giá đã ghi sổ. Tiền và phải thu ngoại tệ tăng giá trị khi tỷ giá tăng: lãi; nợ ngoại tệ tăng giá trị: lỗ. Có cả tài sản lẫn nợ ngoại tệ thì hai chiều bù trừ nhau một phần.

Ví dụ minh hoạ: công ty Sơn giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Công ty Sơn có ba khoản mục ngoại tệ giữ nguyên số dư cả năm. Tỷ giá giả định ghi sổ là 25.000 đồng một USD, cuối kỳ là 26.000; mỗi triệu USD chênh 1 tỷ. Bài chỉ tính phép toán, không dự báo.

Khoản mục	Triệu USD	Quy đồng ở 25.000	Quy đồng ở 26.000	Lãi (lỗ)
Tiền gửi ngoại tệ	30	750	780	+30
Phải thu khách nước ngoài	50	1.250	1.300	+50
Vay ngoại tệ	40	1.000	1.040	(40)
Lãi thuần đánh giá lại				**+40**

Kiểm cộng: 30 + 50 - 40 = 40. Báo cáo chỉ cho thấy số thuần 40, không thấy 80 lãi và 40 lỗ. Theo hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Thông tư 99, lãi thuần được trình bày trong "Doanh thu hoạt động tài chính" (mã 22), còn lỗ thuần vào "Chi phí tài chính" (mã 23).

Cả năm, doanh thu tài chính 68 gồm lãi tiền gửi 10, lãi tỷ giá khi thanh toán 18 và lãi đánh giá lại 40; chi phí tài chính 58 gồm chi phí đi vay 52 và lỗ tỷ giá khi thanh toán 6. Với lợi nhuận gộp 380 và chi phí bán hàng, quản lý 190: 380 - 190 + 68 - 58 = 200. Tách theo chuyện tiền:

Phần	Tỷ đồng	Tỷ lệ	Tiền, về mặt tỷ giá
Nền: gộp, chi phí, lãi tiền gửi, chi phí đi vay	148	74,0%	Không xét ở bài này
Tỷ giá đã chốt khi thanh toán (18 - 6)	12	6,0%	Có, đã đổi tay
Tỷ giá chưa thực hiện	40	20,0%	Chưa

Kiểm cộng: 148 + 12 + 40 = 200. Khoản 40 chiếm 58,8% doanh thu tài chính; bỏ nó, lợi nhuận trước thuế còn 160. Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, dòng "Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ" (mã 04) trừ 40 khỏi 200. Riêng 30 tỷ lãi trên tiền gửi ngoại tệ làm số dư tiền tăng và hiện ở dòng "Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ" (mã 61), không nằm trong lưu chuyển tiền thuần của ba hoạt động.

Vì sao có thể đảo chiều: công ty Trinh giả định

Đánh giá lại chỉ chia chênh lệch tỷ giá thành từng kỳ. Công ty Trinh ghi khoản phải thu 10 triệu USD ở tỷ giá 25.000, tức 250. Cuối năm N tỷ giá 26.000, phải thu thành 260, lãi đánh giá lại 10 ghi vào năm N. Năm N+1 khách trả khi tỷ giá 25.200: thu 252, so với 260 đã ghi là lỗ 8. Thông tư 99 (mục 1.2.2) lấy tỷ giá đã

đánh giá lại cuối kỳ trước làm tỷ giá ghi sổ khi tất toán; Chuẩn mực số 10 (đoạn 13) tính chênh lệch theo thay đổi tỷ giá từng kỳ đến kỳ thanh toán.

Thời điểm	Tỷ giá	Giá trị phải thu	Lãi (lỗ) ghi vào kỳ
Ngày bán, ghi sổ	25.000	250	không
Cuối năm N, đánh giá lại	26.000	260	+10, chưa chốt bằng tiền
Năm N+1, thu tiền	25.200	252 tiền thu	(8)
Cộng hai kỳ			**+2**

Kiểm cộng: 10 - 8 = 2, đúng bằng 10 triệu USD nhân (25.200 - 25.000), tức tiền thu 252 trừ giá ghi sổ ban đầu 250. Tám trong 10 tỷ lãi năm N bị trả lại năm N+1. Cùng khoản lãi 10 ấy, nếu ngày thu tiền tỷ giá vẫn 26.000 thì cả 10 thành lãi thật; nếu là 24.800 thì năm N+1 lỗ 12 và cộng hai kỳ lỗ 2. Ba kết cục chỉ minh hoạ vì sao đây là lãi trên giấy; bài không nói tỷ giá sẽ đi đâu.



Công ty Trinh giả định: lãi đánh giá lại 10 năm N, lỗ 8 năm N+1, cộng hai kỳ lãi 2

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:** doanh thu tài chính (mã 22 theo Thông tư 99, mã 21 theo Thông tư 200) và chi phí tài chính (mã 23, mã 22). Số thuần có thể che lãi gộp lớn và lỗ gộp lớn; ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã.
2. **Thuyết minh:** tỷ giá dùng để hạch toán và đánh giá lại (Thông tư 99 yêu cầu thuyết minh, mục 1.4.5 và 1.5.3), số dư ngoại tệ của tiền, phải thu, vay; mức chi tiết tuỳ doanh nghiệp.
3. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp:** mã 04 (lãi bị trừ, lỗ được cộng lại) và mã 61. Mã 04 lớn so với lợi nhuận trước thuế, hoặc đổi dấu giữa các kỳ, là chỗ cần mở thuyết minh.

4. **Bảng cân đối kế toán:** dòng "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" (mã 417) lấy số dư tài khoản 413, khác dòng "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" (mã 416). Theo Thông tư 99, lãi đánh giá lại số dư ngoại tệ đi thẳng vào lãi, lỗ của kỳ, trừ trường hợp riêng của doanh nghiệp nhà nước.
5. **Nhiều kỳ liền nhau:** lãi tỷ giá đổi dấu giữa các kỳ là chuyện bình thường; điều đáng hỏi là nó chiếm bao nhiêu phần lợi nhuận. Tỷ lệ "lãi đánh giá lại thuần chia lợi nhuận trước thuế" như 20,0% là cách tính của Tâm An để sàng lọc, không phải chuẩn.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200 xử lý hơi khác: tiểu khoản 4131 nhận chênh lệch đánh giá lại, cuối năm tài chính kết chuyển số thuần vào doanh thu hoặc chi phí tài chính (Điều 69, mục 4.2); mã 04 cùng ý. Cách tách doanh thu tài chính theo nguồn xem bài doanh thu hoạt động tài chính; lãi tỷ giá là một trong mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để so mã 04 với lợi nhuận trước thuế qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Sơn, công ty Trinh, tỷ giá và mọi con số là giả định, chọn cho phép tính tròn; 20,0% và 58,8% không phải ngưỡng. "Lãi trên giấy" là cách nói của Tâm An, không phải thuật ngữ chuẩn mực.
- Phòng ngừa rủi ro hối đoái bằng công cụ tài chính, đầu tư ròng ở nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước thực hiện dự án trọng điểm quốc gia có quy định riêng; bài không bàn. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có báo cáo riêng.
- Chênh lệch tỷ giá đã chốt khi trả gốc vay hay thu hồi đầu tư nằm ở luồng tiền nào của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cần đối chiếu mẫu và thuyết minh; bài chưa đối chiếu.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi tỷ giá là lãi giả" hay "lãi tỷ giá lớn là đáng ngờ": doanh nghiệp xuất khẩu hay vay ngoại tệ có chênh lệch lớn là chuyện thường.
- Không viết "tỷ giá sẽ quay lại nên lãi sẽ mất": bài không dự báo tỷ giá.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Lãi hoặc lỗ đánh giá lại chiếm phần lớn lợi nhuận, mã 04 lớn hoặc đổi dấu, hay doanh thu tài chính nhảy vì lãi tỷ giá đều là tín hiệu để mở thuyết minh về cơ cấu ngoại tệ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nguyên nhân hợp lý khác: xuất nhập khẩu, vay hay giữ ngoại tệ để trả nợ, nhập hàng.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và Thông tư 200 đọc nguyên văn từ Công báo, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): tài khoản 413 mục 1.2.2 đến 1.5 và 4 (số 1571 + 1572); nguyên tắc kế toán doanh thu, khoản 3 (số 1573 + 1574);

mẫu B02 mã 22, 23; B03 mã 04, 61; B01 mã 416, 417.

- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo 05/02/2020, mức A): Điều 69 mục 4.2. "Điều 50" của Thông tư 200 là nguyên tắc nợ phải trả, không phải điều về tỷ giá.
- Chuẩn mực kế toán số 10 (đoạn 10, 12, 13) và số 24 (đoạn 21, 31): theo bản sao nguyên văn trên cổng không chính thức (mức B), nên chỉ nói "theo văn bản chuẩn mực".
- Ví dụ, cách tách phần và tỷ lệ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Thu nhập khác và chi phí khác là gì
- Doanh thu hoạt động tài chính gồm những gì

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là lãi trên giấy: số ngoại tệ không đổi, chỉ cách quy ra đồng đổi theo tỷ giá cuối kỳ, nên có trong lợi nhuận nhưng chưa có tiền. Công ty Sơn giả định báo lợi nhuận trước thuế 200 tỷ, trong đó lãi thuần đánh giá lại 40 tỷ, bằng 20,0%; mã 04 trừ 40 ra khỏi lợi nhuận trước thuế để còn 160 trước các điều chỉnh khác. Công ty Trinh giả định ghi lãi 10 ở năm N, nhưng khi thu tiền chỉ còn lãi thật 2 và năm N+1 phát sinh lỗ 8. Đọc dòng doanh thu và chi phí tài chính ở mã 22 và 23 theo Thông tư 99, mã 04 và mã 61 ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ, rồi mở thuyết minh về số dư ngoại tệ. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, không dự báo tỷ giá và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-chenh-lech-ty-gia-chua-thuc-hien-va-lai-danh-gia-lai

Bảng tuổi nợ phải thu trong thuyết minh: cách đọc và tính mức dự phòng tham chiếu từng bước

Câu trả lời ngắn

Bảng tuổi nợ là bảng trong thuyết minh chia phải thu thành các nhóm theo thời gian quá hạn. Từ bảng này bạn tự tính được một con số tham chiếu: lấy từng nhóm quá hạn từ 6 tháng trở lên, nhân tỷ lệ của thang (30%, 50%, 70%, 100%), cộng lại, rồi đặt cạnh số dự phòng doanh nghiệp đã ghi sổ. Ở công ty Xuân giả định, 210 tỷ đồng nợ quá hạn từ 6 tháng cho mức tham chiếu 98 tỷ, còn dự phòng ghi sổ cho khách hàng là 58 tỷ, chênh 40 tỷ. Chênh lệch này chưa nói doanh nghiệp thiếu hay đủ; nó là câu hỏi để mở thuyết minh. Bài dùng chữ "mức tham chiếu" thay cho "dự phòng tối thiểu", vì văn bản còn cho phương pháp khác khi có bằng chứng tin cậy hơn.



Công ty Xuân giả định: bảng tuổi nợ 1.000 tỷ, bốn nhóm quá hạn từ 6 tháng nhân thang cho mức tham chiếu 98 tỷ

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Kỳ nào, văn bản nào

Tập 15 đã bàn thang trích lập; ở đây chỉ nhắc đủ để tính.

- **Năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026:** Thông tư 99/2025/TT-BTC, tài khoản 229, mục 1.4, nêu thang 30% (quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm), 50% (1 đến dưới 2 năm), 70% (2 đến dưới 3 năm), 100% (từ 3 năm).
- **Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200:** Điều 45 mục 1.4 viết mức trích lập "theo quy định hiện hành", không nêu bậc. Thông tư 48/2019/TT-BTC, Điều 6, có cùng bốn bậc; coi nó là "quy định hiện hành" ấy là cách hiểu của Tâm An.

- **Thuế:** Thông tư 48 là văn bản về dự phòng được trừ thuế. Theo Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026, nó còn hiệu lực đến khi có văn bản thay thế, không quá 31/12/2026.

Cả ba văn bản cùng nêu: thời gian quá hạn căn cứ thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng ban đầu, không tính việc gia hạn nợ.

Bảng tuổi nợ đo cái gì

Thông tư 99 yêu cầu doanh nghiệp phân loại nợ phải thu thành khoản trả đúng hạn, quá hạn và chưa quá hạn nhưng khó thu (tài khoản 131, mục 1 điểm d). Cách trình bày trong thuyết minh do doanh nghiệp chủ động sắp xếp (Phụ lục IV, mục E), nên tên bảng và cột không giống nhau. Trước khi nhân với thang, kiểm ba điều:

- **Tuổi tính từ đâu.** Thang tính theo thời gian *quá hạn*. Một số bảng chia nhóm theo thời gian kể từ ngày ghi nhận khoản phải thu: nợ có kỳ hạn thanh toán 90 ngày nằm ở nhóm "trên 1 năm kể từ ngày ghi nhận" mới quá hạn chừng 9 tháng. Đây là suy luận của Tâm An; gặp cách chia này thì không nhân thẳng.
- **Số gộp hay số thuần.** Tổng các nhóm phải khớp một dòng phải thu ở thuyết minh hoặc bảng cân đối; lệch nghĩa là bảng chỉ lấy một phần.
- **Phạm vi.** Dự phòng ghi sổ thường phủ cả phải thu khác, trả trước, cho vay; phải so cùng phạm vi.

Bốn bước tính

1. **Lọc nhóm.** Giữ các nhóm quá hạn từ 6 tháng trở lên. Đoạn văn bản đã đọc không nêu tỷ lệ cho nợ quá hạn dưới 6 tháng (trừ thang ngắn hơn của viễn thông và bán lẻ trả góp với cá nhân), nên phép tính để nhóm đó bằng 0; điều này không có nghĩa doanh nghiệp không trích gì.
2. **Nhân thang.** Mỗi nhóm nhân tỷ lệ của bậc tương ứng.
3. **Cộng.** Ra mức tham chiếu theo thang.
4. **So cùng phạm vi.** Đặt cạnh dự phòng ghi sổ của đúng loại phải thu mà bảng nói tới.

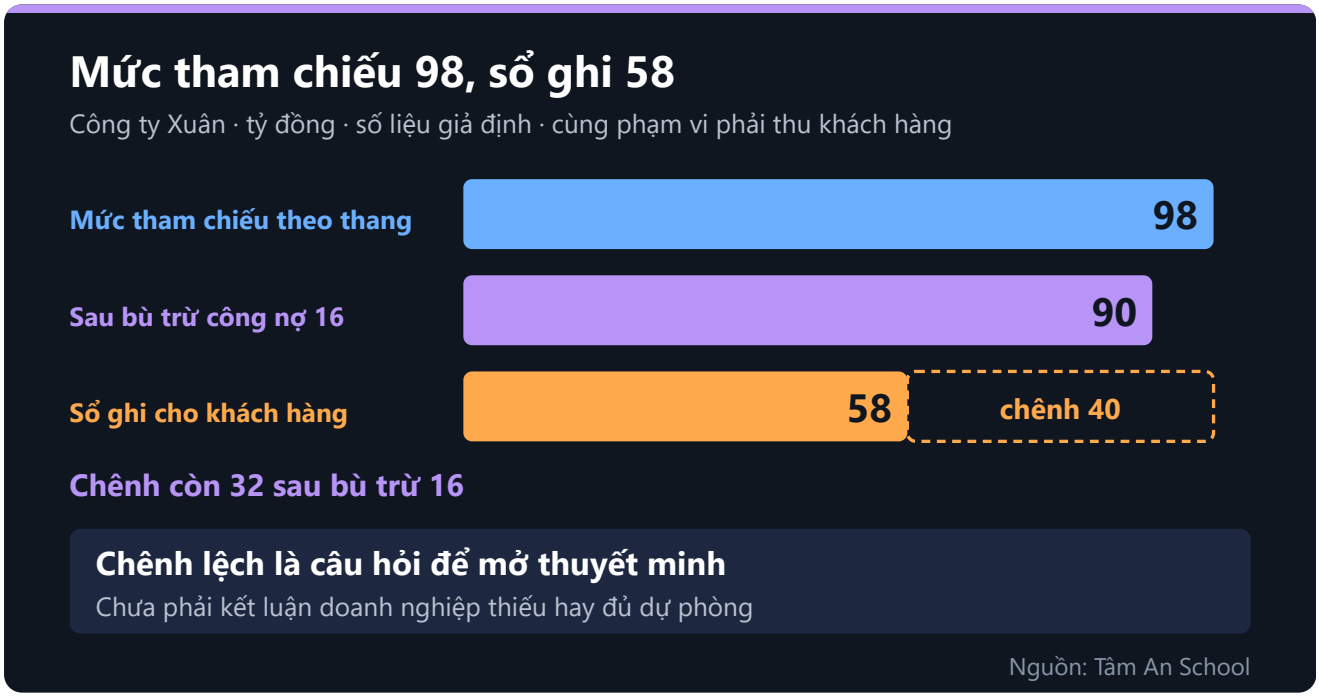
Ví dụ minh hoạ: công ty Xuân giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu giả định tự đặt, tính lại bằng Python. Bảng tuổi nợ phải thu khách hàng cuối năm của công ty Xuân:

Nhóm quá hạn	Dư nợ	Tỷ lệ thang	Mức tham chiếu
Chưa quá hạn	700	không áp thang	0
Dưới 6 tháng	90	không nêu	0
6 tháng đến dưới 1 năm	100	30%	30
1 năm đến dưới 2 năm	60	50%	30
2 năm đến dưới 3 năm	40	70%	28
Từ 3 năm trở lên	10	100%	10
Cộng	**1.000**		**98**

Kiểm cộng: dư nợ 700 + 90 + 100 + 60 + 40 + 10 = 1.000; mức tham chiếu 30 + 30 + 28 + 10 = 98. Nợ quá hạn là 300, bằng 30,0% phải thu; nợ quá hạn từ 6 tháng là 210, bằng 21,0%. Mức tham chiếu 98 bằng 9,8% phải thu gộp và 46,7% nợ quá hạn từ 6 tháng. Các tỷ lệ này là cách tính của Tâm An, không phải ngưỡng.

Bây giờ so với sổ. Thuyết minh nêu tổng dự phòng phải thu là 70, tách ra: 58 cho phải thu khách hàng và 12 cho các khoản phải thu khác. Cùng phạm vi, 58 so với 98: chênh 40, tức dự phòng ghi sổ bằng 59,2% mức tham chiếu. Nếu lợi nhuận trước thuế của công ty Xuân là 400, khoản chênh 40 bằng 10,0% (đo độ lớn của câu hỏi, chưa phải mức cần trích thêm).



Công ty Xuân giả định: mức tham chiếu 98, trừ bù trừ công nợ 8 còn 90, dự phòng ghi sổ cho khách hàng 58, chênh còn 32

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Chênh lệch có thể đến từ đâu

Đây là câu hỏi Tâm An dùng khi mở thuyết minh, không phải danh mục trong văn bản:

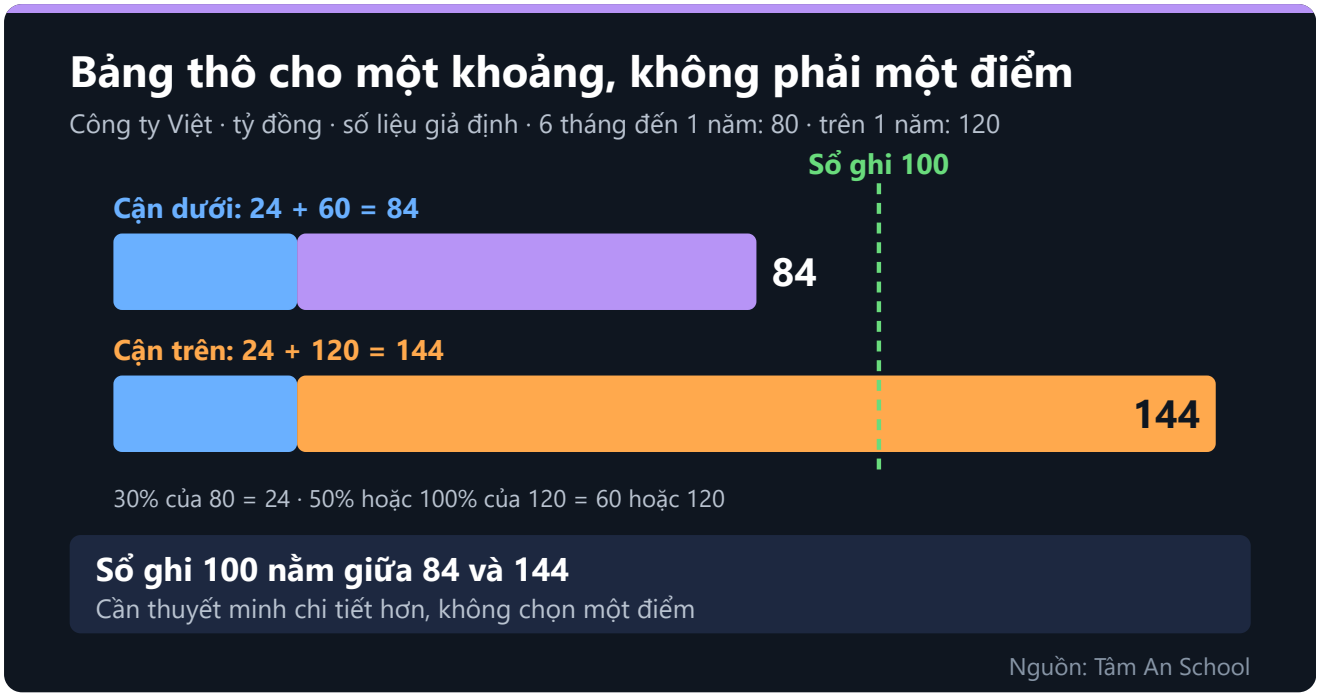
- **Bù trừ công nợ.** Thông tư 48, Điều 6 khoản 3 điểm g: khách nợ có cả phải thu lẫn phải trả thì trích lập trên số còn phải thu sau khi bù trừ, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ. Đoạn Thông tư 99 đã đọc không nêu quy tắc này; nó là điều kiện về thuế. Công ty Xuân: một khách nợ 40, toàn bộ ở nhóm 1 đến 2 năm, và công ty còn phải trả khách đó 16. Số còn phải thu là 24; 24 nhân 50% là 12 thay vì 20, nên mức tham chiếu giảm 8, từ 98 xuống 90, chênh còn 32. Bảng tuổi nợ gộp không cho thấy khoản 16 này.
- **Bằng chứng tin cậy hơn.** Thông tư 99 cho áp dụng phương pháp khác khi có bằng chứng tin cậy hơn hoặc phù hợp hơn để xác định giá trị có thể thu hồi. Khi đó con số cuối là ước tính của doanh nghiệp, thang chỉ còn là mốc.
- **Nợ chưa quá hạn có bằng chứng tổn thất.** Khi khách nợ phá sản, bỏ trốn và các trường hợp tương tự, doanh nghiệp tự dự kiến tổn thất, tối đa bằng giá trị đang theo dõi; khoản này làm dự phòng ghi sổ cao hơn mức tính từ bảng.
- **Tính theo từng khoản.** Thông tư 48 yêu cầu lập dự phòng cho từng khoản nợ kèm chứng cứ; bảng tuổi nợ chỉ là bản tổng hợp.

Khi bảng chỉ có vài nhóm thô: tính khoảng

Công ty Việt giả định chia nợ quá hạn thô hơn, tỷ đồng. Phải thu khách hàng gộp 800: chưa quá hạn 525, quá hạn dưới 6 tháng 75, 6 tháng đến dưới 1 năm 80, trên 1 năm 120. Nhóm "trên 1 năm" gộp ba bậc 50%, 70%, 100%, nên chỉ tính được hai đầu:

Phép tính	Cận dưới	Cận trên
6 tháng đến dưới 1 năm: 80 nhân 30%	24	24
Trên 1 năm: 120 nhân 50% hoặc 100%	60	120
Mức tham chiếu	**84**	**144**

Kiểm cộng: 24 + 60 = 84; 24 + 120 = 144. Nếu dự phòng ghi sổ của công ty Việt là 100 thì nó nằm trong khoảng 84 đến 144: bảng thô không đủ để nói thiếu hay đủ. Cần tìm thuyết minh chi tiết hơn về nợ quá hạn trên 1 năm, không chọn một điểm trong khoảng.



Công ty Việt giả định: nhóm trên 1 năm gộp ba bậc nên mức tham chiếu là khoảng từ 84 đến 144, dự phòng ghi sổ 100 nằm trong khoảng

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Phép kiểm hai năm

Với bảng hai năm liền nhau, thử cách kiểm của Tâm An. Khoản nợ quá hạn 1 đến 2 năm cuối năm N, nếu không gia hạn, cuối năm trước mới quá hạn dưới 1 năm (xấp xỉ). Công ty Xuân năm trước có nhóm dưới 6 tháng 80 và nhóm 6 tháng đến dưới 1 năm 50, tổng 130; năm N nhóm 1 đến 2 năm là 60, nhỏ hơn 130, nên 70 đã rời bảng. Rời vì thu tiền, bù trừ, xoá hay bán nợ thì bảng không cho biết; tiền thu xem bài doanh thu tăng nhưng tiền thu có tăng theo không, xoá nợ dùng dự phòng xem bài thang trích lập dự phòng nợ phải thu. Nhóm năm N lớn hơn 130 thì cần giải thích khoản đến từ đâu.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tìm bảng.** Mở thuyết minh phải thu khách hàng, phần nợ quá hạn hoặc tuổi nợ; ghi lại bảng chia theo quá hạn hay theo ngày ghi nhận.
2. **Kiểm cộng.** Tổng các nhóm so với dòng phải thu. Dự phòng phải thu khó đòi là dòng ghi âm, mã 136 (ngắn hạn) và 216 (dài hạn) theo mẫu Thông tư 99; báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 dùng mã khác, nên ghép hai kỳ theo tên dòng.
3. **Tính mức tham chiếu** bốn bước ở trên; nhóm thô thì ghi khoảng.
4. **Đặt ba tỷ lệ cạnh nhau qua nhiều kỳ:** nợ quá hạn từ 6 tháng trên phải thu gộp (công ty Xuân 21,0%), dự phòng khách hàng trên phải thu gộp (5,8%), dự phòng ghi sổ trên mức tham chiếu (59,2%). Nhìn hướng đi.
5. **Biết khoản trích nằm ở đâu.** Theo Thông tư 99 (tài khoản 229, mục 3.3), khoản trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp, không vào giá vốn, nên lãi gộp không phản ánh nó; bài lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn dừng ở tầng gộp.

6. **Đọc cùng các khoản liên quan.** Bù trừ cần số phải trả cùng đối tượng, xem bài phải trả người bán tăng; dự phòng cho phải thu khác xem bài khoản phải thu không đến từ bán hàng; bức tranh chung ở bài trụ cột chất lượng lợi nhuận.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng cách đọc này ở trục phân tích theo mã để so mức tham chiếu với dự phòng ghi sổ và chỉ ra dòng thuyết minh nên mở trước; chỉ là công cụ sàng lọc. Chuỗi bài ở Đọc báo cáo tài chính.

Điểm cần cẩn trọng

- Mức tham chiếu không phải số doanh nghiệp "phải" trích; số cuối là ước tính.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách trích lập riêng.
- Thông tư 48 gắn với chi phí được trừ thuế, Thông tư 99 là chế độ kế toán; hai số có thể lệch. Tình trạng Thông tư 48 sau 31/12/2026 chưa biết.
- Phép tính chỉ đúng với bảng chia theo quá hạn từ hạn gốc; khi doanh nghiệp không công bố đủ bảng, không nên tự suy ra.
- Chưa đối chiếu: tên cột mẫu bảng nợ quá hạn trong thuyết minh, cách xử lý nợ quá hạn dưới 6 tháng.

Đừng nói quá

- Không viết "doanh nghiệp phải trích đúng mức tham chiếu": còn bằng chứng tin cậy hơn, bù trừ và thang riêng cho hai ngành.
- Không viết "dự phòng ghi sổ thấp hơn mức tham chiếu là thiếu dự phòng": chênh lệch chưa chứng minh điều đó.
- Không viết "nhóm dưới 6 tháng không cần trích": đoạn đã đọc không nêu tỷ lệ, nhưng doanh nghiệp vẫn có thể trích theo bằng chứng.
- Không dùng số giả định để suy ra một doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Dự phòng ghi sổ thấp xa mức tham chiếu, nhóm quá hạn trên 1 năm lớn dần mà dự phòng đứng yên, hay bảng tuổi nợ bỗng đổi cách chia nhóm đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý rất nhiều: tài sản bảo đảm, bù trừ công nợ, thoả thuận thanh toán đã ký, hay bảng thô khiến mức tham chiếu thành khoảng rộng. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ khoản nợ mới đủ căn cứ kết luận về mức dự phòng của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026. Phần còn hạn chế ghi rõ.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025; hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục II, tài khoản 229 mục 1.4, 3.3; tài khoản 131 mục 1; Phụ lục IV, mẫu B01-DN và mục E. Đọc nguyên văn từ Công báo.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (hợp nhất 04/VBHN-BTC), Điều 45 mục 1.4: nguyên văn từ Công báo.

- Thông tư 48/2019/TT-BTC (sửa bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC), Điều 3, Điều 6 khoản 1 đến 3: bản hợp nhất 16/VBHN-BTC trên Công báo. Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026: toàn văn, Công báo số 404.
- Phép tính, tỷ lệ so sánh và danh sách câu hỏi là cách làm của Tâm An; ví dụ tự đặt.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thang trích lập dự phòng nợ phải thu theo thời gian quá hạn
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán?
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn?
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì?
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Bảng tuổi nợ cho phép tự tính mức dự phòng tham chiếu: lấy các nhóm quá hạn từ 6 tháng, nhân thang 30%, 50%, 70%, 100%, cộng lại rồi so với dự phòng ghi sổ cùng phạm vi. Công ty Xuân giả định có 210 tỷ nợ quá hạn từ 6 tháng cho mức tham chiếu 98 tỷ, dự phòng ghi sổ cho khách hàng 58 tỷ; chênh 40 tỷ, giảm còn 32 tỷ nếu có 16 tỷ phải trả cùng một khách để bù trừ. Công ty Việt giả định có nhóm thô trên 1 năm nên mức tham chiếu chỉ là khoảng từ 84 đến 144 tỷ. Thang tính theo hạn gốc, văn bản còn cho phép phương pháp khác nếu có bằng chứng tin cậy hơn. Chênh lệch là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bang-tuoi-no-phai-thu-trong-thuyet-minh

Cách đọc dự phòng phải thu khó đòi và khoản hoàn nhập trên báo cáo tài chính

Câu trả lời ngắn

Dự phòng phải thu khó đòi là dòng ghi âm trừ vào các khoản phải thu trên báo cáo tình hình tài chính (bảng cân đối kế toán). Đọc nó cần hai việc. Một: chia số dư dự phòng cho phải thu gộp để có hệ số dự phòng, rồi xem qua nhiều kỳ. Hai: khi số dư đi xuống, chưa vội gọi là hoàn nhập, vì số dư còn giảm khi doanh nghiệp dùng dự phòng để xoá sổ nợ. Chỉ phần hoàn nhập mới ghi giảm chi phí, làm lợi nhuận tăng mà không có tiền vào. Trong ví dụ giả định, công ty Uyên có dự phòng giảm 60 tỷ đồng nhưng hoàn nhập chỉ 45 tỷ, và lợi nhuận trước thuế tăng 65 tỷ thì 55 tỷ là do dự phòng đổi chiều. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Công ty Uyên giả định: số dư dự phòng 120 cộng trích lập 5, trừ hoàn nhập 45, trừ xoá sổ 20, còn 60

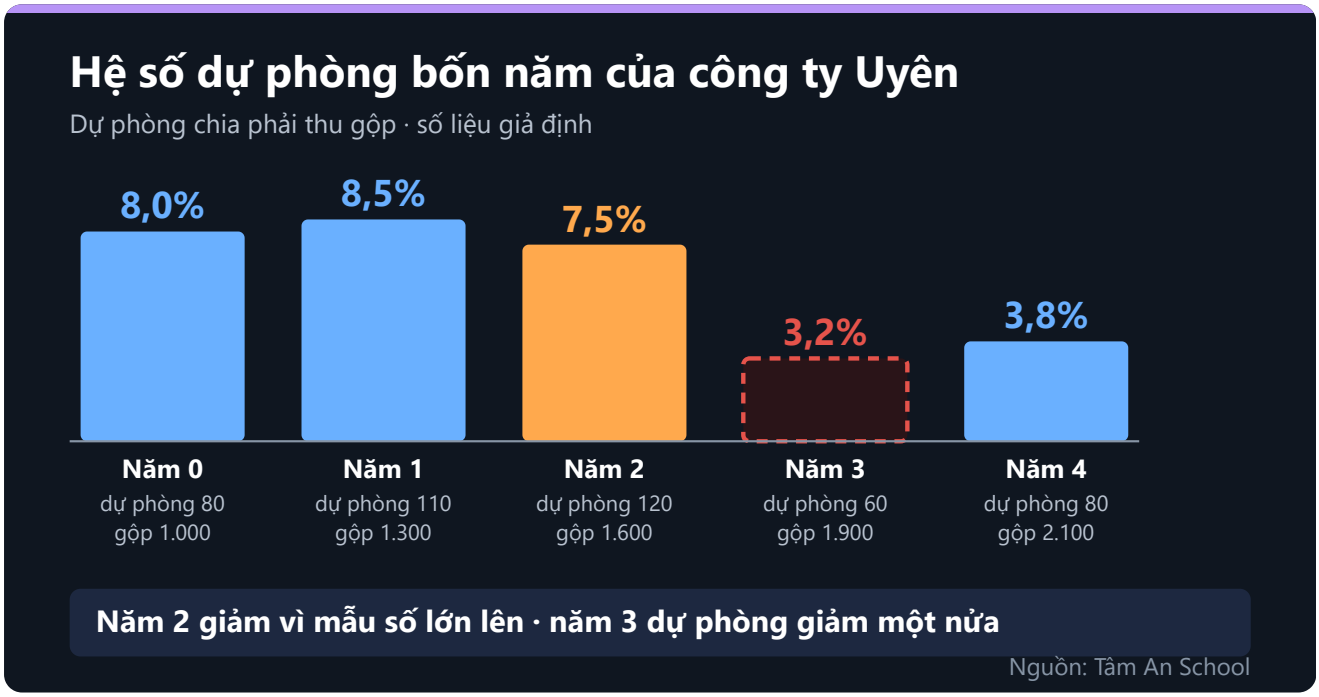
Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Hai con số cần đặt cạnh nhau

Hệ số dự phòng bằng dự phòng phải thu khó đòi (lấy giá trị dương) chia cho phải thu gộp, tức cộng các dòng phải thu chưa trừ dự phòng. Một kỳ ít nói được điều gì; xu hướng mới có nghĩa. Công ty Uyên giả định, tỷ đồng, số liệu tự đặt, tính lại bằng Python:

Cuối năm	Phải thu gộp	Dự phòng	Hệ số	Dự phòng đổi
Năm 0	1.000	80	8,0%	
Năm 1	1.300	110	8,5%	+30
Năm 2	1.600	120	7,5%	+10
Năm 3	1.900	60	3,2%	(60)
Năm 4	2.100	80	3,8%	+20

Năm 2 hệ số tụt từ 8,5% xuống 7,5% dù dự phòng không giảm đồng nào: phải thu gộp tăng 23,1% còn dự phòng chỉ tăng 9,1%. Hệ số giảm vì mẫu số lớn lên, chưa có hoàn nhập nào. Năm 3 mới là bước nhảy: phải thu gộp tăng 18,8% mà dự phòng giảm đúng một nửa, 120 xuống 60. Hai kiểu giảm đòi hai cách đọc khác nhau, và hệ số một mình không phân biệt được.



Công ty Uyên giả định: hệ số dự phòng 8,0%, 8,5%, 7,5%, 3,2%, 3,8% qua năm 0 đến năm 4

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Hệ số chỉ là tóm tắt: theo Thông tư 48/2019, Điều 6, khoản 3, dự phòng lập cho từng khoản nợ rồi tổng hợp vào bảng kê, nên hai công ty khác cơ cấu khách hàng không đặt thẳng hệ số cạnh nhau được. Mức cần lập theo tuổi nợ nằm ở bài dự phòng nợ phải thu khó đòi và bài bảng tuổi nợ phải thu trong thuyết minh; bài này chỉ đọc kết quả của việc lập.

Dự phòng giảm không đồng nghĩa với hoàn nhập

Số dư dự phòng đi theo một phương trình: số dư cuối bằng số dư đầu cộng trích lập, trừ hoàn nhập, trừ phần sử dụng (xoá sổ hoặc bán nợ). Theo Thông tư 99, tài khoản 229 (tiểu khoản 2293), ba việc này đi vào sổ khác nhau:

- **Trích lập:** số cần lập lớn hơn số dư đang ghi thì phần chênh ghi tăng dự phòng và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp; lợi nhuận giảm.
- **Hoàn nhập:** số cần lập nhỏ hơn số dư thì phần chênh ghi giảm dự phòng và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ; lợi nhuận tăng. Thông tư 200 (báo cáo năm 2025) ghi cùng chỗ này.
- **Sử dụng:** khi có quyết định xoá nợ, phần đã lập dự phòng trừ thẳng vào số dư dự phòng cùng lúc khoản phải thu giảm; chỉ phần chưa lập mới vào chi phí quản lý. Với phần đã lập đủ, lợi nhuận không đổi.

Đòi lại được nợ đã xoá thì tiền thu ghi vào thu nhập khác (tài khoản 711), không phải hoàn nhập. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không có dòng "hoàn nhập": nó nằm trong chi phí quản lý doanh nghiệp (mã 26), nên chi phí này giảm mà doanh thu không đổi là chỗ cần chú ý.

Ví dụ minh hoạ: công ty Uyên giả định

Giả định mọi khoản xoá sổ đã lập dự phòng đủ nên không phát sinh chi phí thêm, bỏ thuế. "Lợi nhuận nền" là lợi nhuận trước thuế khi chưa tính chi phí dự phòng ròng (trích lập trừ hoàn nhập), cách tính của Tâm An để so sánh, không phải chỉ tiêu chuẩn. Bảng biến động dự phòng:

Dự phòng phải thu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Số dư đầu năm	80	110	120	60
Cộng: trích lập	40	15	5	30
Trừ: hoàn nhập	0	0	45	0
Trừ: xoá sổ nợ	10	5	20	10
Số dư cuối năm	**110**	**120**	**60**	**80**

Kiểm cộng: 80 + 40 - 10 = 110; 110 + 15 - 5 = 120; 120 + 5 - 45 - 20 = 60; 60 + 30 - 10 = 80. Bốn năm: trích 90, hoàn nhập 45, xoá sổ 45, tức chi phí dự phòng ròng 45. Đặt vào lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Lợi nhuận nền	240	250	260	270
Trừ: chi phí dự phòng ròng	40	15	(40)	30
Lợi nhuận ghi sổ	**200**	**235**	**300**	**240**

Kiểm cộng: 240 - 40 = 200; 250 - 15 = 235; 260 + 40 = 300; 270 - 30 = 240. Năm 3 lợi nhuận ghi sổ tăng 65 (27,7%) trong khi nền chỉ tăng 10 (4,0%); 55 còn lại là ảnh hưởng của dự phòng đổi từ trừ 15 sang cộng 40. Hoàn nhập 45 bằng 15,0% lợi nhuận 300; thuần sau 5 trích lập là 40, tức 13,3%. Năm 4, nền tăng 3,8% nhưng lợi nhuận ghi sổ giảm 20,0% vì trích lập trở lại. Hoàn nhập 45 không đem tiền về.

Từ hai số trên bảng chỉ suy ra một khoảng

Giả sử chỉ có hai số dư: cuối năm 2 là 120, cuối năm 3 là 60. Phương trình cho biết hoàn nhập cộng xoá sổ bằng 60 cộng trích lập, tức ít nhất 60. Nếu trích lập bằng 0 thì hoàn nhập là số bất kỳ từ 0 đến 60, ứng với ảnh hưởng từ 0% đến 20,0% lợi nhuận 300. Con số thật 45 nằm trong khoảng, nhưng chỉ bảng biến động trong thuyết minh mới chia được. Dòng "Các khoản dự phòng" (mã 03) của báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp cũng không chia được: theo hướng dẫn của Thông tư 99, dòng này lập từ chênh lệch số dư đầu và cuối kỳ của tất cả các khoản dự phòng, nên ôm cả hoàn nhập, phần xoá sổ và dự phòng loại khác.

Cùng một cú giảm 30, ba hoàn cảnh

Công ty Phong giả định có dự phòng phải thu từ 90 xuống 60, phải thu gộp đầu năm 600. Ba hoàn cảnh cho ba bức tranh khác nhau (tỷ đồng):

Hoàn cảnh	Dự phòng	Phải thu gộp	Lợi nhuận trước thuế	Tiền vào
A. Đổi ước tính: khách vẫn nợ, doanh nghiệp đánh giá thu được nhiều hơn	-30	0	+30	0
B. Xoá sổ khoản nợ đã lập dự phòng đủ	-30	-30	0	0
C. Khách trả 30 cho khoản đã lập dự phòng đủ	-30	-30	+30	+30

Hệ số từ 15,0% xuống 10,0% ở A và 10,5% ở B, C (60 chia 570). Hàng B và C giống hệt nhau trên bảng cân đối, nhưng lãi và tiền khác hẳn; muốn phân biệt phải nhìn thuyết minh và tiền thu từ khách hàng, theo cách của bài doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không. Ở C tiền vào nằm ở khoản phải thu giảm, không phải ở hoàn nhập; hoàn nhập 30 chỉ là hệ quả vì khoản đã thu thì không cần dự phòng nữa. Bài hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào bàn riêng cơ chế này.



Công ty Phong giả định: cùng dự phòng giảm 30, ba hoàn cảnh cho lợi nhuận và tiền khác nhau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo: năm việc tự làm

1. **Báo cáo tình hình tài chính:** cộng các dòng phải thu (chưa trừ dự phòng), lấy dòng dự phòng phải thu khó đòi, tính hệ số 3 đến 5 kỳ. Theo Thông tư 99 dòng này là mã 136 (ngắn hạn) và 216 (dài hạn); theo Thông tư 200 là mã 137 và 219. Ghép hai kỳ theo tên dòng.
2. **Thuyết minh:** tìm bảng biến động dự phòng (đầu năm, trích lập, hoàn nhập, xoá sổ, cuối năm). Cách trình bày khác nhau giữa các doanh nghiệp; không có bảng thì chỉ có "khoảng" như trên.
3. **Kiểm cộng:** số đầu cộng trích lập, trừ hoàn nhập, trừ xoá sổ có ra số cuối không? Phần lệch là câu hỏi cho thuyết minh, chưa phải kết luận.
4. **Đặt vào lợi nhuận:** chia hoàn nhập cho lợi nhuận trước thuế, rồi tính lợi nhuận nền như công ty Uyên.
5. **Đối chiếu lý do và tiền:** theo văn bản chuẩn mực, nếu hoàn nhập đến từ thay đổi ước tính kế toán thì ảnh hưởng nằm ở kỳ hiện tại và doanh nghiệp phải trình bày tính chất cùng giá trị của thay đổi (VAS 29, đoạn 21 và 36). Rồi xem tiền thu từ khách hàng. Phải thu không đến từ bán hàng có cách đọc riêng, xem bài khoản phải thu không đến từ bán hàng.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99; cả hai ghi hoàn nhập phải thu vào chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng tên dòng và mã đã đánh lại.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đánh dấu kỳ dự phòng giảm đáng kể so với phải thu gộp, giúp biết chỗ cần mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; tổ chức tín dụng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ và mẫu riêng, bài không bàn.
- Công ty Uyên, công ty Phong và mọi con số là giả định; "lợi nhuận nền" và các tỷ lệ là cách tính của Tâm An, không phải chuẩn.
- Thông tư 99 cho ghi hoàn nhập của khoản nợ bán đi ngay tại giao dịch hoặc ở số trích lập cuối kỳ, miễn nhất quán; kỳ ghi nhận hoàn nhập vì vậy có thể lệch giữa các doanh nghiệp.
- Thông tư 48/2019 là văn bản về chi phí được trừ thuế, không phải chế độ kế toán; ví dụ không xét thuế.

Đừng nói quá

- Không viết "dự phòng giảm nghĩa là hoàn nhập": xoá sổ nợ cũng làm số dư giảm, chỉ thuyết minh mới tách được.
- Không viết "hoàn nhập là lãi giả" hay "hoàn nhập là xấu": đó là kết quả của một ước tính được xem xét lại.
- Không viết "doanh nghiệp hoàn nhập để lãi đẹp lên": con số không cho biết động cơ.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ giả định; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Hệ số dự phòng tụt mạnh, số dư dự phòng giảm khi phải thu gộp tăng, hay phần lớn mức tăng lợi nhuận đến từ hoàn nhập đều là tín hiệu để mở bảng biến động dự phòng và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác rất nhiều: khách đã trả nợ cũ, xoá sổ nợ đã lập đủ, đổi cơ cấu khách hàng, mua bán sáp nhập, đổi ước tính. Giáo trình của CFA Institute về chất lượng báo cáo tài chính xếp dự phòng nợ khó đòi vào nhóm ước tính cần đọc kỹ, ở mức khung khái niệm chứ không phải chẩn đoán. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; văn bản Thông tư đọc nguyên văn từ Công báo, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): tài khoản 229 mục 1.4 và 3.3; mẫu B01 mã 136, 216; B02 mã 26; B03 mã 03 và hướng dẫn lập.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo 05/02/2020, mức A): Điều 45 mục 1.4, 3.3; mẫu B01 mã 137, 219; B02 mã 26.
- Thông tư 48/2019/TT-BTC (bản hợp nhất 16/VBHN-BTC, Công báo 21/7/2022, mức A), Điều 6 khoản 3; Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026: Thông tư 48 tiếp tục áp dụng không quá 31/12/2026.
- Chuẩn mực kế toán số 29, đoạn 21 và 36: bản sao nguyên văn (mức B), nên chỉ nói "theo văn bản chuẩn mực".
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality" (2026, trang công khai): mức khung khái niệm.
- Ví dụ, bảng và cách tính lợi nhuận nền là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì? Thang trích lập
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không
- Bảng tuổi nợ phải thu trong thuyết minh

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Dự phòng phải thu khó đòi đọc bằng hai việc: hệ số dự phòng trên phải thu gộp qua nhiều kỳ, và bảng biến động gồm số đầu, trích lập, hoàn nhập, xoá sổ, số cuối. Số dư dự phòng giảm chưa chắc là hoàn nhập, vì xoá sổ nợ cũng làm số dư giảm mà không đổi lợi nhuận. Công ty Uyên giả định có dự phòng giảm 60, trong đó hoàn nhập 45; lợi nhuận trước thuế tăng 65 thì 55 là do dự phòng đổi chiều, còn lợi nhuận nền chỉ tăng 10. Công ty Phong giả định cho thấy cùng dự phòng giảm 30 có thể là đổi ước tính,

xoá sổ hoặc khách trả tiền, với lãi và tiền khác nhau. Theo Thông tư 99 và Thông tư 200, hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

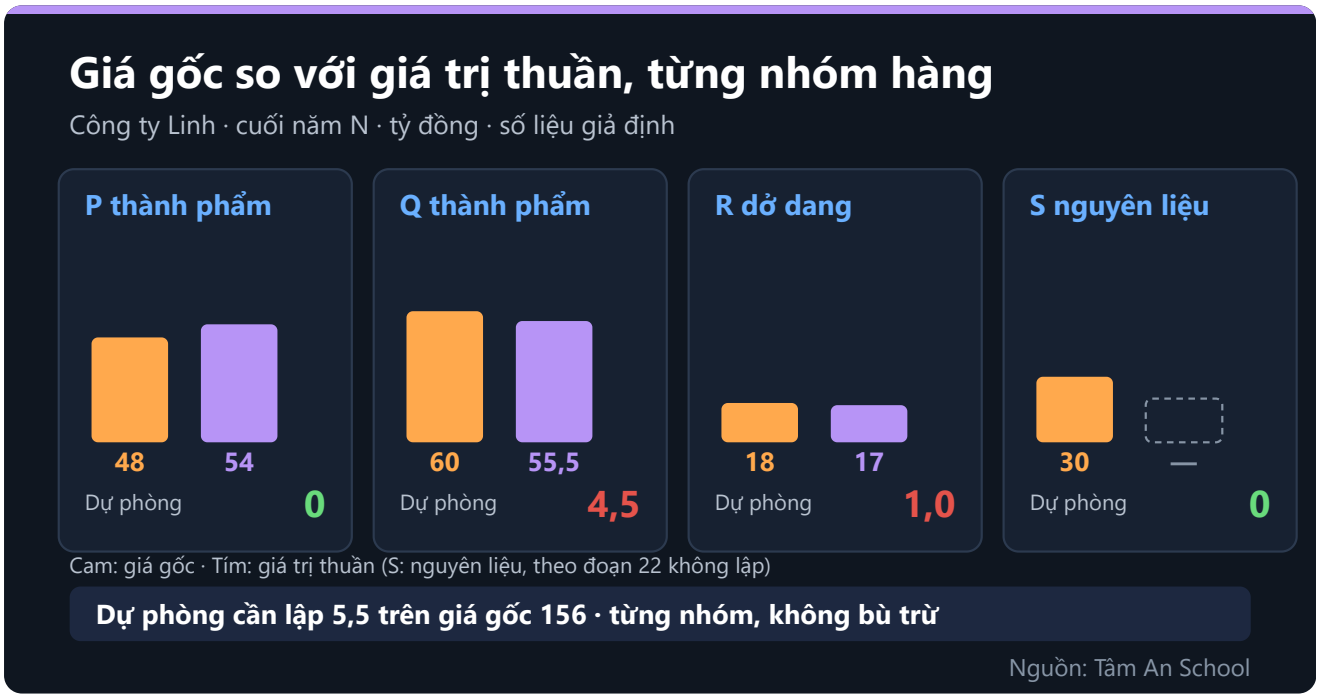
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/cach-doc-du-phong-phai-thu-kho-doi-va-khoan-hoan-nhap-tren-bao

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: khi nào phải lập và cách tính?

Câu trả lời ngắn

Doanh nghiệp phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng thấp hơn giá gốc ghi sổ. Giá trị thuần là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và để bán. Dự phòng tính theo từng mặt hàng: số lượng nhân phần chênh giữa giá gốc và giá trị thuần; mặt hàng có giá trị thuần cao hơn giá gốc thì không lập và không bù cho mặt hàng khác. Trích thêm ghi tăng giá vốn hàng bán, hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán. Trong ví dụ giả định, công ty Linh có giá gốc 156 tỷ đồng, chỉ hai nhóm cần dự phòng, tổng 5,5 tỷ đồng; trích bổ sung 3,3 tỷ đồng kéo biên gộp từ 21,4% xuống 20,6%. Giá trị thuần do doanh nghiệp tự ước tính (Thông tư 48 Điều 4 khoản 2), nên kết quả chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Công ty Linh giả định: ba nhóm hàng so giá gốc với giá trị thuần, dự phòng 0, 4,5 và 1,0 tỷ đồng, nguyên liệu không lập dự phòng, tổng 5,5 tỷ đồng

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Ba văn bản, ba việc khác nhau

Ba văn bản cùng nhắc đến chủ đề này, mỗi văn bản trả lời một việc:

- **Chuẩn mực kế toán số 02 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC): nguyên tắc.** Đoạn 04: tính theo giá gốc, nếu giá trị thuần thấp hơn thì tính theo giá trị thuần. Đoạn 18: giá trị không thu hồi đủ khi hàng hư hỏng, lỗi thời, giá bán giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán tăng. Đoạn 19: lập dự phòng bằng phần giá gốc lớn hơn giá trị thuần, theo từng mặt hàng. Đoạn 23 và 24: dự phòng thừa được hoàn nhập, ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.

- **Thông tư 99/2025/TT-BTC (từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026): cách ghi sổ.** Tài khoản 229: lập khi có bằng chứng giá trị thuần thấp hơn giá gốc, tính theo từng loại vật tư, hàng hoá, sản phẩm. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200 có cách ghi tương tự.
- **Thông tư 48/2019/TT-BTC: thuế, không phải báo cáo tài chính.** Điều 1 khoản 1: làm cơ sở xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; trích lập để lập báo cáo tài chính theo pháp luật về kế toán. Điều 4 khoản 2 có công thức mức trích. Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026 cho Thông tư 48 tiếp tục hiệu lực, không quá 31/12/2026.

Ghi sổ cuối kỳ, theo hướng dẫn của Thông tư 99 và Thông tư 200:

Tình huống cuối kỳ	Ghi sổ	Giá vốn và lãi gộp
Dự phòng cần lập lớn hơn số đang ghi	Nợ giá vốn hàng bán, Có dự phòng (TK 2294)	Giá vốn tăng, lãi gộp giảm
Dự phòng cần lập nhỏ hơn số đang ghi	Nợ dự phòng, Có giá vốn hàng bán	Giá vốn giảm, lãi gộp tăng
Hàng bị hủy bỏ do hết hạn, hư hỏng	Nợ dự phòng (phần được bù đắp), Nợ giá vốn nếu tổn thất lớn hơn	Không chạm lãi nếu đã trích đủ

Ví dụ minh hoạ: công ty Linh giả định

Đơn vị tỷ đồng, giá tính bằng triệu đồng mỗi đơn vị, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Cuối năm N công ty Linh có bốn nhóm hàng. Bảng dưới là phép tính doanh nghiệp làm nội bộ; bên ngoài thường chỉ thấy kết quả trong thuyết minh. Bạn tự làm lại để hiểu cơ chế, rồi đối chiếu với bảng biến động công bố:

Nhóm hàng	Số lượng	Giá gốc	Giá bán ước tính	Chi phí hoàn thành và bán	Giá trị thuần	Dự phòng
P, thành phẩm	4.000	12,0	15,0	1,5	13,5	0
Q, thành phẩm	3.000	20,0	21,0	2,5	18,5	4,5
R, dở dang	2.000	9,0	16,0	6,0 + 1,5	8,5	1,0
S, nguyên liệu	1.000 tấn	30,0				0
Cộng						5,5

Kiểm tính. Giá gốc: 48 cộng 60 cộng 18 cộng 30 bằng 156. Nhóm Q: giá trị thuần 21,0 trừ 2,5 là 18,5, thấp hơn giá gốc 1,5 triệu đồng, nhân 3.000 là 4,5 tỷ đồng. Nhóm R còn dở dang nên trừ cả chi phí hoàn thành 6,0 và chi phí bán 1,5: 16,0 trừ 7,5 là 8,5, thấp hơn giá gốc 0,5, nhân 2.000 là 1,0 tỷ đồng. Nhóm P có giá trị thuần cao hơn giá gốc tổng 6 tỷ đồng, nhưng khoản này không bù cho Q và R: hàng vẫn ghi theo giá gốc.

Nguyên liệu: giá thị trường giảm chưa chắc phải lập. Giả sử giá hiện hành của nguyên liệu S giảm còn 27,0 triệu đồng một tấn, thấp hơn giá gốc 3 tỷ đồng. Theo đoạn 22, nguyên liệu dự trữ để sản xuất không bị đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm làm từ chúng bán bằng hoặc cao hơn giá thành. Giả sử sản

phẩm của công ty Linh vẫn bán cao hơn giá thành, nhóm S không cần dự phòng. Nếu so thẳng với giá thị trường của nguyên liệu, dự phòng thành 8,5, thừa 3,0.

Bảng biến động dự phòng trong thuyết minh (đoạn 27 yêu cầu nêu giá trị dự phòng, giá trị hoàn nhập và các trường hợp dẫn đến trích thêm hoặc hoàn nhập):

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Năm N
Số dư đầu năm	3,0
Sử dụng để bù đắp hàng hủy bỏ	(0,8)
Trích lập bổ sung, ghi tăng giá vốn	3,3
Hoàn nhập, ghi giảm giá vốn	0
Số dư cuối năm	5,5

Kiểm cộng: 3,0 trừ 0,8 cộng 3,3 bằng 5,5, khớp số cần lập ở bảng trên. Giá gốc cuối năm trước là 150 nên tỷ lệ dự phòng là 2,0%; cuối năm N là 156, tỷ lệ 3,5%. Giá gốc tăng 4,0% trong khi dự phòng tăng 83,3%.

Tác động lên biên gộp: doanh thu 420, giá vốn trước trích bổ sung 330, lãi gộp 90, biên 21,4%. Ghi 3,3 vào giá vốn thì giá vốn 333,3, lãi gộp 86,7, biên 20,6%, kém khoảng 0,8 điểm phần trăm dù không bán kém đi. Chiều ngược lại cũng đúng: năm N+1 giả sử giá bán Q hồi phục, R đã bán, dự phòng cần chỉ còn 2,0 nên hoàn nhập 3,5, giá vốn 326,5, biên 22,3%, cao hơn khoảng 0,8 điểm so với trước hoàn nhập mà không bán thêm gì.



Công ty Linh giả định: dự phòng đầu năm 3,0, sử dụng 0,8, trích bổ sung 3,3, cuối năm 5,5; biên gộp từ 21,4% xuống 20,6% sau khi ghi 3,3 vào giá vốn

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Dự phòng là một ước tính. Công ty Quý giả định có đúng bốn nhóm hàng ấy, chỉ khác giá bán ước tính của Q là 22,0 thay vì 21,0. Giá trị thuần của Q là 19,5, dự phòng Q là 3.000 nhân 0,5, bằng 1,5 thay vì 4,5, tổng dự phòng 2,5 thay vì 5,5. Giá bán ước tính chênh 1 triệu đồng, khoảng 4,8%, đổi dự phòng 3,0 tỷ đồng. Ở 20,0 thì Q cần 7,5 và tổng 8,5; ở 23,0 thì Q không cần dự phòng.



Công ty Linh giả định: giá bán ước tính của nhóm Q là 20, 21, 22 và 23 triệu đồng cho dự phòng Q là 7,5, 4,5, 1,5 và 0 tỷ đồng

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Điều kiện và những chỗ hay nhầm

- **Phải có bằng chứng tin cậy.** Đoạn 20: ước tính dựa trên bằng chứng tại thời điểm ước tính, kể cả biến động giá sau ngày kết thúc năm nếu xác nhận điều kiện đã có lúc ấy. Đoạn 21: hàng đã có hợp đồng bán không thể hủy bỏ thì dùng giá trong hợp đồng; phần dư dùng giá bán ước tính.
- **Từng mặt hàng, không bù trừ.** Đoạn 19, Thông tư 99 mục 1.5 và Thông tư 48 Điều 4 khoản 3 đều tính theo từng loại hàng.
- **Thời điểm lập.** Đoạn 19 và 23 viết "cuối kỳ kế toán năm", Thông tư 99 viết "tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán". Bài không nói gì về cách lập ở báo cáo quý; đọc thuyết minh từng kỳ.
- **Kế toán và thuế là hai việc.** Chi phí được trừ thuế xét theo Thông tư 48 (Điều 4 khoản 1: có chứng từ hợp pháp hoặc bằng chứng hợp lý về giá vốn, hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp). Bài không bàn nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp nào.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; năm hay quý. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99.
2. **Tìm dòng dự phòng trong hàng tồn kho.** Dòng "dự phòng giảm giá hàng tồn kho" ghi âm, mã 142 theo Thông tư 99, mã 149 theo Thông tư 200. Ghép dòng theo tên, không theo mã số giữa hai kỳ.

3. **Mở thuyết minh hàng tồn kho.** Lập bảng giá gốc theo nhóm và dự phòng, tính tỷ lệ dự phòng trên giá gốc cho hai kỳ như 2,0% và 3,5% ở công ty Linh. Không có ngưỡng chuẩn: chỉ xem tỷ lệ có nhảy so với giá gốc không.
4. **Tự cộng bảng biến động:** đầu kỳ, trừ sử dụng, cộng trích bổ sung, trừ hoàn nhập, bằng cuối kỳ. Không khớp thì đọc chú thích.
5. **Đọc lý do trích hoặc hoàn nhập.** Giá bán giảm, hàng lỗi thời hay hết hạn là những câu chuyện khác nhau.
6. **Đặt cạnh giá vốn và biên gộp.** Trích bổ sung làm biên thấp đi, hoàn nhập làm biên cao lên. Cách tách bán nhiều hơn hay biên cao hơn xem bài lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn.
7. **So với kho và dòng tiền.** Kho tăng mà dự phòng không nhúc nhích, hoặc kho đứng yên mà dự phòng nhảy, là chỗ hỏi thêm. Hàng bán chậm còn hiện ở tiền thu từ khách hàng và phải trả người bán. Nhóm hàng gồm gì xem bài hàng tồn kho gồm những gì và ghi nhận theo giá nào; tiền ứng trước cho người bán là khoản phải thu, không phải hàng tồn kho, xem khoản phải thu không đến từ bán hàng.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt dự phòng, tồn kho và biên gộp cạnh nhau và gợi ý mở thuyết minh hàng tồn kho; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Linh, công ty Quý và mọi số liệu là giả định, đã đơn giản hoá: bốn nhóm hàng, giá bán và chi phí ước tính cho sẵn, không có hao hụt. Doanh nghiệp thật có hàng nghìn mã hàng.
- Bài chỉ nói về doanh nghiệp sản xuất, thương mại phi tài chính. Xây dựng và bất động sản có tồn kho chủ yếu là chi phí dự án; ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "trích dự phòng nghĩa là doanh nghiệp bán kém": nguyên nhân có thể là giá nguyên liệu, giá bán toàn ngành hay dọn kho sản phẩm cũ.
- Không viết "hoàn nhập là lãi thật": hoàn nhập chỉ trả lại phần đã trích trước, không đến từ bán thêm hàng.
- Không coi 3,5%, 4,8% hay 0,8 điểm phần trăm là ngưỡng: mọi con số là số minh hoạ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Dự phòng tăng nhanh hơn giá gốc, biên gộp biến động theo dòng dự phòng, kho phình mà dự phòng không đổi là tín hiệu để mở thuyết minh hàng tồn kho và đọc lý do trích lập, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Giá nguyên liệu, mùa vụ, đổi dòng sản phẩm hay một đợt dọn kho đều có thể cho cùng bức tranh.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99/2025/TT-BTC, Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT-BTC được đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập ngày 26/10/2026; chuẩn mực số 02 đọc qua bản sao nguyên văn.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 Hàng tồn kho (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC): đoạn 03, 04, 18 đến 24, 27, 29 (mức B, bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu bản Công báo gốc).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): nguyên tắc kế toán hàng tồn kho; Tài khoản 229 mục 1.5 và 3.4; hướng dẫn lập chỉ tiêu dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất, Công báo; mức A): Tài khoản 229 mục 1.5 và 3.4; chỉ tiêu tương ứng.
- Thông tư 48/2019/TT-BTC (bản hợp nhất 16/VBHN-BTC; mức A): Điều 1, 3, 4; Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026 (Công báo số 404).
- CFA Institute, Analysis of Inventories và Financial Reporting Quality (2026): chỉ khung khái niệm.
- Cách đọc, bảng biến động và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hàng tồn kho gồm những gì và được ghi nhận theo giá nào
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Doanh nghiệp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi cuối kỳ giá trị thuần có thể thực hiện được, tức giá bán ước tính trừ chi phí hoàn thành và bán, thấp hơn giá gốc; mức lập là số lượng nhân phần chênh, tính từng mặt hàng, trích thêm ghi tăng giá vốn và hoàn nhập ghi giảm giá vốn. Ví dụ giả định: công ty Linh giá gốc 156, dự phòng cần 5,5 chỉ ở hai nhóm, nguyên liệu giảm giá thị trường vẫn không lập theo đoạn 22; trích bổ sung 3,3 làm biên gộp từ 21,4% xuống 20,6%, hoàn nhập 3,5 năm sau đưa biên lên 22,3%. Công ty Quý ước tính giá bán nhóm Q cao hơn 1 triệu đồng thì dự phòng chỉ 2,5. Thông tư 48 là văn bản về chi phí được trừ thuế, không phải báo cáo tài chính. Hãy mở thuyết minh, tự cộng bảng biến động, tính tỷ lệ dự phòng trên giá gốc và đọc lý do trích lập. Đây chỉ là tín hiệu để xem thêm, chưa phải kết luận và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/du-phong-giam-gia-hang-ton-kho

Phương pháp tính giá xuất kho (bình quân, nhập trước xuất trước, đích danh) ảnh hưởng giá vốn và lợi nhuận thế nào?

Câu trả lời ngắn

Phương pháp tính giá xuất kho không làm tổng chi phí mua vào thay đổi. Nó chỉ quyết định phần nào đi vào giá vốn kỳ này và phần nào ở lại trong hàng tồn kho để sang kỳ sau. Khi giá nhập tăng, nhập trước xuất trước cho giá vốn thấp hơn, lãi gộp cao hơn và hàng tồn kho cao hơn so với bình quân gia quyền; khi giá nhập giảm thì ngược lại. Trong ví dụ giả định, hai công ty mua cùng bốn lô hàng, bán cùng 800 tấn, cùng doanh thu 80.000 triệu đồng, nhưng một công ty báo biên gộp 42,5%, công ty kia 40,0%. Năm sau giá nhập đứng yên, thứ tự đảo lại: 30,0% so với 32,0%. Vì vậy hai doanh nghiệp khác phương pháp chỉ nên so biên gộp khi biết giá đầu vào đang đi theo chiều nào. Mọi con số là giả định, tính lại bằng Python; chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp nào.



Công ty Khánh và công ty Oanh giả định mua cùng bốn lô hàng, bán cùng 800 tấn: nhập trước xuất trước cho biên gộp 42,5%, bình quân 40,0%, nhập sau xuất trước 37,5%

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Văn bản nào nêu những phương pháp nào

Văn bản	Phương pháp được nêu	Mức nguồn
Chuẩn mực kế toán số 02, đoạn 13	Đích danh; bình quân gia quyền; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước	B (bản sao nguyên văn)
Thông tư 200/2014/TT-BTC, Điều 23 khoản 9	Đích danh; bình quân gia quyền; nhập trước, xuất trước	A (văn bản hợp nhất, Công báo)
Thông tư 99/2025/TT-BTC, nguyên tắc kế toán hàng tồn kho khoản 9	Đích danh; bình quân gia quyền; nhập trước, xuất trước; giá bán lẻ; chi phí chuẩn	A (Công báo)

- **Đích danh** theo giá thực tế từng món, nên chỉ hợp với doanh nghiệp ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, nhận diện được.
- **Bình quân gia quyền** theo giá trị trung bình của tồn đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ; Thông tư 99 cho tính theo kỳ hoặc sau từng lô nhập.
- **Giá bán lẻ** dành cho ngành bán lẻ; **chi phí chuẩn** có thể áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất. Bài không tính ví dụ cho hai phương pháp này.
- **Cách ghi sổ.** Khoản 13 của Thông tư 99 nêu hai cách xác định hàng xuất: theo từng lần phát sinh, hoặc trên cơ sở hàng tồn kho cuối kỳ. Khoản 9 và 13 đều viết phải áp dụng nhất quán giữa các kỳ, trừ khi có sự thay đổi chính sách kế toán.
- **Thuyết minh.** Theo văn bản chuẩn mực số 02, đoạn 27 điểm a, báo cáo tài chính phải trình bày chính sách đánh giá hàng tồn kho, gồm phương pháp tính giá; đoạn 28 đòi thêm một khoản đối chiếu riêng với ai dùng nhập sau, xuất trước.

Hai thông tư không nêu nhập sau, xuất trước. Bài không kết luận phương pháp này có được dùng hay không; trong ví dụ nó chỉ là cột tham chiếu.

Ví dụ minh hoạ: công ty Khánh và công ty Oanh giả định

Đơn vị triệu đồng, hàng M tính bằng tấn, số liệu **giả định**. Hai công ty thương mại có cùng chuỗi mua bán cả năm; giá bán 100 triệu đồng mỗi tấn giữ nguyên để chỉ còn tác động của cách tính giá. Công ty Khánh dùng nhập trước, xuất trước. Công ty Oanh dùng bình quân gia quyền tính một lần cuối kỳ.

Lô hàng	Số tấn	Giá mỗi tấn	Giá trị
Tồn đầu năm	200	50	10.000
Mua lô 1	300	56	16.800
Mua lô 2	300	64	19.200
Mua lô 3	200	70	14.000
Cộng	1.000	60	60.000

Cả năm bán 800 tấn, doanh thu 80.000.

- **Nhập trước, xuất trước:** xuất tồn đầu, lô 1, lô 2: 10.000 cộng 16.800 cộng 19.200, bằng 46.000. Kho còn 200 tấn lô 3: 14.000.
- **Bình quân:** 60.000 chia 1.000 tấn là 60; giá vốn 800 nhân 60, bằng 48.000; kho 200 nhân 60, bằng 12.000.
- **Nhập sau, xuất trước (chỉ để so):** xuất lô 3, lô 2, lô 1: 14.000 cộng 19.200 cộng 16.800, bằng 50.000. Kho còn tồn đầu: 10.000.

Chỉ tiêu	Khánh: nhập trước, xuất trước	Oanh: bình quân	Tham chiếu: nhập sau, xuất trước
Giá vốn	46.000	48.000	50.000
Lãi gộp	34.000	32.000	30.000
Biên gộp	42,5%	40,0%	37,5%
Hàng tồn kho cuối năm	14.000	12.000	10.000
Giá vốn cộng hàng tồn kho	60.000	60.000	60.000
Số ngày tồn kho	111,1	91,2	73,0

Kiểm tra: giá vốn cộng hàng tồn kho đều 60.000 ở cả ba cột, nên phương pháp chỉ chia lại tổng chi phí. Lãi gộp của Khánh hơn Oanh 2.000, đúng bằng phần hàng tồn kho của Khánh hơn Oanh (14.000 so với 12.000). Số ngày tồn kho tính bằng tồn kho cuối năm chia giá vốn nhân 365 (cách tính đơn giản của Tâm An): cùng 200 tấn trong kho nhưng ra 111,1, 91,2 và 73,0 ngày.



Chi phí 60.000 của công ty Khánh và công ty Oanh giả định chia lại giữa giá vốn và hàng tồn kho theo từng phương pháp

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Giá đích danh: giá vốn nằm trong một khoảng. Nếu giá vốn theo đúng lô thực tế đã xuất, nó thấp nhất 46.000 khi 800 tấn bán ra là hàng rẻ, cao nhất 50.000 khi là hàng đắt. Đích danh bám theo lô thật sự đã xuất, nên bài không nói doanh nghiệp được tự chọn lô.

Giá nhập giảm thì ngược lại. Đảo thứ tự giá: tồn đầu 70, rồi mua 64, 56 và 50. Nhập trước, xuất trước cho giá vốn 50.000, biên 37,5%; bình quân 48.000, biên 40,0%; nhập sau, xuất trước 46.000, biên 42,5%.

Bình quân "cả kỳ" khác "sau mỗi lần nhập". Giả sử thứ tự trong năm đầu: tháng 2 mua lô 1; tháng 4 bán 300 tấn; tháng 6 mua lô 2; tháng 8 bán 300 tấn; tháng 10 mua lô 3; tháng 11 bán 200 tấn. Nếu công ty Oanh tính bình quân sau mỗi lần nhập, giá vốn là 47.016 và biên gộp 41,2%, so với 48.000 và 40,0% khi tính một lần cuối kỳ. Nhập trước, xuất trước vẫn ra 46.000 ở cả hai cách. Hai doanh nghiệp cùng ghi "bình quân gia quyền" vẫn có thể ra hai biên khác nhau.

Năm sau: giá nhập đứng yên, thứ tự đảo lại. Giả sử năm sau cả hai mua 800 tấn đều ở giá 70, bán 800 tấn, doanh thu 80.000. Khánh có tồn đầu 200 tấn giá 70, giá vốn 56.000, lãi gộp 24.000, biên 30,0%. Oanh có tồn đầu 12.000, cộng mua 56.000 bằng 68.000, chia 1.000 tấn là 68; giá vốn 54.400, lãi gộp 25.600, biên 32,0%.

Biên gộp	Năm đầu	Năm sau	Thay đổi
Khánh (nhập trước, xuất trước)	42,5%	30,0%	giảm 12,5 điểm
Oanh (bình quân)	40,0%	32,0%	giảm 8,0 điểm

Năm đầu, Khánh đưa hàng tồn đầu giá 50 vào giá vốn nên biên cao tạm thời. Năm sau kho giá cũ đã hết, giá vốn bám giá mua mới là 70, biên còn 30,0%, đúng bằng (100 trừ 70) chia 100. Bình quân còn chút giá cũ: năm thứ ba, nếu giá vẫn 70, giá vốn của Oanh là 55.680, biên 30,4%, gần Khánh hơn. Cộng hai năm, lãi gộp của Khánh là 58.000, của Oanh là 57.600; chênh 400 đúng bằng chênh hàng tồn kho cuối năm sau (14.000 so với 13.600). Phương pháp chuyển lãi giữa các kỳ, không tạo ra tiền: tiền chi mua của hai công ty giống hệt nhau.



Biên gộp hai năm của công ty Khánh và công ty Oanh giả định: 42,5% xuống 30,0% và 40,0% xuống 32,0%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Vì sao quan trọng khi so hai doanh nghiệp

Quy ước đọc của Tâm An (không phải chuẩn), đã kiểm lại bằng ví dụ trên, cho hai doanh nghiệp mua cùng loại hàng: khi giá nhập tăng, nhập trước xuất trước cho giá vốn thấp hơn, lãi gộp và hàng tồn kho cao hơn bình quân; khi giá giảm thì ngược lại. Giá ngừng tăng thì thứ tự có thể đảo như năm sau, rồi thu hẹp dần. Vì thế câu "doanh nghiệp A có biên gộp cao hơn B" cần thêm hai câu hỏi: hai bên dùng cách nào, và giá đầu vào đang đi theo chiều nào. Biên gộp còn đổi vì giá bán và sản lượng (xem cách tách hai hiệu ứng ấy); cách tính giá xuất kho là hiệu ứng thứ ba.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; năm hay quý (số quý là số đơn lẻ, so cùng quý năm trước).
2. **Tìm chính sách kế toán trong thuyết minh:** phương pháp tính giá xuất kho từng nhóm hàng, và cách ghi sổ nếu có nêu.
3. **So với kỳ trước và với doanh nghiệp so sánh:** có đổi phương pháp không; nếu đổi, tìm đoạn nói lý do và ảnh hưởng.
4. **Tự làm một phép tính:** mua vào ngầm bằng giá vốn cộng tồn cuối trừ tồn đầu. Khánh: 46.000 cộng 14.000 trừ 10.000, bằng 50.000; Oanh: 48.000 cộng 12.000 trừ 10.000, cũng 50.000. Hai bên mua như nhau, chỉ khác cách chia. Doanh nghiệp sản xuất còn nhân công, khấu hao trong giá thành nên chỉ là gần đúng.
5. **Xác định chiều giá đầu vào trong kỳ** từ báo cáo thường niên hoặc giá hàng hoá công khai, tuỳ doanh nghiệp, rồi đối chiếu chiều lệch ở trên.
6. **Đặt biên gộp cạnh số ngày tồn kho:** theo quy ước của Tâm An, ngày tồn kho dài và giá đầu vào đổi nhanh là lúc khoảng cách giữa các phương pháp có thể lớn; bài không đặt ngưỡng. Xem thêm bài về hàng tồn kho và cách ghi giá.
7. **Xem dự phòng giảm giá hàng tồn kho** khi giá giảm: hàng tồn kho tính theo số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được (chuẩn mực đoạn 04).
8. **Tách tiền khỏi cách tính giá.** Cách tính không đổi số tiền đã chi. Tiền cho các lô hàng nằm ở phải trả người bán và khoản trả trước cho người bán; tiền vào nằm ở tiền thu từ khách hàng.
9. **Ghép dòng theo tên, không theo mã số:** báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99, mã số đã đánh lại.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để nhắc đọc chính sách hàng tồn kho trước khi so biên gộp giữa hai doanh nghiệp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Khánh, công ty Oanh và mọi số liệu là giả định, đã đơn giản hoá: một mặt hàng, doanh nghiệp thương mại, giá bán cố định, không hao hụt, không dự phòng, không tính thuế.
- Doanh nghiệp thật có nhiều mặt hàng, mỗi nhóm có thể dùng cách riêng.

- Bài không biết doanh nghiệp Việt Nam thực tế dùng phương pháp nào nhiều nhất, và không bàn cách cơ quan thuế xử lý từng phương pháp.
- Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; xây dựng, bất động sản (tồn kho là chi phí dự án), ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "nhập trước, xuất trước làm lợi nhuận đẹp hơn": chiều lệch phụ thuộc giá nhập tăng hay giảm.
- Không viết "đổi phương pháp là có vấn đề": đổi có thể có lý do kinh doanh và phải được thuyết minh.
- Không coi 42,5%, 2,5 điểm hay 111 ngày là ngưỡng: mọi con số là số minh hoạ.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Biên gộp hai doanh nghiệp cùng ngành chênh nhau, hay biên của một doanh nghiệp đổi mạnh khi giá nguyên liệu đổi chiều, là tín hiệu để mở chính sách kế toán, bảng hàng tồn kho và số ngày tồn kho, chưa phải bằng chứng về điều gì. Cơ cấu sản phẩm, giá bán, mùa vụ đều có thể cho cùng bức tranh.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99/2025/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC (văn bản hợp nhất) được đọc nguyên văn từ bản Công báo, truy cập ngày 26/10/2026; chuẩn mực số 02 đọc qua bản sao nguyên văn.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 Hàng tồn kho (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC): đoạn 04, 13 đến 17, 27, 28 (mức B, bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu bản Công báo gốc).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025 (mức A): nguyên tắc kế toán hàng tồn kho khoản 9, 13.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC, Điều 23 (văn bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo, mức A): danh sách ba phương pháp.
- Cách đọc, chiều lệch và số liệu ví dụ là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python; không phải chuẩn hay quy định.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hàng tồn kho gồm những gì và được ghi nhận theo giá nào
- Lãi gộp tăng nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 02, doanh nghiệp tính giá hàng xuất kho theo một trong các phương pháp được nêu (đích danh, bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước); Thông tư 200 nêu ba phương pháp đầu, Thông tư 99 nêu năm (có giá bán lẻ và chi phí chuẩn, không có nhập sau xuất trước) và yêu cầu áp dụng nhất quán giữa các kỳ trừ khi thay đổi chính sách kế toán. Phương pháp không đổi tổng chi phí mua, chỉ chia lại giữa giá vốn và hàng tồn kho. Ví dụ giả định: công ty Khánh (nhập trước xuất trước) và công ty Oanh (bình quân) mua cùng bốn lô hàng, bán cùng 800 tấn, doanh thu 80.000; giá nhập tăng thì biên gộp 42,5% so với 40,0%, tồn kho 14.000 so với 12.000; năm sau giá đứng yên, biên đảo lại 30,0% so với 32,0%, và lãi gộp hai năm chênh 400 đúng bằng chênh hàng tồn kho. Hãy đọc chính sách kế toán về hàng tồn kho, cách ghi sổ, chiều giá đầu vào và số ngày tồn kho trước khi so biên gộp. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/phuong-phap-tinh-gia-xuat-kho-anh-huong-gia-von-va-loi-nhuan-the

Doanh thu chưa thực hiện (doanh thu chờ phân bổ) khác gì người mua trả tiền trước?

Câu trả lời ngắn

Cả hai đều là tiền khách đã trả hoặc được quyền thu khi doanh nghiệp chưa làm xong phần việc tương ứng, nên nằm ở phía nợ phải trả. Khác nhau ở cách hết đi. Người mua trả tiền trước là tiền khách ứng cho một đơn hàng hay dịch vụ chưa được cung cấp; khoản này hết khi doanh nghiệp giao. Doanh thu chờ phân bổ, tên cũ là doanh thu chưa thực hiện, là tiền thu trước cho một hoặc nhiều kỳ, ví dụ cho thuê tài sản; khoản này được chia ra từng kỳ để thành doanh thu. Báo cáo tình hình tài chính xếp hai khoản ở hai dòng riêng. Trong ví dụ giả định, công ty Hương cuối năm có 75 tỷ đồng người mua trả tiền trước và 60 tỷ đồng doanh thu chờ phân bổ, cộng 135 tỷ, bằng 27,0% nợ phải trả, và không khoản nào là tiền vay. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Hai khoản nhận trước: người mua trả tiền trước hết đi theo từng lần giao hàng, doanh thu chờ phân bổ hết đi đều theo từng kỳ

Sơ đồ khái niệm, số liệu giả định.

Hai dòng riêng trên báo cáo

Từ năm tài chính 2026 doanh nghiệp lập báo cáo theo Thông tư 99; báo cáo năm 2025 còn theo Thông tư 200. Bảng cân đối kế toán nay gọi là báo cáo tình hình tài chính. Mỗi khoản có một dòng ngắn hạn và một dòng dài hạn trong phần nợ phải trả.

	Người mua trả tiền trước	Doanh thu chờ phân bổ
Tên và mã theo Thông tư 200	Người mua trả tiền trước, mã 312 và 332	Doanh thu chưa thực hiện, mã 318 và 336
Tên và mã theo Thông tư 99	Giữ nguyên, mã 312 và 332	Doanh thu chờ phân bổ, mã 319 và 337
Số liệu lấy từ	Số dư Có chi tiết tài khoản 131 (phải thu của khách hàng), mở theo từng khách	Số dư Có chi tiết tài khoản 3387
Mẫu mô tả	Tiền người mua ứng trước mà doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp; không gồm doanh thu nhận trước	Doanh thu chờ phân bổ theo thời gian dự kiến phân bổ
Chia ngắn hạn, dài hạn	Nghĩa vụ cung cấp trong hay quá 12 tháng (hoặc một chu kỳ)	Thời gian phân bổ dự kiến trong hay quá 12 tháng (hoặc một chu kỳ)

Tài khoản 131 thường dư Nợ, là tiền khách còn nợ. Khi khách ứng trước, Thông tư 99 hướng dẫn ghi bên Có tài khoản này nên nó có thể dư Có. Khi lập báo cáo, doanh nghiệp lấy số dư từng khách: khách dư Nợ vào dòng phải thu, khách dư Có vào dòng người mua trả tiền trước, không bù trừ nhau.

Khác nhau ở chỗ nào

Câu hỏi	Người mua trả tiền trước	Doanh thu chờ phân bổ
Tiền đến từ đâu	Khách ứng cho hợp đồng mà doanh nghiệp chưa cung cấp hàng hoá, dịch vụ	Khách trả trước một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản; chương trình khách hàng truyền thống
Hết đi khi nào	Khi doanh nghiệp giao hàng hay cung cấp dịch vụ, thường theo từng lần giao	Phân bổ vào doanh thu của từng kỳ, theo thời gian dự kiến
Nếu hợp đồng chấm dứt	Có thể phải trả lại tiền	Trả lại tiền nhận trước khi không tiếp tục cho thuê
Bằng ngoại tệ	Không đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ, trừ khi có bằng chứng chắc chắn phải trả lại tiền	Cùng quy tắc

Hàng "hết đi khi nào" là cách Tâm An tóm tắt; văn bản ghi rõ vế thứ hai, bên Nợ tài khoản 3387 là "doanh thu chờ phân bổ tính cho từng kỳ kế toán". Với người mua trả tiền trước, Thông tư 99 (mục 3.1 của tài khoản 131) hướng dẫn khi bán hàng chưa thu đủ tiền thì ghi Nợ tài khoản 131, Có tài khoản 511, nên phần dư Có của khách đó được bù vào đơn hàng đã giao; đây là suy luận của Tâm An.



Hai dòng trên báo cáo tình hình tài chính: người mua trả tiền trước mã 312 và 332, doanh thu chờ phân bổ mã 319 và 337 theo Thông tư 99

Sơ đồ khái niệm theo Thông tư 99, mẫu B01.

Vì sao hai khoản hay bị nhầm

1. **Cùng chữ "chưa thực hiện".** Thông tư 99 (nguyên tắc doanh thu, khoản 3) viết doanh thu chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trong tương lai. Theo nghĩa rộng ấy, tiền khách ứng trước cũng là nghĩa vụ chưa làm, nhưng mẫu báo cáo vẫn tách riêng hai dòng. Đó là cách đọc của Tâm An, không phải câu văn của thông tư.
2. **Ranh giới nằm ở hợp đồng.** Văn bản nêu hai nhóm: tiền nhận trước mà doanh nghiệp chưa cung cấp hàng hoá, dịch vụ không vào tài khoản 3387; tiền thu trước cho thuê tài sản, dịch vụ nhiều kỳ thì vào đó. Dịch vụ kéo dài đã thu một lần nằm ở dòng nào, doanh nghiệp quyết định theo hợp đồng; hai doanh nghiệp có thể xếp khác dòng, bài chưa khảo sát thực tế này.
3. **Danh sách ví dụ đã đổi.** Thông tư 200 liệt kê thêm trong tiểu khoản 3387 lãi nhận trước khi cho vay hoặc mua công cụ nợ, và chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp với giá trả tiền ngay. Phần tài khoản 338 của Thông tư 99 đã đọc không nhắc hai loại này; xử lý ở chỗ khác ra sao, bài chưa đối chiếu nên không kết luận.
4. **Mã số đổi nghĩa.** Mã 318 theo Thông tư 200 là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, theo Thông tư 99 là phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn. Mã 337 theo Thông tư 200 là phải trả dài hạn khác, theo Thông tư 99 mới là doanh thu chờ phân bổ dài hạn. Ghép hai kỳ theo mã sẽ ra sai dòng.

Ví dụ minh hoạ: công ty Hương giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Công ty Hương nhận đơn hàng đặt theo yêu cầu (khách ứng tiền) và cho thuê kho (khách trả trước nhiều năm). Bài bỏ qua thuế, hoàn tiền và thay đổi hợp đồng giữa kỳ.

Người mua trả tiền trước. Đầu năm số dư 60. Trong năm khách ứng thêm 90. Hương giao những đơn hàng có phần tiền ứng 75, nên số dư được bù từng lần giao.

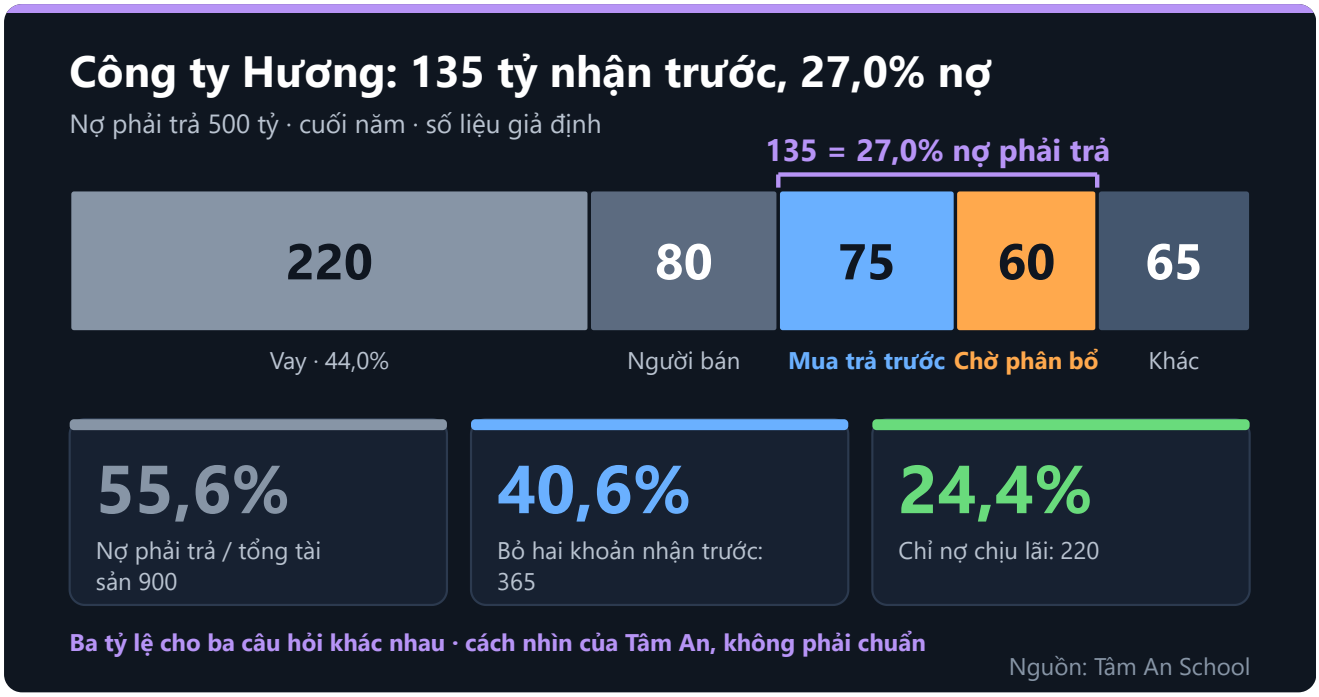
Bảng biến động	Tỷ đồng
Số dư đầu năm	60
Khách ứng thêm trong năm	+90
Bù vào đơn hàng đã giao	(75)
Số dư cuối năm, mã 312	**75**

Kiểm cộng: 60 + 90 - 75 = 75.

Doanh thu chờ phân bổ. Đầu năm số dư 30, thuộc hợp đồng cũ; trong năm phân bổ 18, còn 12. Đầu năm Hương ký hợp đồng thuê kho 36 tháng, khách trả trước 72, tức 2 mỗi tháng. Cuối năm đã phân bổ 24, còn 48, trong đó 24 sẽ phân bổ trong 12 tháng tới và 24 sau đó.

Bảng biến động	Tỷ đồng
Số dư đầu năm	30
Thu trước thêm (hợp đồng mới)	+72
Phân bổ vào doanh thu (18 hợp đồng cũ + 24 hợp đồng mới)	(42)
Số dư cuối năm	**60**
Trong đó ngắn hạn, mã 319 (12 + 24)	36
Trong đó dài hạn, mã 337	24

Kiểm cộng: 30 + 72 - 42 = 60 và 36 + 24 = 60. Hợp đồng mới sẽ đem lại 24 doanh thu mỗi năm trong ba năm, tổng 72, dù tiền đã vào cả trong năm đầu.



Công ty Hương giả định: 75 người mua trả tiền trước và 60 doanh thu chờ phân bổ, tổng 135, bằng 27,0% nợ phải trả

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Ghép vào báo cáo. Trong năm Hương nhận trước 162 (90 + 72) nhưng chỉ ghi doanh thu 117 (75 + 42) từ hai khoản. Chênh lệch 45 đúng bằng mức tăng hai số dư: từ 90 lên 135, tăng 50,0%. Nợ phải trả cuối năm 500 gồm vay và nợ thuê tài chính 220 (44,0%), phải trả người bán 80, hai khoản nhận trước 135 (27,0%), phải trả khác 65. Tổng tài sản giả định 900. Nợ phải trả trên tổng tài sản là 55,6%; bỏ hai khoản nhận trước còn 365, bằng 40,6%; riêng nợ chịu lãi 220 là 24,4%. Ba con số trả lời ba câu hỏi khác nhau: gánh nghĩa vụ chung, gánh nghĩa vụ trừ phần trả bằng hàng, gánh phải trả bằng tiền cả gốc lẫn lãi. Đây là cách nhìn của Tâm An, không phải chuẩn; nếu khách đòi lại tiền thì khoản nhận trước thành khoản phải trả bằng tiền.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo tình hình tài chính:** lấy cả bốn ô (hai khoản, mỗi khoản ngắn và dài hạn), so đầu kỳ với cuối kỳ. Ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã.
2. **Thuyết minh:** tìm chi tiết theo khách hàng hoặc loại khoản và kỳ hạn. Có bảng biến động thì đối chiếu; không có thì tự lập "cuối = đầu + nhận thêm - chuyển thành doanh thu". Mức chi tiết tuỳ doanh nghiệp.
3. **Hình dáng:** người mua trả tiền trước giảm theo bước khi có lần giao; doanh thu chờ phân bổ giảm đều nếu không ký thêm hợp đồng. Đó chỉ là hình dáng thông thường, không phải bằng chứng.
4. **Doanh thu và dòng tiền:** hai khoản tăng thì tiền thu cao hơn doanh thu, giảm thì ngược lại; cách ước tính nằm ở bài doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không. Khi chuyển thành doanh thu, hai khoản góp vào lãi gộp của kỳ; phần do khối lượng và do biên tách theo bài lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn.
5. **Đối ứng:** khoản doanh nghiệp trả trước cho người bán nằm ở phía tài sản, xem khoản phải thu không đến từ bán hàng. Nhà cung cấp tài trợ qua phải trả người bán, khách hàng qua hai khoản của bài này.

Bài doanh thu được ghi nhận khi nào đi từ hợp đồng đến báo cáo; bài này đi sâu hai dòng nằm giữa tiền và doanh thu.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt hai dòng nhận trước cạnh doanh thu qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Hương, các hợp đồng và mọi con số đều là giả định; 27,0%, 50,0%, 55,6%, 40,6% không phải ngưỡng. Bảng biến động đã giản lược.
- Bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.
- Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng là dòng khác, bài không bàn. Ý nghĩa tăng, giảm của người mua trả tiền trước ở các ngành bán trước sẽ có bài riêng trong chuỗi.
- Tên dòng và mức chi tiết có thể khác giữa kỳ trước và sau Thông tư 99.

Đừng nói quá

- Không viết "doanh thu chờ phân bổ lớn là doanh thu chắc chắn": doanh thu chỉ thành hình khi nghĩa vụ được thực hiện, và hợp đồng có thể đổi hay chấm dứt.
- Không viết "người mua trả tiền trước cao là tốt" hay "là xấu": có thể là nhiều đơn hàng mới, cũng có thể là giao hàng chậm.
- Không viết "hai khoản này không phải nợ": chúng là nợ phải trả, chỉ khác ở cách trả.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một trong hai dòng tăng hoặc giảm mạnh, hay dòng này co lại khi dòng kia nở ra giữa hai kỳ, là tín hiệu để mở thuyết minh về hợp đồng và cách phân loại, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: mùa vụ, đổi chính sách thu tiền, ký hay hết hạn hợp đồng dài hạn, đổi tên dòng khi chuyển sang Thông tư 99.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và Thông tư 200 đọc nguyên văn từ Công báo, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): Phụ lục II, tài khoản 338 mục 1, 2 (tài khoản 3387; số 1571 + 1572); tài khoản 131 mục 1, 2, 3.1, 3.5 (số 1565 + 1566); nguyên tắc doanh thu, khoản 2, 3 (số 1573 + 1574); tài khoản 413 mục 1.3; Phụ lục IV, mẫu B01 và hướng dẫn mã 312, 319, 332, 337 (số 1579 + 1580).
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo 05/02/2020, mức A): Điều 57 tiểu khoản 3387; Điều 112 hướng dẫn mã 312, 318, 332, 336; mẫu B01.
- Ví dụ, cách tóm tắt "hết đi khi nào", cách nhìn ba tỷ lệ nợ và các bảng biến động là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Doanh thu được ghi nhận khi nào, khác thu tiền thế nào
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Người mua trả tiền trước là tiền khách ứng cho hàng hay dịch vụ chưa được cung cấp, hết đi theo từng lần giao; doanh thu chờ phân bổ, tên cũ là doanh thu chưa thực hiện, là tiền thu trước cho nhiều kỳ, hết đi đều theo từng kỳ. Công ty Hương giả định cuối năm có 75 tỷ người mua trả tiền trước (mã 312) và 60 tỷ doanh thu chờ phân bổ (36 ngắn hạn mã 319, 24 dài hạn mã 337), cộng 135 tỷ, bằng 27,0% nợ phải trả 500 tỷ; riêng vay chiếm 44,0%. Trong năm Hương nhận trước 162 tỷ nhưng chỉ ghi doanh thu 117 tỷ từ hai khoản, chênh lệch 45 tỷ đúng bằng mức tăng hai số dư. Ghép hai kỳ theo tên dòng, vì mã 318 và 337 đổi nghĩa giữa Thông tư 200 và Thông tư 99; mở thuyết minh để tự lập bảng biến động. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-thu-chua-thuc-hien-khac-gi-nguoi-mua-tra-tien-truoc

Người mua trả tiền trước tăng hay giảm cho biết điều gì? Các ngành bán trước, ghi nhận sau

Câu trả lời ngắn

Người mua trả tiền trước là tiền khách đã đưa cho đơn hàng hay hợp đồng mà doanh nghiệp chưa giao xong, nên nằm ở nợ phải trả. Số dư cuối kỳ bằng số dư đầu kỳ, cộng tiền nhận thêm, trừ phần đã chuyển thành doanh thu. Vì vậy con số tăng có hai cách giải thích (đơn mới nhiều hơn, hoặc giao chậm hơn) và con số giảm cũng có hai (giao được nhiều hơn, hoặc đơn mới ít hơn). Muốn phân biệt, hãy đọc cạnh doanh thu, hàng tồn kho và thuyết minh. Ở nhà thầu, tiền ứng trước còn không đo phần việc đã làm. Trong ví dụ giả định, số dư của công ty Đạt tăng 150,0% trong một năm khi doanh thu chỉ tăng 2,6%. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Bốn tình huống đọc người mua trả tiền trước cạnh doanh thu và hàng tồn kho

Sơ đồ khái niệm, số liệu giả định.

Ngành bán trước, ghi nhận sau

Doanh thu đi theo điều kiện ghi nhận, không theo tiền. Thông tư 99 (tài khoản 511, mục 1.2) nêu doanh thu bán hàng chỉ được ghi khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua, cùng các điều kiện khác; doanh thu dịch vụ cần, trong số các điều kiện, xác định được phần công việc đã hoàn thành. Với nhà thầu, Thông tư 99 (tài khoản 131, mục 3.6) và VAS 15 đoạn 22 tách hai trường hợp theo cách thanh toán trong hợp đồng.

Kiểu hợp đồng	Doanh thu ghi khi nào	Hình dáng số dư trả trước thường gặp
Bán hàng giao theo đơn	Khi chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích	Bậc thang: tăng khi nhận tiền, giảm một nấc mỗi lần giao
Hợp đồng xây dựng, thanh toán theo tiến độ kế hoạch	Theo phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định, không phụ thuộc hoá đơn	Doanh thu theo phần trăm hoàn thành, tiền theo hợp đồng
Hợp đồng xây dựng, thanh toán theo khối lượng thực hiện	Theo phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận	Doanh thu ghi khi khách xác nhận

Cột cuối là cách mô tả của Tâm An. Bất động sản, xây dựng, giáo dục, phần mềm thuê bao thường được nhắc là các mô hình thu tiền trước; mỗi doanh nghiệp ghi nhận theo hợp đồng riêng nên bài không nêu cách ghi cụ thể của từng ngành. Tiền thu một lần cho nhiều kỳ nằm ở người mua trả tiền trước hay doanh thu chờ phân bổ đã phân biệt ở bài doanh thu chưa thực hiện khác gì người mua trả tiền trước.

Tăng hay giảm: bốn tình huống

Báo cáo không in hai vế "nhận thêm" và "chuyển thành doanh thu", chỉ in số dư. Người đọc phải đoán qua doanh thu của kỳ (vế chuyển hoá) và hàng tồn kho gồm chi phí sản xuất dở dang (sản phẩm đang làm bằng tiền khách).

Số dư trả trước	Doanh thu	Hàng tồn kho, chi phí dở dang	Một cách đọc, chưa phải kết luận
Tăng	Tăng	Tăng	Nhận đơn và giao song song, quy mô lớn dần
Tăng mạnh	Đi ngang	Tăng mạnh	Tiền vào, hàng chưa ra: dự án dài, giao chậm hoặc mức đặt cọc cao hơn
Giảm	Tăng	Giảm	Đang giao phần đã nhận tiền; doanh thu kỳ sau cần đơn mới bù
Giảm	Giảm	Giảm	Đơn mới ít hơn, hoặc hợp đồng kết thúc, hoàn tiền; xem thuyết minh

Hai phép tính giúp so sánh qua nhiều kỳ, cả hai là cách tính của Tâm An, không phải chuẩn:

- **Độ phủ** bằng số dư người mua trả tiền trước (cộng doanh thu chờ phân bổ nếu có) chia cho doanh thu năm; nhân 12 ra số tháng doanh thu mà số dư tương đương.
- **Tối đa phần doanh thu đã có tiền từ đầu năm** bằng số dư đầu năm chia cho doanh thu năm. Đó là mức trần, vì tiền nhận trước đầu năm là phần duy nhất của đơn cũ có thể thành doanh thu năm nay.

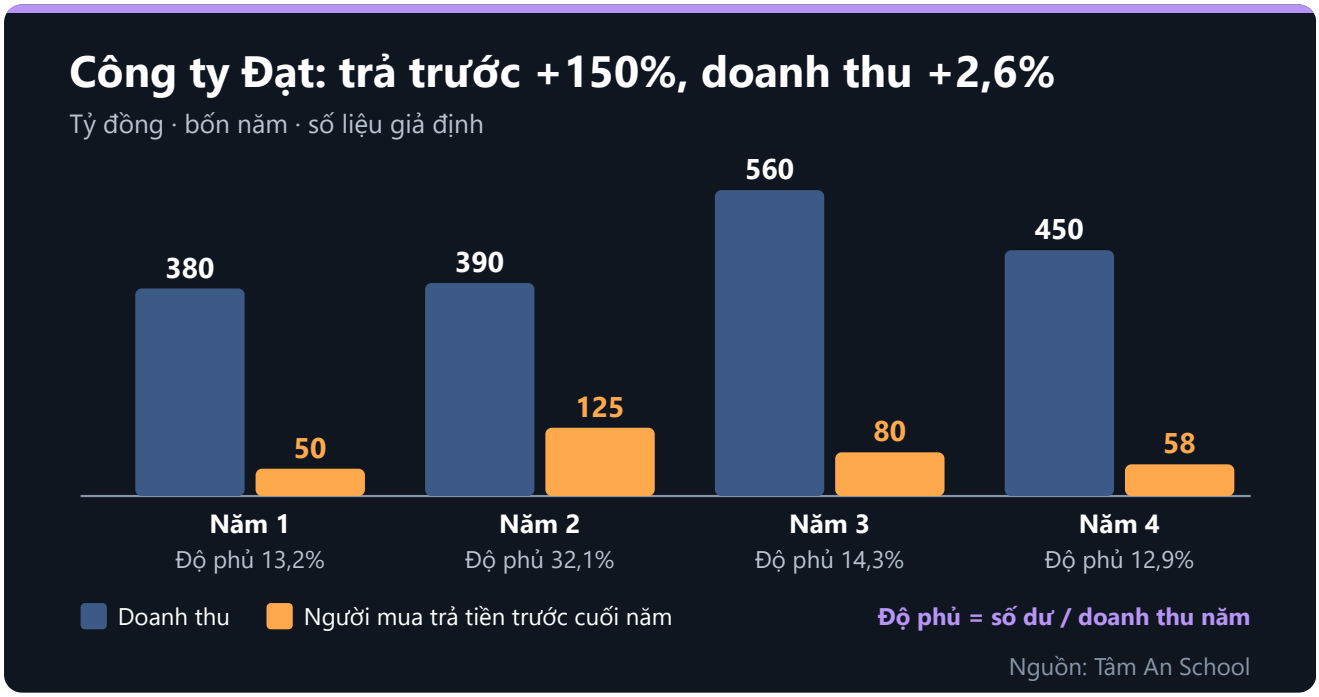
Ví dụ minh hoạ: công ty Đạt giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Công ty Đạt sản xuất thiết bị theo đơn đặt hàng, khách ứng một phần giá trị khi đặt. Trước năm một, số dư người mua trả tiền trước là 35, hàng tồn kho 95, doanh thu 350. Mỗi năm đại diện một tình huống.

Năm	Doanh thu	Trả trước cuối năm	Thay đổi	Hàng tồn kho	Độ phủ	Tối đa doanh thu đã có tiền từ đầu năm
1	380 (+8,6%)	50	+15	108	13,2%	9,2%
2	390 (+2,6%)	125	+75	190	32,1%	12,8%
3	560 (+43,6%)	80	(45)	115	14,3%	22,3%
4	450 (-19,6%)	58	(22)	98	12,9%	17,8%

Năm 1 là tình huống đầu: số dư, doanh thu và hàng tồn kho cùng tăng. **Năm 2** là tình huống thứ hai: số dư tăng 75 (150,0%) nhưng doanh thu chỉ tăng 10, trong khi hàng tồn kho tăng 82, cùng chiều và cùng cỡ với số dư. Độ phủ nhảy từ 13,2% lên 32,1%, tương đương 3,8 tháng doanh thu.

Năm 3 là tình huống thứ ba: doanh thu tăng 43,6% còn số dư giảm 45, hàng tồn kho giảm 75. Tối đa 22,3% doanh thu (125 trên 560) có thể đến từ tiền khách đã trả trước năm đó; phần còn lại, tối thiểu 77,7%, đến từ đơn nhận trong năm, có hoặc không có tiền ứng. Số dư giảm ở đây chưa chắc là bán yếu. **Năm 4** là tình huống thứ tư: doanh thu giảm 19,6%, số dư giảm 27,5%, nhanh hơn 7,9 điểm phần trăm. Độ phủ 12,9% lại gần năm 1, nên có thể chỉ là về mức thông thường sau đợt giao nhiều.



Công ty Đạt giả định: doanh thu và người mua trả tiền trước cuối năm của bốn năm, độ phủ 13,2%, 32,1%, 14,3%, 12,9%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Nhà thầu: ứng trước không đo phần việc đã làm

VAS 15 đoạn 30 viết rằng việc thanh toán theo tiến độ và những khoản ứng trước nhận từ khách hàng thường không phản ánh phần công việc đã hoàn thành (theo bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu bản Công báo gốc). Vì vậy nhà thầu có thêm hai dòng ngoài người mua trả tiền trước. Theo đoạn 40 và 41, **phải thu theo tiến độ** là chênh lệch khi doanh thu luỹ kế đã ghi lớn hơn hoá đơn luỹ kế thanh toán theo tiến độ kế hoạch; **phải trả theo tiến độ** là chiều ngược lại. Mẫu B01 của Thông tư 99 có hai dòng này: mã 134 (số dư Nợ chi tiết tài khoản 337) và mã 318 (ngắn hạn). Mức so sánh là hoá đơn lập theo hợp đồng, không nhất thiết là tiền đã thu.

Công ty Huệ giả định là nhà thầu, thanh toán theo tiến độ kế hoạch, xác định phần việc hoàn thành bằng tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí dự toán (một trong ba cách tại đoạn 30). Đơn vị tỷ đồng, cuối năm:

Hợp đồng	Giá trị	Chi phí đã phát sinh / dự toán	Hoàn thành	Doanh thu luỹ kế	Hoá đơn luỹ kế	Chênh lệch
1	400	112 / 320	35,0%	140	180	Phải trả theo tiến độ 40
2	300	144 / 240	60,0%	180	150	Phải thu theo tiến độ 30
3	250	80 / 200	40,0%	100	100	0

Hợp đồng 4 mới ký: khách ứng 15, chưa thi công, doanh thu bằng 0, nên 15 nằm ở người mua trả tiền trước. Ba dòng cho ba thứ tự: 15 là tiền đi trước việc, 40 là hoá đơn đi trước việc, 30 là việc đi trước hoá đơn. Chỉ nhìn dòng người mua trả tiền trước thì bỏ sót hai dòng còn lại.

Theo đoạn 36, thay đổi ước tính được hạch toán như thay đổi ước tính kế toán, ghi vào kỳ xảy ra thay đổi. Nếu dự toán chi phí hợp đồng 1 nâng từ 320 lên 400, tỷ lệ hoàn thành tụt từ 35,0% xuống 28,0%, doanh thu luỹ kế từ 140 xuống 112 và phần phải trả theo tiến độ từ 40 lên 68, trong khi hoá đơn không đổi.



Nhà thầu giả định: người mua trả tiền trước mã 312 là 15, phải trả theo tiến độ mã 318 là 40, phải thu theo tiến độ mã 134 là 30

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo tình hình tài chính:** lấy các ô người mua trả tiền trước (mã 312, 332) và doanh thu chờ phân bổ (mã 319, 337) của ít nhất năm kỳ; nhà thầu thêm mã 134 và 318. Ghép theo tên dòng, không theo mã: mã 317 theo Thông tư 200 là phải trả theo tiến độ kế hoạch, theo Thông tư 99 là phải trả nội bộ ngắn hạn.
2. **Cạnh doanh thu và hàng tồn kho:** tính độ phủ, mức thay đổi và mức trần phần doanh thu đã có tiền, luôn bằng một cách tính. Tiền thu ước tính nằm ở bài doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không.
3. **Thuyết minh:** tìm chi tiết theo khách hàng hay hợp đồng và thời hạn dự kiến giao. Với nhà thầu, VAS 15 đoạn 37 yêu cầu trình bày phương pháp xác định doanh thu và phần việc hoàn thành; xem có đổi giữa các kỳ không.
4. **Biên gộp:** khi số dư chuyển thành doanh thu, biên của các đơn ấy đi vào kỳ; xem bài lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn.
5. **Đối ứng:** doanh nghiệp nhận tiền khách đôi khi lại ứng cho nhà cung cấp; xem khoản phải thu không đến từ bán hàng và phải trả người bán.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt số dư trả trước cạnh doanh thu và hàng tồn kho qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Đạt, công ty Huệ, các hợp đồng và mọi con số đều là giả định. Độ phủ, mức trần 22,3% và các tỷ lệ khác không phải ngưỡng; bài bỏ qua thuế, hoàn tiền, tỷ giá và đổi hợp đồng giữa kỳ.
- Số dư là ảnh chụp một ngày; mùa vụ hay đợt giao cuối năm làm nó lệch. Hãy so cùng thời điểm các năm.
- Hệ số thanh toán và điểm Z'' tính từ vốn lưu động có thể méo ở nhóm nợ chủ yếu là tiền khách trả trước, vì phần nợ này trả bằng giao hàng. Cách điều chỉnh là cách nhìn thử của Tâm An, chưa kiểm định.
- Bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính; tên dòng có thể khác giữa kỳ trước và sau Thông tư 99.

Đừng nói quá

- Không viết "số dư trả trước tăng là doanh thu tương lai chắc chắn": hợp đồng có thể đổi, chậm hay chấm dứt.
- Không viết "số dư giảm là bán yếu" hay "tăng là bán tốt": mỗi chiều có hai cách giải thích.
- Không viết "phải trả theo tiến độ lớn là xấu": đó là chênh lệch giữa doanh thu ghi và hoá đơn lập.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Số dư trả trước nở hay co nhanh hơn doanh thu, hay dòng phải trả theo tiến độ tăng khi doanh thu ghi chững lại, là tín hiệu để mở thuyết minh về hợp đồng, kỳ hạn giao và cách xác định phần việc, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: mùa vụ, đổi chính sách đặt cọc, ký hay hoàn thành một hợp đồng lớn, đổi tên dòng khi chuyển sang Thông tư 99.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và 200 đọc nguyên văn từ Công báo, VAS 15 qua bản sao, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): Phụ lục II, tài khoản 511 mục 1.2 (số 1573 + 1574); tài khoản 131 mục 3.5, 3.6 (số 1565 + 1566); Phụ lục IV, mẫu B01 (số 1577 + 1578) và hướng dẫn mã 134, 312, 332 (số 1579 + 1580).
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo 05/02/2020, mức A): tài khoản 131 mục 3.6; mẫu B01 (mã 134, 317).
- VAS 15 Hợp đồng xây dựng (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 22, 30, 36 đến 41, theo bản sao nguyên văn, mức B; Thông tư 99 Điều 31 khoản 1 không liệt kê quyết định này trong các văn bản bị thay thế (theo bản trích đã đọc).
- Ví dụ, độ phủ, mức trần, hình dáng số dư và các bảng là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Doanh thu chưa thực hiện khác gì người mua trả tiền trước
- Phải trả người bán tăng: nguồn vốn miễn phí hay áp lực thanh toán
- Lãi gộp tăng là nhờ bán nhiều hơn hay nhờ biên cao hơn
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng nói lên điều gì
- Doanh thu tăng nhưng tiền thu từ khách hàng có tăng theo không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Người mua trả tiền trước là tiền khách ứng cho hàng hay hợp đồng chưa giao xong; số dư cuối kỳ bằng số dư đầu kỳ cộng tiền nhận thêm trừ phần chuyển thành doanh thu, nên tăng hay giảm đều có hai cách giải thích. Công ty Đạt giả định có số dư tăng từ 50 lên 125 tỷ (150,0%) khi doanh thu chỉ tăng từ 380 lên 390 tỷ (2,6%) và hàng tồn kho tăng 82 tỷ; độ phủ nhảy từ 13,2% lên 32,1%. Năm sau doanh thu tăng 43,6% còn số dư giảm 45 tỷ, tức tối đa 22,3% doanh thu năm đó có thể đến từ tiền nhận trước. Ở nhà thầu, VAS 15 đoạn 30 viết ứng trước thường không phản ánh phần việc đã hoàn thành; công ty Huệ giả định có ba dòng: 15 tỷ người mua trả tiền trước, 40 tỷ phải trả theo tiến độ, 30 tỷ phải thu theo tiến độ. Hãy đọc số dư cạnh doanh thu, hàng tồn kho và thuyết minh, ghép hai kỳ theo tên dòng vì mã 317 và 318 đổi nghĩa giữa Thông tư 200 và Thông tư 99. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

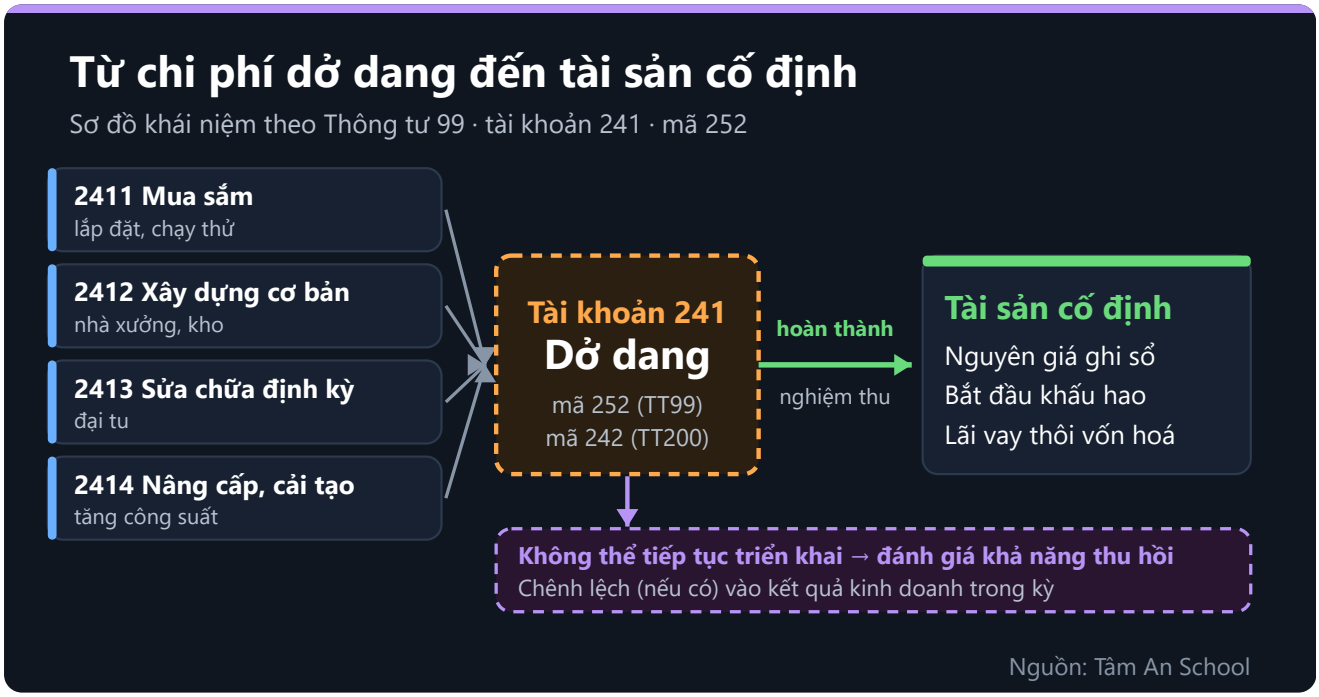
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/nguoi-mua-tra-tien-truoc-tang-hay-giam-cho-biet-dieu-gi

Xây dựng cơ bản dở dang là gì? Vì sao dự án nằm 'dở dang' nhiều năm cần được đọc kỹ?

Câu trả lời ngắn

Xây dựng cơ bản dở dang là chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra cho tài sản dài hạn chưa làm xong: nhà xưởng đang xây, máy móc đang lắp đặt, đợt sửa chữa hay nâng cấp chưa hoàn tất. Theo Thông tư 99, số liệu lấy từ số dư Nợ tài khoản 241 và nằm ở dòng "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã 252). Khi công trình hoàn thành và vào trạng thái hoạt động, số dư mới chuyển sang tài sản cố định. Dự án nằm dở dang nhiều năm không tự nó là điều xấu, vì dự án lớn thường chia giai đoạn hoặc chờ giấy phép, chờ vốn. Điều cần đọc là khoản đó còn được chi tiếp, đang chuyển dần sang tài sản cố định và có kế hoạch hoàn thành không. Trong ví dụ giả định, công ty Minh cuối năm có 420 tỷ đồng ở dòng này, bằng 20,0% tổng tài sản, và 150 tỷ trong đó nằm yên hai năm không chi thêm đồng nào. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Từ chi phí dở dang đến tài sản cố định: các khoản chi dồn vào tài khoản 241, khi hoàn thành chuyển sang tài sản cố định

Sơ đồ khái niệm theo Thông tư 99, số liệu giả định.

Khoản này nằm ở đâu và gồm những gì

Báo cáo năm 2025 còn lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 doanh nghiệp theo Thông tư 99. Dòng này đổi mã, từ 242 sang 252, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã. Mã 252 cộng mã 251 (chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn, bài không bàn) thành mã 250, tài sản dở dang dài hạn.

Hướng dẫn mã 252 nói rõ khoản này gồm tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp cải tạo còn dở dang; tài khoản 241 vì thế có bốn tiểu khoản: mua sắm (2411), xây dựng cơ bản (2412), sửa chữa định kỳ (2413), nâng cấp cải tạo (2414). Nên "dở dang" không chỉ là xây nhà máy.

Ba chi tiết trong hướng dẫn đáng nhớ. Một, tài khoản mở chi tiết theo từng công trình, luỹ kế từ khởi công. Hai, số dư Nợ còn gồm công trình đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao hoặc quyết toán chưa duyệt. Ba, tiền ứng trước cho nhà thầu được hướng dẫn ghi Nợ tài khoản 331 (phải trả cho người bán); nhận khối lượng hoàn thành mới ghi Nợ tài khoản 241. Tâm An suy ra: tiền ứng chưa nghiệm thu nằm ngoài con số dở dang, nên con số này có thể thấp hơn tiền đã đổ vào dự án.

Từ dở dang thành tài sản cố định

Khi công trình hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định, Thông tư 99 hướng dẫn ghi tăng tài sản cố định, giảm tài khoản 241. Quyết toán chưa duyệt thì ghi theo giá tạm tính để khấu hao, rồi điều chỉnh khi có giá quyết toán. Trên thuyết minh, phần chuyển nằm ở dòng "Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành" của bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao của chính tài sản bắt đầu từ lúc ấy. Trước đó "chưa khấu hao" không có nghĩa mọi khấu hao dừng: chuẩn mực số 03 (đoạn 29) cho phép tính khấu hao máy móc dùng để tự xây dựng tài sản khác vào giá trị tài sản đó. Lãi vay vốn hoá thôi được cộng vào khi các hoạt động chủ yếu hoàn thành (chuẩn mực số 16, đoạn 18, bản đăng lại); cơ chế ấy ở bài vốn hoá chi phí lãi vay, bài này không lặp.

Vì sao có dự án nằm nhiều năm

Bảng dưới là tổng hợp của Tâm An, không phải quy định.

Quan sát	Cách đọc bình thường	Câu hỏi nên đặt
Số dư tăng, năm nào cũng chi mới	Dự án lớn nhiều giai đoạn	Giai đoạn nào đã chuyển sang tài sản cố định? Dự kiến xong khi nào?
Số dư đứng yên, không chi thêm	Chờ giấy phép, giải phóng mặt bằng, đổi thiết kế, chờ vốn	Thuyết minh nêu lý do không? Thời gian dừng có vốn hoá lãi vay không?
Hoàn thành mà vẫn dở dang	Chờ nghiệm thu, bàn giao, quyết toán	Đã vào trạng thái hoạt động chưa? Nguyên giá tạm tính và khấu hao đã bắt đầu chưa?

Hàng thứ ba cần đọc chậm: Thông tư 99 cho số dư Nợ còn công trình hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa duyệt quyết toán, nhưng khi công trình đã vào trạng thái hoạt động thì hướng dẫn ghi nguyên giá tạm tính để khấu hao. Công trình cụ thể đến mốc nào do hồ sơ nghiệm thu quyết định.



Ba câu hỏi khi một khoản xây dựng cơ bản dở dang nằm lâu: còn chi tiếp không, đã chuyển dần sang tài sản cố định chưa, có kế hoạch hoàn thành và thu hồi không

Sơ đồ khái niệm.

Khi dự án không thể tiếp tục

Thông tư 99 (tài khoản 241) nêu hai trường hợp. Nếu doanh nghiệp không thể tiếp tục triển khai dự án đang đầu tư, phải căn cứ thực tế để đánh giá khả năng thu hồi các khoản đã chi; chênh lệch nếu có hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Nếu dự án bị huỷ bỏ hoặc tổn thất, doanh nghiệp thanh lý, thu hồi; chênh lệch ghi vào chi phí khác hoặc xác định trách nhiệm bồi thường.

Điều kiện trong văn bản là "không thể tiếp tục triển khai", không phải một số năm dở dang; tạm dừng chờ giấy phép chưa chắc là không thể tiếp tục. Mẫu thuyết minh B09 có cột "giá trị có thể thu hồi" cạnh giá gốc cho các công trình từ 10% tổng giá trị. Tài khoản dự phòng tổn thất tài sản (229) có năm tiểu khoản, không có tiểu khoản riêng cho khoản này. Chuẩn mực số 03 bản đã đọc không có đoạn riêng về xây dựng cơ bản dở dang. Vì thế bài không nêu ngưỡng hay công thức suy giảm nào.

Ví dụ minh hoạ: công ty Minh giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, bỏ qua thuế. Công ty Minh đang xây dây chuyền hai (công trình A) và kho lạnh giai đoạn hai (công trình B). Cuối ba năm liên tiếp, dòng này là 260, 330, 420 trên tổng tài sản 1.700, 1.900, 2.100, tức 15,3%, 17,4%, 20,0%. Hãy tự lập bảng biến động "cuối = đầu + phát sinh − chuyển sang tài sản cố định".

Bảng biến động	Năm hai	Năm ba
Số dư đầu năm	260	330
Chi phí phát sinh trong năm	+140	+280
Chuyển sang tài sản cố định	(70)	(190)
Số dư cuối năm	**330**	**420**
Chuyển / (đầu + phát sinh)	17,5%	31,1%

Kiểm cộng: 260 + 140 − 70 = 330 và 330 + 280 − 190 = 420. Năm ba phát sinh 280 gồm mua sắm 40, xây dựng cơ bản 200 (trong đó lãi vay vốn hoá 22), sửa chữa định kỳ 25 và nâng cấp 15. Minh chuyển 190 sang tài sản cố định mà số dư vẫn tăng 90, vì phát sinh lớn hơn phần chuyển. Số dư 420 tương đương 2,2 năm chuyển theo tốc độ năm ba, so với 4,7 năm ở năm hai; đây là cách nhìn thử của Tâm An, không phải chuẩn.

Tách theo công trình, thuyết minh chỉ buộc nêu các công trình từ 10% trở lên:

Cuối năm ba	Tỷ đồng	Tỷ lệ trên 420	Cuối năm hai
A, dây chuyền hai	210	50,0%	50
B, kho lạnh giai đoạn hai	150	35,7%	150
C, sửa chữa lò hơi, và khác	60	14,3%	130

A tăng 160 trong năm ba. B ở mức 150 từ cuối năm đầu, hai năm không thêm đồng nào, chiếm 7,1% tổng tài sản. Hàng cuối gộp các khoản nhỏ, từng khoản dưới 10%, mẫu không buộc nêu riêng.



Công ty Minh giả định: xây dựng cơ bản dở dang 420 tỷ, trong đó công trình B 150 tỷ nằm yên hai năm, bằng 35,7% khoản mục

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Đối chiếu tiền. Phát sinh 280 chưa phải tiền đã trả. Giả sử phải trả nhà thầu cuối năm tăng 35 và tiền ứng trước nhà thầu chưa nghiệm thu tăng từ 35 lên 60. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 99 xếp tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản vào hoạt động đầu tư (mã 21), gồm tiền ứng trước nhà thầu chưa nghiệm thu, nhưng không gồm giá trị tăng chưa trả bằng tiền. Ước tính giản lược: 280 − 35 + 25 = 270. Tiền ứng 60 nằm ngoài con số 420; gộp lại là 480, bằng 22,9% tổng tài sản.

Hai kịch bản minh hoạ. Một: nếu B không thể tiếp tục và Minh ước tính chỉ thu hồi 100, chênh 50 ghi vào kết quả trong kỳ, lợi nhuận trước thuế giả định 180 còn 130, giảm 27,8%. Hai: nếu A hoàn thành với nguyên giá 210, khấu hao đường thẳng 15 năm là 14 mỗi năm, bằng 7,8% lợi nhuận trước thuế. Khoản dở dang chưa chạm lợi nhuận hôm nay có thể chạm sau; đây không phải dự báo, và không có nghĩa B sẽ bị ghi giảm.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo tình hình tài chính:** tính tỷ trọng dòng này trên tổng tài sản qua nhiều kỳ, ghép theo tên dòng, không theo mã.
2. **Thuyết minh:** tìm bảng các công trình từ 10% tổng giá trị, đọc cột giá gốc, giá trị có thể thu hồi và lý do chậm nếu có.
3. **Bảng biến động tự lập:** đầu, phát sinh, chuyển sang tài sản cố định, giảm khác, cuối; tính tốc độ chuyển qua ba kỳ.
4. **Dòng tiền:** so phát sinh với tiền chi mua sắm, xây dựng ở hoạt động đầu tư.
5. **Báo cáo kiểm toán:** đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh có thể trỏ tới thuyết minh về dự án lớn, chưa phải tín hiệu xấu. Kiểm toán cho mức đảm bảo hợp lý, không tuyệt đối, nên câu hỏi về thu hồi vẫn thuộc người đọc.
6. **Giữa năm và cuối năm:** báo cáo giữa năm chỉ ở mức tự lập hoặc soát xét, báo cáo năm mới kiểm toán. Khả năng thu hồi là một ước tính, và ước tính được xem lại là một lý do lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau; nối với dòng này là cách đọc của Tâm An.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt dòng này cạnh tài sản cố định, vay và dòng tiền đầu tư qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Minh và mọi con số đều là giả định; 20,0%, 31,1%, 2,2 năm, 22,9% không phải ngưỡng.
- Bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính; doanh nghiệp bất động sản có cách trình bày riêng.
- Bài chưa đối chiếu từng câu tài khoản 241 của Thông tư 200, chỉ dùng mã 242.
- Chuẩn mực số 03 và số 16 đọc từ bản sao, hiệu lực cần đối chiếu.

Đừng nói quá

- Không viết "dở dang nhiều năm nghĩa là dự án thất bại": có thể là nhiều giai đoạn hay chờ giấy phép.
- Không viết "dòng này lớn là tốt" hay "là xấu": có thể là mở rộng, cũng có thể là chi phí chưa chuyển.

- Không viết "dở dang thì chắc chắn chưa khấu hao": còn tuỳ công trình đã vào trạng thái hoạt động chưa.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một công trình lớn đứng yên nhiều kỳ, số dư phình ra mà phần chuyển nhỏ, hay chênh lệch lớn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi, là tín hiệu để mở thuyết minh về kế hoạch và lý do, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: chờ giấy phép, đổi thiết kế, chờ vốn, quyết toán chưa duyệt. Xem thêm chất lượng lợi nhuận.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo, truy cập 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo 16/11/2025 (mức A): Phụ lục II, tài khoản 241 mục 1, 2, 3.2 và tài khoản 229 (số 1569 + 1570); Phụ lục IV, mẫu B01 mã 250 đến 252 và hướng dẫn mã 252 (số 1577 + 1578, 1579 + 1580), mẫu B09-DN mục 8, 9 (số 1577 + 1578), hướng dẫn mã 21 mẫu B03-DN (số 1581 + 1582).
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất 04/VBHN-BTC, Công báo 05/02/2020, mức A): mẫu B01, mã 242.
- Chuẩn mực kế toán số 03 (đoạn 18, 29, 39(d)) và số 16 (đoạn 16 đến 18, 22), bản sao không chính thức (mức B).
- Ví dụ, bảng lý do, "số năm chuyển" và hai kịch bản là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Vốn hoá chi phí lãi vay là gì
- Vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không
- Tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đã bỏ ra cho tài sản dài hạn chưa làm xong, lấy từ số dư Nợ tài khoản 241 (mã 252 theo Thông tư 99, mã 242 theo Thông tư 200); khi công trình hoàn thành và vào trạng thái hoạt động mới chuyển sang tài sản cố định. Công ty Minh giả định có 420 tỷ ở dòng này, bằng 20,0% tổng tài sản, trong đó công trình B 150 tỷ nằm yên hai năm không chi thêm; trong năm Minh chuyển 190 tỷ sang tài sản cố định nhưng phát sinh 280 tỷ nên số dư vẫn tăng từ 330 lên 420 tỷ. Tiền ứng trước cho nhà thầu 60 tỷ nằm ngoài con số 420. Thông tư 99 chỉ yêu cầu đánh giá khả năng thu hồi khi dự án không

thể tiếp tục triển khai, không đặt một số năm. Hãy tự lập bảng biến động, đọc các công trình từ 10% trở lên và cột giá trị có thể thu hồi trong thuyết minh. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

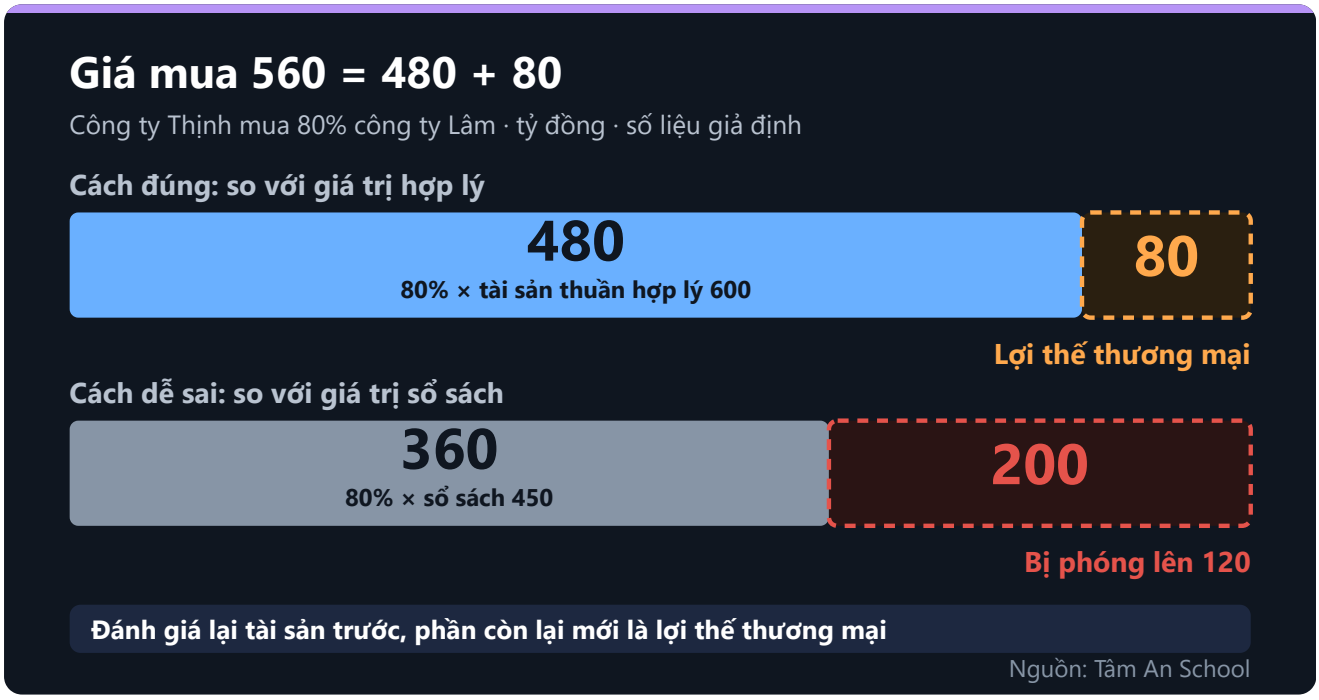
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/xay-dung-co-ban-do-dang-la-gi

Lợi thế thương mại là gì? Vì sao nó xuất hiện khi mua công ty và có thể 'bốc hơi' thế nào?

Câu trả lời ngắn

Lợi thế thương mại là phần giá mà bên mua trả cao hơn phần sở hữu của mình trong giá trị hợp lý của tài sản thuần xác định được của công ty bị mua. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11, đó là khoản trả cho lợi ích kinh tế tương lai từ các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định riêng được; nó được ghi là tài sản trên báo cáo hợp nhất, đi dần vào chi phí qua phân bổ, và có thể mất nhanh hơn khi có tổn thất. Trong ví dụ giả định, công ty Thịnh trả 560 tỷ đồng để mua 80% công ty Lâm, trong khi phần của Thịnh trong tài sản thuần của Lâm sau khi đánh giá lại chỉ là 480 tỷ; chênh 80 tỷ là lợi thế thương mại, bằng 8,0% vốn chủ sở hữu hợp nhất lúc mua. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Giá mua 560 gồm phần tài sản thuần của bên mua 480 và lợi thế thương mại 80

Sơ đồ khái niệm, số liệu giả định.

Lợi thế thương mại hình thành thế nào

Khi một công ty mua đủ cổ phần để kiểm soát công ty khác, bên mua ghi nhận tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng xác định được của bên bị mua theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Lợi thế thương mại là chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần đó (đoạn 50). Ba điều cần nhớ.

1. **Đánh giá lại trước, phần còn lại sau.** Tài sản nào đủ tiêu chuẩn thì được ghi riêng; chỉ phần không đủ tiêu chuẩn và không tách riêng được mới vào lợi thế thương mại (đoạn 51, 52). Nếu lấy giá mua trừ thẳng giá trị sổ sách thì con số bị phóng to: 560 trừ 80% của 450 là 200, cách đúng cho 80.

2. **Chỉ tính phần của bên mua.** Đoạn 50 viết "phần sở hữu của bên mua". Cổ đông không kiểm soát giữ phần của họ theo giá trị hợp lý của tài sản thuần (Thông tư 202, Điều 21, khoản 1), nên dòng này không phóng lên cho 100% công ty bị mua; đây là cách đọc của Tâm An.
3. **Phần còn lại, không bán riêng được.** Thương hiệu hay hợp đồng đủ tiêu chuẩn ghi riêng thì đã nằm ở dòng khác.

Bước tính ngày mua	**Tỷ đồng**
Giá phí hợp nhất để mua 80% công ty Lâm	560
Tài sản thuần của Lâm theo sổ sách	450
Tài sản thuần xác định được, theo giá trị hợp lý	600
Phần của Thịnh: 80% × 600	480
Lợi thế thương mại: 560 − 480	**80**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát: 20% × 600	120

Kiểm: 600 + 80 = 680 và 560 + 120 = 680. Thông tư 99 nhắc lợi thế thương mại ở tài khoản 242 cho trường hợp mua tài sản thuần, không thành công ty mẹ và công ty con; bài này đi theo đường mua công ty con.

Phân bổ và tổn thất: nó đi như thế nào

Chuẩn mực (đoạn 53): ghi ngay vào chi phí nếu giá trị nhỏ, hoặc phân bổ dần trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính nếu giá trị lớn, tối đa không quá 10 năm kể từ ngày ghi nhận; đường thẳng được dùng phổ biến. Đoạn 54: xem lại thời gian và phương pháp cuối mỗi năm tài chính, và điều chỉnh chi phí phân bổ của năm hiện hành và các năm sau nếu khác biệt lớn.

Thông tư 202 (Điều 20, hướng dẫn lập báo cáo hợp nhất) nói cụ thể hơn: phân bổ đều theo đường thẳng, không quá 10 năm; nếu số bị tổn thất trong năm cao hơn số phân bổ hằng năm thì phân bổ theo số bị tổn thất. Bút toán trong Điều 20 ghi Nợ chi phí quản lý doanh nghiệp, Có lợi thế thương mại. Thông tư 43/2026 sửa Thông tư 202 cho năm tài chính từ 2026; danh sách điều được sửa mà bài đã đọc không có Điều 20.

Ba hệ quả khi đọc: phân bổ là chi phí không dùng tiền, vì tiền đã ra ở ngày mua; theo bút toán trên, khoản này nằm trong chi phí quản lý doanh nghiệp, kéo lợi nhuận hợp nhất xuống; và chọn thời gian phân bổ là một ước tính, vì 80 chia 5 năm là 16 mỗi năm, chia 8 năm là 10, chia 10 năm là 8.

Vì sao có thể "bốc hơi"

Từ các đoạn đã đọc, có bốn đường làm số dư giảm nhanh hơn dự kiến:

1. **Tổn thất.** Điều 20 cho phép ghi theo số bị tổn thất khi cao hơn mức đường thẳng của năm; dễ gây bất ngờ nhất.
2. **Thanh lý, nhượng bán.** Bảng đối chiếu có dòng lợi thế thương mại bị loại bỏ khi thanh lý, nhượng bán toàn bộ hoặc một phần doanh nghiệp (đoạn 73).

3. **Điều chỉnh giá trị hợp lý.** Nếu ghi nhận ban đầu mới tạm thời, được điều chỉnh trong 12 tháng kể từ ngày mua, và lợi thế thương mại điều chỉnh theo (đoạn 61).
4. **Thuế hoãn lại ghi nhận muộn.** Khi lợi ích thuế của bên bị mua được ghi nhận sau đó, giá trị còn lại giảm và khoản giảm ghi là chi phí (đoạn 64).

Ví dụ minh hoạ: công ty Thịnh giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Thịnh mua Lâm đầu năm 1 như bảng trên và phân bổ đường thẳng 8 năm, tức 10 mỗi năm. Năm 3 Lâm mất một khách hàng lớn; ban lãnh đạo đánh giá phần còn lại chỉ còn 20, nên số bị tổn thất của năm là 40, cao hơn 10 của đường thẳng. Theo Điều 20, năm 3 ghi 40.

Bảng đối chiếu tự lập	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Giá trị còn lại đầu năm	0	70	60
Phát sinh trong năm	+80	0	0
Phân bổ hoặc tổn thất ghi vào chi phí	(10)	(10)	(40)
Giá trị còn lại cuối năm	**70**	**60**	**20**

Kiểm: 0 + 80 − 10 = 70; 70 − 10 = 60; 60 − 40 = 20. Nếu chỉ phân bổ đường thẳng, cuối năm 3 còn 50; chênh 30 là phần tổn thất thêm.



Giá trị còn lại của lợi thế thương mại giảm từ 80 xuống 70, 60 rồi 20 sau năm 3

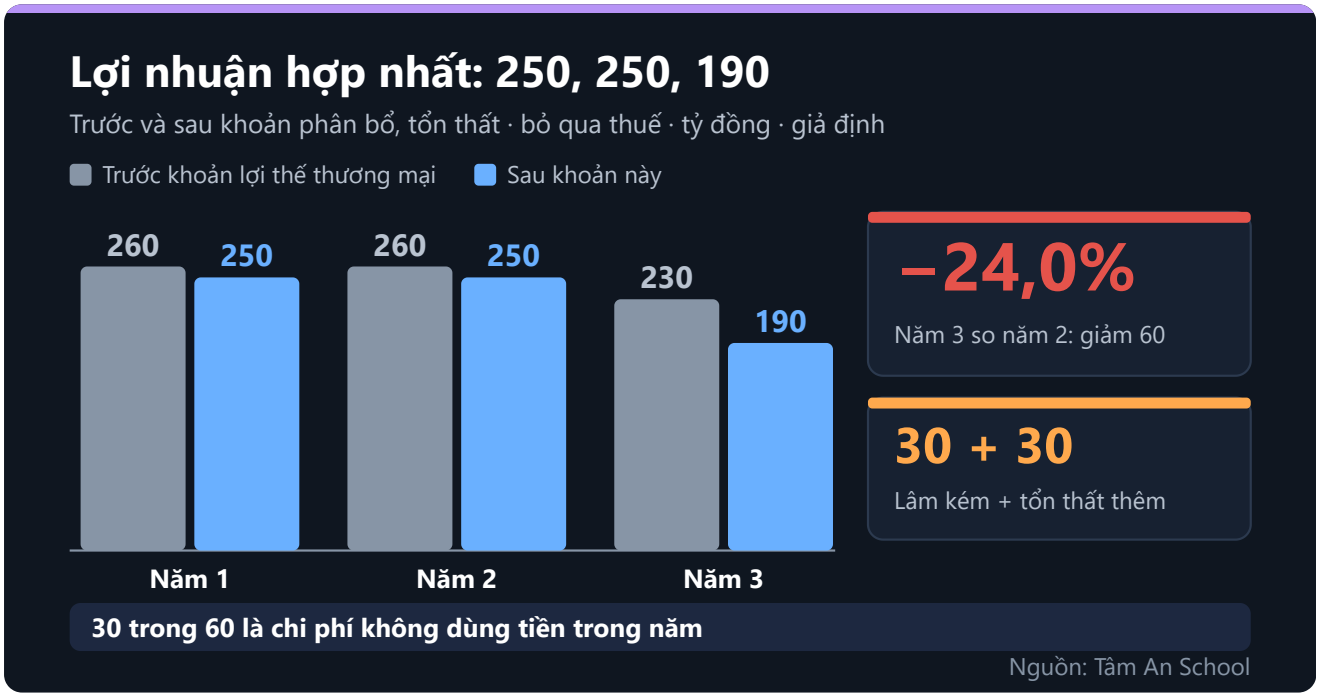
Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Tác động lên lợi nhuận. Thịnh riêng lãi 200 mỗi năm (chưa tính cổ tức nhận từ Lâm), Lâm lãi 60, 60 rồi 30. Bài bỏ qua thuế và giao dịch nội bộ.

Tỷ đồng	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Lợi nhuận hợp nhất trước khoản lợi thế thương mại	260	260	230
Phân bổ hoặc tổn thất	(10)	(10)	(40)
Lợi nhuận hợp nhất sau khoản này	250	250	190

Năm 3 so với năm 2, lợi nhuận hợp nhất giảm 60, tức 24,0%. Trong 60 đó, 30 do Lâm kém đi và 30 là phần tổn thất thêm, không chi một đồng tiền nào trong năm; nếu chưa tính khoản lợi thế thương mại, mức giảm chỉ là 11,5%.

Tỷ trọng ngày mua. Giả định báo cáo hợp nhất lúc mua có tổng tài sản 2.000 và vốn chủ sở hữu hợp nhất 1.000 (880 của cổ đông mẹ, 120 của cổ đông không kiểm soát). Lợi thế thương mại 80 bằng 4,0% tổng tài sản và 8,0% vốn chủ sở hữu. Nếu cả 80 mất đi, tổng tài sản còn 1.920 và vốn chủ sở hữu còn 920, trong khi tiền không đổi. Hai tỷ lệ này là cách nhìn của Tâm An, không phải chuẩn.



Công ty Thịnh giả định: lợi nhuận hợp nhất 250, 250, 190 sau khoản phân bổ và tổn thất 10, 10, 40

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.** Tìm dòng "Lợi thế thương mại" trong phần tài sản: mã 269 trong bản gốc Thông tư 202, mã 279 trong mẫu sửa đổi theo Thông tư 43 từ năm tài chính 2026. Chi tiết mã nằm ở bài báo cáo tài chính hợp nhất khác báo cáo riêng; ghép hai kỳ theo tên dòng, rồi tính tỷ trọng so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu.
2. **Thuyết minh.** Đoạn 73 yêu cầu trình bày thời gian phân bổ; phương pháp và lý do nếu không dùng đường thẳng; giá trị tính vào chi phí trong kỳ; và bảng đối chiếu đầu kỳ, cuối kỳ gồm bảy khoản. Có bảng thì đối chiếu; không có thì tự lập "cuối = đầu + phát sinh − phân bổ hay tổn thất − loại bỏ". Mức chi tiết tuỳ doanh nghiệp.

3. **Thời gian phân bổ.** Xem nó có đổi giữa các năm không; thời gian ngắn hơn làm chi phí mỗi năm cao hơn, nên hai công ty giống nhau có thể báo lợi nhuận khác nhau.
4. **Công ty được mua có đạt kỳ vọng không.** So lợi nhuận của công ty được mua với lúc mua, nếu thuyết minh cho tách riêng. Tổn thất lớn có thể đi sau một biến động như ở Lâm; đó là cách đọc của Tâm An, không phải quy định.
5. **Lợi nhuận và tiền.** Tổn thất không làm giảm tiền; ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, khoản này phải được cộng lại ở một dòng điều chỉnh, dòng nào bài chưa đối chiếu.
6. **Cổ đông mẹ.** Việc chia lợi nhuận hợp nhất cho hai nhóm cổ đông nằm ở bài lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ.

Khi công ty bán lại phần đã mua, lợi thế thương mại tương ứng bị loại bỏ, xem lãi từ thanh lý tài sản và thoái vốn. Số tổn thất là một ước tính, nên có thể chênh giữa trước và sau kiểm toán, xem vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau. Thứ tự đọc thuyết minh: đọc thuyết minh theo thứ tự nào.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt dòng lợi thế thương mại cạnh tổng tài sản và vốn chủ sở hữu qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Thịnh, Lâm và mọi con số đều là giả định; 4,0%, 8,0%, 11,5% và 24,0% không phải ngưỡng.
- Bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính lập báo cáo hợp nhất theo chuẩn mực Việt Nam; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc riêng.
- Đoạn chuẩn mực trích theo bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu bản Công báo gốc của quyết định ban hành.
- Bài chưa thấy trong văn bản đã đọc hướng dẫn riêng của Thông tư 99 thay Điều 20 Thông tư 202 cho lợi thế thương mại hợp nhất; đó chưa phải bằng chứng là không có.
- Cách xác định "số bị tổn thất" bài không trình bày vì chưa đọc văn bản hướng dẫn chi tiết; thuyết minh của từng doanh nghiệp mới cho biết cách họ làm.
- Chiều ngược lại cũng có: nếu Thịnh chỉ trả 420 cho 80%, nhỏ hơn phần sở hữu 480, chênh 60 không thành lợi thế thương mại. Đoạn 55: xem lại việc xác định giá trị rồi ghi ngay vào báo cáo kết quả phần chênh còn lại; Thông tư 202 (Điều 2) gọi đó là lãi từ giao dịch mua giá rẻ.

Đừng nói quá

- Không viết "lợi thế thương mại lớn là tốt" hay "là xấu": nó có thể phản ánh kỳ vọng hợp lý, cũng có thể là giá cao.
- Không viết "ghi giảm nghĩa là mua sai": nguyên nhân có thể là thị trường hay đổi ước tính.
- Không viết "lợi thế thương mại là tài sản bán được hay thế chấp được": nó là phần còn lại của phép tính hợp nhất.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Tỷ trọng lợi thế thương mại lớn, thời gian phân bổ ngắn bất thường, hay một năm bất ngờ có khoản ghi giảm lớn đều chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh về thương vụ và cách ước tính, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: kỳ vọng lúc mua, đổi ước tính thời gian sử dụng, thương vụ vừa hoàn thành.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 202 và Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo, Thông tư 43/2026 qua bản scan và bản sao, Chuẩn mực số 11 qua bản sao nguyên văn, truy cập 26/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 (Quyết định 100/2005/QĐ-BTC; mức B): đoạn 50 đến 56, 61, 64, 73.
- Thông tư 202/2014/TT-BTC (Công báo số 271+272; mức A): Điều 2 khoản 9, Điều 11, 13, 20, 21.
- Thông tư 43/2026/TT-BTC (mức A- và B): Điều 1 khoản 5 (mã 279), Điều 3.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo số 1569+1570; mức A): Phụ lục II, tài khoản 242.
- Ví dụ và hai tỷ lệ tỷ trọng là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Báo cáo hợp nhất khác báo cáo riêng ở đâu
- Lợi nhuận hợp nhất và lợi nhuận cổ đông công ty mẹ
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào
- Lãi từ thanh lý tài sản và thoái vốn
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại tamanchungkhoan.vn/bctc.

Lợi thế thương mại là phần giá mua cao hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản thuần xác định được, được ghi là tài sản trên báo cáo hợp nhất, rồi đi dần vào chi phí qua phân bổ tối đa 10 năm và có thể mất nhanh hơn nếu có tổn thất. Công ty Thịnh giả định trả 560 tỷ để mua 80% công ty Lâm có tài sản thuần hợp lý 600 tỷ; phần của Thịnh là 480 nên lợi thế thương mại là 80 tỷ, bằng 8,0% vốn chủ sở hữu hợp nhất lúc mua. Phân bổ đường thẳng 8 năm là 10 tỷ mỗi năm; năm 3 có tổn thất 40 tỷ, giá trị còn lại xuống 20 tỷ thay vì 50 tỷ, và lợi nhuận hợp nhất giảm 24,0% so với năm trước, trong đó 30 tỷ là phần tổn thất thêm không chi tiền. Tự lập bảng đối chiếu từ thuyết minh: cuối bằng đầu cộng phát sinh trừ phân bổ hay tổn thất. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

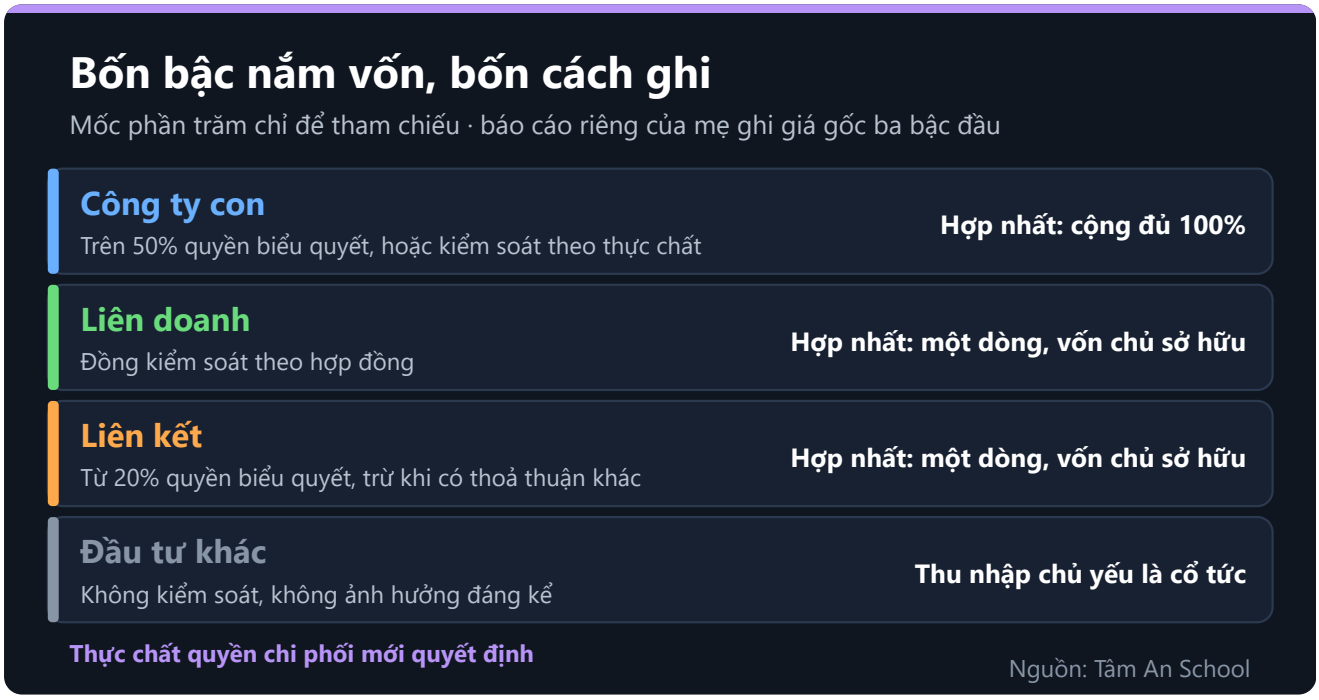
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/loi-the-thuong-mai-la-gi

Công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác: khác nhau thế nào và ghi sổ ra sao?

Câu trả lời ngắn

Phần vốn nắm ở doanh nghiệp khác chia thành bốn bậc theo mức chi phối. Công ty con là bên bị kiểm soát: báo cáo hợp nhất cộng đủ tài sản, nợ, doanh thu, chi phí của nó rồi tách phần của cổ đông không kiểm soát. Liên doanh (các bên cùng kiểm soát theo hợp đồng) và liên kết (chỉ có ảnh hưởng đáng kể) hiện thành một dòng khoản đầu tư và một dòng phần lãi, lỗ. Đầu tư khác là bậc còn lại. Trên báo cáo riêng của mẹ, ba bậc đầu đều ghi giá gốc. Trong ví dụ giả định, bốn bên được đầu tư cùng lãi 120 tỷ đồng, nhưng vào lãi hợp nhất của công ty Trang lần lượt là 120, 36, 60 và 4, tổng 220; cổ tức thật về Trang chỉ 76,5. Đây là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Bốn bậc nắm vốn ở doanh nghiệp khác theo mức chi phối: công ty con, liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Sơ đồ khái niệm; mốc phần trăm chỉ là mốc tham chiếu.

Bốn bậc theo mức chi phối

Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 25 (VAS 25, đoạn 03), kiểm soát là quyền chi phối chính sách tài chính và hoạt động để thu lợi ích; công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát. Liên kết là bên nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể (VAS 07, đoạn 03); liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế được đồng kiểm soát (VAS 08, đoạn 03).

Bậc	Mốc tham chiếu	Báo cáo riêng của mẹ	Báo cáo hợp nhất	Dòng B01 (Thông tư 99 / 200)
Công ty con	Trên 50% quyền biểu quyết, hoặc kiểm soát theo thực chất	Giá gốc (VAS 25, đoạn 26)	Cộng từng khoản mục, loại trừ nội bộ, tách phần không kiểm soát	261 / 251
Công ty liên doanh	Đồng kiểm soát theo hợp đồng	Giá gốc (VAS 08, đoạn 25)	Vốn chủ sở hữu (đoạn 26)	262 / 252
Công ty liên kết	Từ 20% quyền biểu quyết, "trừ khi có quy định hoặc thoả thuận khác" (VAS 07, đoạn 04)	Giá gốc (đoạn 08)	Vốn chủ sở hữu (đoạn 09)	262 / 252
Đầu tư khác	Không kiểm soát, đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể	Thường giá gốc trừ dự phòng	Cùng cách	263 / 253

Dòng dự phòng nằm ngay dưới: mã 264 theo Thông tư 99, mã 254 theo Thông tư 200; mã chỉ so được khi nói rõ theo thông tư nào.

Mốc phần trăm chỉ để tham chiếu. Văn bản viết ngoại lệ ngay cạnh mốc: - **Trên 50% không phải 50%.** VAS 25 (đoạn 09) xác định kiểm soát khi nắm trên 50% quyền biểu quyết, trực tiếp hoặc gián tiếp qua công ty con khác, trừ khi quyền sở hữu không gắn với kiểm soát. Đúng 50% thì phải xem hợp đồng. - **Dưới 50% vẫn có thể kiểm soát**, ví dụ khi nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho mẹ hơn 50% quyền biểu quyết hay mẹ có quyền bổ nhiệm đa số thành viên hội đồng quản trị (đoạn 09). Ngược lại, trên 50% vẫn có thể không phải công ty con (đoạn 28). - **Dưới 20% không tự động là hết ảnh hưởng**: VAS 07 (đoạn 05) nêu biểu hiện như có đại diện trong hội đồng quản trị. - **Liên doanh có ba hình thức** (VAS 08, đoạn 04). Chỉ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát mới thành dòng khoản đầu tư; hai hình thức còn lại, mỗi bên ghi phần tài sản, nợ, doanh thu, chi phí của mình (đoạn 11, 16). Bên không đồng kiểm soát ghi theo chuẩn mực "Công cụ tài chính", hoặc VAS 07 nếu có ảnh hưởng đáng kể (đoạn 34). - **Có công ty con vẫn có thể không hợp nhất** khi kiểm soát chỉ tạm thời (giữ để bán lại dưới 12 tháng) hoặc bị hạn chế dài hạn đến mức khó chuyển vốn về mẹ (VAS 25, đoạn 10); báo cáo riêng vẫn ghi giá gốc (đoạn 27).

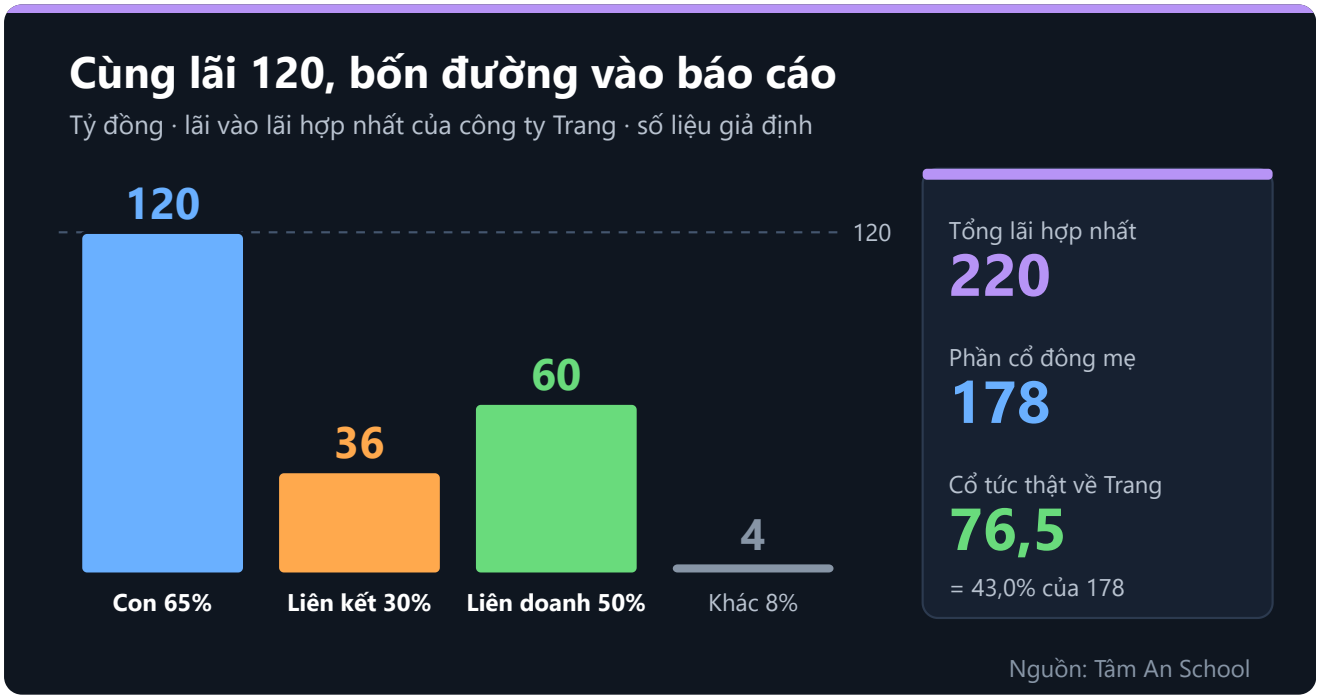
Ví dụ minh hoạ: công ty Trang giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python. Công ty Trang là công ty mẹ lập cả báo cáo riêng và hợp nhất, giữ bốn khoản đầu tư trực tiếp. Để so cho công bằng, cả bốn bên được đầu tư cùng có doanh thu 1.000, lãi sau thuế 120 và chia cổ tức 50 trong năm. Bỏ qua thuế, lợi thế thương mại, giao dịch nội bộ; đầu tư khác giả định ghi giá gốc, thu nhập chỉ là cổ tức.

Bên được đầu tư	Tỷ lệ	Xếp loại	Thu nhập trên báo cáo riêng của Trang	Doanh thu cộng vào báo cáo hợp nhất	Lãi vào lãi hợp nhất
Đơn vị 1	65%	Công ty con	32,5 (cổ tức)	1.000	120
Đơn vị 2	30%	Công ty liên kết	15	0	36
Đơn vị 3	50%, đồng kiểm soát theo hợp đồng	Công ty liên doanh	25	0	60
Đơn vị 4	8%	Đầu tư khác	4	0	4
Cộng			**76,5**	**1.000**	**220**

Cách tính: đơn vị 1 được cộng đủ lãi 120, trong đó 78 (65%) thuộc cổ đông mẹ và 42 thuộc cổ đông không kiểm soát. Đơn vị 2 hiện 30% của 120, bằng 36; đơn vị 3 hiện 50%, bằng 60; đơn vị 4 chỉ hiện cổ tức 8% của 50, bằng 4. Cổ tức 32,5 từ đơn vị 1 bị loại trừ khi hợp nhất (VAS 25, đoạn 15); cổ tức từ liên kết, liên doanh ghi giảm khoản đầu tư (VAS 07, đoạn 06).

Phần thuộc cổ đông mẹ là 78 cộng 36 cộng 60 cộng 4, bằng 178. Tiền cổ tức thật về Trang là 76,5, tức 43,0% của 178; 101,5 còn nằm lại ở các bên được đầu tư. Theo cách đọc của Tâm An, 45,5 ở đơn vị 1 vẫn trong tầm tay tập đoàn, còn 56 ở liên kết và liên doanh (21 và 35) do bên kia quyết định có chia hay không. Thêm nữa, 96 lãi từ liên kết và liên doanh vào lợi nhuận mà không kèm đồng doanh thu nào.



Công ty Trang giả định: bốn bên cùng lãi 120 nhưng vào lãi hợp nhất là 120, 36, 60 và 4, tổng 220; cổ tức thật về Trang 76,5

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Tỷ lệ lợi ích khác tỷ lệ biểu quyết. Giả sử đơn vị 1 lại giữ 40% quyền biểu quyết ở đơn vị 5, cũng lãi 120. Theo mốc của VAS 07 (đoạn 04, tính cả quyền biểu quyết nắm gián tiếp qua công ty con), 40% đó cho Trang ảnh hưởng đáng kể ở đơn vị 5. Nhưng lợi ích kinh tế của Trang chỉ là 65% của 40%, bằng 26%: đơn vị 1 ghi 48, cổ đông không kiểm soát của đơn vị 1 chiếm 35% của 48, bằng 16,8, còn lại 31,2 thuộc Trang. Lấy nhầm 48 làm phần của mẹ thì cao hơn 53,8%. Vì vậy thuyết minh phải nêu cả hai tỷ lệ khi khác nhau (VAS 25, đoạn 28 điểm a; VAS 07, đoạn 21 điểm a).

Khi tỷ lệ đổi. Đầu năm sau, Trang bán bớt đơn vị 1 từ 65% xuống 45%. Giả định mất kiểm soát, đơn vị 1 thành công ty liên kết, kết quả giữ nguyên, bỏ qua lãi lỗ thanh lý và việc đánh giá lại phần còn giữ. Phần Trang riêng, chưa tính các khoản đầu tư, có doanh thu 2.400, lãi sau thuế 150, vay 600.

Số hợp nhất	Đơn vị 1 là công ty con (65%)	Đơn vị 1 là công ty liên kết (45%)	Thay đổi
Doanh thu	3.400	2.400	-29,4%
Vay	900	600	-33,3%
Lãi sau thuế hợp nhất	370	304	-17,8%
Lãi thuộc cổ đông mẹ	328	304	-7,3%
Lãi sau thuế hợp nhất trên doanh thu	10,9%	12,7%	+1,8 điểm phần trăm

Doanh thu 1.000, vay 300 và tài sản 900 của đơn vị 1 rời báo cáo hợp nhất, thay bằng một dòng khoản đầu tư (giả định 45% nhân tài sản thuần 360, bằng 162). Phần lãi của mẹ từ đơn vị 1 giảm từ 78 xuống 54, tức 30,8%. Hoạt động không đổi mà lãi trên doanh thu hợp nhất tăng từ 10,9% lên 12,7%: đó là hiệu ứng của cách xếp loại, chưa phải hoạt động tốt lên.



Công ty Trang giả định: bán bớt đơn vị 1 từ 65% xuống 45%, doanh thu hợp nhất giảm 29,4%, vay giảm 33,3%, lãi thuộc cổ đông mẹ chỉ giảm 7,3%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Ba dòng khoản đầu tư** và dòng dự phòng trên báo cáo tình hình tài chính. Mẫu hợp nhất theo Thông tư 43/2026 có dòng 262 cho liên doanh, liên kết (đọc từ bản scan). Ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã.
2. **Danh sách trong thuyết minh.** Chuẩn mực yêu cầu nêu tên, tỷ lệ lợi ích và, nếu khác, tỷ lệ quyền biểu quyết (VAS 25, đoạn 28; VAS 07, đoạn 21). Tự lập bảng: tỷ lệ, xếp loại theo mốc, cách ghi; chỗ lệch mốc thì tìm lời giải thích.
3. **Phạm vi qua các kỳ.** Mua, thanh lý công ty con đổi phạm vi hợp nhất (đoạn 20); khi đó doanh thu, vay và biên hai kỳ chưa so thẳng được.
4. **Lãi liên kết so với cổ tức.** Cách tách phần có tiền và chưa có tiền nằm ở bài lãi từ công ty liên kết, liên doanh.
5. **Dự phòng.** Theo Thông tư 99 (tài khoản 229, mục 1.3), với liên doanh, liên kết chỉ lập dự phòng do bên đó lỗ nếu báo cáo không áp dụng vốn chủ sở hữu; khoản nắm giữ lâu dài khác lập theo giá thị trường nếu niêm yết hoặc xác định được giá trị hợp lý tin cậy, nếu không thì theo khoản lỗ của bên được đầu tư. Lập bổ sung ghi chi phí tài chính.
6. **Bản nào, ai soát.** Mức đảm bảo của báo cáo riêng và hợp nhất khác nhau, xem bài báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán. Đoạn nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán có thể nhắc một khoản đầu tư (bài đoạn nhấn mạnh); kiểm toán không loại hết sai sót (bài kiểm toán có đảm bảo); lãi trước và sau kiểm toán lệch nhau vì nhiều nguyên nhân hợp lý (bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán), bài này không khảo sát riêng nguyên nhân phân loại.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt danh sách công ty con, liên kết cạnh doanh thu, vay và biên qua nhiều kỳ, đánh dấu kỳ phạm vi hợp nhất đổi; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Trang, năm đơn vị được đầu tư, mọi tỷ lệ và con số đều là giả định; 43,0%, 29,4%, 33,3% không phải ngưỡng. Ví dụ lược nhiều chi tiết (thuế, lợi thế thương mại, giá trị hợp lý, lãi lỗ thanh lý).
- Chuẩn mực được dẫn theo bản sao nguyên văn, chưa đối chiếu Công báo gốc, nên bài nói "theo văn bản chuẩn mực" chứ không khẳng định hiệu lực tuyệt đối. Bài chỉ dùng định nghĩa kế toán; luật doanh nghiệp hay chứng khoán có thể định nghĩa khác.
- Chỉ bàn doanh nghiệp phi tài chính. Cách ghi đầu tư khác ở tài khoản 228 bài chưa đọc nguyên văn nên không đi sâu.

Đừng nói quá

- Không viết "nắm 51% là công ty con" hay "dưới 20% thì chắc chắn không phải liên kết": mốc chỉ để tham chiếu, thực chất mới quyết định.
- Không viết "lãi liên kết, liên doanh là tiền": tiền chỉ về khi được chia.

- Không viết "bán bớt công ty con làm biên tăng nghĩa là hoạt động tốt lên", và không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Doanh thu hoặc vay hợp nhất đổi mạnh cùng lúc với danh sách công ty con, hay lãi liên kết lớn mà cổ tức nhận về nhỏ, là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý: tái cơ cấu, nhượng vốn, góp thêm vốn, đổi tên dòng.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; văn bản đọc ngày 26/10/2026.

- VAS 25, VAS 07, VAS 08 (Quyết định 234/2003/QĐ-BTC): bản sao nguyên văn, đối chiếu ba nguồn khớp nhau (mức B).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo 16/11/2025, mức A): mẫu B01 (mã 261 đến 264), tài khoản 229 mục 1.1 và 1.3. Thông tư 200/2014/TT-BTC (bản hợp nhất, mức A): mẫu B01 (mã 251 đến 254).
- Thông tư 43/2026/TT-BTC sửa Thông tư 202/2014/TT-BTC, áp dụng từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026: đọc qua bản scan và bản sao, chưa thấy trên Công báo.
- Ví dụ, bốn bậc, cách đọc "lãi nằm lại trong tầm tay tập đoàn" và các bảng là của Tâm An, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi từ công ty liên kết, liên doanh
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không có gian lận không
- Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Công ty con bị kiểm soát và được cộng đủ vào báo cáo hợp nhất; công ty liên doanh và liên kết chỉ hiện thành một dòng khoản đầu tư và một dòng phần lãi, lỗ; đầu tư khác chỉ cho thu nhập khi được chia cổ tức; trên báo cáo riêng của mẹ, ba bậc đầu đều ghi giá gốc. Công ty Trang giả định có bốn bên được đầu tư cùng lãi 120 tỷ: vào lãi hợp nhất lần lượt 120, 36, 60 và 4, tổng 220, phần thuộc cổ đông mẹ 178, còn cổ tức thật về Trang chỉ 76,5 tỷ. Bán bớt đơn vị 1 từ 65% xuống 45% khiến doanh thu hợp nhất giảm 29,4% và vay giảm 33,3% trong khi lãi thuộc cổ đông mẹ chỉ giảm 7,3%. Mốc 50% và 20% chỉ là mốc tham chiếu, thực chất quyền chi phối mới quyết định; hãy mở thuyết minh, so tỷ lệ lợi ích với tỷ lệ biểu quyết. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/cong-ty-con-cong-ty-lien-ket-lien-doanh-va-dau-tu-khac

Nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục là gì? Dấu hiệu nào trên báo cáo tài chính và kiểm toán viên báo cáo ra sao?

Câu trả lời ngắn

Báo cáo tài chính thường được lập trên giả định doanh nghiệp sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần: giả định hoạt động liên tục. "Nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục" là bậc nhẹ hơn việc mất giả định này: có sự kiện hoặc điều kiện khiến phải hỏi doanh nghiệp còn thu hồi được tài sản và trả được nợ trong kinh doanh thông thường hay không. Khi đó doanh nghiệp phải thuyết minh, còn kiểm toán viên theo chuẩn mực kiểm toán số 570 (VSA 570) kết luận có hay không yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Thuyết minh đủ thì ý kiến vẫn là chấp nhận toàn phần kèm đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh"; thiếu thì ngoại trừ hoặc trái ngược; giả định không còn phù hợp thì trái ngược. Ví dụ giả định: công ty Tuấn có tiền 45 tỷ đồng, trong khi gốc vay đến hạn trong 12 tháng là 380 tỷ. Đó là câu hỏi, chưa phải kết luận.



Ba bậc: giả định hoạt động liên tục, nghi ngờ đáng kể có thuyết minh, không đáp ứng giả định

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba bậc, đừng gộp làm một

Bậc	Điều kiện	Báo cáo tài chính làm gì
1. Giả định hoạt động liên tục	Không có ý định hoặc không buộc phải ngừng hoạt động, hay thu hẹp đáng kể quy mô	Lập bình thường
2. Nghi ngờ đáng kể	Có sự kiện hoặc điều kiện gây nghi ngờ lớn, tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu	Vẫn lập theo giả định, phải thuyết minh
3. Không đáp ứng giả định	Dự kiến giải thể, phá sản, ngừng sản xuất kinh doanh hoặc thu hẹp đáng kể quy mô trong 12 tháng trở xuống kể từ cuối kỳ	Lập theo mẫu riêng; đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả

Hai bậc dưới dựa trên Thông tư 99 (Điều 24; hiệu lực 01/01/2026). Mẫu riêng ở bậc 3 là B01-DNKLT và B09-DNKLT. Khoản 2 còn nói chuyển đổi loại hình (kể cả cổ phần hoá), chia, tách, hợp nhất, sáp nhập vẫn được coi là hoạt động liên tục.

Mốc 12 tháng không do bài đặt ra. Theo bản sao chuẩn mực kế toán số 21 (đoạn 16), Giám đốc cần xem xét thông tin dự đoán được tối thiểu 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ; VSA 570 (đoạn 13) yêu cầu kéo dài đánh giá lên ít nhất 12 tháng nếu Ban Giám đốc xét ngắn hơn. Khác với thước đo "số tháng kể từ ngày đến hạn" của luật phá sản, xem bài mất khả năng thanh toán theo luật.

Hai mươi mốt ví dụ trong VSA 570 và ba chỗ để tìm

Hướng dẫn A2 của VSA 570 nêu 21 ví dụ có thể gây nghi ngờ đáng kể: 11 về tài chính, 6 về hoạt động, 4 khác. Chính chuẩn mực ghi danh sách không đầy đủ, một hay vài sự kiện chưa chắc là dấu hiệu của yếu tố không chắc chắn trọng yếu, và ảnh hưởng có thể được giảm nhẹ bằng thanh lý tài sản, gia hạn nợ hay tìm vốn mới. Cách xếp theo "tìm ở đâu" dưới đây là của Tâm An.

Tìm ở đâu	Ví dụ lấy từ A2 (số thứ tự)
Ba báo cáo, so hai kỳ	Nợ phải trả lớn hơn tài sản, hoặc nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn (1); vay ngắn hạn tài trợ tài sản dài hạn (2); lưu chuyển tiền kinh doanh âm (4); lỗ lớn (6)
Thuyết minh	Nợ tồn đọng hoặc ngừng trả cổ tức (7); không trả được nợ khi đến hạn (8); không tuân thủ điều khoản hợp đồng tín dụng (9); chuyển từ mua chịu sang trả ngay nhà cung cấp (10); vụ kiện chưa xử lý (19)
Ngoài số liệu	Mất khách hàng, nhà cung cấp hay giấy phép quan trọng (14); thiếu lãnh đạo chủ chốt (13); Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động (12); chính sách pháp luật thay đổi bất lợi (20)



Hai mươi mốt ví dụ trong VSA 570 chia thành ba chỗ để tìm

Sơ đồ khái niệm, cách xếp của Tâm An.

Hai lưu ý. Một: hệ số đơn lẻ dễ gây hiểu nhầm. Nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn có thể do tiền khách trả trước hay phải trả nhà cung cấp chứ không do vay; bài hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 cho thấy hai công ty cùng hệ số mà khác hẳn nhau. Hai: kiểm toán viên hỏi được Ban Giám đốc và xác nhận điều khoản vay (A15); người đọc ngoài chỉ có báo cáo đã công bố.

Ví dụ minh hoạ: công ty Tuấn giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng.

Cuối năm N, công ty Tuấn có: tiền 45; tài sản ngắn hạn 420 (phải thu 130, tồn kho 210, khác 35); tổng tài sản 815 (tài sản dài hạn 395); nợ ngắn hạn 610, trong đó vay đến hạn trong 12 tháng 380 (62,3%); nợ phải trả 680, bằng 83,4% tổng tài sản; vốn chủ 135 (đầu năm 310, lỗ 175, giảm 56,5%); doanh thu 520 (năm trước 760, giảm 31,6%); dòng tiền kinh doanh âm 85.

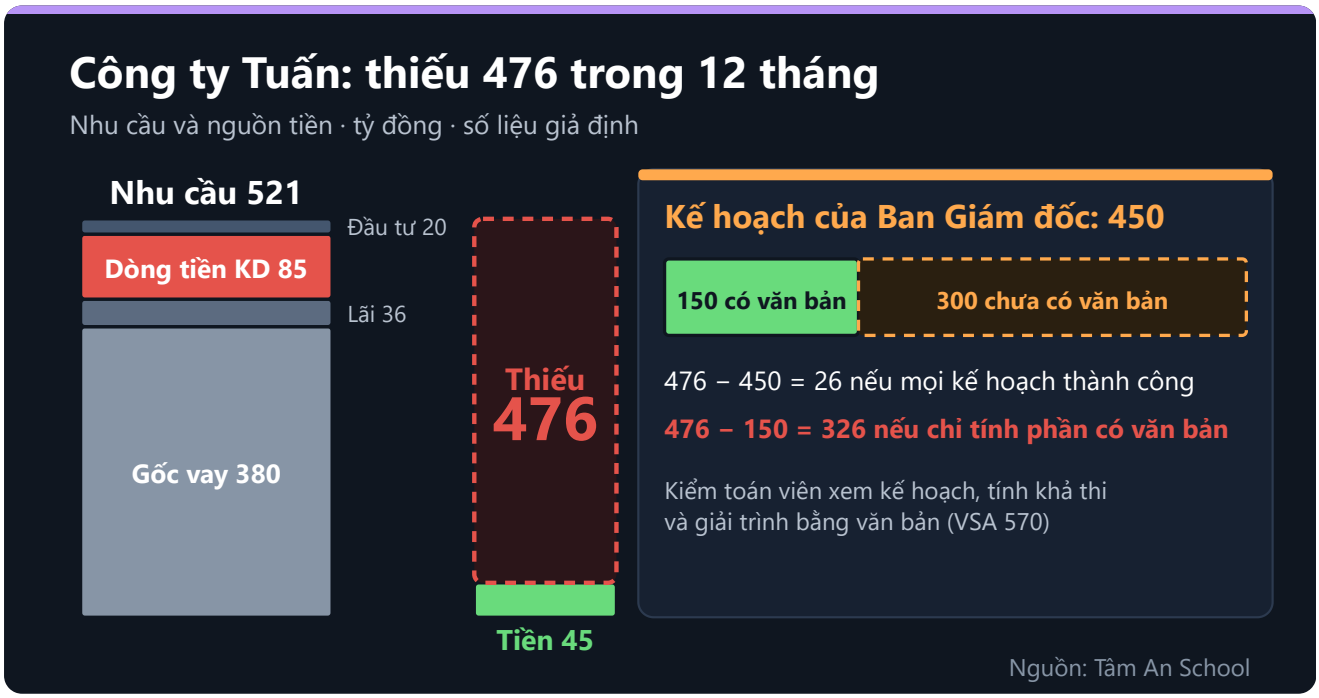
Hệ số hiện hành 420 / 610 là 0,69, vốn lưu động âm 190. Bốn dấu hiệu ở hàng "ba báo cáo" đều có mặt hoặc gợi ý, nhưng vốn chủ vẫn dương nên chưa có chuyện nợ lớn hơn tài sản. Bạn tự làm được khi mở thuyết minh: lấy bảng đáo hạn nợ vay (xem bài bảng đáo hạn nợ vay), giả định các quý là 90, 110, 80 và 100, cộng 380, rồi lập bảng nhu cầu và nguồn tiền 12 tháng tới, với dòng tiền kinh doanh lặp lại năm nay.

Nhu cầu 12 tháng tới	Tỷ đồng
Gốc vay đến hạn	380
Lãi vay (bằng lãi đã trả năm nay)	36
Dòng tiền kinh doanh (lặp lại năm nay)	85
Chi đầu tư duy trì (giả định)	20
Tổng nhu cầu	**521**
Tiền hiện có	45
Khoảng thiếu	**476** (91,4% nhu cầu)

Giả sử thuyết minh nêu kế hoạch của Ban Giám đốc để lấp khoảng thiếu:

Biện pháp (giả định)	Số tiền	Đã có văn bản
Gia hạn hai khoản vay sang dài hạn	200	120 đã ký, 80 đang đàm phán
Bán nhà xưởng không dùng	150	30 tiền đặt cọc
Cổ đông lớn cho vay hỗ trợ	100	0
Cộng	**450**	**150 (33,3%)**

Khoảng thiếu còn 476 − 450 = 26 nếu mọi kế hoạch thành công, nhưng 326 nếu chỉ tính phần có văn bản. Đúng chỗ này VSA 570 bảo kiểm toán viên xem: kế hoạch hành động và tính khả thi (đoạn 16b), giải trình bằng văn bản (16e), và với hỗ trợ của bên thứ ba có thể cần xác nhận bằng văn bản kèm điều kiện (A18). Bạn không có bằng chứng kiểm toán, nhưng đọc được thuyết minh nói "đã ký" hay "đang đàm phán". Phép thử này đơn giản, không phải dự báo; nó bỏ qua phải thu, phải trả, thuế và vay mới.



Công ty Tuấn giả định: nhu cầu 521, tiền 45, khoảng thiếu 476, kế hoạch 450

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Kiểm toán viên báo cáo ra sao

Với công ty Tuấn, ba kết cục khác nhau tuỳ thuyết minh và xét đoán của kiểm toán viên:

Tình huống (giả định)	Báo cáo kiểm toán theo VSA 570
A. Thuyết minh nêu đủ sự kiện, kế hoạch, yếu tố không chắc chắn và kết luận của Ban Giám đốc	Chấp nhận toàn phần kèm đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" (đoạn 19; mẫu câu A21)
B. Thuyết minh chỉ viết "công ty đang khó khăn", không nêu kế hoạch	Ngoại trừ hoặc trái ngược theo VSA 705 (đoạn 20; mẫu A23, A24)
C. Kiểm toán viên xét đoán giả định không phù hợp, ví dụ Ban Giám đốc đã quyết định ngừng hoạt động trong 12 tháng mà báo cáo vẫn lập như cũ	Trái ngược, dù có hay không có thuyết minh (đoạn 21, A25)

Ngoại trừ hay trái ngược tuỳ ảnh hưởng chỉ trọng yếu hay còn lan toả (VSA 705, đoạn 07, 08), xem bài bốn loại ý kiến kiểm toán; đoạn nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào, xem bài đoạn vấn đề cần nhấn mạnh. Thêm hai điểm: Ban Giám đốc không chịu đánh giá hay mở rộng đánh giá thì kiểm toán viên có thể ngoại trừ hoặc từ chối đưa ra ý kiến (đoạn 22, A27); lập theo cơ sở khác, ví dụ giá thanh lý, đủ thuyết minh thì ý kiến vẫn có thể là chấp nhận toàn phần (A26).

Nếu giả định không còn phù hợp, Thông tư 99 (Điều 24 khoản 4) buộc đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả, trừ trường hợp bên thứ ba kế thừa theo giá trị sổ sách. Giả sử tài sản của Tuấn đánh giá lại còn 555 (giảm 31,9% so với 815) trong khi nợ vẫn 680: vốn chủ từ dương 135 thành âm 125. Chỉ để minh hoạ vì sao giả định quan trọng.

Điều dễ hiểu lầm nhất: **không có đoạn nhấn mạnh không có nghĩa là an toàn**. VSA 570 (đoạn 07) nói khả năng phát hiện của kiểm toán viên có hạn chế vốn có, lớn hơn với sự kiện tương lai; báo cáo kiểm toán không đề cập thì không có nghĩa khả năng hoạt động liên tục đã được bảo đảm.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Ba báo cáo, hai kỳ:** hệ số hiện hành, vốn chủ đầu kỳ so cuối kỳ, dòng tiền kinh doanh, lỗ. Chỉ ghi nhận hướng đi.
2. **Thuyết minh vay và bảng đáo hạn:** lập bảng nhu cầu và nguồn tiền như trên; so tiền với gốc vay đến hạn.
3. **Thuyết minh về hoạt động liên tục:** mẫu B09 của Thông tư 99 (mục IX, điểm 6) đòi ba thứ khi Ban Giám đốc thấy sự kiện hoặc điều kiện gây nghi ngờ: mô tả sự kiện chính cùng kế hoạch giải quyết, nêu yếu tố không chắc chắn đã biết, và kết luận có hay không yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Thiếu một trong ba là câu hỏi cần mở.
4. **Sự kiện sau ngày cuối kỳ:** gia hạn, ân hạn, khắc phục vi phạm (Điều 20 khoản 4 điểm b).
5. **Báo cáo kiểm toán:** đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" hoặc "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ"; rồi đọc đúng thuyết minh mà nó trỏ tới.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99; ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số. Các điều bài khẳng định ở trên là của Thông tư 99.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom hệ số hiện hành, vốn chủ, dòng tiền, bảng đáo hạn nợ và đoạn nhấn mạnh vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Tuấn và mọi con số là giả định; 0,69, 91,4%, 33,3% không phải ngưỡng. Cách xếp ba chỗ tìm là của Tâm An.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.
- VSA 570 là bản trong Thông tư 214/2012; có dự thảo thay các chuẩn mực kiểm toán dự kiến từ 01/01/2027, chưa thấy bản ban hành. Chuẩn mực kế toán số 21, 23 trích qua bản sao văn bản; bài chưa đọc VSA 706.

Đừng nói quá

- Không viết "có đoạn nhấn mạnh về hoạt động liên tục nghĩa là sắp phá sản": đoạn đó chỉ trỏ tới thuyết minh về một yếu tố không chắc chắn.
- Không viết "hệ số hiện hành dưới 1 là mất giả định", hay "thiếu tiền trong 12 tháng là mất khả năng thanh toán theo luật": khác khái niệm.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Vốn chủ giảm nhanh, dòng tiền âm, tiền ít so với gốc vay đến hạn hay một đoạn nhấn mạnh là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về tình trạng của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: thu tiền trước, nợ đã gia hạn, cổ đông cam kết hỗ trợ.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; VSA 570, 705 và Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo ngày 26/10/2026.

- VSA 570 qua Thông tư 214/2012/TT-BTC (Công báo 249+250 ngày 08/05/2013, mức A): đoạn 02 đến 24; hướng dẫn A2, A10, A15 đến A18, A21 đến A27. VSA 705 (Công báo 253+254, mức A): đoạn 07 đến 09.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, Công báo 16/11/2025, mức A): Điều 20 khoản 4 điểm b, Điều 24 khoản 1 đến 4, mẫu B09 mục IX điểm 6.
- Chuẩn mực kế toán số 21 (đoạn 15, 16), 23 (đoạn 12 đến 14) qua bản sao văn bản (mức B).
- Cách xếp ba chỗ tìm, bảng nhu cầu 12 tháng và ví dụ công ty Tuấn là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mất khả năng thanh toán theo luật là gì
- Bốn loại ý kiến kiểm toán khác nhau thế nào
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 có luôn là xấu
- Bảng đáo hạn nợ vay trong thuyết minh

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Giả định hoạt động liên tục là nền của báo cáo tài chính; nghi ngờ đáng kể là bậc trước khi mất giả định, buộc doanh nghiệp thuyết minh và kiểm toán viên theo VSA 570 chọn giữa chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh, ngoại trừ hoặc trái ngược. Công ty Tuấn giả định có tiền 45 tỷ, gốc vay đến hạn trong 12 tháng 380 tỷ, nhu cầu 521 tỷ và khoảng thiếu 476 tỷ; kế hoạch 450 tỷ nhưng chỉ 150 tỷ có văn bản. Mở bảng đáo hạn nợ và thuyết minh để tự lập phép thử này; không có đoạn nhấn mạnh không có nghĩa là an toàn. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/nghi-ngo-kha-nang-hoat-dong-lien-tuc-la-gi

Cho vay, bảo lãnh và tài sản thế chấp trong thuyết minh: khác nhau thế nào và tìm ở đâu?

Câu trả lời ngắn

Ba khoản này hay bị gộp thành "nợ cho người khác", nhưng vai trò của công ty khác hẳn nhau. **Cho vay:** công ty là bên cho vay, khoản tiền là tài sản, rủi ro là không thu hồi được. **Bảo lãnh:** công ty cam kết trả nợ thay người khác nếu họ không trả; thường chưa phải khoản nợ trên báo cáo tình hình tài chính, nên phải tìm ở phần cam kết trong thuyết minh. **Thế chấp, cầm cố:** tài sản của công ty bị đặt làm bảo đảm cho một khoản nợ, của mình hoặc của người khác. Muốn biết nặng hay nhẹ, chia từng số cho tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Ví dụ giả định: công ty Diệp lãi sau thuế 54 tỷ đồng nhưng có thể phải trả tới 150 tỷ đồng cho khoản vay của công ty liên kết, gấp 2,8 lần lãi, trong khi nợ phải trả trên báo cáo là 800 tỷ đồng. Đó là câu hỏi, chưa phải kết luận.



Ba loại cam kết tài chính: cho vay là tài sản, bảo lãnh là cam kết, thế chấp là tài sản bị ràng buộc

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba loại cam kết, ba chỗ để tìm

Bảng đọc theo mẫu Bản thuyết minh B09 của Thông tư 99 (hiệu lực 01/01/2026; số mục theo bản Công báo). Cách xếp ba loại là của Tâm An.

Loại	Công ty đóng vai	Tìm ở đâu trong thuyết minh	Rủi ro chính
Cho vay	Bên cho vay	Mục 2 (đầu tư tài chính), dòng "Cho vay"; mục 6 (nợ xấu) cho khoản quá hạn	Bên vay trả chậm hoặc không trả
Bảo lãnh	Bên cam kết trả thay	Phần "Những thông tin khác", điểm 1 (nợ tiềm tàng, khoản cam kết); điểm 3 nếu bên được bảo lãnh là bên liên quan	Phải trả thay khi bên kia không trả
Thế chấp, cầm cố	Bên đưa tài sản ra bảo đảm	Hàng tồn kho (7), tài sản cố định hữu hình (9), vô hình (10), tài sản sinh học (12), bất động sản đầu tư (13); mục 30 điểm d (tài sản dùng để cầm cố, thế chấp)	Mất quyền dùng tài sản nếu nợ không được trả

Chiều ngược lại, tài sản công ty nhận cầm cố, thế chấp nằm ở mục 30 điểm b. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200 có thể đặt khoản cho vay ở chỗ khác, xem bài khoản phải thu không đến từ bán hàng; ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo số mục.

Hai chỗ hay nhầm:

1. **Bảo lãnh không nằm trong số dư vay.** Công ty bảo lãnh không nhận tiền. Mẫu B09 không có dòng nào mang tên "bảo lãnh"; chỗ mẫu dành cho nghĩa vụ chưa nằm trên báo cáo là điểm 1 phần "Những thông tin khác", nên bài suy ra bảo lãnh được nói ở đó.
2. **Thế chấp cho nợ của người khác vẫn là tài sản của công ty.** Mục 30 điểm d chỉ đòi từng loại, kỳ hạn, đối tượng nhận; muốn biết bảo đảm cho nợ của ai phải đọc phần mô tả.

Về chuẩn mực, theo bản sao văn bản: chuẩn mực kế toán số 21 (đoạn 66) xếp "nợ tiềm tàng, khoản cam kết" vào nhóm những thông tin khác của thuyết minh. Chuẩn mực số 18 (đoạn 23, 81) nói nợ tiềm tàng không ghi nhận mà phải trình bày bản chất, ước tính ảnh hưởng tài chính và khả năng bồi hoàn, trừ khi khó xảy ra khả năng phải chi trả; nhưng đoạn 03 loại công cụ tài chính, kể cả điều khoản bảo lãnh, khỏi phạm vi, nên bài không khẳng định mọi khoản bảo lãnh đều xử lý theo chuẩn mực này. Chuẩn mực số 26 (đoạn 19) xếp bảo lãnh và thế chấp vào các loại giao dịch với bên liên quan phải trình bày (đoạn 22, 23); xem bài giao dịch với bên liên quan.

Ví dụ minh hoạ: công ty Diệp giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python.

Cuối năm N, báo cáo tình hình tài chính của công ty Diệp: tổng tài sản 1.250 (tiền 90, phải thu 160, cho vay 110, hàng tồn kho 240, tài sản cố định hữu hình 520, khác 130); nợ phải trả 800 (vay 520, phải trả người bán 190, khác 90); vốn chủ 450. Doanh thu 900, lãi sau thuế 54. Thuyết minh cho biết (giả định):

- **Cho vay 110**, ba khoản: 60 cho một đối tác, 30 cho công ty liên kết, 20 đã quá hạn.
- **Bảo lãnh:** Diệp bảo lãnh khoản vay ngân hàng của chính công ty liên kết ấy, mức tối đa 150, dư nợ hiện tại 90. Ban Giám đốc cho rằng khả năng phải trả thấp nên chỉ thuyết minh.
- **Tài sản thế chấp (giá trị còn lại):** tài sản cố định hữu hình 340 và hàng tồn kho 70 cho vay của chính Diệp; thêm tài sản cố định 100 bảo đảm khoản vay của công ty liên kết, cùng khoản được bảo lãnh.

Số	Giá trị	/ tổng tài sản 1.250	/ vốn chủ 450	Cách đọc
Cho vay	110	8,8%	24,4%	Khoản lớn nhất 60 là 54,5% tổng cho vay; quá hạn 20 là 18,2%; bên liên quan 30 là 27,3%
Bảo lãnh, mức tối đa	150	12,0%	33,3%	Gấp 2,8 lần lãi sau thuế 54; dư nợ hiện tại 90 là 60% mức tối đa
Tài sản thế chấp	510	40,8%		Tài sản chưa thế chấp 740 (59,2%); tài sản cố định hữu hình thế chấp 440 trên 520 là 84,6%; hàng tồn kho 70 trên 240 là 29,2%

Kiểm tính: 60 + 30 + 20 = 110; 340 + 70 + 100 = 510; 1.250 − 510 = 740; 440 / 520 = 84,6%. Ba điều rút ra:

1. **Chia cho vốn chủ.** Bảo lãnh tối đa bằng 33,3% vốn chủ, trong khi nó không hiện trong nợ phải trả 800.
2. **Đừng đếm hai lần.** Với công ty liên kết, cộng thô cho vay 30 và bảo lãnh tối đa 150 được 180, bằng 14,4% tổng tài sản và 40,0% vốn chủ. Tài sản thế chấp 100 cùng bảo đảm khoản vay được bảo lãnh nên không cộng thêm. Con số 180 bỏ qua tài sản của bên được bảo lãnh và khả năng bồi hoàn.
3. **Thế chấp nặng ở tài sản cốt lõi.** Theo tổng tài sản chỉ 40,8%, nhưng theo chính loại tài sản thì tài sản cố định hữu hình gần như đã bị ràng buộc.



Công ty Diệp giả định: cho vay 110, bảo lãnh tối đa 150, tài sản thế chấp 510, so với tổng tài sản 1.250 và vốn chủ 450

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

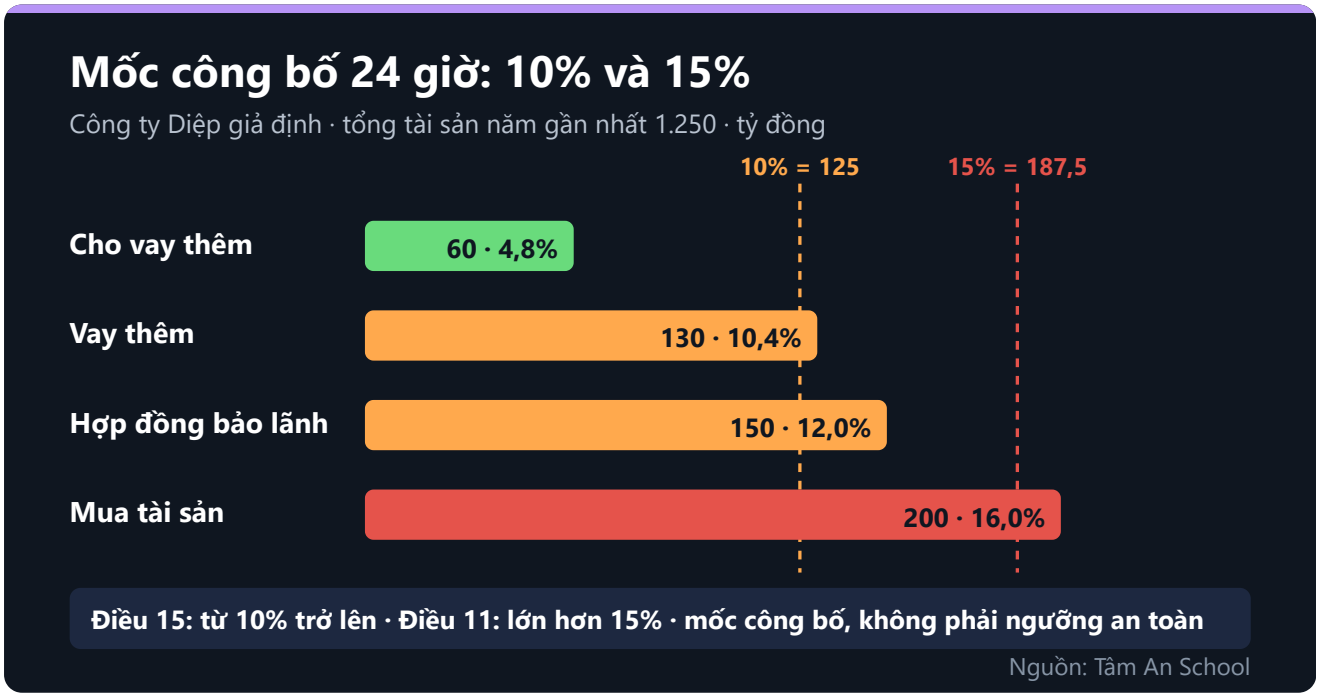
Mốc công bố 24 giờ: quyết định, không phải thuyết minh

Thuyết minh là bức ảnh cuối kỳ; quy định công bố thông tin chạy theo thời điểm ra quyết định. Theo Thông tư 96/2020, Điều 15 khoản 2 điểm b (theo văn bản hợp nhất), tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố trong 24 giờ kể từ khi có quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên. Tổng tài sản lấy theo báo cáo năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo bán niên gần nhất đã soát xét; công ty mẹ lấy báo cáo hợp nhất. Điều 11 khoản 1 (công ty đại chúng nói chung) thêm: quyết định mua, bán tài sản hoặc giao dịch lớn hơn 15% tổng tài sản (điểm m), và hợp đồng, giao dịch với người nội bộ hoặc người có liên quan do Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị thông qua (điểm i).

Với Diệp, tổng tài sản năm gần nhất giả định là 1.250: mốc 10% là 125, mốc 15% là 187,5.

Quyết định giả định	Giá trị	% tổng tài sản	So với mốc
Cho vay thêm	60	4,8%	Dưới 10%
Vay thêm	130	10,4%	Từ 10% trở lên: thuộc Điều 15 khoản 2 điểm b
Hợp đồng bảo lãnh	150	12,0%	Từ 10% trở lên; bảo lãnh có là "giao dịch khác" hay không, bài chưa xác minh
Mua tài sản	200	16,0%	Lớn hơn 15%: Điều 11 khoản 1 điểm m

Hai ý. Một: điểm b nêu "vay, cho vay hoặc giao dịch khác", bài không thấy chữ "bảo lãnh" hay "thế chấp" ở đó; thấy bảo lãnh lớn, hãy tra công bố thông tin bất thường của công ty. Hai: 10% và 15% là mốc công bố, không phải ngưỡng an toàn; khoản 9% vẫn có thể nặng với công ty vốn chủ mỏng.



Mốc công bố 24 giờ: 10% tổng tài sản theo Điều 15 khoản 2 điểm b và 15% theo Điều 11 khoản 1 điểm m, áp vào công ty Diệp giả định

Số liệu giả định; các mốc theo Thông tư 96/2020.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Mở phần cam kết trước.** Ở "Những thông tin khác", ghi mức bảo lãnh tối đa, bên được bảo lãnh, dư nợ hiện tại, tài sản bảo đảm kèm; chia cho tổng tài sản và vốn chủ.
2. **Gom thế chấp.** Lấy các mục hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và mục 30 điểm d. Mẫu không nói mục 30 có gồm các mục trước hay chưa, nên cộng tay dễ trùng; lấy một số tổng chia cho tổng tài sản, và từng loại chia cho chính nó.
3. **Rà khoản cho vay.** Tách khoản lớn nhất, bên liên quan, phần quá hạn; đối chiếu mục nợ xấu và dòng tiền cho vay (mã 23, 24 theo Thông tư 99).
4. **Ghép với bên liên quan.** Nếu bên nhận là công ty liên kết hay người nội bộ, đọc điểm 3.
5. **Hỏi sự kiện sau kỳ.** Gia hạn, giải chấp hay bảo lãnh mới thường nằm ở điểm 2.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99: ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số hay số mục. Đặt các số này cạnh lịch đáo hạn nợ: xem bài bảng đáo hạn nợ vay; bảo đảm của trái phiếu: xem bài trái phiếu doanh nghiệp.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom cho vay, bảo lãnh, tài sản thế chấp và công bố bất thường vào một chỗ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Diệp và mọi con số là giả định; 8,8%, 12,0%, 40,8% hay 84,6% không phải ngưỡng.
- Tài sản thế chấp là giá trị còn lại theo sổ sách, không phải giá bên cho vay định.
- Bài không bàn cách ghi sổ của từng loại bảo lãnh: chuẩn mực số 18 đoạn 03 loại điều khoản bảo lãnh khỏi phạm vi, và bài chưa đọc chuẩn mực về công cụ tài chính.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng, và bảo lãnh có thể là nghiệp vụ chính.
- Điều 15 Thông tư 96 đọc qua văn bản hợp nhất; có dự thảo thay Thông tư 96, chưa ban hành.

Đừng nói quá

- Không viết "có bảo lãnh nghĩa là công ty sẽ phải trả": nghĩa vụ chỉ phát sinh khi bên được bảo lãnh không trả.
- Không viết "thế chấp nhiều là xấu": vay có bảo đảm là phổ biến; cần xem mức và nợ của ai.
- Không viết "thuyết minh không thấy bảo lãnh là không có": bài chưa khẳng định mẫu buộc nêu mọi bảo lãnh; công bố thông tin bất thường là nguồn thứ hai.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Bảo lãnh lớn so với lãi, tài sản thế chấp cao hay cho vay bên liên quan là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về tình trạng của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý: công ty mẹ bảo lãnh để công ty con vay với điều kiện tốt hơn, bên được bảo lãnh có tài sản bảo đảm riêng hay bảo lãnh đối ứng, cho vay nội bộ để điều tiết vốn.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; mẫu B09 của Thông tư 99 và Điều 11 Thông tư 96 đọc nguyên văn ngày 26/10/2026; Điều 15 Thông tư 96 đọc lại cùng ngày qua văn bản hợp nhất.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026, Công báo 16/11/2025, mức A): mẫu B09, các mục 2, 6, 7, 9, 10, 12, 13, 30 và phần "Những thông tin khác" điểm 1 đến 3; mẫu B03 mã 23, 24.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC (Công báo 04/01/2021, mức A): Điều 11 khoản 1 điểm i, m. Điều 15 khoản 1, 2 điểm b qua văn bản hợp nhất 10/VBHN-BTC năm 2026 (bản sao, mức B).
- Chuẩn mực kế toán số 18 (đoạn 03, 23, 81), số 21 (đoạn 66), số 26 (đoạn 19, 22, 23) qua bản sao văn bản (mức B).
- Cách xếp ba loại, bảng "tìm ở đâu", phép đo theo quy mô và ví dụ công ty Diệp là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đọc thuyết minh báo cáo tài chính theo thứ tự nào
- Giao dịch với bên liên quan là gì
- Bảng đáo hạn nợ vay trong thuyết minh
- Khoản phải thu không đến từ bán hàng
- Đọc trái phiếu doanh nghiệp trong báo cáo tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Cho vay là tài sản, bảo lãnh là cam kết chưa nằm trong nợ phải trả, thế chấp là tài sản còn đó nhưng bị ràng buộc; mỗi loại có chỗ riêng trong thuyết minh và cần được đo so với tổng tài sản và vốn chủ. Công ty Diệp giả định lãi sau thuế 54 tỷ, bảo lãnh tối đa 150 tỷ (33,3% vốn chủ), cho vay 110 tỷ và tài sản thế chấp 510 tỷ (40,8% tổng tài sản); đừng cộng bảo lãnh với thế chấp của cùng một khoản vay. Mốc công bố 24 giờ của Thông tư 96 là 10% và 15% tổng tài sản, tính theo quyết định chứ không theo thuyết minh. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/cho-vay-bao-lanh-va-tai-san-the-chap-trong-thuyet-minh

Nợ tiềm tàng khác dự phòng phải trả thế nào? Vì sao có khoản đáng ngại mà không thấy trên bảng cân đối?

Câu trả lời ngắn

Dự phòng phải trả là khoản nợ đã đủ điều kiện ghi nhận: nằm trên bảng cân đối và chi phí đã đi vào kết quả kinh doanh. Nợ tiềm tàng là khoản chưa đủ điều kiện, nên theo chuẩn mực kế toán số 18 (VAS 18, đoạn 23) doanh nghiệp không được ghi nhận mà chỉ thuyết minh (đoạn 81), trừ khi khả năng phải chi trả là khó xảy ra. Vì vậy một vụ kiện, một nghĩa vụ liên đới hay một khoản phạt chưa định mức có thể chỉ hiện ở phần thuyết minh, không có dòng nào trên bảng cân đối. Ví dụ giả định: công ty Thuận ghi dự phòng phải trả 23 tỷ đồng, nhưng thuyết minh còn nêu nợ tiềm tàng ước tính 85 tỷ. Số thứ hai gấp 3,7 lần số thứ nhất; đó là câu hỏi cần đọc tiếp, chưa phải kết luận.



Ba câu hỏi của VAS 18 chia khoản không chắc chắn thành dự phòng phải trả (ghi nhận) và nợ tiềm tàng (chỉ thuyết minh)

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba câu hỏi, hai chỗ nằm

Theo VAS 18 (đoạn 11), một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi cả ba điều kiện cùng đúng. Ghép với đoạn 19, 22, 23 và 81, ta có bảng sau; cách trình bày bảng là của Tâm An.

Câu hỏi	Nếu "có"	Nếu "không"
1. Có nghĩa vụ nợ hiện tại do sự kiện đã xảy ra?	Hỏi tiếp câu 2	Nợ tiềm tàng loại (a): nghĩa vụ chỉ được xác nhận bởi sự kiện tương lai ngoài tầm kiểm soát
2. Giảm sút lợi ích kinh tế có khả năng xảy ra hơn là không?	Hỏi tiếp câu 3	Nợ tiềm tàng loại (b), thuyết minh trừ khi khó xảy ra
3. Ước tính được giá trị đáng tin cậy?	Dự phòng phải trả: ghi nhận	Nợ tiềm tàng loại (b), thuyết minh

Ba điểm dễ nhầm:

1. **VAS 18 không đặt con số phần trăm nào.** Đoạn 19 dùng cụm "có khả năng xảy ra hơn là không xảy ra". Đoạn 13(b) và 81 dùng "rất khó có thể xảy ra" hay "khó xảy ra" cho trường hợp được miễn thuyết minh. Ai nói chuẩn mực viết sẵn ngưỡng bằng số là nói điều chuẩn mực không viết.
2. **Chữ "tiềm tàng" có hai nghĩa.** Đoạn 09 nói về mặt rộng, mọi dự phòng đều không chắc chắn về giá trị hoặc thời gian; nhưng trong chuẩn mực, "nợ tiềm tàng" dành cho khoản không đủ điều kiện ghi nhận. Dự phòng (đoạn 07) là nợ phải trả không chắc chắn về giá trị hoặc thời gian; nó vẫn được ghi.
3. **Có nghĩa vụ nhưng không ước tính được cũng chỉ là thuyết minh.** Đoạn 22: khi không ước tính nghĩa vụ một cách đáng tin cậy, khoản nợ hiện tại không được ghi nhận mà trình bày như nợ tiềm tàng. Người đọc dễ nghĩ "có nghĩa vụ là có dòng trên sổ"; chuẩn mực không nói vậy.

Chuẩn mực cũng nói khi nhiều bên cùng chịu một nghĩa vụ, phần dự tính thuộc về bên khác được xem là nợ tiềm tàng, còn phần còn lại có thể lập dự phòng (đoạn 25). Và VAS 18 không áp dụng cho công cụ tài chính, kể cả điều khoản bảo lãnh (đoạn 03), nên bảo lãnh cho bên khác cần đọc theo hướng riêng.

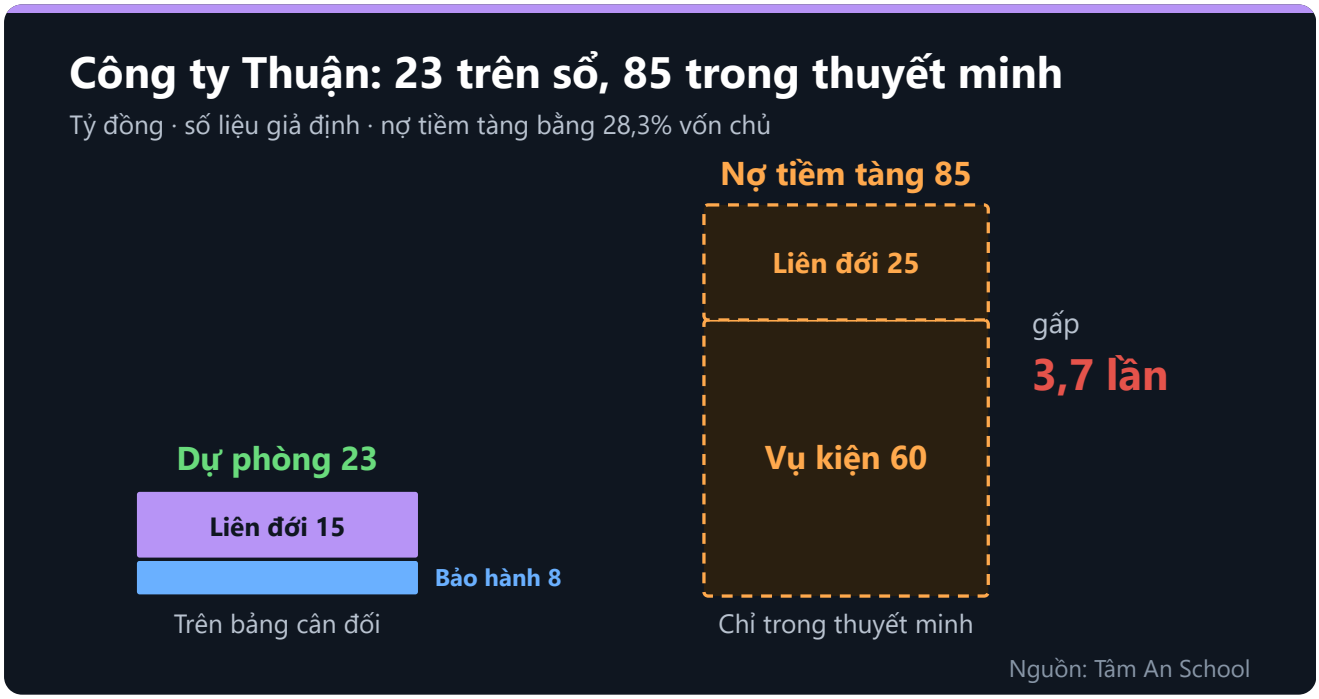
Ví dụ minh hoạ: công ty Thuận giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Cuối năm N, công ty Thuận có tổng tài sản 900, nợ phải trả 600, vốn chủ 300 (nợ bằng 2,00 lần vốn chủ). Lợi nhuận trước thuế 62, đã trừ các khoản dự phòng phải trả. Bỏ qua thuế để phép tính gọn. Bốn khoản không chắc chắn của Thuận được xử lý như sau.

Khoản (giả định)	Quy mô	Cách xử lý	Chỗ nằm
Bảo hành hàng đã bán	Ước tính 8	Dự phòng phải trả	Bảng cân đối và chi phí
Nghĩa vụ liên đới với bên khác, tổng 40; bên kia dự tính gánh 25	Phần Thuận 15; phần bên kia 25	15 là dự phòng; 25 là nợ tiềm tàng (đoạn 25)	15 trên bảng, 25 trong thuyết minh
Đối tác kiện đòi bồi thường 60, chưa xét xử; tư vấn pháp lý cho rằng khả năng thua không cao hơn khả năng thắng	60	Nợ tiềm tàng	Chỉ thuyết minh
Cam kết khắc phục môi trường, chưa ước tính được giá trị tin cậy	Không có số	Nợ tiềm tàng (đoạn 22)	Chỉ thuyết minh
Cộng có số		**Dự phòng 23; nợ tiềm tàng 85**	

Trên bảng cân đối, Thuận chỉ có 23 dự phòng phải trả, bằng 3,8% nợ phải trả. Phần thuyết minh nêu thêm 85 nợ tiềm tàng, bằng 28,3% vốn chủ và 14,2% nợ phải trả (chưa kể khoản môi trường không có số). Đo bằng quy mô như vậy giúp tránh hai cực: bỏ qua vì "không thấy trên sổ", hoặc hoảng vì con số trong thuyết minh. Riêng vụ kiện 60 bằng 20,0% vốn chủ và gần bằng cả lợi nhuận trước thuế 62 (96,8%).

Nếu mọi khoản nợ tiềm tàng có số đều trở thành nghĩa vụ của Thuận (kịch bản để hiểu độ lớn, không phải dự báo), nợ phải trả thành 685, vốn chủ còn 215 và nợ bằng 3,19 lần vốn chủ thay vì 2,00 lần. Tỷ lệ này chỉ để đo, không phải ngưỡng.



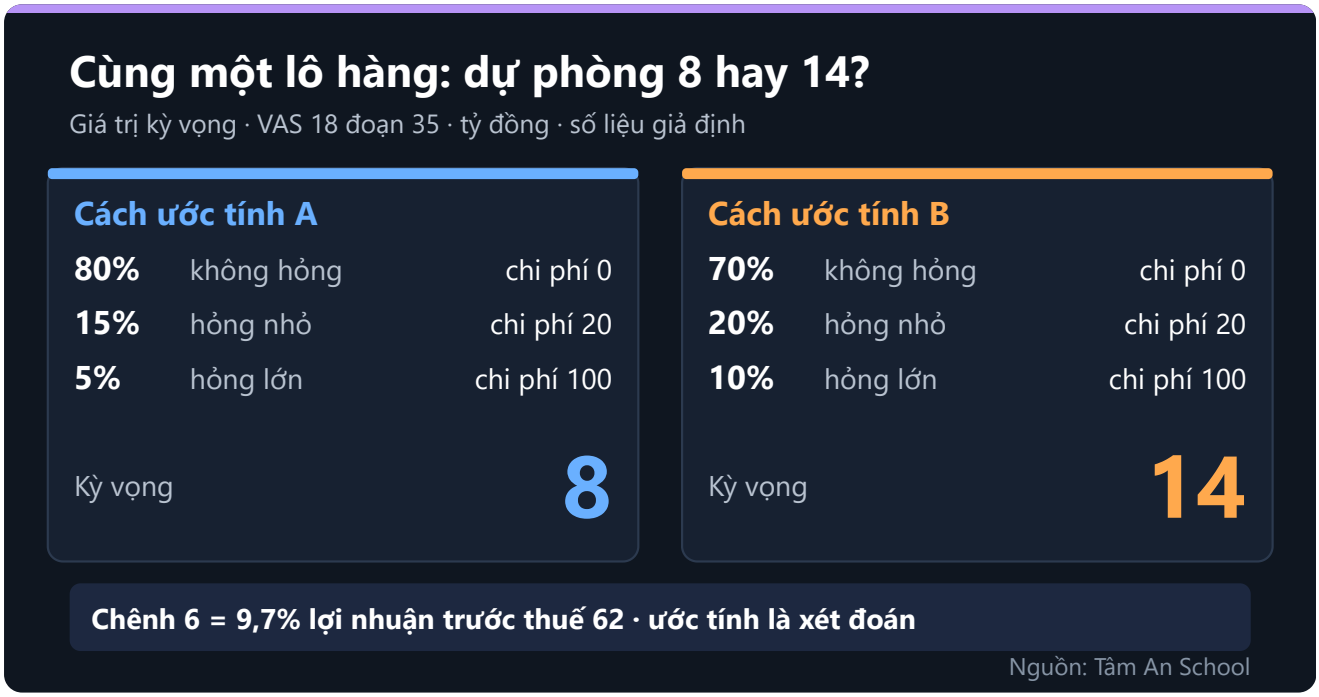
Công ty Thuận giả định: dự phòng phải trả 23 trên bảng cân đối, nợ tiềm tàng 85 trong thuyết minh

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Khi khoản chú thích thành khoản chi phí

Đoạn 26 của VAS 18 nói nợ tiềm tàng phải được ước tính thường xuyên; nếu sau đó sự giảm sút lợi ích kinh tế có thể xảy ra thì phải ghi dự phòng vào báo cáo của kỳ có thay đổi, trừ khi không ước tính được tin cậy. Giả sử sang năm sau, tư vấn pháp lý đổi nhận định và ước tính hợp lý nhất là 45 (đoạn 32 nói giá trị ghi là ước tính hợp lý nhất). Dự phòng 45 được ghi: lợi nhuận trước thuế từ 62 xuống 17 (giảm 72,6%), vốn chủ từ 300 xuống 255 (giảm 15,0%), nợ từ 600 lên 645, tức nợ bằng 2,53 lần vốn chủ. Tổng tài sản vẫn 900. Cùng một vụ kiện, năm trước chỉ là một dòng chữ, năm nay là chi phí.

Đó cũng là lý do hai doanh nghiệp cùng tình huống có thể ghi khác nhau: ước tính là xét đoán. Ví dụ bảo hành của Thuận theo cách chuẩn mực minh hoạ ở đoạn 35, tính giá trị kỳ vọng theo xác suất các kết quả: 80% lô hàng không hỏng (chi phí 0), 15% hỏng nhỏ (20), 5% hỏng lớn (100). Giá trị kỳ vọng là 0,80 x 0 + 0,15 x 20 + 0,05 x 100 = 8. Nếu doanh nghiệp tin tỷ lệ là 70%, 20%, 10% thì kỳ vọng thành 14, chênh 6, bằng 9,7% lợi nhuận trước thuế 62. Bạn không đánh giá được tỷ lệ nào đúng; bạn đọc được doanh nghiệp có nêu cơ sở ước tính và biến động dự phòng hay không.



Giá trị kỳ vọng của dự phòng bảo hành: 8 với xác suất 80, 15, 5 và 14 với xác suất 70, 20, 10

Số liệu giả định, theo cách tính ở đoạn 35 VAS 18.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Bảng cân đối: dòng dự phòng phải trả.** Mẫu B01 theo Thông tư 99 có "Dự phòng phải trả ngắn hạn" (mã 322) và "Dự phòng phải trả dài hạn" (mã 343); theo Thông tư 200 là mã 321 và 342. Ghép hai kỳ theo tên dòng, đừng ghép theo mã số.
2. **Thuyết minh về dự phòng.** VAS 18 (đoạn 79) đòi số đầu kỳ, cuối kỳ, số trích thêm, số đã dùng, số hoàn nhập; đoạn 80 đòi tóm tắt bản chất nghĩa vụ và dấu hiệu không chắc chắn. Đoạn 79 còn nói không phải trình bày thông tin so sánh về dự phòng, nên bảng biến động trong năm là chỗ để thấy hoàn nhập (xem tiếp ở điểm cần trọng).

3. **Thuyết minh nợ tiềm tàng.** Mẫu B09 của Thông tư 99 có mục IX điểm 1: "Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác". Đoạn 81 đòi tóm tắt bản chất, ước tính ảnh hưởng tài chính, dấu hiệu không chắc chắn và khả năng được bồi hoàn. Một dòng chỉ ghi "đang tranh chấp" mà thiếu các phần ấy là câu hỏi cần mở.
4. **Quan hệ giữa hai loại.** Đoạn 83: khi dự phòng và nợ tiềm tàng phát sinh từ cùng một tình huống, phải chỉ rõ mối liên hệ. Hãy tìm phần ghi như vậy; khoản liên đới 15 và 25 của Thuận là một trường hợp.
5. **Báo cáo giữa niên độ.** Mẫu B09a của Thông tư 99 (mục VI, điểm 9) yêu cầu trình bày thay đổi các khoản nợ tiềm tàng hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất. Với báo cáo soát xét, xem bài báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào.
6. **Báo cáo kiểm toán.** Xem có đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trỏ tới thuyết minh về nợ tiềm tàng hay không (khác ý kiến ngoại trừ ra sao, xem bài đoạn vấn đề cần nhấn mạnh), và đọc đúng thuyết minh mà nó trỏ tới.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99. Các tên dòng và mã số bài nêu ở trên là hai mẫu đó; bài không so mã số giữa hai thời kỳ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom dòng dự phòng phải trả, bảng biến động dự phòng, phần nợ tiềm tàng trong thuyết minh và đoạn nhấn mạnh của kiểm toán vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Thuận và mọi con số là giả định; 3,7 lần, 28,3%, 3,19 lần không phải ngưỡng. Cách ghép ba câu hỏi thành bảng là của Tâm An.
- Dự phòng bị hoàn nhập khi chắc chắn không phải chi (VAS 18, đoạn 55); hoàn nhập làm lợi nhuận kỳ đó tăng mà không do bán hàng. Muốn biết vì sao, mở bảng biến động ở điểm 2 thay vì chỉ nhìn số dư. Xem thêm bài dự phòng giảm giá hàng tồn kho, một loại dự phòng khác bản chất (giảm giá tài sản, không phải nợ phải trả).
- Chuẩn mực quốc tế IAS 37 có hai loại này với tên gọi tương tự; bài không đối chiếu nguyên văn, và đó không phải quy định Việt Nam.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng. VAS 18 trích qua bản sao văn bản, không khẳng định hiện hành tuyệt đối.

Đừng nói quá

- Không viết "có nợ tiềm tàng nghĩa là doanh nghiệp sẽ phải trả": đó là khoản chưa chắc phát sinh hoặc chưa đủ điều kiện ghi nhận.
- Không viết "không có nợ tiềm tàng nên an toàn": kiểm toán viên cũng chỉ xét đoán dựa trên bằng chứng có được, xem bài kiểm toán có đảm bảo không.
- Không viết "VAS 18 quy định ngưỡng bằng số". Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một khoản nợ tiềm tàng lớn so với vốn chủ, một dòng thuyết minh sơ sài, một đoạn nhấn mạnh hay một lần hoàn nhập dự phòng chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về kết cục. Có nhiều nguyên nhân hợp lý: vụ việc đang trong thủ tục, đã có bảo hiểm hoặc bên thứ ba bồi hoàn, tư vấn pháp lý đánh giá khác nhau. Kiểm toán viên và Ban Giám đốc có thể đánh giá cùng tình huống khác nhau, và chênh lệch đó đôi khi chính là phần điều chỉnh sau kiểm toán, xem bài vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; VAS 18 đọc qua bản sao văn bản ngày 26/10/2026; Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo.

- Chuẩn mực kế toán số 18 (Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005) qua bản sao văn bản đối chiếu ba nguồn (mức B): đoạn 03, 07, 09, 11, 13, 19, 22 đến 26, 32, 35, 55, 79 đến 81, 83.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026, Công báo 16/11/2025, mức A): mẫu B01 (dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn), B09 mục IX điểm 1, B09a mục VI điểm 9. Thông tư 200/2014/TT-BTC (Công báo, mức A): mẫu B01 tương ứng.
- Cách ghép ba câu hỏi thành bảng, ví dụ công ty Thuận và các kịch bản tính là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không có gian lận không
- Báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Dự phòng phải trả là khoản nợ đủ điều kiện ghi nhận theo VAS 18 và nằm trên bảng cân đối; nợ tiềm tàng chưa đủ điều kiện nên chỉ được thuyết minh. Công ty Thuận giả định có dự phòng 23 tỷ trên sổ nhưng nợ tiềm tàng có số 85 tỷ trong thuyết minh, bằng 28,3% vốn chủ; khi nhận định về vụ kiện đổi, dòng chữ ấy có thể thành chi phí 45 tỷ và lợi nhuận trước thuế rơi từ 62 xuống 17. Mở bảng biến động dự phòng và mục nợ tiềm tàng trong thuyết minh để tự đo bằng quy mô. Đó là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/no-tiem-tang-khac-du-phong-phai-tra-the-nao

Kiện tụng và truy thu thuế trong thuyết minh: đọc thế nào để không hiểu sai?

Câu trả lời ngắn

Một vụ kiện hay một quyết định truy thu thuế trong thuyết minh có thể ở một trong ba trạng thái: đã lập dự phòng phải trả (khoản tiền đã nằm trong chi phí và nợ), chỉ thuyết minh như nợ tiềm tàng (chưa nằm trong số), hoặc không được nhắc tới. Số tiền bên kia đòi không phải số doanh nghiệp sẽ phải trả, còn trạng thái nào thì quyết định bộ báo cáo trông ra sao. Ví dụ giả định: công ty Châu bị đòi bồi thường 90 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế nếu chưa tính vụ việc là 120 tỷ. Lập dự phòng 60 thì lợi nhuận còn 60; chỉ thuyết minh thì vẫn là 120, và cả hai có thể đúng chuẩn mực vì đó là đánh giá của Ban Giám đốc. Hãy xác định vụ việc ở trạng thái nào và tính phần chưa vào sổ, đừng đọc số bị đòi như số sẽ mất.



Ba trạng thái của cùng một vụ việc: đã lập dự phòng, chỉ thuyết minh nợ tiềm tàng, không đề cập

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Bài không bàn giá cổ phiếu phản ứng ra sao với tin kiện tụng; phần đó đã có bài "Doanh nghiệp niêm yết bị kiện tụng, tranh chấp pháp lý thì cổ phiếu phản ứng thế nào?" của site. Ở đây chỉ nói cách đọc dòng pháp lý trong báo cáo.

Ba trạng thái theo chuẩn mực

Chuẩn mực kế toán số 18 (VAS 18, theo bản sao văn bản) phân biệt dự phòng phải trả với nợ tiềm tàng; phần khái niệm đã có ở bài nợ tiềm tàng khác dự phòng phải trả. Với vụ kiện, người đọc cần thêm trạng thái thứ ba, hay bị quên.

Trạng thái	Khi nào	Dấu vết trên báo cáo
1. Dự phòng phải trả	Đủ ba điều kiện ghi nhận (đoạn 11), giá trị là ước tính hợp lý nhất (đoạn 32)	Dòng dự phòng phải trả, chi phí, bảng biến động (đoạn 79)
2. Nợ tiềm tàng	Chưa chắc có nghĩa vụ hoặc chưa ước tính đáng tin cậy (đoạn 07, 22); không được ghi nhận (đoạn 23)	Chỉ thuyết minh: bản chất, ước tính ảnh hưởng, điều chưa chắc (đoạn 81)
3. Không đề cập	Khả năng phải chi trả khó xảy ra (đoạn 81), hoặc Ban Giám đốc xét không trọng yếu	Không có gì để đọc

Ba điểm dễ nhầm. **Một:** VAS 18 không có ngưỡng 50%; đoạn 19 chỉ viết "có khả năng xảy ra hơn là không xảy ra". **Hai:** đoạn 13 nói đúng về vụ xét xử: khi chưa chắc sự kiện có sinh nghĩa vụ hay không, doanh nghiệp xem xét mọi chứng cứ, kể cả sự kiện sau ngày kết thúc năm; chắc chắn có nghĩa vụ thì lập dự phòng, chắc chắn không có thì thuyết minh nợ tiềm tàng. **Ba:** trạng thái không đứng yên (đoạn 26, 55): một vụ việc có thể đi từ "không đề cập" sang "nợ tiềm tàng" rồi "dự phòng" qua ba kỳ, và dự phòng bị hoàn nhập khi chắc chắn không còn phải chịu.

Sáu chỗ để tìm một vụ kiện hay quyết định thuế

Chỗ tìm	Tìm gì
Thuyết minh nợ tiềm tàng	Mẫu B09 Thông tư 99, mục "Những thông tin khác", điểm 1: nợ tiềm tàng, cam kết
Dòng dự phòng phải trả	Ngắn hạn, dài hạn (mã 322, 343 theo mẫu B01 Thông tư 99) và bảng đầu kỳ, tăng, giảm, hoàn nhập
Sự kiện sau ngày cuối kỳ	Điểm 2 cùng mục: phán quyết hay quyết định đến sau ngày kết thúc kỳ (VAS 23)
Chi phí thuế	Thuế thu nhập năm trước nộp bổ sung vào chi phí thuế hiện hành, hoặc làm số cũ bị điều chỉnh (tài khoản 821)
Công bố bất thường	Thông tư 96 Điều 11 khoản 1 điểm o, trong 24 giờ
Báo cáo kiểm toán	Đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trỏ về một vụ kiện chưa ngã ngũ



Sáu chỗ để tìm một vụ kiện hay quyết định thuế trong bộ báo cáo

Sơ đồ khái niệm, cách xếp của Tâm An.

Điểm o: khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty, hoặc quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế, công ty đại chúng công bố trong 24 giờ, nêu sự kiện, nguyên nhân và giải pháp (khoản 2). Theo câu chữ, mốc là bản án đã có hiệu lực hoặc quyết định đã nhận; vụ kiện còn đang xét xử không tự nằm trong điểm này (cách đọc của Tâm An), nên với vụ đang xử, thuyết minh thường là chỗ chính. Mã số trên là của mẫu Thông tư 99 (từ năm tài chính 2026); báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, hãy ghép hai kỳ theo tên dòng.

Ví dụ minh hoạ: công ty Châu giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng, bỏ qua thuế và chiết khấu.

Công ty Châu có tổng tài sản 2.400, vốn chủ sở hữu 900. Nếu chưa tính vụ việc, lợi nhuận trước thuế năm N là 120. Một đối tác kiện đòi bồi thường hợp đồng 90, bằng 10,0% vốn chủ, 75,0% lợi nhuận trước thuế và 3,75% tổng tài sản. Cùng vụ việc, báo cáo có thể ở ba phiên bản (không phải ba công ty):

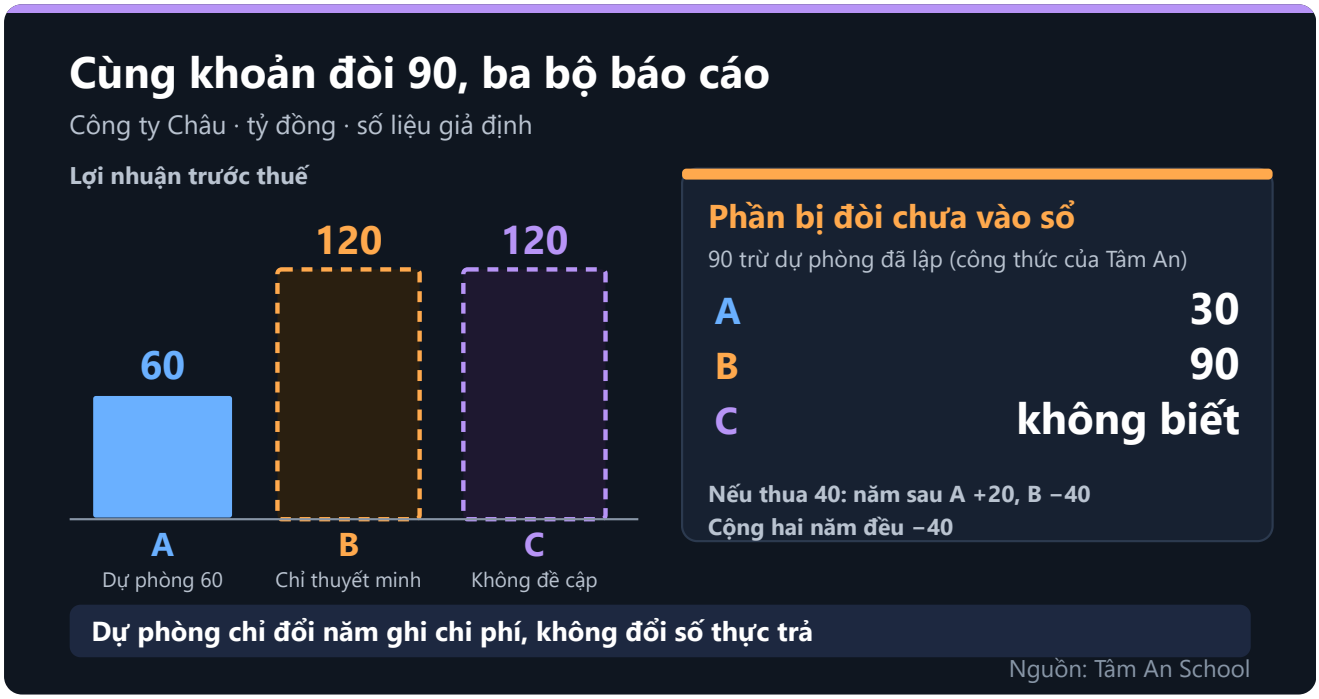
	A. Đã lập dự phòng	B. Chỉ nợ tiềm tàng	C. Không đề cập
Dự phòng phải trả	60	0	0
Lợi nhuận trước thuế	60	120	120
Vốn chủ sở hữu	840	900	900
Phần bị đòi chưa vào sổ (90 trừ dự phòng)	30	90	không biết

"Phần bị đòi chưa vào sổ" là công thức của Tâm An, không phải chỉ tiêu trên mẫu. Dự phòng 60 làm lợi nhuận giảm nhưng chưa có tiền ra: theo hướng dẫn báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp của Thông tư 99, chỉ tiêu "Các khoản dự phòng" (mã số 03) được cộng lại, nên dòng tiền kinh doanh chưa giảm cho đến khi

trả.

Kết cục thì sao? Với số thực trả là 0, 40 hoặc 90, tác động lên lợi nhuận trước thuế năm sau bằng dự phòng đã lập trừ số thực trả:

Kết cục (số thực trả)	A: năm sau	B hoặc C: năm sau	Cộng hai năm (A và B)
Thắng (0)	+60	0	0
Thua một phần (40)	+20	−40	−40
Thua hết (90)	−30	−90	−90



Công ty Châu giả định: cùng khoản đòi 90, ba bộ báo cáo cho lợi nhuận 60, 120, 120

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Dự phòng chỉ đổi năm ghi chi phí; cộng qua các kỳ vẫn bằng số thực trả. Năm sau của phiên bản A có thể tăng +60 chỉ vì hoàn nhập, không do bán hàng.

Phán quyết đến sau ngày cuối kỳ. Giả sử ở phiên bản B, sau ngày kết thúc năm N nhưng trước ngày phát hành báo cáo, Toà tuyên Châu phải trả 40. VAS 23 (đoạn 07a) xếp kết luận của Toà án xác nhận nghĩa vụ hiện tại vào ngày kết thúc kỳ vào nhóm cần điều chỉnh: năm N ghi dự phòng 40, lợi nhuận từ 120 còn 80 (giảm 33,3%) ngay năm N. Nếu vụ kiện chỉ phát sinh sau ngày cuối kỳ thì đoạn 19, 20 (mục i, j) đòi trình bày chứ không điều chỉnh số. Xét đoán thuộc Ban Giám đốc và kiểm toán viên; bài không bàn bản án còn kháng cáo.

Truy thu thuế. Một quyết định xử lý thuế giả định có ba phần: thuế truy thu 24, tiền phạt 6, tiền chậm nộp 9, cộng 39 (4,3% vốn chủ, 32,5% lợi nhuận trước thuế). Văn bản thuế cũng gọi riêng "số tiền thuế còn thiếu" và "tiền chậm nộp" (Nghị định 320/2025, Điều 11 khoản 1 điểm b).

Thuyết minh chỉ viết "quyết định xử lý 39" thì chưa biết phần nào là thuế, phần nào là phạt. Hãy hỏi từng phần: thuế của năm nào, ghi vào kỳ nào; tiền phạt ở dòng nào; tiền chậm nộp tính đến ngày nào. Với thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước nộp bổ sung do phát hiện sai sót, Thông tư 99 (Phụ lục II, tài khoản 821) tách hai nhánh: không trọng yếu thì vào chi phí thuế hiện hành của năm phát hiện; trọng yếu thì điều chỉnh hồi tố theo VAS 29. Cùng quyết định có thể làm lợi nhuận năm nay thấp đi, hoặc làm số năm trước bị sửa; trọng yếu hay không là xét đoán, bài không đặt ngưỡng.

Vì sao thuyết minh pháp lý thường ngắn

"Chung chung" chưa chắc là thiếu. VAS 18 đoạn 87: nếu trình bày đủ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến vị thế của doanh nghiệp trong tranh chấp, doanh nghiệp trình bày bản chất chung của vấn đề và lý do không trình bày chi tiết. Đoạn 86 buộc nêu rõ khi không trình bày được thông tin theo đoạn 81 (ví dụ chưa ước tính được). Đoạn 82 không cho gộp dự phòng bảo hành thông thường với khoản phải trả liên quan đến vụ kiện.

Chiều ngược lại: nếu công ty là bên đi kiện đòi, khoản đòi là tài sản tiềm tàng, không được ghi nhận (đoạn 27, 29) và chỉ thuyết minh khi có thể thu lợi ích (đoạn 84, 85). Đừng cộng khoản đòi vào lợi nhuận.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Liệt kê từng vụ việc** ở thuyết minh nợ tiềm tàng: ai đòi, bao nhiêu, giai đoạn nào, từ kỳ nào.
2. **Đối chiếu bảng dự phòng phải trả:** có dự phòng cho vụ này không, bằng bao nhiêu phần số đòi.
3. **Tính phần chưa vào sổ** (số đòi trừ dự phòng), so với vốn chủ, lợi nhuận trước thuế, tiền hiện có: mức ảnh hưởng tối đa có thể, không phải dự báo.
4. **Theo dõi nhiều kỳ:** cùng một câu lặp mấy kỳ, số đòi và dự phòng có đổi không.
5. **Xem sự kiện sau ngày cuối kỳ** và công bố bất thường (điểm o).
6. **Với quyết định thuế:** tách thuế, phạt, chậm nộp; hỏi kỳ ghi nhận.
7. **Đối chiếu báo cáo kiểm toán:** có đoạn nhấn mạnh trỏ về vụ này không, xem bài đoạn vấn đề cần nhấn mạnh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom thuyết minh nợ tiềm tàng, bảng dự phòng phải trả và sự kiện sau ngày cuối kỳ vào một chỗ để đọc tiếp. Đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Châu và mọi con số là giả định; 10,0%, 75,0%, 32,5% không phải ngưỡng. Ba phiên bản A, B, C là cách xếp của Tâm An.
- Bài không dự đoán kết cục vụ việc, không đánh giá bên nào đúng hay sai; kết cục thường rất khác số đòi ban đầu.
- Điều 11 Thông tư 96 áp dụng cho công ty đại chúng; theo các văn bản đã đối chiếu, chưa thấy bị sửa, cần đối chiếu bản hợp nhất mới nhất. Có dự thảo thay Thông tư 96 (05/10/2026), chưa ban hành.
- Bài viết cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "thuyết minh không có vụ kiện nghĩa là không có vụ kiện": trạng thái 3 gồm cả vụ khó xảy ra hoặc không trọng yếu.
- Không viết "dự phòng lớn nghĩa là sẽ thua" hay "không dự phòng nghĩa là sẽ thắng": đó là đánh giá tại một thời điểm.
- Không viết "thuyết minh ngắn là giấu thông tin": đoạn 87 cho phép nói chung.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Số bị đòi lớn so với vốn chủ, một câu thuyết minh lặp nhiều kỳ, dự phòng nhảy mạnh trong một kỳ hay một quyết định thuế mới là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về tình trạng doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý khác: bên kia đòi cao hơn nhiều so với căn cứ, thủ tục kéo dài, có bên thứ ba bồi hoàn (đoạn 81), hay chỉ khác biệt cách hiểu pháp luật.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; văn bản đọc từ gói nguồn ngày 26/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán số 18 (đoạn 07 đến 87 như đã nêu) và số 23 (đoạn 03, 07, 18 đến 20), qua bản sao văn bản (mức B).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC Điều 11 khoản 1 điểm o, khoản 2 (Công báo 13+14, mức A).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC: mẫu B01, B09 mục IX (Công báo 1577+1578), hướng dẫn mã số 03 (Công báo 1581+1582), tài khoản 821 (Công báo 1573+1574), mức A.
- Nghị định 320/2025/NĐ-CP Điều 11 khoản 1 điểm b (bản hợp nhất, Công báo 338/2026, mức A).
- Cách xếp ba phiên bản, sáu chỗ tìm, công thức phần chưa vào sổ và ví dụ công ty Châu là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không
- Báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán
- Lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau
- Nợ tiềm tàng khác dự phòng phải trả thế nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Một vụ kiện hay quyết định truy thu thuế trong thuyết minh ở một trong ba trạng thái: đã lập dự phòng, chỉ thuyết minh như nợ tiềm tàng, hoặc không đề cập. Công ty Châu giả định bị đòi 90 tỷ, lợi nhuận trước thuế 120 tỷ: lập dự phòng 60 thì lợi nhuận 60, chỉ thuyết minh thì vẫn 120, và cộng qua các kỳ cả hai cùng bằng số thực trả. Hãy liệt kê từng vụ việc, đối chiếu bảng dự phòng, tính phần chưa vào sổ, tách quyết định thuế thành thuế, phạt và chậm nộp. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

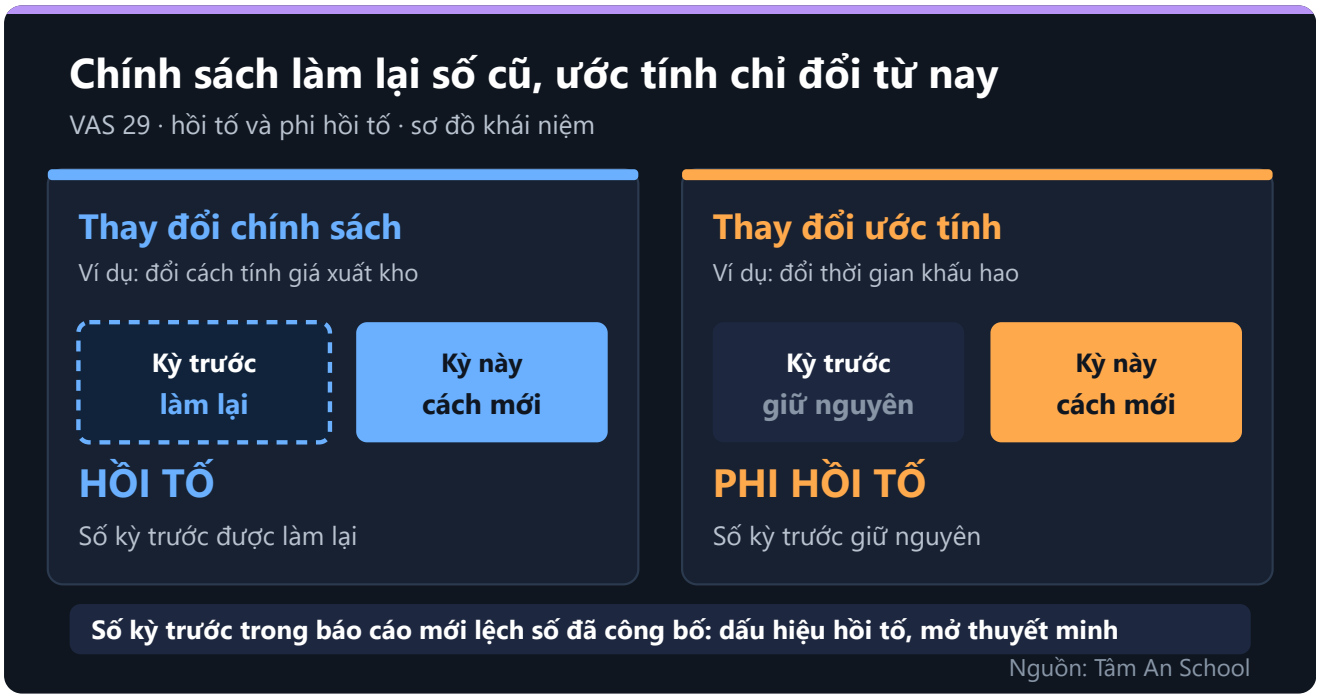
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/kien-tung-va-truy-thu-thue-trong-thuyet-minh

Thay đổi chính sách kế toán khác thay đổi ước tính kế toán thế nào? Trường hợp nào phải làm lại số liệu cũ?

Câu trả lời ngắn

Hai thay đổi này trông giống nhau trong thuyết minh nhưng xử lý khác hẳn. Theo văn bản chuẩn mực kế toán số 29 (VAS 29), thay đổi chính sách kế toán là đổi nguyên tắc, cơ sở hoặc phương pháp kế toán cụ thể, như đổi cách tính giá xuất kho; khi doanh nghiệp tự nguyện đổi thì phải áp dụng hồi tố, nghĩa là số liệu kỳ trước cũng được làm lại như thể đã dùng chính sách mới. Thay đổi ước tính kế toán là cập nhật giá trị ghi sổ hay mức tiêu hao, như thời gian khấu hao, vì có thông tin mới; nó áp dụng phi hồi tố, từ kỳ hiện tại, không làm lại kỳ trước và không phải sửa sai sót. Ví dụ giả định: công ty Hân kéo dài thời gian khấu hao một dây chuyền, khấu hao giảm 32 tỷ đồng một năm, lợi nhuận trước thuế tăng 28,9%, trong đó 32 tỷ (61,5% mức tăng) đến riêng từ việc đổi ước tính. Đó là câu hỏi cho thuyết minh, chưa phải kết luận.



Chính sách thì làm lại số kỳ trước, ước tính thì chỉ đổi từ kỳ này

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Hai loại thay đổi, đặt cạnh nhau

	Thay đổi chính sách kế toán	Thay đổi ước tính kế toán
Là gì	Nguyên tắc, cơ sở, phương pháp kế toán cụ thể (đoạn 04)	Điều chỉnh giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả hoặc mức tiêu hao định kỳ của tài sản, do đánh giá lại với thông tin mới (đoạn 04)
Ví dụ	Đổi phương pháp tính giá xuất kho	Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định, phải thu khó đòi, hàng lỗi thời, nghĩa vụ bảo hành (đoạn 15)
Khi nào được đổi	Chỉ khi pháp luật, chuẩn mực hay chế độ kế toán thay đổi, hoặc khi báo cáo thành tin cậy và thích hợp hơn (đoạn 06)	Khi căn cứ ước tính đổi hoặc có thêm thông tin, kinh nghiệm mới (đoạn 17)
Số kỳ trước	Điều chỉnh như thể đã áp dụng chính sách mới (đoạn 11)	Giữ nguyên
Ảnh hưởng ghi vào đâu	Số dư đầu kỳ trong vốn chủ sở hữu của kỳ sớm nhất và các số so sánh (đoạn 11)	Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ đổi và các kỳ sau nếu bị ảnh hưởng (đoạn 19, 21)
Phải thuyết minh	Bản chất, lý do, khoản điều chỉnh từng khoản mục (đoạn 34, 35)	Tính chất và giá trị ảnh hưởng kỳ hiện tại, dự kiến ảnh hưởng kỳ sau (đoạn 36)

Chuẩn mực nói việc xem xét lại ước tính không liên quan đến kỳ kế toán trước và không phải sửa sai sót (đoạn 17), và dùng ước tính không làm báo cáo kém tin cậy (đoạn 16). VAS 29 không có mục định nghĩa riêng cho "thay đổi chính sách kế toán" và không dùng "trình bày lại" như một thuật ngữ; chuẩn mực nói "điều chỉnh hồi tố". Cụm "trình bày lại số liệu so sánh" thấy ở Thông tư 99 (Điều 30, Điều 31).

Khi nào phải làm lại số liệu cũ

Với chính sách, đoạn 10 của VAS 29 chia hai trường hợp. Nếu doanh nghiệp đổi vì áp dụng lần đầu một quy định mới có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, làm theo hướng dẫn đó. Nếu không có hướng dẫn chuyển đổi, hoặc doanh nghiệp tự nguyện đổi, phải hồi tố. Thông tư 99 (Điều 30 khoản 1, nằm trong điều khoản chuyển tiếp) mô tả cùng ba hướng:

- **Hồi tố** theo VAS 29: số so sánh được làm lại.
- **Hồi tố đơn giản**: không trình bày lại số so sánh; tính ảnh hưởng luỹ kế tại ngày đầu kỳ đầu tiên áp dụng chính sách mới và điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc khoản mục khác của vốn chủ sở hữu.
- **Phi hồi tố**: áp dụng cho giao dịch từ ngày đổi, dùng khi quy định không đòi hồi tố.

Điểm c: tự nguyện đổi chính sách thì phải hồi tố. Khoản 4 Điều 30 là ví dụ đổi do quy định: doanh nghiệp đang trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định mà chưa sửa chữa khi Thông tư 99 có hiệu lực thì không tiếp tục trích trước.

Nếu không xác định được ảnh hưởng từng kỳ hay luỹ kế, hồi tố từ kỳ sớm nhất làm được (đoạn 12 đến 14).

Vùng xám. Đoạn 18 nói thay đổi cách thức xác định thông tin là thay đổi chính sách; khi khó phân biệt, coi là thay đổi ước tính. Chuẩn mực số 03 (đoạn 36) nói khi có thay đổi đáng kể trong cách sử dụng tài sản, doanh nghiệp được đổi phương pháp khấu hao và mức khấu hao "cho năm hiện hành và các năm tiếp theo". Bài không đi xa hơn.

Sai sót kỳ trước là chuyện khác: sai sót trọng yếu được điều chỉnh hồi tố (đoạn 23), và đoạn 29 nhấn mạnh sửa sai sót khác thay đổi ước tính.

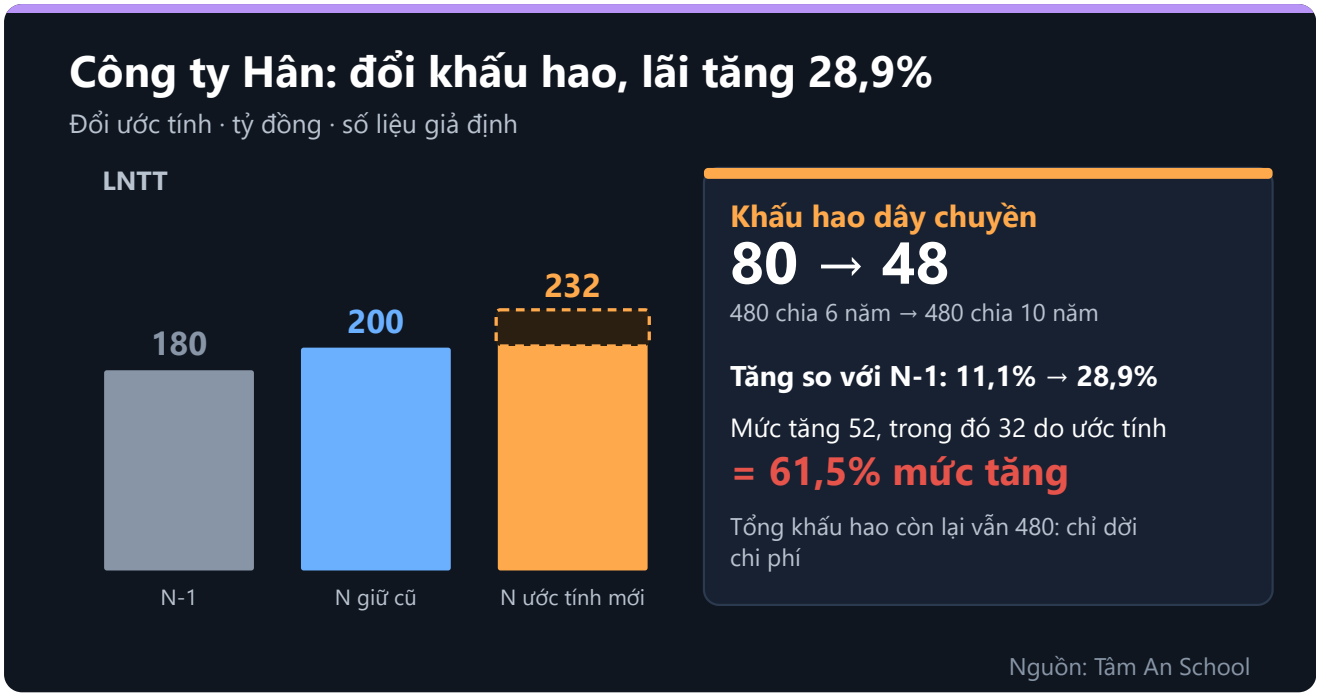
Ví dụ minh hoạ: công ty Hân giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm trước (N-1) đã công bố là 180; năm nay (N), nếu mọi thứ giữ nguyên, là 200.

Tình huống 1: đổi ước tính khấu hao. Một dây chuyền nguyên giá 800, không giá trị thanh lý, khấu hao đường thẳng ban đầu 10 năm (80 một năm). Đầu năm N đã dùng 4 năm: luỹ kế 320, còn lại 480. Ban Giám đốc xem lại, ước tính tổng thời gian sử dụng là 14 năm, còn 10 năm.

	Giữ ước tính cũ	Ước tính mới
Khấu hao năm N	80 (480 chia 6 năm)	48 (480 chia 10 năm)
LNTT năm N	200	232
Tăng so với năm N-1 (180)	11,1%	28,9%
LNTT năm N-1 trong báo cáo năm N	180	180

Năm N-1 không đổi (phi hồi tố). Mức tăng LNTT là 52, trong đó 32 đến từ khấu hao thấp hơn, bằng 61,5%. Nhưng đổi ước tính chỉ dời chi phí: tổng khấu hao còn lại vẫn 480. Sáu năm đầu LNTT cao hơn 32 mỗi năm (tổng 192), bốn năm sau thấp hơn 48 mỗi năm (tổng 192). Dòng tiền kinh doanh không đổi vì khấu hao không là tiền chi ra: dòng điều chỉnh khấu hao giảm 32 bù đúng LNTT tăng 32 (bỏ qua thuế), xem bài khấu hao được cộng lại khi đi từ lãi sang tiền.



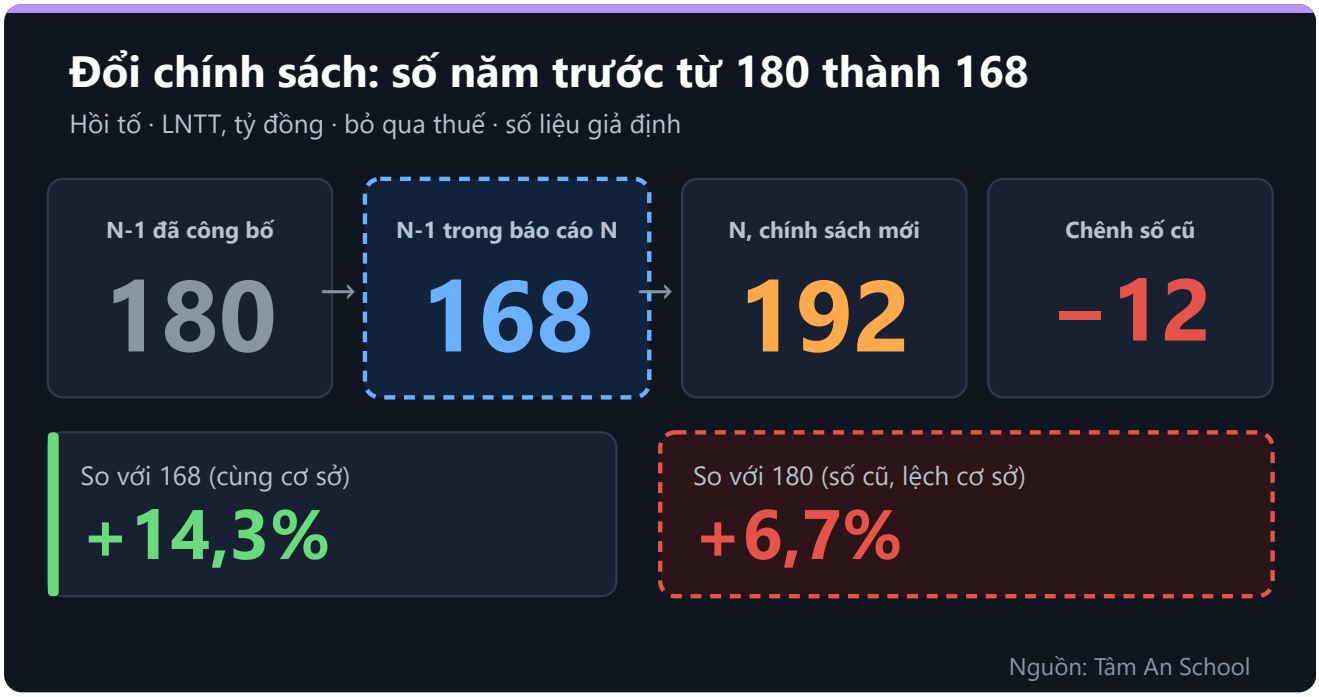
Công ty Hân giả định: khấu hao 80 xuống 48, LNTT 200 lên 232, 32 trên mức tăng 52

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Tình huống 2: đổi chính sách giá xuất kho. Giả sử thay vào đó công ty Hân đổi từ nhập trước xuất trước sang bình quân gia quyền (xem bài phương pháp tính giá xuất kho). Giá nhập tăng nên cách mới cho giá vốn cao hơn. Đây là chính sách, nên hồi tố; bỏ qua thuế cho gọn.

	Năm N-1 đã công bố	Năm N-1 trong báo cáo năm N	Năm N, chính sách mới
Giá vốn	640	652	708
LNTT	180	168	192
Hàng tồn kho cuối năm	210	180	202

Số dư đầu kỳ của năm N-1 trong vốn chủ sở hữu cũng giảm 18 (ảnh hưởng luỹ kế các năm trước). LNTT năm N tăng 14,3% so với số N-1 đã điều chỉnh (192 so với 168); lỡ lấy số cũ 180 ra so thì chỉ thấy tăng 6,7%. Bạn có phép thử đơn giản: **số năm trước trong báo cáo năm nay có khác số đã công bố năm ngoái không?** Ở đây 168 so với 180, lệch 12 (6,7%): dấu hiệu của hồi tố, cần mở thuyết minh để biết vì sao.



Công ty Hân giả định: số năm trước từ 180 thành 168, tăng 14,3% so với số điều chỉnh, 6,7% nếu so số cũ

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Lý do hợp lý để đổi ước tính, và chiều ngược lại

Chuẩn mực số 03 (đoạn 33) nói thời gian sử dụng hữu ích phải được xem xét lại định kỳ, thường vào cuối năm tài chính. Đoạn 34 nêu hai lý do: thời gian có thể dài thêm khi tài sản được cải thiện vượt trạng thái tiêu chuẩn ban đầu, hoặc ngắn lại do thay đổi kỹ thuật hay nhu cầu sản phẩm. Đoạn 35 chặn một lý do dễ nghe: sửa chữa, bảo dưỡng có thể kéo dài thời gian dùng thực tế, nhưng doanh nghiệp không được vì thế đổi mức khấu hao.

Đổi ước tính cũng có thể làm lợi nhuận giảm. Trong ví dụ trên, nếu thay đổi kỹ thuật rút tổng thời gian còn 8 năm (còn 4 năm), khấu hao thành 480 chia 4 là 120, tăng 40; LNTT năm N còn 160, thấp hơn năm trước 11,1%. Hướng của thay đổi không cho biết ý đồ; điều cần đọc là lý do, mức ảnh hưởng và thời điểm.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Mở mục chính sách kế toán.** Báo cáo giữa niên độ theo mẫu B09a của Thông tư 99 (mục IV) phải công bố dùng cùng chính sách như báo cáo năm gần nhất; nếu có thay đổi thì mô tả và nêu rõ ảnh hưởng.
2. **Đối chiếu số kỳ trước** trong báo cáo kỳ này với số đã công bố. Lệch là dấu hiệu hồi tố, chưa nói được nguyên nhân.
3. **Tìm thuyết minh thay đổi ước tính:** tính chất và giá trị ảnh hưởng kỳ hiện tại, dự kiến ảnh hưởng kỳ sau (đoạn 36); mẫu B09a (mục VI điểm 4) cũng có mục tương tự. Không thấy giá trị là một câu hỏi. Với ước tính dự phòng, xem thêm bài đọc dự phòng phải thu khó đòi và khoản hoàn nhập.
4. **Tính phần của ước tính trong mức tăng**, như 32 chia 52 là 61,5%. Đây không phải ngưỡng, chỉ giúp tách tăng trưởng từ kinh doanh với phần từ cách ước tính.

5. **Xem dòng tiền.** Đổi ước tính khấu hao không đổi dòng tiền kinh doanh; lãi tăng mà tiền không đổi thì hỏi phần tăng đến từ đâu. Thứ tự đọc thuyết minh: bài đọc thuyết minh theo thứ tự nào.
6. **Nhìn công bố thông tin.** Công ty đại chúng phải công bố trong 24 giờ quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng, trừ khi đổi vì pháp luật thay đổi (Thông tư 96/2020, Điều 11 khoản 1 điểm g); khoản 2 yêu cầu nêu sự kiện, nguyên nhân và giải pháp (nếu có). Các điểm của khoản 1 không có điểm riêng cho thay đổi ước tính. Khoản 5 nhắc đến báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố. Số lệch sau kiểm toán: bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99; mã số chỉ tiêu và tên dòng có đổi, hãy ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom lợi nhuận, khấu hao, dòng tiền và các dòng thuyết minh chính sách kế toán vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Hân và mọi con số là giả định; 28,9%, 61,5%, 14,3% không phải ngưỡng. Tình huống 2 bỏ qua thuế; VAS 29 (đoạn 03) đòi ảnh hưởng thuế theo chuẩn mực thuế thu nhập.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.
- VAS 29 và chuẩn mực số 03 trích theo bản sao văn bản, chưa đối chiếu bản gốc; bài chưa bàn khung thời gian khấu hao theo quy định thuế hay quản lý tài sản.

Đừng nói quá

- Không viết "đổi ước tính là làm đẹp số": nhiều lần đổi có lý do chính đáng, có khi làm lãi giảm.
- Không viết "đổi chính sách thì kỳ trước sai", hay "hồi tố nghĩa là có sai phạm": hồi tố vì đổi chính sách khác hồi tố vì sai sót.
- Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Lãi tăng mạnh cùng một thay đổi ước tính, hay số kỳ trước lệch số đã công bố, là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về chất lượng báo cáo. Nguyên nhân hợp lý còn nhiều: tài sản đổi cách dùng, thông tin mới, quy định mới.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và Thông tư 96 đọc nguyên văn từ Công báo ngày 26/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán số 29 (QĐ 12/2005/QĐ-BTC), đoạn 04 đến 36, và số 03 đoạn 33 đến 36, qua bản sao văn bản (mức B).

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, Công báo, mức A): Điều 30 khoản 1 và 4, Điều 31 khoản 3; mẫu B09a-DN mục IV, VI điểm 4.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC (Công báo số 13+14, mức A): Điều 11 khoản 1 điểm g, khoản 2, khoản 5; theo các văn bản sửa đổi đã đối chiếu, Điều 11 chưa bị sửa.
- Ví dụ công ty Hân và hai tình huống là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại khi đi từ lãi sang tiền
- Đọc thuyết minh báo cáo tài chính theo thứ tự nào
- Cách đọc dự phòng phải thu khó đòi và khoản hoàn nhập
- Phương pháp tính giá xuất kho
- Lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Thay đổi chính sách kế toán thì hồi tố: số kỳ trước được làm lại như thể đã dùng chính sách mới; thay đổi ước tính kế toán thì phi hồi tố: ghi nhận từ kỳ hiện tại, số kỳ trước giữ nguyên (VAS 29). Công ty Hân giả định đổi thời gian khấu hao làm khấu hao giảm từ 80 còn 48 tỷ, lợi nhuận trước thuế tăng 28,9% so với 11,1% nếu giữ cũ, trong đó 32 tỷ, 61,5% mức tăng, đến từ ước tính, và tổng khấu hao còn lại vẫn 480 tỷ. Đổi chính sách giá xuất kho thì số năm trước từ 180 thành 168 tỷ. Hãy đối chiếu số kỳ trước với số đã công bố và mở thuyết minh. Đây chỉ là tín hiệu, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

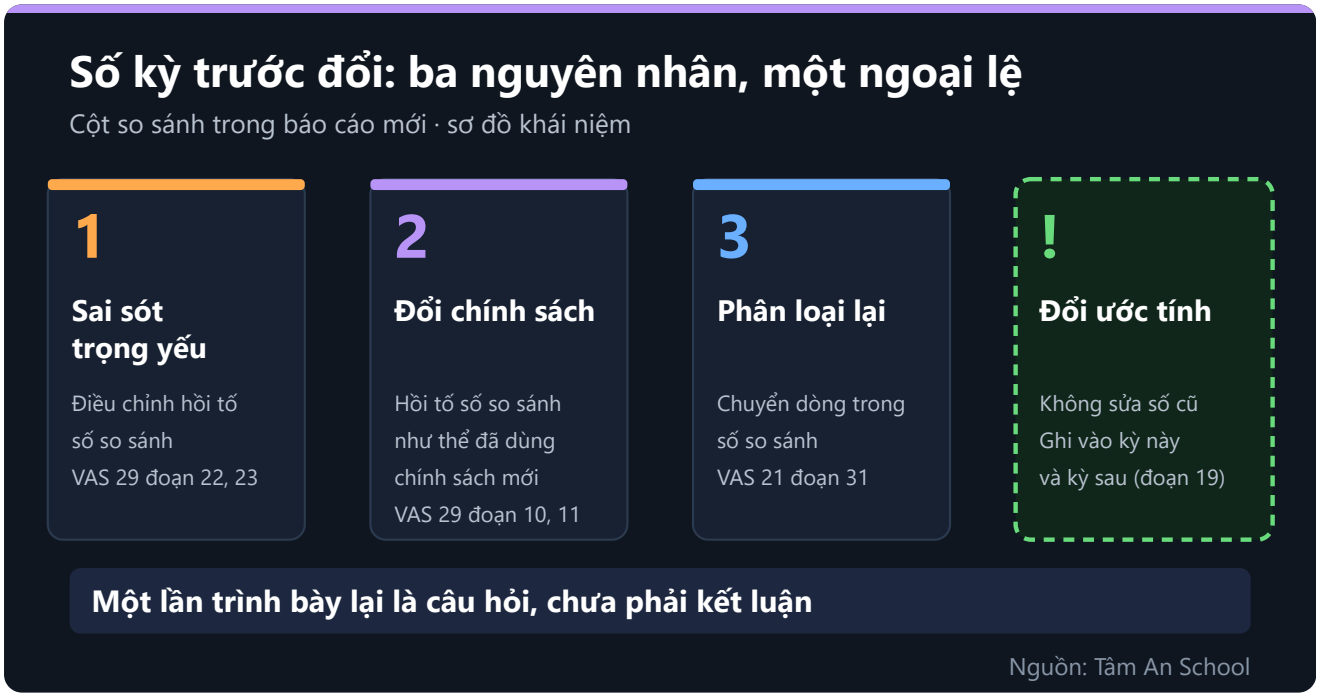
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thay-doi-chinh-sach-ke-toan-khac-thay-doi-uoc-tinh-ke-toan-the

Số liệu kỳ trước bị trình bày lại nghĩa là gì? Vì sao doanh nghiệp phải sửa số cũ và đọc dấu hiệu này thế nào?

Câu trả lời ngắn

Số liệu kỳ trước bị "trình bày lại" nghĩa là: ở báo cáo tài chính mới, cột so sánh của kỳ trước khác với số doanh nghiệp đã công bố ở báo cáo kỳ trước. Chuẩn mực kế toán số 29 (VAS 29) không định nghĩa riêng cụm này mà dùng "điều chỉnh hồi tố"; chữ "trình bày lại" nằm ở Thông tư 99/2025/TT-BTC (Điều 30 và 31). Ba nguyên nhân thường gặp: sửa sai sót trọng yếu của kỳ trước, áp dụng hồi tố một chính sách kế toán mới, hoặc phân loại lại khoản mục khi đổi cách trình bày. Đổi ước tính kế toán thì không sửa số cũ. Ví dụ giả định: công ty Kiên công bố lợi nhuận sau thuế năm trước 100 tỷ đồng, báo cáo năm nay ghi số so sánh 88 tỷ; lãi năm nay 96 tỷ vừa là giảm 4,0% vừa là tăng 9,1%, tuỳ số gốc. Một lần trình bày lại là câu hỏi cần đọc thuyết minh, chưa phải kết luận về chất lượng báo cáo.



Ba nguyên nhân làm số kỳ trước đổi và một trường hợp không sửa số cũ

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba nguyên nhân thường gặp và một trường hợp không sửa số cũ

Nguyên nhân	Số kỳ trước	Căn cứ
1. Sai sót trọng yếu của kỳ trước	Điều chỉnh hồi tố số so sánh	VAS 29 đoạn 22, 23; Thông tư 99 Điều 20 khoản 6
2. Đổi chính sách kế toán, hồi tố	Số so sánh trình bày như thể đã dùng chính sách mới	VAS 29 đoạn 10, 11; Thông tư 99 Điều 30 khoản 1
3. Phân loại lại, đổi cách trình bày	Phân loại lại dòng của số so sánh	VAS 21 đoạn 20, 31
Không trình bày lại: đổi ước tính	Giữ số cũ; ảnh hưởng ghi vào kỳ này và kỳ sau	VAS 29 đoạn 17, 19 đến 21

Sai sót. Sai sót trọng yếu phát hiện ở kỳ sau thì điều chỉnh vào số so sánh của báo cáo kỳ phát hiện (VAS 29 đoạn 22), không ghi vào kết quả kinh doanh của kỳ phát hiện (đoạn 27); nếu sai sót thuộc kỳ xa hơn, chỉnh số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và vốn chủ (đoạn 23b). Sai sót không trọng yếu thì không nhất thiết trình bày lại: hướng dẫn tài khoản 821 của Thông tư 99 cho ghi thuế thu nhập doanh nghiệp thiếu hay thừa của năm trước do sai sót không trọng yếu vào chi phí thuế của năm phát hiện.

Đổi chính sách. Chỉ được đổi khi pháp luật hoặc chuẩn mực đổi, hoặc khi báo cáo nhờ đó tin cậy và thích hợp hơn (đoạn 06). Hồi tố là chỉnh số dư đầu kỳ vốn chủ và trình bày số so sánh như thể đã dùng chính sách mới (đoạn 11). Hai điểm dễ nhầm. Một: nếu đổi do áp dụng lần đầu quy định mới có hướng dẫn chuyển đổi riêng thì theo hướng dẫn đó; Thông tư 99 (Điều 30 khoản 1) nêu cả "hồi tố đơn giản", là phương pháp không trình bày lại số so sánh. Hai: tự nguyện đổi chính sách thì phải hồi tố; doanh nghiệp vừa và nhỏ chọn đổi sang Thông tư 99 phải trình bày lại số so sánh tương tự (Điều 31 khoản 3). Vì vậy số kỳ trước giữ nguyên chưa chứng tỏ không có đổi chính sách.

Phân loại lại. Khi đổi cách trình bày hoặc phân loại khoản mục, phải phân loại lại số so sánh, trừ khi không thực hiện được, và nêu tính chất, số liệu, lý do (VAS 21 đoạn 31). Trong hợp nhất kinh doanh, VAS 11 (đoạn 61) còn cho trường hợp kế toán ban đầu mới xác định tạm thời: điều chỉnh trong 12 tháng kể từ ngày mua thì số so sánh trình bày như thể đã hoàn tất từ ngày mua.

Đổi ước tính. Xem xét lại ước tính không liên quan đến kỳ trước và không phải sửa sai sót (đoạn 17); ảnh hưởng ghi vào kỳ thay đổi và các kỳ sau (đoạn 19 đến 21), ví dụ đổi thời gian sử dụng hữu ích làm đổi khấu hao từ nay về sau. Khó phân biệt đổi chính sách hay ước tính thì coi là đổi ước tính (đoạn 18); cặp này có bài riêng ở phần Đọc thêm.

Vì sao doanh nghiệp phải sửa số cũ

Người dùng cần so sánh nhiều kỳ để thấy xu hướng, nên thông tin phải nhất quán, so sánh được (VAS 29 đoạn 07; Thông tư 99 Điều 19 khoản 5). Không sửa số cũ thì lỗi dồn vào kỳ phát hiện và làm méo cả hai kỳ.

Khi sửa, doanh nghiệp phải thuyết minh. Với sai sót: bản chất sai sót; từng khoản mục bị ảnh hưởng; giá trị điều chỉnh vào đầu kỳ của kỳ so sánh; nếu không hồi tố được thì lý do (đoạn 37). Với đổi chính sách: tên chính sách, bản chất thay đổi, khoản điều chỉnh vào kỳ này và từng kỳ trước (đoạn 34, 35). Mẫu B09

của Thông tư 99 có mục IX điểm 5 "Thông tin so sánh". Giới hạn: khi không xác định được ảnh hưởng từng kỳ, chỉ sửa từ kỳ sớm nhất xác định được (đoạn 24 đến 26), nên có báo cáo chỉ trình bày lại một phần.

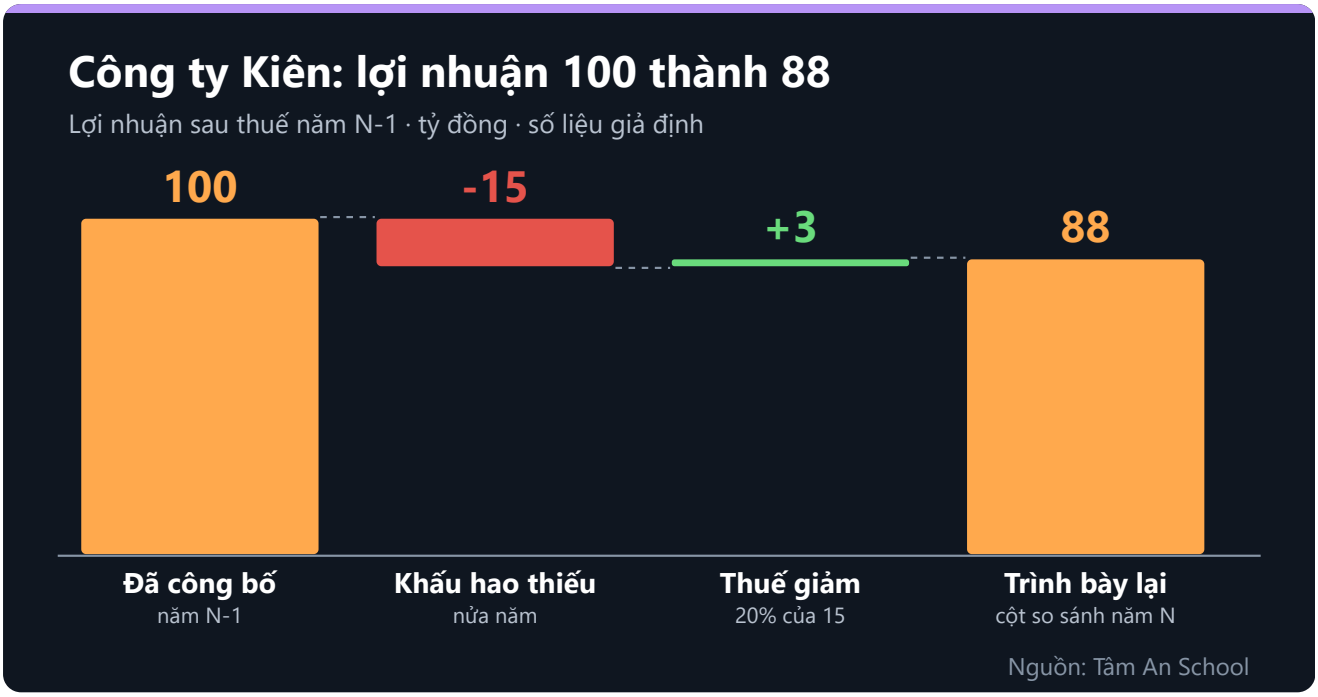
Với công ty đại chúng, Thông tư 96/2020 (Điều 11 khoản 5) yêu cầu khi báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố thì công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét và kết quả điều chỉnh hồi tố trong thời hạn công bố báo cáo tài chính tương ứng (Điều 10 khoản 1; Điều 14 khoản 2, 3). Với báo cáo năm đã kiểm toán: 10 ngày kể từ ngày ký, không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm. Điều luật chỉ đòi công bố, không kết luận về doanh nghiệp. Quyết định đổi chính sách kế toán (trừ khi do pháp luật đổi) phải công bố trong 24 giờ (Điều 11 khoản 1 điểm g).

Ví dụ minh hoạ: công ty Kiên giả định

Đơn vị tỷ đồng, thuế suất giả định 20%, số liệu **giả định**, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng.

Năm N-1, công ty Kiên đưa nhà xưởng nguyên giá 600 vào sử dụng từ ngày 01/7, thời gian sử dụng 20 năm (khấu hao 30 mỗi năm), nhưng chưa tính khấu hao nửa năm đầu. Sang năm N, rà soát thấy thiếu 15 và coi là sai sót trọng yếu của N-1, nên báo cáo năm N ghi số so sánh đã sửa. Giả sử khoản 15 được trừ khi tính thuế (thuế giảm 3); bỏ qua thuế hoãn lại.

Kết quả kinh doanh năm N-1	Đã công bố	Điều chỉnh	Trình bày lại
Doanh thu thuần	1.500	0	1.500
Giá vốn	1.140	+15	1.155
Lợi nhuận gộp	360	-15	345
Chi phí bán hàng, quản lý, tài chính	235	0	235
Lợi nhuận trước thuế	125	-15	110
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25	-3	22
Lợi nhuận sau thuế	**100**	**-12**	**88**



Công ty Kiên giả định: lợi nhuận sau thuế năm N-1 từ 100 thành 88 sau khi sửa khấu hao thiếu 15 và thuế giảm 3

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Lỗi chạy sang bảng cân đối kế toán ngày 31/12/N-1: tổng tài sản từ 4.000 còn 3.985 (giảm 0,4%); nợ phải trả từ 2.200 còn 2.197 (thuế phải nộp 40 còn 37); lợi nhuận chưa phân phối từ 310 còn 298 (giảm 3,9%), nên vốn chủ từ 1.800 còn 1.788 (giảm 0,7%). Kiểm: 3.985 - 2.197 = 1.788. Lợi nhuận sau thuế giảm 12,0% nhưng tổng tài sản chỉ giảm 0,4%: phải nhìn từng dòng.

Tăng trưởng đọc bằng số nào? Lợi nhuận sau thuế năm N là 96 (đã khấu hao đủ năm). So với số đã công bố 100, đó là giảm 4,0%; so với số trình bày lại 88, là tăng 9,1%. Đúng cách là lấy cột so sánh trong báo cáo năm N, vì cùng cơ sở lập với số năm N. Biên gộp N-1 từ 24,0% còn 23,0%, năm N là 24,1%: ngang so với số cũ, nhưng tăng 1,1 điểm phần trăm so với số mới. Số gốc thấp hơn làm tăng trưởng trông đẹp hơn; đó chưa phải sai hay đúng, chỉ là lý do để đọc nguyên nhân.



Cùng một con số 96 của năm N: tăng trưởng -4,0% so với số cũ 100 và +9,1% so với số trình bày lại 88

Số liệu giả định.

Phân loại lại (tính riêng). Giả sử công ty đổi cách trình bày: khoản hỗ trợ đại lý 30 từ chi phí bán hàng chuyển sang trừ vào doanh thu. Doanh thu N-1 từ 1.500 thành 1.470, lợi nhuận trước thuế vẫn 125; biên gộp (giá vốn 1.140) từ 24,0% còn 22,4%. Doanh thu năm N là 1.620: tăng 8,0% so với 1.500, nhưng 10,2% so với 1.470. Lợi nhuận không đổi mà hai tỷ lệ đổi.

Khác chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chênh lệch trước và sau kiểm toán là của cùng một kỳ, giữa bản chưa kiểm toán và bản sau. Trình bày lại là số của một kỳ đã công bố (bản tự lập, soát xét hay kiểm toán) nhưng đổi ở báo cáo kỳ sau. Điều 14 khoản 4 điểm c của Thông tư 96 nói về chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên; trong các điều đã đọc (Điều 10, 11, 14) không thấy ngưỡng phần trăm riêng cho việc trình bày lại. Kiểm toán không bảo đảm tuyệt đối, nên báo cáo đã kiểm toán vẫn có thể được sửa sau; nếu báo cáo kiểm toán có đoạn trỏ tới thuyết minh về số liệu điều chỉnh, hãy mở thuyết minh ấy.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đặt hai báo cáo cạnh nhau:** số kỳ trước đã công bố và cột so sánh trong báo cáo mới. Dòng nào khác?
2. **Tính chênh từng dòng**, bằng số và phần trăm. Lệch ở lợi nhuận, tài sản, vốn chủ, hay chỉ đổi dòng mà tổng không đổi (dấu hiệu phân loại lại)?
3. **Mở thuyết minh:** mục "Thông tin so sánh" (B09 mục IX điểm 5), phần chính sách kế toán. Tìm đủ ba thứ: nguyên nhân, dòng bị ảnh hưởng, số điều chỉnh. Thiếu một là câu hỏi cần mở.
4. **Kiểm số dư nối nhau:** lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ năm N phải khớp số cuối kỳ N-1 đã trình bày lại; khác thì tìm giải thích.

5. **Dùng số trình bày lại làm gốc** khi tính tăng trưởng và tỷ số; ghi lại tần suất (lần đầu hay liên tiếp).

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99; tên dòng và mã số đã đổi, nên khác biệt tên dòng ở cột so sánh có thể chỉ là xếp lại theo mẫu mới. Ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cột số đã công bố cạnh cột so sánh của kỳ sau và gom chênh lệch từng dòng vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Kiên và mọi con số là giả định; -12,0%, -3,9%, +9,1% không phải ngưỡng.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ riêng.
- VAS 29, 21, 11 trích qua bản sao văn bản (mức B). Báo cáo thực tế có thể ghi "điều chỉnh hồi tố", "đã điều chỉnh" hay "phân loại lại"; không thấy quy định bắt buộc một cụm chữ cố định.
- Theo các văn bản đã đối chiếu, Điều 10, 11, 14 của Thông tư 96 chưa bị sửa; có dự thảo thay thế (05/10/2026) chưa ban hành.

Đừng nói quá

- Không viết "bị trình bày lại nghĩa là gian lận" hay "báo cáo cũ sai": còn đổi chính sách theo quy định và phân loại lại.
- Không viết "không trình bày lại nên số kỳ trước đáng tin": hồi tố đơn giản không trình bày lại, sai sót không trọng yếu ghi vào kỳ phát hiện.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một lần trình bày lại, lệch lớn ở một dòng hay trình bày lại nhiều kỳ liên tiếp là tín hiệu để đọc thuyết minh, chưa phải bằng chứng về chất lượng báo cáo hay doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý: phát hiện sai sót khi rà soát hoặc kiểm toán, đổi chính sách theo quy định mới, phân loại lại cho nhất quán.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và Thông tư 96 đọc nguyên văn từ Công báo, tra cứu lại ngày 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026, mức A): Điều 19 khoản 5, Điều 20 khoản 6, Điều 30 khoản 1, Điều 31 khoản 3, tài khoản 821, mẫu B09 mục IX điểm 5.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC (mức A): Điều 10 khoản 1, Điều 11 khoản 1 điểm g và khoản 5, Điều 14 khoản 2 đến 4.

- Chuẩn mực kế toán số 29, 21, 11 (đoạn 61) qua bản sao văn bản (mức B); ví dụ công ty Kiên tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thay đổi chính sách khác thay đổi ước tính thế nào
- Đoạn nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không
- Tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Trình bày lại là khi cột so sánh của kỳ trước trong báo cáo mới khác số đã công bố: do sửa sai sót trọng yếu, áp dụng hồi tố một chính sách kế toán, hoặc phân loại lại khoản mục; đổi ước tính thì không sửa số cũ. Công ty Kiên giả định công bố lợi nhuận sau thuế năm trước 100 tỷ, trình bày lại còn 88 tỷ sau khi sửa khấu hao thiếu 15 tỷ; lợi nhuận năm nay 96 tỷ là giảm 4,0% hay tăng 9,1% tuỳ số gốc. Đặt hai báo cáo cạnh nhau, tính chênh từng dòng, mở thuyết minh tìm nguyên nhân, dòng bị ảnh hưởng và số điều chỉnh, rồi dùng số trình bày lại làm gốc. Đây chỉ là tín hiệu để đọc thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/so-lieu-ky-truoc-bi-trinh-bay-lai-nghia-la-gi

Mùa vụ làm méo so sánh báo cáo tài chính thế nào? Nên so quý với quý liền trước hay với cùng kỳ năm trước?

Câu trả lời ngắn

Doanh nghiệp có mùa vụ dồn doanh thu, lợi nhuận, tồn kho và phải thu vào một vài quý trong năm. Khi đó, so một quý với quý liền trước chủ yếu đo lịch mùa, chưa đo việc kinh doanh tốt lên hay xấu đi. Hai cách đỡ méo hơn là so với cùng quý năm trước, hoặc cộng bốn quý gần nhất rồi so với bốn quý liền trước đó. Thông tư 96/2020 cũng lấy mốc cùng kỳ năm trước cho ngưỡng giải trình 10% (Điều 14 khoản 4 điểm a). Ví dụ giả định, công ty Loan: doanh thu quý 4 tăng 68,2% so với quý 3, nhưng giảm 7,5% so với quý 4 năm trước; cộng bốn quý gần nhất thì giảm 1,3%. Cùng một quý, hai cách so cho hai kết luận trái chiều. Đó là tín hiệu để đọc tiếp, chưa phải kết luận.



Ba cách so một quý: với quý liền trước, với cùng quý năm trước, với bốn quý gần nhất

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Mùa vụ làm méo phép so quý liền trước ra sao

Mùa vụ là hình dạng lặp lại hằng năm: một hoặc hai quý cao điểm, các quý còn lại thấp. Quý ngay trước cao điểm luôn thấp, nên quý cao điểm trông như tăng tốc; quý ngay sau luôn rơi, nên trông như sụp đổ. Cả hai lặp lại mỗi năm, không mang thông tin mới.

Cách kiểm nhanh có mùa vụ hay không là tính tỷ trọng từng quý trong doanh thu cả năm. Nếu bốn quý đều nhau, mỗi quý khoảng 25%. Với công ty Loan (số liệu giả định):

Năm	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Năm trước	18,3%	20,0%	21,7%	40,0%
Năm nay	19,6%	20,6%	22,3%	37,5%

Quý 4 chiếm khoảng bốn phần mười doanh thu cả hai năm. Mẫu hình ổn định hai năm liền là dấu hiệu mùa vụ lặp lại. Mức bao nhiêu thì gọi là mùa vụ là quy ước tham khảo của Tâm An, chuẩn mực không đặt ngưỡng.

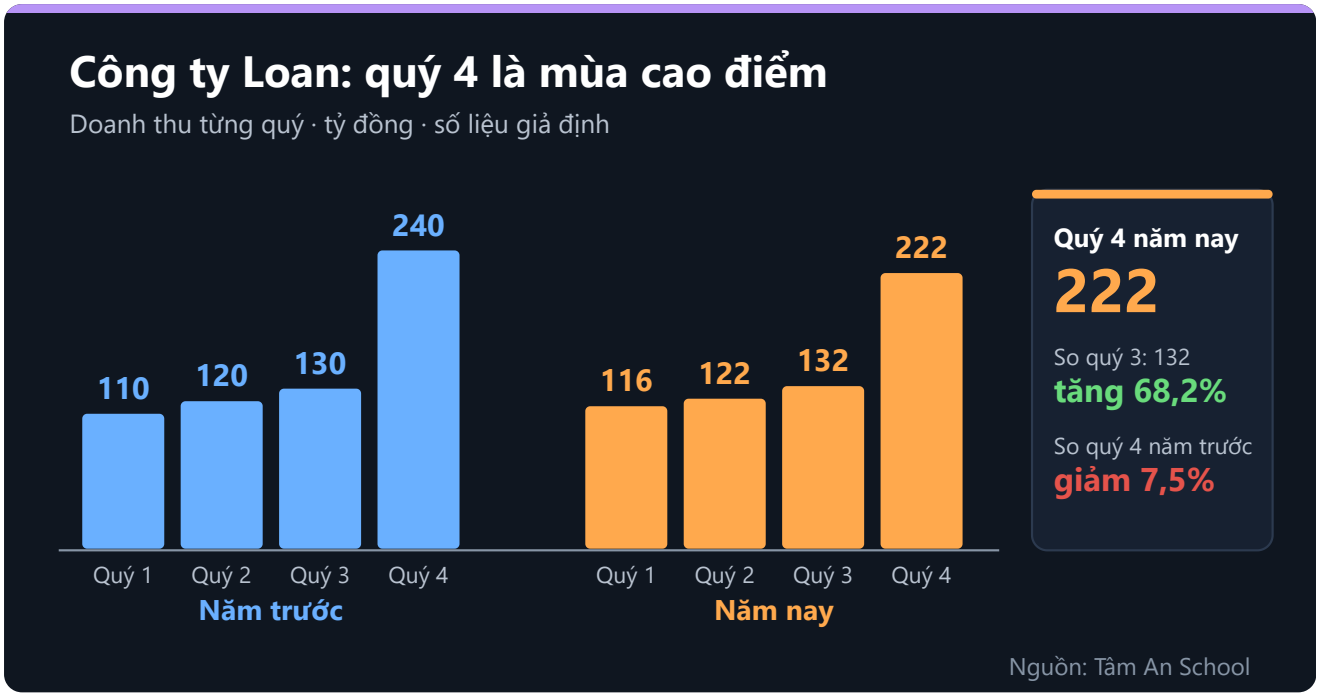
Chuẩn mực và thông tư lại yêu cầu doanh nghiệp tự giải thích. Theo bản sao Chuẩn mực kế toán số 27 (đoạn 13 điểm b), thuyết minh của báo cáo giữa niên độ tóm lược cần giải thích tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của hoạt động kinh doanh trong kỳ, nếu thông tin đó trọng yếu. Mẫu thuyết minh chọn lọc B09a của Thông tư 99 có đúng mục này (mục VI, điểm 1). Đoạn 32 và 33 còn nói doanh thu mang tính thời vụ được ghi nhận khi phát sinh, không ghi trước hay hoãn lại nếu cách đó không thích hợp vào cuối năm tài chính; theo cách đọc của Tâm An, số quý vì vậy phản ánh nhịp mùa thật, không được làm phẳng.

Ví dụ minh hoạ: công ty Loan giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python. Công ty Loan có mùa cao điểm ở quý 4. Doanh thu là số riêng từng quý, không phải lũy kế.

Quý	Năm trước	Năm nay	So cùng quý năm trước	So quý liền trước (năm nay)
1	110	116	tăng 5,5%	giảm 51,7% (116 so với 240)
2	120	122	tăng 1,7%	tăng 5,2%
3	130	132	tăng 1,5%	tăng 8,2%
4	240	222	giảm 7,5%	tăng 68,2%
Cả năm	600	592	giảm 1,3%	

Đọc cột bên phải: quý 4 "tăng tốc" 68,2%, rồi quý 1 "sụp" 51,7%. Đọc cột giữa: ba quý đầu tăng nhẹ từ 1,5% đến 5,5%, rồi quý 4 giảm 7,5%. Cùng tám con số, hai câu chuyện; chỉ câu thứ hai đã bỏ được nhịp mùa.



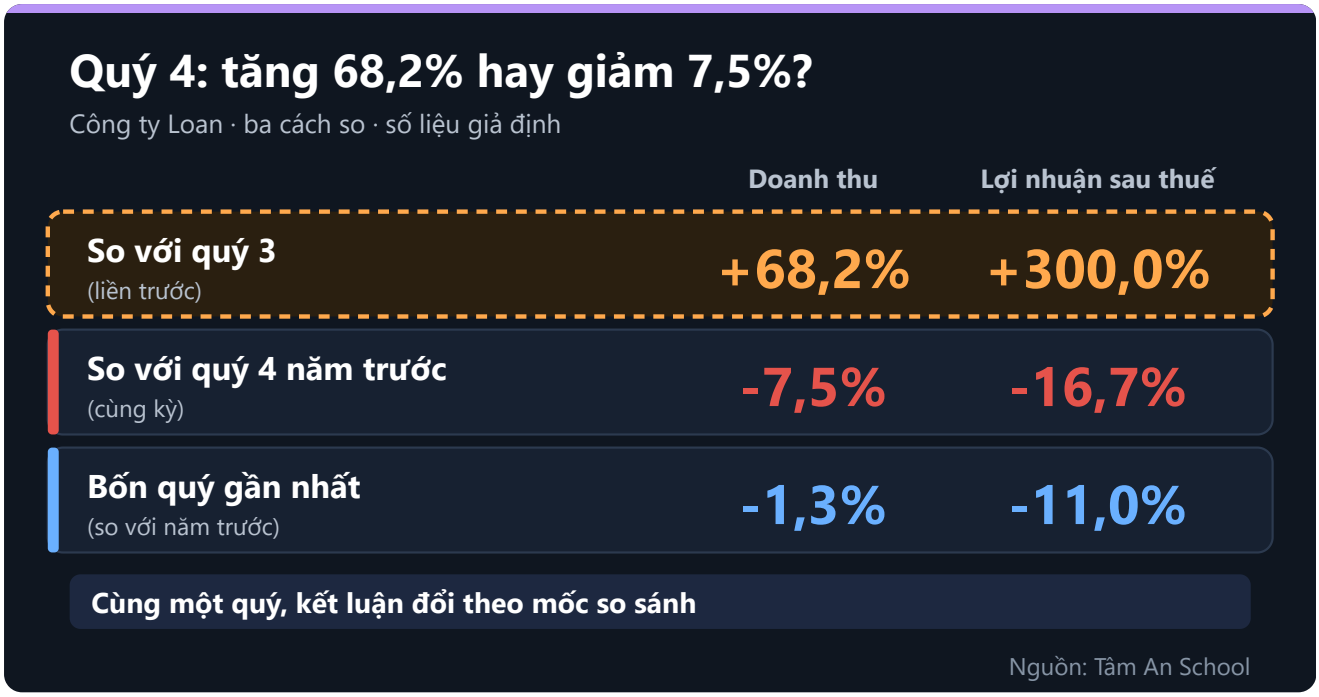
Công ty Loan giả định: doanh thu tám quý, quý 4 cao gấp đôi các quý còn lại

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Lợi nhuận sau thuế giả định theo quý: năm trước 6, 8, 11, 48; năm nay 7, 8, 10, 40. Quý 4 năm nay so ba cách:

Cách so quý 4 năm nay	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
Với quý 3 năm nay (liền trước)	222 so với 132: tăng 68,2%	40 so với 10: tăng 300,0%
Với quý 4 năm trước (cùng kỳ)	222 so với 240: giảm 7,5%	40 so với 48: giảm 16,7%
Bốn quý gần nhất, với năm trước	592 so với 600: giảm 1,3%	65 so với 73: giảm 11,0%

Chiều ngược lại ở quý 1 năm sau: doanh thu 120 giảm 45,9% so với quý 4 (222) nhưng tăng 3,4% so với quý 1 năm nay (116). Lợi nhuận sau thuế 8 giảm 80,0% so với quý 4 (40) nhưng tăng 14,3% so với quý 1 năm nay (7). Phép so liền trước nói "sụp", phép so cùng kỳ nói "tăng".



Công ty Loan giả định: quý 4 tăng 68,2% so với quý 3, giảm 7,5% so với cùng kỳ, giảm 1,3% theo bốn quý gần nhất

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Quy định chọn mốc nào: Thông tư 96

Điều 14 khoản 4 điểm a: tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn, khi công bố báo cáo năm, bán niên hay quý, phải giải trình nguyên nhân nếu lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Phần đã đọc không nêu lý do chọn mốc này; bài chỉ ghi hệ quả với công ty Loan. Lợi nhuận quý 4 giảm 16,7% và quý 1 năm sau tăng 14,3% so với cùng kỳ đều chạm 10%, nên đều phải có giải trình; quý 3 giảm 9,1% thì chưa chạm.

Thử hình dung mốc là quý liền trước, theo cách nghĩ của Tâm An: mỗi năm quý 4 tăng 300,0% và quý 1 giảm 80,0%, tức hai lần "giải trình" cho một nhịp mùa quen thuộc, trong khi chưa nói gì về điều bất thường. Cách chia phần trăm, quý hay lũy kế và trường hợp công ty mẹ nằm ở bài khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình; hạn công bố báo cáo quý ở bài hạn công bố báo cáo tài chính.

Cách thứ ba: bốn quý gần nhất

Cộng số riêng từng quý của bốn quý liền nhau; mỗi quý mới thì bỏ quý cũ nhất và thêm quý mới. Vì luôn đủ một chu kỳ mùa, tổng không còn nhấp nhô theo quý. Bản sao Chuẩn mực số 27 (đoạn 17) khuyến khích doanh nghiệp hoạt động theo thời vụ báo cáo thông tin 12 tháng kết thúc vào ngày lập báo cáo giữa niên độ, cùng thông tin so sánh 12 tháng của niên độ trước. Đó là khuyến khích, không phải bắt buộc.

Mốc	Doanh thu bốn quý gần nhất	Đổi so mốc trước
Quý 4 năm trước	600	
Quý 1 năm nay	606	tăng 1,0%
Quý 2 năm nay	608	tăng 0,3%
Quý 3 năm nay	610	tăng 0,3%
Quý 4 năm nay	592	giảm 3,0%
Quý 1 năm sau	596	tăng 0,7%

Tự kiểm: từ 610 xuống 592 là giảm 18, đúng bằng chênh giữa quý 4 năm nay và quý 4 năm trước (222 trừ 240). Bốn quý gần nhất không thêm thông tin so với phép so cùng kỳ; nó chỉ chia cho cả năm nên mượt hơn. Giới hạn: nó trễ, vì một quý yếu bị pha loãng (giảm 18 chỉ còn 3,0%), và cần số riêng từng quý.

Đây là chỗ hay vấp. Nhiều báo cáo công bố cột lũy kế: chuẩn mực số 27 (đoạn 16 điểm c) nói báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ lũy kế từ đầu niên độ, và mẫu B03a của Thông tư 99 có cột lũy kế từ đầu năm đến cuối quý. Quý riêng bằng lũy kế kỳ này trừ lũy kế kỳ trước trong cùng năm. Dòng tiền kinh doanh giả định: lũy kế 6 tháng âm 20, lũy kế 9 tháng âm 50, thì quý 3 riêng âm 30. Cộng bốn cột lũy kế (âm 12, âm 20, âm 50 và 46) ra âm 36, trong khi cả năm là 46. Dòng tiền quý còn biến động mạnh hơn lợi nhuận, nên một quý âm không nói lên xu hướng.

Số dư cuối quý cũng theo mùa

Tồn kho cuối quý 3 của công ty Loan là 180; cuối quý 2 là 120; cuối quý 3 năm trước là 170. So quý 2, tồn kho tăng 50,0%, trông như kho phình. So cùng kỳ, tăng 5,9%, trong khi doanh thu quý 3 chỉ tăng 1,5%. Phép so thứ hai vẫn để lại câu hỏi (kho tăng nhanh hơn doanh thu một chút), nhưng cỡ nhỏ, chưa phải báo động; xem bài tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn. Chỉ số theo ngày như số ngày thu tiền cần số ngày đúng của kỳ, xem bài số ngày thu tiền bình quân.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Mở thuyết minh trước:** tìm mục giải thích tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của kỳ giữa niên độ (mẫu B09a của Thông tư 99, mục VI điểm 1). Có hay không, và nói cụ thể đến đâu.
2. **Lập dãy ít nhất tám quý số riêng,** rồi tính tỷ trọng từng quý trong năm. Nếu một quý chiếm xa 25% và lặp lại hai năm liền, coi là có mùa.
3. **Tính ba cột:** so quý liền trước, so cùng quý năm trước, bốn quý gần nhất. Chỉ dùng hai cột sau để kết luận hướng đi.
4. **Hỏi về mẫu hình lặp:** quý trông đột biến có đột biến tương tự ở cùng quý năm trước không? Mùa cao điểm đôi khi dịch sang quý kề, khi đó hãy cộng hai quý hoặc dùng bốn quý gần nhất.
5. **Kiểm số quý là riêng hay lũy kế,** hợp nhất hay riêng lẻ; thay đổi phạm vi hợp nhất hoặc số kỳ trước bị trình bày lại làm các quý không còn so được với nhau.
6. **Khi dùng mô hình sàng lọc,** ưu tiên số năm hoặc bốn quý gần nhất: các mô hình kiểu M-Score, Z-Score xây trên số liệu năm, số quý nhiễu hơn (ghi chú nội bộ của Tâm An).

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đã đánh lại; ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số. Mẫu thuyết minh giữa niên độ của Thông tư 200 bài chưa đối chiếu; mục B09a nêu ở trên là của Thông tư 99.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cột so quý trước, so cùng quý năm trước và bốn quý gần nhất cạnh nhau, kèm tỷ trọng từng quý trong năm. Dữ liệu quý của hệ thống là số riêng từng quý, một số mã mới có từ quý 3/2024 nên số điểm so cùng kỳ còn ít; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Loan và mọi con số là giả định; 40,0%, 37,5%, 68,2%, 7,5% không phải ngưỡng. Cách kiểm tỷ trọng quý là quy ước tham khảo của Tâm An.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.
- Chuẩn mực số 27 trích qua bản sao văn bản (mức B). Thông tư 96 và Thông tư 99 là bản Công báo (mức A). Cột của mẫu B02a bài chưa đối chiếu.
- Theo các văn bản đã đối chiếu, Điều 10, 11, 14 của Thông tư 96 chưa bị sửa; có dự thảo thay thế (05/10/2026) chưa ban hành.

Đừng nói quá

- Không viết "so quý liền trước là sai": ở doanh nghiệp không có mùa vụ, hoặc khi cần đọc nhịp ngắn, phép so này vẫn có chỗ dùng. Vấn đề là mùa vụ.
- Không viết "bốn quý gần nhất luôn tốt hơn": nó mượt nhưng trễ, và che bớt một quý yếu.
- Không viết "chạm ngưỡng 10% nghĩa là lợi nhuận có vấn đề": ngưỡng chỉ kích hoạt nghĩa vụ giải trình.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một quý lệch mạnh so với quý trước, hay so với cùng quý năm trước, là tín hiệu để mở thuyết minh về tính thời vụ và đọc dãy nhiều quý, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý: mùa cao điểm dịch quý, đơn hàng lớn đổi lịch giao, thay đổi phạm vi hợp nhất.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 96 và Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo, tra cứu lại ngày 26/10/2026.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC (mức A): Điều 14 khoản 1 đến 5, đặc biệt khoản 4 điểm a.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026, mức A): Điều 15 khoản 2, Điều 16 khoản 1, Điều 17 khoản 3; Phụ lục IV mẫu B03a, mẫu B09a (mục I điểm 4, mục VI điểm 1).
- Chuẩn mực kế toán số 27 (đoạn 13, 16, 17, 31 đến 33) qua bản sao văn bản (mức B); ghi chú nội bộ Tâm An về mô hình sàng lọc và dữ liệu quý.

- Ví dụ công ty Loan tự đặt, tính bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm
- Khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình biến động lợi nhuận
- Mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Mùa vụ làm phép so quý liền trước đo lịch mùa nhiều hơn đo kinh doanh; so với cùng quý năm trước hoặc cộng bốn quý gần nhất giữ nguyên nhịp mùa. Công ty Loan giả định có doanh thu quý 4 tăng 68,2% so với quý 3 nhưng giảm 7,5% so với quý 4 năm trước, và giảm 1,3% theo bốn quý gần nhất; lợi nhuận quý 4 giảm 16,7% so với cùng kỳ nên chạm ngưỡng 10% của Thông tư 96, Điều 14 khoản 4 điểm a. Mở thuyết minh về tính thời vụ, lập dãy tám quý số riêng, tính ba cột so sánh và nhớ trừ cột lũy kế. Đây chỉ là tín hiệu để đọc thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/mua-vu-lam-meo-so-sanh-bao-cao-tai-chinh-the-nao

So sánh báo cáo tài chính giữa công ty khác ngành: vì sao biên lợi nhuận, đòn bẩy và vòng quay không so được?

Câu trả lời ngắn

Hai công ty khác mô hình kinh doanh có thể có những dòng báo cáo trùng tên mà khác nghĩa kinh tế, nên biên lợi nhuận, vòng quay, hệ số thanh toán và đòn bẩy không xếp hạng được họ bằng một thước chung. Các chỉ số ấy trước hết cho biết công ty kiếm tiền bằng cách nào: thu tiền ngay hay bán chịu, tài sản nhẹ hay nặng, dùng vốn nhà cung cấp hay vốn vay. Cách so đúng hơn là đặt chỉ số vào nhóm công ty cùng mô hình, đọc vị trí so với trung vị và thứ hạng, kèm số công ty đã so. Ví dụ giả định: công ty Ngân (bán lẻ) và công ty Phương (sản xuất) cùng có tổng tài sản 1.000 tỷ đồng và cùng lãi sau thuế 96 tỷ. Biên lãi ròng của Phương gấp 4 lần Ngân (9,6% so với 2,4%), nhưng vòng quay tổng tài sản của Ngân gấp 4 lần Phương (4,0 so với 1,0). Ai "hơn" tuỳ chỉ số được chọn.



Công ty Ngân và Phương giả định cùng tổng tài sản 1.000 và lãi sau thuế 96: biên ròng 2,4% so với 9,6%, vòng quay tài sản 4,0 so với 1,0

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Vì sao dòng trùng tên vẫn khác nghĩa

Thông tư 99 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực (Điều 2 khoản 1), nên doanh thu, giá vốn, phải thu, hàng tồn kho và vay xuất hiện ở nhiều ngành. Cùng tên chưa bảo đảm cùng bản chất. Ba tầng đổi theo mô hình (mô tả khái quát của Tâm An, không phải quy định):

- **Biên lợi nhuận.** Bán lẻ hàng tiêu dùng thường có giá vốn chiếm phần lớn doanh thu nên biên mỏng, bù lại hàng quay nhanh. Nhà sản xuất cần nhà máy, máy móc nên thường cần biên dày hơn để bù tài sản nặng.
- **Vốn lưu động.** Công ty thu tiền ngay và được nhà cung cấp cho chậm trả cần rất ít vốn lưu động hoạt động; công ty bán chịu và giữ nguyên liệu, thành phẩm cần nhiều hơn. Nhà thầu thu theo tiến độ nên hay nhận tiền ứng trước.
- **Cấu trúc vốn.** Nợ phải trả gồm nợ hoạt động (phải trả người bán, tiền khách ứng trước) và nợ vay chịu lãi; tỷ trọng hai loại khác nhau theo ngành.

Chế độ kế toán cũng tính đến đặc thù: Thông tư 99 liệt kê năm phương pháp tính giá xuất kho, trong đó giá bán lẻ dùng trong ngành bán lẻ và chi phí chuẩn có thể áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (Phụ lục II, nguyên tắc kế toán hàng tồn kho). Ngân hàng nằm ngoài bài này: tổ chức tín dụng theo chế độ kế toán do Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn (Điều 2 khoản 2) và dùng tiền gửi, vốn vay làm nguyên liệu kinh doanh.

Ví dụ minh hoạ: Ngân và Phương giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng, không phải số liệu thật. Ngân là chuỗi bán lẻ thu tiền ngay; Phương là nhà sản xuất bán chịu. Thuế bằng 20% lợi nhuận trước thuế ở cả hai, bỏ qua doanh thu tài chính và thu nhập khác.

Khoản mục, cuối năm N	Ngân (bán lẻ)	Phương (sản xuất)
Doanh thu thuần	4.000	1.000
Giá vốn	3.400	700
Lợi nhuận gộp	600	300
Chi phí bán hàng và quản lý	466	144
Chi phí lãi vay	14	36
Lợi nhuận trước thuế	120	120
Lợi nhuận sau thuế	**96**	**96**
Tiền và tài sản ngắn hạn khác	120	80
Phải thu	20	180
Hàng tồn kho	360	140
Tài sản cố định	500	600
Tổng tài sản	**1.000**	**1.000**
Phải trả người bán	380	70
Phải trả khác	70	30
Vay ngắn hạn	80	100
Vay dài hạn	70	300
Vốn chủ sở hữu	400	500

Cùng quy mô tài sản, cùng lãi. Bây giờ đặt từng chỉ số cạnh nhau, tính trên số dư cuối năm cho đơn giản:

Chỉ số	Ngân	Phương	Chỉ số nào "thắng"
Biên gộp	15,0%	30,0%	Phương, gấp 2
Biên lãi ròng	2,4%	9,6%	Phương, gấp 4
Vòng quay tổng tài sản (lần)	4,00	1,00	Ngân, gấp 4
Hệ số hiện hành	0,94	2,00	Phương
Nhu cầu vốn lưu động hoạt động	0	250	Ngân
Nợ phải trả / vốn chủ	1,50	1,00	Phương thấp hơn
Nợ vay / vốn chủ	0,38	0,80	Ngân thấp hơn
Lợi nhuận hoạt động / lãi vay	9,6	4,3	Ngân
ROA (lãi sau thuế / tổng tài sản)	9,6%	9,6%	Hoà
ROE (lãi sau thuế / vốn chủ)	24,0%	19,2%	Ngân

Nhu cầu vốn lưu động hoạt động là phải thu cộng hàng tồn kho trừ phải trả người bán: Ngân 20 + 360 − 380 = 0, Phương 180 + 140 − 70 = 250 (25,0% doanh thu).



Mười một chỉ số của Ngân và Phương giả định: mỗi chỉ số có một công ty đứng trên, ROA bằng nhau 9,6%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Biên và vòng quay là hai mặt của cùng một phép nhân. Biên ròng nhân vòng quay tài sản bằng ROA: 2,4% × 4,0 = 9,6% và 9,6% × 1,0 = 9,6%. Ngân kiếm ít trên mỗi đồng doanh thu nhưng quay tài sản nhanh; Phương kiếm nhiều hơn mỗi lần nhưng tài sản quay chậm. Người chỉ nhìn biên sẽ chọn Phương, người chỉ nhìn vòng quay sẽ chọn Ngân, và cả hai bỏ sót rằng đây là hai cách kiếm cùng một mức lãi trên tài sản. ROE thêm đòn bẩy: 2,4% × 4,0 × 2,5 = 24,0% với Ngân, 9,6% × 1,0 × 2,0 = 19,2% với Phương.

Hệ số hiện hành 0,94 của Ngân không nói thanh khoản yếu. Nợ ngắn hạn của Ngân chủ yếu là phải trả người bán, phát sinh từ chính việc bán hàng, trong khi Phương phải ứng tiền cho phải thu 180 và tồn kho 140; xem thêm bài hệ số thanh toán hiện hành dưới 1.

Đòn bẩy có ít nhất ba cách đo, cho ba kết luận. Tính nợ phải trả trên vốn chủ, Ngân (1,50) cao hơn Phương (1,00), vì 450 trong 600 nợ của Ngân là nợ hoạt động. Tính nợ vay trên vốn chủ thì ngược lại: Ngân 0,38, Phương 0,80. Lợi nhuận hoạt động gấp 9,6 lần lãi vay ở Ngân, 4,3 lần ở Phương. Nợ hoạt động không chịu lãi nhưng vẫn phải trả đúng hạn, nên "không có lãi" chưa có nghĩa là "không có rủi ro".

Cách so đúng: đặt vào nhóm cùng mô hình

Quy ước tham khảo của Tâm An: thay vì so Ngân với Phương, so mỗi công ty với nhóm công ty cùng mô hình. Giả sử mỗi công ty nằm trong nhóm 10 công ty giả định (gồm chính nó). Bảng ghi giá trị, trung vị nhóm 10 và số công ty khác (trong 9) có chỉ số thấp hơn.

Chỉ số	Công ty	Giá trị	Trung vị nhóm	Số công ty khác thấp hơn
Biên gộp	Ngân, nhóm bán lẻ	15,0%	14,55%	6 trong 9
Biên gộp	Phương, nhóm sản xuất	30,0%	33,50%	1 trong 9
Vòng quay tổng tài sản	Ngân	4,00	3,70	6 trong 9
Vòng quay tổng tài sản	Phương	1,00	1,03	4 trong 9
Nợ vay / vốn chủ	Ngân	0,38	0,40	4 trong 9
Nợ vay / vốn chủ	Phương	0,80	0,74	6 trong 9



Biên gộp của Ngân và Phương trong hai nhóm 10 công ty giả định: Ngân trên trung vị nhóm bán lẻ, Phương dưới trung vị nhóm sản xuất

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Biên gộp của Phương gấp đôi Ngân, nhưng trong nhóm của mình Phương thấp hơn trung vị 3,5 điểm phần trăm và chỉ cao hơn 1 trong 9 công ty khác; Ngân nằm trên trung vị và cao hơn 6 trong 9. Vòng quay tài sản của cả hai gần trung vị nhóm mình. Nợ vay của Phương gấp hơn hai lần Ngân nhưng chỉ nhỉnh hơn trung vị nhóm sản xuất. Thử một ngưỡng chung giả định "biên gộp từ 20%": cả 10 công ty sản xuất đạt, không công ty bán lẻ nào đạt. Ngưỡng ấy chia nhóm ngành, không phân biệt công ty mạnh yếu.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xác định mô hình, không chỉ tên ngành.** Đọc thuyết minh về hoạt động và cơ cấu doanh thu: thu tiền ngay hay bán chịu, tài sản nhẹ hay nặng.
2. **Chọn nhóm trước khi xem kết quả.** Ghi tiêu chí chọn công ty cùng mô hình và số công ty đã so. Phân ngành quá rộng vẫn trộn nhiều mô hình; nhóm quá ít công ty làm trung vị dễ bị một công ty kéo lệch. Bài không đặt số công ty tối thiểu.

3. **Cùng kỳ, cùng công thức.** Cùng năm tài chính, cùng cách tính (số cuối kỳ hay bình quân). Thông tư 99 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau 01/01/2026 (Điều 31 khoản 1); báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số. Hạn công bố báo cáo quý đếm từ ngày kết thúc quý của chính công ty (Thông tư 96, Điều 14 khoản 3 điểm c); xem bài hạn công bố báo cáo tài chính.
4. **Tính trung vị và thứ hạng**, rồi xem hướng đi nhiều kỳ của chính công ty. Ngưỡng 10% trong Thông tư 96 (Điều 14 khoản 4 điểm a) lấy mốc là cùng kỳ năm trước của chính doanh nghiệp; đó là quy định giải trình, không phải thước so giữa công ty (giải trình biến động lợi nhuận). Biên nên đọc theo ba tầng (biên lợi nhuận thay đổi bất thường).
5. **Đọc ngoại lệ như câu hỏi.** Lệch xa trung vị là chỗ mở thuyết minh, chưa phải kết luận. Điểm của mô hình sàng lọc cũng nên đặt vào nhóm cùng mô hình thay vì một ngưỡng cứng.

Cùng nhóm vẫn khác về quy mô, giai đoạn phát triển và chính sách kế toán: hai cách tính giá xuất kho khác nhau có thể cho giá vốn khác nhau với cùng hoạt động. Vị trí trong nhóm vì thế cũng chỉ là gợi ý để đọc tiếp.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt các chỉ số của một mã cạnh trung vị của nhóm ngành và gom vào một chỗ để đọc tiếp. Nhóm ngành hiện dùng còn rộng nên vị trí trong nhóm chỉ định hướng việc đọc; đây là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Ngân, Phương, hai nhóm 10 công ty, trung vị, ngưỡng 20% và mọi con số đều là giả định; không phải chuẩn của ngành nào. Bài không nêu ngưỡng ngành có số thật vì chưa có nguồn đối chiếu.
- Chọn nhóm theo ý muốn có thể cho kết luận tuỳ ý; phải ghi tiêu chí chọn nhóm trước.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ báo cáo riêng.
- Thông tư 96 đang có dự thảo thay thế chưa ban hành; theo các văn bản đã đối chiếu, Điều 14 chưa bị sửa.

Đừng nói quá

- Không viết "Phương tốt hơn Ngân vì biên gấp 4 lần" hay ngược lại: hai công ty cùng ROA.
- Không viết "hệ số hiện hành dưới 1 là yếu" hay "nợ phải trả cao là đòn bẩy cao" cho mọi ngành.
- Không viết "thứ hạng cao là công ty tốt, thấp là có vấn đề": đó chỉ là nơi để đọc tiếp.
- Không áp ngưỡng của ngành này cho ngành khác. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Chỉ số lệch xa trung vị nhóm cùng mô hình là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về chất lượng công ty. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý khác: giai đoạn mở rộng, mùa vụ, hợp đồng dài hạn, chính sách kế toán khác.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 và Thông tư 96 đọc nguyên văn từ Công báo ngày 26/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, Công báo 16/11/2025, mức A): Điều 2 khoản 1 và 2, Điều 31 khoản 1, Phụ lục II (nguyên tắc kế toán hàng tồn kho, khoản 9).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC (Công báo số 13+14 ngày 04/01/2021, mức A): Điều 14 khoản 3 điểm c, khoản 4 điểm a. Việc TT68/2024, TT18/2025, TT08/2026 không sửa Điều 14 là mức B.
- Ví dụ Ngân, Phương, hai nhóm 10 công ty và cách xếp trong nhóm là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm
- Khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình biến động lợi nhuận
- Mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính
- Biên lợi nhuận thay đổi bất thường
- Hệ số thanh toán hiện hành dưới 1 có luôn là xấu

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Cùng một mẫu báo cáo không có nghĩa là cùng bản chất kinh doanh. Công ty Ngân và Phương giả định cùng tổng tài sản 1.000 tỷ và cùng lãi sau thuế 96 tỷ, nhưng biên ròng 2,4% so với 9,6% và vòng quay tài sản 4,0 so với 1,0; hai chỉ số này đưa ra hai thứ hạng trái ngược, và ba cách đo đòn bẩy cho ba kết luận. Cách so đúng hơn là đặt chỉ số vào nhóm công ty cùng mô hình, đọc trung vị và thứ hạng kèm số công ty đã so; Phương gấp đôi Ngân về biên gộp nhưng thấp hơn trung vị nhóm mình. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/so-sanh-bao-cao-tai-chinh-giua-cong-ty-khac-nganh

Hai công ty dùng chính sách kế toán khác nhau thì so lợi nhuận có còn đúng không?

Câu trả lời ngắn

Chỉ đúng khi hai công ty đã được đưa về cùng cơ sở. Chuẩn mực kế toán để doanh nghiệp chọn trong một khuôn khổ: cách tính giá xuất kho (chuẩn mực số 02), phương pháp và thời gian khấu hao (số 03), cách đo phần công việc đã hoàn thành khi ghi nhận doanh thu (số 14, 15) và việc vốn hoá chi phí đi vay (số 16). Hai công ty hoạt động giống hệt nhau, thu chi tiền giống hệt nhau, vẫn có thể báo hai mức lợi nhuận rất khác. Ví dụ giả định: công ty Duyên báo lợi nhuận trước thuế 42 tỷ đồng, công ty Hà báo 90 tỷ, cao hơn 114,3% (gấp 2,14 lần), chỉ vì Hà khấu hao máy móc trong 12 năm thay vì 8 năm và tính giá xuất kho theo nhập trước, xuất trước thay vì bình quân gia quyền. Còn tiền thu về thì như nhau, 190 tỷ trước lãi vay và thuế. Vì vậy, trước khi so lợi nhuận hay biên, hãy đọc mục chính sách kế toán trong thuyết minh, đưa hai bên về cùng giả định, hoặc so thêm chỉ tiêu ít phụ thuộc chính sách như dòng tiền. Chính sách khác nhau không có nghĩa một bên sai, và bài không nói cách nào tốt hơn. Đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.



Cùng một hoạt động, hai chính sách, hai mức lãi: công ty Duyên 42, công ty Hà 90

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Chuẩn mực để chỗ lựa chọn ở đâu

Nội dung	Văn bản nêu lựa chọn	Lựa chọn được nêu
Giá xuất kho	Chuẩn mực số 02 (đoạn 13); Thông tư 99 (nguyên tắc hàng tồn kho, khoản 9)	Chuẩn mực: đích danh, bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước. Thông tư 99: đích danh, bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, giá bán lẻ, chi phí chuẩn
Khấu hao	Chuẩn mực số 03 (đoạn 30 đến 32)	Phương pháp đường thẳng, số dư giảm dần, theo số lượng sản phẩm; thời gian ước tính theo mức độ sử dụng, hao mòn, hao mòn vô hình, giới hạn pháp lý
Doanh thu dịch vụ, hợp đồng xây dựng	Chuẩn mực số 14 (đoạn 20); số 15 (đoạn 22, 30)	Phần công việc hoàn thành đo bằng một trong ba cách (đánh giá công việc, tỷ lệ khối lượng, tỷ lệ chi phí); hợp đồng xây dựng còn chia theo điều khoản thanh toán
Chi phí đi vay	Chuẩn mực số 16 (đoạn 06, 07)	Ghi vào chi phí khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện vốn hoá vào tài sản dở dang

Ba điều về chữ "lựa chọn" ở đây:

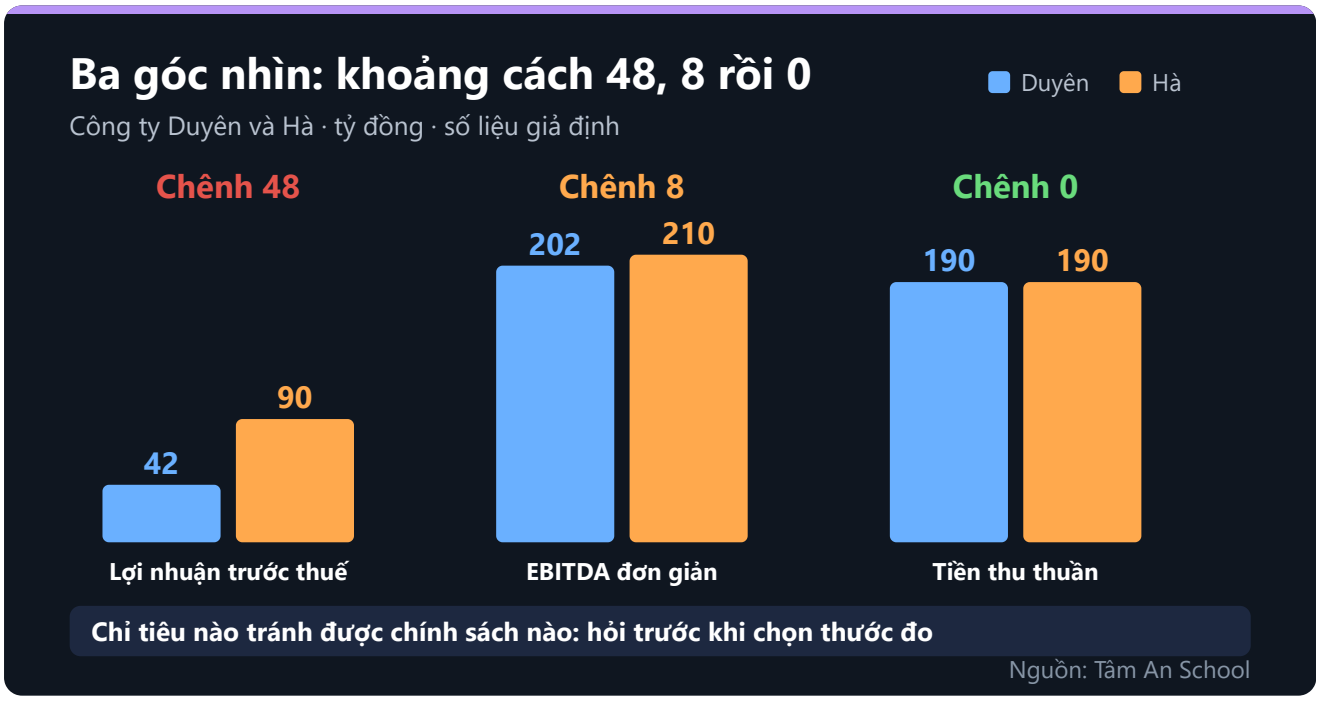
- **Có giới hạn.** Chuẩn mực số 29 (đoạn 05, 06, 07) đòi áp dụng chính sách nhất quán cho giao dịch tương tự và giữa các kỳ, chỉ đổi khi pháp luật, chuẩn mực hay chế độ đổi hoặc khi báo cáo tin cậy và thích hợp hơn. Chuyện đổi giữa chừng thuộc bài thay đổi chính sách khác thay đổi ước tính.
- **Nhất quán trong từng doanh nghiệp chưa phải giống nhau giữa các doanh nghiệp.** Chuẩn mực số 01 (đoạn 15) nói số liệu giữa các doanh nghiệp chỉ so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán, không nhất quán thì giải trình trong thuyết minh; Thông tư 99 (Điều 19 khoản 5) đòi thông tin so sánh được giữa các doanh nghiệp. Đưa hai công ty về cùng cơ sở khi so là việc của người đọc (cách hiểu của Tâm An).
- **Không phải khác biệt nào cũng là sở thích.** Giá xuất kho và thời gian khấu hao gần với lựa chọn của ban lãnh đạo; vốn hoá chi phí đi vay phụ thuộc tài sản có đủ điều kiện; cách đo tiến độ doanh thu phụ thuộc bản chất hợp đồng.

Ví dụ minh hoạ: công ty Duyên và công ty Hà giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, bỏ qua thuế. Hai công ty sản xuất giống hệt nhau: cùng doanh thu 600 thu đủ tiền; cùng chi phí bằng tiền khác (nhân công, vận hành, bán hàng, quản lý) 190; cùng dàn máy nguyên giá 960, không giá trị thanh lý, khấu hao đường thẳng; cùng khoản vay 400 lãi 10% (lãi vay 40). Cùng mua nguyên liệu: tồn đầu năm 10 nghìn tấn giá 4,0 triệu đồng một tấn (40 tỷ), mua 20 nghìn tấn giá 5,0 (100 tỷ), rồi 20 nghìn tấn giá 6,0 (120 tỷ), dùng 40 nghìn tấn; tiền chi mua là 220. Hai công ty chỉ khác chính sách.

	Công ty Duyên	Công ty Hà
Tính giá xuất kho	Bình quân gia quyền (5,2 triệu đồng một tấn)	Nhập trước, xuất trước
Khấu hao dàn máy	8 năm	12 năm
Doanh thu	600	600
Giá vốn nguyên liệu	208	200
Chi phí bằng tiền khác	190	190
Khấu hao	120	80
Chi phí đi vay	40	40
Lợi nhuận trước thuế	**42**	**90**
Biên lợi nhuận trước thuế	7,0%	15,0%
Hàng tồn kho cuối năm	52	60

Hà báo cao hơn Duyên 48: 40 vì khấu hao thấp hơn (120 trừ 80) và 8 vì giá vốn thấp hơn (208 trừ 200); phần 8 này nằm lại trong kho của Hà (60 so với 52). Chỉ nhìn dòng cuối dễ kết luận Hà làm ăn gấp đôi Duyên, trong khi hai công ty làm đúng cùng một việc.



Công ty Duyên và Hà giả định: ba góc nhìn lợi nhuận trước thuế 42 và 90, EBITDA 202 và 210, tiền thu thuần 190 và 190

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cùng hai công ty, ba góc nhìn

Chỉ tiêu	Duyên	Hà	Chênh
Lợi nhuận trước thuế	42	90	48
EBITDA đơn giản (lợi nhuận trước thuế cộng khấu hao cộng chi phí đi vay)	202	210	8
Tiền thu thuần trước lãi vay và thuế (doanh thu trừ tiền mua nguyên liệu trừ chi phí bằng tiền khác)	190	190	0

- **Lợi nhuận trước thuế** nhạy với cả hai chính sách nên chênh 48.
- **EBITDA** loại khấu hao ra nên khoảng cách còn 8, phần của giá xuất kho. EBITDA ở đây là cách tính đơn giản của Tâm An, không phải định nghĩa duy nhất.
- **Tiền thu thuần** không đổi, vì chính sách không làm công ty nào thu hay chi thêm một đồng. Cầu nối từ lãi sang tiền khớp ở cả hai: Duyên 42 cộng 120 cộng 40 trừ 12 (kho tăng) bằng 190; Hà 90 cộng 80 cộng 40 trừ 20 bằng 190. Vì sao khấu hao được cộng lại: bài khấu hao, dự phòng được cộng lại khi đi từ lãi sang tiền. Dòng tiền vẫn chịu ảnh hưởng của thời điểm thu chi nên không phải thước đo hoàn hảo.

Khấu hao chỉ dời thời điểm. Hai dàn máy cùng khấu hao tổng cộng 960. Tám năm đầu Hà cao hơn Duyên 40 mỗi năm (tổng 320); từ năm thứ chín Duyên hết khấu hao còn Hà vẫn 80, nên Hà thấp hơn 80 mỗi năm trong bốn năm (tổng 320). **Giá xuất kho cũng đổi chiều:** ví dụ trên giá nhập tăng; nếu giá nhập giảm, thứ tự hai công ty đảo lại. Chi tiết ở bài phương pháp tính giá xuất kho.

Hai chỗ khác: vốn hoá chi phí đi vay và doanh thu

Vốn hoá chi phí đi vay (tình huống riêng, không nằm trong bảng trên). Theo chuẩn mực số 16 (đoạn 06, 07, bản đăng lại), chi phí đi vay ghi vào chi phí khi phát sinh, trừ khi liên quan trực tiếp đến tài sản dở dang thì tính vào giá trị tài sản. Giả sử trong 40 lãi vay, Hà có 12 gắn với một nhà xưởng đang xây đủ điều kiện, còn Duyên vay để bù vốn lưu động. Chi phí đi vay trên báo cáo kết quả của Hà là 28, của Duyên là 40; lợi nhuận trước thuế của Hà cao hơn 12 chỉ vì chuyện này. Khác với khấu hao và giá xuất kho, đây thường là hệ quả của tài sản chứ không hẳn lựa chọn, nhưng thời điểm bắt đầu, tạm ngừng, chấm dứt vốn hoá (đoạn 13, 16, 18) cũng cần đọc. Cách so: dùng lãi vay phát sinh (chi phí đi vay cộng phần đã vốn hoá); chi tiết ở bài vốn hoá chi phí lãi vay.

Doanh thu. Hợp đồng nhiều kỳ có thể đo phần công việc hoàn thành bằng chi phí, khối lượng hay đánh giá công việc. Hai công ty cùng hợp đồng nhưng đo khác nhau sẽ ghi doanh thu mỗi kỳ khác nhau, dù tổng cả hợp đồng bằng nhau. Bài không tính ví dụ số cho dòng này; hãy tìm câu chính sách doanh thu trong thuyết minh trước khi so biên.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Cùng phạm vi, kỳ, mẫu.** Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99; mã số chỉ tiêu có đổi, hãy ghép theo tên dòng.

2. **Lập bảng bốn dòng chính sách cho mỗi công ty:** phương pháp tính giá xuất kho (chuẩn mực số 02, đoạn 27 điểm a); phương pháp và thời gian khấu hao theo loại tài sản (số 03, đoạn 39); cách đo phần công việc hoàn thành khi ghi nhận doanh thu (số 14, đoạn 34 điểm a; số 15, đoạn 37 điểm a); nguyên tắc vốn hoá chi phí đi vay (số 16, đoạn 22). Cách tìm trong thuyết minh: bài đọc thuyết minh theo thứ tự nào. Chỗ nào hai bên khác nhau thì đánh dấu.
3. **Thử thời gian khấu hao hàm ý.** Nguyên giá chia khấu hao một năm: Duyên 960 chia 120 bằng 8 năm, Hà 960 chia 80 bằng 12 năm. Đây là phép thử của Tâm An, đúng khi đường thẳng, không giá trị thanh lý và tài sản ít biến động trong năm.
4. **Điều chỉnh về cùng giả định, ghi rõ là gần đúng.** Đưa Hà về khấu hao 8 năm: lợi nhuận giảm 40, còn 50. Đưa giá xuất kho về bình quân: giảm thêm 8, còn 42, đúng bằng Duyên. Khấu hao thường điều chỉnh được vì thuyết minh có nguyên giá và thời gian theo loại tài sản. Giá xuất kho khó tính lại từ bên ngoài vì cần số liệu từng lô; chuẩn mực số 02 (đoạn 28) chỉ đòi đối chiếu với doanh nghiệp dùng nhập sau, xuất trước.
5. **So thêm chỉ tiêu ít phụ thuộc chính sách:** EBITDA, dòng tiền hoạt động, lãi vay phát sinh, mỗi chỉ tiêu có giới hạn riêng.
6. **Nói rõ phần chưa điều chỉnh:** "sau điều chỉnh gần đúng, hai bên tương đương" tốt hơn "Hà lãi gấp đôi".



Điều chỉnh công ty Hà về cơ sở của Duyên: lợi nhuận trước thuế 90 trừ 40 còn 50, trừ 8 còn 42

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gom lợi nhuận, khấu hao, dòng tiền và các dòng thuyết minh chính sách kế toán vào một chỗ để đọc tiếp; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Duyên, công ty Hà và mọi con số là giả định; 114,3%, 2,14 lần và 8 hay 12 năm không phải ngưỡng hay mức khuyến nghị.
- Ví dụ bỏ qua thuế (quy định thuế riêng, bài không bàn); tính hết khấu hao vào chi phí năm nay, trong khi thực tế một phần có thể nằm trong giá thành hàng tồn kho; không giá trị thanh lý. Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính.
- Các chuẩn mực trích theo bản sao văn bản, chưa đối chiếu bản gốc (số 16 đọc từ bản đăng lại), nên bài nói "theo văn bản chuẩn mực", không khẳng định hiện hành tuyệt đối.

Đừng nói quá

- Không viết "chính sách này tốt hơn chính sách kia" hay "kéo dài thời gian khấu hao là thiếu thận trọng": bài không xếp hạng.
- Không viết "lợi nhuận cao hơn nghĩa là có vấn đề" hay "chính sách khác nhau nghĩa là một bên sai".
- Không viết số sau điều chỉnh là chính xác; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Hai công ty cùng ngành mà lợi nhuận hay biên chênh nhau xa, trong khi dòng tiền gần nhau, là tín hiệu để so chính sách kế toán trong thuyết minh, chưa phải bằng chứng một bên làm tốt hơn hay báo cáo thiếu tin cậy.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; Thông tư 99 đọc nguyên văn từ Công báo ngày 26/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán số 01 (đoạn 15), 02 (đoạn 13, 27, 28), 03 (đoạn 29 đến 32, 39), 14 (đoạn 20, 34), 15 (đoạn 22, 30, 37), 16 (đoạn 06, 07, 13, 16, 18, 22) và 29 (đoạn 04 đến 07), qua bản sao văn bản (mức B).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, Công báo, mức A): Điều 19 khoản 5; nguyên tắc hàng tồn kho khoản 9 và 13; mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp.
- Ví dụ công ty Duyên và công ty Hà là của Tâm An, tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thay đổi chính sách kế toán khác thay đổi ước tính
- Phương pháp tính giá xuất kho
- Vốn hoá chi phí lãi vay
- Khấu hao, dự phòng được cộng lại khi đi từ lãi sang tiền
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Chuẩn mực cho doanh nghiệp chọn trong khuôn khổ về giá xuất kho, khấu hao, đo tiến độ doanh thu và vốn hoá chi phí đi vay, nên hai công ty giống hệt nhau vẫn có thể báo lợi nhuận khác nhau. Công ty Duyên giả định báo 42 tỷ, công ty Hà báo 90 tỷ, cao hơn 114,3%, chỉ vì khấu hao 12 năm thay vì 8 năm và nhập trước xuất trước thay vì bình quân; EBITDA chỉ chênh 8, tiền thu thuần cùng 190 tỷ. Hãy lập bảng chính sách của hai bên, điều chỉnh về cùng giả định rồi mới so: đưa Hà về cơ sở của Duyên thì 90 thành 50 rồi 42. Đây chỉ là tín hiệu, chưa phải kết luận, bài không nói chính sách nào tốt hơn và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/hai-cong-ty-dung-chinh-sach-ke-toan-khac-nhau-thi-so-loi-nhuan

Dechow F-Score khác Beneish M-Score và Piotroski F-Score thế nào? Cách đọc điểm F của Dechow

Câu trả lời ngắn

Điểm F của Dechow (Dechow, Ge, Larson và Sloan, 2011) là kết quả một mô hình hồi quy: nó tính xác suất để một báo cáo năm thuộc nhóm từng bị cơ quan quản lý Mỹ xác định sai lệch trọng yếu, rồi chia cho xác suất nền của mẫu (0,0037). Vì vậy F bằng 1 là ngang mức nền, F trên 1 là cao hơn nền; F là tỷ số, không phải xác suất. Tên "F-Score" còn thuộc về Piotroski, một điểm 0 đến 9 về sức khoẻ tài chính (điểm cao là tín hiệu tốt), và hay bị lẫn với Beneish M-Score, một phương trình tám chỉ số. Ví dụ giả định: công ty Thanh có F 0,35 khi mở rộng vừa phải và 1,91 khi mở rộng mạnh, dù doanh thu, lợi nhuận bằng nhau; riêng phát hành cổ phiếu đã nhân điểm lên khoảng 2,8 lần. Điểm F chỉ là bước sàng lọc đầu, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.



Hai mô hình F-Score và một M-Score hay bị nhầm, trả lời ba câu hỏi khác nhau

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba mô hình hay bị nhầm với nhau

	Piotroski F-Score (2000)	Beneish M-Score (1999)	Dechow F-score (2011)
Câu hỏi	Doanh nghiệp giá trị này mạnh hay yếu?	Lợi nhuận có dấu hiệu bị tô điểm?	Báo cáo giống nhóm từng bị xác định sai lệch trọng yếu đến đâu?
Đầu vào	Chín phép thử có hoặc không	Tám chỉ số	Bảy biến
Ra điểm	Số nguyên 0 đến 9	Một số, so với mốc riêng	Tỷ số, 1 là mức nền
Điểm cao nghĩa là	Nhiều tín hiệu tốt	Cần xem kỹ hơn	Cần xem kỹ hơn
Mẫu hiệu chuẩn	Mỹ, 1976-1996	Mỹ	Mỹ, 1982-2005

Một công ty có thể vừa "F-Score 8" theo Piotroski (tốt) vừa "F 2,6" theo Dechow (cao hơn nền khá xa): hai con số trả lời hai câu hỏi khác nhau. Gặp chữ "F-Score", việc đầu tiên là hỏi: của ai.

Bảy biến của Mô hình 1 và cách ra điểm

Bài này nói Mô hình 1 của Dechow và cộng sự, chỉ dùng số trên báo cáo tài chính chính. Các biến chia cho tổng tài sản bình quân trừ khi ghi khác.

Biến	Đo gì	Hệ số
Hằng số		-7,893
rsst_acc	Dồn tích RSST (thay đổi vốn lưu động phi tiền, tài sản hoạt động dài hạn ròng, tài sản tài chính ròng)	0,790
ch_rec	Thay đổi phải thu	2,518
ch_inv	Thay đổi tồn kho	1,191
soft_assets	"Tài sản mềm": (tổng tài sản - tài sản cố định ròng - tiền) / tổng tài sản	1,979
ch_cs	% thay đổi doanh thu thu tiền (= doanh thu - thay đổi phải thu)	0,171
ch_roa	Thay đổi ROA	-0,932
issue	Bằng 1 nếu năm đó phát hành chứng khoán	1,029

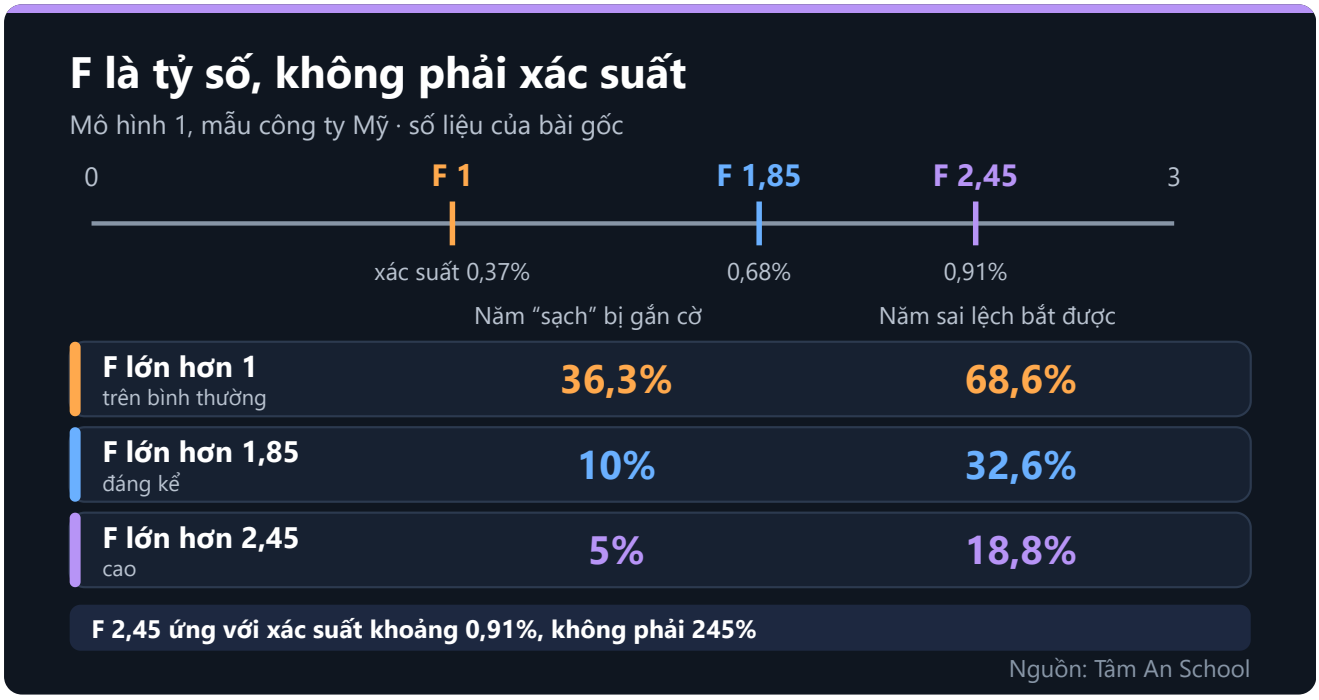
Ba bước: P = hằng số + tổng (hệ số nhân biến); xác suất = e^P / (1 + e^P); F = xác suất / 0,0037 (tỷ lệ năm-công ty sai lệch trong mẫu, 494 trên 133.461). Hệ số dương nghĩa là biến tăng thì F tăng; biến phát hành chỉ nhận 0 hoặc 1, khi bằng 1 nó nhân xác suất lên khoảng e^1,029, tức 2,8 lần.

Hai chi tiết nên biết. Một: trái với kỳ vọng ban đầu của các tác giả, doanh thu thu tiền tăng trong các kỳ sai lệch, nên ch_cs có hệ số dương. Hai: dồn tích RSST rút gọn được. Theo định nghĩa của bài gốc, ba nhóm cộng lại bằng thay đổi của (tổng tài sản - tiền - nợ phải trả - cổ phiếu ưu đãi); không có cổ phiếu ưu đãi thì đó là thay đổi của (vốn chủ - tiền) chia tổng tài sản bình quân (Tâm An rút gọn, kiểm bằng Python).

Cách đọc điểm F: ba mốc và giới hạn của chúng

Bài gốc đưa ba mốc; mốc 1 và 2,45 là quy tắc ngón tay cái của các tác giả, mốc 1,85 nằm ở chú thích hình 2.

F lớn hơn	Nhãn trong bài gốc	Năm-công ty "sạch" bị gắn cờ	Năm-công ty sai lệch bắt được
1	trên bình thường	36,3%	68,6%
1,85	đáng kể	10%	32,6%
2,45	cao	5%	18,8%



Thang điểm F: F là tỷ số so với mức nền 0,37%, không phải xác suất

Số liệu từ mẫu của bài gốc; sơ đồ khái niệm.

Ba cách đọc. **Một, F là tỷ số.** F bằng 2,45 ứng với xác suất khoảng 0,91% (2,45 nhân 0,0037), không phải 245%. **Hai, mốc cao vẫn bỏ sót nhiều.** Ở mốc 2,45, bắt được 93 trên 494 năm sai lệch (18,8%); 401 năm còn lại (81,2%) nằm dưới mốc, nên điểm thấp không chứng minh báo cáo sạch. **Ba, cờ phần lớn là báo động giả.** Cùng mốc, có 6.665 năm "sạch" bị gắn cờ so với 93 năm sai lệch; tính lại, chỉ khoảng 1,4% số năm bị gắn cờ là năm sai lệch (93 trên 6.758), đúng cho mẫu có tỷ lệ nền 0,37% của bài gốc.

Thêm hai điều: nhóm một phần năm điểm cao nhất (F từ 1,397) chứa 51,01% năm sai lệch so với 20% nếu ngẫu nhiên; và chính các tác giả gọi F là bước sàng lọc đầu. Nhãn "sai lệch" lấy từ thông cáo xử lý, nên công ty có sai lệch nhưng chưa bị xử lý nằm sẵn trong nhóm "sạch".

Ví dụ minh hoạ: công ty Thanh giả định, hai phương án

Số liệu **giả định**, tỷ đồng, tính lại bằng Python. Công ty Thanh là doanh nghiệp sản xuất, không có cổ phiếu ưu đãi, đầu tư tài chính hay cổ tức. Năm N doanh thu 1.400 và lợi nhuận 90 ở cả hai phương án; khác nhau ở cách mở rộng.

	N-2	N-1	N, phương án 1	N, phương án 2
Tổng tài sản	900	1.000	1.100	1.300
Tiền	90	100	100	80
Phải thu	160	180	230	360
Tồn kho	200	220	260	380
Tài sản cố định ròng	400	440	450	420
Tài sản khác	50	60	60	60
Vốn chủ sở hữu	450	520	610	700
Doanh thu	1.000	1.200	1.400	1.400
Lợi nhuận	55	70	90	90

Phương án 1: phải thu và tồn kho tăng vừa phải, vốn chủ tăng nhờ lợi nhuận giữ lại (520 + 90 = 610). Phương án 2: bán chịu mạnh cho kênh phân phối mới, dự trữ nhiều hàng, phát hành thêm cổ phiếu 90 (vốn chủ 520 + lợi nhuận 90 + 90 = 700). Tính phương án 2: tổng tài sản bình quân (1.000 + 1.300) / 2 = 1.150; ch_rec = (360 - 180) / 1.150 = 0,1565; tài sản mềm = (1.300 - 420 - 80) / 1.300 = 0,6154; rsst_acc = [(700 - 80) - (520 - 100)] / 1.150 = 0,1739.

Biến	PA 1: giá trị	PA 1: đóng góp	PA 2: giá trị	PA 2: đóng góp
rsst_acc	0,0857	+0,068	0,1739	+0,137
ch_rec	0,0476	+0,120	0,1565	+0,394
ch_inv	0,0381	+0,045	0,1391	+0,166
soft_assets	0,5000	+0,990	0,6154	+1,218
ch_cs	0,1441	+0,025	0,0339	+0,006
ch_roa	0,0120	-0,011	0,0046	-0,004
issue	0	0	1	+1,029
P = -7,893 + tổng		-6,657		-4,947
F		**0,35**		**1,91**



Công ty Thanh giả định: đóng góp của từng biến vào điểm F ở hai phương án, F 0,35 và 1,91

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Phương án 1 có F 0,35, thấp hơn mức nền. Phương án 2 có F 1,91: trên 1, vượt mốc 1,85, dưới 2,45. Tổng đóng góp tăng từ 1,236 lên 2,946, và riêng biến phát hành chiếm 1,029, khoảng 60% mức tăng; bỏ biến này, phương án 2 chỉ còn F 0,68. Tài sản mềm đóng góp lớn nhất ở cả hai phương án: mỗi 10 điểm phần trăm tài sản mềm nhân F với khoảng 1,22.

Số kỳ thu tiền (phải thu cuối năm chia doanh thu nhân 365) là 55 ngày năm N-1, 60 ngày ở phương án 1, 94 ngày ở phương án 2: có thể do kênh mới được cấp hạn thanh toán dài, có thể do thu tiền chậm, điểm F không phân biệt được. Việc của người đọc là mở thuyết minh: tuổi nợ phải thu, tồn kho theo loại, mục đích phát hành cổ phiếu.

Nghiên cứu ở Việt Nam: tên mô hình giống, hệ số khác

Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy và Lăng Trịnh Mai Hương (VNU, 2021) dùng khung bảy biến của F-score cho 3.684 báo cáo năm của 307 công ty niêm yết, 2007 đến 2018. Nhóm tác giả không dùng hệ số của Dechow mà ước lượng lại bằng hồi quy logit, với biến cần giải thích là chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán vượt 5% hoặc 10%, khác nhãn "thông cáo xử lý" của bài gốc. Kết quả: dồn tích RSST mang dấu âm ở cả 8 cột (-2,056 đến -1,084), ngược hệ số dương 0,790 của mô hình Mỹ; tài sản mềm mang dấu dương, ý nghĩa 1% ở cả 8 cột (0,996 đến 1,507); sức giải thích thấp (pseudo R bình phương 0,023 đến 0,069). Các tác giả nhận xét mức ảnh hưởng của phần lớn nhân tố là không đáng kể. Mẫu, thời kỳ và nhãn đều khác, nên không thể mang hệ số -7,893 sang số Việt Nam rồi đọc mốc 1,85 hay 2,45 như vạch phân loại.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Hỏi "F của ai":** Piotroski, Dechow hay Beneish; hệ số lấy từ đâu.

2. **Kiểm ngành:** các biến giả định cấu trúc báo cáo phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán cần cách khác (bài riêng ở Đọc thêm).
3. **Tách điểm thành đóng góp** như bảng công ty Thanh để biết biến nào kéo F lên; biến 0 hoặc 1 như phát hành vốn có thể chiếm phần lớn.
4. **Mở đúng mục thuyết minh:** phải thu và tuổi nợ, tồn kho, vốn chủ (phát hành, cổ phiếu thưởng), tài sản cố định.
5. **So nhiều năm và cùng nhóm ngành** thay cho một mốc đơn lẻ; điểm cao lặp lại hay chỉ một lần?

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính các biến theo định nghĩa trên, đặt đóng góp từng biến cạnh nhau qua các năm và trỏ tới mục thuyết minh cần đọc; chỉ là công cụ sàng lọc, không công bố danh sách mã "vượt ngưỡng".

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Thanh và mọi con số ví dụ là giả định; 0,35, 1,91, 2,8 lần không phải ngưỡng.
- Hệ số Mô hình 1 lấy từ công ty Mỹ (dữ liệu 1979 đến 2002), nhãn lấy từ thông cáo xử lý 1982 đến 2005; chưa thấy kiểm định đúng hệ số này cho Việt Nam.
- Cách ánh xạ sang báo cáo Việt Nam là của Tâm An; "lợi nhuận" của bài gốc là lợi nhuận trước các khoản bất thường, ví dụ dùng lợi nhuận sau thuế.
- Bài chỉ nói Mô hình 1, không dựa trên quy định pháp luật nào; điểm F không phải chỉ tiêu bắt buộc công bố.

Đừng nói quá

- Không viết "F trên 2,45 nghĩa là công ty gian lận" hay "F dưới 1 nghĩa là báo cáo sạch": mô hình bỏ sót 81,2% năm sai lệch ở mốc 2,45.
- Không đọc F như xác suất phần trăm, và không nhầm ba mô hình có chữ F hoặc chữ M.
- Không áp mốc 1,85 hay 2,45 cho doanh nghiệp Việt Nam như vạch phân loại.
- Không suy ra doanh nghiệp thật từ ví dụ. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm F cao, hay một biến kéo điểm lên, là tín hiệu để mở đúng mục thuyết minh, chưa phải bằng chứng về chất lượng báo cáo. Nhiều nguyên nhân hợp lý cùng làm F tăng: mở rộng nhanh, bán chịu cho kênh mới, dự trữ hàng, phát hành cổ phiếu huy động vốn. Chỉ kiểm toán độc lập và cơ quan quản lý mới đủ căn cứ kết luận.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; bài gốc của Dechow và cộng sự đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- Dechow, Ge, Larson, Sloan (2011), Contemporary Accounting Research 28(1): 17-82 (mức A, đọc toàn văn): hệ số (bảng 7, tr. 55-56), định nghĩa biến (bảng 3, tr. 35-36), cách tính F (tr. 60-62), hình 2 (tr. 63).

- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49 (đọc toàn văn, bảng 5, tr. 48).
- Richardson, Sloan, Soliman, Tuna (2005) về dồn tích RSST (bản thảo, mức B). Piotroski (2000), Beneish (1999) chỉ nêu để phân biệt tên. Ví dụ công ty Thanh tự đặt, tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào
- Piotroski F-Score gồm 9 tiêu chí nào
- Mô hình sàng lọc cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản
- Nghiên cứu 30 doanh nghiệp sản xuất nói gì về M-Score và Z-Score

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Điểm F của Dechow là tỷ số giữa xác suất mà mô hình tính được và xác suất nền 0,0037 của mẫu Mỹ, tính từ bảy biến; F bằng 1 là ngang mức nền, F không phải xác suất, và tên F-Score trùng với mô hình khác của Piotroski (0 đến 9 điểm). Công ty Thanh giả định có F 0,35 và 1,91 dù doanh thu, lợi nhuận bằng nhau, vì phương án sau bán chịu, dự trữ và phát hành cổ phiếu nhiều hơn. Mốc 1, 1,85, 2,45 của bài gốc bỏ sót phần lớn năm sai lệch và gắn cờ nhiều năm bình thường; hệ số Mỹ không dùng được như vạch phân loại ở Việt Nam. Đây chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/dechow-f-score-khac-beneish-m-score-va-piotroski-f-score-the-nao

Đọc một nghiên cứu về dự báo “gian lận” báo cáo tài chính: bảy câu hỏi cần đặt ra

Câu trả lời ngắn

Một nghiên cứu về dự báo "gian lận" báo cáo tài chính chỉ đọc đúng khi bạn hỏi được bảy câu: mẫu là ai và bao nhiêu; "gian lận" đo bằng gì; dữ liệu thuộc thời kỳ nào; dấu hệ số trong bảng có khớp tóm tắt không; bao nhiêu cờ nhầm; đã thử ngoài mẫu chưa; kết quả của một nhóm có áp được cho một doanh nghiệp không. Bài lấy ba nghiên cứu Việt Nam (JABES 2024, VNU 2021, AISC 2025) làm ví dụ đọc, không xét chúng đúng hay sai, và thêm một nghiên cứu giả định để bạn tự làm phép chia. Cả ba đo "gian lận" bằng một nhãn đại diện, không phải kết luận của cơ quan có thẩm quyền; vì vậy kết quả là tín hiệu thống kê của một nhóm, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp.



Bảy câu hỏi khi đọc một nghiên cứu dự báo báo cáo tài chính

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Ba nghiên cứu dùng làm ví dụ

Nghiên cứu	Mẫu	Thời kỳ	Nhãn "gian lận" là
JABES 2024 (Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự)	3.370 quan sát, 350 doanh nghiệp, loại ngân hàng và tài chính	2013 đến 2022	Dồn tích bất thường
VNU 2021 (Bùi Phương Chi và cộng sự)	3.684 báo cáo năm, 307 công ty	2007 đến 2018	Chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, ngưỡng 5% hoặc 10%
AISC 2025 (Hoang Hung Dau)	150 quan sát, 30 doanh nghiệp sản xuất	2019 đến 2023	Khớp với chênh lệch lợi nhuận ròng trước và sau kiểm toán từ 5%

"Quan sát" là một doanh nghiệp trong một năm. Tâm An đã đọc toàn văn cả ba; cách tóm tắt là của Tâm An, kèm số bảng và trang in để bạn đối chiếu.



Ba nghiên cứu Việt Nam, ba nhãn khác nhau

Sơ đồ khái niệm, không có số liệu thật.

Bảy câu hỏi và ví dụ đọc

1. Mẫu là ai, bao nhiêu? AISC có 150 quan sát nhưng chỉ 30 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp năm năm; VNU có 3.684 báo cáo của 307 công ty, trung bình 12 năm mỗi công ty. Các năm liên tiếp của một công ty thường giống nhau, nên số doanh nghiệp độc lập ít hơn số quan sát (nhận xét của Tâm An). Hãy xem cả nhóm bị loại: JABES loại ngân hàng và tài chính, AISC chỉ lấy doanh nghiệp sản xuất.

2. "Gian lận" được đo bằng gì? JABES dùng dồn tích bất thường: phần chênh lệch giữa lợi nhuận và dòng tiền hoạt động mà phương trình theo doanh thu, phải thu và tài sản cố định không giải thích được (mục 2.2). Bài nêu rằng quản trị lợi nhuận, dù không vi phạm nguyên tắc kế toán, vẫn thoả định nghĩa gian lận mà bài dùng (mục 2.1): kết quả nói về quản trị lợi nhuận, chưa phải về vi phạm. VNU gán nhãn theo chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán và tự nêu đó là hạn chế (tr.49); khung gốc của Dechow và cộng sự (2011) đo sai phạm bằng thông cáo xử lý của cơ quan chứng khoán Mỹ. AISC viện dẫn Thông tư 96/2020, nhưng Điều 14 khoản 4 điểm c chỉ yêu cầu giải trình nguyên nhân khi lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên (mức A): đó là nghĩa vụ giải trình, không phải phân loại báo cáo. Ví dụ giả định: lợi nhuận sau thuế tự lập của công ty Yến là 100 tỷ đồng, sau kiểm toán còn 94 tỷ vì trích thêm dự phòng phải thu. Chênh 6 tỷ, tức 6,4% khi chia cho số sau kiểm toán (cách VNU mô tả), nên Yến mang nhãn chênh lệch lớn dù nguyên nhân là một ước tính kế toán.

3. Dữ liệu thuộc thời kỳ nào? JABES gồm cả giai đoạn ổn định lẫn dịch bệnh và lạm phát (mục 5.1). Tóm tắt tiếng Anh của VNU ghi 2007 đến 2008, còn thân bài ghi 2007 đến 2018; 3.684 chia 307 bằng 12 khớp với 12 năm: đọc thân bài và bảng, đừng chỉ đọc tóm tắt. AISC dùng ngưỡng 5% của Thông tư 96/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021 (Điều 40 khoản 1), nên hai năm đầu của mẫu nằm trước ngày đó; Tâm An chưa đối chiếu quy định thời trước. Báo cáo từ năm tài chính 2026 lập theo Thông tư 99/2025, mã số chỉ tiêu đánh lại: tính lại "dồn tích" hay "tài sản mềm" cho kỳ mới thì ghép theo tên dòng, không theo mã số.

4. Dấu hệ số có khớp tóm tắt không? Tóm tắt của JABES nói doanh nghiệp tỷ lệ nợ cao gia tăng hành vi; Bảng 7 (tr.90) cho hệ số tỷ lệ nợ là -0,0574, ý nghĩa 1%, theo FGLS, và +0,0346, không có ý nghĩa, theo FEM. Hình chữ U chỉ hiện ở mô hình bậc hai (Bảng 9), nơi hệ số bậc hai của tỷ lệ nợ, 0,0549, chỉ ý nghĩa ở mức 10%. Ở VNU, tóm tắt nói công ty càng lâu năm, quy mô càng lớn và đã niêm yết thì càng có khuynh hướng "gian lận" cao hơn; trong Bảng 4 và 5, hệ số "niêm yết" âm ở cả 8 cột có biến kiểm soát, tuổi có ý nghĩa ở 1 trong 8 cột. Biến dồn tích RSST âm ở 8 trên 8 cột, trái giả thuyết của chính tác giả.

5. Có bao nhiêu cờ nhầm? "Có ý nghĩa thống kê" khác "dự báo tốt". Trong 16 mô hình của VNU, pseudo R2 chỉ từ 0,020 đến 0,069, và tác giả viết mức ảnh hưởng của phần lớn các nhân tố đều không đáng kể (tr.48); R2 của mô hình FEM trong JABES là 10,18%. AISC tự nêu độ nhạy của M-Score còn thấp; Tâm An tính lại từ Bảng 3: trong 22 quan sát bị gắn cờ, 5 có chênh lệch từ 5% trở lên (xem hai bài ở Đọc thêm). Cách kiểm nhanh: dựng bảng bốn ô rồi chia ba lần (ví dụ bên dưới).

6. Đã thử ngoài mẫu chưa? Mô hình luôn khớp khá tốt với dữ liệu dựng nó; điều đáng hỏi là nó còn đúng ở dữ liệu chưa thấy. Trong phần Tâm An đã đọc, JABES kiểm định trên toàn bộ 3.370 quan sát; VNU tự ước lượng phương trình và điểm phân định trên cùng mẫu rồi đề xuất cho nhà đầu tư và kiểm toán viên, không thấy phép thử ở mẫu hay giai đoạn tách riêng; AISC dùng hệ số gốc của Beneish trên mẫu nhỏ và kết luận cần hiệu chỉnh. Đây là nhận xét của người đọc, có thể bỏ sót.

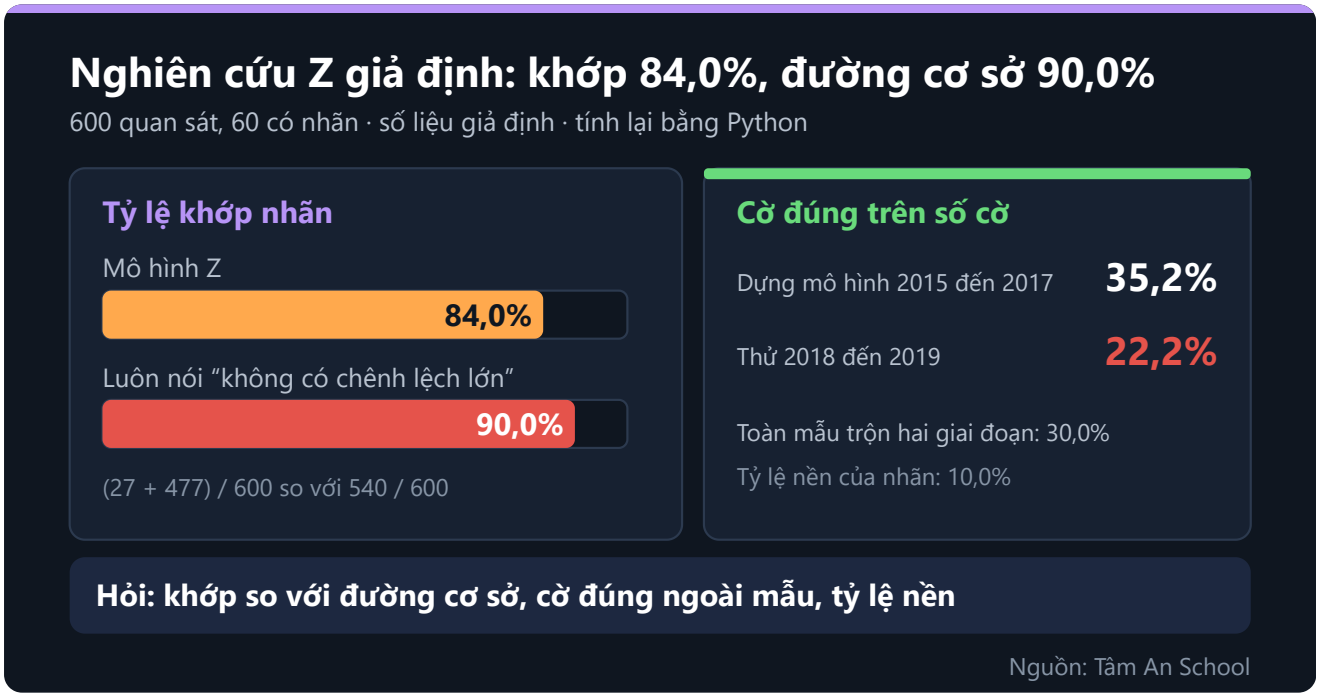
7. Kết quả của nhóm có áp cho một doanh nghiệp không? Hệ số trung bình của nhóm không cho biết doanh nghiệp nào nằm ở đâu. JABES nêu điểm đổi chiều của hình chữ U ở tỷ lệ nợ 0,903 và logarit vốn chủ sở hữu 27,23, tương đương 669,6 tỷ đồng. Tâm An tự tính lại từ hệ số in ở Bảng 9: 0,0536 chia cho 2 lần 0,0009 bằng 29,8, khoảng 8,7 nghìn tỷ đồng, vì hệ số bậc hai chỉ in bốn chữ số thập phân; sai lệch làm tròn nhỏ đủ đổi ngưỡng từ vài trăm tỷ lên hàng nghìn tỷ. Chính tác giả nêu mô hình mới đo nhân tố áp lực, chưa có cơ hội và sự biện hộ (tr.94).

Ví dụ minh hoạ: nghiên cứu giả định Z và công ty Yến

Số liệu **giả định**, Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python. Nghiên cứu Z có 600 quan sát (120 doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp năm năm, 2015 đến 2019). Nhãn là chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, có ở 60 quan sát (10,0%). Tóm tắt viết: mô hình phân loại đúng 84,0% quan sát. Mô hình được dựng trên 2015 đến 2017, rồi thử trên 2018 đến 2019.

Mẫu	Quan sát	Có nhãn	Bị gắn cờ	Cờ đúng	Cờ đúng / cờ	Bắt được / có nhãn
Toàn mẫu	600	60	90	27	30,0%	45,0%
2015 đến 2017 (dựng mô hình)	360	36	54	19	35,2%	52,8%
2018 đến 2019 (thử)	240	24	36	8	22,2%	33,3%

Ba phép chia. **Một**, tỷ lệ khớp (27 + 477) / 600 = 84,0%, trong đó 477 là quan sát không cờ và không nhãn (600 - 60 - 63). Nếu gắn "không có chênh lệch lớn" cho mọi quan sát thì khớp 540 / 600 = 90,0%: con số 84,0% thấp hơn đường cơ sở. **Hai**, trong 90 cờ có 27 cờ đúng, 30,0%, gấp 3,0 lần tỷ lệ nền 10,0%: lá cờ có thông tin, nhưng 63 cờ, 70,0%, rơi vào quan sát không nhãn. **Ba**, ở giai đoạn thử, cờ đúng giảm từ 35,2% xuống 22,2% và tỷ lệ bắt được ca có nhãn từ 52,8% xuống 33,3%; số của toàn mẫu trộn hai giai đoạn.



Nghiên cứu Z giả định: khớp 84,0% thấp hơn đường cơ sở 90,0%; cờ đúng giảm từ 35,2% xuống 22,2% khi thử ở giai đoạn sau

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Công ty Yến là công ty bất động sản giả định, tỷ đồng: tổng tài sản 3.000, nợ phải trả 2.760 (người mua trả tiền trước 1.200, vay 900, phải trả khác 660), vốn chủ sở hữu 240. Nợ trên tổng tài sản là 2.760 / 3.000 = 92,0%, bên phải điểm 0,903 của JABES; nhưng vốn chủ sở hữu 240 tỷ nằm bên trái mốc 669,6 tỷ, phía

mà bài diễn giải là ít hành vi hơn. Hai vị trí cho hai hướng ngược nhau về cùng một công ty. Giả sử mô hình Z gắn cờ Yến: theo bảng trên, xác suất một quan sát bị cờ có nhãn khoảng 22,2% đến 30,0%, tức khoảng bảy đến tám trên mười khả năng là không có chênh lệch lớn.

Cách đọc trên báo cáo

Khi cầm một nghiên cứu, mở đúng chỗ: phần dữ liệu và bảng thống kê mô tả cho câu 1; bảng định nghĩa biến cho câu 2 (viết một dòng "gian lận ở đây nghĩa là ..."); tóm tắt, thân bài và đầu bảng cho câu 3; bảng hồi quy cho câu 4 (đếm số cột cùng dấu, so với giả thuyết); bảng phân loại hoặc R2 cho câu 5 (chỉ có chữ "độ chính xác" thì dựng lại bốn ô); phần mẫu kiểm tra riêng cho câu 6; đoạn hạn chế và kết luận cho câu 7.

Trên báo cáo của doanh nghiệp, nhãn của hai trong ba nghiên cứu tương ứng với việc đặt lợi nhuận sau thuế của báo cáo tự lập cạnh số đã kiểm toán rồi đọc phần giải trình (Thông tư 96/2020, Điều 14 khoản 4).

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để mỗi điểm sàng lọc đi kèm dòng ghi mẫu, nhãn và giới hạn của nghiên cứu đứng sau nó; chỉ là công cụ sàng lọc, bài không nêu mã cụ thể.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty Yến, nghiên cứu Z và mọi con số của chúng là giả định; 84,0%, 90,0%, 30,0% không phải ngưỡng.
- Số của ba nghiên cứu được trích kèm điều kiện (mẫu, giai đoạn, mô hình); hệ số và điểm phân định của VNU và JABES là của mẫu đó, không dùng để chấm điểm một doanh nghiệp. Con số 29,8 là phép tính ngược của Tâm An. Bài không đưa tên doanh nghiệp nào vào.
- Theo các văn bản đã đối chiếu, Điều 14 của Thông tư 96 chưa bị sửa; có dự thảo thông tư thay thế (05/10/2026) chưa ban hành.

Đừng nói quá

- Không viết "nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp nợ trên 90% gian lận": nhãn là dồn tích bất thường, hệ số bậc hai chỉ ý nghĩa ở mức 10%, mô hình giải thích khoảng một phần mười.
- Không viết "nghiên cứu sai" chỉ vì tóm tắt lệch bảng; đó là lý do đọc bảng.
- Không dùng điểm hay xác suất của một nghiên cứu làm kết luận về một doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một nghiên cứu hấp dẫn, hoặc một điểm sàng lọc cao dựa trên nó, là tín hiệu để hỏi bảy câu trên và đọc thêm thuyết minh, dòng tiền, báo cáo kiểm toán; chưa phải bằng chứng về một doanh nghiệp. Còn nhiều nguyên nhân hợp lý: ước tính kế toán được kiểm toán điều chỉnh, đổi chính sách, tăng trưởng nhanh, đặc thù ngành.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; ba nghiên cứu đọc toàn văn; Thông tư 96/2020 và Thông tư 99/2025 đọc từ Công báo, đối chiếu lại ngày 26/10/2026.

- Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự (2024), JABES 35(4): 78-97 (tr.80-94); Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49 (tr.44-49); Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings tập 7, tr.177-186 (tr.179-183).
- Dechow, Ge, Larson, Sloan (2011), Contemporary Accounting Research 28(1): 17-82: phần mẫu và cách đo sai phạm (mức A).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC (mức A): Điều 14 khoản 4 điểm c, Điều 40 khoản 1. Thông tư 99/2025/TT-BTC (mức A): áp dụng từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026, thay Thông tư 200.
- Nghiên cứu Z và công ty Yến: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 26/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Nghiên cứu 30 doanh nghiệp sản xuất nói gì về M-Score và Z-Score
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho mọi ngành không
- Piotroski F-Score gồm 9 tiêu chí nào

Đây là bài thứ 50, bài cuối của Phần hai trong chuỗi. Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Bạn có thể tải file PDF đầy đủ của series, miễn phí, tại trang tamanchungkhoan.vn/bctc.

Bảy câu hỏi khi đọc một nghiên cứu dự báo "gian lận" báo cáo tài chính: mẫu là ai và bao nhiêu; nhãn đo bằng gì; thời kỳ nào; dấu hệ số trong bảng có khớp tóm tắt không; bao nhiêu cờ nhầm; đã thử ngoài mẫu chưa; kết quả của nhóm có áp cho một doanh nghiệp không. Trong ví dụ giả định, mô hình khớp 84,0% nhưng luôn nói "không có chênh lệch lớn" khớp 90,0%, và tỷ lệ cờ đúng giảm từ 35,2% xuống 22,2% khi thử ở giai đoạn sau. Đây là tín hiệu thống kê của một nhóm, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doc-mot-nghien-cuu-ve-du-bao-gian-lan-bao-cao-tai-chinh